

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

WILL & ARIEL DURANT

PHẦN XI

VĂN MINH THỜI ĐẠI NAPOLÉON

The Age of Napoleon



TẬP 2

TRIỀU ĐẠI NAPOLÉON

Bùi Xuân Linh dịch



NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

IREĐ
INSTITUTE OF EDUCATION

TRIỀU ĐẠI NAPOLÉON

THE STORY OF CIVILIZATION (11 Volumes)

Copyright © 1975 by Will Durant and Ariel Durant

All rights reserved.

Published by arrangement with the original Publisher,
Simon & Schuster, Inc.

TRIỀU ĐẠI NAPOLEON

Được dịch từ Book 2, “NAPOLEON ASCENDANT” của Volume XI,
THE AGE OF NAPOLEON, thuộc Bộ *THE STORY OF CIVILIZATION*

Viện Giáo Dục IRED nắm giữ quyền biên dịch, xuất bản và phát hành ấn bản tiếng Việt của **Bộ sách Lịch sử Văn minh Thế giới** (gồm 11 Volumes) của tác giả Will & Ariel Durant theo Hợp đồng nhượng quyền giữa Simon and Schuster và Viện Giáo Dục IRED.

Bản quyền tác phẩm (gồm 11 Phần/11 Volumes) đã được bảo hộ.
Bất cứ sự xuất bản, phát hành, sao chép hay trích dẫn nào từ bộ sách này mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Viện Giáo Dục IRED đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền Quốc tế và Công ước Bảo hộ Quyền sở hữu trí tuệ Berne.

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI
WILL & ARIEL DURANT

PHẦN XI
VĂN MINH THỜI ĐẠI NAPOLÉON
The Age of Napoleon

TẬP 2
TRIỀU ĐẠI NAPOLÉON

Bùi Xuân Linh *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

IREĐ
INSTITUTE OF EDUCATION

Mục lục

Đôi lời chia sẻ từ IRED Books	xi
Đôi lời từ dịch giả	xv
Danh mục hình ảnh	xix
Tỷ giá các loại tiền tệ	xxi
Chương 1: Chế độ Tổng tài: 11.11.1799 – 18.5.1804	1
I. Bản hiến pháp mới	1
1. Các Tổng tài	1
2. Các bộ trưởng	11
3. Sự đón nhận bản Hiến pháp	19
II. Các chiến dịch của chế độ tổng tài	23
III. Tái thiết nước pháp: 1802–1803	44
1. Bộ Luật Napoléon: 1801–1804	45
2. Bản Giáo ước (Concordat) năm 1801	49
IV. Những nẻo đường vinh quang	56
V. Âm mưu vĩ đại: 1803–1804	64
VI. Đường đến đế quốc: 1804	70
Chương 2: Đế quốc mới: 1804–1807	77
I. Đăng quang: 2.12.1804	77
II. Đệ tam liên minh: 1805	84
III. Austerlitz: 2.12. 1805	88
IV. Người lập bản đồ: 1806–1807	95
V. Jena, Eylau, Friedland: 1806–1807	100
VI. Tilsit: 25 tháng Sáu – 9 tháng Bảy năm 1807	110

Chương 3: Vương quốc Trần gian: 1807–1811	116
I. Gia đình Bonaparte	116
II. Chiến tranh bán đảo: Phần I (18.10.1807 – 21.8.1808)	133
III. Chòm tinh tú ở Erfurt: 27 tháng chín – 14 tháng mười năm 1808	140
IV. Chiến tranh bán đảo: Phần I (29.10.1808 – 16.11.1809)	146
V. Fouché, Talleyrand, và nước Áo: 1809	150
VI. Hôn nhân và chính trị: 1809–1811	156
 Chương 4: Con người Napoléon	 165
I. Thân thể	165
II. Tinh thần	170
III. Tính cách	174
IV. Vị tướng	182
V. Nhà cai trị	190
VI. Nhà triết học	197
VII. Ông là ai?	206
 Chương 5: Nước Pháp thời Napoléon: 1800–1815	 210
I. Kinh tế	210
II. Những người thầy	218
III. Các chiến binh	224
IV. Đạo đức và lễ nghi	229
V. Phu nhân Récamier	235
VI. Người Do Thái ở Pháp	240
 Chương 6: Napoléon và nghệ thuật	 246
I. Âm nhạc	246
II. Hợp tuyển	248
III. Giới họa sĩ	255
IV. Sân khấu	262

Chương 7: Văn chương với Napoléon	267
I. Nhà kiểm duyệt	267
II. Phu nhân de Staël: 1799–1817	270
1. Nữ thần báo ứng của Napoléon	270
2. Tác giả	274
3. Du khách	281
4. Am hiểu nước Đức	287
5. Chiến thắng không trọn vẹn	294
VI. Benjamin Constant: 1767–1816	299
VII. Chateaubriand: 1768–1815	310
1. Tuổi trẻ	310
2. Sự phát triển	318
3. <i>Le Génie du christianisme</i> (<i>The Genius of Christianity</i>)	325
4. <i>René</i>	330
5. Chateaubriand và Napoléon	332
Chương 8: Khoa học và triết học thời Napoléon	339
I. Toán học và vật lý	339
II. Y học	345
III. Sinh vật học	349
1. Cuvier (1769–1832)	349
2. Lamarck (1744–1829)	353
III. Tinh thần là gì?	358
IV. Trường hợp ủng hộ chủ nghĩa bảo thủ	363
Chú thích	376
Phụ lục	389
Bảng dẫn	394

Đôi lời chia sẻ từ IRED Books

Quý vị đang cầm trên tay một trong những tập sách nằm trong bộ “biên niên sử” đồ sộ về các nền văn minh trải dài trong suốt 2.500 năm lịch sử của nhân loại: “LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI - THE STORY OF CIVILIZATION” - một trong những bộ sách về lịch sử các nền văn minh thành công nhất và phổ biến nhất từ trước đến nay trên thế giới!

Hầu như ai trong chúng ta cũng muốn trở thành con người văn minh, gia đình nào cũng muốn trở thành gia đình văn minh, tổ chức nào cũng muốn trở thành tổ chức văn minh, đất nước nào cũng muốn trở thành quốc gia văn minh.

Nhưng thế nào là “*văn minh*”, và làm sao chúng ta có thể tìm hiểu và học hỏi từ các nền văn minh trên thế giới từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây một cách nhanh nhất và trọn vẹn nhất để làm giàu văn minh của chính mình, gia đình mình, tổ chức mình và dân tộc mình?

Lời đáp nằm ở Bộ sách LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI - THE STORY OF CIVILIZATION của tác giả Will & Ariel Durant mà IRED Books đã kỳ công mua bản quyền, tổ chức biên dịch, chú giải và lần đầu tiên xuất bản trọn bộ tại Việt Nam. Bộ sách này đặc biệt không chỉ được viết cho giới nghiên cứu, học thuật hay giới thức giả, mà còn được viết cho độc giả *đại chúng* nhằm giúp đông đảo mọi người có thể tiếp cận với các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại.

Để hoàn tất bộ *The Story of Civilization* bao gồm 11 Phần này (mỗi Phần gồm 4-5 Tập sách), tác giả Will Durant & Ariel Durant đã dồn mọi tâm sức và làm việc miệt mài suốt gần nửa thế kỷ (từ 1929 đến 1975) để tạo nên một thể loại mới mà họ gọi là “lịch sử tích hợp” (integral history) thông qua ngòi bút “kể chuyện” bậc thầy, nhằm thể hiện một cách sinh động nhất những gì đã góp phần vào việc hình thành, phát triển và cả sự suy tàn của các nền văn minh.

Chúng ta không nhất thiết phải đọc từ đầu đến cuối theo thứ tự từng Phần hay từng Tập hay từng Chương của Bộ sách này, mà người đọc có thể dễ dàng chọn đọc để tìm hiểu bất kỳ giai đoạn lịch sử hay bất kỳ nền văn minh nào trong Bộ sách mà mình quan tâm, như thể đây một cuốn “*từ điển văn minh*” đầy những trải nghiệm mang lại cho chúng ta những hiểu biết cô đọng về các nền văn minh trải dài trong lịch sử nhân loại.

Chính vì thế, công trình truyền đời này đã dễ dàng đi vào lòng người đọc trên khắp thế giới và mang trong mình tính kinh điển & bất hủ của nó, bởi lẽ hiếm có ai dành trọn cuộc đời mình như ông bà Durant để làm ra bộ sách lịch sử văn minh đồ sộ như vậy. Xuyên suốt chiều dài 2.500 năm lịch sử, bộ sách mô tả văn minh của từng thời đại khác nhau, thể hiện một quan niệm tiến bộ và hài hòa về cách đọc và cách hiểu lịch sử, với đầy đủ các khía cạnh không chỉ bao gồm các cuộc chiến tranh, diễn biến chính trị, tiểu sử của những vĩ nhân hay những tội đồ, mà còn cả văn hoá, nghệ thuật, triết học, tôn giáo, và cả sự trỗi dậy của thông tin đại chúng.

Do đó, chúng ta có thể gọi bộ LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI này là một trong những bộ ghi chép về lịch sử văn minh thành công nhất và phổ biến đại chúng nhất từ trước đến nay. Phần 10 của bộ sách này đã được trao giải Pulitzer năm 1968 về thể loại phi hư cấu; sau đó tác giả bộ sách đã được Tổng thống Gerald Ford trao huân chương cao quý nhất của Chính phủ Mỹ dành cho cá nhân, Huân chương Tự do của Tổng thống năm 1977.

Bộ “Lịch sử Văn minh Thế giới” đã thành công ngoài sức tưởng tượng, đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ, xuất bản ở nhiều nước trên thế giới và là bộ sách không thể thiếu ở vô số các thư viện lớn nhỏ trên khắp toàn cầu. Và nay, Bộ sách đã được IRED Books hoàn tất việc mua bản quyền, tổ chức dịch thuật và chú giải trọn bộ bằng Tiếng Việt dành riêng cho độc giả Việt Nam để có thể cùng được trải nghiệm “biên niên sử” này của nhân loại. Có thể nói, việc dịch bộ sách này ra tiếng nước mình chính là mong muốn của nhiều quốc gia để góp phần giúp người dân nâng cao kiến thức và cảm thức về các nền văn minh quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại, từ đó rút ra bài học quý giá cho chính mình và cho cả dân tộc mình.

Nếu bạn đang cầm trên tay tập sách này, thì có thể nói rằng bạn đang cầm trên tay một “mảnh ghép bất biến” của lịch sử. Nếu sưu tầm đầy đủ 11 Phần của cả Bộ sách này, thì có thể nói rằng bạn đọc đang chứa cả một “kho tàng lịch sử văn minh nhân loại” trong tủ sách nhà mình. Bởi lẽ, tất cả mọi thứ đều có thể thay đổi, nhưng lịch sử thì không. Chính vì thế, dù không thể tránh khỏi những khuyết thiếu nhất định, nhưng bộ sách này vẫn sẽ trường tồn về mặt giá trị và sống mãi theo thời gian

T/M IRED Books
GIẤY TỰ TRUNG

Đôi lời từ dịch giả

Cho đến nay, chắc độc giả Việt Nam không còn xa lạ lắm với tên tuổi của Will Durant và phu nhân của ông là Ariel Durant, cũng như bộ LỊCH SỬ VĂN MINH mà hai ông bà là đồng tác giả.ⁱ Trước năm 1975, cuốn Câu chuyện Triết học nổi tiếng của Will Durant đã được Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản. Về bộ LỊCH SỬ VĂN MINH, học giả Nguyễn Hiến Lê đã giới thiệu với người đọc qua bản lược dịch một số chương chọn lọc của Phần I: *Di sản Phương Đông* và in thành vài cuốn riêng rẽ: *Lịch sử Văn minh Ấn Độ*, *Lịch sử Văn minh Trung Quốc ...* Theo lời Nguyễn Hiến Lê thì “Tác phẩm lớn quá,ⁱⁱ số độc giả nước mình còn ít, dù có người kiên tâm dịch trọn thì cũng không có nhà nào xuất bản nổi.”

Đến nay sau gần năm mươi năm, đất nước thống nhất, dân số phát triển và số người đọc tăng cao, điều kiện thứ nhất coi như thỏa mãn; chỉ còn chờ tâm huyết, thực lực, và sự kiên trì của một nhà xuất bản để đứng ra tổ chức việc dịch thuật và ấn loát trọn vẹn công trình vĩ đại và đầy tính nhân bản này. Và may mắn thay, với IRED Books (thuộc Viện Giáo Dục IRED), những điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện đầy đủ của bộ sách đã được thỏa mãn.

-
- i Trong 11 tập của bộ sử thì sáu tập đầu Will Durant đứng tên tác giả, từ tập thứ bảy trở đi hai Ông Bà ký tên chung: Will và Ariel Durant.
 - ii Nguyên tác tiếng Anh gồm 11 Phần in thành 11 tập khổ lớn, mỗi tập trên dưới 1.000 trang. Bản dịch tiếng Pháp của nhà Rencontre, Thụy Sĩ, gồm 32 cuốn.

Trong đợt ra mắt lần đầu này, IRED Books sẽ giới thiệu Phần cuối,ⁱ tức Phần XI của bộ sách: *Văn minh thời đại Napoléon* mà chúng tôi chia làm bốn tập:

1. Đại Cách mạng Pháp
2. Triều đại Napoléon
3. Văn minh Anh quốc, 1789 - 1812
4. Âu lục và Thời đại Napoléon

Cách trình bày của các tác giả tiện lợi ở chỗ người đọc có thể đọc theo chiều dọc một mạch từ tập 1 đến tập 4 để tìm hiểu về châu Âu vào thời của Napoléon, hoặc tách riêng từng tập để đọc theo chiều ngang như cách mà chúng tôi giới thiệu ở trên, trong đó mỗi tập là một chủ đề được trình bày đầy đủ, có lớp lang. Tương tự, nhìn trong tổng thể 11 phần của bộ sử, người đọc cũng thấy mình có quyền lấy ra phần nào đáng quan tâm nhất, thích thú nhất, để đọc trước, như một tác phẩm hoàn chỉnh.

Nói về Cách mạng Pháp, có lẽ hầu hết chúng ta đều liên tưởng đến khí thế sôi nổi, những kỳ vọng mà nó gọi lên, những sự tàn bạo trong quá trình diễn tiến; cũng như những thành quả về các mặt chính trị, xã hội, văn hoá và ảnh hưởng của nó đối với cả thế giới kể từ khi ra đời năm 1789. Từ hơn hai trăm năm nay, bất cứ cuộc cách mạng nào trên thế giới nhằm lật đổ chế độ quân chủ và phong kiến, hoặc mang màu sắc đấu tranh giai cấp, cũng làm người ta nghĩ đến Cách mạng Pháp.

i Mặc dù có ý định viết đến tận thế kỷ XX, Ông Bà Durant đã phải nói lời từ biệt ở cuối Phần X: Thời đại Rousseau (in năm 1967) vì không đủ thời gian. Tuy nhiên sau đó họ đã xuất bản thêm một Phần nữa, Phần XI: Văn minh thời đại Napoléon, vào năm 1975. Ngoài ra Ông Bà còn để lại nhiều ghi chép cho Phần XII: Thời đại Darwin và dàn ý cho Phần XIII: Thời đại Einstein, mà nếu được xuất bản sẽ kéo dài bộ sách đến tận năm 1945.

Chúng tôi xin mượn lời của các Giáo sư Crane Brinton và Robert Lee Wolff (cùng ở Trường Đại học Harvard) và John B. Christopher (Trường Đại học Rochester) khi nói về cuộc Cách mạng Pháp trong bộ *Văn minh Tây phương*ⁱ mà chúng tôi lấy làm tâm đắc:

Không một cuộc cách mạng vĩ đại nào trong thời cận kim, kể cả cuộc Cách mạng Hoa Kỳ, đã xảy ra trong bầu không khí tung bừng như vậy cả. Dù có tư tưởng tự do, ngày nay không ai có thể nghĩ về cách mạng với một cảm tình như vậy. Những cuộc cách mạng của thế kỷ XX đã không mở màn một thế giới tốt đẹp cho tất cả nhân loại. Chúng đều thoát thai từ những thất bại và tuyệt vọng ... như nước Đức ... hay tại những quốc gia “thuộc địa” chậm tiến phải đương đầu với các trở lực để bước kịp những cường quốc tiên tiến “đế quốc”. Trái lại, cuộc Cách mạng Pháp bùng nổ tại một trong những quốc gia tiến bộ nhất bấy giờ, vào thời bình, và trong bầu không khí tin tưởng và hy vọng.

[Đây là]... Một phong trào đầy tính cách truyền giáo lan rộng như một sách phúc âm lôi cuốn nhiều tín đồ, dù chỉ là những nhóm thiểu số, tại mọi nước Tây phương.

... Ngoài ra, cuộc Cách mạng Pháp còn quan trọng đối với các nhà sử học và xã hội học muốn tìm một số định luật tổng quát của cách mạng. Từ đó đến nay, mọi nhà cách mạng như đảng Carbonari ở Ý đầu thế kỷ XIX, hay Lenin và Trotsky đầu thế kỷ XX, và Ben Bella ở Algérie mới đây... đều đã nghiên cứu Cách mạng Pháp rất kỹ lưỡng. Những người tìm hiểu cách mạng khác nhau đã tìm thấy ở Cách mạng Pháp một cái mẫu mực gần như điển hình hay cổ điển, với vô số tài liệu, văn kiện lịch

ⁱ Crane Brinton et al, Văn minh Tây phương, bản dịch của Nguyễn Văn Lương. Bộ Văn hoá Giáo dục & Thanh niên xuất bản, Sài gòn, 1974.

sử có đầu có đuôi rõ ràng, có tiến trình, có động lực, có tăng trưởng, dễ mô tả và phân tích. So với những biến cố thời nay, cuộc Cách mạng Pháp hầu như quá xa xưa nhưng thực ra thì không xa lạ gì lắm đối với những tình cảm, những thành kiến, những lý tưởng của chúng ta. Thực ra, cuộc Cách mạng Pháp vẫn còn tiếp diễn, và vì vậy khó mà xét một cách hoàn toàn khách quan được.

Giai đoạn lịch sử đầy hứng khởi, đau thương và huy hoàng này chỉ có mười năm nhưng chứa đầy các nhân vật và sự kiện quan trọng cùng những liên hệ đến lịch sử, văn hoá cổ đại thời Hy - La được thể hiện qua ngòi bút tài hoa nhưng súc tích của Ông Bà Durant. Do đó, để tiện việc tra cứu của bạn đọc, chúng tôi đã đưa vào một số cước chú. Ngoài ra, trong nguyên tác có chứa nhiều tiếng Pháp. Trường hợp này chúng tôi không đưa xuống cước chú mà chuyển sang tiếng Việt ngay bên cạnh và đặt trong ngoặc vuông.

Như thường lệ, chúng tôi xin hoan nghênh góp ý của bạn đọc về mọi sai sót chắc không sao tránh khỏi để hoàn thiện cuốn sách thêm nữa trong lần tái bản.

Tháng Chín 2019
Dịch giả BÙI XUÂN LINH

Danh mục hình ảnh

Hình 1.	Hoàng đế Napoléon trong thư phòng tại Điện Tuileries	2
Hình 2.	Đệ nhất Tổng tài Napoléon Bonaparte	4
Hình 3.	Emmanuel-Joseph Sieyès	7
Hình 4.	Joseph Fouché (Họa sĩ vô danh)	15
Hình 5.	Talleyrand (Pierre-Paul Prud'hon)	17
Hình 6.	Louis Charles Desaix	33
Hình 7.	Trang đầu Bộ Dân luật, ấn bản lần đầu (1804)	46
Hình 8.	Công tước d'Enghien	66
Hình 9.	Lễ đăng quang Napoléon	78
Hình 10.	Giáo hoàng Pius VII	81
Hình 11.	Đô đốc Anh Horatio Nelson	92
Hình 12.	Cuộc gặp gỡ của Napoléon và François II sau trận Austerlitz	94
Hình 13.	Thống chế Ney	104
Hình 14.	Sa hoàng Aleksandr I (G. Dawe, 1817)	110
Hình 15.	Joseph-Bonaparte, Vua Tây Ban Nha (François Gérard, khoảng 1808)	117
Hình 16.	Lucien Bonaparte, em trai Napoléon	119
Hình 17.	Louis Bonaparte	121
Hình 18.	Hortense, Hoàng hậu Hà Lan và Thái tử	123
Hình 19.	Eugène de Beauharnais	126
Hình 20.	Letizia Ramolino, mẹ của Napoléon	131
Hình 21.	Johann Wolfgang von Goethe năm 79 tuổi	143
Hình 22.	Christoph Martin Wieland	145
Hình 23.	Thống chế Lannes	153
Hình 24.	Joséphine trong phòng khách của mình ở Malmaison	157
Hình 25.	Marie-Louise, người vợ thứ nhì của Napoléon, Hoàng hậu Pháp	160

Hình 26.	Napoléon vượt qua dãy Alps	185
Hình 27.	Napoléon trên ngôi Hoàng đế	191
Hình 28.	Đồng tiền vàng 20 franc với hình vị Đế nhất Tổng tài, 1803	206
Hình 29.	Tượng Napoléon ở Cherbourg-Octeville	208
Hình 30.	Phù hiệu của Đế chế	217
Hình 31.	Pháp quốc Học viện	222
Hình 32.	Phu nhân Récamier	236
Hình 33.	Tượng Venus de Medici	250
Hình 34.	Bộ tứ mã bằng đồng của nhà thờ St. Mark	251
Hình 35.	Nhà thờ Madeleine, Paris	252
Hình 36.	Khải hoàn môn Étoile	252
Hình 37.	Quảng trường Vendôme	254
Hình 38.	Jacques-Louis David, chân dung tự họa	256
Hình 39.	Cupid và Psyche	259
Hình 40.	Công lý và báo thù đuổi theo tội ác	261
Hình 41.	Diễn viên Talma trong vai Cinna trong một bi kịch của Racine	263
Hình 42.	Bên trong Nhà hát Comédie-Française	265
Hình 43.	Phu nhân de Staël	272
Hình 44.	Bộ tiểu thuyết 6 tập <i>Delphine</i> của Phu nhân de Staël	279
Hình 45.	Chateaubriand	312
Hình 46.	Đám tang Atala	324
Hình 47.	Chân dung Nhà toán học Gaspard Monge	341
Hình 48.	Pierre-Simon Laplace	343
Hình 49.	Jean-Nicolas Corvisart	345
Hình 50.	Tượng Cuvier ở Bảo tàng viện Montbéliard	349
Hình 51.	Tượng Lamarck của Léon Fagel tại Vườn Thực vật Paris	355
Hình 52.	Joseph de Maistre	365
Hình 53.	Bản đồ châu Âu năm 1810 – Đế quốc Napoléon	374- 375

Tỷ giá các loại tiền tệ

Không có công thức nào để tính tỷ giá các loại tiền tệ: Cách đây hai trăm năm, các đồng tiền có cùng tên gọi như ngày nay thường có giá cao hơn bây giờ nhiều, nhưng cũng có khi thấp hơn. Trong lịch sử, đồng tiền luôn bị lạm phát, dù đây chỉ là một phương cách quen thuộc nhằm trả các món nợ của chính phủ qua những đợt giảm giá tiền tệ được lập đi lập lại; nhưng khái niệm cho rằng trong quá khứ hàng hoá rẻ hơn ngày nay có lẽ xuất phát từ lòng yêu mến một thời xa xưa; về mặt lao động bỏ ra để kiếm tiền mua chúng thì thường là mắc hơn. Nói chung, với nhiều ngoại lệ và sai biệt giữa các quốc gia, chúng ta có thể tính tỷ giá của một số tiền tệ châu Âu vào năm 1789 với đồng đô la Mỹ vào năm 1970 như sau:

Crown,	6,25\$
Lira,	1,25\$
Ducat,	12,50\$
Livre,	1,25\$
Florin,	2,50\$
Louis d'or,	25,00\$
Franc,	1,25\$
Mark,	1,25\$
Groschen,	14 cent
Pound,	25,00\$
Guilder,	5,25\$
Shilling,	1,25\$
Guinea,	26,25\$
Sou,	5 cents
Gulden,	5,00\$
Thaler,	5,25\$
Kreuzer,	1/2 cent

Chương 1

Chế độ Tổng tài: 11.11.1799 – 18.5.1804

I. Bản hiến pháp mới

1. Các Tổng tài

Ngày 12.11.1799 các vị Tổng tài lâm thời – Napoléon, Sieyès, và Roger Ducos – đã họp nhau ở Điện Luxembourg để xây dựng lại nước Pháp với sự giúp đỡ của hai ủy ban từ các hội đồng cũ. Sieyès và Ducos, nguyên là thành viên của Hội đồng Chấp chính,ⁱ đã có nhà ở đây; Napoléon, Joséphine, Eugène, Hortense và tùy tùng cũng dọn về đây vào ngày 11.11.

Những người chiến thắng trong *coup d'état* (cuộc đảo chính) đối mặt với cảnh quốc gia đang lâm vào tình trạng xáo trộn về kinh tế, chính trị, tôn giáo, và đạo đức. Nông dân lo sợ dòng họ Bourbon quay lại sẽ huỷ bỏ các văn tự ruộng đất của họ. Các thương gia và nhà sản xuất thấy sự thịnh vượng của họ đang bị đe dọa vì các cảng biển bị phong tỏa, đường sá bị bỏ bê, và nạn cướp đường hoành hành. Các nhà tài chính lưỡng lự việc đầu tư vào trái phiếu của một chính phủ vốn hay bị lật đổ trước đây; giờ đây, khi tình thế kêu đòi việc thi hành pháp luật, các công trình công chánh và tế bần, Ngân khố chỉ còn vốn vụn 1.200 franc để chi dùng. Tôn giáo ở trong thế đối nghịch thường xuyên: trong số 8.000 linh mục Công giáo tại Pháp có đến 6.000 người từ chối ký vào bản Dân hiến Giáo sĩ,ⁱⁱ và dốc sức chống đối nhà nước một cách âm thầm

i Directoire exécutif.

ii Constitution civile du clergé.



Hình 1: Hoàng đế Napoléon trong thư phòng tại Điện Tuileries.
Tranh của Jacques Louis David, 1812

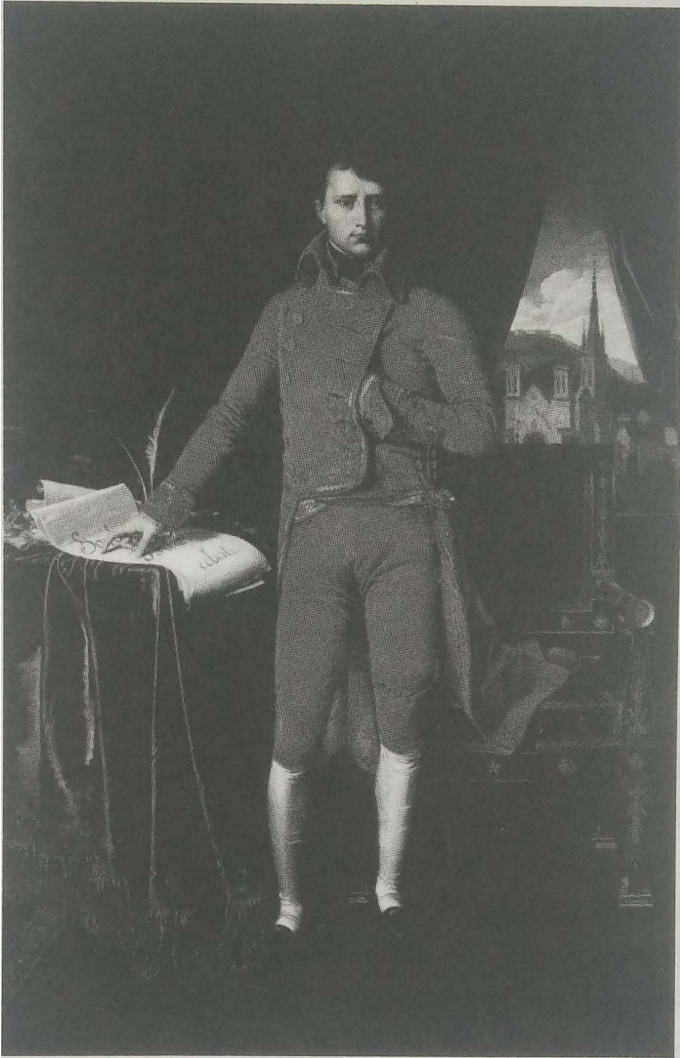
hoặc công khai. Nền giáo dục công, sau khi rút khỏi Giáo hội, đang lâm cảnh suy bại mặc cho bao lời tuyên bố và kế hoạch hoành tráng. Gia đình, cột trụ chủ yếu của trật tự xã hội, bị lung lay trước tình trạng tự do tự tại và cảnh ly dị phổ biến, việc kết hôn tùy hứng, và sự nổi loạn của con cái. Tinh thần dân chúng, vốn có lòng yêu nước và lòng can đảm dâng tới đỉnh điểm hiếm hoi hồi năm 1789, cũng đang chết dần trong một dân tộc đang chán chường cách mạng và chiến tranh,

hoài nghi mọi nhà lãnh đạo, và yếm thế trước những hy vọng của chính họ. Đây là tình huống không đòi hỏi chính trị mà cần đến thuật trị nước, và cũng không cần đến cuộc tranh luận dân chủ ung dung trong những hội nghị rộng lớn, mà (như Marat đã tiên đoán và thúc giục) cần một chế độ độc tài – vốn cần sự kết hợp của những viễn cảnh rộng lớn, tư duy khách quan, sự lao động không mệt mỏi, tài xử trí, và ý chí chỉ huy mạnh mẽ. Hoàn cảnh này cần có một người như Napoléon.

Tại cuộc họp đầu tiên, Ducos đề nghị vị tướng ba mươi tuổi ngồi vào ghế chủ tọa. Bonaparte xoa dịu Sieyès bằng cách để mỗi người luân phiên nhau chủ tọa, và đề nghị ông này đứng đầu việc soạn thảo một bản hiến pháp mới. Vị lý thuyết gia luống tuổi này lui về thư phòng của mình và để cho Napoléon (Ducos cũng chiều theo) ban hành những sắc lệnh được tính toán nhằm bảo đảm trật tự trong chính quyền, khả năng thanh toán của Ngân khố, sự kiên nhẫn giữa các phe phái, và việc gây lòng tin cậy nơi một dân tộc vốn bị phiền não trước những vụ tiềm quyền đoạt vị.

Một trong những động thái đầu tiên của vị Tổng tài đương quyền là bỏ bộ đồng phục nhà binh qua một bên và chọn mặc bộ đồ dân sự khiêm tốn; ông ấy sắp thành một bậc thầy diễn xuất. Ông loan báo ý của mình rằng, ngay sau khi chính phủ mới được thành lập, ông sẽ đề xuất những điều khoản xác lập hòa bình với Anh và Áo. Trong những tháng ngày ban đầu, tham vọng bề ngoài của ông không phải là đẩy nước Anh đến chỗ đầu hàng mà là bình định và củng cố nước Pháp. Thời gian này ông là người mà theo như Pitt gọi, Người con của Cách mạng – sản phẩm của cách mạng và người bảo vệ nó, người củng cố những lợi ích kinh tế của nó; nhưng ông cũng tỏ rõ ý muốn trở thành người chấm dứt Cách mạng – người chữa lành cuộc xung đột nội bộ, người thiết lập sự thịnh vượng và hòa bình của nó.

Ông làm vui lòng giới tư sản – sự ủng hộ của họ vốn cần cho uy quyền của ông – bằng việc bắt buộc trục xuất (17.11.1799)



Hình 2: Đệ nhất Tổng tài Napoléon Bonaparte
(Jean Auguste Dominique Ingres, 1803–1804)

38 người bị xem là mối nguy đối với an ninh chung; đây là chế độ độc tài dữ dội, làm dấy lên nhiều tiếng rì rầm hơn là tán thưởng; chẳng bao lâu sau, ông điều chỉnh sắc lệnh để đưa lệnh trục xuất này về các tỉnh¹. Ông bãi bỏ thứ thuế sung công, vốn chiếm 20% đến 30%, mà Hội đồng Chấp chính đã đánh vào tất cả các thu nhập cao hơn mức bình thường. Ông rút điều luật vốn khiến cho các công dân tiêu biểu bị canh chừng như những con tin và sẽ bị phạt hay trục xuất nếu

phạm tội chống chính quyền địa phương. Ông trấn an những người Công giáo ở Vendée bằng cách mời các nhà lãnh đạo của họ dự hội nghị đưa ra các bảo đảm chứng tỏ thiện chí của mình, và ký kết với họ (24.12) một thoả ước hưu chiến vốn sẽ chấm dứt những cuộc chiến tranh tôn giáo trong một thời gian. Ông ban lệnh tất cả các nhà thờ Công giáo vốn đã được thánh hiến trước năm 1793 giờ đây phải phục hồi nghi thức sùng bái theo Công giáo vào mọi ngày trừ ngày *décadi* [ngày cuối tuần theo lịch Cộng hòa – ND]². Ngày 26 tháng Mười hai hay không lâu sau đó, ông cho triệu hồi những nạn nhân mà các phe phái đả thắng của Cách mạng đã trục xuất, bao gồm: những người tự do chủ nghĩa trước đây của Quốc hội kể cả Lafayette; những thành viên của Hội đồng Bảo anⁱ bị vô hiệu hóa, như Barère; những người bảo thủ bị trục xuất bởi cuộc đảo chính ngày 18 tháng Fructidorⁱⁱ như Lazare Carnot, là người quay về với công việc nhọc nhằn ở Bộ Chiến tranh. Bonaparte phục hồi các quyền dân sự cho những nhà quý tộc cư xử lễ độ, và cho những thân quyến ôn hòa của *émigré* (dân lưu vong). Ông chấm dứt những lễ hội nuôi dưỡng lòng căm thù như lễ kỷ niệm vụ hành quyết Louis XVI, vụ trục xuất những người Girondin, và vụ sụp đổ của Robespierre. Ông công bố dự định cai trị vì quyền lợi không phải của một phe phái bất kỳ – Jacobin, tư sản, hay bảo hoàng – mà đại diện cho toàn thể quốc gia. “Nếu cai trị vì quyền lợi của một đảng phái”, ông tuyên bố, “thì sớm muộn gì cũng bị lệ thuộc vào họ. Họ sẽ không bao giờ khiến được tôi làm điều đó. Tôi là người quốc gia”³.

Và dân tộc Pháp đi đến chỗ xem ông như thế – gần như tất thấy mọi người ngoại trừ những tướng lĩnh ghen tị và những người Jacobin kiên định. Chỉ mới đến ngày 13 tháng Mười một, công luận đã dứt khoát quay sang ủng hộ ông. “Mọi cuộc cách mạng trước đây”, vị đại sứ nước Phổ viết cho

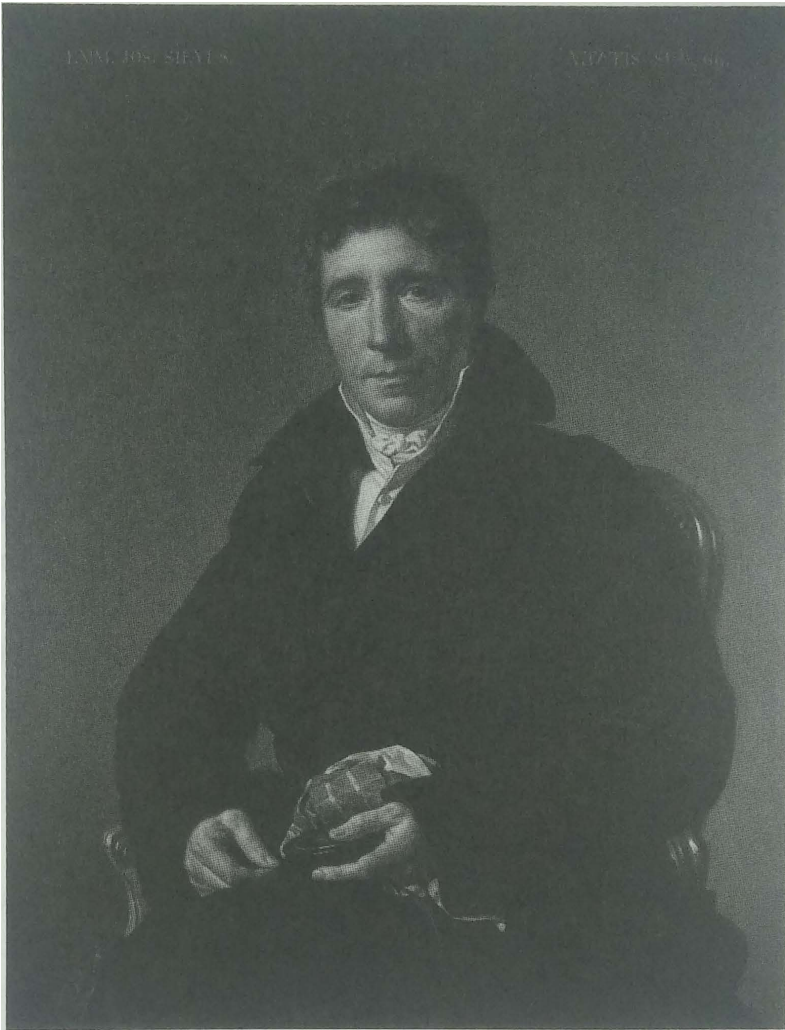
i Comité de salut public.

ii Tháng Mười hai theo lịch Cộng hòa Pháp.

chính phủ mình ngày hôm ấy, “đã gọi lên nhiều ngò vực và sợ hãi. Riêng cuộc cách mạng này, như tôi có thể chứng thực, đã làm phẩn chấn tinh thần và đánh thức những hy vọng sôi nổi nhất của mọi người”⁴. Ngày 17 tháng Mười một, thị trường chứng khoán (*Bourse*) rơi xuống còn 11 franc; ngày 20 tăng lên 14; ngày 21 tăng lên 20⁵.

Khi Sieyès mang đến cho các vị Tổng tài khác xem kế hoạch của ông về bản “Hiến pháp năm thứ VIII” (1799), họ thấy ngay bà đỡ trước đây của Cách mạng đã mất phần lớn sự ngưỡng mộ đối với Đẳng cấp Thứ ba vốn đã gọi cảm hứng cho tập sách mỏng đầy thách thức của ông một thập kỷ trước. Giờ đây ông hoàn toàn chắc chắn là không có bản hiến pháp nào có thể duy trì lâu dài nhà nước nếu những cội nguồn của cả hai nằm trong ý chí hay thay đổi của đám đông thiếu hiểu biết và đầy cảm xúc. Lúc ấy, nước Pháp hầu như không có trường trung học, và báo chí trong nước là cơ quan của tinh thần bè phái sôi nổi, làm tâm trí công chúng bị méo mó thay vì hiểu đúng chuyện. Bản hiến pháp mới của ông một mặt nhằm bảo vệ nhà nước khỏi bị tác động bởi sự dốt nát của dân chúng, mặt khác là khỏi sự cai trị độc đoán. Nhưng ông chỉ thành công một nửa.

Napoléon xem lại các đề nghị của Sieyès và đồng ý phần lớn vì chính ông cũng không mặn mà lắm với chế độ dân chủ. Ông không che đậy ý kiến của mình rằng dân chúng không được trang bị để đưa ra quyết định khôn ngoan về các ứng viên hay chính sách; họ rất dễ bị cuốn theo sức mê hoặc cá nhân, những bài diễn văn hùng hồn, những tờ báo bị mua chuộc hoặc những linh mục luôn hướng về Roma. Ông nghĩ, ngay cả chính dân chúng cũng nhận thấy họ thiếu khả năng đáp ứng những vấn đề của chính phủ; họ sẽ lấy làm hài lòng nếu toàn bộ bản hiến pháp mới được trình cho họ xem nên chấp nhận hay bác bỏ trong một cuộc trưng cầu dân ý. Sieyès giờ đây cũng trình bày lại triết lý chính trị của mình dựa trên câu châm ngôn cơ bản: “Lòng tin xuất phát từ dưới; quyền hành



Hình 3: *Emmanuel-Joseph Sieyès* (Jacques-Louis David, 1817)

xuất phát từ trên”⁶. Ông bắt đầu bằng một cái cúi chào gọn gàng trước chế độ dân chủ. Mọi người dân Pháp tuổi từ 21 trở lên sẽ bầu 1/10 số lượng của họ thành các nhân sĩ cấp xã (*commune*); các nhân sĩ này sẽ bầu ra các nhân sĩ cấp tỉnh (*département*) cũng chiếm 1/10 số lượng của họ; rồi đến lượt những nhân sĩ này sẽ tiếp tục bầu 1/10 số lượng của mình thành các nhân sĩ cấp quốc gia. Tới đây, chế độ dân chủ chấm dứt: các viên chức địa phương sẽ được bổ nhiệm từ các nhân sĩ cấp xã, chứ không phải được bầu; các viên chức cấp tỉnh

sẽ được bổ nhiệm từ các nhân sĩ cấp tỉnh; các viên chức cấp quốc gia thì từ các nhân sĩ cấp quốc gia. Mọi sự bổ nhiệm đều được chính quyền trung ương thực hiện.

Chính quyền này sẽ bao gồm (1) một *Conseil d'État*, hay Tham chính Viện, thường gồm 25 người do quốc trưởng bổ nhiệm, có quyền đề xuất những luật lệ mới cho (2) một *Tribunat* (Ủy hội Pháp chế) gồm 100 vị Pháp chế ủy viên có quyền thảo luận các biện pháp được đề nghị này, và trình các khuyến cáo của mình lên (3) một *Corps Législatif*, hay Hội đồng Lập pháp, gồm 300 người, có quyền bác bỏ hay ban hành thành luật nhưng không thảo luận các dự luật được trình lên này (4) một *Sénat* hay Thượng viện, thường gồm có 80 người có đầu óc chín chắn, có quyền bác bỏ luật lệ nào xét thấy vi hiến, bổ nhiệm các thành viên của Ủy hội Pháp chế và Hội đồng Lập pháp, tuyển dụng các thành viên mới cho chính cơ quan mình từ những vị nhân sĩ quốc gia, và chấp thuận các thành viên mới được bổ dụng cho cơ quan này bởi (5) vị *grand électeur* (đại Tuyển đế hầu).

Đây là tên Sieyès đề nghị cho vị quốc trưởng nhưng Napoléon bác bỏ tên gọi này cũng như sự mô tả chức danh của nó. Trong khi Sieyès tiếp tục mô tả thì ông hình dung người giữ chức vụ này là một nhân vật hành pháp thuần túy, chuyên thi hành luật lệ mà không có quyền tham gia bàn cãi hay đồng ý, và một bù nhìn cứng nhắc chuyên tiếp đón các phái đoàn, các nhà ngoại giao, và chủ tọa các buổi lễ chính thức. Ông cảm thấy mình không có tài cho những nghi lễ như vậy; trái lại, đầu óc ông căng đầy những dự án mà ông quyết biến thành luật càng sớm càng tốt cho một quốc gia đang kêu đòi trật tự, đường hướng, và sự liên tục. "Vị Đại Tuyển đế hầu của ông", Napoléon bảo Sieyès, "là ông vua không-làm-gì-cả, và thời đại của *rois fainéants* (vị vua ăn không ngồi rồi) như thế đã qua rồi. Ai có con tim và khối óc lại muốn phục tùng kẻ có cuộc sống lờ đờ như vậy với cái giá

6 triệu franc và một căn hộ trong Cung điện Tuileries? Sao? Bổ nhiệm những người khác làm việc, còn bản thân mình thì không làm gì? Việc này không thể chấp nhận được”⁷. Ông đòi quyền được đề xướng việc lập pháp, ban hành các sắc lệnh, bổ nhiệm các chức vụ trong chính quyền trung ương không những từ các nhân sĩ quốc gia mà còn từ bất cứ đâu ông thấy có năng lực sẵn sàng. Chương trình tái thiết đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của ông cần được bảo đảm một nhiệm kỳ mười năm. Và ông không muốn được gọi là “Đại Tuyển đế hầu”ⁱ, nghe có hơi hướm nước Phổ mà là “Đệ nhất Tổng tài”ⁱⁱ, vốn mang hương vị La Mã cổ đại. Sieyès thấy bản hiến pháp của mình rơi vào chế độ quân chủ, nhưng được xoa dịu bởi chức Chủ tịch Thượng viện và các điền trang béo bở. Ông và Ducos đồng ý từ chức Tổng tài, và được thay thế, theo yêu cầu của Napoléon (12.12.1799), bởi Jean-Jacques Cambacérès trong chức Đệ nhị Tổng tài và Charles-François Lebrun là Đệ tam Tổng tài.

Sẽ sai lầm nếu xem hai người này chỉ là những công chức ngoan ngoãn. Mỗi người đều có khả năng đã được thử thách. Cambacérès, từng là Bộ trưởng Tư pháp dưới thời Hội đồng Chấp chính, giờ đây là cố vấn pháp luật cho Napoléon. Ông chủ tọa các buổi họp của Thượng viện, và (trong lúc vị Đệ nhất Tổng tài vắng mặt) của Tham chính Viện. Ông đóng vai trò chủ đạo trong việc diễn chế bộ Luật Napoléon. Ông hơi phù phiếm, và tự hào về những bữa tiệc thịnh soạn mà ông thiết đãi; nhưng tính bình tĩnh và thận trọng của ông đã cứu vị Đệ nhất Tổng tài khỏi những sai lầm gây ra bởi cơn hăng hái bốc đồng. Ông cảnh báo Napoléon không nên gây thù với Tây Ban Nha và nên tránh nước Nga như

i Tuyển đế hầu (Prince-Elector): Tiếng để chỉ một trong các vương hầu Đức thuộc Đế quốc La Mã Thần thánh có quyền bầu hoàng đế.

ii Tổng tài (consul): Chức vụ cao nhất thời Cộng hòa La Mã. Mỗi năm có hai vị Tổng tài được bầu lên, với nhiệm kỳ một năm.

một năm mồ chôn nệm.ⁱ Lebrun từng là thư ký của René de Maupeou trong nỗ lực ngăn ngừa sự phá sản của nước Pháp dưới triều Bourbon; ông đã dự phần vào công việc lập pháp tài chính trong Quốc hội và Hội đồng Chấp chính; giờ đây phải bắt đầu với một Ngân khố trống rỗng, ông đã giúp tổ chức lại công tác tài chính cho chính phủ mới. Napoléon đánh giá cao phẩm chất của những người này; khi trở thành hoàng đế, ông bổ nhiệm Lebrun làm Tổng trưởng Ngân khố (*archtreasurer*) và Cambacérès làm Đại chương ấn (*archi-chancelier*)ⁱⁱ, và họ vẫn trung thành với ông cho đến cuối.

Mặc dù tin chắc rằng tình thế của nước Pháp đòi hỏi những quyết định sớm sửa và thực thi nhanh chóng các chính sách nhưng trong năm đầu sự nghiệp cai trị, Napoléon chỉ đệ trình những đề nghị của mình lên Tham chính Viện, lắng nghe những lời chỉ trích và ủng hộ chúng, và tích cực tham gia vào việc thảo luận. Đây là vai trò mới mẻ đối với ông; ông đã quen ra lệnh hơn là bàn thảo, và giờ đây suy tư của ông thường vượt qua lời nói: nhưng ông học hỏi nhanh chóng và làm việc cật lực, lúc ở trong cũng như ngoài Hội đồng, để phân tích các vấn đề và tìm ra giải pháp. Cho đến giờ ông chỉ là “Công dân - Tổng tài,” và tự cho phép mình ở dưới quyền người khác⁸. Các lãnh đạo của Hội đồng – như Portalis, Roederer và Thibaudeau – là những người bản lĩnh, không dễ bị sai khiến; và các hội ký của họ chứa đầy những lời kính trọng về thái độ sốt sắng làm việc của vị Tổng tài. Ta hãy nghe Roederer:

Luôn đến đúng giờ họp, kéo dài buổi họp thêm năm hoặc sáu tiếng... luôn trở lại với câu hỏi, “Như vậy có hợp lẽ không?”

i “Năm mồ chôn nệm”; Anh ngữ: “mattress grave”. Lời thi sĩ Đức Heinrich Heine (1797–1856) nói về cảnh phải nằm liệt giường vì bệnh tật của mình trong suốt tám năm cuối đời.

ii Đại chương ấn: chức vị này được Napoléon đặt dựa trên chức vị *Erzkanzler* của Đế quốc La Mã Thần thánh (theo Encyclopaedia Britannica, ấn bản thứ 11: <https://theodora.com/encyclopedia/c/chancellor.html>).

Như vậy có hữu ích không?... đưa mỗi vấn đề ra phân tích chính xác và tỉ mỉ, thu được thông tin về pháp lý trước đây, về các luật lệ của Louis XIV và Friedrich Đại đế... Không bao giờ Hội đồng ngưng cuộc họp mà các thành viên không biết được nhiều hơn ngày hôm trước – nếu không phải qua kiến thức xuất phát từ ông, chí ít cũng qua những cuộc khảo cứu mà ông bắt họ thực hiện... Điều cho thấy đặc điểm ưu việt của ông đối với tất cả bọn họ... [là] sức mạnh, tính linh hoạt, và sự kiên định đối với những vấn đề ông quan tâm. Tôi không bao giờ thấy ông mệt mỏi. Tôi không bao giờ nhận ra tinh thần ông thiếu cảm hứng ngay cả khi cơ thể mệt mỏi... Chưa từng có ai cố gắng trốn tránh cho công việc đang làm, hay cố gắng thời gian của mình nhiều hơn cho những việc sẽ làm⁹.

Trong những ngày ấy người ta có lẽ đã yêu mến Napoléon.

2. Các bộ trưởng

Bên cạnh việc biên soạn pháp luật để điều hành nước Pháp, ông còn chăm lo đến công việc cai trị vốn còn khó khăn hơn nữa. Ông phân chia công việc cho tám bộ, và chọn những người có năng lực nhất mà ông có thể tìm được để đứng đầu các bộ này, bất kể đảng phái hay quá khứ của họ; một số là những người Jacobin, một số là Girondin, và số khác bảo hoàng. Trong một hoặc hai trường hợp ông cho phép sự yêu mến cá nhân lấn át phán đoán thực tiễn; do đó ông đã cử Laplace làm Bộ trưởng Nội vụ, nhưng sớm nhận ra nhà toán – thiên văn học vĩ đại đang đưa “tinh thần của phép vi phân vào chính quyền”¹⁰ nên chuyển ông này sang Thượng viện và giao bộ nội vụ cho em mình là Lucien.

Công việc thiết yếu và hầu như tuyệt vọng của Bộ Nội vụ là phục hồi khả năng thanh toán và sinh lực của các xã hay khu đô thị như những tế bào nền tảng của cơ thể chính trị. Napoléon đã tự bày tỏ ý kiến về hoàn cảnh của chúng trong bức thư gửi Lucien ngày 25.12.1799:

Từ năm 1790, 36.000 làng xã địa phương giống như 36.000 cô gái mồ côi. Là những người thừa kế các quyền phong kiến cũ, chúng [các xã] bị bỏ bê hoặc lừa gạt... bởi các thành viên được ủy trị ở thành phố của Hội nghị Quốc ước hoặc Hội đồng Chấp chính. Một nhóm mới các thị trưởng, hội thẩm, hay ủy viên hội đồng thành phố thường không gì khác hơn là một hình thức trộm cướp mới: họ cướp con đường vòng, cướp con đường mòn, cướp gỗ, cướp nhà thờ, và móc túi tài sản của xã... Nếu hệ thống này tồn tại mười năm nữa, các quần thể địa phương sẽ ra sao? Họ sẽ thừa hưởng không gì khác hơn những khoản nợ, và sẽ bị phá sản tới mức phải nhờ cư dân cứu tế".

Ở đây Napoléon đang trong tâm trạng văn thơ nên hơi phóng đại. Sự thật là nếu được phép, các xã cũng muốn tự chọn lấy các viên chức của mình, như ở Paris. Nhưng Napoléon không thích kết quả đã xảy ra như ở Paris. Về phần các xã nhỏ hơn, "Cách mạng", theo đánh giá của các sử gia mới đây nhấtⁱ, "chỉ phát hiện được một ít dân làng có giáo dục và trau dồi văn hóa tương đối đầy đủ để có được ý thức về sự liên chính và công ích"¹²; và thường thì những nhà cai trị được chọn ở địa phương như thế, giống như những người được mời về từ Paris, đã cho thấy sự bất tài hoặc tham nhũng hoặc cả hai. Do đó Napoléon vẫn làm ngơ trước những lời kêu gọi về quyền tự trị của xã. Quay về với hệ thống tổng tài La Mã hay những viên quản đốc cuối triều Bourbon, ông thích bổ nhiệm – hay bảo Bộ Nội vụ bổ nhiệm – một tỉnh trưởng về mỗi tỉnh, một quận trưởng về mỗi quận, và một xã trưởng về mỗi xã; người được bổ nhiệm sẽ chịu trách nhiệm với cấp trên của mình, và cuối cùng với chính phủ trung ương. "Tất cả các tỉnh trưởng" được bổ nhiệm như thế" đều là những người có nhiều kinh nghiệm, và phần lớn rất có năng lực"¹³. Bất luận thế nào họ cũng giúp Napoléon nắm được quyền hành sâu rộng.

i Tức là mới nhất so với thời của cuốn sách này (khoảng đầu thập niên 1970).

Ngạch công chức – toàn thể bộ máy hành chính – ở nước Pháp thời Napoléon ít dân chủ nhất nhưng hiệu quả nhất trong lịch sử, có lẽ trừ thời cổ La Mã. Dân chúng phản đối hệ thống này nhưng nó tỏ ra là cách chỉnh đốn hợp lẽ đối với chủ nghĩa cá nhân háms lợi nơi người dân; nhà Bourbon trung hưng và các chế độ cộng hòa tiếp nối vẫn giữ hệ thống này vì nó giúp đất nước duy trì sự liên tục cơ bản và ẩn tàng qua một thế kỷ rối ren về chính trị cũng như văn hóa. “Ngày nay nước Pháp sống”, Vandal viết vào năm 1903, “trong cái khung chính quyền và dưới những luật lệ dân sự mà Napoléon truyền lại cho nó”.

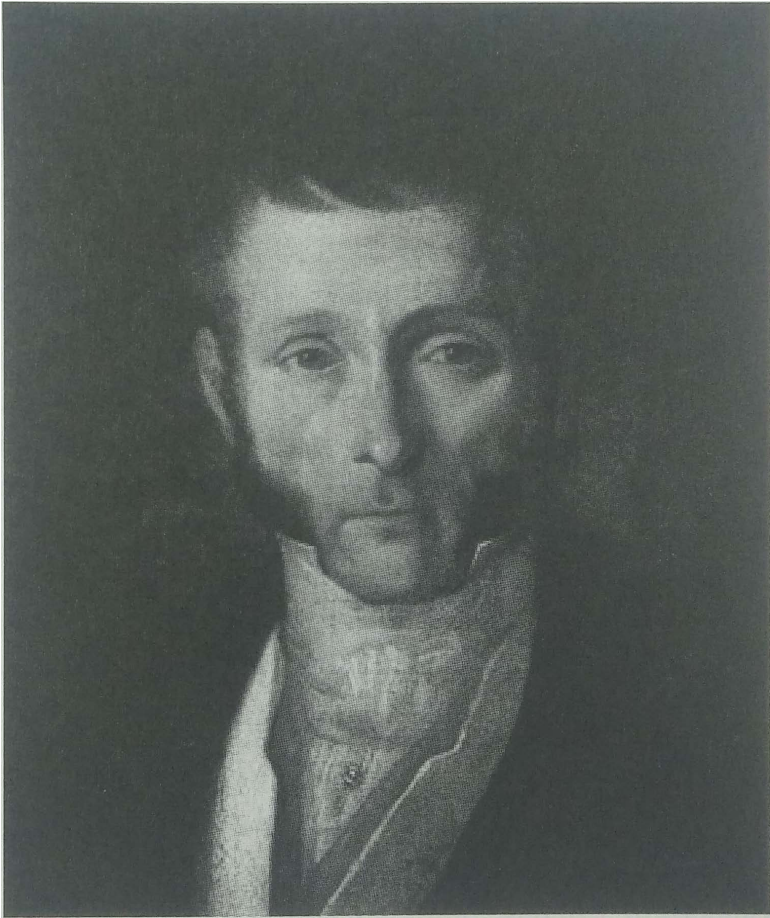
Vấn đề trực tiếp hơn là việc phục hồi Ngân khố. Theo tiến cử của Tổng tài Lebrun, Napoléon giao Bộ Tài chính cho Martin-Michel Gaudin, người đã từng từ chối chức vụ này dưới thời Hội đồng Chấp chính và vốn nổi tiếng có năng lực và trung thực. Việc ông đảm nhận bộ này đã bảo đảm có được sự ủng hộ của cộng đồng tài chính đối với chính phủ mới. Những khoản vay quan trọng xuất hiện nhằm cứu nhà nước: một ông chủ ngân hàng ứng trước 500.000 franc bằng vàng, và không đòi tiền lãi. Chẳng bao lâu Ngân khố có được 12 triệu franc để trả cho các khoản chi phí hoạt động và (luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu đối với Napoléon) nuôi dưỡng và làm hài lòng Quân đội, vốn có quân phục nghèo nàn và từ lâu không được trả lương. Ngay lập tức, Gaudin chuyển quyền định giá tài sản và thu thuế từ các viên chức địa phương sang chính phủ trung ương; tham nhũng ở địa phương trong các quá trình này là chuyện đầy tai tiếng lâu nay. Ngày 13.2.1800, Gaudin hợp nhất các đơn vị tài chính khác nhau thành Pháp quốc Ngân hàng, huy động vốn bằng cách bán các cổ phần và được trao quyền phát hành giấy bạc. Chẳng bao lâu, việc quản lý thận trọng của ngân hàng đã khiến các trái phiếu của nó được ưa chuộng và tin tưởng như tiền mặt. Điều này tự bản thân nó là một cuộc cách mạng. Ngân hàng không phải là một thiết chế của nhà nước; nó vẫn còn trong tay của các

tư nhân nhưng được hậu thuẫn và phần nào bị kiểm soát bởi các khoản thu nhập của chính phủ gửi ở đây; và một vị Bộ trưởng Ngân khố, Barbe-Marbois, được sung vào Bộ Tài chính để canh giữ và quản lý các quỹ nhà nước ở ngân hàng.

Phần khó chịu nhất của việc cai trị là ngăn ngừa, phát hiện, và trừng phạt tội ác cũng như bảo vệ các viên chức chính phủ khỏi bị ám sát. Joseph Fouché đúng là người dành cho công việc này. Ông đã có nhiều kinh nghiệm về mọi hình thức xấu xa đồi bại; và như kẻ thí quân mà những người bảo hoàng liệt vào danh sách cần báo thù, Napoléon có thể dựa vào ông này để bảo vệ mình như rào chắn vững chắc nhất chống lại toan tính phục hồi gia tộc Bourbon. Trong khi Gaudin chiêu chuộng các ông chủ nhà băng, Fouché tập hợp những người Jacobin vào hàng ngũ với hy vọng vị Đệ nhất Tổng tài sẽ là đưa con thật sự của Cách mạng bảo vệ giới bình dân chống lại các đẳng cấp quý tộc và tăng lữ, và bảo vệ nước Pháp chống lại các thế lực phản động. Napoléon nghi kỵ và e sợ Fouché nên duy trì lực lượng gián điệp riêng có nhiệm vụ bao gồm cả việc do thám vị Bộ trưởng Cảnh sát này; nhưng ông bối rối rất lâu trước khi thay thế ông này. Ông làm việc này một cách dè dặt vào năm 1802, phục hồi ông ta vào năm 1804, và giữ ông ta đến năm 1810. Ông đánh giá cao việc Fouché chỉ yêu cầu cung cấp ngân quỹ khiêm tốn và nhắm mắt làm ngơ việc vị Bộ trưởng ranh mãnh tài trợ phần nào cho lực lượng của mình bằng những khoản tiền tịch thu từ các sòng bạc và từ đóng góp của các nhà thổ¹⁴. Một lực lượng hiến binh riêng canh phòng các đường phố, cửa hàng, văn phòng, và nhà ở, và có lẽ để chia sẻ thu nhập từ các khu phố của nó.

Việc bảo vệ cá nhân – thậm chí những kẻ tội phạm – trước cảnh sát, luật pháp và nhà nước không được quan tâm nhiều ở Pháp như ở Anh vào thời bấy giờ, nhưng một số cũng được hưởng bộ máy tư pháp hiệu quả và việc xét xử tương đối không bị ảnh hưởng của quà cáp. Khi giao ngành cai trị này cho nhà luật học André-Joseph Abrimal, Napoléon

nói: “Công dân, tôi không biết ông, nhưng tôi được bảo ông là người chính trực nhất trong tập thể các quan tòa, và đây là lý do tôi bổ nhiệm ông làm Bộ trưởng Tư pháp”¹⁵. Không bao lâu sau nước Pháp có đầy các tòa án thuộc nhiều dạng khác nhau với các bồi thẩm đoàn lớn nhỏ, các thẩm phán hòa giải (justice of the peace), nhân viên chấp hành ở tòa án, ủy viên công tố, nguyên đơn, công chứng viên, luật sư biện hộ...



Hình 4: Joseph Fouché (Họa sĩ vô danh)

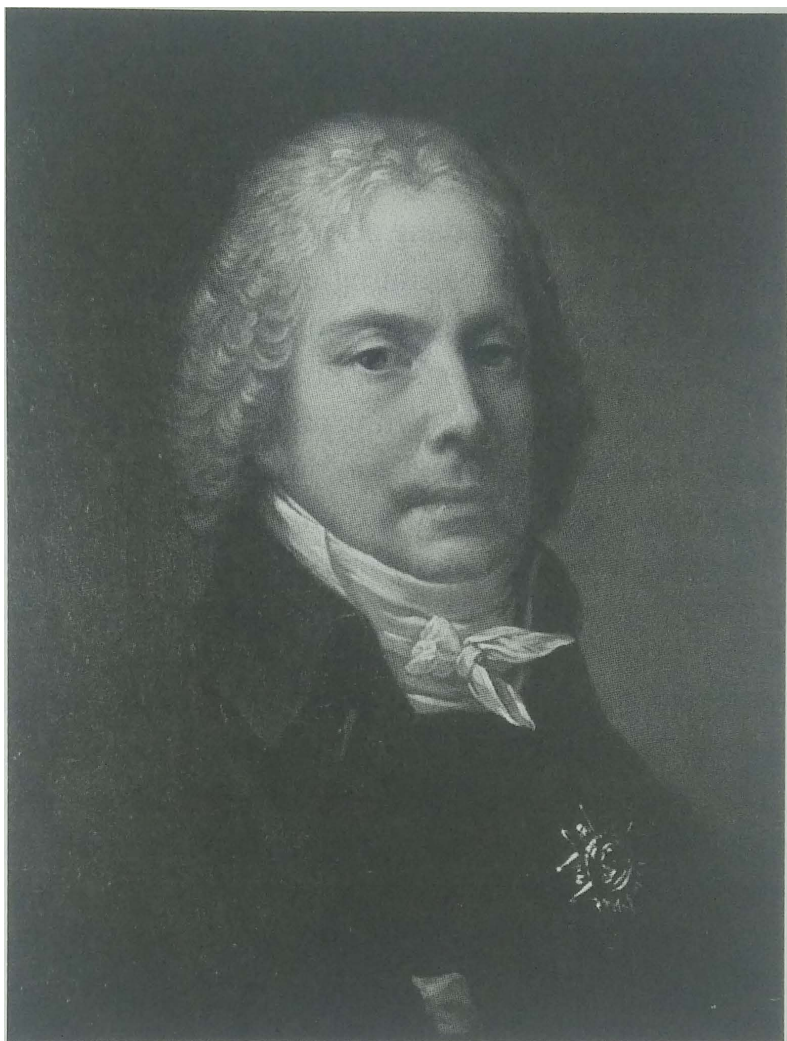
Việc bảo vệ nhà nước trước các nhà nước khác được giao cho Bộ Chiến tranh dưới quyền của Tướng Louis-Alexandre Berthier, Bộ Hải quân dưới quyền của Denis Decrès và Bộ Ngoại giao dưới quyền của con người bất khả diệt Talleyrand.

Giờ đây ông đã bốn mươi lăm tuổi, nổi danh là người có cung cách tao nhã, trí tuệ sắc sảo nhưng đạo đức sa đọa. Lần cuối cùng chúng ta gặp ông (14.7.1790) cử hành Thánh lễ Missa tại Lễ hội Champ-de-Mars; ngay sau đó ông viết cho con mới mới nhất của mình, Adelaide de Filleul, Nữ Bá tước de Flahaut: “Hy vọng em cảm thấy được là hôm qua anh đã dâng lời nguyện cầu và lời thề trung thành lên vị thần nào. Chỉ có em là vị Hữu thể Tối thượng (Supreme Being) mà anh tôn thờ, và sẽ mãi tôn thờ”¹⁶. Ông có một đứa con với Nữ Bá tước, nhưng lảng lạng đến dự đám cưới của nàng như người mang quà biếu cho cô dâu một cách vô tình¹⁷. Lòng đam mê sắc đẹp phụ nữ của ông đương nhiên đi cùng với sự khao khát tiền bạc, vì sắc đẹp sống nhờ nó. Do bác bỏ đạo đức Kitô giáo cũng như thần học Công giáo, ông điều chỉnh tài hùng biện của mình sang những phía nào có lợi, và nhận được lời chúc mừng đẹp đẽ của Carnot:

Talleyrand mang theo mình mọi tật xấu của chế độ cũ, mà không có được lấy một đức tính của chế độ mới. Ông ta không có những nguyên tắc cố định; ông ta thay đổi chúng như thay áo lót, và chấp nhận chúng tùy theo hướng gió mỗi ngày – một triết gia khi triết học là mốt; giờ đây là một con người cộng hòa vì điều này cần thiết để trở thành bất cứ cái gì; ngày mai ông ta sẽ tuyên bố ủng hộ chế độ quân chủ tuyệt đối nếu có thể trục lợi được nó. Tôi không muốn ông ta với bất cứ giá nào.

Mirabeau đồng ý: “Vì tiền Talleyrand có thể bán linh hồn của mình – và ông ta làm đúng, vì ông ta sẽ đổi phân lấy vàng”¹⁸.

Tuy nhiên, cũng có giới hạn đối với những màn đóng đũa của Talleyrand. Khi đám đông dân chúng tổng khởi nghĩa Nhà vua và Hoàng hậu ra khỏi Cung điện Tuileries và dựng lên nền độc tài vô sản, ông không chịu nhún mình trước những người chủ mới, mà lên thuyền sang Anh (17.9.1792). Tại đây ông nhận được nhiều kiểu tiếp đón khác nhau: nhiệt tình từ Joseph Priestley và Jeremy Bentham, George Canning và Charles James Fox¹⁹; lạnh lùng từ những nhà quý tộc vốn nhớ lại việc



Hình 5: Talleyrand (Pierre-Paul Prud'hon)

ông đã tham gia Cách mạng. Tháng Ba năm 1794, khi lòng khoan dung của Anh đã cạn, Talleyrand được lệnh rời khỏi nước này trong vòng 24 giờ. Ông giong buồm sang Hoa Kỳ, sống thoải mái với tài sản cùng những khoản đầu tư của mình, quay về Pháp (tháng Tám năm 1796), và trở thành Bộ trưởng Ngoại giao dưới thời Hội đồng Chấp chính (tháng Bảy năm 1797). Trong tư cách này ông đã tích góp thêm của cải cho mình bằng nhiều cách khác nhau, tới mức có thể ký gửi 3 triệu franc vào các ngân hàng Anh và Đức. Thấy trước sự

sụp đổ của Hội đồng Chấp chính, ông xin từ chức (20.7.1799), và nhàn nhã chờ cho Napoléon gọi lại ông về nhiệm sở. Vị Tổng tài đã không đợi lâu; ngày 22.11.1799, Talleyrand lại trở thành *Ministre des relations extérieures* (Bộ trưởng Ngoại giao).

Bonaparte nhận ra ông đáng giá ở chỗ như trung gian giữa một nhà cai trị mới nổi và những ông vua mục nát. Xuyên suốt những cuộc cách mạng của mình, Talleyrand vẫn giữ lại trang phục, cung cách cư xử, lối nói năng và tinh thần của giới quý tộc cũ: vẻ duyên dáng ung dung (mặc dù bàn chân bị vẹo), thái độ điềm tĩnh không nao núng, trí thông minh xảo quyệt của người biết rằng khi cần ông ta có thể giết chết bạn bằng một lời nói dí dỏm. Ông là người làm việc chăm chỉ, nhà ngoại giao khôn ngoan sắc sảo có thể nói bằng lời lẽ thanh lịch khi diễn đạt lại lối nói thẳng thừng xối xả của ông chủ vốn không ưa che đậy của ông. Ông lập thành nguyên tắc “không bao giờ vội vã” khi đạt đến một quyết định²⁰ – phương châm tốt cho người đi cà nhắc; trong nhiều tình huống việc ông trì hoãn chuyển đi một thông điệp đã giúp Napoléon tránh được những điều tuyệt đối vốn gây nguy hiểm.

Dù dưới bất cứ ngọn cờ nào, ông cũng muốn sống hoang toàng, quyến rũ [phụ nữ] tùy thích, và hái những trái bở nhất từ mọi cái cây. Khi vị Tổng tài hỏi ông làm cách nào có thể tích lũy một gia tài lớn như vậy, ông trả lời ngọt xớt: “Tôi mua cổ phiếu vào ngày 17 tháng Brumaire (Sương mù), và bán chúng vào ba ngày sau”²¹. Đây chỉ mới là bước đầu; trong vòng 14 tháng sau khi trở lại nhậm chức ông đã cộng thêm 15 triệu franc nữa. Ông đầu cơ chứng khoán nhờ thông tin “nội gián” và thu thập những “miếng ngon” từ các cường quốc bên ngoài vốn thổi phồng ảnh hưởng của ông đối với các chính sách của Napoléon. Vào lúc cuối của chế độ Tổng tài, gia tài của ông được ước tính lên tới khoảng 40 triệu franc²². Napoléon thấy ông ghê tởm và không thể thay thế. Lặp lại lời của Mirabeau, ông gọi con người què quặt thanh nhã là

đồ “merdeⁱ mang vớ lụa”²³, ông dùng một từ ít có mùi trong tiếng Pháp hơn tiếng Anh tương đương của nó. Bản thân Napoléon đứng trên mọi sự mua chuộc, vì ông đã có được Ngân khố Pháp, và nước Pháp.

3. Sự đón nhận bản Hiến pháp

Bản Hiến pháp mới gặp phải nhiều chỉ trích khi được công bố (15.12.1799) với lời lẽ thu hút cảm tình, “nó được xây dựng trên những nguyên lý đích thực về chính thể đại diện, trên những quyền thiêng liêng về sở hữu, bình đẳng, và tự do. Những quyền hạn mà nó lập nên sẽ mạnh mẽ và ổn định, vì chúng phải nhằm để bảo đảm các quyền của công dân và quyền lợi của nhà nước. Hỡi các công dân! Cách mạng được lập nên một cách chặt chẽ với những nguyên lý khai sinh ra nó; nó đã hoàn tất”²⁴. Đây là những lời lẽ hào phóng, nhưng dường như Napoléon xem chúng cũng thích đáng vì bản Hiến pháp cho phép mọi đàn ông trưởng thành được quyền bỏ phiếu trong các giai đoạn đầu của cuộc bầu cử; nó đòi hỏi nhiều sự bổ nhiệm hơn nữa từ các “nhân sĩ” do các cử tri lựa chọn trực tiếp hay gián tiếp. Bản Hiến pháp mới xác nhận quyền sở hữu các tài sản mà giới nông dân và tư sản đã mua như là thành quả của Cách mạng; nó xác nhận việc bãi bỏ các loại thuế phong kiến và thuế thập phân đóng cho giới giáo sĩ. Về mặt lý thuyết, và tùy theo bản chất, nó thiết lập sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật và việc họ đủ tư cách tham gia vào mọi ngành nghề cả trong chính trị, kinh tế hoặc trong văn hóa. Nó dựng lên một chính quyền trung ương mạnh mẽ để kiểm soát tội ác, chấm dứt nạn vô chính phủ, tham nhũng, và việc hành chính kém cỏi, đồng thời bảo vệ nước Pháp chống lại những thế lực ngoại bang. Và nó kết thúc cuộc Cách mạng bằng cách khiến cho Cách mạng như một *fait accompli* (việc đã rồi), một mục đích được thực hiện

i Merde: Nghĩa đen trong tiếng Pháp là phân.

trong những giới hạn tự nhiên, một hình thức tổ chức xã hội mới bắt rễ trong chính quyền ổn định, việc hành chính hiệu quả, quyền tự do cho cả dân tộc, và pháp luật vững bền.

Tuy nhiên người ta vẫn cứ than phiền. Những người Jacobin cảm thấy họ bị phớt lờ trong bản “Hiến pháp năm thứ VIII” – cho rằng “chính thể đại diện” mà nó đưa ra là sự đầu hàng theo thói đạo đức giả của Cách mạng trước giới tư sản. Nhiều tướng lĩnh tự hỏi sao số phận không chọn một người trong bọn họ thay vì gã người Corse nhỏ bé để nắm quyền chính trị tối cao; “không có một viên tướng nào trong bọn họ không âm mưu chống lại tôi”²⁵. Các tín đồ Công giáo than thở rằng bản Hiến pháp đã xác nhận việc Cách mạng tịch biên tài sản của Giáo hội; phiến loạn nổi lên ở Vendée (1800). Những người bảo hoàng bức dọc vì Napoléon lo củng cố địa vị của ông thay vì gọi Louis XVIII về để phục hồi nền cai trị của dòng họ Bourbon. Do phe bảo hoàng kiểm soát phần lớn báo chí²⁶, họ tung ra chiến dịch chống lại việc chấp thuận chế độ mới; Napoléon đáp lại (17.1.1800) bằng việc đóng cửa 60 trong số 73 tờ báo đương thời ở Pháp với lý do chúng được tài trợ bởi vàng của ngoại bang. Báo chí cấp tiến cũng bị giảm bớt và tờ *Moniteur* trở thành cơ quan chính thức của chính quyền. Các ký giả, văn sĩ, triết gia cáo buộc sự tấn công vào quyền tự do báo chí này; và giờ đây Phu nhân de Staël, sau khi từ bỏ hy vọng đóng vai Egeriaⁱ, bắt đầu cuộc tấn công mạnh mẽ suốt đời vào Napoléon như nhà độc tài đã đóng đinh nền tự do của Pháp lên thập giá.

Napoléon tự vệ bằng phương cách ủy nhiệm cho tờ *Moniteur*. Ông đã không tiêu huỷ tự do; tự do đã bị làm tiêu tan bởi sự cần đến chính phủ tập trung trong thời chiến tranh, bởi những cuộc bầu cử gian lận của người Jacobin, bởi sự chuyên chế của đám đông dân chúng, và bởi những vụ

i Egeria: Tên một nữ thần trong thần thoại La Mã, vợ của Vua Numa Pompilius và giữ địa vị cố vấn cho ông này. Ngày nay từ Egeria được dùng để chỉ nữ cố vấn.

đảo chính triền miên trong những năm thời Hội đồng Chấp chính; và những gì còn lại của nó đã bị kéo lê trong vũng bùn mua chuộc chính trị và thối nát về đạo đức. Quyền tự do mà ông đóng đinh trên thập giá là cái tự do vô pháp nơi đám đông, cái tự do cướp của giết người của bọn tội phạm, cái tự do dối trá của bọn tuyên truyền, cái tự do nhận hối lộ của đám thẩm phán, cái tự do biển thủ của hạng tài phiệt, cái tự do chiếm thế độc quyền của bọn thương nhân. Chẳng phải Marat đã từng chủ trương – chẳng phải Hội đồng Bảo an đã từng áp dụng – chính sách độc tài như là phương cách duy nhất để khắc phục tình trạng hỗn loạn của một xã hội vốn bỗng nhiên được thích phóng khởi sự giám hộ của tôn giáo, sự thống trị của giai cấp, và chế độ chuyên quyền của nhà vua, và bị bỏ mặc cho bản năng thôi thúc và cho đám đông hành động bạo ngược? Phải tìm ra một vài kỷ luật để tái lập nền trật tự vốn là điều kiện tiên quyết của tự do²⁷.

Giờ đây nông dân không cần nhiều lý lẽ như vậy để quyết định ủng hộ bản Hiến pháp. Họ đã có được mảnh đất, và âm thầm hoan nghênh bất cứ chính phủ nào đè bẹp phe Jacobin. Ở đây, mặc dù quyền lợi kinh tế đối chọi nhau nhưng giới vô sản ở thành phố đồng ý với những người dân cày trên cánh đồng. Người dân trong các khu nhà tập thể – công nhân tại nhà máy, nhân viên cửa hiệu, người bán rong ngoài phố – những người giống như giới sans-culotte từng chiến đấu vì bánh mì và quyền lực, đã mất lòng tin vào cuộc Cách mạng đã từng nâng họ lên, quăng họ xuống, và bỏ họ lại với hy vọng đã bị tước mất; một phép lạ vẫn còn khuấy động họ – người anh hùng của chiến tranh; và người chinh phục nước Ý hẳn không thể tệ hại hơn Hội đồng Chấp chính. Còn về phần những người tư sản – các ông chủ ngân hàng, thương gia, doanh nhân – làm sao họ có thể bác bỏ một người đã hoàn toàn chấp nhận tính chất thiêng liêng của quyền sở hữu và tự do kinh doanh? Với ông ta, họ đã thắng cuộc cách mạng và kế thừa nước Pháp. Cho đến năm 1810 ông là người của họ.

Tự tin đại đa số sẽ ủng hộ mình, Napoléon đưa bản Hiến pháp mới ra trưng cầu dân ý (24.12.1799). Chúng ta không biết cuộc trưng cầu dân ý này có bị quản lý hay kiểm chế như rất nhiều cuộc thăm dò công luận trước hay sau đó không. Kết quả đếm phiếu chính thức cho thấy 3.011.107 phiếu chấp thuận bản hiến pháp, 1.562 phiếu chống²⁸.

Có được những phiếu thuận này sau lưng, Napoléon cùng với gia đình và các sĩ quan phụ tá chuyển từ điện Luxembourg đông đúc đến Cung điện hoàng gia Tuileries rộng rãi (19.2.1800). Ông biến việc chuyển nhà này thành một đám rước long trọng, phô trương với ba ngàn binh sĩ, các tướng lĩnh cưỡi ngựa, các vị bộ trưởng và Tham chính Viện ngồi trong xe ngựa, và vị Đệ nhất Tổng tài ngồi trong một chiếc xe do sáu con ngựa trắng kéo đi. Đây là ví dụ đầu tiên trong nhiều sự phô trương mà Napoléon hy vọng dùng để gây ấn tượng với công chúng Paris. Ông giải thích với người thư ký:

“Bourrienne, cuối cùng tối nay chúng ta sẽ ngủ trong Cung điện Tuileries. Anh phong lưu hơn ta: anh không bị buộc phải làm bộ làm tịch, mà có thể đi đến đấy theo cách của anh. Tuy nhiên, ta phải đi thành đoàn diễu hành; điều ấy làm ta ghê tởm nhưng cần phải đập vào mắt của thiên hạ... Trong quân đội sự đơn giản là phù hợp; nhưng trong thành phố lớn, trong cung điện, vị Quốc trưởng phải lôi cuốn sự chú ý bằng mọi cách có thể được, nhưng vẫn cần thận trọng”²⁹.

Trình tự nghi lễ được hoàn tất một cách hoan hỉ, chỉ trừ một lưu ý gây khó chịu: trên một trong những phòng nghỉ của lính gác mà Napoléon đi qua để tiến vào sân của Cung điện, ông có thể thấy câu viết rõ to với nội dung “Ngày 10.8.1792 – Hoàng gia Pháp bị thủ tiêu, và sẽ không bao giờ được phục hồi”³⁰. Khi họ đi qua các căn phòng đã có thời phô trương về giàu có của dòng họ Bourbon, vị ủy viên Tham chính Viện Roederer nhận xét với vị Đệ nhất Tổng tài, “*Général, cela est triste*” (Tướng quân, nhìn thế này buồn quá); Napoléon đã

trả lời, “*Oui, comme la gloire*” (Đúng rồi, giống như vinh quang thôi)³¹. Để dùng làm nơi làm việc với Bourrienne, ông đã chọn một căn phòng rộng lớn chỉ bài trí toàn sách. Khi được chỉ căn phòng ngủ và chiếc giường của nhà vua, ông từ chối sử dụng, chỉ thích ngủ thường xuyên cùng Joséphine hơn. Tuy nhiên, tối hôm ấy, không phải không kiêu hãnh, ông nói với vợ mình, “Nào, nàng Créoleⁱ bé bỏng, hãy đến nằm trên chiếc giường của những người chủ chúng ta”³².

II. Các chiến dịch của chế độ tổng tài

Napoléon đã thiết lập trật tự trong nước và những điều kiện hứa hẹn sự hồi sinh về kinh tế; thế nhưng vẫn còn vấn đề nước Pháp bị các kẻ thù bao vây trong cuộc chiến mà nước Pháp đã bắt đầu vào ngày 20.4.1792. Dân tộc Pháp mong mỗi hòa bình, nhưng không chịu từ bỏ các lãnh thổ đã được sáp nhập trong thời Cách mạng như Avignon, Bỉ, tả ngạn sông Rhein, Basel, Genève, Savoie, và Nice. Hầu hết các vùng đất này được bao gồm trong cái người Pháp gọi là “các biên giới tự nhiên” của quốc gia họ; và Napoléon, trong lời tuyên thệ khi lên nắm quyền, đã cam kết bảo vệ chúng – sông Rhein, rặng Alpes, rặng Pyrénées, và các biển – chủ yếu là quay lại với các biên giới của xứ Gaule cổ. Ngoài ra, nước Pháp đã chiếm Hà Lan, Ý, Malta, và Ai Cập. Liệu Pháp có muốn từ bỏ những cuộc chinh phục này như cái giá phải trả cho hòa bình, hay sẽ sớm bác bỏ bất cứ nhà lãnh đạo nào thương thuyết việc giao lại các mối lợi lộc này? Tính cách của người Pháp đã kết hợp với tính cách của Napoléon trong một chính sách kiêu hãnh với chủ nghĩa dân tộc và chứa đầy chiến tranh.

Một lối thoát ra khỏi số phận này đã được đề nghị với Napoléon trong bức thư đề ngày 20.2.1800 từ một người mà hầu hết những *émigré* và bảo hoàng công nhận là nhà cai trị hợp pháp của nước Pháp, Louis XVIII:

i Créole: Người gốc da trắng (Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp...) sinh ra tại các thuộc địa của châu Âu.

THƯA NGÀI,

Dù cách xử sự bề ngoài của họ có thể nào chẳng nữa, những người như ngài không bao giờ khiến người ta cảm thấy kính sợ. Ngài đã chấp nhận địa vị tột đỉnh, và tôi cảm ơn ngài đã làm thế. Ngài biết hơn bất kỳ ai cần có bao nhiêu sức mạnh và quyền lực để bảo đảm hạnh phúc cho một quốc gia vĩ đại. Xin hãy cứu nước Pháp khỏi cảnh bạo lực, và ngài sẽ hoàn thành ước muốn đầu tiên của lòng tôi. Hãy phục hồi vua của nước Pháp cho nó, và các thế hệ tương lai sẽ ban phúc lành cho ký ức về ngài. Ngài sẽ luôn ở vị thế quá cần thiết cho đất nước để tôi có thể trả hết, bằng những chiếu chỉ quan trọng, món nợ của gia đình tôi và của chính tôi.

LOUIS³³

Napoléon không trả lời cho lời kêu gọi này. Làm sao ông có thể trao lại ngai vàng cho người đã từng hứa với những kẻ trung thành với mình là sẽ theo đuổi việc phục hồi chính mình cùng với việc phục hồi nguyên trạng như trước Cách mạng? Điều gì sẽ xảy đến cho những người nông dân đã được giải phóng hay cho những người đã mua tài sản của Giáo hội? Điều gì sẽ xảy đến cho Napoléon? Những người bảo hoàng vốn ngày ngày âm mưu lật đổ ông cũng đã báo trước họ sẽ làm gì đối với kẻ mới nổi dám chơi trò vua chúa mà không có dầu thánh hay dòng dõi³⁴.

Vào ngày Lễ Giáng sinh năm 1799, hôm sau cuộc trưng cầu dân ý thừa nhận quyền cai trị của ông, Napoléon đã viết cho Anh hoàng George III:

Được ý chí của dân tộc Pháp kêu gọi nắm giữ chức vụ cao nhất trong nền cộng hòa, tôi thiết nghĩ sẽ là điều đúng đắn, khi đảm nhận chức vụ của mình, khi chính tay tôi thông báo cho Bộ hạ sự kiện này.

Lẽ nào không có kết cuộc cho chiến tranh mà, trong tám năm qua, đã làm chuyển dịch mọi khu vực trên hoàn cầu? Chẳng lẽ không có cách nào để chúng ta có thể hiểu nhau? Làm thế nào

mà hai quốc gia sáng suốt nhất châu Âu, cả hai đều mạnh mẽ và hùng hậu hơn sự an toàn và nền độc lập của họ cần đến, bằng lòng hy sinh thành quả thương mại của họ, sự thịnh vượng trong nước của họ, và hạnh phúc của nhân dân họ, cho những giấc mơ về sự vĩ đại tưởng tượng? Làm thế nào mà họ không hình dung được rằng hòa bình là vinh quang vĩ đại nhất cũng như nhu cầu vĩ đại nhất của họ?

Những tình cảm như thế không thể xa lạ với tấm lòng của Bệ hạ, vì ngài cai trị một dân tộc tự do với mục đích duy nhất là làm cho nó hạnh phúc.

Xin Bệ hạ tin rằng khi đề cập đến vấn đề này, ý muốn thành thật của tôi là đóng góp một phần thực tế... đối với một nền hòa bình quảng đại... Số phận của mọi quốc gia vẫn minh tùy thuộc vào việc chấm dứt cuộc chiến vốn đang lôi kéo cả thế giới vào³⁵.

George III nghĩ một ông vua phải trả lời cho kẻ thứ dân là không xứng đáng; ông giao lại việc này cho Huân tước Grenville, ông này gửi cho Talleyrand một bức thư ngắn lời lẽ gay gắt tố cáo những cuộc xâm lược của nước Pháp và tuyên bố nước Anh không thể thương lượng ngoại trừ qua những người thuộc dòng họ Bourbon, vốn phải được phục hồi như là điều kiện tiên quyết cho bất cứ nền hòa bình nào. Một bức thư khác của Napoléon gửi Hoàng đế Franz II cũng nhận được câu trả lời tương tự từ vị quan Chưởng ấn của nước Áo, Nam tước Franz von Thugut. Có lẽ mặt trái của các thư từ này đã không được để ý đến; Napoléon không cần phải được bảo cho biết là các chính khách cân nhắc lời lẽ bằng cách đếm những khẩu súng. Trên thực tế, một đạo quân Áo đã chiếm lại miền bắc nước Ý và đã tiến đến Nice, còn một đạo quân Pháp bị quân Anh và Thổ Nhĩ Kỳ vây hãm ở Ai Cập gần đi đến chỗ phải đầu hàng hay bị tiêu diệt.

Kléber, vị tướng dũng cảm và lỗi lạc, nhưng lại là nhà ngoại giao không thành công, không mong đợi cứu viện, và công khai chia sẻ sự thất vọng với các binh sĩ của ông.

Theo lệnh ông, Tướng Desaix ký kết ở al-'Arīṣ [*Anh*, El 'Arish] (24.1.1800) với người Thổ và viên tư lệnh Anh ở địa phương thoả thuận cho phép quân Pháp ra đi an toàn và trật tự cùng với vũ khí, quân trang và “những danh dự chiến tranh” trên các con tàu do Thổ cung cấp để đưa họ về Pháp; trong khi đó quân Pháp sẽ giao lại cho Thổ những pháo đài đã từng bảo vệ người Âu châu chống lại sự nổi dậy của Ai Cập. Khi các pháo đài này đã được giao nộp thì có lệnh từ Chính phủ Anh từ chối chấp nhận những điều kiện của việc di tản, và nhấn mạnh rằng quân Pháp phải giao nộp vũ khí và đầu hàng như những tù binh chiến tranh. Kléber từ chối và yêu cầu trả lại các pháo đài; quân Thổ không đồng ý, và tiến về Cairo. Kléber cầm đầu 10.000 quân của mình ra đối mặt với 20.000 quân Thổ trên cánh đồng Hēlioupolis. Ông vực dậy nhuệ khí của binh sĩ với thông điệp đơn giản: “Ở Ai Cập các bạn không có gì hơn là đất dưới chân. Nếu chỉ lùi một bước, các bạn coi như tiêu”³⁶. Sau hai ngày giao tranh (ngày 20 và 21.3.1800), lòng can đảm điên cuồng của quân Thổ phải chịu thua trước những chiến thuật có kỷ luật của quân Pháp và những người chiến thắng quay về Cairo để lại chờ cứu viện từ Pháp.

Napoléon không thể gửi quân đến ứng cứu một khi người Anh còn làm bá chủ Địa Trung Hải. Nhưng ông phải làm điều gì đó đối với việc vị tướng 71 tuổi là Nam tước von Melas đã dẫn 100.000 quân Áo thiện chiến nhất đặc thắng tiến qua miền bắc nước Ý đến Milano. Napoléon cử Masséna ra chặn ông ta lại; Masséna bị đánh bại, phải đưa quân sĩ vào trú ẩn trong thành Genova. Melas để một lực lượng ở lại bao vây ông ta, bố trí những phân đội khác canh giữ các ngọn đèo trên dãy Alpes để chống đỡ những cuộc tấn công từ Pháp, và thắng tiến dọc theo miền duyên hải Riviera của Ý cho đến khi đội quân tiên phong của ông đến được Nice (tháng Tư năm 1800). Tình thế đã bị đảo ngược đối với Napoléon: thành phố nơi ông bắt đầu cuộc chinh phục xứ Lombardia giờ đây nằm trong tay của quốc gia ông từng đánh bại – trong khi bộ phận

ưu tú nhất của Đạo quân Ý nổi tiếng của ông bị cô lập trong cảnh đẫm máu đang mòn mỏi kiệt sức, không được giúp đỡ, và tuyệt vọng ở Ai Cập. Đây là thử thách quan trọng nhất mà Napoléon từng gặp phải.

Ông đặt việc cai trị sang một bên và trở lại thành vị Tổng tư lệnh, huy động tiền bạc, binh sĩ, vật liệu, và tinh thần, tổ chức công tác hậu cần, nghiên cứu các bản đồ, gửi chỉ thị cho các tướng lĩnh. Ông ủy thác cho Moreau – kẻ trực tính nhất trong các kẻ thù của ông trong quân đội - Đạo quân sông Rhein với những chỉ thị tàn nhẫn: vượt qua sông Rhein, mở đường đi xuyên qua các sư đoàn của Thống chế Krug rồi gửi 25.000 người trong số binh sĩ của ông vượt qua Đèo San Gottardo tiến vào Ý để tăng cường cho Đạo quân dự bị mà Napoléon hứa sẽ chờ họ ở gần Milano. Moreau thực hiện hầu hết các nhiệm vụ này một cách anh hùng, nhưng cảm thấy, có thể đúng, rằng trong vị thế nguy hiểm của mình ông chỉ có thể dành cho vị chỉ huy 15.000 người.

Trong tất cả các chiến dịch của vị tướng vĩ đại nhất lịch sử, chiến dịch năm 1800 này được lên kế hoạch tinh vi nhất nhưng lại được thực hiện tệ hại nhất. Dưới quyền chỉ huy trực tiếp của mình ông chỉ có 40.000 người, phần lớn người nhập ngũ chưa được tôi luyện trong chiến trận. Đóng quân gần Dijon, đáng lẽ họ phải di chuyển về hướng nam qua vùng Alpes Maritimes đến Nice để tấn công trực diện Melas nhưng do quân số quá ít và chưa có kinh nghiệm và thậm chí nếu Melas bị đánh bại trong một cuộc giao chiến như vậy ông ta cũng vẫn có một chiến tuyến được bảo vệ để rút lui qua miền bắc nước Ý đến thành Mantova được phòng thủ kiên cố. Thay vì vậy, Napoléon chủ trương đưa quân sĩ và khí tài qua Đèo San Bernardo để vào Lombardia, kết hợp với số quân mà ông mong Moreau sẽ gửi xuống, cắt đứt các tuyến liên lạc của Melas, vượt qua các phân đội Áo canh giữ chiến tuyến ấy, và bắt kịp đạo quân hỗn loạn của vị anh hùng già

khi nó từ Riviera và Genova vội vã tháo lui về Milano. Lúc ấy ông sẽ tiêu diệt nó hay là bị tiêu diệt; tốt nhất là ông muốn bao vây nó, ngăn chặn đường tháo lui, và buộc vị tướng của nó – với mọi sự kính trọng được tuân thủ – giao nộp lại toàn bộ miền bắc nước Ý. Cộng hòa Cisalpina, niềm kiêu hãnh của các chiến dịch đầu tiên của Napoléon, sẽ được khôi phục dưới sự phục tùng nước Pháp.

Một ngày nọ (17.3.1800), Napoléon bảo Bourrienne trải tấm bản đồ rộng lớn của nước Ý lên sàn nhà. “Ông nằm lên nó và bảo tôi cũng làm thế”. Trên vài điểm ông cắm những chiếc kim có đầu đỏ, trên những điểm khác ông cắm kim đầu đen. Sau khi xoay chuyển những cây kim theo nhiều cách phối hợp khác nhau, ông hỏi người thư ký, “Anh nghĩ ta sẽ đánh Melas ở đâu?... Ở đây, trong những đồng bằng của [sông] Scrivia,” và ông hướng mắt về về San Giuliano³⁷. Ông biết mình đang đánh cược mọi thứ – tất cả các chiến thắng về quân sự lẫn chính trị – lên một trận đánh, nhưng lòng kiêu hãnh đã nâng đỡ ông. “Cách đây bốn năm,” ông nhắc lại với Bourrienne, “chẳng phải ta đã đẩy lùi những đoàn quân Sardegnaⁱ và Áo bằng một đạo quân nhỏ bé chẳng? Chúng ta sẽ lại làm thế. Mặt trời giờ đây chiếu sáng chúng ta cũng chính là ánh nắng đã chiếu sáng Arcole và Lodi. Ta tin cậy vào Masséna. Ta hy vọng anh ta sẽ kiên trì chống cự ở Genova. Nhưng nếu cái dối buộc anh ta phải đầu hàng, ta sẽ chiếm lại Genova và đồng bằng sông Scrivia. Thật vui thích khi ta trở về nước Pháp thân yêu của ta, “*ma belle France!*”³⁸ (nước Pháp xinh đẹp của ta!).

Ông tăng cường chuẩn bị phòng xa, không bỏ qua bất cứ chi tiết vụn vặt nào. Ông vẽ bản đồ đường đi và việc vận chuyển từ Dijon đến Genève; đi thuyền trên hồ Villeneuve; đi bằng ngựa, la, xe chở pháo, xe ghế dài, hoặc đi bộ đến Martigny; từ đó đến chân Đèo St. Pierre; rồi đi trên núi qua 30 dặm đường đôi khi chỉ rộng 0,9 mét, thường men theo

i Anh, Sardinia

những vực sâu tuyết phủ bên trên, và rất dễ gặp cảnh tuyết, đất, hay đá lở; rồi tiến vào Valle d'Aosta. Trên mỗi đoạn đường Napoléon cho bố trí sẵn lương thực, quần áo, và phương tiện vận chuyển cho binh lính; ở nhiều điểm các thợ mộc, thợ đóng yên ngựa, và các công nhân khác túc trực sẵn để sửa chữa; và hai lần trên đường đi mọi binh sĩ đều được kiểm tra xem có được trang bị hợp thức không. Ông gửi tiền cho các tu sĩ sống trong các trạm dừng chân trên đỉnh núi để họ chuẩn bị bánh mì, pho-mát, và rượu vang nhằm làm cho binh lính phần khởi. Mặc dù tất cả những sự chuẩn bị này vẫn còn nhiều thiếu sót nhưng những người lính đi nghĩa vụ đường như vẫn chịu đựng được với lòng kiên trì được gọi lên bởi lòng can đảm thầm lặng của những người lính kỳ cựu.

Napoléon rời Paris ngày 6.5.1800. Ông vừa mới khuất dạng thì những kẻ bảo hoàng, Jacobin, và các thành viên trong gia đình Bonaparte đã bắt đầu bàn chuyện thay thế ông trong trường hợp ông không chiến thắng trở về. Sieyès và những người khác thảo luận về các phẩm chất của Carnot, Lafayette và Moreau để chọn ra vị Đệ nhất Tổng tài mới; và các anh em của Napoléon là Joseph và Lucien đề nghị mình như những người thừa kế hiển nhiên ngay vàng. Georges Cadoudal quay về từ Anh quốc để khuấy động cuộc nổi dậy của những người Chouansⁱ.

Cuộc chạm trán ở Đèo San Bernardo bắt đầu vào ngày 14 tháng Năm. “Tất cả chúng tôi tiến dọc theo những lối mòn của dê, người và ngựa từng người một,” Bourrienne kể lại. “Những khẩu pháo được tháo ra, và những cây súng, đặt trong những thân cây khoét rỗng, được kéo bằng dây thừng... Khi lên tới đỉnh... chúng tôi ngồi lên tuyết và trượt xuống”³⁹. Kỵ binh cũng xuống ngựa, vì một cú trượt chân của những con ngựa thiếu kinh nghiệm cũng có thể đưa cả người và vật vào chỗ chết. Mỗi ngày đều có một sư đoàn thành công vượt

ⁱ Chouans: Những người nổi dậy theo phe bảo hoàng chống lại phe cộng hòa ở vùng Bretagne, Maine, Normandie,... thời Cách mạng Pháp.

qua ngọn đèo, đến ngày 20 tháng Năm cuộc vượt đèo hoàn tất và Đạo quân dự bị an toàn trên đất Ý.

Napoléon nán lại Martigny – một trạm dừng chân nằm giữa đường đi từ hồ Genève đến ngọn đèo – cho đến khi nhìn thấy kiện quân nhu cuối cùng được chuyển đi. Rồi ông đi ngựa đến chân đèo, leo lên đỉnh. Tại đây ông dừng lại cảm ơn các tu sĩ đã giúp binh sĩ khỏe khoắn tươi tỉnh, rồi ông trượt xuống dốc trong chiếc áo choàng nặng nề, và bắt kịp đạo quân của mình ở Aosta vào ngày 21 tháng Năm. Tướng Lannes đã chiến thắng các phân đội quân Áo gặp trên đường đi. Ngày 2 tháng Sáu Napoléon tiến vào Milano lần thứ hai với tư cách kẻ chiến thắng lực lượng đồn trú của Áo ở đây. Dân chúng Ý chào mừng ông như trước đây; nước Cộng hòa Cisalpina được hân hoan phục hồi. Sau khi đã cải đạo từ Islam giáo, nhà chinh phục kêu gọi triệu tập hội nghị các chức sắc trong giáo hội Công giáo Milano, bảo đảm với họ lòng trung thành của ông đối với Giáo hội, và cho biết sau khi quay về Paris ông sẽ hòa giải nước Pháp với Giáo hội. Sau khi đã bảo vệ sân sau của mình như thế, ông rảnh tay lập kế hoạch chi tiết cho chiến dịch của mình.

Cả hai vị chỉ huy đều vi phạm nguyên tắc hàng đầu của chiến lược – không phân chia các lực lượng sẵn có đến mức vượt quá khả năng tái hợp nhanh chóng. Nam tước von Melas, trong khi đóng cùng đạo quân chính ở Alessandria (giữa Milano và Genova), đã để những đơn vị đồn trú ở Genova, Savona, Gavi, Acqui, Torino, Tortona, và những điểm khác có thể bị quân Pháp tấn công. Đội quân hậu vệ, trong khi rút lui từ Nice về kết hợp với ông đã bị 20.000 quân Pháp quấy rối dưới sự chỉ huy của Suchet và Massénat – người đã thoát khỏi Genova. Trong số 70.000 quân Áo từng vượt qua rừng Appennini từ Lombardia đến Liguria, chỉ còn 40.000 người có sẵn trong tay để Melas đối đầu với Napoléon. Một phần trong số các binh sĩ này được ông gửi đi chiếm lại Piacenza trong trường hợp cần phải thoát về Mantova nếu đạo quân

chính của ông bị đánh bại. Napoléon cũng phân chia lực lượng của mình ra một cách nguy hiểm: 32.000 quân được ông để lại Stradella bảo vệ Piacenza, 9.000 ở Ticino, 3.000 ở Milano và 10.000 dọc sông Po và sông Adda. Ông hy sinh đạo quân thống nhất của mình với mong muốn khóa chặt mọi con đường thoát thân của binh lính Melas.

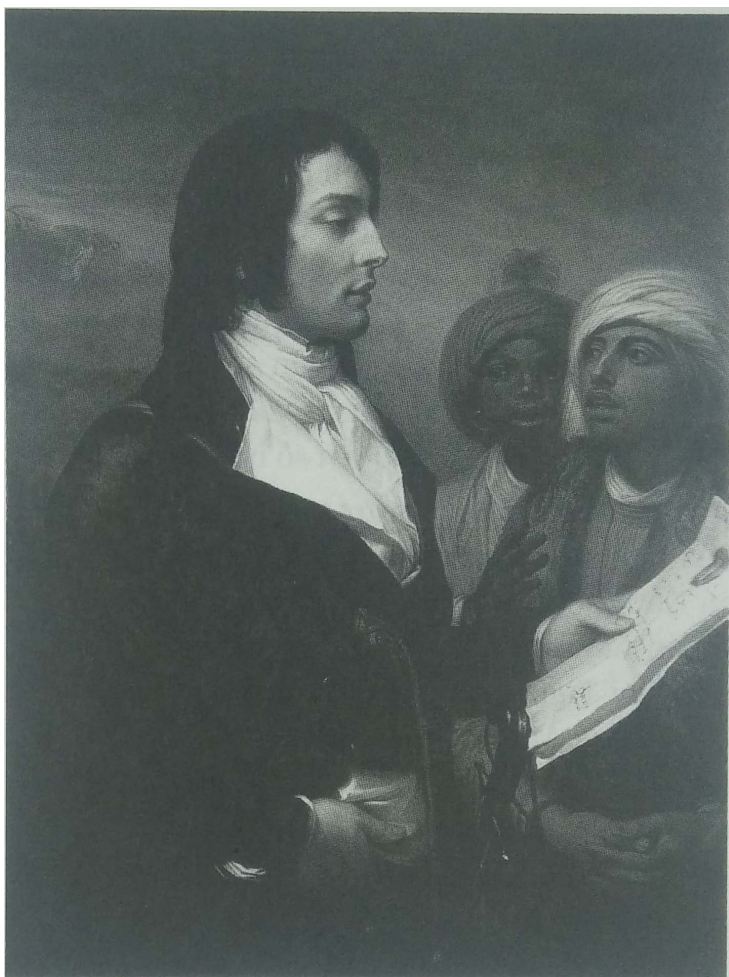
Các tướng lĩnh của ông đã hợp tác cứu vãn chính sách ngỗ cụt này để tránh chuyện Napoléon không chuẩn bị gì cho trận đánh chính. Ngày 9 tháng Sáu, Lannes dẫn đầu 8.000 quân ra khỏi Stradella, và chạm trán với 18.000 quân Áo đang đi về Piacenza. Trong trận đánh tai hại ở Casteggio, quân Pháp bị đẩy lùi mặc dù Lannes, người đầy máu, vẫn chiến đấu trong hàng ngũ quân tiên phong; nhưng một lực lượng mới gồm 6.000 quân Pháp đã kịp thời đến chuyển bại thành thắng ở gần Montebello. Hai ngày sau, Napoléon vui sướng đón mừng một trong những vị tướng được ông yêu quý nhất, Tướng Louis Desaix trở về từ Ai Cập, “người có lẽ sánh ngang với Moreau, Masséna, Kléber, và Lannes về tài quân sự nhưng vượt hẳn tất cả bọn họ ở sự hoàn hảo hiếm có nơi tính cách”⁴⁰. Ngày 13 tháng Năm, Napoléon cử ông về phương nam đến Novi dẫn theo 5.000 quân để kiểm tra tin đồn Melas và binh lính của ông ta đang trốn về Genova, nơi một hạm đội Anh có thể đã giúp họ thoát thân hoặc củng cố lực lượng với lương thực và quân nhu. Do đó, đạo quân chính của Napoléon lại càng tiêu giảm thêm nữa khi trận đánh quyết định đến vào ngày 14 tháng Sáu.

Chính Melas là người chọn địa điểm. Gần Marengo, ngôi làng nằm trên con đường từ Alessandria đi Piacenza, ông chú ý đến một cánh đồng mênh mông nơi ông có thể hợp nhất hành động của 35.000 quân hãy còn dưới sự chỉ huy của mình cùng với 200 khẩu pháo. Tuy nhiên, khi Napoléon đến đồng bằng này (ngày 13 tháng Sáu), ông không thấy bằng chứng nào chứng tỏ Melas đang dự tính mạo hiểm ra ngoài Alessandria. Ông để lại Marengo hai sư đoàn dưới quyền

Tướng Victor, và một dưới quyền Lannes cùng với kỵ binh của Murat và chỉ 24 khẩu đại bác. Bản thân ông quay lại cùng Đội Vệ binh Tổng tài của mình hướng về Voghera, nơi ông đã sắp xếp để gặp các sĩ quan tham mưu từ các đạo quân rải rác của mình. Khi đến Scrivia thì nước con sông này đang dâng do những cơn lũ mùa xuân nên ông hoãn chuyển đi và ngủ lại ở Torre di Garofolo. Đây là sự trì hoãn may mắn vì nếu đi tiếp đến Voghera thì ông sẽ không bao giờ có thể quay lại Marengo kịp lúc để ban những mệnh lệnh cứu vãn tình thế.

Sáng sớm ngày 14 tháng Sáu Melas ra lệnh cho quân lính tiến vào đồng bằng Marengo, và giao chiến để mở lối đến Piacenza. Ba mươi ngàn quân của ông bất ngờ tấn công 20.000 lính của Victor, Lannes, và Moreau. Quân Pháp, mặc dù vẫn chiến đấu anh dũng như thường lệ, đã phải rút lui trước hỏa lực pháo binh mạnh gấp mười lần của địch. Napoléon, bị đánh thức ở Garofolo vì tiếng đại bác từ xa vọng lại, đã gửi phái viên đi gọi Desaix từ Novi quay về và bản thân ông cũng lao tới Marengo. Tại đây 800 binh sĩ thuộc đội cận vệ của ông lao vào trận chiến nhưng không thể chặn đứng quân Áo; quân Pháp tiếp tục rút lui về San Giuliano. Melas, nóng lòng muốn trấn an Hoàng đế [Áo], đã gửi về Wien bức thông điệp báo tin chiến thắng. Nội dung báo cáo cũng được lan truyền ở Paris, trước sự sững sốt của dân chúng và sự thích thú của những kẻ bảo hoàng.

Họ đã không nghĩ đến Desaix. Ông này, khi đang trên đường tới Novi, cũng nghe thấy tiếng đại bác ầm ầm nên lập tức quay lại cùng 5.000 quân lần theo hướng có tiếng súng, tức tốc hành quân về đến San Giuliano lúc 3 giờ chiều và thấy các tướng lĩnh anh em của mình đang khuyên Napoléon nên rút lui tiếp. Desaix phản đối nhưng họ bảo ông ta, “Chúng ta thua trận rồi”; ông đáp lại: “Đúng, chúng ta thua trận, nhưng giờ chỉ mới 3 giờ chiều, vẫn còn thời gian để thắng một trận khác”⁴¹. Thế là họ đành nhượng bộ ông. Napoléon tổ chức tuyển tấn công mới và cưỡi ngựa đi giữa các binh sĩ



Hình 6: Louis Charles Desaix (Andrea Appiani, 1800)

để phục hồi tinh thần họ. Desaix dẫn đầu cuộc tấn công, lao vào chốn nguy hiểm, bị bắn và ngã xuống khỏi yên ngựa. Trong cơn hấp hối, ông xin vị chỉ huy phó của mình, “hãy giấu cái chết của ta; nó sẽ làm quân sĩ nản lòng mất”⁴². Nhưng khi biết được tin này, họ đã lao về phía trước, thét lên rằng sẽ báo thù cho vị chỉ huy. Tuy nhiên, họ vẫn vấp phải sức kháng cự hầu như không thể lay chuyển. Thấy thế, Napoléon ra lệnh cho Kellermann đưa toàn bộ lực lượng kỵ binh đến ứng cứu. Kellermann và binh lính giận dữ tấn công vào mạn sườn quân Áo một cách điên dại, cắt lực lượng địch làm đôi và buộc 2.000 quân phải đầu hàng; Tướng von Zach, chỉ huy

thay cho Melas vắng mặt, bị bắt làm tù binh, đã giao nộp thanh gươm của mình cho Napoléon. Melas, được triệu hồi từ Alessandria, đã tới quá trễ nên không thể thay đổi cục diện; ông quay về tổng hành dinh mà cõi lòng tan nát.

Napoléon không thể vui mừng hoàn toàn vì chịu tổn thất cá nhân rất lớn bởi cái chết của vị tướng tận tụy Desaix và nhiều sĩ quan khác trong số 6.000 người Pháp nằm chết trên cánh đồng Marengo. Việc 8.000 quân Áo bị tiêu diệt vào ngày hôm ấy cũng không an ủi ông được vì đó chỉ là tỉ lệ nhỏ trong số quân Áo tham chiến nếu so với số binh sĩ Pháp tử trậnⁱ.

Ngày 15 tháng Sáu, Nam tước von Melas, khi thấy đám tàn quân của mình không còn có thể tiếp tục chiến đấu nữa, đã yêu cầu Napoléon về những điều khoản hưu chiến. Những điều khoản này khá trầm trọng: tất cả quân Áo phải hoàn toàn rút khỏi Liguria, Piemonte và toàn bộ xứ Lombardia ở phía tây sông Mincio và tỉnh Mantova; họ phải giao cho Pháp tất cả các pháo đài trong những vùng đã giao nộp; quân Áo được phép ra đi với tất cả danh dự chiến tranh, nhưng chỉ theo tiến độ các pháo đài được giao vào tay người Pháp. Melas chịu khuất phục trước các điều kiện này, vốn khiến cho tất cả những cuộc chinh phục hoan khoái của ông bị tiêu tan trong vòng một ngày, và gửi về cho Hoàng đế Áo kiến nghị xin phê chuẩn bản thoả hiệp. Ngày 16 tháng Sáu Napoléon gửi cho Franz II thông điệp của chính ông, kêu gọi hòa bình trên mọi mặt trận. Vài đoạn trong bức thư này có lẽ đến từ một người theo chủ nghĩa hòa bình:

Giữa chúng ta đã xảy ra chiến tranh. Hàng ngàn người Áo và Pháp giờ không còn nữa... Hàng ngàn gia đình bị mất người

i Chỉ do việc liên lạc khó khăn nên Napoléon không biết là vào cùng ngày Desaix chấm dứt sự nghiệp của mình, vị chỉ huy cũ của ông, Kléber, đã bị ám sát ở Cairo. Sau một năm nữa kháng cự với những cuộc tấn công của quân Thổ – Anh – Mameluke, quân Pháp mới được quyền rời khỏi nhà tù của mình (tháng Tám năm 1801) và quay về Pháp [Durant].

thân đang cầu nguyện cho cha, chồng, con mình trở về!... Điều tai hại không sao khắc phục được; mong sao nó dạy cho chúng ta nên tránh bất cứ điều gì có thể kéo dài những sự thù nghịch! Viễn tượng làm xúc động lòng tôi tới mức tôi không muốn chấp nhận thất bại trong các đề nghị trước đây của mình, và chấp nhận đánh cuộc với mình khi viết thư cho Bộ hạ nài xin Ngài chấm dứt những nỗi bất hạnh của châu Âu.

Trên chiến trường Marengo, bị vây quanh bởi các thương binh và giữa 15.000 tử thi, tôi cầu xin Ngài hãy nghe tiếng khóc của nhân loại, và đừng cho phép những đứa con của hai dân tộc can đảm và hùng cường tàn sát lẫn nhau vì những mối bận tâm mà họ không hề biết... Chiến dịch gần đây cũng đủ là bằng chứng cho thấy không phải Pháp là nước đe dọa cán cân quyền lực. Mỗi ngày đều cho thấy đó là nước Anh – nước Anh, nước đã chiếm độc quyền nền thương mại thế giới và thế kiểm soát biển cả đến mức một mình nó có thể chống lại liên hiệp các hạm đội của Nga, Thụy Điển, Đan Mạch, Pháp, Tây Ban Nha, và Hà Lan...

Tôi xin đưa ra một số đề nghị mà tôi tin là đúng đắn với Bộ hạ như sau:

1. Sự đình chiến nên nói rộng ra cho tất cả các đạo quân.

2. Hai bên sẽ gửi các nhà thương thuyết một cách bí mật hoặc công khai tùy Bộ hạ, đến một nơi nào đó giữa [các sông] Mincio và Chiese để thoả thuận các phương cách bảo đảm cho các cường quốc nhỏ hơn, đồng thời làm sáng tỏ những điều khoản của Hiệp ước Campoformio mà kinh nghiệm cho thấy còn mơ hồ... ⁴³

Vị Hoàng đế không có ấn tượng gì rõ ràng. Hiển nhiên là nhà chinh phục trẻ muốn củng cố những món lợi của mình, nhưng không có dấu chỉ gì cho thấy việc tôn trọng mạng sống con người lại can dự vào những chiến dịch của ông. Có lẽ vị Tổng tài cũng như vị Hoàng đế không ai ngừng hỏi người Pháp hay người Áo đang làm gì ở Ý. Nam tước von

Thugut giải quyết vấn đề bằng cách ký (20.6.1800) một hiệp ước theo đó Anh sẽ cấp cho Áo một khoản trợ cấp mới nếu nước này cam kết không ký hòa ước riêng rẽ [với Pháp]⁴⁴.

Trong khi ấy Napoléon, sau khi đã đưa ra tất cả các quân bài của mình, đã dự (ngày 18 tháng Bảy) Thánh lễ Tạ ơn long trọng trong đó các vị chức sắc của Giáo hội Milano bày tỏ lòng biết ơn Chúa vì đã trục xuất được người Áo. Những người không theo đạo ăn mừng chiến thắng bằng những cuộc diễu hành nhằm tôn vinh người chiến thắng. “Bourrienne”, ông hỏi viên thư ký của mình, “anh có nghe những lời hoan hô hầy còn vang rền không? Âm thanh ấy cũng ngọt ngào với ta như giọng nói của Joséphine. Ta hạnh phúc và kiêu hãnh biết bao khi được một dân tộc như thế này yêu mến!”⁴⁵. Ông vẫn còn là một người Ý, yêu mến ngôn ngữ, cảm xúc mạnh mẽ và vẻ đẹp, những vườn cây ăn quả có vòng hoa trang trí, tôn giáo khoan dung, những buổi hành lễ du dương, và những ca khúc aria siêu thoát. Nhưng ông cũng lấy làm cảm động trước những lời tung hô nhiệt liệt của các đám đông tụ tập trước Cung điện Tuileries ngày 3 tháng Bảy, vào buổi sáng sau cái đêm ông trở về Paris. Dân tộc Pháp bắt đầu nghĩ về ông như đứa con cưng của Chúa; họ hăm hở uống cạn chén vinh quang.

Và Louis XVIII, người kế thừa hàng thế kỷ xung đột giữa dòng họ Bourbon của Pháp và Habsburg của Áo khó có thể lãnh đạm trước chiến thắng mới đối với những kẻ cựu thù này. Có lẽ nhà chinh phục mới vẫn còn có thể bị thuyết phục để trở thành kẻ tạo ra vua, chứ không phải là vua. Do đó, vào một ngày không rõ mùa hè năm 1800, ông lại viết cho Napoléon:

Thưa Tướng quân, chắc hẳn Tướng quân đã từ lâu tin rằng mình có được sự quý trọng nơi tôi. Nếu còn nghi ngờ lòng biết ơn của tôi, Ngài hãy xác định phần thưởng cho Ngài cũng như đề xuất số phận mà Ngài muốn có cho các chiến hữu của mình. Về phương châm xử thế của tôi, tôi là người Pháp, có lòng khoan dung tự bản chất cũng như theo mệnh lệnh của lý trí.

Không, nhà chiến thắng ở Lodi, Castiglione, và Arcole, nhà chinh phục Ai Cập và nước Ý, đâu thể chuộng danh tiếng phù phiếm hơn vinh quang thật sự. Nhưng Ngài đang đánh mất thời gian quý báu của mình. Chúng ta có thể bảo đảm vinh quang cho nước Pháp. Tôi nói chúng ta, bởi vì tôi cần sự giúp đỡ của Bonaparte, và ông ta không thể làm được gì nếu không có tôi.

Tướng quân, châu Âu đang dõi theo Ngài. Vinh quang đang chờ đợi Ngài, và tôi đang nóng lòng phục hồi nền hòa bình cho dân tộc mình.

LOUIS⁴⁶

Sau nhiều lần trì hoãn, Napoléon trả lời cho bức thư này vào ngày 7 tháng Chín:

THƯA NGÀI,

Tôi đã nhận được bức thư của Ngài. Xin cảm ơn những nhận xét tử tế của Ngài về bản thân tôi. Ngài nên từ bỏ mọi hy vọng quay về Pháp; Ngài sẽ phải hoàn trả lại hơn một trăm ngàn xác chết. Hãy hy sinh các quyền lợi riêng tư của Ngài cho hòa bình và hạnh phúc của nước Pháp... Lịch sử sẽ không quên. Tôi không phải không xúc động trước những bất hạnh của gia đình Ngài... Tôi sẽ vui lòng làm bất cứ điều gì có thể để giúp cho cảnh ảm đạm của Ngài thêm thú vị và yên ổn⁴⁷.

Bức thư của Louis đến từ nơi nương náu tạm thời của ông ở Nga. Có lẽ ông đang ở đây khi vào tháng Bảy năm 1800 Sa hoàng Pavel I nhận được từ Napoléon món quà suýt nữa có thể thay đổi dòng lịch sử. Trong cuộc chiến năm 1799, khoảng 6.000 quân Nga đã bị người Pháp bắt làm tù binh. Napoléon đề nghị giao họ cho Anh và Áo (vốn là đồng minh của Nga) để đổi lại các tù binh Pháp, nhưng bị từ chối⁴⁸. Vì nước Pháp không biết dùng họ như thế nào cho hợp lý, và thấy giữ họ lại cũng tốn kém nên Napoléon ra lệnh trang bị vũ khí và mặc đồng phục mới cho họ, và gửi trả họ về cho Sa hoàng mà không đòi đổi lại bất cứ điều gì⁴⁹. Pavel đáp lại bằng những lời

bày tỏ tình hữu nghị với nước Pháp, và bằng cách thành lập (18.12.1800) Đế nhị Liên minh Quốc gia Trung lập Vũ trang chống lại nước Anh. Ngày 23.3.1801 Pavel bị ám sát, và các cường quốc quay trở lại *status quo ante donum*ⁱⁱ.

Trong khi ấy Hoàng đế Áo bác bỏ thỏa ước hưu chiến Alessandria, và gửi 80.000 quân dưới quyền Tướng von Bellegarde trấn giữ chiến tuyến dọc sông Mincio. Quân Pháp đáp lại bằng cách đẩy lùi quân Áo ra khỏi Toscana, và tấn công lực lượng của họ ở Bayern. Ngày 3.12.1800, 60.000 quân của Moreau giao chiến với 65.000 quân Áo ở Hohenlinden (gần München), và hoàn toàn đánh bại lực lượng này, bắt sống 2.500 tù binh. Điều này đã khiến Chính phủ Áo, thấy Wien nằm trong tay Moreau định đoạt, phải ký một thỏa ước hưu chiến tổng quát (25.12.1800), và đồng ý thực hiện cuộc hòa đàm riêng rẽ với Chính phủ Pháp. Trên đường trở về Paris, Moreau nhận được sự hoan nghênh có lẽ gây cho Napoléon những cảm xúc trái ngược, vì Moreau là ứng viên được cả những người bảo hoàng lẫn Jacobin ưa thích có thể thay thế Napoléon trong vai trò quốc trưởng.

Các âm mưu ám sát Napoléon vẫn tiếp tục dai dẳng. Đầu năm 1800, người ta thấy một hộp đựng thuốc lá để hít, gần giống với hộp mà vị Đế nhất Tổng tài hay dùng, trên bàn viết của ông ở Malmaison; chiếc hộp chứa chất độc lẫn trong thuốc lá⁵⁰. Ngày 14 tháng Chín và ngày 10 tháng Mười, nhiều người Jacobin bị bắt và bị buộc tội âm mưu ám sát Napoléon. Ngày 24 tháng Mười hai, ba người Chouan, được Georges Cadoudal đưa từ Bretagne đến, đã lao “cổ máy địa ngục” nạp đầy chất nổ vào nhóm người đang đưa Tổng tài và gia đình ông đến rạp Opera. 22 người chết, 56 người bị thương nhưng không có ai trong đoàn tùy tùng của Napoléon. Ông đi tiếp đến rạp hát với vẻ ngoài bình thản; nhưng khi trở về Cung điện Tuileries ông liền ra lệnh mở cuộc điều tra thấu

i Second League of Armed Neutrality.

ii *Status quo ante donum* (Latin): Hiện trạng như trước khi có món quà.

đáo, hành quyết những người Jacobin đang bị giam và giam giữ hoặc trục xuất 130 người nữa bị bắt do nghi ngờ. Fouché, vốn tin những kẻ chủ mưu thuộc phe bảo hoàng chứ không phải Jacobin, đã ra lệnh bắt 100 người trong bọn họ, và đưa hai người trong số này lên máy chém (1.4.1801). Napoléon đã ra tay quá trớn và không thêm đếm xỉa đến pháp luật, nhưng ông cảm thấy đang tham chiến nên cần phải gieo rắc nỗi khiếp sợ vào lòng những kẻ mà bản thân họ cũng khinh thường luật pháp. Càng lúc ông càng cảm thấy thù địch với những người Jacobin và khoan dung với những kẻ bảo hoàng.

Ngày 20.10.1800 ông đề nghị các phụ tá xóa bỏ khỏi danh sách *émigré* tên của những người sẽ được phép trở về Pháp, và sẽ nhận lại những tài sản bị tịch biên mà không bị nhà nước bán đi hay bị sung công. Giờ đây có khoảng 100.000 *émigré*, và nhiều người trong số họ đã xin phép trở về. Trước sự chống đối của những người đã mua các tài sản bị tịch thu giờ đang lo lắng, Napoléon vẫn cho “xóa bỏ” 49.000 tên, đồng nghĩa với việc 49.000 *émigré* sẽ được phép trở về. Những sự “xóa bỏ” thêm sẽ thi thoảng được thực hiện với hy vọng làm giảm bớt sự thù địch từ bên ngoài đối với nước Pháp và xúc tiến nền hòa bình chung cho cả châu Âu. Phe bảo hoàng vui mừng, phe Jacobin than khóc.

Bước đi chính trong chương trình hòa bình này là cuộc họp giữa các nhà thương thuyết Pháp và Áo tại Lunéville (gần Nancy). Napoléon không cử Talleyrand mà là Joseph, anh trai của ông để đại diện cho phía Pháp; và Joseph đã hoàn thành tốt sứ mạng. Trong mỗi bước đi ông đều được ủng hộ bởi vị Tổng tài không thể lay chuyển, người luôn mở rộng các đòi hỏi của mình mỗi khi bên phía Áo trì hoãn. Cuối cùng, khi thấy các đạo quân Pháp nuốt trọn gần hết nước Ý và đang gõ cửa thành Wien, phía Áo nhượng bộ, và ký kết cái mà họ gọi một cách dễ hiểu là Hòa ước “khủng khiếp” Lunéville (9.2.1801). Nước Áo công nhận nước Bỉ, Luxembourg, và phần đất nằm bên tả ngạn sông Rhein từ Bắc Hải đến Basel

là lãnh thổ của Pháp; xác nhận Hiệp ước Campoformio; chấp nhận quyền bá chủ của Pháp trên vùng đất Ý nằm giữa rặng Alps và Napoli và giữa Adige và Nice, và quyền bảo hộ của Pháp đối với Cộng hòa Batavia (Hà Lan) và Cộng hòa Helvetii (Thụy Sĩ). “Nước Áo coi như tiêu tùng”, vị Bộ trưởng nước Phổ Haugwitz viết, “giờ đây nó phải phụ thuộc vào mỗi mình nước Pháp mới có thể thiết lập nền hoà bình ở châu Âu”⁵¹. Thị trường chứng khoán Paris tăng lên 20 điểm trong một ngày, và những người công nhân ở Paris, thích chiến thắng hơn những lá phiếu, đã ăn mừng thành quả của Napoléon trong ngoại giao cũng như chiến tranh bằng tiếng hô mừng “Bonaparte muôn năm!”. Tuy nhiên, có lẽ Lunéville đúng là chiến tranh hơn là ngoại giao; đó là chiến thắng của lòng kiêu hãnh đối với sự thận trọng, vì trong nó đã nảy sinh mầm mống của nhiều cuộc chiến, kết thúc ở Waterloo.

Những cuộc thương thuyết khác mang lại càng thêm nhiều quyền lực. Hiệp ước với Tây Ban Nha (1.10.1800) đem lại vùng Louisiana cho Pháp. Hiệp ước Firenze (18.3.1801) ký với Vua xứ Napoli cho Pháp đảo Elba và những thuộc địa của Napoli ở miền trung nước Ý, đồng thời đóng các cửa khẩu của Napoli đối với việc giao thương với Anh và Thổ Nhĩ Kỳ. Yêu sách từ lâu của Pháp đối với St. Domingue – khu vực phía tây của đảo Hispanola – đã đưa Napoléon đến chỗ xung đột với một người hầu như muốn cạnh tranh với ông về sức mạnh của cá tính. François-Dominique Toussaint – tự gọi là L'Ouverture – sinh ra là một người nô lệ da đen vào năm 1743. Ở tuổi 48, cái tuổi được cho là thận trọng, ông cầm đầu những người nô lệ ở St. Domingue trong cuộc nổi loạn thành công, và bước đầu kiểm soát khu vực của người Pháp, rồi của người Tây Ban Nha trên đảo. Ông cai trị khéo léo, nhưng thấy khó phục hồi trật tự sản xuất giữa những người da đen đã được giải phóng, vốn thích lối sống an nhàn dường như do ảnh hưởng của khí hậu nóng bức. Toussaint cho phép nhiều người chủ cũ quay lại đồn điền của họ và thiết lập trật tự làm

việc gần như chế độ nô lệ. Về mặt lý thuyết ông công nhận chủ quyền của Pháp đối với St. Domingue; tuy nhiên, trong thực tế ông nắm lấy tước hiệu toàn quyền trọn đời, cùng quyền bổ nhiệm người kế vị – rất giống với điều Napoléon sắp làm ở Pháp. Năm 1801, Đệ nhất Tổng tài phái 20.000 quân dưới quyền Tướng Charles Leclerc sang giành lại quyền hành ở St. Domingue về cho người Pháp. Toussaint chiến đấu dũng cảm, bị đánh bại, và chết trong ngục ở Pháp (1803). Năm 1803, toàn bộ hòn đảo rơi vào tay người Anh.

Hạm đội Anh, vốn được hỗ trợ bởi sức bền của thương mại, công nghiệp, và khí cách Anh, vẫn còn là trở ngại hàng đầu đối với thành công của Napoléon trong suốt những năm cai trị của ông ngoại trừ có 2 năm. Được Eo biển bảo vệ khỏi bị chiến tranh tàn phá trực tiếp, giàu có nhờ ngành thương mại hàng hải vô song, những cửa cảng và lợi tức thu được từ thuộc địa, và sự ưu tiên dành cho cuộc Cách mạng Công nghiệp, nước Anh đã có thể có đủ khả năng tài trợ cho những đạo quân của các đồng minh trên lục địa trong những nỗ lực không ngừng nhằm lật đổ Napoléon. Các thương gia và chủ xí nghiệp đồng ý với George III, những người thuộc đảng Tory, giới *émigré*, và Edmund Burke rằng phục hồi dòng họ Bourbon lên ngai vàng nước Pháp là cách tốt nhất để có lại sự ổn định thoải mái thời Cựu Chế độ. Tuy nhiên, một thiểu số hùng mạnh do Charles James Fox dẫn đầu, những người thuộc đảng Whig theo khuynh hướng tự do, các công nhân cấp tiến, và các văn sĩ hùng biện đã phản đối rằng chiến tranh liên miên sẽ gieo rắc cảnh nghèo khó và khích động cách mạng, rằng Napoléon giờ đây là một *fait accompli* (sự đã rồi), và đã đến lúc tìm kiếm một *modus vivendi* với *gã condottiere*ⁱⁱ bất khả chiến bại này.

Ngoài ra họ còn biện luận, việc nước Anh hành xử như chủ nhân của biển cả đang tạo ra kẻ thù cho mình nhưng là

i *Modus vivendi* (Latin): tạm ước.

ii *Condottiere* (Ý): Người đứng đầu một đơn vị lính đánh thuê tư nhân ở Ý vào các thế kỷ XIV và XV.

những người bạn cho nước Pháp. Các đô đốc người Anh cho rằng việc phong tỏa nước Pháp buộc thủy thủ Anh được quyền lên tàu, khám xét các tàu trung lập và tịch thu hàng hóa đến Pháp. Tức giận với cách làm chẳng khác nào xâm phạm chủ quyền của họ, các nước Nga, Thụy Điển, Đan Mạch, và Phổ đã thành lập (tháng Mười hai năm 1800) Đề nghị Liên minh các nước trung lập có vũ trang, và đề nghị chống lại bất cứ hành động xâm nhập nào của nước Anh lên tàu họ trong tương lai. Khi sức nóng của cuộc xung đột gia tăng, người Đan Mạch chiếm giữ Hamburg (vốn đã trở thành cửa ngõ chính của Anh vào thị trường Trung Âu), và người Phổ chiếm lấy Hannover của George III. Phân nửa lục địa, mới gần đây còn liên kết chống nước Pháp, giờ đây thù địch nước Anh. Do nước Pháp đã kiểm soát các cửa sông và tả ngạn sông Rhein, phần lớn hàng hóa Anh không vào được các thị trường Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Đan Mạch, các quốc gia vùng Baltic, và Nga. Nước Ý đang đóng các cửa khẩu đối với thương mại Anh quốc, Tây Ban Nha đang gào thét đòi lại Gibraltar, còn Napoléon đang xây dựng một hạm đội cho cuộc xâm lăng nước Anh.

Nước Anh đánh trả lại, và lợi dụng một số vòng quay của bánh xe định mệnh. Một hạm đội Anh tiêu diệt một hạm đội Đan Mạch ở cảng København (1.4.1801). Sa hoàng Aleksandr I kế vị Pavel I ra lệnh bãi bỏ các chính sách của người tiền nhiệm, tổ cáo cuộc xâm chiếm Ai Cập của Napoléon, công nhận việc nước Anh chiếm đảo Malta từ tay Pháp, và ký một hiệp ước với nước Anh (17.6.1801); Đề nghị Liên minh các quốc gia trung lập vũ trang tàn dần. Tuy nhiên, sự suy sụp của kinh tế Anh, việc quân đội Pháp ngày càng phình to ở Boulogne, và sự sụp đổ của nước Áo mặc những khoản trợ cấp tốn kém đã khiến nước Anh thiên về tư tưởng hòa bình. Ngày 1.10.1801, các nhà thương thuyết của họ ký một thoả thuận sơ bộ cam kết nước Pháp sẽ nhượng Ai Cập lại cho Thổ Nhĩ Kỳ, và

nước Anh sẽ bàn giao Malta cho các hiệp sĩ của Thánh Ioannisⁱ trong vòng ba tháng; các nước Pháp, Hà Lan, và Tây Ban Nha sẽ phục hồi lại phần lớn các thuộc địa của họ đã bị chiếm; Pháp sẽ di chuyển toàn bộ binh sĩ ra khỏi miền trung và nam nước Ý. Sau bảy tuần tranh luận thêm, Anh và Pháp ký Hòa ước Amiens (27.3.1802) vốn được chờ đợi từ lâu. Khi vị đại diện của Napoléon đến London với các tài liệu đã được phê chuẩn, đám đông vui mừng thắng yên cương cho những con ngựa của ông và cùng kéo chiếc xe đến Bộ Ngoại giao giữa tiếng reo hò “*Vive la République française! Vive Napoléon!*” (Cộng hòa Pháp muôn năm! Napoléon muôn năm!)⁵².

Dân tộc Pháp xúc động với lòng biết ơn đối với chàng thanh niên – chỉ mới ba mươi hai tuổi – vì đã chấm dứt mười năm chiến tranh một cách vẻ vang. Toàn thể châu Âu công nhận khả năng của chàng như một vị tướng lĩnh; giờ đây họ thấy cùng tinh thần minh mẫn và kiên định ấy lại toả sáng trong lĩnh vực ngoại giao. Và Amiens mới chỉ là bước khởi đầu. Ngày 23.5.1802 ông ký hiệp ước với Phổ; ngày hôm sau, với Bayern; ngày 9 tháng Mười, với Thổ Nhĩ Kỳ; ngày 11 tháng Mười, với Nga. Khi ngày 9 tháng Mười một đến gần – kỷ niệm ngày 18 tháng Brumaire – ông sắp đặt để nó được cử hành như là Lễ hội Hòa bình. Ngày hôm ấy, ông hạnh phúc tuyên bố mục đích cho khổ công của mình: “Trung thành với những nguyện vọng và lời hứa của mình, chính phủ đã không từ bỏ lòng ham muốn những việc làm táo bạo và phi thường. Bốn phận của chính phủ là phục hồi sự thanh bình cho nhân loại, và, bằng cách tạo nên những mối ràng buộc mạnh mẽ và lâu bền, kéo lại gần nhau cả gia đình châu Âu vĩ đại mà sứ mạng của nó là hình thành vận mệnh của thế giới”⁵³. Có lẽ đây là giây phút tốt đẹp nhất của lịch sử.

i Hiệp sĩ của Thánh Ioannis [Anh, John]: Còn gọi là Hiệp sĩ Malta, là những tu sĩ thuộc dòng tu “Y viện Thánh Ioannis của Yerushalayim” có từ thời trung cổ ở Yerushalayim, từ năm 1530 đóng tại Malta.

III. Tái thiết nước pháp: 1802–1803

“Tại Amiens”, Napoléon nói khi ở St. Helena, “ta đã tin tưởng với tất cả thiện ý rằng số phận của chính ta và của nước Pháp đã được quyết định. Ta sẽ hoàn toàn cống hiến cho việc cai trị đất nước, và tin mình sẽ làm được những điều kỳ diệu”⁵⁴. Điều này nghe có vẻ như sự nỗ lực loại bỏ những vết nhơ của một tá chiến dịch; nhưng ngay hôm sau ngày Hòa ước Amiens được ký kết, Girolamo Lucchesini, đại sứ của Phổ tại Paris, đã báo cáo với vua của ông rằng Napoléon quyết tâm “dùng những nguồn tài lực mà chiến tranh cùng lúc hấp thu và bồi bổ phục vụ cho nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, và nghệ thuật”. Napoléon, Lucchesini viết tiếp, sôi nổi nói về “những kênh đào cần phải hoàn thành và mở mang, những con đường cần xây dựng hoặc sửa chữa, những cảng cần nạo vét, những thị trấn cần trang trí, những nơi thờ phụng và cơ sở tôn giáo cần được hiến tặng, giáo dục công cộng... cần được cung cấp”⁵⁵. Quả thật rất nhiều tiến bộ đã được thực hiện theo các đường lối này trước khi chiến tranh lại được ưu tiên hơn việc xây dựng (16.5.1803). Các thứ thuế hợp lý phải chăng, được thu với rất ít kiện cáo và tàn bạo, và được đổ vào các hợp đồng của chính phủ để giúp công nghiệp phát triển và người lao động có việc làm. Thương mại mở rộng nhanh chóng sau khi nước Anh bãi bỏ phong tỏa. Tôn giáo được hưởng lợi từ bản Giáo ước (Concordat) của Napoléon ký với chế độ của Giáo hoàng. Pháp quốc Học viện bắt đầu thiết lập hệ thống giáo dục trên cả nước; luật pháp được soạn thảo và thi hành; chính quyền đạt đến trình độ ưu việt gần sát với sự trung thực.

Như dưới thời Louis XIV, Paris lại trở thành thủ phủ du lịch của châu Âu. Hàng trăm người Anh, quên mất những bức tranh biếm họa đả kích Napoléon đầy rẫy trong báo chí Anh, liêu lĩnh băng qua đường sá gập ghềnh và Eo biển đầy bão tố, chỉ để được nhìn thoáng qua người khổng lồ thu nhỏ, kẻ từng thách thức và rồi bình định các cường quốc

hùng mạnh. Nhiều thành viên của nghị viện được giới thiệu với ông; trong đó – vào tháng Tám năm 1802 – không kém phần quan trọng có vị cựu Thủ tướng cũng sẽ là Thủ tướng tương lai, Charles James Fox, người đã nỗ lực vất vả đem lại hòa bình giữa Anh và Pháp. Những người nước ngoài lấy làm kinh ngạc về sự thịnh vượng nhanh chóng sau khi Napoléon lên cai trị. Công tước de Broglie mô tả những năm 1800–1803 là “những trang tốt đẹp nhất và cao thượng nhất trong biên niên sử nước Pháp”⁵⁶.

1. Bộ Luật Napoléon: 1801–1804

“Vinh quang thật sự của ta”, Napoléon hồi tưởng lại, “không phải là bốn mươi trận đánh ta đã thắng vì sự thất bại của ta ở Waterloo sẽ hủy hoại ký ức về những chiến thắng kia... Cái không gì có thể hủy hoại, cái sẽ sống mãi mãi, đó là Bộ Dân luật của ta”⁵⁷. “Mãi mãi” là từ không được khôn ngoan; nhưng Bộ Luật đúng là thành quả vĩ đại nhất của ông.

Tính chất khôn khéo vô tận của lòng độc ác theo định kỳ buộc xã hội phải cải thiện và trình bày có hệ thống trở lại những phương cách tự bảo vệ khỏi tình trạng bạo lực, cướp bóc, và gian dối. Iustinianus đã cố làm điều này vào năm 528 TCN; nhưng Corpus Iuris Civilisⁱ do các luật gia của ông soạn thảo là tuyển tập các luật lệ đương thời được sắp xếp lại hơn là cấu trúc pháp lý mới cho một xã hội đang thay đổi và không còn cội rễ. Vấn đề càng phức tạp đối với nước Pháp vì mỗi tỉnh đều có luật lệ riêng nên luật trong vùng này không thể được cho là có hiệu lực ở vùng kế bên. Merlin xã Douaiⁱⁱ và Cambacérès đã đệ trình những điểm chính của Bộ luật mới và thống nhất lên Hội nghị Quốc ước vào năm 1795, nhưng Cách mạng đã không có thời giờ làm việc này; đối mặt với tình trạng hỗn loạn rối bời, cơ quan này đã vội vã thêm vào

i Corpus Iuris Civilis (Latin): Dân luật vịnh tập.

ii Merlin xã Douai (1754–1838) (để phân biệt với Merlin xã Thionville), chính trị gia và luật gia Pháp.

đó cả ngàn sắc lệnh mà để về sau những lúc rảnh rang sáng suốt hơn sẽ đúc kết thành hệ thống nhất quán.

CODE CIVIL DES FRANÇAIS.

TITRE PRÉLIMINAIRE.

DE LA PUBLICATION, DES EFFETS ET DE L'APPLICATION DES LOIS EN GÉNÉRAL.

Décreté le 14 Ven-
dém an XI.
Promulgué le 14 du
même mois.

ARTICLE 1.^{er}

LES lois sont exécutoires dans tout le territoire français, en vertu de la promulgation qui en est faite par le **PREMIER CONSUL**.

Elles seront exécutées dans chaque partie de la République, du moment où la promulgation en pourra être connue.

La promulgation faite par le **PREMIER CONSUL** sera réputée connue dans le département où siégera le Gouvernement, un jour après celui de la promulgation; et dans chacun des autres départemens, après l'expiration du même délai, augmenté d'autant de jours qu'il y aura de fois dix myriamètres [environ vingt lieues anciennes] entre la ville où la

A

Hình 7: Trang đầu Bộ Dân luật, ấn bản lần đầu (1804)

Những hành động hòa giải của Napoléon với Áo và Anh đã cho ông cơ hội này dù ngắn ngủi. Ngày 12.8.1800, ba vị Tổng tài ủy thác cho François Tronchet, Jean Portalis, Félix Bigot de Preameneu và Jacques de Maleville thảo một kế hoạch mới để biên soạn Bộ luật Dân sự phù hợp cho quốc gia. Bản thảo đầu tiên mà họ trình lên này (1.1.1801) được Bonaparte chuyển cho những người đứng đầu các tòa án phê bình và nhận xét,

ba tháng sau được gửi trả lại cho Napoléon và rồi được duyệt xét bởi ủy ban pháp lý của Tham chính Viện do Portalis và Antoine Thibaudeau đứng đầu. Sau khi chịu những phê bình kịch liệt, Bộ luật được toàn thể Hội đồng xem xét, từng đề mục một, trong 87 phiên họp.

Napoléon chủ tọa 37 phiên. Ông nhận mình không có kiến thức gì về luật pháp nhưng được giúp đỡ bởi sự nhạy bén và kiến thức về pháp lý của vị đồng nghiệp Tổng tài Cambacérès. Ông tham gia các cuộc thảo luận với một sự khiêm tốn làm cho Hội đồng quý mến, và điều này hẳn còn làm ông ngạc nhiên trong những năm cuối đời. Họ được truyền cảm hứng từ sự nhiệt tình và quyết tâm của ông, và sẵn lòng cùng ông kéo dài các phiên họp từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Họ không mấy hăng hái khi ông lại triệu tập họ vào buổi tối. Một lần, trong buổi họp ban đêm như vậy, vài thành viên đã ngủ gà ngủ gật vì mệt mỏi. Napoléon đánh thức họ bằng lời yêu cầu nhã nhặn: “Nào, các ngài, chúng ta còn chưa lãnh tiền thù lao mà ⁵⁸”. Theo đánh giá của Vandal, Bộ luật sẽ không bao giờ có thể hoàn thành nếu không nhờ sự thúc hối dai dẳng và động viên thân tình của Napoléon⁵⁹.

Khổ công của các nhà luật học và Hội đồng hầu như bị bỏ ngang khi Bộ luật được đưa ra tranh luận ở Ủy hội Pháp chế. Ủy hội này, vẫn còn nhiệt tình với Cách mạng, lên án Bộ luật đã phản bội cơn bùng nổ ấy – như một sự quay về với quyền lực chuyên chế của người chồng đối với người vợ và của người cha đối với con cái, và như sự lên ngôi của giai cấp tư sản của nền kinh tế Pháp. Những lời buộc tội này phần lớn đúng lý. Bộ luật chấp nhận và áp dụng những nguyên lý cơ bản của Cách mạng như tự do phát biểu, thờ phụng, và kinh doanh; mọi người bình đẳng trước pháp luật; mọi người đều được quyền xét xử công khai bởi bồi thẩm đoàn; chấm dứt các thứ thuế phong kiến và thuế thập phân đóng cho giới tăng lữ; và giá trị pháp lý của việc mua các tài sản của Giáo hội hay các lãnh chúa bị nhà nước tịch thu.

Nhưng theo Luật La Mã, Bộ luật chấp nhận gia đình là đơn vị và thành luỹ của kỷ luật đạo đức và trật tự xã hội, và cho nó một nền tảng quyền lực bằng cách tái lập *patria potestas*ⁱ trong các chế độ thời cổ, chẳng hạn người cha được quyền quản lý hoàn toàn tài sản của vợ, và có toàn quyền đối với các con cho đến khi chúng đến tuổi thành niên; chỉ một lời nói của ông đủ đưa chúng vào tù; ông có thể ngăn cản sự kết hôn của con trai dưới 26 tuổi hoặc con gái dưới 21 tuổi. Bộ luật vi phạm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật khi phán rằng trong những cuộc tranh chấp về lương bổng, trong trường hợp những yếu tố khác bằng nhau, thì ý kiến của người chủ thay vì của người làm công sẽ được chấp nhận. Lệnh cấm của Cách mạng đối với việc thành lập những hiệp hội công nhân (ngoại trừ trường hợp vì mục đích xã hội thuần túy) được phục hồi ngày 12.4.1803; và sau ngày 1 tháng Mười hai năm này mọi người lao động được yêu cầu phải mang theo người cuốn sổ lao động ghi lại công việc trước đây của mình. Bộ luật – với sự đồng ý của Napoléon – phục hồi chế độ nô lệ tại các thuộc địa Pháp⁶⁰.

Bộ luật tượng trưng cho phản ứng thông thường của lịch sử từ một xã hội bị quan chuyển sang việc siết chặt uy quyền và kiểm soát đối với gia đình và nhà nước. Các tác giả chủ đạo của công việc lập pháp là những người từng trải lo sợ những hành động thái quá của Cách mạng như việc nó bác bỏ truyền thống một cách khinh suất, tạo sự dễ dàng cho việc ly dị, nói lỏng những mối ràng buộc của gia đình, cho phép phụ nữ xao lãng về đạo đức và nổi loạn về chính trị, khuyến khích độc tài vô sản tại các công xã, đồng loã trong các cuộc tàn sát tháng Chín và các toà án khủng bố; họ quyết ngăn chặn điều dường như đối với họ là sự tan vỡ của xã hội và chính quyền; và trong các vấn đề này, Napoléon nóng lòng muốn có một nước Pháp ổn định trong tay mình nên kiên quyết hậu thuẫn cho những

i *patria potestas* (Latin): quyền hành của người cha.

tình cảm này. Tham chính Viện đồng ý với ông là nên có một giới hạn và sớm khép lại cuộc tranh luận của công chúng về 2.281 điều của Bộ luật Dân sự này; Ủy hội Pháp chế và Hội đồng Lập pháp cũng tán đồng theo. Và ngày 21.3.1804, Bộ luật – tên chính thức là Bộ luật Dân sự Pháp, thường được gọi là Bộ luật Napoléon – trở thành luật của nước Pháp.

2. Bản Giáo ước (Concordat) năm 1801

Tuy nhiên, chàng Lykourgosⁱ trẻ vẫn chưa hài lòng. Từ bản chất dễ xúc cảm mạnh mẽ của chính mình, chàng biết tâm hồn con người ít có xu hướng tôn trọng pháp luật như thế nào. Ở Ý và Ai Cập chàng đã thấy con người, trong các dự vọng của họ, vẫn còn gần với quá khứ thú vật và săn mồi của mình ra sao, hung dữ và không bị ràng buộc. Thật là điều kỳ diệu của lịch sử khi những thùng thuốc nổ sống này được kèm chế để tránh làm nổ tung cơ cấu xã hội. Phải chăng các viên cảnh sát đã thuần hóa họ? Không thể nào, vì nhân viên cảnh sát thì ít và ở xa nhau, và một kẻ vô chính phủ luôn tiềm ẩn trong mỗi công dân hạng hai. Vậy thì cái gì đã kèm chế họ?

Napoléon, bản thân cũng là người hay hoài nghi, kết luận rằng trật tự xã hội sau rốt dựa trên bản chất con vật người và nỗi sợ hãi được nuôi dưỡng cẩn thận đối với những quyền lực siêu nhiên. Ông đi đến chỗ xem Giáo hội Công giáo là công cụ hiệu quả nhất từng được sử dụng để kiểm soát đàn ông cũng như đàn bà, sự tập nhiễm trong tiếng cầu nhàu hay im lặng của họ đối với sự bất bình đẳng về kinh tế, xã hội, và giới tính, cùng sự phục tùng chung của họ đối với những điều răn của thần thánh vốn không phù hợp với xác thịt con người. Nếu không thể có một viên cảnh sát ở mỗi góc phố, thì có thể có những vị thần, còn đáng sợ hơn

ⁱ Lykourgos (Hy Lạp: Λυκούργος, Anh: Lycurgus): Nhà lập pháp Sparta. Theo truyền thống, ông được xem là người sáng lập nên bản hiến pháp, các thể chế quân sự, và hệ thống giáo dục của Sparta.

nữ vì họ vô hình, và có thể nhân lên gấp bội tùy thích và tùy nhu cầu thành những sinh vật huyền bí, có tính kích lệ hoặc răn đe, được xếp hàng qua nhiều cấp bậc tùy theo thần tính và quyền lực, từ vị ẩn sĩ trong sa mạc đến bậc lãnh đạo tối cao, duy trì và hủy diệt các vì tinh tú cũng như con người. Thật là một quan niệm phi phạm! Thật là một tổ chức vô song trong việc truyền bá và vận hành của nó! Thật là một sự hậu thuẫn vô giá đối với các bậc thầy, các ông chồng, các bậc cha mẹ, các vị tổng giám mục và các ông vua! Napoléon kết luận rằng tình trạng hỗn loạn và bạo lực của Cách mạng trên hết là do nó đã bài bác Giáo hội. Ông quyết định phục hồi sự liên kết giữa Giáo hội và nhà nước ngay khi ông có thể nhổ tiết những chiếc nanh của bọn người Jacobin kinh khủng và các triết gia nhục nhã.

Tôn giáo tại Pháp vào năm 1800 nằm trong dòng chảy lộn lộn không phải không có liên hệ với sự hỗn loạn về mặt tinh thần do cuộc Cách mạng để lại. Một thiểu số không nhỏ dân chúng ở các tỉnh và có lẽ đại đa số ở Paris đã trở nên hồ hững với những lời kêu gọi của các linh mục⁶¹. Hàng ngàn người Pháp, từ người nông dân cho đến nhà triệu phú, đã mua lại của nhà nước những tài sản bị tịch thu từ Giáo hội; họ bị rút phép thông công, và nhìn với đôi mắt thiếu thiện cảm những người tố cáo họ là nhận của ăn cướp. Tại Pháp bấy giờ có 8.000 linh mục đang hoạt động; hai ngàn trong số họ là những người đã tuyên thệ trung thành với bản Hiến pháp năm 1791 có nội dung tịch biên [các tài sản của Giáo hội]; sáu ngàn linh mục kia là những người không chịu tuyên thệ, không thừa nhận Cách mạng, và cần mẫn dốc sức tiêu diệt nó; và họ đang đạt được một số tiến bộ. Giới quý tộc không thuộc hạng di dân, cùng nhiều người trong giới tư sản, đang cố công phục hồi tôn giáo thành lực lượng bảo vệ quyền sở hữu và trật tự xã hội; nhiều người trong số họ – một số thuộc con dòng cháu giống của Cách mạng – đang gửi con mình đến các trường được quản lý hay giảng dạy bởi

các linh mục và nữ tu sĩ vốn (được họ tin) biết cách hơn các giáo viên thế tục không mặc áo dòng trong việc làm thế nào để dạy cho những đứa con trai biết lễ độ và những đứa con gái khiêm tốn hơn.⁶² Tôn giáo trở thành thời thượng trong xã hội và văn học; chẳng bao lâu nữa (1802) bài tụng ca đồ sộ của Chateaubriand, *Le Génie du christianisme* (Ưu tính của Kitô giáo), sẽ trở thành đề tài trong những câu chuyện đương thời.

Đi tìm mọi trợ giúp cho sự cai trị còn chưa ổn định của mình, Napoléon quyết định thu phục sự ủng hộ về mặt tinh thần và cơ cấu của Giáo hội Công giáo. Một bước đi như vậy cuối cùng sẽ làm cho những kẻ nổi loạn ở Vendée phải im tiếng, làm các tỉnh thoả lòng, thêm 6.000 linh mục vào lực lượng hiến binh tinh thần của ông; nó sẽ tranh thủ được ảnh hưởng đạo đức và tâm linh của Đức Giáo hoàng; nó sẽ tước đi khỏi Louis XVIII lý lẽ chủ yếu cho việc phục hồi dòng họ Bourbon; và sẽ giảm bớt sự thù địch – đối với nước Pháp và với Napoléon – của các nước Công giáo như Bỉ, Bayern, Áo, Ý, và Tây Ban Nha. “Vì vậy, ngay khi nắm được quyền hành, ta... đã tái lập tôn giáo. Ta biến nó thành căn cứ và nền tảng để xây dựng. Ta xem nó như sự ủng hộ cho những nguyên lý đúng đắn và đạo đức tốt đẹp⁶³.”

Hành động *apertura a destra*ⁱ này đã bị chống đối bởi những người theo thuyết bất khả tri ở Paris và các vị Hồng y ở La Mã. Nhiều giáo sĩ ngần ngại phê chuẩn bất cứ thoả thuận nào cho phép ly dị, hay từ bỏ những đòi hỏi của Giáo hội Pháp đối với các tài sản bị tịch biên. Nhiều người Jacobin phản đối rằng việc công nhận Công giáo như là quốc giáo, được chính quyền bảo vệ và trả lương, sẽ là hành động từ bỏ điều họ xem như một trong những thành quả quan trọng của cuộc Cách mạng vừa qua – sự tách rời giữa nhà nước và Giáo hội. Napoléon đe dọa các Hồng y với ngụ ý rằng nếu họ từ chối các đề nghị, ông sẽ noi gương Vua Henry VIII của

i *Apertura a destra* (Latin): Bước đi đầu tiên về bên phải

Anh quốc và tách hoàn toàn Giáo hội Pháp khỏi La Mã. Ông cố trấn an những người hoài nghi bằng cách giải thích ông sẽ biến Giáo hội thành công cụ của chính quyền để duy trì hòa bình trong nước; nhưng họ sợ đề nghị của ông sẽ trở thành một bước lùi nữa từ cách mạng về chế độ quân chủ. Theo lời của Bourrienne, ông không bao giờ tha thứ cho Lalande (nhà thiên văn học) “đã đưa tên ông vào cuốn từ điển gồm những kẻ vô thần ngay vào lúc ông đang mở cuộc thương thuyết với Tòa Thánh La Mã”⁶⁴.

Những cuộc thương thuyết này bắt đầu tại Paris từ ngày 6.11.1800 và kéo dài suốt tám tháng với bao mưu mô thủ đoạn. Các vị Hồng y là những nhà ngoại giao đầy kinh nghiệm, nhưng Napoléon được biết Giáo hoàng rất thiết tha muốn có một thoả thuận, nên đưa ra mọi điều kiện có lợi cho uy quyền của ông (Napoléon) nhờ việc giảng hòa với Giáo hội. Pius VII nhượng bộ hết khoản này đến khoản khác vì kế hoạch sẽ mang lại sự cáo chung của một thập kỷ tai họa đối với Giáo hội Pháp; nó sẽ giúp ông cách chức nhiều giám mục từng dám coi thường uy quyền của Giáo hoàng; cho phép ông, nhờ sự can thiệp của Pháp, tổng khải quân đội Napoli đang chiếm đóng thủ đô của ông; và nó sẽ phục hồi cho Tòa Thánh các “tòa Công sứ” (các vùng Ferrara, Bologna, và Ravenna thường được cai trị bởi các công sứ của Giáo hoàng) vốn đã được nhượng cho Pháp năm 1797. Cuối cùng, sau phiên họp kéo dài đến hai giờ sáng, các đại diện của Giáo hội La Mã và Chính phủ Pháp ký kết (16.7.1801) bản Giáo ước vốn sẽ chi phối mối quan hệ của họ trong suốt một thế kỷ. Napoléon phê chuẩn nó vào tháng Chín, Pius VII vào tháng Mười hai. Tuy nhiên, Napoléon đã ký với điều kiện là sau này ông có thể “thực hiện một số biện pháp phòng ngừa chống lại những điều bất tiện nghiêm trọng hơn có thể phát sinh từ việc thi hành nguyên văn bản Giáo ước”⁶⁵.

Tài liệu lịch sử này cam kết, Chính phủ Pháp sẽ công nhận và tài trợ Công giáo như là tôn giáo của các vị Tổng tài và

đa số dân Pháp nhưng không biến đạo Công giáo thành quốc giáo, khẳng định quyền tự do thờ phụng hoàn toàn cho mọi người Pháp, kể cả các tín đồ Tin Lành và Do Thái. Giáo hội rút lại yêu sách đối với các tài sản bị tịch thu của mình nhưng nhà nước đồng ý bồi thường bằng việc trả cho các giám mục khoản lương hàng năm là 15.000 franc, và một khoản ít hơn cho các linh mục tại các giáo khu. Các giám mục, như dưới thời Louis XIV, sẽ được chính phủ bổ nhiệm, và sẽ phải tuyên thệ trung thành với nhà nước; nhưng họ sẽ không thực hiện chức năng của mình cho đến khi được Giáo hoàng chuẩn thuận. Tất cả các giám mục “theo hiến pháp” sẽ từ chức, tất cả các giám mục chính thống sẽ được phục chức, và các nhà thờ sẽ được chính thức mở cửa (như trong thực tế chúng đã vậy rồi) cho việc thờ phụng theo giáo hội chính thống. Sau nhiều tranh luận, Napoléon chịu nhượng bộ một điểm quý báu cho Giáo hội – quyền nhận các tài sản để lại bằng di chúc.

Để an ủi những người tử tế hơn trong số người chỉ trích có xu hướng hoài nghi, Napoléon đã đơn phương thêm vào bản Giáo ước 121 “*Articles Organiques*” (Điều khoản Hữu cơ), nhằm bảo vệ ưu thế của nhà nước đối với Giáo hội tại Pháp. Không có sắc lệnh, chiếu thư hay công sứ của Giáo hoàng, không có sắc lệnh của một đại hội đồng hoặc hội nghị tôn giáo quốc gia nào được vào nước Pháp mà không có giấy phép đặc biệt của chính phủ. Hôn nhân dân sự là một điều kiện tiên quyết về pháp lý đối với hôn nhân tôn giáo. Mọi sinh viên thần học, các linh mục Công giáo tương lai đều được dạy về “Các điều khoản của phong trào Gallican”ⁱ

i Các điều khoản của phong trào Gallican (Gallican Articles): Bản tuyên bố gồm bốn điểm được đưa ra tại Hội nghị của giới tăng lữ Pháp vào năm 1682 trong bối cảnh tranh chấp giữa Vua Louis XIV và Giáo hoàng Innocent XI. Nội dung các điều khoản này phủ nhận quyền lực của Giáo hoàng đối với các vấn đề thế tục và khẳng định các vị vua không bị lệ thuộc vào Giáo hội trong những vấn đề dân sự.

năm 1682 của Bossuet,ⁱ khẳng định quyền độc lập về mặt pháp lý của Giáo hội Công giáo Pháp đối với nền cai trị “*ultra-montane*” (bên kia núi).

Sau khi được điều chỉnh như vậy, bản Giáo ước được trình lên Tham chính Viện, Ủy hội Pháp chế, và Hội đồng Lập pháp ngày 8.4.1802. Chưa biết kinh sợ Napoléon, họ công khai và mạnh mẽ chống đối nó là phản bội lại thời Khai minh và cuộc Cách mạng (nó chủ yếu phù hợp với bản Hiến pháp năm 1791). Tại Ủy hội Pháp chế, *philosophe* (triết gia) Bá tước Volney tiến hành cuộc tranh luận hăng say với vị Đệ nhất Tổng tài về bản Giáo ước; và Hội đồng Lập pháp bầu Charles-François Dupuis, tác giả của một luận văn có nội dung chống giáo sĩ mạnh mẽ, *L'Origine de tous les cultes* (năm 1794; Nguồn gốc của tín ngưỡng). Napoléon rút bản Giáo ước khỏi các cuộc tranh luận tại các cơ quan này, và đợi thời cơ.

Tại cuộc bổ nhiệm các thành viên mới cho Ủy hội Pháp chế và Cơ quan Lập pháp, nhiều người chỉ trích đã không được Thượng viện tái chỉ định. Trong lúc ấy Napoléon cho lưu truyền trong dân chúng câu chuyện và nội dung của bản Giáo ước. Như ông mong đợi, dân chúng kêu đòi phê chuẩn. Ngày 25.3.1802, Napoléon nhận được sự yêu mến ngập tràn của dân chúng khi ông ký hòa ước với nước Anh. Được củng cố như vậy rồi, ông đệ trình lần nữa bản Giáo ước cho các cơ quan như trước. Ủy hội Pháp chế thông qua văn bản với chỉ bảy phiếu không tán thành; Cơ quan Lập pháp biểu quyết với 228 phiếu thuận và 21 phiếu chống. Ngày 18 tháng Tư nó trở thành luật, và vào ngày Chúa nhật Lễ Phục sinh, trong buổi lễ long trọng tại Thánh đường Notre-Dame, cả Hòa ước Amiens và bản Giáo ước được công bố giữa tiếng gầm bầm của các nhà cách mạng, tiếng cười của binh lính và niềm vui của dân

i Jacques-Bénigne Bossuet (1627–1704): Giám mục Pháp, người phát ngôn hùng hồn và có ảnh hưởng nhất cho giáo hội Pháp chống lại quyền hành của Giáo hoàng. Ngày nay được nhớ tới nhờ các tác phẩm văn học, kể cả các điệu văn đọc trong tang lễ các nhân vật quan trọng.

chúng. Một bức biếm họa lan truyền quanh các trại lính cho thấy Napoléon chết đuối trong một bình đựng nước thánh với dòng chữ: “Để làm vua xứ Ai Cập ông ta tin vào Kinh Qur’ân; để làm vua nước Pháp ông ta tin vào Kinh Phúc âm”.

Napoléon tự an ủi với niềm xác tín là ông đang thể hiện ý chí của đại đa số người Pháp, và ông đã củng cố quyền lực của mình ở cấp cơ sở, dù ông đã làm nó suy yếu ở tầng chóp bu. Ông đã phục hồi giới tu sĩ, nhưng vì ông bổ nhiệm các giám mục và trả lương cho họ cũng như khoảng 3.000 linh mục, ông tính toán mình có thể nắm được họ bằng sợi xích kinh tế. Ông nghĩ, Giáo hội sẽ là một trong các công cụ của ông, ca ngợi vinh quang và ủng hộ các chính sách của ông. Ít lâu sau ông bảo đảm rằng một cuốn giáo lý vấn đáp mới cần dạy cho trẻ em Pháp rằng “tôn kính Hoàng đế là tôn kính chính Đức Chúa trời,” và rằng “nếu các con không làm tròn bốn phận với Hoàng đế... các con sẽ chống lại trật tự do Đức Chúa trời thiết lập... và sẽ tự biến thành những kẻ đáng bị đọa đày vĩnh viễn”⁶⁶. Ông tỏ lòng biết ơn với giới giáo sĩ bằng cách tham dự Lễ Missa nghiêm túc nhưng càng nhanh càng tốt.

Trong những lúc đắc thắng này, ông tin tưởng mạnh mẽ là đã chinh phục được toàn thể thế giới Công giáo về với mình. Thật sự giới giáo sĩ Pháp, chưa bao giờ quên được việc các đất đai bị mất, và oán giận cảnh bó buộc vào nhà nước bằng đồng lương, ngày càng nhìn về Giáo hoàng để tìm sự hậu thuẫn chống lại nhà cai trị mà trong thâm tâm họ xem như kẻ vô đạo. Là “Gallican” theo pháp luật, họ trở thành những người theo Giáo hoàng trong tình cảm; khi Hoàng đế truất quyền sở hữu của Pius VII đối với những đất đai mà chế độ Giáo hoàng đã nắm giữ cả ngàn năm – thậm chí lâu hơn nữa khi Giáo hoàng bị đày khỏi Roma và bị cầm tù ở Savona và Fontainebleau – giới giáo sĩ và dân chúng Pháp đã nổi lên bảo vệ vị giáo chủ và tín ngưỡng của họ. Và Napoléon nhận ra, một cách quá trễ, rằng quyền lực của thần thoại và lời nói còn lớn hơn cả uy lực của pháp luật và thanh gươm.

IV. Những nẻo đường vinh quang

Giữa các kế hoạch và thắng lợi, ông phải luôn cảnh giác trước những thách thức đối với quyền hành và sinh mạng của mình. Những người bảo hoàng ở Pháp tương đối im tiếng, vì họ hy vọng thuyết phục Napoléon rằng cách an toàn nhất cho ông là phục hồi dòng họ Bourbon và đổi lấy một chức vị nhàn nhã. Họ khích các văn sĩ như Phu nhân de Genlic, người viết cuốn tiểu thuyết lịch sử *Mademoiselle de La Vallière* (Tiểu thư de La Vallière) trong đó vẽ ra bức tranh thú vị của nước Pháp dưới triều Louis XIV. Họ lợi dụng tình cảm bảo hoàng thầm kín của Bourrienne, người thư ký của Napoléon, và qua anh này họ tìm cách lôi kéo Joséphine. Nàng Créole ham lạc thú đã chán ngấy cảnh náo động chính trị; nàng sợ Napoléon, trừ khi thay đổi chiều hướng của mình, sẽ tìm cách có được quyền hành của một vị vua, và sẽ ly dị nàng để cưới một phụ nữ có thể cho ông một đứa con nối dõi. Napoléon cố trấn an nàng bằng những lúc yêu đương say đắm, và cấm nàng xen vào chính trị. Ông nghĩ mối đe dọa lớn nhất đối với quyền lực của mình không nằm nơi những người bảo hoàng hay Jacobin, mà nơi lòng ghen tị của các tướng lĩnh đang lãnh đạo quân đội mà quyền lực của ông cuối cùng phải dựa vào. Moreau, Pichegru, Bernadotte, Murat, Masséna đã tỏ rõ sự bất mãn công khai của họ. Tại một bữa tối do Moreau chiêu đãi, vài sĩ quan đã tố cáo Napoléon là kẻ tiếm vị, Tướng Delmas gọi ông là “tên tội phạm và con quái vật”. Moreau, Masséna, và Bernadotte phác họa yêu cầu theo đó Napoléon nên hài lòng với việc cai trị Paris và vùng phụ cận, và chia phần còn lại của nước Pháp thành những vùng để phân phát cho họ với quyền hành gần như tuyệt đối⁶⁷. Tuy nhiên, không ai trong bọn họ đứng ra nhận lấy việc chuyển tải đề nghị này cho vị Đế nhất Tổng tài. Bernadotte, người cầm đầu Đạo quân phương Tây ở Rennes, liên tục gần như nổi loạn, nhưng mất tinh thần⁶⁸. “Nếu tôi thua một trận quan trọng”, Bonaparte nói, “các tướng lĩnh sẽ là những kẻ đầu tiên bỏ rơi tôi.”⁶⁹

Chính trong bối cảnh giới quân đội đang lập mưu như thế này, chúng ta mới hiểu bài diễn văn chống quân phiệt của Napoléon đọc trước Tham chính Viện ngày 4.5.1802:

Tại mọi quốc gia, sức mạnh nhường chỗ cho các phẩm chất dân sự: lưỡi lê được hạ xuống trước vị linh mục... và trước người trở thành chủ nhân nhờ kiến thức của ông ta... Chính phủ quân phiệt sẽ không bao giờ nắm quyền ở Pháp trừ khi quốc gia hóa hung bạo bởi 50 năm đốt nát... Nếu chúng ta tách ra khỏi các mối quan hệ khác, chúng ta nhận thấy là quân nhân không biết luật lệ gì khác hơn là sức mạnh, quy giản mọi thứ xuống chỉ còn sức mạnh, không thấy điều gì khác... Trái lại, con người dân sự chỉ thấy sự tốt đẹp chung. Tính cách của kẻ quân phiệt là định đoạt mọi thứ một cách chuyên chế; tính cách của con người dân sự là bắt mọi thứ phải phục tùng việc thảo luận, lý trí, và sự thật; những thứ này thường dễ làm cho lầm lẫn, nhưng trong lúc ấy chúng đem lại ánh sáng... Tôi không do dự kết luận rằng sự ưu việt chắc chắn nằm về phía dân sự... Binh sĩ là những đứa con của công dân, và quân đội thật sự chính là dân tộc⁷⁰.

Bứt rứt vì cảm giác bất an, và luôn vươn tới quyền lực, Napoléon gợi ý với những người thân tín rằng các kế hoạch nhằm cải thiện và tô điểm thêm nữa cho nước Pháp của ông sẽ cần một nhiệm kỳ dài hơn một thập kỷ vốn đã dành cho ông. Ngày 4.8.1802, Thượng viện công bố bản “Hiến pháp năm thứ X” (1801), mở rộng Thượng viện từ 40 lên 80 thành viên, tất cả các thành viên mới đều do vị Đệ nhất Tổng tài bổ nhiệm, và biến ông thành vị Tổng tài trọn đời. Khi những người ngưỡng mộ đề nghị ông nên được trao thêm quyền chọn người kế vị, ông ngần ngại với vẻ khiêm tốn khác thường; “sự kế vị”, ông nói, “không thể hòa hợp với nguyên lý chủ quyền của nhân dân, và là điều không thể xảy ra được ở nước Pháp”⁷¹. Nhưng khi Thượng viện, sau khi thảo luận về đề nghị này, tán đồng với số phiếu 27 chống lại 7, bảy thành

viên lầm lạc che đậy sai lầm của mình bằng cách biến quyết định này thành nhất trí tán đồng; và Napoléon lịch sự chấp nhận vinh dự này với điều kiện công chúng cũng tán thành. Ngày 17 tháng Tám, tất cả đàn ông trưởng thành đã đăng ký là công dân Pháp được yêu cầu biểu quyết trả lời cho hai câu hỏi: Napoléon Bonaparte có nên là vị Tổng tài trọn đời không? Ông ta có được phép chọn người kế vị không? Kết quả trả lời là 3.508.885 có, và 8.374 không⁷². Có lẽ, giống như trong những cuộc bỏ phiếu toàn dân khác, chính phủ đã có phương cách khuyến khích câu trả lời khẳng định. Tình cảm của các giai cấp giàu có đã được phản ánh khi thị trường chứng khoán phản ứng với cuộc bỏ phiếu: chỉ số giá các cổ phiếu được giao dịch trước ngày Napoléon lên nắm quyền là 7, giờ đây nhanh chóng vọt lên 52⁷³.

Khi được củng cố như thế, ông đã thực hiện một số thay đổi đối với những người quanh mình. Ông chọn một nhóm nhỏ để thành lập Hội đồng Cơ mật, qua đó, do quyền hành của ông đã trở thành điều không thể tranh cãi nữa, ông có thể ban hành các nghị định bên cạnh các *senatus consulta*ⁱ vốn để ngỏ cho ông sử dụng. Ông giảm bớt số thành viên của Ủy hội Pháp chế từ 100 xuống còn 50, và yêu cầu từ nay trở đi các cuộc thảo luận của Ủy hội không được diễn ra công khai. Ông thải hồi vị Bộ trưởng cảnh sát Fouché, con người thông minh nhưng không tin được, và sáp nhập bộ này vào Bộ Tư pháp dưới quyền của Claude Régnier. Phát hiện Bourrienne sử dụng chức vụ của mình để làm giàu, ông sa thải ông này (20.10. 1802), và từ nay dựa vào sự phục vụ tận tụy của Claude Méneval. Về sau tập *Hồi ký* của Bourrienne trở nên thù địch đối với Napoléon một cách không đáng tin cậy, và tập *Hồi ký* của Méneval tỏ ra thuận lợi đối với Napoléon một cách cũng không đáng tin cậy. Tuy nhiên, xét trong nội dung tổng quát của chúng, thì những tập *Hồi ký* này vẫn tạo nên

i *Senatus consulta* (Latin): Các sắc lệnh của Viện Nguyên lão (cổ La Mã). Ở đây chỉ các sắc lệnh của Thượng viện Pháp.

được bản miêu tả mật thiết nhất của con người khổng lồ nhỏ con mà rồi sẽ thống lĩnh châu Âu trong mười năm tới.

Có lẽ cuộc trưng cầu dân ý năm 1802, cộng thêm với các thắng lợi trên các mặt trận khác nhau ở Marengo và Amiens đã huỷ hoại nơi Napoléon sự tiết chế và cách đánh giá tình huống mà nếu thiếu thì thiên tư sẽ ở bên bờ điên loạn. Trong mỗi bước đưa ông lên những đỉnh cao chóng mặt của quyền lực, ông đều tìm thấy những lý lẽ mạnh mẽ và đầy sức thuyết phục. Khi các nhà lãnh đạo của Cộng hòa Cisalpina, đang tập trung ở Milano, xin ông giúp thảo ra một bản hiến pháp, ông đưa ra một bản trong đó ba cử tri đoàn lần lượt xuất thân từ các địa chủ, các nhà kinh doanh, và những người trong cùng nghề nghiệp sẽ chọn ra một ủy ban có quyền bổ nhiệm các thành viên của Cơ quan Lập pháp, Thượng viện, và Tham chính Viện; các cơ quan này sẽ chọn ra một tổng thống. Gặp nhau ở Lyons vào tháng Một năm 1802, các đại biểu phê chuẩn bản hiến pháp này, và mời Napoléon – mà họ xem như một người Ý bị mắc kẹt ở Pháp – làm Tổng thống đầu tiên của nhà nước mới dựng lên này. Từ Paris ông đến để ngỏ lời với họ bằng tiếng Ý và ngày 26/1, với sự hoan hô nhiệt liệt, vị Đệ nhất Tổng tài của nước Pháp trở thành nguyên thủ của nước Republica Italiana (Cộng hòa Ý). Cả châu Âu tự hỏi điều gì sẽ xảy ra tiếp theo từ *stupor mundi*ⁱ mới này, kỳ quan thế giới đầy sức thôi miên này⁷⁴.

Mối lo sợ càng tăng khi ông sáp nhập Piemonteⁱⁱ vào nước Pháp. Mảnh đất “Chân núi” này đã bị quân Pháp chiếm vào năm 1798; nó nằm ở bên kia “các biên giới tự nhiên” mà Napoléon hứa sẽ bảo vệ; tuy nhiên, nếu được trả lại cho Vua của Sardegna, nó có thể trở thành chướng ngại vật thù nghịch nằm giữa nước Pháp và các xứ được Pháp bảo hộ ở Liguria

i *Stupor mundi* (Latin): Kỳ quan thế giới. Biệt danh người đương thời tặng cho Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh Friedrich II (1194 – 1250).

ii Piedmonte: nghĩa đen là “chân núi” (ped = chân, mont = núi).

và Lombardia. Ngày 4.9.1802, Napoléon tuyên bố Piemonte là một phần của nước Pháp.

Tại Thụy Sĩ, nơi Napoléon đã tìm thấy rất nhiều con đường dẫn đến Ý, ông không thể hành động một cách tự tin như vậy. Các tổng kiên cường này, nơi hàng bao thế kỷ người ta xem tự do còn quan trọng hơn cả mạng sống, sẽ buộc bất cứ kẻ thù nào cũng phải trả giá đắt cho việc chinh phục. Tuy nhiên, phần lớn họ đã đón mừng những lý tưởng của năm 1789, và năm 1798 họ đã thành lập nước Cộng hòa Helvetii dưới sự bảo hộ của Pháp. Việc này gặp sự chống đối mạnh mẽ từ những chủ nhân các điền trang lớn, họ dùng nông dân như những binh sĩ, lập một chính phủ riêng ở Bern, và thách thức chế độ Cộng hòa thân Pháp tập trung ở Lausanne. Cả hai phe gửi phái viên đến gặp Napoléon để tranh thủ sự ủng hộ; ông từ chối tiếp phái viên từ Bern, khiến họ quay sang kêu gọi Anh quốc. Nước Anh gửi tiền và vũ khí cho các lãnh tụ của chế độ quả đầu trị (oligarchy). Napoléon gửi quân sang giúp chế độ Cộng hòa (tháng Mười một năm 1802). Nhờ sự giúp đỡ này, họ đè bẹp phe nổi loạn ở Berne. Napoléon vỗ về hai phe với một Đạo luật Hòa giải (19.2.1803), lập ra Liên bang Thụy Sĩ gồm 19 tổng độc lập, mỗi tổng có hiến pháp riêng, tất cả nằm dưới sự bảo hộ của Pháp, tất cả buộc phải gửi một định mức binh sĩ cho quân đội Pháp. Bất chấp điều khoản này, Đạo luật Hòa giải, theo lời chứng nhận của người Anh, đã “nhận được sự tán đồng từ nhiều doanh trại, và hiển nhiên được lòng dân chúng các tổng”⁷⁵.

Tuy nhiên, Chính phủ Anh xem những bước đi tiếp nối nhau này ở Lombardia, Piemonte, và Thụy Sĩ là những hành động bành trướng nguy hiểm của ảnh hưởng Pháp, xáo trộn nghiêm trọng thế cân bằng của các cường quốc lục địa vốn đã thành nguyên tắc cơ bản của chính sách Anh tại châu Âu. Họ lại càng tức giận khi tờ *Moniteur* số ra ngày 30.1.1803 công bố bản báo cáo chính thức gửi Chính phủ Pháp của Bá tước Horace Sébastiani, là người Napoléon đã gửi đi

xem xét việc phòng thủ ở Al-Qāhirah,ⁱ Yāfō,ⁱⁱ Yerushalayim,ⁱⁱⁱ và ‘Ako.^{iv} Vị Bá tước ước tính “6.000 quân là đủ để chinh phục Ai Cập”⁷⁶. Tài liệu này làm dấy lên mối nghi ngờ ở Anh rằng Napoléon đang nghĩ tới một cuộc viễn chinh Ai Cập khác. Chính phủ Anh cảm thấy họ không còn có thể nghĩ đến việc di tản khỏi Malta và Eskendria^v; những nơi này giờ đây dường như không thể thiếu cho công cuộc bảo vệ quyền lực nước Anh tại Địa Trung Hải.

Một cuộc bành trướng ảnh hưởng khác của Napoléon càng khiến người Anh lo ngại. Hiệp ước Lunéville quy định các nhà lãnh đạo Đức tại các lãnh địa phía tây sông Rhein, vốn đã mất 4.375 dặm vuông lãnh thổ mà họ có quyền thu thuế do việc nhìn nhận chủ quyền của Pháp trên vùng đất ấy, sẽ được đền bù bằng các lãnh địa ở phía đông con sông. Hai mươi nhà quý tộc Đức gửi đại diện đến Paris thúc giục yêu cầu này; Phổ và Nga cũng nhập cuộc; Talleyrand kiếm được một gia tài nữa từ các khoản tiền trà nước. Cuối cùng việc phân phối cũng được thực hiện, chủ yếu bằng cách “thể tục hóa” các thị quốc vốn đã được các giám mục Công giáo cai trị hàng thế kỷ nay. Mục đích của Napoléon trong việc này là khuyến khích việc thành lập một Liên bang sông Rhein như một vật đệm giữa nước Pháp và Áo – Phổ. Nước Áo phản đối rằng việc tổ chức lại các tiểu quốc sẽ chứng tỏ là một bước đi nữa trong việc giải tán Đế quốc La Mã Thần thánh. Quả đúng như vậy.

Giận dữ bởi vòng tay quyền lực của Napoléon ngày càng đang rộng, các giai cấp cai trị ở Anh tự hỏi liệu chiến tranh có ít tổn kém hơn một nền hòa bình như vậy không. Các nhà sản xuất Anh phản đối việc nước Pháp kiểm soát sông Rhein khiến Pháp trở thành người nắm toàn quyền trong thương

i Anh, Cairo.

ii Anh, Jaffa.

iii Anh, Jerusalem.

iv Anh, Acre.

v Anh, Alexandria.

mại của Anh với các thị trường béo bở nhất ở châu Âu. Các thương gia phàn nàn rằng trong khi Hòa ước Amiens chấm dứt việc Anh phong tỏa nước Pháp, người Pháp đã áp đặt thuế rất cao để cấm nhập khẩu các sản phẩm của Anh cạnh tranh với công nghiệp Pháp.⁷⁷ Giới quý tộc tố cáo nền hòa bình là sự đầu hàng nhục nhã đối với Cách mạng Pháp. Hầu hết các đảng phái đều đồng ý phải giữ lại Malta. Trong lúc ấy, báo chí Anh bêu riếu Napoléon qua các câu chuyện, bài xã luận và tranh biếm họa. Ông phản đối trước Chính phủ Anh, và được họ trả lời là báo chí Anh được tự do; ông ra lệnh cho báo chí Pháp trả đũa tương tự⁷⁸.

Ngôn từ qua lại giữa hai chính phủ ngày càng trở nên hiếu chiến. Huân tước Whitworth, đại sứ Anh quốc, đột ngột thông báo với Napoléon rằng nước Anh sẽ không rời Malta cho đến khi Chính phủ Pháp giải thích thoả đáng những động thái bành trướng đã thực hiện từ lúc ký kết Hòa ước Amiens. Ngày 13.3.1803, giữa đám đông các quan chức cao cấp Pháp và ngoại quốc, Napoléon chạm trán với Whitworth như muốn sắp đánh nhau, buộc tội người Anh vi phạm hòa ước và vũ trang chuẩn bị chiến tranh. Whitworth, giận dữ vì sự vượt quá các nguyên tắc ngoại giao như vậy, về sau thích giao thiệp với Talleyrand – người biết cách khoác lên các sự kiện một thái độ lịch sự nhã nhặn hơn. Ngày 25 tháng Tư Chính phủ Anh chỉ thị cho Whitworth đưa ra tối hậu thư: nước Pháp phải đồng ý cho nước Anh giữ lại Malta ít nhất mười năm nữa, phải rút khỏi Hà Lan, Thụy Sĩ và Ý, và phải bồi thường cho vua của Sardegna vì mất Piemonte trong cuộc chiến vừa qua. Napoléon chế giễu các đề nghị này; Whitworth yêu cầu, và nhận được giấy thông hành của mình, và hai bên sửa soạn chiến tranh.

Nhận thấy nước Anh, do kiểm soát các biển, có thể chiếm bất cứ thuộc địa nào của Pháp, Napoléon đã bán lãnh thổ Louisiana cho Hoa Kỳ với giá 80 triệu franc (3.5.1803). Nước Anh, nói đúng ra vẫn còn hòa bình, đã ban lệnh cho lực lượng hải quân của mình chặn bắt bất cứ chiếc tàu Pháp

nào gặp được. Chiến tranh được chính thức tuyên bố vào ngày 16.5.1803, và kéo dài 12 năm.

Từ giây phút quyết liệt ấy, Napoléon nhà cai trị đã lùi vào lịch sử, và Napoléon vị tướng lĩnh, 34 tuổi, chuyển tâm trí của mình sang chiến tranh. Ông ra lệnh bắt tất cả những người Anh nào còn thấy trên đất Pháp. Ông ra lệnh cho Tướng Mortier lập tức chiếm lấy Hannover trước khi nó có thể bị gã người Hannover là George III^{i*} biến thành căn cứ quân sự. Điều làm ông tức điên lên là ý nghĩ qua suốt một thập kỷ xung đột, nước Anh đã tài trợ cho các đạo quân ở lục địa chống lại Pháp, đã phong tỏa các hải cảng Pháp và chiếm giữ các thuộc địa và tàu bè Pháp, và qua tất cả các hoạt động quân sự này nước Anh vẫn nguyên vẹn không hề bị tấn công. Vì vậy, giờ đây ông đành chấp nhận điều mà trong những lúc bình tĩnh hơn ông đã bác bỏ như một giấc mơ không thực tế: ông sẽ cố băng qua cái eo biển chết tiệt và làm cho bọn con buôn và những tay chủ nhà băng kia cảm nhận thế nào là chiến tranh ngay trên đất đai và xương thịt của chúng.

Ông hạ lệnh cho các tướng lĩnh tập hợp 150.000 binh lính và 10.000 con ngựa dọc theo bờ biển ở Boulogne, Dunkirk, và Ostend; ông hạ lệnh cho các đô đốc tập hợp và trang bị ở Brest, Rochefort, và Toulon, những hạm đội hùng mạnh để khi đã sẵn sàng giương buồm chiến đấu sẽ vạch được đường đi qua mạng lưới các chiến thuyền của Anh đến các cảng mà một triệu công nhân chuẩn bị cho chúng ở chung quanh Boulogne; và trong các cảng này người ta đang đóng hàng trăm chiếc thuyền vận chuyển đủ loại. Bản thân ông liên tục rời Paris thăm các trại đóng quân và các vũng tàu, đánh giá tiến bộ của công trình, truyền cảm hứng cho các binh sĩ, thủy thủ, và công nhân lao động bằng cách có mặt tích cực như một lời cam kết sẽ đạt được mục tiêu và chiến thắng.

Tại Eo biển, các tàu chiến đối mặt canh chừng; và dọc theo bờ biển Anh ở Dover, Deal, và các nơi khác hàng trăm ngàn

i* Anh hoàng George III (1738 - 1820) cũng là Vua của xứ Hanover nằm ở Đức.

người yêu nước canh chừng ngày đêm, kiên quyết kháng cự đến chết bất cứ mưu toan nào muốn xâm lăng bờ biển bất khả xâm phạm của họ.

V. Âm mưu vĩ đại: 1803–1804

Đêm 21.8.1803, một tàu chiến của Anh do Thuyền trưởng Wright chỉ huy, đưa tám người dưới sự lãnh đạo của Georges Cadoudal, một lãnh đạo nhiệt thành của những người Chouan không thể hòa giải, từ Anh vượt qua Eo biển. Họ đổ bộ lên một mỏm đá gần Biville ở Normandie, nơi những người dân bản xứ cùng phe cánh kéo họ lên bằng những sợi dây thừng. Ngày 10 tháng Mười hai, Thuyền trưởng Wright đưa từ Anh đến Biville một nhóm người âm mưu thứ nhì, kể cả nhà quý tộc *émigré* Armand de Polignac. Trong chuyến vượt biển thứ ba, ngày 16.1.1804, viên Thuyền trưởng mang theo Jules de Polignac, và các tướng lĩnh *émigré* Pichegru và Lajolais. Pichegru, sau khi lãnh đạo xuất sắc các đạo quân Cách mạng giành được nhiều thắng lợi, đã âm mưu phục hồi dòng họ Bourbon nhưng bị phát hiện, nên đào thoát sang Anh (1801). Cả ba nhóm người lên đường đi Paris, nơi họ được giấu trong nhà những người bảo hoàng. Sau này Cadoudal thú nhận ông ta đã lên kế hoạch bắt cóc Napoléon và nếu Napoléon kháng cự, sẽ thủ tiêu luôn⁷⁹. Chúng ta có thể tin rằng “Cadoudal được Chính phủ Anh cung cấp những tờ hồi phiếu lên tới một triệu franc nhằm giúp ông này tổ chức cuộc nổi dậy tại thủ đô”⁸⁰, nhưng không có bằng chứng cho thấy Chính phủ Anh đồng ý việc ám sát.

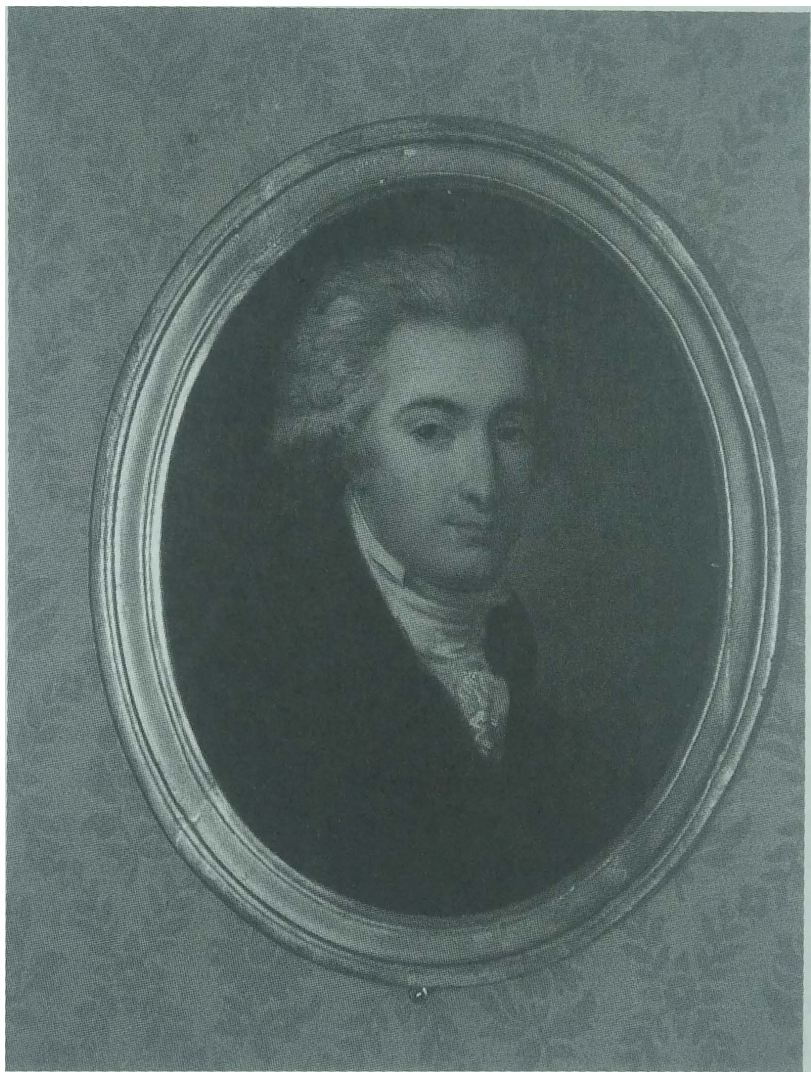
Những kẻ âm mưu trì hoãn hành động để chờ Bá tước d'Artois, em của Louis XVI, sẽ đến gia nhập với họ ở Paris,⁸¹ sẵn sàng thay thế Napoléon; nhưng ông ta không đến. Trong khi ấy Pichegru đến thăm Tướng Moreau và mời ông này hợp tác; Moreau từ chối tham gia bất cứ nỗ lực nào nhằm phục hồi dòng họ Bourbon, nhưng tự đề nghị sẵn sàng làm

nhà cai trị nước Pháp trong trường hợp Napoléon bị loại⁸². Vào thời gian này Bernadotte đưa cho Juliette Récamier tên của hai mươi tướng lĩnh mà theo như ông tuyên bố, tận tụy với ông và nôn nóng muốn phục hồi “nền Cộng hòa thực sự”⁸³. “Ta có thể nói thật là,” sau này Napoléon hồi tưởng lại ở St. Helena, “trong các tháng từ tháng Chín năm 1803 đến tháng Một năm 1804, ta như ngồi trên ngọn núi lửa”⁸⁴.

Ngày 26 tháng Một, một người Chouan tên Querelle, bị bắt trước đó ba tháng và sắp sửa bị hành quyết, đã tiết lộ chi tiết âm mưu này để đổi lại việc được giảm án. Dựa theo những lời thú nhận của anh ta, lực lượng cảnh sát chậm chạp của Claude Régnier đã tìm thấy và bắt được Moreau ngày 15 tháng Hai, Pichegru ngày 26 tháng Hai, anh em Polignac ngày 27 tháng Hai, và Cadoudal ngày 29 tháng Ba. Cadoudal kiêu hãnh nhìn nhận mình đã lên kế hoạch loại bỏ Napoléon khỏi ngôi vị quyền lực, và chờ một hoàng thân Pháp đến gặp ông ta ở Paris; nhưng từ chối khai tên bất cứ đồng lõa nào trong cuộc âm mưu⁸⁵.

Trong khi ấy, một đặc vụ Anh là Drake đang tụ tập một nhóm người âm mưu khác ở tại hoặc gần München, với kế hoạch dựng lên cuộc nổi dậy chống lại Napoléon trong những vùng mới thuộc Pháp ở bờ tây sông Rhein. Nếu chúng ta có thể tin Méneval, “một lệnh từ Hội đồng Cơ mật của nhà vua [nước Anh] chỉ thị cho những người Pháp lưu vong phải di chuyển đến hai bên bờ sông Rhein, bằng hình phạt bị mất tiền trợ cấp; và quy định số tiền được cấp cho mỗi sĩ quan và binh sĩ”⁸⁶. Khi các gián điệp của Napoléon báo cáo với ông các diễn tiến này, ông kết luận rằng ông hoàng Bourbon mà những kẻ âm mưu từ London đang chờ, nằm trong số những người *émigré* này. Bá tước d'Artois thì không thể nằm trong số này; nhưng trong thị trấn nhỏ Ettenheim, cách sông Rhein khoảng sáu dặm về phía đông trong thái ấp của Tuyển đế hầu Baden, các đặc vụ của Napoléon đã phát hiện ra Louis-Antoine-Henri de Bourbon - Condé, Công tước d'Enghien, con trai của

Công tước de Bourbon, và là cháu nội của Thân vương de Condé, con người sống với bề ngoài trầm lặng ngoại trừ những lần viếng thăm Strasbourg hiếm hoi nhưng khả nghi⁸⁷.



Hình 8: Công tước d'Enghien

Khi các thông tin này được báo lên Napoléon, ông kết luận vị Công tước 32 tuổi là kẻ chủ mưu lật đổ mình. Những tiết lộ của Querelle, và những vụ bắt bớ mới ở Paris đã đẩy vị tướng từng dũng cảm rơi vào trạng thái bị kích động – có lẽ

do sợ hãi và phần nộ – thúc giục ông đi đến những quyết định mà ông luôn bảo vệ nhưng (bất chấp những lời phản đối của mình⁸⁸) có lẽ thâm hối tiếc. Ông chỉ thị cho Tướng Ordener cầm đầu một lực lượng vũ trang đến Ettenheim bắt vị Công tước và đưa về Paris. Công tước bị bắt vào đêm 14 – 15 tháng Ba năm 1804, và ngày 18 tháng Ba bị tống giam vào Pháo đài Vincennes, cách Paris năm dặm về phía đông.

Ngày 20 tháng Ba Napoléon ra lệnh cho một tòa án quân sự gồm năm đại tá và một thiếu tá đến Vincennes xét xử vị Công tước về tội, trong khi nhận tiền của nước Anh, đã cầm vũ khí chống lại chính đất nước mình. Cùng lúc ông phái Tướng Savary, người đứng đầu lực lượng cảnh sát đặc biệt của ông, canh chừng tù nhân và vụ xử. Enghien công nhận đã nhận tiền của chính quyền Anh, và hy vọng sẽ cầm đầu lực lượng tiến vào Alsace⁸⁹. Tòa tuyên bố ông phạm tội phản quốc, và kết tội tử hình. Ông xin gặp Napoléon nhưng phiên tòa từ chối, nên đành đề nghị gửi một thông điệp cho Napoléon xin được khoan hồng. Savary gạt bỏ đề nghị này, và ra lệnh thi hành án tử⁹⁰.

Trong khi ấy Napoléon và những người thân tín thảo luận về số phận của vị Công tước tại nhà của Joséphine ở Malmaison. Họ cho rằng ông ta sẽ bị xét thấy có tội – nhưng liệu ông ta có nên được tha thứ như một cảnh ô liu gửi đến những người bảo hoàng? Talleyrand, người vào năm 1814 sẽ ủng hộ công cuộc phục hưng dòng họ Bourbon, khuyên nên hành quyết như một phương cách nhanh chóng để chấm dứt các hy vọng và âm mưu của phe bảo hoàng. Nhớ lại quá khứ của mình trong thời Cách mạng, ông lo sợ cho tài sản của mình, có lẽ cho mạng sống nữa nếu những người Bourbon quay lại nắm quyền. “Ông ta muốn,” Barras viết, “khơi một dòng sông máu giữa Napoléon và dòng họ Bourbon”⁹¹. Cambacérès, người bình tĩnh nhất và tuân theo pháp luật nhất trong bộ ba Tổng tài, chủ trương nên hoãn lại. Joséphine quỳ sụp xuống chân Napoléon xin tha mạng cho Enghien, và

những lời van xin của nàng được ủng hộ bởi cô con gái bà là Hortense và cô em gái Napoléon là Caroline.

Vào một thời điểm trong đêm ấy, từ Malmaison, Napoléon cử Hugues Maret đi Paris mang theo bức thư gửi cho hội viên Tham chính Viện là Pierre Réal, yêu cầu ông này đến Vincennes đích thân chất vấn Công tước và báo cáo kết quả về Malmaison. Réal nhận thư, nhưng, kiệt sức vì ban ngày làm việc cực nhọc nên đã ngủ thiếp đi trong phòng, và chỉ kịp đến Vincennes lúc 5 giờ sáng ngày 21 tháng Ba. Enghien đã chết trước đội hành quyết lúc 3 giờ sáng trong sân nhà tù. Savary, có vẻ cho rằng mình đã phục vụ tốt cho chủ đã phi ngựa về Malmaison báo tin cho Napoléon. Napoléon rút vào phòng riêng, khoá trái cửa lại, mặc cho vợ ông nài nỉ xin vào.

Những lời tố cáo gay gắt đến từ những người bảo hoàng và các hoàng gia. Họ kinh hoàng với ý nghĩ một thường dân lại dám giết một người thuộc dòng họ Bourbon. Nội các Chính phủ Nga và Thụy Điển gửi thư phản đối đến Hội nghị Đế quốc La Mã Thần thánh tại Ratisbon, và đề nghị mở cuộc điều tra quốc tế về việc quân đội Pháp xâm lăng Baden. Hội nghị không trả lời, và vị Tuyển đế hầu Baden không muốn làm mất lòng nước Pháp. Sa hoàng Aleksandr I chỉ thị cho đại sứ của mình ở Paris yêu cầu một lời giải thích về vụ hành quyết; Talleyrand trả lời bằng *argumentum ad hominem*:ⁱ “Nếu, khi nước Anh dự tính ám sát Pavel I, những kẻ chủ mưu được biết đang ẩn náu chỉ cách biên giới có một tầm tay ném đá, lẽ nào chúng lại không bị bắt càng nhanh càng tốt?”⁹². William Pitt rất hài lòng về tin vụ hành quyết: “Bonaparte”, ông nói, “giờ đây đã gây tổn hại cho chính hãn còn nhiều hơn những gì chúng ta đã làm kể từ lúc tuyên chiến vừa qua”⁹³.

i *Argumentum ad hominem* (*argumentum* = lý lẽ; *ad hominem* = về cá nhân, con người): Thành ngữ Latin, dùng để chỉ một lý lẽ tranh luận có mục đích gây bối rối đối thủ bằng cách công kích bản thân đối phương.

Phản ứng tại chính nước Pháp lại ôn hòa hơn mong đợi. Chateaubriand từ chối một chức nhỏ ở Bộ Ngoại giao; nhưng khi người đứng đầu của bộ này, con người không hề bối rối Talleyrand, tổ chức buổi khiêu vũ vào ngày 24 tháng Ba – ba ngày sau cái chết của Enghien – hai mươi thành viên của giới quý tộc cũ của Pháp và đại diện của tất cả các triều đình ở châu Âu đều tham dự⁹⁴. Ba tháng sau, vụ việc như biến mất khỏi tâm trí của công chúng. Tuy nhiên, Fouché, thường là nhà quan sát sắc sảo, đã nhận xét về vụ hành quyết: “*C’est plus qu’un crime, c’est une faute*” (Đấy còn hơn cả một tội ác, đấy là một sai lầm)⁹⁵.

Có lẽ Napoléon cũng cảm thấy ít nhiều hối hận, nhưng ông không bao giờ thú nhận. “Những kẻ này”, ông nói, “muốn đẩy nước Pháp vào cảnh hỗn loạn, và muốn tiêu diệt Cách mạng bằng cách tiêu diệt ta; bốn phận của ta là phải bảo vệ lẫn bảo thù cho Cách mạng... Công tước Enghien là kẻ âm mưu như bất cứ kẻ nào khác, và ông ta phải bị đối xử giống như vậy... Tôi đã phải lựa chọn giữa sự khủng bố liên tục và một cú đòn quyết định, và quyết định của tôi đã chứng tỏ không có gì hoài nghi. Tôi đã bắt bọn bảo hoàng lẫn bọn Jacobin phải câm miệng mãi mãi”⁹⁶. Ông muốn cho họ biết rằng ông không phải là kẻ có thể “giữ mặt”⁹⁷, và vụ án này cũng không phải là một “dòng sông máu” của ông⁹⁸. Ông nghĩ, cũng có lý đôi phần, rằng ông đã đưa nỗi sợ chết vào tận con tim của những người bảo hoàng âm mưu, giờ đây có thể thấy rằng ngay cả máu của họ Bourbon cũng sẽ không cứu được họ. Thật vậy, không còn âm mưu nào của phe bảo hoàng đe dọa mạng sống của Napoléon nữa.

Trong trường hợp những kẻ âm mưu bị bắt ở Paris, ông hành xử công khai và thận trọng hơn. Các vụ xét xử được mở ra công khai, và báo chí được phép tường thuật chi tiết. Mặc dù Bourrienne chống đối việc hành hình Enghien, Napoléon yêu cầu ông ta tham dự các vụ xử và báo cáo cho ông diễn tiến của mọi việc. Pichegru không chờ được

xét xử; ngày 4 tháng Tư người ta thấy ông chết trong phòng giam, bị thắt cổ bằng chính chiếc cà-vạt của mình. Trong những trường hợp khác, việc phạm tội được thú nhận hay có chứng cứ rõ ràng; nhưng đối với Moreau không cần phải chứng minh thêm khi ông tỏ ra công khai thù địch Napoléon, và đã che giấu nhà cầm quyền chuyện ông biết được Pichegru và những người khác đề nghị lật đổ vị Đế nhất Tổng tài bằng vũ lực. Ngày 10.6.1804, toà tuyên án: 19 người âm mưu nhận án tử hình, Moreau nhận án tù hai năm. Cadoudal chết ngày 28 tháng Sáu mà không hề hối hận. Trong số 18 người còn lại Napoléon khoan hồng cho 12 người, kể cả anh em nhà Polignac. Moreau xin được đổi từ án tù sang sống lưu vong; Napoléon đồng ý, dù đoán trước Moreau sẽ tiếp tục âm mưu chống lại mình⁹⁹. Moreau lên tàu sang Mỹ, ở bên ấy đến năm 1812, rồi quay về phục vụ cho quân đội Nga, chiến đấu chống lại Napoléon ở Dresden (29.8.1813), bị tử thương (ngày 2 tháng Chín), và được chôn ở Nga.

VI. Đường đến đế quốc: 1804

Suy ngẫm về âm mưu ấy, Napoléon tự hỏi tại sao ông phải thực hiện công việc của mình dưới mối đe dọa thường xuyên bị ám sát, trong khi những người cai trị khác liên tục liên kết nhau chống lại nước Pháp – George III của Anh, Franz II của Áo và Đế quốc La Mã Thần thánh – có thể mong đợi nắm giữ uy quyền tối cao cho đến khi chết một cái chết bình thường, và có thể tin tưởng vào sự chuyển giao có trật tự quyền lực của họ cho những người kế vị đương nhiên hay được chỉ định. Đó không phải là vì họ đã phục tùng những đường lối hành động và việc bổ nhiệm một cách dân chủ; họ đã không hề làm như vậy. Có vẻ bí quyết của sự an toàn của họ nằm trong tính “chính thống” của mình, đó là sự thừa nhận của công luận về việc quyền cai trị có thể kế thừa, vốn đã là tập tục qua bao thế hệ và bao thế kỷ.

Một cách kín đáo – thậm chí không kín đáo lắm – Napoléon mơ về quyền thế tuyệt đối, được phong thánh, và có thể truyền lại, thậm chí về một triều đại vốn có thể đạt được sự công nhận chính thức và ánh hào quang của thời gian. Ông cảm thấy những công việc ông mong mỗi hoàn thành cần có sự ổn định và liên tục của một nền cai trị tuyệt đối. Hãy xem Caesar – làm thế nào mà ông ta đã mang luật lệ và văn minh La Mã đến xứ Gaule, đã đẩy lùi quân Đức về bên kia bờ sông Rhein, và đã giành được tước hiệu *imperator*, tổng tư lệnh; vâng, không phải chính ông, Napoléon, cũng đã làm được những điều này đó sao? Caesar đã có thể còn đạt tới những gì nếu không bị ám sát? Hãy nghĩ bao nhiêu điều Augustus đạt được trong 42 năm nắm giữ quyền lực hoàng đế, không phải đương đầu với cảnh hỗn loạn của giới bình dân mà Caesar đã dẹp yên, và được ủng hộ bởi một Viện Nguyên lão đủ khôn ngoan để khiến những lời nói ba hoa phục tùng thiên tài. Napoléon, đứa con của nước Ý, người ngưỡng mộ những người cổ La Mã, ao ước có được sự liên tục không bị cản trở như vậy.

Nhưng ông cũng suy nghĩ và thường nói về Charlemagne trong thời gian trị vì 46 năm (768–814) đã mang lại trật tự và thịnh vượng cho xứ Gaule, truyền bá luật lệ của người Franciⁱ cho Đức và Ý như sức mạnh khai hóa, và đã thuyết phục được – hoặc đã bắt buộc – Giáo hoàng phong thánh. Chẳng phải ông, Napoléon, cũng đã làm tất cả những việc này sao? Chẳng phải ông đã phục hồi tôn giáo ở Pháp vốn đang kiểm chế cảnh phóng đảng của những kẻ ngoại giáo được Cách mạng buông lơi sao? Ông không xứng đáng có được ngai vàng suốt đời như Charlemagne sao?

Augustus và Charlemagne, những nhà phục hồi vĩ đại ấy, đã không tin vào dân chủ. Họ không thể bắt những phán đoán đã được rèn luyện và nghiền ngẫm kỹ lưỡng, những kẻ

i Anh, Frank.

hoạch và chính sách có ảnh hưởng sâu rộng của họ phải phục tùng những lời phê bình xoi mói và những tranh luận không đầu vào đầu của các đại biểu để mua chuộc của đám dân chúng ngu xuẩn. Caesar và Augustus đã biết đến nền dân chủ La Mã trong những ngày mua phiếu của Milo và Claudius; họ đã không thể cai trị theo mệnh lệnh của đám quần chúng bình dân gốc nghèo. Napoléon đã nhìn thấy tình trạng dân chủ của Paris năm 1792; ông cảm thấy không thể quyết định và hành động theo chỉ thị của những đám đông cuồng nhiệt. Đã đến lúc kêu gọi khép lại Cách mạng, củng cố những thành quả cơ bản của nó, và chấm dứt cảnh hỗn loạn, nỗi lo âu khắc khoải và chiến tranh giai cấp.

Giờ đây, sau khi trừng phạt những người bảo hoàng bằng vụ hành quyết, ông sẵn sàng chấp nhận lời khẳng định cơ bản của họ rằng nước Pháp đã không được chuẩn bị, về mặt cảm xúc lẫn tinh thần, để tự cai trị; và rằng vài hình thức cai trị độc tài nào đó không thể thiếu được. Năm 1804, theo lời Phu nhân de Rémusat, “một số người, bằng cách nào đó gây dựng quan hệ gần gũi với chính trị bắt đầu khẳng định rằng nước Pháp cảm thấy sự cần thiết của quyền hành chuyên chế trong việc cai trị. Những cận thần chính trị và những người ủng hộ thật lòng cho Cách mạng, khi thấy sự yên ổn của đất nước tùy thuộc vào một sinh mạng, đã thảo luận về sự bất ổn của Tổng tài chế. Với những mức độ khác nhau, ý nghĩ của mọi người một lần nữa quay về với chế độ quân chủ”¹⁰⁰. Napoléon đồng ý với họ. “Người Pháp”, ông nhận xét trước Phu nhân de Rémusat, “yêu mến chế độ quân chủ và mọi cạm bẫy của nó”¹⁰¹.

Do đó, để bắt đầu, ông giăng ra cho họ những cái bẫy. Ông đặt ra những trang phục chính thức cho các Tổng tài, bộ trưởng, và những nhân vật khác trong chính phủ. Vài nhưng là nguyên liệu nổi bật của các bộ y phục này, có phần nhằm khuyến khích các nhà sản xuất ở Lyons. Napoléon tập hợp một ban tham mưu gồm bốn vị tướng, tám sĩ quan phụ tá, bốn

quận trưởng cảnh sát, và hai thư ký (Méneval đã xin để phụ giúp mình). Triều đình của vị Tổng tài mang lấy vẻ phức tạp trong các phép xã giao và nghi thức không kém gì một hoàng gia đã được thiết lập từ lâu. Bá tước Auguste de Rémusat chịu trách nhiệm về các nghi lễ này, và Claire vợ ông cầm đầu bốn phu nhân theo hầu Joséphine. Người hầu mặc chế phục và những cỗ xe trang trí lộng lẫy thêm vào vẻ phức tạp được quy định cho cuộc sống chính thức. Napoléon tuân thủ tất cả những hình thức này ở nơi công cộng, nhưng sớm lui về cảnh giản dị trong đời riêng của ông. Tuy nhiên, ông mỉm cười tán đồng với những lễ hội của triều đình, các vũ hội hóa trang hay mang mặt nạ, và những lần viếng thăm chính thức rạp Opera, nơi vợ ông có thể phô trương những chiếc váy dài gợi nhớ lại một hoàng hậu phung phí khác, cách đây không lâu đã phải chết đáng thương. Paris nuông chiều ông, giống như ông nuông chiều Joséphine. Xét cho cùng, sao không thể cho phép nhà cai trị trẻ có vài nét trang trí hoa mỹ và lõe loét, ông là người đã tăng thêm tài cai trị của Augustus vào những chiến thắng của Caesar? Dường như thật tự nhiên khi *imperator*ⁱ (thống soái) nên biến thành *empereur* (hoàng đế).

Thật lạ lùng, nhiều nhóm người khác nhau ở Pháp không lấy gì tỏ vẻ bức dọc khi nghe đồn về việc sắp có một ông vua. Khoảng 1,2 triệu người Pháp đã mua lại của nhà nước những tài sản tịch biên được từ Giáo hội hoặc từ giới *émigré*; họ cảm thấy những chứng từ sở hữu của mình không được bảo đảm trừ khi ngăn chặn dòng họ Bourbon quay lại; và họ thấy trong sự lâu bền của quyền lực Napoléon sự bảo vệ tốt nhất chống lại tai họa như vậy. Những người nông dân cũng lý luận tương tự. Giới vô sản chia rẽ; họ vẫn còn say mê Cách mạng như đã từng là phần lớn công trình của họ, nhưng với sự say mê đang

i *Imperator* (Latin): Từ này có hai nghĩa: (thời Đế quốc La Mã) hoàng đế; (thời Cộng hòa La Mã) tước vị danh dự tạm thời dùng để tôn vinh vị tướng chiến thắng, hay thống soái. Ở đây được hiểu theo nghĩa thứ hai.

lại tàn dần khi họ được hưởng tình trạng có việc làm đều đặn với lương bổng hậu hĩnh mà chế độ Tổng tài mang lại; và họ cũng không miễn nhiễm với sự tôn thờ vinh quang ngày một tăng, hay sức mê hoặc của một đế quốc mà vẻ huy hoàng vượt qua tất cả những đối thủ cạnh tranh với nước Pháp. Giới tư sản hay ngờ vực các hoàng đế, nhưng vị hoàng đế tương lai này đã thuộc về phe họ một cách trung thành và hiệu quả. Các luật sư, được nuôi dưỡng trong tinh thần của pháp luật La Mã, hầu hết ủng hộ việc biến nước Pháp thành một đế quốc vốn sẽ hồi phục lại công trình của Augustus và các hoàng đế – triết gia từ Nerva đến Marcus Aurelius. Thậm chí những người bảo hoàng, nếu họ không thể có một người thuộc họ Bourbon, cũng nghĩ việc phục hồi chế độ quân chủ ở Pháp là một bước tiến. Giới tăng lữ, mặc dù biết lòng mộ đạo của Napoléon chỉ có tính cách chính trị, cũng hàm ơn việc phục hồi Giáo hội của ông. Hầu hết mọi tầng lớp, ngoại trừ Paris, tin rằng chỉ có một chính phủ quân chủ ổn định mới có thể kèm chế được những đam mê cá nhân và chia rẽ giai cấp sôi động sùng sục dưới lớp vỏ văn minh.

Nhưng cũng có những tiếng nói chống lại. Paris, nơi đã sản sinh ra Cách mạng và đã chịu nhiều đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần vì nó, không thể đưa nó về nơi an nghỉ cùng với những hiến pháp ít hay nhiều dân chủ mà không tỏ lộ sự tiếc nuối công khai hoặc âm thầm. Ở sự thay đổi được dự tính này, những lãnh đạo Jacobin còn sót lại nhìn thấy dấu chấm hết cho vai trò của họ trong việc dẫn đường nước Pháp; và có lẽ cho cả cuộc đời họ. Những người đã bỏ phiếu ủng hộ việc hành quyết Louis XVI biết Napoléon khinh bỉ họ như những kẻ giết vua; họ phải dựa vào Fouché để được bảo vệ, nhưng Fouché có thể bị thải hồi lần nữa. Các tướng lĩnh từng hy vọng chia rẽ và chia sẻ quyền lực của Napoléon nguyên rủa cái phong trào đang chuẩn bị khoác chiếc hoàng bào màu tím lên “gã hòm hĩnh xác xược” đến từ Corsica¹⁰². Các triết gia và nhà bác học Pháp quốc Học viện than vãn rằng một

thành viên trong bọn họ đang trù tính dìm chết dân chủ trong cuộc trưng cầu dân ý bầu ra hoàng đế.

Thậm chí trong cái gia đình gần như hoàng gia cũng có sự chia rẽ về tình cảm. Joséphine lo sợ chống lại bất cứ nước đi nào hướng tới việc lập đế quốc. Trở thành Hoàng đế, Napoléon thậm chí còn mong muốn mãnh liệt hơn nữa về việc có người thừa kế, và do đó mong muốn ly dị, vì ông không thể mong chờ ở nàng một đứa con; như thế toàn bộ thế giới choáng ngợp với những xiêm y và kim cương của nàng có thể tan tành bất cứ lúc nào. Các anh em của Napoléon từ lâu đã thúc giục ông ly dị; họ oán ghét con mụ Créole như kẻ quyến rũ phóng đảng, gây trở ngại cho những giấc mơ quyền lực của chính họ. Giờ đây họ ủng hộ xu thế tiến đến đế quốc như một bước nhằm hất cẳng Joséphine. Anh trai ông, Joseph, trình bày lý lẽ rằng:

Âm mưu của Cadoudal và Moreau đã đưa đến quyết định tuyên bố tước vị kế thừa. Với Napoléon giữ cương vị Tổng tài trong một nhiệm kỳ, một *coup-de-main* (cuộc tập kích) có thể lật đổ ông; nhưng để lật đổ một tổng tài suốt đời sẽ cần đến một vụ ám sát. Ông áp dụng biện pháp chọn người thừa kế như một cái khiên; như thế việc giết chết ông cũng không đủ; toàn thể nhà nước cần phải bị lật đổ. Sự thật là bản chất mọi sự có xu hướng thiên về nguyên tắc thừa kế; đó là vấn đề tất yếu¹⁰³.

Các thành viên Tham chính Viện, thượng nghị sĩ, thành viên của Ủy hội Pháp chế, và những người khác trong chính phủ tiến dần đến chỗ chiều theo ý chí của Napoléon vì lý do đơn giản: vâng lời sẽ chỉ làm giảm bớt quyền tự do tranh luận – vốn chỉ còn là những vết tích; chống đối có thể nguy hại cho đời sống chính trị của họ; việc sớm đồng thuận có thể đem lại phần thưởng béo bở. Ngày 2.5.1804, các cơ quan lập pháp thông qua bản kiến nghị gồm ba điều: “1. Rằng Napoléon

Bonaparte... sẽ được lập làm Hoàng đế của nước Cộng hòa Pháp; 2. Rằng tước hiệu Hoàng đế, và quyền lực Hoàng đế, sẽ được thừa kế bởi gia đình Ngài...; 3. Mọi sự cần trọng sẽ được thực hiện để bảo vệ quyền bình đẳng, tự do và những quyền của nhân dân trong sự toàn vẹn của chúng”. Ngày 18 tháng Năm, Thượng viện công bố Napoléon là Hoàng đế. Ngày 22 tháng Năm, các cử tri đã đăng ký của Pháp, bằng những lá phiếu được ký tên riêng rẽ, tán đồng sự *fait accompli* (việc đã rồi) này với 3.572.329 phiếu thuận và 2.569 phiếu chống. Georges Cadoudal, ở trong tù nghe được tin này, đã nhận xét, “Chúng ta đã đến đây để đem lại cho nước Pháp một ông vua; [thay vì vậy] chúng ta đã cho nó một hoàng đế”¹⁰⁴.

Chương 2

Đế quốc mới: 1804–1807

I. Đăng quang: 2.12.1804

Napoléon mãn nguyện tự buông thả vào những lễ thói vương giả. Ngay cả trước cuộc trưng cầu dân ý, ông đã bắt đầu (tháng Năm năm 1804) ký thư từ, tài liệu chỉ với tên của mình; không lâu sau đó, ngoại trừ những tài liệu chính thức, ông tối giản chỉ còn một chữ N; và cuối cùng mẫu tự đầu tiên kiêu hãnh ấy xuất hiện trên các công trình, tòa nhà, y phục, cỗ xe ngựa... Ông bắt đầu không còn nói về người dân Pháp như là “các công dân” mà là “các thần dân của ta”¹. Ông mong đợi sự tôn kính nhiều hơn từ các triều thần, sự đồng ý sẵn sàng hơn từ các bộ trưởng; tuy nhiên, bằng vẻ im lặng đáng ngại ông chịu đựng cung cách quý tộc của Talleyrand, và với ít nhiều thích thú ông chấp nhận sự dí dỏm bất kính của Fouché. Đánh giá cao sự giúp đỡ của Fouché trong việc truy tìm những kẻ âm mưu, ông phục hồi Fouché (11.7.1804) chức bộ trưởng cảnh sát trước đây. Khi Napoléon nghĩ nên kiềm nén bớt sự độc lập trong tư tưởng và lời nói của Fouché bằng cách nhắc lại việc ông ta đã bỏ phiếu tử hình Louis XVI, Fouché đáp, “Hoàn toàn đúng. Đó là việc làm phụng sự đầu tiên mà thần có dịp thực hiện cho Bệ hạ”².

Về uy nghiêm của ông vẫn còn thiếu một điều, đó là: nó chưa được công nhận và phong thánh như những vị vua khác bởi vị đại diện cao nhất của đức tin tôn giáo dân tộc. Xét cho cùng, có điều gì đó trong lý thuyết thời trung đại về thần quyền: đối với một dân tộc nơi Công giáo thống trị, việc



Hình 9: Lễ đăng quang Napoléon (Jacques-Louis

nhà cai trị của họ được phong chức bởi một Giáo hoàng vốn tự cho mình là đại diện của Chúa trời có nghĩa là nhà cai trị này thực sự đã được Chúa trời chọn lựa và do đó phát ngôn với một uy quyền hầu như thần thánh. Liệu còn có ý tưởng nào có thể tạo điều kiện cho việc cai trị thuận lợi hơn? Và việc phong chức như thế không đặt Napoléon ngang hàng với tất cả vua chúa châu Âu, mặc cho xuất thân trong quá khứ thế nào đi nữa sao? Vì vậy ông giao cho các nhà ngoại giao của mình nhiệm vụ thuyết phục Pius VII rằng, một chuyến đi chưa có tiền lệ đến Paris để đội vương miện lên đầu Đứa con của Cách mạng và thời Khai minh sẽ biểu trưng cho chiến thắng của Giáo hội Công giáo đối với Cách mạng và thời Khai minh. Và liệu khi Đức Giáo hoàng có được chiến binh lỗi lạc nhất châu Âu như một *defensor fidei*ⁱ mới, điều đó chẳng hữu ích sao? Một số Hồng y Áo phản đối khái niệm này như một tội phạm thánh thật sự, nhưng một số vị người Ý khôn ngoan nghĩ đây hầu như là một chiến thắng không chỉ đối với tôn giáo mà còn với bản thân nước Ý; “chúng ta có thể đặt một dòng họ Ý lên ngai vàng nước Pháp để cai trị những kẻ dã man này; chúng ta sẽ trả thù bọn Gaule”³. Giáo hoàng có lẽ thực tế hơn: ông sẽ đồng ý với hy vọng đưa một dân tộc biết hối cải về lại vị thế tông phục Giáo hoàng, và lấy lại nhiều lãnh địa của Giáo hoàng đã bị những đạo quân Pháp xâm chiếm.

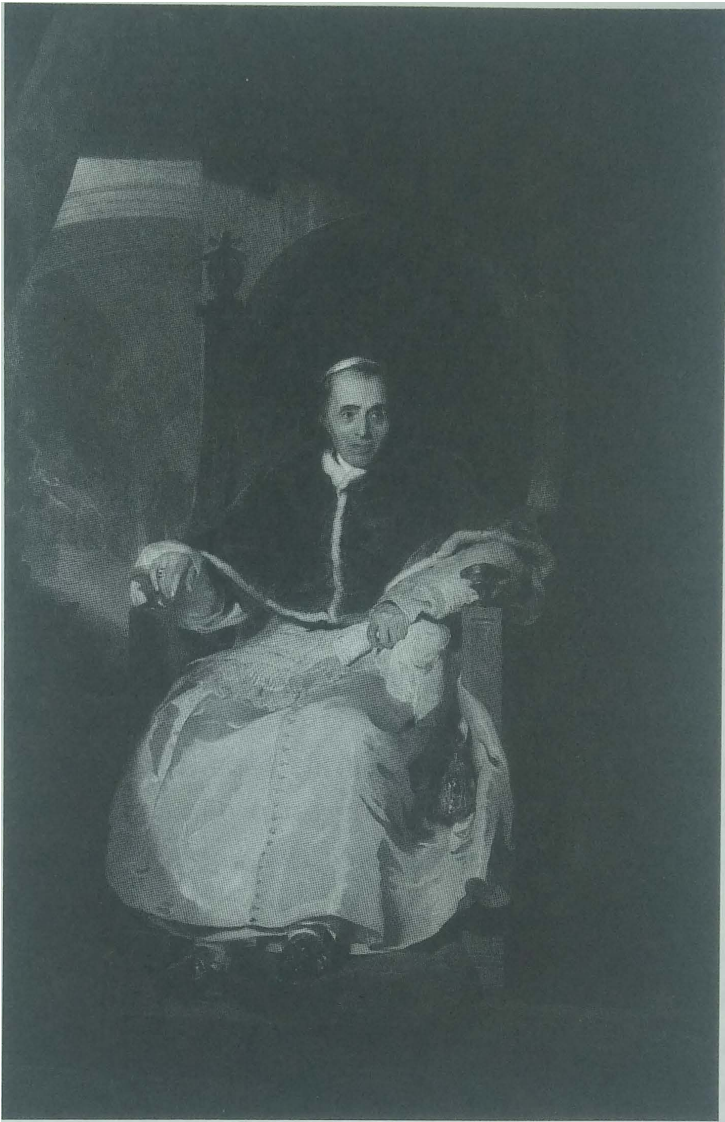
Napoléon thận trọng chuẩn bị cho thắng lợi chung này giống như chuẩn bị cho một cuộc chiến quan trọng. Các nghi lễ đăng quang của các Cựu Chế độ được nghiên cứu, điều chỉnh cho thích nghi, và phóng đại lên. Các đám rước được lên kế hoạch như do một biên đạo múa lập nên, và mỗi chuyển động đều được canh giờ. Các trang phục mới được thiết kế cho các mệnh phụ trong triều; những cô thợ may giỏi nhất tập hợp quanh Joséphine, và Napoléon ra lệnh cho nàng đeo những đồ trang sức của Ngân khố như của chính mình

i *Defensor fidei* (Latin): Người bảo vệ đức tin.

vậy. Mặc cho sự phản đối của mẹ, anh em trai và em gái mình, ông nhất quyết tôn vinh cho nàng cũng như cho chính ông. Jacques-Louis David, người sẽ tưởng niệm biến cố này trong bức họa vĩ đại nhất thời bấy giờ, diễn tập cho nàng và những người hầu cận mỗi bước đi và tư thế. Rạp Opéra được chỉ thị chuẩn bị những vở ba-lê khiến Đức Thánh Cha phải xúc động. Người ta bố trí quân đội bảo vệ các con đường chính và vệ binh của Tổng tài sắp thành hàng trong chính điện Thánh đường Notre-Dame (Đức Bà), trong một hôn lễ thật sự giữa Caesar và Chúa Giê-su. Nhiều ông hoàng và yếu nhân của các nước khác đều được mời, và họ đã đến dự. Có vô số người từ thành phố, vùng ngoại ô, các tỉnh, và nước ngoài, và họ đều muốn có vị trí thuận lợi trong nhà thờ hay trên các con đường. Các chủ hiệu buôn hy vọng được dịp làm giàu, và đã giàu thật. Việc làm và cảnh tượng biểu diễn khiến dân chúng hài lòng như có lẽ chưa bao giờ được như vậy kể từ thời của những *panem et circenses*ⁱ của Đế quốc La Mã.

Con người hòa nhã Pius VII thực hiện chuyến đi từ ngày 2 tháng Mười một đến ngày 25 tháng Mười một một cách ung dung nhàn nhã, qua những thành phố và những buổi lễ ở Ý và Pháp, và được Napoléon đón tiếp tại Fontainebleau. Từ lúc ấy cho đến lễ đăng quang, Hoàng đế dành cho Giáo hoàng tất cả sự lịch sự ngoại trừ niềm tôn kính; ông không hề nao núng khi đón tiếp bất cứ quyền lực bề trên nào. Dân chúng Paris – những người hoài nghi nhất đời thời bấy giờ – chào mừng vị Giáo hoàng như một cảnh quan ngoạn mục; một đoàn hộ tống gồm các binh lính và tu sĩ đưa ông đến Cung điện Tuileries, rồi dẫn vào một căn hộ đặc biệt trong Lầu Flore. Joséphine chào đón ông, và nhân cơ hội này nàng cho biết là đã không được giao kết với Napoléon theo hôn lễ tôn giáo. Pius hứa sẽ sửa chữa thiếu sót này trước lễ đăng quang.

i *Panem et circenses* (Latin): Bánh mì và rạp xiếc. Chiến thuật của chính quyền làm người dân cảm thấy đầy đủ và vui vẻ, để xoa dịu bất mãn của họ.



Hình 10: Giáo hoàng Pius VII (Sir Thomas Lawrence, 1819)

Đêm 29–30 tháng Mười một, ông kết hôn lại cho họ, và Joséphine cảm thấy một chương ngại được ban phước đã được dựng lên để chống lại một vụ ly dị⁴.

Vào sáng sớm ngày 2 tháng Mười hai lạnh giá, một tá đám rước từ các điểm khác nhau đã xuất phát để cùng tề tựu ở Thánh đường Notre-Dame: các phái đoàn từ các thành phố của Pháp, quân đội và hải quân, các hội đồng lập pháp,

bộ máy tư pháp, và các cơ quan hành chánh, Quân đoàn danh dự mang Bắc đẩu Bội tinh, Pháp quốc Học viện, các phòng thương mại... Họ thấy ngôi thánh đường hầu như chật cứng khách mời dân sự, và các binh sĩ dọn đường cho họ đến nơi đã định. Vào lúc 9 giờ sáng, từ Lầu Flore đám rước của Giáo hoàng khởi hành: Pius VII và các người hầu, các vị hồng y và giáo chức cao cấp của Tòa Thánh, ngồi trong những chiếc xe được trang trí vui mắt kéo bởi những chú ngựa tuyển chọn khí thế và đẹp đẽ, tất cả được dẫn đầu bởi một vị giám mục trên lưng con la giương cao chiếc thánh giá của Giáo hoàng. Đến thánh đường họ bước xuống và đi thành hàng ngũ chính thức bước lên những bậc thang, tiến vào chính điện, qua những lối đi giữa hai hàng binh lính đứng nghiêm và đến chỗ được bố trí sẵn – Giáo hoàng ngồi trên ngai vàng bên trái của bàn thờ. Trong khi ấy, từ một điểm khác của Cung điện Tuileries, đám rước cưỡi ngựa của Hoàng đế tiến lên: đầu tiên là Thống chế Murat, Tổng đốc Paris, và nhân viên của ông, rồi một số trung đoàn đặc biệt xuất sắc của quân đội; rồi, trong những chiếc xe sáu ngựa, các viên chức đứng đầu chính phủ; rồi một xe chở các anh em Bonaparte; rồi một chiếc xe nữa của hoàng gia có huy hiệu chữ N, kéo bởi tám con tuần mã, chở Hoàng đế mặc áo nhung tím đính đá quý và vàng, và Hoàng hậu trên đỉnh cao chói lọi mong manh, mặc chiếc váy bằng lụa cùng đồ trang sức lấp lánh, “khuôn mặt trang điểm khéo đến nỗi”, mặc dù đã bốn mươi mốt, “nàng trông như hai mươi bốn tuổi.”⁵ Rồi tám chiếc xe nữa, chở các mệnh phụ và quan viên của triều đình. Phải mất một giờ để những chiếc xe này đến được thánh đường. Tại đây Napoléon và Joséphine thay bộ lễ phục dành cho buổi đăng quang, và yên tọa ở bên phải bàn thờ; chàng ngồi trên ngai vàng, còn nàng trên chiếc ngai nhỏ hơn, cách năm bậc cấp về phía dưới.

Giáo hoàng bước lên bàn thờ; Napoléon, rồi Joséphine, lên quỳ trước mặt ông; cả hai được xúc dầu và ban phước.

Hoàng đế và Hoàng hậu bước xuống nơi Tướng Kellermann đứng cầm chiếc khay có chiếc vương miện. Napoléon cầm lấy vương miện đội lên đầu mình. Rồi, trong khi Joséphine đang quỳ với vẻ sùng kính và khiêm cung trước mặt, ông – “với một vẻ âu yếm có thể nhận thấy được”⁶ – đặt một chiếc vương miện bằng kim cương lên đầu tóc được trang sức bằng nhiều đá quý của nàng. Tất cả những điều này không làm Giáo hoàng ngạc nhiên, vì ông đã được chuẩn bị trước.ⁱ Tiếp đó vị Giáo chủ kiên nhẫn hôn lên má Napoléon và tuyên bố câu nói trịnh trọng, “*Vivat Imperator in aeternum.*”ⁱⁱ Giáo hoàng ca bản nhạc của lễ Missa. Những người phụ tá mang cuốn Phúc âm đến, và Napoléon, tay đặt lên cuốn sách, đọc lời thề vẫn khẳng định ông là Đứa con của Cách mạng:

Tôi xin thề bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa; tôn trọng và thi hành những luật lệ của Giáo ước và Tự do Thờ phụng; tôn trọng và thi hành quyền bình đẳng trước pháp luật, tự do chính trị và dân sự, và tính không thể đảo ngược của việc bán tài sản quốc gia; không đặt thêm nghĩa vụ, không đánh thêm thuế, ngoại trừ theo quy định của pháp luật; duy trì thiết chế Bắc đẩu bội tinh; và chỉ cai trị phù hợp với các quyền lợi, hạnh phúc, và vinh quang của dân tộc Pháp⁸.

Buổi lễ hoàn tất lúc ba giờ chiều. Qua đám đông hoan hô nhiệt liệt, dưới trời tuyết rơi, những nhóm người khác nhau quay về nơi xuất phát. Vị Giáo chủ tốt bụng, bị mê hoặc bởi sức quyến rũ của Paris và niềm hy vọng những cuộc thương lượng có kết quả, lưu lại thủ đô hoặc ở gần đó trong bốn

i Napoléon kể lại với Las Cases khi ở St. Helena, ngày 15.8.1816: “Giáo hoàng, vào một lúc nào đó trước lễ đăng quang của ta... đồng ý rằng chính ông ta sẽ không đặt chiếc vương miện lên đầu ta. Ông ta [cũng] miễn cho ta Lễ Ban thánh thể nơi công cộng... Napoléon, ông nhận xét [trước mặt các vị giám mục muốn Pius khẳng định về việc này], ‘có lẽ không phải là một tín đồ; chắc chắn sẽ đến lúc đức tin của ông ta được phục hồi.’” [Durant]

ii *Vivat Imperator in aeternum* (Latin): Hoàng đế vạn tuế.

tháng, và thường xuất hiện trên một ban - công ban phước cho đám đông đang quỳ gối. Ông thấy Napoléon kiên định một cách lịch thiệp, và ông kiên nhẫn chịu đựng những trò giải trí thể tục mà vị chủ nhà thiết đãi. Ngày 15.4.1805, ông khởi hành đến Roma. Napoléon tiếp tục các dự án và phương cách lập đế quốc của mình, tự tin rằng giờ đây, cũng mang vẻ thần thánh như bất cứ nhà cai trị nào, ông có thể kiên quyết đương đầu với nhóm liệt cường vốn sẽ sớm liên minh với nhau hòng tiêu diệt ông.

II. Đế tam liên minh: 1805

Vào cuối năm 1804, toàn thể các chính thể Âu châu ngoại trừ Anh, Thụy Điển, và Nga đều đã công nhận Napoléon là “Hoàng đế nước Pháp”, và một số vị vua đã gọi ông là “hoàng huynh” (brother).⁹ Ngày 2.1. 1805, ông lại đề nghị hòa bình với George III, và lần này gọi ông ta là: THƯA NGÀI VÀ THƯA HOÀNG HUYNH,

Tuân theo tiếng gọi của Thượng đế, cũng như của Thượng viện, của nhân dân, và quân đội muốn tôi đảm nhận ngai vàng của nước Pháp, tình cảm đầu tiên của tôi là mong muốn hòa bình.

Pháp và Anh đang phí phạm nền thịnh vượng của mình. Hai nước có thể chiến tranh hàng thế kỷ, nhưng liệu các chính phủ của chúng có hoàn thành đúng đắn bốn phận thiêng liêng nhất của họ, và liệu lương tâm của họ không trách cứ họ vì đã để quá nhiều máu đổ ra một cách vô ích, không vì một mục đích rõ ràng nào? Tôi không xấu hổ khi đi bước đầu tiên. Tôi nghĩ mình đã chứng tỏ đầy đủ... rằng tôi không sợ những khả năng xảy ra chiến tranh... Hòa bình là ý muốn chân thành của tôi, nhưng chiến tranh cũng chưa bao giờ bất lợi cho danh tiếng của tôi. Tôi cầu xin Bộ hạ đừng để mình mất đi niềm hạnh phúc ban tặng hòa bình cho thế giới... Không bao giờ có cơ hội nào tốt hơn... để buộc cơn giận phải im tiếng, và lắng nghe tiếng nói của lòng nhân đạo và lý trí. Nếu cơ hội này bị bỏ lỡ, giới hạn

nào có thể được quy định cho một cuộc chiến mà tất cả nỗ lực của tôi không thể chấm dứt?...

Ngài hy vọng đạt được gì qua chiến tranh? Liên minh với Liệt cường lục địa?... Giật lấy những thuộc địa của nước Pháp? Các thuộc địa chỉ là những mục đích có tầm quan trọng thứ yếu đối với nước Pháp; và không phải Bệ hạ đã có nhiều hơn là có thể giữ được sao?...

Thế giới đủ rộng cho cả hai quốc gia chúng ta cùng sống, và sức mạnh của lý trí đủ để cho phép chúng ta vượt qua mọi khó khăn nếu cả hai phía đều có thiện chí muốn làm thế. Bất luận thế nào tôi cũng đã hoàn thành một nghĩa vụ mà tôi xem là chính đáng, và vốn là điều tha thiết trong lòng tôi. Tôi kỳ vọng Bệ hạ sẽ tin tưởng vào sự thành thật của những tình cảm tôi vừa diễn tả, và sốt sắng muốn chứng tỏ cho ngài thấy bằng chứng của chúng.

NAPOLÉON¹⁰

Chúng ta không được biết những cam đoan cá nhân nào về ý định hòa bình có thể đã đi kèm với lời đề xuất này; bất luận thế nào nó cũng không làm cho nước Anh đi lệch khỏi chính sách đặt an ninh của mình dựa trên cán cân quyền lực của Liệt cường lục địa, và bảo toàn điều này bằng cách giúp đỡ nước yếu chống lại nước mạnh. George III, chưa phải là “hoàng huynh”, đã không trả lời Napoléon, nhưng ngày 14.1.1805, Bộ trưởng Ngoại giao của ông là Huân tước Mulgrave đã gửi cho Talleyrand bức thư thẳng thắn đưa ra những điều kiện của nước Anh cho nền hòa bình:

Hoàng thượng không có mong muốn nào tha thiết hơn là đón lấy cơ hội đầu tiên để một lần nữa ban cho các thần dân của ngài những phúc lợi của nền hòa bình vốn sẽ được xây dựng trên các cơ sở vốn tương thích với nền an ninh vĩnh viễn và những quyền lợi thiết yếu của các quốc gia. Hoàng thượng tin rằng mục tiêu này chỉ có thể đạt được bằng sự dàn xếp mà rồi sẽ đem lại cho tương lai cảnh an ninh cũng như thanh bình của

châu Âu, và ngăn chặn sự tái sinh những mối hiểm nguy và bất hạnh đã từng hoành hành Lục địa.

Do đó, Hoàng thượng cảm thấy không thể trả lời dứt khoát hơn cho câu hỏi đặt ra cho ngài, cho đến khi ngài có thời gian liên lạc với Liệt cường lục địa vốn đang là đồng minh của ngài, và đặc biệt là với Hoàng đế nước Nga, người đã cho thấy những bằng chứng mạnh mẽ nhất của sự khôn ngoan và tình cảm tốt lành, và của sự lưu tâm sâu sắc mà ông dành cho nền an ninh và độc lập của châu Âu¹¹.

William Pitt Trẻ (William Pitt the Younger) hiện là Thủ tướng Anh quốc (tháng Năm năm 1804 – tháng Một năm 1806). Như một pháo đài mới cho nền tài chính Anh, ông đại diện cho những quyền lợi thương mại vốn hầu như là những người Anh được lợi duy nhất trong cuộc chiến. Họ đã chịu nhiều thiệt hại đáng kể do người Pháp kiểm soát các cửa sông và hoạt động giao thông trên sông Rhein; nhưng lại hưởng lợi từ việc người Anh kiểm soát các biển. Việc này không những bóp nghẹt phần lớn sức cạnh tranh của Pháp trên biển, mà còn cho phép nước Anh mặc sức chiếm đoạt các thuộc địa của Pháp và Hà Lan, cũng như các tàu của Pháp bất cứ khi nào họ bắt gặp. Ngày 5.10.1804, các tàu của Anh bắt giữ nhiều thuyền buồm lớn của Tây Ban Nha đang hướng về nước này, trên tàu chứa số bạc sẽ cho phép họ trả phần lớn món nợ với Pháp. Tháng Mười hai năm 1804, Anh tuyên chiến với Tây Ban Nha, và Tây Ban Nha đặt hạm đội của mình dưới quyền điều động của Pháp. Ngoại trừ việc này, nước Anh, nhờ những nhà ngoại giao tài năng và những khoản trợ cấp khôn ngoan đã dần dần lôi kéo được Liệt cường lục địa vốn dồi dào nhân lực hơn là của cải.

Aleksandr I không thể quyết định liệu mình sẽ là nhà cải cách có khuynh hướng tự do và nhà cai trị chuyên chế tốt bụng, hay nhà chinh phục quân sự được số phận mời gọi thống trị châu Âu. Tuy nhiên, ông biết rõ mình muốn nhiều

điểm: ông muốn rào kín các biên giới phía tây của mình bằng cách sáp nhập Walacheiⁱ và Moldova,ⁱⁱ vốn thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ; do đó ông khao khát, như nữ hoàng thích bành trướng Yekaterina,ⁱⁱⁱ chiến thắng Thổ Nhĩ Kỳ, đứng dạng hai chân trên các eo biển Boğaziçi^{iv} và Çanakkale Boğazi^v, và, khi thời cơ đến, kiểm soát biển Địa Trung Hải; hiện thời ông đã nắm được nhóm đảo Ionia. Nhưng Napoléon đã có lần chiếm giữ các đảo này, và giờ đây mong lấy lại chúng; ông vẫn còn ham muốn mãnh liệt Ai Cập, và khao khát Địa Trung Hải; ông từng nói đến chuyện nuốt chửng Thổ Nhĩ Kỳ và một nửa phương Đông. Đây là một đối thủ phàm ăn; người này hoặc người kia phải chịu nhường. Vì những điều này cùng những lý do khác Aleksandr không muốn thấy nước Anh làm hòa với nước Pháp. Tháng Một năm 1805, ông ký thỏa ước liên minh với Thụy Điển, vốn là nước đã liên minh với nước Anh. Ngày 11 tháng Bảy, ông ký với nước Anh một hiệp ước nêu rõ hàng năm nước Anh sẽ cung cấp một khoản tiền 1.250.000 bảng cho mỗi 100.000 người đóng góp vào các chiến dịch chống lại nước Pháp¹².

Friedrich Wilhelm III của nước Phổ thương lượng với Napoléon trong một năm với hy vọng gộp tỉnh Hannover, vốn đã bị người Pháp chiếm vào năm 1803, thêm vào lãnh địa của mình. Napoléon đồng ý với điều kiện hai bên sẽ ký một thỏa ước liên minh, cam kết Phổ sẽ ủng hộ Pháp duy trì tình trạng mới, nhưng Friedrich không hứng thú với ý nghĩ chọc giận những chiếc tàu chiến của Anh đang ở dọc bờ biển nước ông. Ngày 24.5.1804, ông ký một thỏa ước liên minh với Nga để

i Anh, Wallachia. Tên gọi theo chữ Thổ Nhĩ Kỳ thời Osmân [Anh, Ottoman]: *Eflâk Prensliği*; tên gọi gốc theo tiếng România: Țara Românească.

ii Anh, Moldovia.

iii Anh, Catherine.

iv Anh, Bosphorus.

v Anh, Dardanelles

kết hợp hành động chống lại bất cứ bước tiến nào của Pháp về phía đông Weser.

Nước Áo cũng do dự. Nếu tham gia liên minh mới, họ sẽ phải hứng chịu mũi dùi của cuộc tấn công đầu tiên của quân Pháp. Nhưng nước Áo, thậm chí còn gần hơn cả nước Anh, đã cảm nhận những cú hích liên tục của quyền lực đang bành trướng của Napoléon: cương vị Tổng thống của Cộng hòa Ý vào tháng Một năm 1802; việc sáp nhập xứ Piemonte vào Pháp vào tháng Chín năm 1802; sự phục tùng của Thụy Sĩ vào Pháp vào tháng Hai năm 1803; việc tự xưng tước hiệu Hoàng đế vào tháng Năm năm 1804. Và những cú đấm vẫn liên hồi: ngày 26.5.1805, Napoléon nhận chiếc Vương miện Sắt của xứ Lombardia ở Milano; và ngày 6 tháng Sáu ông chấp nhận lời thỉnh cầu của Tổng đốc Genova muốn nước Cộng hòa Liguria sáp nhập vào nước Pháp. Người Áo đặt câu hỏi, khi nào gã Charlemagne mới này mới dừng lại? Phải chăng hẳn ta – trừ khi phần lớn châu Âu đoàn kết lại để chặn đứng hắn – không thể dễ dàng nuốt chửng lãnh địa của Giáo hoàng trước tiên và rồi Vương quốc Napoli? Lúc ấy điều gì có thể ngăn hẳn sáp nhập Venezia và toàn bộ xứ Venezia trừ phú vốn là lãnh thổ đóng góp phần thu nhập quan trọng cho nước Áo? Đó là tâm trạng của Áo khi nước Anh đề nghị cung cấp cho họ những khoản viện trợ mới, và Nga hứa sẽ cử 100.000 quân sang trong trường hợp bị Pháp tấn công. Ngày 17.6.1805, Áo liên kết với Anh, Nga, Thụy Điển và Phổ, và Đệ tam Liên minh ra đời.

III. Austerlitz: 2.12.1805

Để chống lại liên minh ngũ cường này, Pháp chỉ có sự hậu thuẫn do dự của Hesse, Nassau, Baden, Bayern, và Württemberg, và sự hợp tác của các hạm đội Tây Ban Nha và Hà Lan. Napoléon huy động tiền bạc và quân nghĩa vụ từ mọi miền vương quốc, và tổ chức thành ba đạo quân:

(1) Đạo quân sông Rhein, dưới quyền chỉ huy của Davout, Murat, Soult và Ney, đương đầu với lực lượng chính của Áo dưới quyền Tướng Mack; (2) Đạo quân Ý, dưới quyền Masséna, để chặn đứng mũi dùi đang tiến về hướng tây của quân Áo dưới quyền Quốc công Karl Ludwig; và (3) *Grande Armée* (Đại quân) của Napoléon, hiện đang tập trung quanh Boulogne, nhưng có thể bất ngờ chống lại quân Áo. Ông hy vọng một cuộc đánh chiếm nhanh chóng thành Wien sẽ buộc Áo ký hòa ước riêng rẽ, làm tê liệt các đồng minh trên lục địa của nước này, và khiến Anh rơi vào thế không ai trợ giúp và bị bao vây.

Vị Hoàng đế trẻ tuổi đã đi đến chỗ thù ghét nước Anh, coi nó như là một tai họa của đời mình và là chương ngại lớn nhất đối với các giấc mơ của ông. Ông gọi nó là “*perfidie Albion*”ⁱ (bọn Anh phản trắc), và tố cáo vàng của nước Anh là nguồn tai họa chính của nước Pháp. Giữa hàng trăm kế hoạch khác nhau, ông vẫn ngày đêm trù tính việc xây dựng lực lượng hải quân nhằm chấm dứt sự thống trị của nước Anh trên biển cả. Ông dồn sức người, sức của vào các công xưởng hải quân như Toulon và Brest, và thử nghiệm hàng tá vị chỉ huy nhằm tìm ra được một đô đốc có thể dẫn dắt lực lượng hải quân Pháp đang phát triển để đưa họ đến chiến thắng. Ông nghĩ đã tìm được người như thế ở Louis de La Touche-Tréville, và cố gắng truyền cảm hứng cho ông này về viễn cảnh nước Anh bị xâm lăng và đánh bại. “Nếu chúng ta có thể làm chủ Eo biển trong sáu giờ, chúng ta sẽ làm chủ thế giới.”¹³ Nhưng La Touche-Tréville mất năm 1804, và Napoléon đã mắc sai lầm khi trao quyền chỉ huy Hải quân Pháp cho Pierre de Villeneuve.

Villeneuve đã làm hỏng phần việc được giao trong vụ thất bại ở Ai Cập, và đã lộ dấu hiệu bất phục tùng và nhút nhát. Ông không tin có thể nắm quyền kiểm soát Eo biển trong sáu giờ, và nấn ná ở Paris cho đến khi Napoléon ra lệnh ông

i *Albion*: Tên cổ xưa của nước Anh, ngày nay chỉ thỉnh thoảng được dùng trong thi ca.

về nhiệm sở ở Toulon. Các chỉ thị của ông khó hiểu và phức tạp: Dẫn hạm đội của mình ra biển, dụ Nelson dùng đội tàu chủ lực của Anh đuổi theo, lôi kéo ông này băng qua Đại Tây Dương đến vùng Tây Ấn (West India), lẩn trốn Nelson giữa hàng ngàn hòn đảo, và quay về Eo biển càng nhanh càng tốt, nơi các đội tàu Pháp, Hà Lan và Tây Ban Nha sẽ tham gia cùng ông giao chiến với các tàu của Anh tại đây một lúc đủ lâu để giúp quân đội Pháp vượt biển trên hàng ngàn con thuyền sang Anh trước khi Nelson có thể quay về từ Caribbean. Villeneuve hoàn thành phần đầu kế hoạch của ông rất tốt: ông dụ Nelson sang châu Mỹ, thoát được ông này, và vội vã quay về châu Âu. Nhưng khi về đến Tây Ban Nha ông cho rằng các thuyền bè và thủy thủ của mình không thể thắng được lực lượng phòng thủ Anh ở Eo biển; thay vào đó ông tìm sự bảo vệ từ một hải cảng thân thiện ở Cadiz. Napoléon thấy kế hoạch của mình bị thất bại, hạ lệnh cho Villeneuve đi tìm hạm đội của Nelson và liều tất cả trong một hành động thách thức tuyệt vọng đối với quyền bá chủ mặt biển của người Anh.

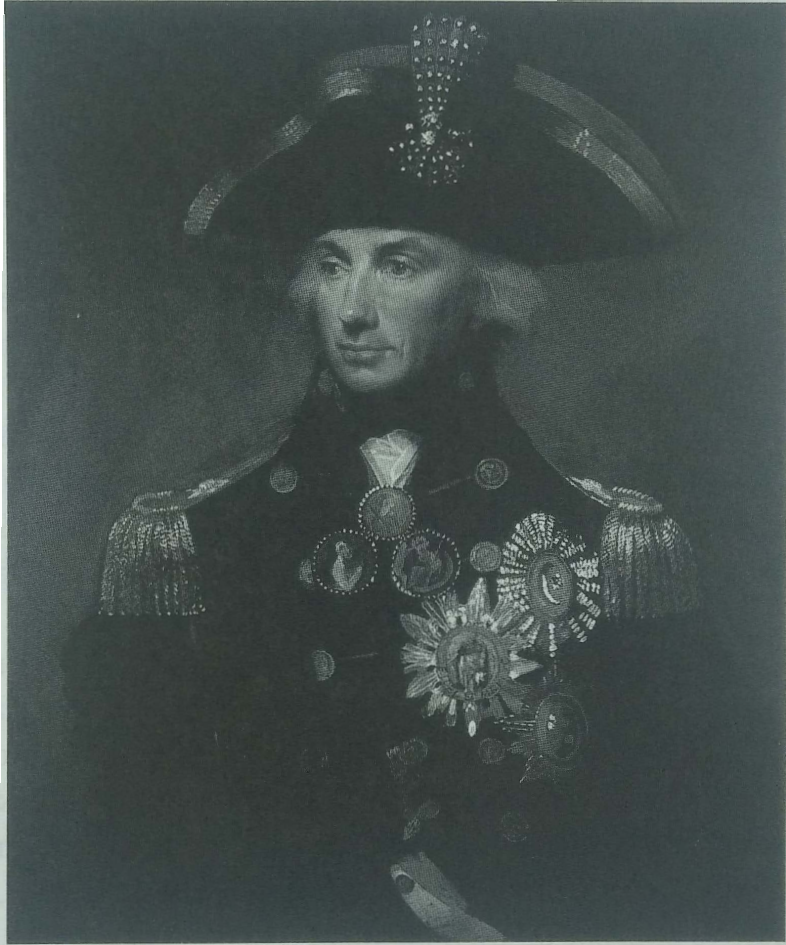
Rồi, trong một loạt các quyết định, Hoàng đế quay lưng về Eo biển, và quay một trăm ngàn người hành quân theo hướng nam và tây, tiến về sông Rhein và vượt qua nó. Cả nước Pháp theo dõi với niềm hy vọng pha lẫn lo lắng bước đi của *Grande Armée*, như giờ đây được Napoléon gọi, và mỗi thị trấn trên cuộc hành trình đều cầu chúc cho bước ra đi may mắn. Tại hầu hết các nhà thờ, tu sĩ kêu gọi tuổi trẻ dân tộc vâng theo tiếng gọi của màu cờ quốc gia; họ lấy Kinh Thánh ra chứng minh là giờ đây Napoléon ở dưới sự dẫn dắt và bảo vệ của Chúa¹⁴; do đó chẳng bao lâu bản Giáo ước đã mang lại kết quả. Napoléon hợp tác bằng cách sắp đặt việc 20.000 cỗ xe ngựa cần được cung cấp dọc theo đường hành quân nhằm giảm bớt mệt nhọc cho binh lính và đưa họ đi nhanh qua nước Pháp¹⁵. Bản thân ông cũng cưỡi ngựa đến Strasbourg cùng Joséphine, giờ đây cũng đang trong tâm trạng bồn chồn

lo lắng và hết lòng tận tụy; số phận của nàng cũng đang tùy thuộc vào từng đợt gieo súc sặc. Ông hứa sẽ làm chủ Wien chỉ trong ít tuần¹⁶. Ông để nàng ở lại Strasbourg cho Rémusat chăm sóc, và vội vã lên đường ra mặt trận.

Như thường lệ, chiến thuật của ông là chia rẽ và chế ngự: không cho các đạo quân Áo kết hợp lại; tiêu diệt hoặc làm bất động các lực lượng của quân Áo trước khi đám quân cứu viện Nga mà họ đang trông chờ có thể đến; và rồi áp đảo quân Nga trong một chiến thắng sẽ buộc các kẻ thù lục địa của ông chấp nhận ít nhất cũng một nền hòa bình tạm thời. Mặc dù thời tiết ban ngày ẩm đậm và ban đêm mù mịt với những cơn mưa, bùn lầy và tuyết, Đạo quân sông Rhein đã thực hiện phần việc của mình trong chiến dịch một cách kỷ lưỡng và khấn trương tới mức có thể dùng để minh họa cho thấy Napoléon đã mang nợ các thống chế của mình tới mức nào. Sau một tuần điều động, 50.000 người lính của Tướng Marck thấy mình bị bao vây ở Ulm từ ba phía bởi pháo binh, kỵ binh, và bộ binh của Davout, Soult, Murat và Ney, và bị con sông Danube rộng lớn sau lưng chặn đường thoái lui. Bị đói ăn, và thiếu đạn dược, quân Áo đe dọa nổi loạn nếu không được phép đầu hàng. Cuối cùng Parck phải đầu hàng (17.10.1805); 30.000 quân của ông bị bắt làm tù binh và đưa về Pháp. Đây là một trong những chiến thắng ít tốn kém nhất và hoàn hảo cũng như hiệu quả nhất trong lịch sử chiến tranh. Hoàng đế Franz II và một số quân Áo sống sót ở Ulm bỏ chạy về phía bắc để gia nhập quân Nga đang đến, trong khi Napoléon tiến vào Wien (12 tháng Mười một) không gặp sức kháng cự và cũng không tỏ ra phô trương.

Chiến thắng của ông sớm bị vẩn đục bởi các tin tức cho biết Villeneuve, tuân theo các chỉ thị, đã xuất kích gặp Nelson trong một trận đánh mà đối với cả hai là trận quyết đấu sinh tử. Nelson chiến thắng ở Trafalgar (21.10.1805), nhưng bị thương nặng; Villeneuve thua, và tự sát. Napoléon buồn bã gác qua một bên mọi hy vọng cạnh tranh quyền bá chủ các biển cả với

nước Anh; dường như không có con đường chiến thắng nào mở ra ngoại trừ việc thắng thật nhiều trận đánh trên bộ khiến cho Liệt cường lục địa buộc phải nghe theo Pháp đóng cửa các thị trường của họ đối với hàng hóa Anh cho đến khi các thương gia Anh buộc chính phủ họ phải xin nghị hòa.



Hình 11: Đô đốc Anh Horatio Nelson (Lemuel Francis Abbott, 1799)

Để Tướng Mortier và 15.000 quân ở lại giữ Wien, ngày 17 tháng Mười một ông bắt đầu lên đường hội quân với các binh sĩ mình và chuẩn bị cho họ đương đầu với hai đạo quân Nga đang tiến về phương nam, một dưới quyền chỉ huy của con người quả quyết Kutuzov, còn đạo quân kia được chỉ huy

bởi chính Sa hoàng Aleksandr. Gấu Nga gặp Đại bàng Pháp ở Austerlitz, một ngôi làng ở Moravia, ngày 2.12.1805. Trước khi lâm trận, Napoléon phát đi lời công bố gửi đến các lữ đoàn của mình:

HỒI BINH SĨ,

Đạo quân Nga đang hiện ra trước các người để trả thù cho đạo quân Áo ở Ulm... Chúng ta đang chiếm giữ các vị trí đáng gờm; trong khi chúng di chuyển về bên phải ta, chúng sẽ phô bày mạn sườn ra cho ta...

Ta sẽ đích thân chỉ huy các tiểu đoàn của các người. Ta sẽ đứng ngoài lửa đạn nếu, với lòng dũng cảm thường ngày, các người khiến cho mạn sườn quân địch lâm vào cảnh mất trật tự và hỗn loạn. Nhưng nếu trong một lúc chiến thắng hãy còn chưa chắc, các người sẽ thấy vị hoàng đế của các người đi đầu phơi mình trước hiểm nguy... Vì chúng ta phải cầm chắc chiến thắng trong ngày đặc biệt nhất này, khi danh dự của lực quân Pháp, vốn liên quan sâu sắc với danh dự của cả quốc gia, đang lâm nguy... Chúng ta có nhiệm vụ phải chế ngự đám đánh thuê cho bọn Anh, vốn là những kẻ đang sôi sục lòng cừu hận dữ dội đối với quốc gia chúng ta...

Chiến thắng này sẽ kết thúc chiến dịch, và lúc ấy chúng ta sẽ quay về các doanh trại mùa đông, nơi chúng ta sẽ nhập bọn với những đạo quân mới đang hình thành ở Pháp; và lúc ấy hòa bình mà ta tạo nên sẽ xứng đáng với thần dân ta, với các người, và với chính ta¹⁷.

Chiến thuật đầu tiên của ông là chiếm giữ ngọn đồi cho phép pháo binh nã đạn vào bộ binh Nga khi chúng di chuyển sang tấn công vào mạn sườn phải của ông. Ngọn đồi ấy được bảo vệ bởi một số trong những người dũng cảm nhất của Kutuzov; họ nhượng bộ, định hàng ngũ lại, rồi lại chiến đấu, và cuối cùng bị những toán quân trừ bị của Napoléon đánh bại. Chẳng bao lâu sau pháo binh của Pháp đã tiêu diệt



Hình 12: Cuộc gặp gỡ của Napoléon và Franz II sau trận Austerlitz (Antoine-Jean Gros, 1812)

quân Nga khi họ di chuyển trên cánh đồng bên dưới; lực lượng ở trung tâm của họ phát hoảng và tháo chạy, chia cắt đội quân họ thành một nửa đối diện với bộ binh của Davout và Soult ở một đầu, còn nửa ở đầu kia với các tiểu đoàn của Lannes, Murat, và Bernadotte; và Napoléon tung quân trừ bị đánh vào vị trí trung tâm đã tơi tả để kết thúc cuộc thất bại thảm hại. 87.000 lính Nga và Áo phải đầu hàng, 20.000 bị bắt làm tù binh với hầu hết pháo binh của họ, cùng 15.000 người chết. Aleksandr và Franz cùng tàn quân chạy trốn về Hungary, trong khi người đồng minh đang khiếp vía của họ, Friedrich Wilhelm III, khúm núm đề nghị hòa bình.

Trong cuộc tàn sát khủng khiếp ấy, 73.000 quân Pháp và đồng minh có 8.000 người chết hoặc bị thương. Những người sống sót đang kiệt sức, vốn từ lâu đã được tôi luyện trước cảnh chết chóc, hoan hô vị lãnh đạo của họ nhiệt liệt đến điên cuồng. Trong một tuyên bố ngày 3 tháng Mười hai, ông đáp lại họ bằng lời hứa ông sẽ sớm giữ: “Khi mọi thứ cần thiết để bảo đảm cho hạnh phúc và thịnh vượng của đất nước chúng ta đã được thực hiện hoàn tất, ta sẽ dẫn các người trở về Pháp. Tại đây các người sẽ là đối tượng của mối quan tâm nhân hậu nhất của ta. Thần dân ta sẽ chào mừng các người với niềm vui sướng, và các người sẽ chỉ cần nói, "tôi đã tham gia trận Austerlitz" cũng khiến cho mọi người la lên, "Hãy nhìn vị anh hùng"”¹⁸.

IV. Người lập bản đồ: 1806–1807

Khi William Pitt nhận được tin về trận Austerlitz, ông ta đang gần kề cái chết. Nhìn thấy bức bản đồ châu Âu trên tường, ông bảo gỡ xuống. “Hãy cuốn cái bản đồ này lại”, ông nói, “trong mười năm tới sẽ không cần tới nó”¹⁹. Napoléon đồng ý, và vẽ lại bản đồ.

Ông bắt đầu với việc vẽ lại nước Phổ và nước Áo. Talleyrand, được ông vời đến Áo truyền đạt ý của Hoàng đế

bằng ngôn ngữ ngoại giao, khuyên ông nên cho Áo những điều khoản ôn hòa với điều kiện họ phải ký với Pháp một liên minh khiến có thể chấm dứt việc liên kết những khoản viện trợ của Anh với các chính sách của Áo, và có thể mang đến cho Pháp một số hậu thuẫn, dù chỉ là về mặt địa dư, trong trường hợp xung đột với Phổ và Nga. Napoléon, nghi ngờ sự mong manh của các liên minh, nghĩ tốt hơn nên làm suy yếu Áo tới mức họ không còn khả năng thách thức Pháp lần nữa, và lôi kéo Phổ từ tay Nga bằng một nền hòa bình dễ dàng. Trong khi ấy ông cho phép Alexander dẫn đám tàn quân trở về Nga mà không truy đuổi.

Với hiệp ước ký trong thư phòng của Maria Theresiaⁱ tại cung điện hoàng gia Schönbrunn của Áo (5.12.1805), Napoléon yêu cầu Phổ giải tán quân đội, nhượng lại lãnh địa Ansbach cho Bayern, và công quốc Neuchâtel cho Pháp, và chấp nhận liên minh bắt buộc với kẻ chinh phục mình. Friedrich Wilhelm III mong đợi đổi lại sẽ có tỉnh Hannover, được Napoléon vui lòng hứa hẹn như một hành động làm nản lòng mọi tình cảm thân Anh ở Phổ.

Hiệp ước Preßburg (hoàn tất trong lúc Napoléon vắng mặt, ngày 26.12.1805) ký với Áo rất tàn nhẫn. Nước Áo đã bắt đầu những hành động thù địch bằng cách xâm lăng Bayern, giờ đây bị yêu cầu phải nhượng lại cho Bayern, Baden, và Württemberg tất cả đất đai của mình ở Tirol, Vorarlberg, và miền Nam nước Đức. Được mở rộng như thế, Bayern và Württemberg trở thành những vương quốc, và Baden trở thành một công quốc liên minh với Pháp. Để đền bù cho Pháp những phí tổn về người, tiền bạc, và trang thiết bị trong chiến tranh, Áo sẽ chuyển giao cho Pháp quyền bảo hộ mọi thuộc

i Maria Theresia (1717–1780): Người phụ nữ duy nhất từng đứng đầu triều đại Habsburg. Bà là Nữ hoàng của Đế quốc La Mã Thần thánh, Nữ hoàng của Hungary và Bohemia, và Nữ Quốc công Áo. Bà có tổng cộng 16 người con, kể cả Hoàng đế Joseph II của Đế quốc La Mã Thần thánh và Hoàng hậu Marie Antoinette, vợ vua Louis XVI của Pháp.

địa của mình ở Ý, kể cả Venezia và những vùng nằm sâu nội địa của nó; và Áo đồng ý trả cho Pháp khoản tiền bồi thường lên đến 40 triệu franc – một phần trong số này, Napoléon sung sướng được biết, vừa mới đến từ Anh²⁰. Ngoài ra, ông còn ra lệnh cho những chuyên gia nghệ thuật của ông gửi về Paris một số tranh và tượng được tuyển chọn từ các cung điện và phòng trưng bày của Áo. Toàn thể những cống vật đất đai, hiện kim, và nghệ phẩm được nhà chiến thắng, theo cung cách La Mã của ông, xem như những chiến lợi phẩm chính đáng. Sau cùng, ông hạ lệnh dựng một chiếc cột chiến thắng trên Quảng trường Vendôme tại Paris, bên ngoài cột phủ bằng thứ kim loại nấu chảy từ những khẩu đại bác của quân thù bị tịch thu ở Austerlitz.

Talleyrand ký các hiệp ước này, nhưng thất vọng vì những lời khuyên của mình bị bác bỏ, ông bắt đầu dùng ảnh hưởng của mình – đôi lúc có hành vi làm phản – chống lại việc Napoléon bành trướng quyền lực thêm nữa. Sau này ông biện minh rằng mình đã phục vụ nước Pháp bằng cách gây tổn hại cho chủ nhân của mình, nhưng ông đã buộc cả hai phải trả giá.

Ngày 15.12.1805, Napoléon rời Wien đi gặp Joséphine ở München. Tại đây họ tham dự hôn lễ của Eugène (đã được phong làm phó vương Ý) và Công chúa Augusta, con gái cả của Vua Bayern. Trước đám cưới, Napoléon đã chính thức nhận Eugène làm con nuôi, và hứa sẽ cho chàng trai kế thừa vương miện nước Ý của mình. Đây là cuộc hôn nhân chính trị nhằm củng cố liên minh giữa Bayern và Pháp; nhưng Augusta đã học cách yêu chồng mình, và cứu giúp chàng khi người cha nuôi của chàng sụp đổ.

Hoàng đế và Hoàng hậu về Paris, nơi họ được đón tiếp bằng những buổi lễ chính thức và sự hoan nghênh của công chúng tới mức Phu nhân de Rémusat tự hỏi “liệu có thể nào đầu óc một con người không bị quay cuồng vì sự tán dương quá mức đến như vậy”²¹. Các sự kiện đã giúp ông tỉnh táo

lại. Ông nhận thấy trong lúc mình vắng mặt việc quản lý sai lầm đã đưa Ngân khố đến bờ vực phá sản; khoản tiền bồi thường của Áo đã đến cứu nguy. Ông vẫn còn phải đấu tranh chống những âm mưu đe dọa mạng sống của mình, vì ngày 20.2.1806 ông được Charles James Fox, lúc ấy là Thủ tướng nước Anh, khuyên phải nên giữ mình, vì một tay sát thủ tiềm tàng đã đề nghị giết Napoléon để đổi lại một số tiền lớn²². Fox đã ra lệnh câu lưu người này, nhưng có thể vẫn còn những kẻ yêu nước như vậy hám tiền. Do lúc bấy giờ nước Anh đang lâm chiến với Pháp nên cử chỉ của vị Thủ tướng xứng đáng với cả đạo lý Thiên chúa giáo lẫn tinh thần hiệp sĩ. Giữa những biến cố giết người ở mức cá nhân lẫn tập thể, ngày 1.1.1806 nước Pháp quay về với bộ lịch Gregorius của Thiên Chúa giáo.

Ngày 2 tháng Năm, sau bốn tháng phục hồi nền cai trị, Hoàng đế đọc trước Hội đồng Lập pháp bản “Báo cáo về hoàn cảnh của đế quốc vào năm 1806”. Bản báo cáo tóm lược các chiến thắng của lực quân, việc thu nhận được các đồng minh và lãnh thổ; mô tả tình trạng thịnh vượng của nông nghiệp và công nghiệp Pháp, thông báo cuộc triển lãm công nghiệp – một điều mới mẻ trong lịch sử Pháp – sẽ được tổ chức ở Louvre vào mùa thu; ghi nhận việc xây dựng hoặc sửa chữa các hải cảng, kênh đào, cầu cống, và 54.000km đường sá – nhiều kilômét trong số này băng qua dãy Alpes; bản báo cáo này nói về những công trình xây dựng lớn đang tiến hành như Đền Vinh quangⁱ (ngày nay là nhà thờ La Madeleine), tòa nhà Bourse hay thị trường chứng khoán, vốn nâng đồng tiền lên tầm cao của nghệ thuật, và Khải hoàn môn Ngôi sao (Arc de Triomphe de l'Étoile) vốn đang bắt đầu làm đại lộ Champs-Élysées thêm hoàn hảo; và bản báo cáo kết thúc với sự đảm bảo mà nước Pháp đang bắt đầu tìm kiếm: “Không phải là những cuộc chinh phục Hoàng đế đang có trong tâm trí; ngài đã đạt được mọi vinh quang nơi chiến trường... Hoàn thiện

i Temple de la Gloire.

nền cai trị, và tạo dựng nó thành cội nguồn của hạnh phúc lâu bền và nền thịnh vượng ngày càng phát triển cho thần dân ngài... là niềm vinh quang ngài hướng tới”²³.

Công cuộc vẽ lại bản đồ vẫn tiếp tục. Ngày 12.7.1806, vị hoàng đế tuyệt vời đã chấp nhận như một món quà, một đế quốc khác, bao gồm các vương quốc Bayern, Sachsen, Württemberg và Westfalen, các đại công quốc Baden, Berg, Frankfurt, Hesse-Darmstadt và Würzburg, các công quốc Anhalt, Arenberg, Mecklenburg-Schwerin, Nassau, Oldenburg, Saxe-Coburg, Saxe-Gotha, Saxe-Weimar, và nửa tá các công quốc nhỏ khác. Sáng kiến đưa đến cuộc hôn phối giữa bạn và thù này (theo Méneval)²⁴ được khởi xướng bởi vị “Thân vương Tổng Giám mục” (Prince Primate) Karl Theodor von Dalberg, trước đây là Tổng Giám mục xứ Mainz. Dưới sự lãnh đạo của ông, những người đứng đầu các lãnh địa khác nhau yêu cầu Napoléon nhận họ vào dưới sự bảo hộ của mình, cam kết cung cấp quân sĩ (tổng cộng 63.000 người) cho các đạo quân của ông, công bố tách rời khỏi Đế quốc La Mã Thần thánh (mà Charlemagne đã thành lập năm 800), và thành lập Liên bang sông Rhein. Có lẽ sự chuyển hướng mới của các vùng người Teutōnⁱ này được dễ dàng là nhờ sự lan truyền ngôn ngữ và văn học Pháp giữa họ với nhau. Cộng đồng trí thức hầu như mang tính quốc tế. Nước Phổ đương nhiên chống lại sự lớn mạnh bao la của nước Pháp, nhưng nước Áo, bất lực trong cơn bại trận, chấp nhận sự thay đổi. Do sự rút lui của 16 vị vương hầu cùng lãnh thổ của họ đã giảm thiểu Đế quốc La Mã Thần thánh xuống chỉ còn một phần nhỏ không đáng kể so với quy mô nguyên thủy, Franz II (ngày 6.8.1806) đã từ bỏ tước hiệu và những đặc quyền của người đứng đầu một cơ cấu một thời rộng lớn mà Voltaire từng gọi là “không phải thần thánh, không phải La Mã, cũng không phải đế quốc”, và kể từ đó ông bằng lòng với tước hiệu Franz I, Hoàng đế nước Áo.

i Teutōn: Chỉ các dân tộc nói tiếng Đức.

Giờ đây Đế quốc Pháp, và không lâu sau đó là Bộ luật Napoléon, mở rộng ảnh hưởng từ Đại Tây Dương đến sông Elbe. Nó bao gồm Pháp, Bỉ, Hà Lan, các lãnh địa biên giới ở phía tây sông Rhein, Genève, và hầu như toàn bộ nước Ý ở phía bắc các lãnh địa của Giáo hoàng. Con người từng thèm muốn được như Charlemagne có vẻ như đã lặp lại các thành tựu của Charlemagne trong việc “ban hành luật pháp cho phương Tây” – nghĩa là phía tây châu Âu. Nhưng từ Đại Tây Dương đến sông Elbe những tâm hồn đầy suy tư đã tự hỏi: Tình huynh đệ giữa hai dân tộc Gaule và Teutōn sẽ kéo dài bao lâu?

V. Jena, Eylau, Friedland: 1806–1807

Ngày 15.8.1806, nước Pháp làm lễ kỷ niệm Ngày Thánh Napoléon và sinh nhật thứ 37 của Napoléon. “Cả nước”, Phu nhân de Rémusat viết (vốn thường hay chỉ trích), “lặng sâu trong trạng thái thanh bình. Ngày qua ngày Hoàng đế càng ít gặp phải sự chống đối. Một nền cai trị mạnh mẽ, đồng đều, và nghiêm ngặt – vì nó bình đẳng cho mọi người – đã điều hòa cả những sự thực thi quyền lực và phương cách ủng hộ nó. Lệnh cưỡng bách tòng quân được áp dụng nghiêm ngặt, nhưng cho đến giờ những lời than vãn của dân chúng rất yếu ớt; người Pháp vẫn chưa mất hết tình cảm đối với niềm vinh quang”²⁵. Điều tuyệt vời nhất là Thủ tướng Fox của Anh và Bá tước Peter Oubril của Nga đã mở những cuộc đàm phán hòa bình.

Tuy nhiên, nước Phổ vẫn đang quay cuồng chuẩn bị chiến tranh. Liên minh trước hòng súng giữa nó với nước Pháp đã chứng tỏ quá đắt: Anh và Thụy Điển đã tuyên chiến với nước này, hải quân Anh đã phong tỏa các hải cảng và chặn bắt các tàu ngoài khơi của Phổ; kinh tế Phổ bị thiệt hại; dân chúng Phổ tự hỏi tại sao nhà vua của họ lại tham gia vào một liên minh tai hại đến thế. Các chính khách lão thành nước Phổ, khi ngắm nhìn vẻ lộng lẫy của một quân đội hầy còn

kiên cường với những ký ức kiêu hãnh về Đại đế Friedrich và trông cậy vào nhân lực Sa hoàng Aleksandr đang chuẩn bị cho một trận đấu nữa với Pháp, đã tâu với nhà vua Friedrich Wilhelm III đang do dự của họ rằng một liên minh lâu bền với Nga là lựa chọn duy nhất của nước Phổ để khỏi bị lòng thèm muốn đang há miệng của Napoléon nuốt chửng. Hoàng hậu Louis, xinh đẹp và sôi nổi, mê như điều đồ vị vua đẹp trai phong nhã Aleksandr, gọi Napoléon là một “con quái vật”, và khinh miệt mỗi lo sợ của chồng nàng đối với thứ “cặn bã của địa ngục”²⁶; trung đoàn mang tên nàng đã nhiệt liệt chào mừng khi nàng, gọn gàng cân đối trong bộ quân phục đại tá, cưỡi ngựa qua trước mặt họ trên bãi duyệt binh. Thân vương Ludwig Fredinand, anh em họ của nhà vua, rất mong muốn chiến tranh như một con đường vinh quang để đi đến ngai vàng.

Ngày 30.6.1806, Friedrich Wilhelm gửi Aleksandr một bảo đảm rằng hiệp ước của Phổ ký với Pháp sẽ không bao giờ gây trở ngại cho hiệp ước Phổ ký với Nga năm 1800. Vào tháng Bảy, ông bị sốc khi được biết Napoléon đã nhận vào dưới quyền bảo hộ của mình một Liên bang sông Rhein, bao gồm nhiều vùng trước đây do Phổ nắm giữ và được xem vẫn còn nằm trong vùng ảnh hưởng của Phổ. Ngoài ra, vị đại sứ Phổ ở Pháp đã báo về cho chủ mình biết là Bonaparte đang bí mật đề nghị trả lại Hannover cho Anh như một phần cho cái giá của hòa bình. Trước đó Hannover được hứa sẽ giao cho Phổ; Nhà vua cảm thấy bị phản bội. Ngày 9 tháng Tám, ông ra lệnh huy động quân đội Phổ. Ngày 26 tháng Tám, Napoléon còn khuấy động sự tức giận của Phổ thêm nữa khi hạ lệnh hoặc cho phép hành quyết Palm, một chủ tiệm sách ở Nuremberg, vì đã phát hành một tập sách mông thúc giục chống Pháp. Ngày 6 tháng Chín, trong bức thư gửi Sa hoàng, Friedrich Wilhelm cam kết tham gia cuộc tấn công vào “kẻ khuấy động cõi vũ trụ”²⁷. Ngày 13 tháng Chín, con người nhã nhặn Fox qua đời. “Việc này”, sau này Napoléon

nói, “là một trong những điều bất hạnh trong sự nghiệp của tôi. Nếu ông ta còn sống, hòa bình đã có thể được tái lập”²⁸. Nội các Anh quay về với chính sách chiến đấu đến cùng, và Aleksandr bác bỏ thoả thuận sơ bộ mà Oubril đã ký với Pháp. Ngày 19 tháng Chín, Phổ gửi cho Pháp tối hậu thư cho biết trừ khi toàn bộ binh sĩ Pháp rút về bên kia bờ sông Rhein trong vòng nửa tháng, nếu không Phổ sẽ tuyên chiến. Godoy, tay bộ trưởng quỹ quyết bấy giờ đang cai trị Tây Ban Nha, bày tỏ tình thân thiện với nước Phổ, và kêu gọi người dân Tây Ban Nha cảm sung. Napoléon không bao giờ quên chuyện này, và quyết định khi thời cơ đến sẽ dựng lên một chính phủ thân thiện hơn ở Tây Ban Nha. Ông miễn cưỡng rời Paris, cùng Joséphine và Talleyrand lên đường đi Mainz để lại đối đầu với những may rủi của chiến tranh.

Chắc hẳn ông không còn ham thích chiến trận nữa, vì khi phải chia tay Joséphine ở Mainz ông bị suy sụp thần kinh. Có lẽ ông đã bắt đầu nhận ra rằng bất luận ông có liều ngai vàng và mạng sống của mình trong chiến tranh bao lâu đi nữa, cũng không có chiến thắng nào có thể đem lại cho ông một nền hòa bình có thể chấp nhận được. Phu nhân de Rémusat mô tả cảnh tượng theo lời thuật lại của chồng:

Hoàng đế phái chồng tôi đi gọi Hoàng hậu đến; ông quay lại với bà trong ít lát. Bà đang khóc. Bối rối vì nước mắt của bà, ông ôm giữ bà trong vòng tay một lúc lâu, và dường như suýt nữa không thể từ biệt. Ông xúc động mãnh liệt, và ông de Talleyrand cũng xúc động theo. Hoàng đế, vẫn còn ôm vợ mình trong lòng, vừa tiến đến gần ông de Talleyrand vừa dang tay ra, rồi đưa hai tay ôm choàng lấy cả hai người, ông bảo với ông de Rémusat, “Thật khó rời xa hai người mà mình yêu thương nhất”. Khi nói lên những từ này ông bị tràn ngập bởi một thứ cảm xúc bất an đến mức ông bật khóc không kiềm chế được; và hầu như tức thời một cơn co giật xảy ra khiến ông bị nôn mửa. Ông được đặt lên chiếc ghế tựa, và

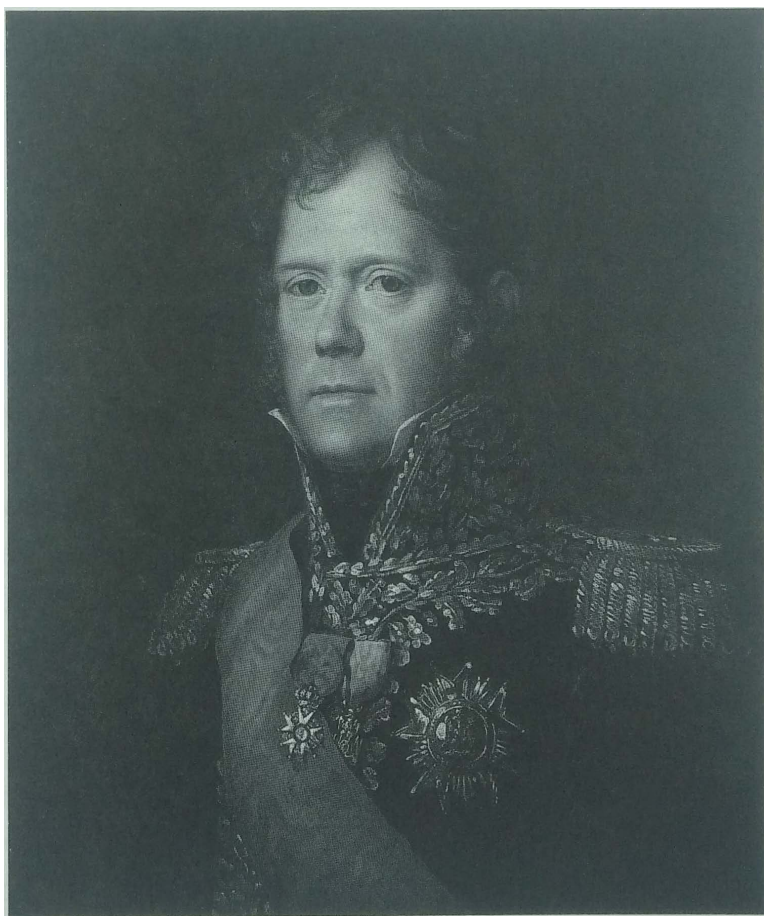
uống ít nước hoa cam, nhưng vẫn tiếp tục khóc suốt mười lăm phút. Sau cùng ông tự chủ được, và bất thành lĩnh đứng phắt dậy, bắt tay ông de Talleyrand, ôm hôn vợ lần cuối, và nói với ông de Rémusat: “Ngựa xe đã sẵn sàng chưa? Hãy gọi tuý tùng, ta đi thôi”²⁹.

Ông phải vội vã, vì chiến lược của ông tùy thuộc vào việc đưa các lực lượng tinh nhuệ nhất của mình ra chống lại quân Phổ trước khi quân Nga có thể đến được mặt trận. Quân Phổ chưa được hợp nhất: dẫn đầu là 50.000 người dưới quyền chỉ huy của Quận công (Fürst) Friedrich Ludwig of Hohenlohe; xa hơn về phía sau là 60.000 quân dưới quyền của Friedrich William và Công tước Braunschweigⁱ lịch lãm, người mười lăm năm trước, đã nguyện thề sẽ huỷ diệt Paris; cộng thêm khoảng 30.000 quân Hannover, đi giúp vị vua mới của họ nhưng không phấn khích lắm; tổng cộng 140.000 người. Napoléon có 130.000 quân, được tập hợp vội vã nhưng là những người lính đã thao diễn thuần thục, không biết mùi thất bại, dưới quyền chỉ huy đầy tự tin của Lannes, Davout, Augereau, Soult, Murat, và Ney. Lannes và Augereau đã chặn một sư đoàn Phổ ở Saalfeld, đồng bằng nằm giữa Saale và Ilm, những phụ lưu sông Elbe. Quân Phổ, không quen với sự điều động nhanh chóng của quân Pháp, bị đánh tan tác và Thân vương Ludwig Ferdinand bị giết ở đây (10.10.1806).

56.000 quân Pháp tràn tới, và tấn công bất thành lĩnh vào đạo quân của Hohenlohe ở gần Jena, nơi có trường đại học trứ danh mà Schiller mới dạy gần đây, và tại đó một năm sau Hegel sẽ làm thế giới rối trí bằng một lối triết học mới. Napoléon dàn quân thành một mạng lưới phức tạp cho phép các sư đoàn của Lannes và Soult tấn công vào trung tâm và mạn sườn trái của địch trong khi sư đoàn của Augereau tấn công vào bên phải, và kỵ binh của Murat giận dữ lao vào đám

i Anh, Brunswick.

quân Phổ đang rối loạn, bỏ rơi mọi thế trận và chạy trốn khỏi chiến trường. Trên đường tháo chạy họ đâm vào những tiểu đoàn đã tan vỡ của Công tước Braunschweig đã bị đánh tan tác ở Auerstedt bởi đạo quân được Davout chỉ huy một cách xuất sắc; tại đây Công tước Braunschweig bị trọng thương. Ngày 14.10.1806, quân Phổ bị mất 27.000 người chết hoặc bị thương, 18.000 tù binh, và mất gần như toàn bộ pháo binh. Tối hôm ấy, Napoléon gửi cho Joséphine bức thư viết vội:



Hình 13: Thống chế Michel Ney (François Pascal Simon Gérard, 1805)
Ney được Hoàng đế Napoléon tôn là "Người dũng cảm nhất
trong những người dũng cảm"

“Bọn anh đã gặp đội quân Phổ và [giờ đây] nó không còn tồn tại nữa. Anh khỏe, và áp chặt em vào lòng”³⁰. Trong những ngày kế tiếp Ney, Soult, và Murat, trong khi đuổi theo những kẻ trốn chạy, đã bắt thêm 20.000 người nữa. Davout và Augereau thẳng tiến vào Berlin; thành phố nhanh chóng đầu hàng; và ngày 27 tháng Mười, Napoléon đi vào kinh đô nước Phổ.

Một trong những việc đầu tiên của ông là buộc Phổ và các đồng minh của nước này đóng góp 160 triệu franc trang trải các chi phí cho quân đội Pháp³¹. Ngoài ra Berlin được yêu cầu cung cấp thực phẩm, quần áo, và thuốc men cho các lực lượng chiếm đóng. Các chuyên gia nghệ thuật được lệnh gửi về Paris những bức tranh và tượng đẹp nhất ở Berlin và Potsdam. Bản thân Napoléon, trong một chuyến đi dạo vòng quanh Potsdam, cũng lấy riêng cho mình thanh gươm của Đại đế Friedrich.

Từ Berlin, ngày 21.11.1806 ông ban hành một chỉ dụ mang tính lịch sử: từ nay trở đi không có bất kỳ một chiếc thuyền nào từ Anh hay các thuộc địa của nước này được phép vào bất cứ cảng nào của Đế quốc Pháp, giờ đây bao gồm cả các thị trấn trong Liên minh Hanse; i không hàng hóa nào của Anh hay các thuộc địa nước này được phép nhập vào bất cứ lãnh thổ nào được cai trị bởi Pháp hay liên minh với Pháp; và cấm không người Anh nào được vào các vùng đất này. Nhận thấy mọi chiến thắng quân sự đều không ích lợi gì trong việc buộc nước Anh phải chấp nhận hòa bình, và biết rằng nước này sẽ áp dụng biện pháp phong tỏa lên mọi miền đất do Pháp kiểm soát, như đã làm (tháng Năm năm 1806) với toàn thể bờ biển từ Brest đến Elbe³², Napoléon tìm cách dùng gậy ông đập lưng ông: Nước Anh sẽ bị cấm cửa trên lục địa, giống như hạm đội Anh đã cấm cửa nước Pháp và các đồng minh

i Liên minh Hanse (Hanseatic League): Hiệp hội thương mại của các tỉnh miền bắc nước Đức được thành lập vào khoảng giữa thế kỷ XIV nhằm bảo vệ và kiểm soát công cuộc mậu dịch. Hiệp hội phát triển hùng mạnh nhất vào thế kỷ XV.

của Pháp trong mọi hoạt động thương mại hàng hải. Ông hy vọng có lẽ bằng cách này các thương gia và nhà sản xuất Anh sẽ chịu đi đến chỗ hòa bình.

Có nhiều điểm yếu trong kế hoạch này. Các nhà sản xuất trên lục địa, do không gặp phải cạnh tranh từ Anh quốc, sẽ nâng giá sản phẩm, và người tiêu thụ sẽ than phiền về việc thiếu vắng các hàng hóa Anh mà họ đã quen dùng. Sẽ có nhiều vụ buôn lậu và hối lộ (Đã xảy ra việc Bourrienne, được Napoléon bổ nhiệm làm Bộ trưởng ở Hambourg, đang tích lũy cả gia tài nhờ bán giấy phép miễn phong tỏa; Napoléon phải thả hồi ông này lần nữa). Nước Nga vẫn còn liên minh với Anh, và hàng hóa Anh có thể vượt qua các biên giới Nga vào Phổ và Áo. Mỗi ngày, hàng của Anh đổ vào cảng Danzig, vốn vẫn còn bị binh lính Phổ chiếm giữ.

Mặc dù quân đội Phổ đã bị tan tác, và Napoléon là nhà độc tài ở Berlin nhưng tình hình quân sự của ông lại là thứ đáng lo ngại trước mắt hơn các vấn đề kinh tế. Phần lớn nước Ba Lan bị Nga và Phổ chiếm, và những người yêu nước Ba Lan gửi lời thỉnh cầu đến Napoléon xin ông hãy đến và giải phóng cho đất nước đã từng là niềm kiêu hãnh của họ khỏi những cái ách nhục nhã. Tuy nhiên, một đạo quân được trang bị hùng hậu gồm 80.000 lính Nga đóng ở phía tây Wislaⁱ dưới quyền Bá tước Levin Bennigsen, đang chuẩn bị thách thức bất cứ động thái can thiệp nào của Pháp vào các vấn đề Ba Lan. Đạo quân Pháp, đang hồi phục chậm chạp từ trận Jena, không thiết tha dẫn mình vào sự thách thức như vậy. Không quen với cái lạnh ẩm ướt của vùng Baltic, họ rùng mình nhìn mùa đông đang kéo đến, và mong mỗi được về nhà. Trong khi ấy, một phái đoàn từ Paris đến Berlin, bề ngoài là để chúc mừng những chiến thắng oanh liệt của Napoléon, nhưng thực ra là muốn cầu xin ông hãy giảng hòa và quay về với một nước Pháp đã bắt đầu nhìn thấy trong mỗi chiến thắng của

i Anh, Vistula.

Napoléon sự cần thiết của nhiều trận thắng hơn nữa, mỗi trận lại gây nguy hiểm cho tất cả. Ông nói với các đại biểu rằng, giờ đây ông không thể ngừng lại; rằng sự thách thức của người Nga phải được đáp trả, và rằng việc phong tỏa nước Anh sẽ thất bại trừ khi nước Nga bị dụ hay bị buộc phải tham gia vào kế hoạch. Ông ra lệnh quân sĩ tiến vào phần lãnh thổ Ba Lan do Phổ chiếm đóng; đạo quân không gặp phải sự kháng cự trực tiếp nào, và ngày 19.12.1806, Napoléon tự do tiến vào Warszawa và được hoan nghênh nhiệt liệt.

Mọi tầng lớp, từ những nhà quý tộc hãy còn mong mỗi có lại được quyền *liberum veto*ⁱ cho đến các nông dân hãy còn chịu những cảnh bất công của chế độ nông nô, đã cùng xem ông là người ban phép lạ khi ông sẽ bãi bỏ việc chia cắt Ba Lan làm ba phần do các nước Nga, Phổ và Áo thực hiện, và sẽ tạo dựng Ba Lan thành quốc gia có chủ quyền trở lại. Ông đáp lại những tràng pháo tay hoan hô bằng lời tán dương, ngợi ca dân tộc họ, những người hùng, người phụ nữ của họ (vốn nói tiếng Pháp dễ dàng như nói thứ ngôn ngữ với phụ âm xát đầy quyến rũ của họ), và đưa một người trong bọn họ, Nữ Bá tước Maria Łączyńska Walewska, vào giường và vào tim ông. Những lời khẩn cầu ông gửi đến nàng, trước và sau, đều khiêm tốn và say đắm như những lá thư đầu gửi cho Joséphine. Walewska từ chối ông (chúng ta nghe nói vậy) cho đến khi một nhóm các nhà quý tộc, “trong một tài liệu được ký bởi tất cả các tên tuổi hàng đầu ở Ba Lan”, yêu cầu nàng hãy hy sinh với hy vọng Napoléon sẽ vì thế mà cảm động và phục hồi sự toàn vẹn và nền độc lập của đất nước đang bị chia

i *Liberum veto* (Latin): quyền tự do phủ quyết. Trong lịch sử Ba Lan, đây là quyền của mỗi thành viên trong cơ quan lập pháp (Sejm) được dùng lá phiếu duy nhất của mình bác bỏ bất cứ biện pháp nào đang được xem xét, hoặc giải tán phiên họp của cơ quan này và vô hiệu hóa mọi đạo luật đã được thông qua trong kỳ họp đó. Ngược lại, mọi dự luật cần có sự nhất trí của tất cả các thành viên mới được thông qua. Quyền này được dùng lần đầu tiên để giải tán một phiên họp của cơ quan này vào năm 1652, và bị bãi bỏ bởi Hiến pháp ngày 3.5.1791.

ba của họ. Tài liệu nhắc nàng nhớ lại là Ester đã hiến thân cho Ahasuerusⁱ không phải vì tình yêu đối với ông, mà để cứu dân tộc nàng. “Nếu cũng có thể nói như vậy, thì thật là vinh quang cho Nữ Bá tước và may mắn cho tất cả chúng tôi!”³³. Khi Joséphine xin được từ Mainz đến gặp chồng, Napoléon viện cớ đường sá Ba Lan quá tệ để bảo vợ, “Em hãy quay về Paris;... hãy rạng rỡ và vui vẻ, có lẽ anh cũng sẽ về đấy sớm”³⁴.

Nghỉ đông với Walewska, ông hy vọng quân Nga sẽ chờ sang xuân mới quấy rầy mình. Nhưng khi ông gửi một lực lượng dưới quyền chỉ huy của Thống chế François-Joseph Lefebvre đi chiếm lấy Danzig, Bennigsen dẫn gần như toàn bộ 80.000 quân của mình băng qua sông Wisła ồ ạt tấn công vào những đội hình hàng dọc của Lefebvre khi họ đến gần thành phố Thorn. Binh sĩ đưa tin lao về cấp báo cho Napoléon. Ông vội vã tiến quân về phía bắc, và với 65.000 quân, ngày 8.2.1807, tại Eylau (phía nam của Königsberg) ông đã đánh một trong những trận bị thiệt hại nặng nhất của mình. Pháo binh Nga chứng tỏ mạnh hơn Pháp; Augerau, già cả, bị thương và bị quáng mắt, xin được miễn trách nhiệm chỉ huy, viện cớ ông không nhìn thấy rõ; kỵ binh của Murat đâm thủng các phòng tuyến địch, nhưng chúng lại tái lập, và giữ vững vị trí cho đến tối. Khi ấy Bennigsen hạ lệnh rút lui, bỏ lại 30.000 người chết và bị thương trên chiến trường; tuy nhiên ông báo cho Sa hoàng rằng mình đã chiến thắng vẻ vang. Sa hoàng tôn vinh bằng một Thánh lễ Tạ ơn tại Sankt-Peterburg³⁵.

Quân Pháp thắng, nhưng tổn thất 10.000 người chết và bị thương, và những người còn sống tự hỏi làm sao họ có thể chống cự một cuộc tấn công khác của những tên Slovēninⁱⁱ kiên cường và đông vô ngần. Bản thân Napoléon giờ đây cũng trong tâm trạng ảm đạm bất thường. Căn bệnh dạ dày mà

i Ahasuerus: Theo Cựu Ước, đây là vua của Ba Tư cổ đại và chồng của Ester. Ông thường được đồng nhất với Vua Xerxēs I (519–465 tCn).

ii *Anh*, Slav.

rồi sẽ giết chết ông đang làm ông khổ khổ với những cơn đau. Ông không bao giờ quên được sự chăm sóc tận tụy mà Marie Walewska dành cho ông qua suốt mùa đông cam go ấy trong doanh trại quân đội ở Finkenstein. Tuy nhiên mỗi ngày ông đều nỗ lực làm việc, đặt lương thực, quần áo và thuốc men cho binh sĩ, giám sát việc tập luyện quân sự, gọi nhập ngũ từ dân tộc một mỗi của ông và từ các đồng minh miễn cưỡng, và ban hành các chỉ dụ cai trị nước Pháp. Trong lúc ấy Sa hoàng Aleksandr I và Vua Friedrich Wilhelm III gặp nhau ở Bartenstein ngày 16.4.1807, và ký thoả thuận nhằm phân chia châu Âu – ngoại trừ nước Pháp – giữa họ với nhau sau trận đánh sắp tới, trong đó họ mong sẽ tiêu diệt được quân đội Pháp.

Khi đạo quân què quặt ấy đã được củng cố lại, và được mùa xuân đang nảy lộc đón mừng, Napoléon gửi một phân đội khác đi chiếm Danzig; chiến công được thực hiện. Benrugsen, vốn cũng đã xây dựng lại các tiểu đoàn của mình, nhận lệnh Sa hoàng hành quân về Königsberg, nơi ông sẽ được tăng cường một đơn vị đồn trú gồm 24.000 quân Phổ. Bennigsen lên đường, nhưng trên đường đi ông cho phép 46.000 quân của mình nghỉ lại Friedland. Tại đây, vào 3 giờ sáng ngày 14.6.1807 (ngày kỷ niệm trận Marengo), họ bị đánh thức bởi một tràng đạn pháo từ 12.000 lính Pháp dẫn đầu bởi Lannes, vốn là người khinh suất mà lại bất bại. Chẳng mấy chốc quân Nga nổ súng đáp trả, và cuộc phiêu lưu của ông đã có thể kết thúc trong thảm họa nếu không có quân cứu viện. Napoléon dùng toàn quân lao tới, và bao vây quân Nga cả ba mặt chỉ trừa mặt sông Alle, không cho họ tháo lui. Đến 5 giờ chiều quân Pháp chiếm ưu thế; quân Nga phải cần đến thuyền hay nhảy xuống nước trong cuộc tháo chạy tuyệt vọng; 25.000 người bị bỏ lại trên chiến trường. Quân Pháp tổn thất 8.000, nhưng họ đã thắng một trận thắng quyết định đối với đạo quân Nga duy nhất có sẵn để đương đầu với cuộc xâm lược.

Quân Nga và Phổ chạy trốn về Tilsit, mất hàng trăm người vào tay quân Pháp đang đuổi theo, đến nỗi các tướng lĩnh của họ, với sự cho phép của Sa hoàng, đã xin hưu chiến. Napoléon chấp thuận; rồi sau đó, để Tướng Savary ở lại trấn thủ và cai trị Königsberg, thẳng tiến đến Tilsit thực hiện cuộc nghị hòa với một ông Vua tan nát và một Sa hoàng đã bị chế ngự.

VI. Tilsit: 25 tháng Sáu – 9 tháng Bảy năm 1807



Hình 14: Sa hoàng Aleksandr I (G. Dawe, 1817)

Tại Tilsit, khoảng 100km về phía đông nam Königsberg, các đạo quân kinh địch đang bình thản đối diện nhau ở hai bên bờ sông Memel,ⁱ và “một sự hiểu biết thân thiện nảy nở giữa họ³⁶”; tuy nhiên, theo gợi ý của Aleksandr, các vị Hoàng đế đối địch đã thận trọng gặp nhau trong một chiếc lều trên một chiếc bè bỏ neo giữa dòng sông. Mỗi nhà lãnh đạo được thuộc hạ chèo thuyền đưa ra chiếc bè; Napoléon đến nơi trước (như mọi binh sĩ Pháp mong đợi), và có thời gian đi bộ qua căn lều để đón chào Aleksandr ở phía bên kia. Họ ôm hôn nhau, và các đội quân đối nghịch nhau cũng tham gia nhiệt liệt cổ vũ, “đó là một cảnh tượng đẹp đẽ”, theo lời Méneval, người được chứng kiến cảnh này.

Mỗi nhà cai trị đều có lý do để tỏ ra hòa nhã: đạo quân của Napoléon không có điều kiện (về số lượng hay trang bị, hay an ninh ở phía sau, hay sự ủng hộ họ có thể trông mong từ một nước Pháp đang kêu đòi hòa bình) để xâm lăng một xứ sở xa lạ, hầu như không có giới hạn về không gian và con người; và Aleksandr – chán ghét sự yếu đuối của các đồng minh và quân đội của ông, lo sợ các tỉnh ở Ba Lan và Lietuvaⁱⁱ của ông nổi loạn, và đang ở thế xung đột kịch liệt với Thổ Nhĩ Kỳ và binh sĩ của mình – lúc này vui mừng có được một lúc nghỉ xả hơi trước khi định đánh bại một con người chưa bao giờ (ngoại trừ ở Acre) bị thất bại. Ngoài ra, người đàn ông Pháp đang đánh cờ với bản đồ châu Âu này không phải là “con quái vật” hay “kẻ dã man” như sự mô tả của Sa hậu Nga (Czarina) và Hoàng hậu Phổ (Königin), mà là một con người lịch sự hấp dẫn với lòng hiếu khách khiêm tốn nhưng hoàn hảo. Sau buổi họp đầu tiên ấy, Aleksandr sẵn lòng đồng ý là những cuộc họp kế tiếp của họ nên diễn ra ở thị trấn Tilsit, trong những doanh trại rộng rãi do Napoléon chuẩn bị và gần bên doanh trại của Hoàng đế Pháp. Họ thường dùng bữa tối

i Anh, Niemen.

ii Anh, Lithuania.

tại bàn của ông, đôi khi với vua nước Phổ, về sau với hoàng hậu của nước này. Có lúc vị Sa hoàng tự nhận mình là học trò, yêu cầu con người trên đảo Corsica hướng dẫn mình về thuật cai trị, và đồng ý với ông rằng Louis XVIII (lúc ấy đang sống ở Courland) thiếu mọi phẩm chất cần thiết của một vị quân vương, và là “con người bất tài tầm thường nhất châu Âu”³⁷.

Mỗi vị hoàng đế đều nghĩ người kia có sức quyến rũ và dễ mắc lừa. Sau những cuộc thương nghị có vẻ hòa nhã, họ ký không chỉ một hiệp ước mà là một liên minh. Nước Nga sẽ giữ nguyên vẹn các thuộc địa hiện hữu, nhưng sẽ chấm dứt hợp tác với Anh, và sẽ cùng tham gia với Pháp trong nỗ lực duy trì hòa bình trên lục địa. Bằng một thoả thuận bí mật, nước Nga được tự do chiếm lấy Phần Lan từ tay Thụy Điển (nước này đã thù địch với Pháp kể từ năm 1792), và nước Pháp được tự do chinh phục Bồ Đào Nha, vốn đã trở thành tiền đồn của Anh trong chiến tranh. Aleksandr hứa sẽ làm trung gian cho nền hòa bình thỏa đáng giữa Anh và Pháp, và, nếu thất bại sẽ tham gia cùng Pháp thực hiện việc phong tỏa và tham chiến. Lời hứa này làm Napoléon thích thú, vì ông đánh giá cao sự hợp tác của Nga trong việc phong tỏa hơn rất nhiều việc chiếm đoạt lãnh thổ nào.

Không sẵn sàng hy sinh các thoả thuận này và cũng không đồng ý thực hiện một cuộc chiến tranh à *outrance* (quyết liệt) với Nga, Phổ và Áo, Napoléon đặt sang một bên ý tưởng phục hồi Ba Lan trở lại với các biên giới thời chưa bị chia xẻ, và bằng lòng với việc thành lập, từ phần lãnh thổ Ba Lan do Phổ cai trị, một đại công quốc Warszawa dưới sự bảo hộ của Pháp. Ông thảo ra (22.7.1807) cho đại công quốc hai triệu dân này một bản hiến pháp quy định bãi bỏ chế độ nông nô, tạo cho mọi công dân được bình đẳng trước pháp luật, yêu cầu việc xét xử công khai trước bồi thẩm đoàn, và quy định Bộ luật Napoléon là nền tảng của công việc lập pháp và xét xử. Quyền *liberum veto*, các loại thuế phong kiến, và cái nghị viện *fainéant* (lười nhác) bị bãi bỏ; quyền lập pháp thuộc về

một thượng viện gồm các nhân sĩ và một hạ viện gồm 100 đại biểu; quyền hành pháp hiện tại sẽ thuộc về vị vua xứ Sachsenⁱ, hậu duệ của các nhà cai trị trước đây của Ba Lan. Đây là bản hiến pháp sáng suốt xét trong bối cảnh không gian và thời gian của nó.

Rộng lượng với Sa hoàng, nhưng Napoléon tỏ ra tàn nhẫn với vị vua Phổ là người đã hủy bỏ liên minh ký với Pháp để tham gia vào hàng ngũ các kẻ thù của nước này. Friedrich Wilhelm III bị buộc phải giao toàn bộ lãnh thổ của Phổ về phía tây sông Elbe; phần lớn vùng đất này được lập thành Đại công quốc Berg và Vương quốc Westfalen. Hầu hết phần lãnh thổ Ba Lan thuộc Phổ thuộc về Đại công quốc Warszawa, ngoại trừ Danzig được biến thành một thành phố tự do dưới quyền một đơn vị đồn trú của Pháp. Một nửa nước Phổ còn lại sẽ phải đóng cửa đối với hàng hóa của Anh, tham gia vào cuộc chiến chống Anh quốc nếu được yêu cầu, và sẽ bị các lực lượng Pháp chiếm đóng cho đến khi một khoản tiền bồi thường lớn được trả đầy đủ. Friedrich Wilhelm, người trước đây đã không muốn chiến tranh, sững sờ xúc động bởi những điều kiện này. Hoàng hậu Louise, người hầu như đã gây ra chiến tranh này, đã vội vã từ Berlin đến và khẩn nài Napoléon, với những lý lẽ, mùi hương, nụ cười, và nước mắt, để làm nhẹ bớt các yêu cầu của ông. Ông làm nguôi bớt khí chất hùng hồn của nàng bằng cách mời nàng ngồi (ngồi lên đó thì khó mà nói năng hùng hồn), và giải thích rằng phải có ai đó trang trải cho chiến tranh; và theo yêu cầu của nàng, tại sao kẻ đó không phải là cái chính phủ đã phá bỏ hiệp ước để gây ra chiến tranh? Ông cho nàng lui ra bằng những lời từ chối lịch sự, và ngày hôm sau hạ lệnh cho Talleyrand ký kết các bản hiệp ước như đã được soạn thảo. Hoàng hậu quay về Berlin cõi lòng tan nát, và ba năm sau mất ở tuổi 34.

Ngày 9 tháng Bảy, các vị hoàng đế chia tay, mỗi người cảm thấy đã đạt được những điều có lợi hơn: Aleksandr có được

i Anh, Saxony.

nước Nga, sự an ninh về phía tây, và tự do hành động ở Phần Lan và Thổ Nhĩ Kỳ; Napoléon có Berg, Westfalen, và một cuộc hưu chiến bất bình. Nhiều năm sau ông định nghĩa “Hội nghị của Liệt cường” là “sự lừa đảo được các nhà ngoại giao thoả thuận; đó là ngòi bút của Machiavelli kết hợp với lưỡi gươm của Mahomet”³⁸. Ngày hôm sau ông lên đường về Paris và được công chúng đón chào bằng những lời ngợi ca Chúa, biết ơn vì ông đã mang lại hòa bình còn nhiều hơn nhờ những chiến thắng của ông. Bản báo cáo của ông trước Hội đồng Lập pháp về tình hình đất nước năm 1807 là một trong những báo cáo kiêu hãnh nhất của ông: Nước Áo bị kiềm chế, nước Phổ bị trừng phạt, nước Nga được biến từ kẻ thù thành đồng minh, những lãnh thổ mới được thêm vào Đế quốc, 123.000 tù binh và mọi chi phí đều được gánh bởi những kẻ đi gây hấn bị đánh bại, mà không cần tăng thêm thuế má gì ở Pháp³⁹.

Ông thông báo trong nhiều vụ thăng thưởng khác, thăng chức Talleyrand thành Quận vương xứ Benevento. Việc này mang lại cho vị giáo sĩ đang thèm muốn khoản thu nhập 120.000 franc, nhưng buộc phải từ chức Bộ trưởng Ngoại giao, vì nghi thức lễ tân quy định bộ trưởng ở dưới chức Quận vương. Bằng cách này tình huống khó khăn được làm dịu bớt, vì Napoléon đã đi đến chỗ không còn tin cậy nhà ngoại giao lỗi lạc nhưng hay vụng trộm này nữa, nhưng lại do dự không muốn gây lòng thù oán nơi ông ta bằng việc bãi chức. Thật ra Napoléon muốn tiếp tục sử dụng ông ta trong nhiều cuộc thương lượng quan trọng khác. Sau khi hướng dẫn cho người kế vị mình, Jean-Baptiste de Champagny, những cách thức và mưu mô của chức vụ mới, Talleyrand được tự do vui hưởng cuộc sống tại tòa lâu đài sang trọng Valençay mà ông đã mua, một phần bằng tiền của Napoléon.

Ngày 15 tháng Tám, triều đình kỷ niệm chiến thắng của Napoléon bằng buổi lễ làm nhớ lại cảnh huy hoàng của vị

Grand Monarque:ⁱ một buổi hòa nhạc, một màn vũ ba lê, một vở nhạc kịch, và một buổi tiếp tân với sự tham dự của các vị vua và bộ trưởng trong trang phục chính thức, và các phụ nữ mà áo xống và đồ trang sức trên người trị giá cả gia tài. Bốn ngày sau ông đề cao vương quyền bằng cách bãi bỏ Ủy hội Pháp chế, nơi một ít người suốt nhiều năm qua đã cả gan chống lại các quan điểm và sắc lệnh của ông. Ông xoa dịu cú đòn bằng cách bổ nhiệm nhiều ủy viên pháp chế vào những chức vụ cai trị, và kết hợp đa số khác vào Hội đồng Lập pháp giờ đây có thêm quyền thảo luận và biểu quyết các dự luật.ⁱⁱ Những người *émigré* sống sót và trở về, trong những lâu đài náo nhiệt trở lại ở ngoại ô Saint-Germain, hoan nghênh Napoléon như người xứng đáng với dòng dõi quý tộc. Họ hỏi nhau, “Tại sao ông ta lại không được công nhận là chính thống?”; lúc ấy nước Pháp sẽ hoàn hảo. Hiếm khi nào ông lại được lòng dân, có uy quyền, và hài lòng đến như vậy.

i Grand Monarque (Pháp): Đại vương, chỉ Vua Louis XIV, còn gọi là Le Roi Soleil (Vua Mặt trời).

ii Các quyền này trước đây thuộc về Ủy hội Pháp chế.

Chương 3

Vương quốc Trần gian: 1807–1811

I. Gia đình Bonaparte

Napoléon tăng thêm gánh nặng cho mình bằng cách tăng lên nhiều lần các lãnh thổ chiếm đóng, vì những miền ông cộng thêm vào đế quốc của mình khác nhau về “chủng tộc”, ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục, và tính khí. Không thể mong đợi chúng ngoan ngoãn vâng lời nền cai trị ngoại bang chuyên gửi tiền thuế thu được về Paris và gửi những đứa con của chúng ra mặt trận. Ông có thể chọn ai cai trị các lãnh địa này một cách khôn ngoan và trung thành trong khi ông phải chú tâm đến một nước Pháp khó bảo? Ông có thể cậy vào một ít tướng lĩnh của mình cai trị một số vùng nho nhỏ; vì vậy ông cử Berthier làm Quận vương của Neuchâtel, và Murat làm Đại công tước xứ Berg và Oeves; nhưng đa số các tướng lĩnh của ông là những bộ óc quen chỉ huy, không được đào luyện để nắm được những điểm tinh tế ranh ma cần có nơi chính quyền; và nhiều người trong bọn họ, như con người đầy tham vọng Bernadotte, ganh tị với quyền tối cao của ông, và sẽ không bằng lòng nếu không có được một chiếc ngai vàng.

Do đó ông quay sang các anh em của mình để có được sự trung thành nhờ quan hệ máu mủ, và để có được một số phương sách của sức mạnh bẩm sinh vốn đã dự phần vào việc mang lại chức vị Tổng tài và đế quốc. Có lẽ ông đã phóng đại những khả năng và tiềm năng của họ, vì ông có ý thức mạnh mẽ về gia tộc, và đã làm hết sức để đáp ứng những mong đợi ngày càng nhiều việc chia sẻ thân phận và quyền lực của ông cho họ. Ông tưởng thưởng họ hậu hĩ, nhưng

cũng mong đợi họ hợp tác với các chính sách của ông đặc biệt trong việc thi hành lệnh Phong tỏa lục địa qua đó ông hy vọng buộc nước Anh phải cầu hòa. Cũng có lẽ sự hợp tác của họ có thể là một bước tiến đến một liên minh toàn châu Âu dưới một pháp luật và một nguyên thủ (cả hai điều này đều chính là ông), và như vậy sẽ xúc tiến một nền thịnh vượng chung và một sự cáo chung của những cuộc chiến tranh vì triều đại hay quốc gia.



Hình 15: Joseph-Bonaparte, Vua Tây Ban Nha (Francois Gérard, khoảng năm 1808)

Ông bắt đầu với người anh của mình, Joseph, là người đã phục vụ ông khá tốt trong những cuộc thương lượng với Áo và Anh. Cornwallis, sau khi đàm phán với Joseph ở Amiens, mô tả ông ta như “một người có thiện ý dù không tài ba lắm,... nhạy cảm, khiêm tốn, hào hiệp,... công bằng và cởi mở... mà có lẽ mối quan hệ gần gũi với vị Đệ nhất Tổng tài có thể trong một mức độ nào đó, là một vật cản đối với bộ óc nhiều mảnh khảnh và mưu đồ mà vị Bộ trưởng Nội vụ (sic) [Talleyrand] sở hữu một cách xuất sắc”¹. Joseph yêu tiền cũng như Napoléon yêu quyền lực. Ngay từ năm 1798 ông đã có thể mua ở Mortefontaine, gần Paris, một điền trang rộng rãi để làm nơi tiếp đãi bạn bè, các văn nghệ sĩ cùng những vị khách quyền cao chức trọng với sự hào phóng theo kiểu lãnh chúa. Ông rất mong muốn được người em trai phong mình làm người thừa kế đương nhiên nắm giữ quyền lực của đế quốc, và không lấy làm thoả mãn lắm khi (30.3.1806) Napoléon phong ông làm Vua xứ Napoli – nghĩa là miền Nam nước Ý. Vị vua thuộc dòng họ Bourbon bị truất ngôi Ferdinando IV giữ chặt lấy đảo Sicilia bằng sự trợ giúp của hạm đội Anh cùng Hoàng hậu Maria Karolina dẫn đầu một cuộc nổi dậy nhằm phục hồi ngai vàng trên nội địa của ông. Napoléon gửi 40.000 quân do Masséna và Régnier chỉ huy sang đàn áp cuộc nổi dậy bằng bất cứ giá nào. Họ thi hành đúng mệnh lệnh với một sự tàn bạo đã lưu lại những ký ức căm hờn qua nhiều thế hệ. Joseph cố đạt được lấy lòng trung thành của các thần dân mình bằng một chính quyền ôn hoà và ân cần, nhưng Napoléon cảnh báo anh mình rằng “một nhà cai trị, để củng cố địa vị của mình, phải khiến cho người ta sợ mình hơn là yêu mến”. Nhận xét sau cùng chứa đầy thiện ý:

Joseph không giúp gì tôi, nhưng anh ấy là người rất tốt... Anh thương yêu tôi rất thành thật, và tôi không nghi ngờ việc anh sẽ làm tất cả trên đời để giúp tôi. Nhưng những phẩm chất của anh chỉ thích hợp cho đời sống riêng tư. Anh có tính tình hòa nhã và tử tế, có tài và kiến thức, và nhìn chung là người

rất đáng yêu. Trong việc thực hiện những nhiệm vụ quan trọng được tôi giao phó, anh đã làm hết sức mình. Những ý định của anh thì tốt; do đó sai lầm chính là do tôi, vì đã nâng anh lên cao hơn vị trí của anh².

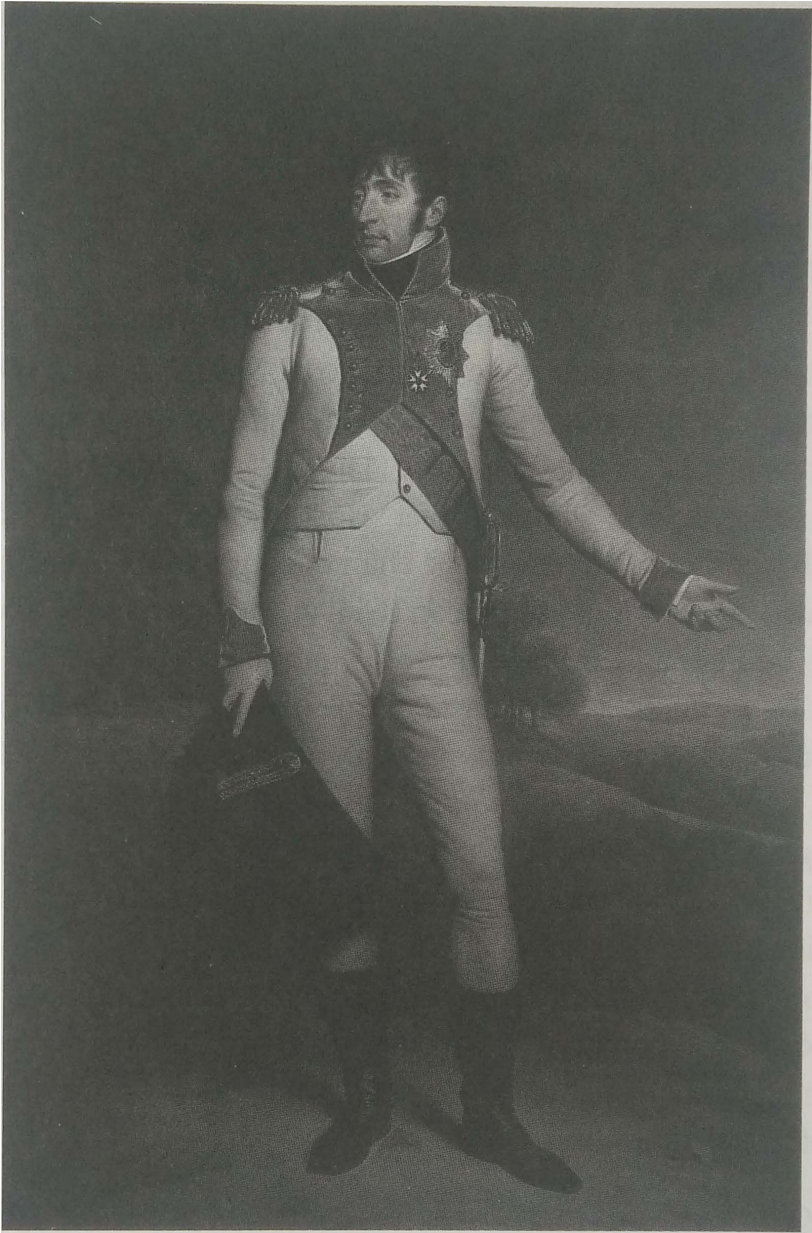


Hình 16: Lucien Bonaparte, em trai Napoléon (H. Rousseau và E. Mons)

Người em trai Lucien, sinh năm 1775, mang trong mình tất cả những yếu tố không kiên định, vốn là những thứ mà Napoléon đã chế ngự bằng một tham vọng thống trị. Nhìn chung, Napoléon nợ ông ta chức Tổng tài, vì chính nhờ sự từ chối của Lucien, trong cương vị Chủ tịch Hội đồng

Năm trăm, trước việc đưa ra biểu quyết cho lời yêu cầu đặt kẻ tiềm vị ra ngoài vòng pháp luật, và chính nhờ lời ông ta kêu gọi các binh sĩ giải tán Hội đồng mà Napoléon được giải nguy. Sau đó ông hơi hấp tấp khi đề xuất đưa anh mình lên nắm vương quyền. Napoléon loại em mình ra khỏi sân khấu bằng cách cử đi làm đại sứ ở Tây Ban Nha. Tại đây, Lucien dùng mọi cách có được để làm đầy túi riêng; chẳng bao lâu sau, có lúc ông còn trở nên giàu hơn cả Napoléon. Trở về Paris, ông từ chối cuộc hôn nhân vì chính trị mà Napoléon đề nghị, cưới vợ theo ý mình và qua sống bên Ý. Ông quay lại Paris để sát cánh cùng anh mình trong mọi mối nguy hiểm của Một Trăm Ngày. Ông sinh ra để làm thơ và đã viết một thiên anh hùng ca dài về Charlemagne.

Em trai Louis cũng có trí tuệ và tâm tính riêng kết hợp với mức năng lực và lòng xác tín khiến ông luôn không yên dưới sự sai khiến của ông anh. Napoléon trang trải chi phí học hành, và dẫn em đi Ai Cập làm sĩ quan phụ tá của mình. Tại đây, Louis sử dụng đặc quyền của binh sĩ để rồi mắc phải bệnh lậu và rồi tỏ ra quá nôn nóng không để cho chữa khỏi hoàn toàn⁴. Năm 1802, với sự hối thúc của Joséphine, Napoléon xui anh chàng Louis lưỡng lự cưới nàng Hortense de Beauharnais do dự. Louis tỏ ra là người chồng thô lỗ, còn Hortense là người vợ không hạnh phúc và không thủy chung⁵, có phần hư hỏng vì tình cảm của người cha nuôi đối với nàng. Khi nàng hạ sinh một bé trai (15.12.1802), Napoléon-Charles, những lời ngồi lê đôi mách cho rằng vị Đế nhất Tổng tài là cha đứa bé, và mối nghi ngờ bất công này đã đeo đuổi Napoléon và Hortense đến cuối đời. Napoléon đã tạo ra một số lý do cho việc này khi đề nghị nhận đứa trẻ làm con nuôi, và âu yếm gọi nó là “Hoàng thái tử của chúng ta”, hay kẻ thừa kế đương nhiên của ngai vàng⁶; nhưng cậu bé mất lúc lên năm. Hortense bị loạn trí một thời gian. Năm 1804, nàng hạ sinh đứa con trai thứ hai tên Napoléon-Louis, và năm 1808 là Charles-Louis-Napoléon Bonaparte, sau này trở thành Napoléon III.



Hình 17. Louis Bonaparte (Charles Howard Hodges, 1809)

Ngày 5.6.1806, Hoàng đế phong cho ông em khó tính làm vua xứ Hà Lan. Louis yêu dân chúng Hà Lan một cách dễ dàng còn hơn yêu vợ mình. Ông biết sự thịnh vượng của Hà Lan tùy thuộc vào thương mại của xứ này với Anh quốc và các thuộc địa của nó; và khi người Hà Lan tìm cách vi phạm

chính sách Phong tỏa lục địa chống lại hàng hóa của Anh, Louis từ chối truy tố họ. Napoléon nhất quyết [truy tố], Louis khẳng khẳng [từ chối]. Quân Pháp tiến vào Hà Lan; Louis thoái vị (1.7.1810); Napoléon sáp nhập Hà Lan vào nước Pháp, đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của ông. Louis lui về Graz, viết văn làm thơ, và mất ở Livorno năm 1846.ⁱ

Hortense chia tay Louis năm 1810, được Napoléon tặng cho mỗi năm 2 triệu franc để nuôi con. Năm 1811 nàng thêm vào khoản tiền này một khoản khác nữa, kết quả của mối quan hệ với Bá tước Charles de Flahaut. Tuy nhiên, Phu nhân de Rémusat cho chúng ta biết, Hortense là người “có tâm tính của một thiên thần... quá chân thật, quá trong trắng, quá thanh cao”⁸. Sau khi Napoléon thoái vị lần đầu, nàng về ở với mẹ tại Malmaison, nhận được sự quan tâm đặc biệt của Sa hoàng Aleksandr. Nàng ăn tối với Louis XVIII, làm thất vọng những người theo phái Bonaparte. Khi Napoléon từ Elba trở về, nàng đóng vai nữ chủ nhân trong các buổi chiêu đãi cho ông. Khi ông thoái vị lần nữa nàng bí mật đưa cho ông chiếc vòng cổ trị giá 800.000 franc; người ta tìm thấy nó dưới chiếc gối của ông khi ông mất ở St. Helena, và được Tướng Montholon trả lại cho Hortense, giúp nàng thoát cảnh nghèo khó. Nàng mất năm 1837, và được chôn bên cạnh mẹ ở Rueil⁹. Ở những tháng ngày trọng yếu ấy, trong mỗi cuộc đời đều có nhiều cuộc đời khác.

i Ở St. Helena, Napoléon kể lại cho Las Cases: “Không lâu sau khi đến Hà Lan, Louis cho rằng không gì tốt hơn là được mọi người nói rằng từ nay mình là người Hà Lan, chú nó gắn liền với phe thân Anh, đẩy mạnh việc buôn lậu, và như thế là đồng lõa với kẻ thù của chúng ta... Ta phải làm gì đây? Bỏ rơi Hà Lan cho kẻ thù? Hay ban cho nó một ông vua khác? Nhưng trong trường hợp ấy liệu ta có thể mong đợi từ ông ta nhiều hơn là từ chính em của ta? Không phải tất cả các ông vua ta dựng lên đều hành xử theo cách gần như vậy? Do đó ta hợp nhất Hà Lan vào Đế quốc; và hành động này tạo nên ấn tượng bất lợi nhất ở châu Âu, và góp phần không nhỏ vào... những nỗi bất hạnh của chúng ta”⁷ [Durant]



Hình 18: Hortense, Hoàng hậu Hà Lan và Thái tử (François Gérard, 1807)

Jérôme Bonaparte, em trai út, phân chia những cuộc đời và những người vợ của ông ra làm hai bán cầu. Sinh năm 1784, đến năm 16 tuổi được gọi vào phục vụ trong đội Vệ binh Tổng tài, chàng tham dự một cuộc đo kiếm tay đôi, bị thương, bị đẩy sang hải quân, ăn chơi hoang toàng, và chi trả cho các cuộc ăn chơi bằng cách mượn tiền của Bourrienne,

và anh này đòi lại Napoléon những khoản tiền vay chưa trả. Khi Jérôme, ở Brest, hỏi xin 17.000 franc, Napoléon viết cho người em mình rằng:

Anh đã nhận được thư của em, Ngài Thiếu úy; và anh đang chờ nghe thấy em đang học hỏi công việc nặng nhọc trên tàu, một nghề mà em nên xem là con đường dẫn đến vinh quang của em. Hãy chết trẻ, và anh sẽ có vài những ý nghĩ an ủi; nhưng nếu em sống đến tuổi sáu mươi mà không phụng sự đất nước, và không để lại kỷ ức nào đáng vinh dự, thì tốt hơn em đừng nên sống ngày nào.¹⁰

Jérôme rời bỏ hải quân ở vùng Tây Ấn, du hành đến Baltimore, và tại đây năm 1803, lúc 19 tuổi, chàng cưới Elizabeth Patterson, con gái một thương gia địa phương. Khi chàng đưa nàng về châu Âu, một tòa án Pháp từ chối công nhận cuộc hôn nhân, trên cơ sở cả anh chồng lẫn chị vợ còn ở tuổi vị thành niên, và Napoléon không cho người vợ vào Pháp. Cô gái đến nước Anh, và sinh hạ một bé trai tên là Jérôme Napoléon Bonaparte. Cô trở về Mỹ, nhận khoản trợ cấp của Napoléon, và trở thành bà nội của Charles Joseph Bonaparte, Bộ trưởng Bộ Hải quân Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Theodore Roosevelt.

Jérôme được trao một chức chỉ huy trong Quân đội Pháp, và nổi bật trong các chiến dịch 1806-1807, chiếm giữ nhiều pháo đài của Phổ. Napoléon thưởng công cho chàng làm Vua xứ Westfalen – một hỗn hợp các lãnh thổ chiếm của Phổ, Hannover, và Hessen-Kassel. Để cho em trai hưởng mùi vị vua chúa, ông tìm cho chàng một cô vợ là Công chúa Katharina, con gái Vua xứ Württemberg. Ngày 15.11.1807, Napoléon gửi cho Jérôme lá thư trong tâm trạng tốt nhất của nhà cai trị hãy còn dựa vào hiến pháp:

Ta kèm theo đây bản hiến pháp cho vương quốc của em. Nó bao gồm những điều kiện dựa vào đó ta từ chối mọi quyền chinh phục của mình, và mọi đòi hỏi ta đã đạt được đối với

vương quốc của em. Em phải tuân theo nó một cách trung thành... Đừng nghe theo những kẻ nói rằng thần dân của em đã quá quen thuộc với cảnh nô lệ tới mức không cảm thấy biết ơn những điều em ban cho họ. Có nhiều trí tuệ thông minh trong Vương quốc Westfalen hơn là họ muốn em tin tưởng; và ngai vàng của em sẽ không bao giờ được thiết lập vững vàng trừ khi dựa trên lòng tin và cảm tình của dân chúng. Điều dư luận ở Đức nóng lòng đòi hỏi là những người không có địa vị nhờ kế thừa, nhưng có năng lực rõ rệt, sẽ được bình đẳng trong việc nhận được ân sủng và sự tin dùng của em, và rằng mọi dấu vết của chế độ nông nô, hoặc của hệ thống đẳng cấp phong kiến giữa lãnh chúa và giai cấp thấp hèn nhất trong các thần dân của em phải bị thủ tiêu. Những lợi điểm của Bộ luật Napoléon, việc xét xử công khai, và việc đưa các bồi thẩm đoàn vào, sẽ là những đặc điểm chủ đạo nơi chính quyền của em... Về việc mở rộng và củng cố triều đại của em, ta hy vọng vào những tác dụng của những biện pháp này hơn là vào những chiến thắng vang dội nhất. Ta muốn thần dân của em được hưởng một mức độ tự do, bình đẳng, và thịnh vượng mà cho đến nay dân tộc Đức chưa được biết tới... Phương pháp cai trị như vậy sẽ là rào chắn mạnh mẽ hơn giữa em và nước Phổ, hơn cả sông Elbe, những pháo đài, và sự bảo vệ của nước Pháp¹¹.

Jérôme hãy còn quá trẻ, chỉ mới 23 tuổi, nên không thể hiểu rõ giá trị của lời khuyên này. Thiếu sự tự chủ và phán đoán tỉnh táo vốn cần cho việc cai trị, chàng tự cho phép mình những cảnh phô trương long trọng và xa xỉ, đối xử với các bộ trưởng như những kẻ tay sai, và thực hiện chính sách đối ngoại riêng của mình, gây khó chịu cho ông anh vốn phải suy nghĩ trên bình diện lục địa. Khi Napoléon thua trong trận đánh quan trọng ở Leipzig (1813), Jérôme không thể giữ các “thần dân” của mình trung thành với đế quốc. Vương quốc của chàng sụp đổ, và Jérôme chạy trốn về Pháp. Chàng ủng hộ anh mình một cách can đảm trong trận Waterloo, và rồi chạy

đến Württemberg nhờ cha vợ bảo vệ. Chàng sống đủ lâu để trở thành một Chủ tịch Thượng viện dưới triều cháu mình là Napoléon III, và may mắn được chết (1860) vào lúc một vương quốc trần gian khác lên đến đỉnh cao nhất.



Hình 19: Eugène de Beauharnais (Andrea Appiani, 1810)

Eugène de Beauharnais là một học trò khá hơn. Chàng là cậu bé đáng yêu 15 tuổi khi mẹ chàng cưới Napoléon; mới đầu chàng bực mình vị tướng trẻ đường đột như kẻ xâm nhập, nhưng chẳng bao lâu trở nên niềm nở trước sự quan tâm và tình cảm ngày càng đậm của Napoléon. Chàng khoái chí vì được cho đi Ý và Ai Cập với tư cách một sĩ quan phụ tá cho nhà chinh phục vũ bão; mối cảm tình của chàng bị phân

chia giữa người chồng và người vợ khi biết mẹ mình ngoại tình; những giọt nước mắt của chàng đã kết hợp họ trở lại, và sau đó mỗi ràng buộc trung thành giữa người cha dượng và đứa con riêng của vợ không bao giờ sút mẻ. Ngày 7.6.1805, Napoléon phong cho Eugène làm Phó vương nước Ý; nhưng, khi thấy trách nhiệm nặng nề mình đặt lên vai chàng thanh niên 24 tuổi, ông để cho chàng một tập lời khuyên:

Bằng việc phó thác cho con việc cai trị Vương quốc Ý của chúng ta, ta đã chứng tỏ cho con thấy bằng chứng sự tôn trọng mà tư cách của con đã gọi lên cho chúng ta. Nhưng con hãy còn ở cái tuổi không nhận thấy được những éo le của lòng người; do đó ta không thể cứ việc khuyên bảo con nên khôn ngoan và cẩn trọng. Các thần dân người Ý của chúng ta tự bản chất hay dối trá hơn các công dân Pháp. Cách duy nhất để con khiến họ phải kính nể và để phục vụ cho hạnh phúc của họ là đừng hoàn toàn tâm sự với ai, và đừng nói với ai con thật sự nghĩ gì về các bộ trưởng và viên chức cao cấp trong triều đình của con. Sự che giấu, vốn sẽ đến một cách tự nhiên vào một độ tuổi chín chắn hơn, phải được nhấn mạnh và tính toán ở độ tuổi của con...

Ở bất cứ chức vị nào ngoại trừ Phó vương Ý, con có thể khoe mình là người Pháp; nhưng ở đây con phải quên nó đi, và coi như con thất bại trừ khi người Ý tin rằng con yêu mến họ. Họ biết rằng không có tình yêu nào mà không có sự tôn trọng. Hãy học tiếng nói của họ; hãy lui tới những chốn xã giao của họ; lựa chọn những ai quan tâm đặc biệt đến các chức vụ công...

Con càng ít nói càng tốt. Con đã không được giáo dục đầy đủ, và con không đủ kiến thức để tham gia vào những tranh luận chính thức. Hãy học cách lắng nghe, và nhớ rằng im lặng thường cũng hiệu quả như phô trương kiến thức. Đừng bắt chước ta về mọi phương diện; con cần phải dè dặt hơn. Đừng chủ tọa nhiều [những buổi họp của] Tham chính Viện; con có quá ít kinh nghiệm để có thể làm việc này một cách thành công... Dầu sao đi nữa, đừng bao giờ thuyết giảng gì ở đó;... họ sẽ thấy ngay là

con không có khả năng thảo luận công việc. Chừng nào mà vị quân vương còn biết giữ mồm thì quyền hành của ông ta không thể lường trước được. Đừng bao giờ nói trừ phi ông ta biết rằng mình là người tài giỏi nhất trong phòng...

Lời cuối cùng: Hãy trừng phạt tội không trung thực một cách không thương xót...¹².

Eugène đáp ứng được những mong đợi của vị Hoàng đế. Với sự giúp đỡ của các bộ trưởng, chàng tổ chức lại công việc tài chính, cải thiện ngạch công chức, xây dựng đường sá, du nhập Bộ luật Napoléon, và lãnh đạo Đạo quân Ý bằng lòng can đảm thường lệ và kỹ năng ngày càng tiến bộ. Vị Hoàng đế hài lòng sang thăm chàng vào năm 1807, và nhân cơ hội này ban hành “Sắc lệnh Milano” gồm những quy định nghiêm ngặt hòng đáp trả sắc lệnh của Hội đồng Cơ mật Anh yêu cầu các tàu bè trung lập phải ghé vào cảng của Anh trước khi tiếp tục đi đến lục địa. Eugène đã làm hết sức để thực thi lệnh Phong tỏa lục địa vốn làm cho nhiều người bức tức. Chàng vẫn trung thành với Napoléon qua tất cả những cuộc chiến và những lần thoái vị, và mất (1824) chỉ ba năm sau cái chết của người cha nuôi. Tác phẩm *Chartreuse de Parme* (Tu viện thành Parma) của Stendhal đã nhiều lần chứng tỏ kỷ niệm yêu mến mà nước Ý dành cho nền cai trị sáng suốt của chàng¹³.

Có nhiều đất hơn là anh em trai nên Napoléon cũng ban lãnh thổ cho các em gái của mình. Élisabeth (Maria Anna) cùng người chồng ân cần là Felice Bacciocchi được ban cho các công quốc Piombino và Lucca. Nàng cai trị rất tốt: tài trợ cho các công trình công cộng, bảo trợ văn học và nghệ thuật, khuyến khích Paganiniⁱ nên năm 1809 được Napoléon phong làm Nữ Đại công tước Toscana, nơi nàng tiếp tục chính sách cai trị từ thiện độc tài của mình.

Pauline Bonaparte, được Napoléon cho là cô gái xinh đẹp nhất thời đại nàng, nhận thấy không thể chịu đựng được việc

i Niccolò Paganini (1784–1840): Nhạc sĩ và nhạc công vĩ cầm người Ý.

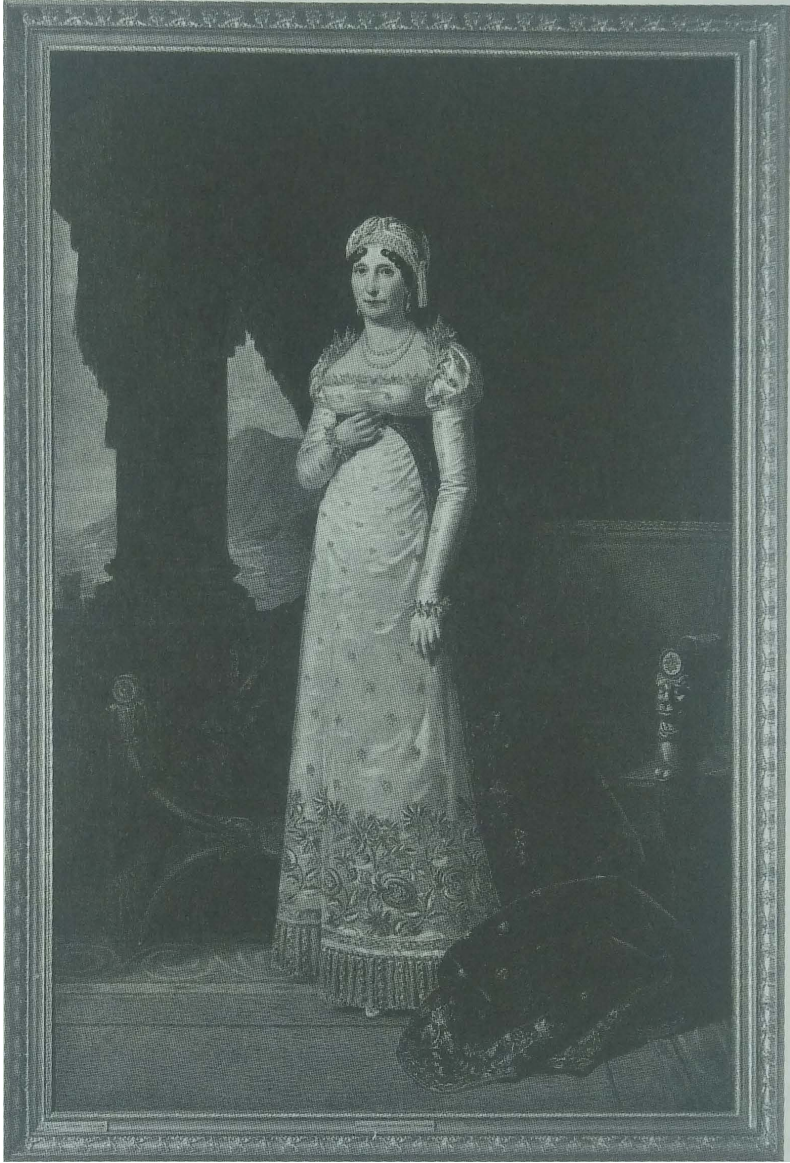
giam hãm về quyền rũ của mình chỉ trên một chiếc giường. Năm 17 tuổi nàng cưới Tướng Charles Leclerc; bốn năm sau – có lẽ để tránh xa tính phù phiếm của nàng – Napoléon lệnh cho em gái phải theo chồng đi Saint-Domingue trong chiến dịch chống Toussaint L'Ouverture; Leclerc chết tại đây vì bệnh sốt vàng da; Pauline quay về Pháp mang theo thi thể của chồng, và sắc đẹp huyền thoại đã suy giảm vì bệnh tật. Năm 1803, nàng cưới Vương tước Camillo Borghese, nhưng chẳng bao lâu sau lại trượt dài trong cảnh ngoại tình, và Camillo tìm nguồn an ủi nơi một cô nhân tình. Napoléon xin ông cậu của hai anh em, Hồng y Fesch, quở trách nàng. “Xin cậu bảo với cô ấy, nhân danh tôi, rằng cô ấy không còn xinh đẹp như trước, và rằng trong vài năm nữa còn kém xinh hơn, trong khi cô ấy có thể là người tốt và được kính nể suốt đời.”¹⁴ Để mình hư hỏng, Pauline chia tay vị Vương tước, và mở cửa căn nhà hoang toàng của mình đón chào giới ăn chơi phóng đảng nhất. Napoléon phong nàng làm Nữ Công tước xứ Guastalla (ở tỉnh Reggio Emilia của Ý), nhưng nàng thích thiết triều ở Paris hơn. Bị xiêu lòng bởi những cái nhìn, phong cách cùng bản tính rộng lượng của người em gái, ông khoan dung các tội lỗi của nàng cho đến một hôm, nhìn trong gương, ông thấy nàng đang chế giễu Hoàng hậu mới của mình, Maria Ludovica. Ông trục xuất nàng sang Ý. Ít lâu sau nàng trở thành chủ nhân một khách thính ở Roma. Về sau (như chúng ta sẽ thấy) nàng sẽ giúp đỡ ông trong cơn hoạn nạn. Năm 1825 nàng nổi lại quan hệ với chồng, và chết trong vòng tay của ông. “Xét cho cùng,” ông nói, “cô ấy là người tử tế nhất thế giới”¹⁵.

Caroline cũng xinh đẹp gần như vậy, và, vào những ngày cuối cùng, trở nên tai hại hơn nhiều. Chúng ta được nghe kể làn da nàng trông như lụa satin hồng, “đôi cánh tay, bàn tay, bàn chân của nàng thật hoàn hảo, như tất cả những người khác trong gia đình Bonaparte”. Năm mười bảy tuổi (1799) nàng lấy Joachim Murat, người đã nổi tiếng trong các chiến dịch Ý và Ai Cập. Vì những chiến công này, cũng như kỳ công

mang tính quyết định của ông ở Marengo, ông được phong Đại Công tước xứ Beg và Cleves. Trong khi ông bận rộn tại thủ đô mình là Düsseldorf, Caroline vẫn ở lại Paris và cho phép mình quan hệ thân mật với Tướng Junot đến nỗi Napoléon phải điều anh này đi Bordeaux. Murat quay về Paris để đòi lại vợ, nhưng chiến trận là mối đam mê và nguy hiểm là thú tiêu khiển của ông. Trong những lần ông vắng mặt thường xuyên như vậy Caroline đảm đương việc cai trị lãnh địa của họ, và nàng điều hành quá tốt tới nỗi ít ai nhớ tới Murat ngoại trừ những trang phục lộng lẫy của ông.

Ở trên tất cả nhóm anh em đầy sức sống này là mẹ của họ, Letizia, cương quyết, không nhẹ dạ, và thuộc dạng không ai diệt được. Bà chia sẻ những thắng lợi cũng như tai hoạ của những người con bằng niềm kiêu hãnh mãnh liệt và nỗi đau buồn thấm thía. Năm 1806 Napoléon tôn bà, lúc ấy 56 tuổi, lên làm Thái hậu, với khoản trợ cấp 500.000 franc mỗi năm. Ông cấp cho bà một căn nhà xinh với nhiều kẻ hầu người hạ, nhưng bà sống với kiểu thanh đạm thường có của mình, nói rằng bà đang tiết kiệm để phòng trường hợp gia sản Napoléon sụp đổ.¹⁶ Bà được tôn xưng là *Madame Mère* (Mẫu hậu), nhưng không có và cũng không cố tìm kiếm ảnh hưởng chính trị. Bà theo con trai ra đảo Elba cũng như khi ông quay về. Bà theo dõi với tâm trạng lo lắng và cầu nguyện cho sự kiện đầy kịch tính Một Trăm Ngày. Năm 1818 bà kêu nài Liệt cường hãy thả ông khỏi đảo St. Helena vì giờ đây ông là người quá đau yếu để có thể gây nguy hiểm đối với họ, nhưng không được trả lời. Với tinh thần khắc kỷ thường có của mình, bà chịu đựng cái chết của Napoléon, Élisa, và Pauline, cùng nhiều đứa cháu. Bà mất năm 1836, hưởng thọ 86 tuổi. *Voilà une femme!* (Một người đàn bà đích thực!).

Kế hoạch “gia đình trị” không thành công, một phần vì không được xây dựng trên nhu cầu của các dân tộc bị trị, một phần vì mỗi nhà cai trị (ngoại trừ Eugène) đều là kẻ cá nhân chủ nghĩa, với những ý tưởng và lòng ham muốn riêng – nhất là



Hình 20. Letizia Ramolino, mẹ của Napoléon (Robert Lefèvre, 1813)

Napoléon. Ông nghĩ đến uy quyền của mình trước tiên, và đề ra luật lệ xuất sắc hẳn nếu so với chủ nghĩa phong kiến vốn đã lỗi thời; nhưng ông ngăn cách và giảm bớt ý nghĩa của chúng bằng những đòi hỏi nặng nề về tài chính và quân sự. Mặc dù phá bỏ chế độ phong kiến, ông lại tạo ra một kiểu phong kiến khác khi ông nghĩ các anh em

trong nhà đang nắm giữ những thái ấp do ông ban cho, và do đó đòi hỏi họ phải là những chư hầu ngoan ngoãn, tuyển lính để đáp ứng nhu cầu của ông trong thời chiến, và thu thuế trong thời bình. Ông bảo vệ khái niệm của mình về tình cảnh này bằng cách giải thích rằng hầu như tất cả những lãnh thổ bị cai trị như vậy đã bị chinh phục trong những cuộc chiến mà Liệt cường ép buộc ông; do đó chúng phải tuân theo những “quy luật” của chiến tranh, và may mà chúng được sống dưới nền luật pháp tiến bộ của nước Pháp và sự cai trị nhân từ của một nhà độc tài sáng suốt. Về phần gia đình mình, ông buồn rầu tóm lược vấn đề khi ở St. Helena:

Điều thật rõ ràng là ta đã được gia đình hậu thuẫn một cách tồi tệ... Sức mạnh của cá tính ta đã được nói đến nhiều, nhưng ta lại yếu đuối đáng bị chỉ trích khi đối xử với gia đình mình, và họ biết rõ điều ấy. Sau khi cơn bão phản đối đầu tiên của ta qua đi, thái độ kiên trì và bướng bỉnh của họ luôn luôn thắng thế, và họ muốn gì với ta cũng được. Ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong việc này. Nếu mỗi người trong bọn họ đều thúc đẩy những đám đông quần chúng mà ta đã phò thác cho họ cai trị, chúng ta đã có thể cùng nhau tiến đến Ba Lan; mọi thứ đã có thể bị ngã xuống trước chúng ta; chúng ta đã có thể thay đổi bề mặt địa cầu. Ta đã không có được số phận may mắn của Thành Cát Tư Hãn với bốn người con trai không biết sự cạnh tranh nào khác hơn việc phục vụ ông một cách trung thành. Nếu ta lập một người anh em của mình lên làm vua, ngay lập tức anh ta nghĩ rằng mình làm vua là “nhờ ân sủng của Thượng đế”, câu nói này đã trở nên rất hay lây lan. Anh ta không còn là người phò cận kề để ta có thể trút niềm tâm sự; anh ta là một kẻ thù thêm nữa cần phải đề phòng. Những cố gắng của anh ta không nhằm hậu thuẫn ta, mà để cho anh ta độc lập hơn... Họ thật sự đi đến chỗ xem ta như một chương ngại. ... Cửa đáng tội! Khi ta sụp đổ, việc lật đổ họ không được kẻ thù đòi hỏi hay thậm chí nêu ra [nó được thực hiện một cách tự động]; và giờ đây không ai trong bọn họ có thể khích động một phong trào dân

chúng. Được công lao khó nhọc của ta che chở, họ vui hưởng những niềm ngọt ngào của vua chúa; duy chỉ mình ta mang lấy gánh nặng.¹⁷

Sau khi đã chinh phục một số lượng lãnh địa còn nhiều hơn số hoàng thân nam nữ cùng máu mủ, Napoléon ban những thuộc quốc nhỏ có tính chiến lược cho các tướng lĩnh hoặc những người phục vụ ông. Thống chế Berthier nhận tỉnh Neuchâtel; Cambacérès trở thành công tước xứ Parma; Lebrun, công tước xứ Piacenza. Một tá những lãnh địa nhỏ khác được cắt ra từ những miền khác nhau của nước Ý; Fouché trở thành công tước xứ Otranto, Savary là công tước xứ Rovigo. Sau cùng, Napoléon hy vọng sẽ kết hợp *disjecta membra*ⁱ của nước Ý thành một quốc gia, và biến nó thành một đơn vị trong một Liên bang châu Âu dưới sự lãnh đạo của nước Pháp và triều đại của ông. Giá như tất cả các thực thể ấy, vốn quá kiêu hãnh về những khác biệt và quá thiết tha bảo vệ vị thế của mình, có thể chôn sâu những ảo tưởng dai dẳng trong một ý nghĩa nào đó về cái toàn cục – và ở thế sẵn sàng nhất định nào đó để cho một cường quốc xa xôi và lạ lẫm viết nên những luật lệ và điều hành công việc của mình!

II. Chiến tranh bán đảo: Phần I

(18.10.1807 – 21.8.1808)

Vào năm 1807 hầu hết lục địa châu Âu đều tuân theo Sắc lệnh Berlin. Nước Áo gia nhập khối Phong tỏa lục địa ngày 18.10.1807; chế độ Giáo hoàng chống đối nhưng rồi ký kết ngày 12 tháng Mười hai. Thổ Nhĩ Kỳ do dự, nhưng có thể buộc phải vâng lời vì sự hợp tác lâu dài giữa Nga và Pháp. Bồ Đào Nha liên minh với Anh, nhưng giáp biên về phía tây đối với Tây Ban Nha vốn là nước bị ràng buộc về mặt lịch sử với

i *Disjecta membra* (Latin): Những mảnh rời rạc.

Pháp do triều đại Bourbon, cam kết tham gia khối phong tỏa, và (dường như) về mặt quân sự phó mặc cho Napoléon định đoạt. Có lẽ, Hoàng đế suy nghĩ, một điều gì đó có thể thực hiện được – ví dụ bằng cách hành quân xuyên qua Tây Ban Nha – để buộc Bồ Đào Nha ngoan ngoãn, mặc dù tàu chiến của Anh đang kiểm soát các cảng và đặc vụ của Anh đang kiểm soát thương mại nước này.

Ngày 19.7. 1807, Napoléon thông báo cho Chính phủ Bồ Đào Nha rằng họ phải đóng các cảng khẩu không cho hàng hóa Anh nhập vào. Nước này từ chối. Ngày 18 tháng Mười, một đạo quân Pháp gồm 20.000 người, phần lớn là tân binh thiếu kinh nghiệm, dưới quyền chỉ huy của Andoche Junot, vượt qua sông Bidasoa tiến vào Tây Ban Nha. Đạo quân được nhân dân và nhà nước đón mừng, vì người dân Tây Ban Nha đang hy vọng Napoléon sẽ giải thoát nhà vua của họ khỏi một vị bộ trưởng phản trắc, còn vị bộ trưởng ấy hy vọng Napoléon sẽ thưởng cho sự hợp tác của ông bằng cách để ông dự phần vào việc chia cắt Bồ Đào Nha.

Giai đoạn huy hoàng của thời Khai minh Tây Ban Nha đã chấm dứt cùng cái chết của Carlos III (1788). Người con trai giờ đây 60 tuổi của ông, Carlos IV, mặc dù có nhiều hảo ý, nhưng lại thiếu sinh lực và trí tuệ. Trong bức tranh nổi tiếng của Goya có tiêu đề *La familia de Carlos IV* (Gia đình của Carlos IV), trông Nhà vua rõ ràng thích ăn hơn thích suy nghĩ, và Hoàng hậu María Luisa hiển nhiên là một người đàn ông. Nhưng bà cũng là một phụ nữ; và, không thoả mãn với người chồng ngoan ngoãn của mình, bà mở rộng vòng tay ra cho Manuel de Godoy, người được bà nâng từ một sĩ quan thuộc đội Cận vệ Hoàng gia lên địa vị tể tướng. Dân chúng Tây Ban Nha, về mặt tình dục là những người đạo đức nhất châu Âu, cảm thấy bị xúc phạm bởi mối quan hệ này, nhưng con người hư hỏng Godoy mơ đến việc chinh phục Bồ Đào Nha và tạo cho riêng mình, nếu không phải là một vương quốc, ít nhất cũng một công quốc. Ông cố tranh thủ sự giúp đỡ của

Napoléon, và cố quên rằng năm 1806 ông đã sốt sắng đề nghị kết thân với một nước Phổ đang lên kế hoạch chiến tranh chống Pháp. Napoléon khích lệ những hy vọng của Godoy, và ký tại Fontainebleau (27.10.1807) thoả thuận “chinh phục và chiếm đóng Bồ Đào Nha”. Miền tây bắc, với Oporto, sẽ là thái ấp của Hoàng hậu Tây Ban Nha, các tỉnh Algarve và Alentejo ở miền nam sẽ thuộc về Godoy; phần còn lại ở miền trung, gồm cả Lisbon, sẽ nằm dưới quyền kiểm soát của Pháp cho đến khi có thông báo mới. Điều XIII của Hiệp ước thêm: “Các bên ký kết [Hiệp ước này] đồng ý sẽ phân chia đồng đều với nhau các hòn đảo, thuộc địa, và các tài sản hàng hải khác của Bồ Đào Nha”¹⁸. Những điều khoản bí mật quy định 8.000 bộ binh và 3.000 kỵ binh Tây Ban Nha sẽ gia nhập vào đạo quân của Junot khi nó đi qua Tây Ban Nha.

Không thể kháng cự lại liên quân này, hoàng gia Bồ Đào Nha lên thuyền chạy qua Brasil. Ngày 30 tháng Mười một, Junot tiến vào Lisboa, và cuộc chinh phục Bồ Đào Nha dường như hoàn tất. Để thanh toán các chiến phí, ông áp đặt khoản bồi thường 100 triệu franc. Một phần để giúp Junot trong trường hợp quân Anh tiến vào Bồ Đào Nha, và có lẽ nhằm tới những mục đích rộng lớn hơn, Napoléon gửi thêm ba đạo quân sang Tây Ban Nha, đặt chúng dưới quyền chỉ huy thống nhất của Murat, và lệnh cho vị tướng chiếm đóng một số địa điểm chiến lược gần Madrid.

Bất hòa trong Chính phủ Tây Ban Nha đã mang lại lợi thế cho Napoléon. Chàng Infanteⁱ 23 tuổi, hay người thừa kế đương nhiên, Fernando, lo sợ Godoy sẽ cản đường đến với ngai vàng của mình, đã đích thân tham gia vào âm mưu lật đổ kẻ sủng thần. Godoy khám phá được kế hoạch, bắt giam Fernando và những người ủng hộ chính (27 tháng Mười), và đề nghị xét xử vì tội mưu phản. Hai tháng sau, được biết Murat đang trên đường qua có thể tìm cách thả các tù nhân,

ⁱ Infante (Tây Ban Nha): Đứa bé còn ẵm ngửa, đứa bé miệng còn hơi sữa; lính mới

Godoy trả tự do cho họ, và chuẩn bị trốn sang Mỹ cùng nhà vua và hoàng hậu. Ngay sau đó dân chúng trong thành phố nổi loạn, bắt giữ Godoy, và quăng ông ta vào ngục tối. Nhà vua kinh hoàng thoái vị nhường ngôi cho con. Theo lệnh của Napoléon, Murat dẫn quân Pháp tiến vào Madrid (23 tháng Ba), thả Godoy, và từ chối công nhận Fernando là vua. Carlos huỷ bỏ việc thoái vị, và cảnh rối loạn bao trùm. Talleyrand giục Napoléon nên giành lấy ngai vàng Tây Ban Nha¹⁹.

Napoléon nắm lấy – có lẽ đã tạo ra – cơ hội này. Ông mời cả Carlos IV và Fernando VII đến gặp mình ở Bayonneⁱ (khoảng 32km về phía bắc biên giới Tây Ban Nha – Pháp), với ý định vãn hồi trật tự và ổn định chính quyền. Hoàng đế đến ngày 14 tháng Tư, Fernando ngày 20 tháng Tư. Napoléon đãi chàng trai và cố vấn của chàng là Canon Juan Escóiquiz cùng ăn tối, và đánh giá chàng thanh niên còn quá non nớt về cảm xúc cũng như trí tuệ nên không thể kiểm soát chặt chẽ được những xúc cảm mạnh mẽ của dân chúng và giữ Tây Ban Nha trong thế liên minh hữu ích cho nước Pháp. Ông tiết lộ kết luận của mình cho Escóiquiz, ông này miễn cưỡng truyền đạt lại cho Fernando. Chàng Infante phản đối rằng chàng giữ vương miện là do cha mình thoái vị. Chàng cử người đưa tin chạy về Madrid nói với những kẻ ủng hộ rằng mình bất lực trước uy quyền của Napoléon. Những người đưa thư bị chặn lại, và những lá thư của họ được mang tới Hoàng đế; tuy nhiên tin tức về tình cảnh của Fernando đã bay tới thủ đô. Mối nghi ngờ của dân chúng rằng Napoléon có ý định chấm dứt triều đại Bourbon ở Tây Ban Nha càng dâng cao khi tin tức loan truyền rằng Carlos IV, Hoàng hậu, và Godoy đã đến Bayonne ngày 30 tháng Tư, và rằng Murat, giờ đang cai trị Madrid, đã nhận lệnh đưa em, con trai nhỏ, và con gái của Nhà vua đi Bayonne. Ngày 2.5.1808 – ngày lễ lâu đời trong lịch sử Tây Ban Nha có tên là *Dos de Mayo*ⁱⁱ – một đám đông

i Trong tiếng Tây Ban Nha là Bayona.

ii *Dos de Mayo* (Tây Ban Nha): [Ngày] Hai tháng Năm.

giận dữ tập hợp trước hoàng cung, cố ngăn các hoàng thân và công chúa ra đi, và ném đá vào các binh sĩ Pháp đang bảo vệ chiếc xe của hoàng gia. Người ta kể, một số binh sĩ bị xé thành nhiều mảnh. Murat hạ lệnh cho binh sĩ bắn vào đám đông cho đến khi họ giải tán. Mệnh lệnh được thi hành trong cảnh tượng được Goya tưởng niệm lại một cách thật xúc động. Cuộc nổi dậy lắng xuống ở Madrid, và lan rộng khắp Tây Ban Nha.

Khi báo cáo về vụ bùng nổ này đến tai Napoléon ở Bayonne (ngày 5 tháng Năm), ông cho gọi cả Carlos và Fernando đến gặp mình, và, một trong những cơn thịnh nộ có tính toán của mình, buộc tội họ đã bất lực để Tây Ban Nha rơi vào cảnh rối ren khiến nước này trở thành đồng minh không đáng tin cậy và nguy hiểm cho nước Pháp. Người cha và người mẹ trút đầy những lời trách móc và sỉ nhục xuống đầu đứa con, kết tội anh ta đã dự tính sát hại cha mình. Napoléon cho phép chàng thanh niên đến 11 giờ tối hôm ấy phải từ chức; nếu từ chối, anh ta sẽ bị giao lại cho cha mẹ để bỏ tù và xử về tội mưu phản. Fernando chịu thua, và giao lại vương miện cho cha mình. Carlos, mong muốn cảnh yên ổn và hòa bình hơn quyền lực, đã giao chiếc vương trượng lại cho Napoléon, Hoàng đế giao nó cho em trai là Louis nhưng bị từ chối, rồi cho Jérôme, nhưng cậu này cảm thấy không đủ khả năng gánh vác một chức vụ quá nguy hiểm như vậy, và cuối cùng cho Joseph, là người trong thực tế được lệnh phải chấp nhận nó. Carlos, Maria Luisa, và Godoy được gửi đi Marseilles để sống trong cảnh thoải mái nhưng bị canh giữ. Fernando và người em được đồ dành với nguồn thu nhập dồi dào, và Talleyrand được giao đưa họ về sống tiện nghi và an toàn trong lâu đài của ông ở Valençay. Rồi, cảm thấy mình đã kiếm được một món hời, Napoléon thông dong cười ngửa quay về Paris, mỗi bước đi lại được hoan hô như vị chúa tể bất khả chiến bại của châu Âu.

Do hy vọng được làm vua Tây Ban Nha, Murat trở nên giận dữ khi bị Joseph thay thế. Ông này, sau khi dừng lại ở

Bayonne, đã đến Madrid ngày 10.6.1808. Đã quen thuộc với Napoli nên không lâu sau khi đến xứ Tây Ban Nha nghiêm nghị và sùng đạo, ông cảm thấy nhớ cuộc sống vui vẻ ở Ý vốn làm dịu bớt tâm hồn cháy bỏng của con người miền nam xứ này. Ông mang đến Tây Ban Nha bản hiến pháp theo chủ nghĩa tự do nửa vời được Napoléon soạn thảo một cách vội vã, gồm phần lớn nội dung của Bộ luật Napoléon nhưng (như Carlos IV từng nhấn mạnh) chấp nhận Công giáo là tôn giáo hợp pháp duy nhất ở Tây Ban Nha. Joseph nhọc công cố gắng thành nhà cai trị hợp lòng dân, và được nhiều người Tây Ban Nha có khuynh hướng tự do ủng hộ; nhưng giới quý tộc lánh xa, giới tu sĩ buộc tội ông là kẻ phóng dật thảm khốc, còn giới bình dân bị sốc vì thấy Napoléon thay triều đại được Giáo hội ban phước của họ bằng một người không biết lấy một chữ Tây Ban Nha, và hoàn toàn thiếu nét hấp dẫn vượt thời gian.

Một cách chậm chạp, rồi nhanh chóng, sự phản uất tăng lên, từ vẻ cau có đến những lời nguyên rủa đòi nổi loạn. Những băng nhóm xuất thân từ nông dân nổi lên từ hàng trăm địa phương; tự vũ trang bằng vũ khí cũ và dao sắc khiến cho mỗi nhà trở thành một xưởng vũ khí và mỗi chiếc áo choàng là một cái bẫy; và nhắm vào mục tiêu là bất cứ người Pháp nào đi lạc ra ngoài doanh trại hay đội ngũ của mình. Giới tu sĩ gương cao thánh giá chống lại các khẩu súng các-bin của Pháp; họ tố cáo Joseph là “tín đồ giáo phái Luther, hội viên hội Tam điểm, kẻ dị giáo”, và kêu gọi giáo dân đứng lên khởi nghĩa “nhân danh Đức Chúa Trời, Đức Mẹ vô nhiễm, và Thánh José”²⁰. Nhiệt tình của dân chúng trở nên sôi sục, dẫn đến những vụ chặt tay chân, thiến, đóng đinh, chặt đầu, treo cổ, và đóng cọc xuyên qua người như được Goya minh họa trong bức *Los Desastres de la Guerra* (Những thảm họa chiến tranh). Các đạo quân Tây Ban Nha tổ chức lại và tham gia cuộc nổi dậy; các trung đoàn của họ kết hợp lại đánh bại các đơn vị đồn trú Pháp nằm rải rác và ít quân số hơn;

chỉ huy của họ đôi khi cầm quân giỏi hơn các sĩ quan Pháp bị bất lợi do không quen với lãnh thổ, thiếu thốn về quân số, trang bị và tình trạng huấn luyện binh sĩ. Ngày 20.7.1808, tại Bailén (đông bắc Córdoba), hai sư đoàn Pháp, do làm tướng bị bao vây bởi lực lượng hùng hậu hơn nhiều, đã đầu hàng trong thất bại vào loại nhục nhã nhất lịch sử: 22.800 người bị bắt làm tù binh và bị giam trên hòn đảo nhỏ Cabrera, nơi hàng trăm người đã chết vì đói hay bệnh tật. Bị tước mất hậu thuẫn của lực lượng quân sự chủ yếu, Joseph và các binh sĩ còn lại rút lui khỏi Madrid về tuyến phòng thủ dọc sông Ebro, cách thủ đô 270km về phía đông bắc.

Trong khi ấy, Chính phủ Anh tự tin rằng các lực lượng đang sút giảm của Junot ở Lisboa không thể có thêm tiếp viện từ Tây Ban Nha nữa nên đã phái Sir Arthur Wellesley (sau này là Công tước Wellington) cùng một hạm đội và một đạo quân sang Bồ Đào Nha. Ông đổ bộ tại cửa sông Mondego ngày 1.7.1808, và không lâu sau có một số toán bộ binh Bồ Đào Nha gia nhập. Junot, đang buông mình sống hưởng thụ thay vì giữ cho quân đội mình trong điều kiện sẵn sàng, tức tốc dẫn 13.000 lính nghĩa vụ từ Lisboa ra nghênh chiến với 19.000 quân của Wellesley ở Vimeiro (21.8.1808) và bị đánh tan tã. Bồ Đào Nha trở lại liên minh với Anh, và sự xâm lăng của Pháp vào bán đảo Iberia hoàn toàn biến thành thảm họa.

Ngày 14.8.1808, khi Napoléon về đến Paris sau chuyến tuần du đặc thăng qua các tỉnh phía tây, ông thấy các kẻ thù truyền thống của mình đang hân hoan vì Pháp gặp trở ngại, và đã chuẩn bị một liên minh mới chống lại kẻ ăn thịt các quốc gia giờ đây có thể bị đánh bại. Metternich, đại sứ của Áo tại Paris, nói chuyện hòa bình với Napoléon trong khi sửa soạn chiến tranh. Freiherr vom und zum Stein, vị thủ hiến lỗi lạc của một nước Phổ nôn nóng được giải phóng, đã viết cho một người bạn trong tháng Tám này: “Ở đây chiến tranh giữa Pháp và Áo xem như không thể tránh khỏi; nó sẽ quyết

định số phận châu Âu”²¹. Người của Napoléon bắt được lá thư này, và ông cũng đồng ý như vậy. Chiến tranh, ông viết cho người em Louis của mình, “được hoãn lại sang mùa xuân”.²²

Napoléon cân nhắc các lựa chọn. Liệu ông có nên dẫn *Grande Armée* (Đại quân) chưa hề nếm mùi chiến bại của mình sang Tây Ban Nha đàn áp cuộc nổi dậy, đuổi Wellesley chạy về lại những chiếc tàu của ông ta, khép kín kẽ hở Bồ Đào Nha trong chiến thuật phong tỏa, và chịu rủi ro là Áo và Phổ sẽ tấn công trong khi các binh sĩ thiệt chiến nhất của ông đang ở xa hàng ngàn dặm? Tại Tilsit, Aleksandr đã hứa sẽ ngăn một cuộc tấn công vào ông như vậy trong khi Tây Ban Nha đang giữ chân ông; nhưng liệu Aleksandr có giữ lời hứa dưới sự bắt buộc? Có lẽ ông ta nên được mua chuộc thêm. Napoléon mời Aleksandr dự hội nghị ở Erfurt, nơi ông sẽ áp đảo ông ta bằng một nhóm những vì sao chính trị, và buộc chặt ông ta vào cam kết.

III. Chòm tinh tú ở Erfurt:

27 tháng Chín – 14 tháng Mười năm 1808

Ông chuẩn bị cho hội nghị này cũng cẩn thận như chuẩn bị cho chiến tranh. Ông mời tất cả những vị vua và công tước chư hầu của mình tham dự trong phong cách đế vương cùng những đoàn tùy tùng của họ. Có quá nhiều người đến tới nỗi tập hồi ký của Talleyrand phải mất đến ba trang in mới liệt kê hết danh sách. Napoléon đem theo không những chỉ gia đình mà còn phần lớn các tướng lĩnh của mình, và yêu cầu Talleyrand bước ra khỏi cảnh ẩn dật và giúp Champagny chính thức hóa các cuộc thương thuyết và kết quả đạt được. Ông chỉ thị cho Bá tước de Rémusat đưa đến Erfurt những diễn viên xuất sắc nhất của rạp Comédie Française – kể cả Talma – với toàn đạo cụ cần thiết để trình diễn những vở bi kịch kinh điển của kịch nghệ Pháp. “Ta muốn Hoàng đế Nga sẽ bị lóa mắt bởi sự phô diễn quyền lực của ta. Vì không có cuộc thương thuyết nào mà nó không thể làm cho dễ dàng hơn”²⁴.

Ông đến Erfurt ngày 27 tháng Chín, và ngày 28 ông đi ngựa ra xa 8km để đón Sa hoàng cùng đoàn tùy tùng người Nga. Mọi thứ đều được sắp xếp để làm vui lòng Sa hoàng, ngoại trừ việc Napoléon cho thấy rõ ông là chủ nhân, và trong một thành phố đã trở thành một phần của Đế chế Pháp. Aleksandr không bị đánh lừa bởi những món quà và những lời tặng bốc mình, và bản thân ông cũng thể hiện mọi dấu hiệu và hình thức của tình hữu nghị. Sự chống cự của ông đối với sức mê hoặc của Napoléon được Talleyrand bồi thêm bằng cách bí mật khuyên ông nên ủng hộ Áo hơn là Pháp, viện lẽ rằng Áo, chứ không phải Pháp, là trung tâm văn minh Âu châu mà (theo quan điểm của Talleyrand) Napoléon đang huỷ hoại. “Nước Pháp”, ông ta nói, “thì văn minh, nhưng vị quốc chúa của nó thì không”²⁵. Ngoài ra, củng cố sức mạnh cho Pháp thì Nga được lợi gì? Khi Napoléon tìm cách củng cố mối liên minh bằng cách kết hôn với em gái của Sa hoàng là Nữ Đại Công tước Anna, Talleyrand khuyên Sa hoàng nên từ chối, và con người Nga quý quyết đã hoãn trả lời việc cầu hôn, viện lẽ Sa hậu của ông ta mới là người có trách nhiệm quyết định những việc như vậy²⁶. Ông tưởng thưởng cho Talleyrand bằng cách dàn xếp cuộc hôn nhân giữa cháu trai của nhà ngoại giao và Nữ Công tước Dino, người thừa kế công quốc Courtland. Sau này, Talleyrand biện minh cho sự phản trắc của mình với lý lẽ rằng Napoléon với lòng thèm muốn các quốc gia khác không những sẽ làm châu Âu kiệt quệ vì chiến tranh, mà còn làm cho Pháp sụp đổ và tan rã. Ông cho rằng việc mình phản bội Napoléon chính là trung thành với nước Pháp²⁷. Nhưng từ lúc ấy trở về sau cung cách lịch sự của ông ta toát mùi tởm lợm khắp nơi.

Trong thời gian diễn ra hội nghị, Công tước Saxe-Weimar mời thần dân nổi tiếng nhất của mình đến Erfurt. Ngày 29 tháng Chín, khi thấy tên Goethe trong danh sách những người mới đến, Napoléon đã yêu cầu Công tước sắp xếp buổi gặp mặt với thi sĩ – triết gia này. Goethe vui vẻ đến

(ngày 2 tháng Mười), vì ông xem Napoléon như là “bộ óc vĩ đại nhất mà thế giới từng sản sinh”²⁸, và ông hoàn toàn tán đồng việc hợp nhất châu Âu dưới một vị lãnh đạo như thế. Ông thấy Hoàng đế đang dùng điểm tâm cùng Talleyrand, Berthier, Savary, và Tướng Daru. Talleyrand đưa vào hồi ký của mình điều ông cho là một sự hồi tưởng thận trọng về cuộc nói chuyện nổi tiếng này. (Felix Mliller, một luật sư ở Weimar đi cùng Goethe, đã kể lại chỉ hơi khác một chút).

“Ông Goethe”, Napoléon nói, “ta rất vui được gặp ông... Ta biết ông là thi sĩ bi kịch hàng đầu nước Đức”.

“Thưa ngài, ngài bất công với đất nước chúng tôi đó... Schiller, Lessing, và Wieland chắc chắn được Bộ hạ biết đến.”

“Thú thật ta gần như không biết họ. Tuy nhiên, ta đã đọc cuốn *Geschichte des dreißigjährigen Kriegs* (Lịch sử chiến tranh ba mươi năm) của Schiller... Ông thường sống ở Weimar; đó là nơi những người nổi tiếng nhất trong văn chương Đức gặp nhau!”.

“Thưa ngài, ở đây họ được hưởng sự bảo vệ nhiều hơn; nhưng hiện nay chỉ có một người ở Weimar được khắp châu Âu biết đến; đó là Wieland.”

“Ta sẽ rất vui được gặp ông Wieland.”

“Nếu Bộ hạ cho phép tôi yêu cầu ông ta, tôi nghĩ chắc chắn ông ta sẽ đến ngay”...

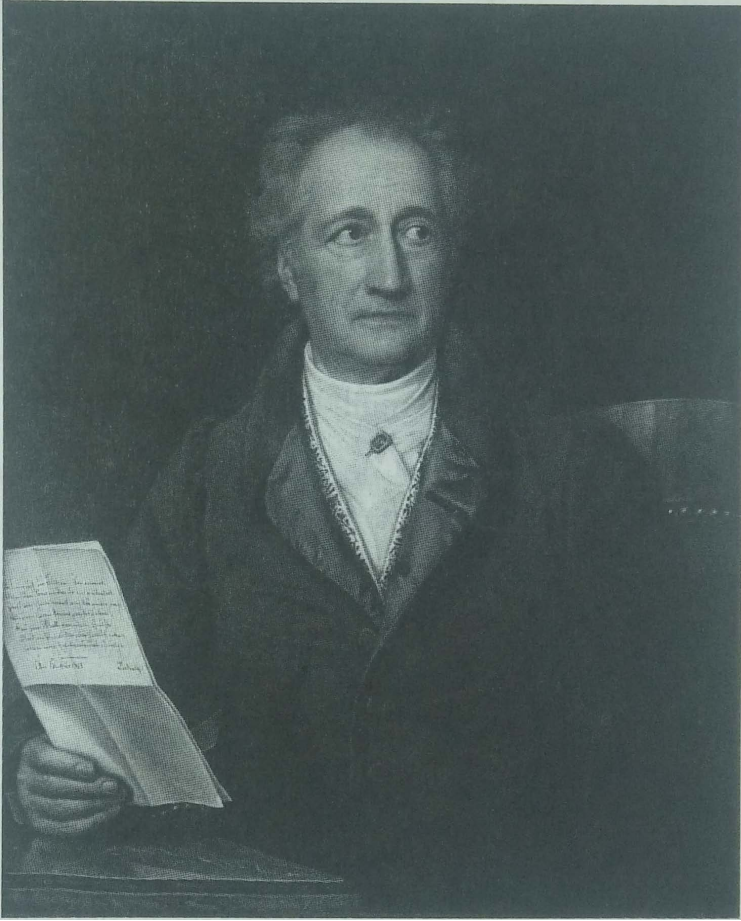
“Ông ngưỡng mộ Tacitus chứ?”

“Vâng, thưa ngài, tôi ngưỡng mộ ông ta nhiều.”

“À, ta thì không; nhưng chúng ta sẽ nói chuyện này vào lúc khác. Hãy viết thư mời ông Wieland đến đây. Ta sẽ đáp lại cuộc viếng thăm của ông ta tại Weimar, nơi Công tước đã mời ta.”²⁹

Khi Goethe rời khỏi phòng (chúng ta được kể lại), Napoléon đã nhận xét với Berthier và Daru, “*Voilà un homme!*”³⁰ (Đó là một con người đích thực!).

Ít ngày sau, Napoléon, ở giữa một đám đông các nhân sĩ đã tiếp đãi Goethe và Wieland. Có lẽ ông đã nhớ lại, vì ông nói như một nhà phê bình văn học tự tin với kiến thức của mình:



Hình 21: Johann Wolfgang von Goethe năm 79 tuổi
(Joseph Karl Stieler, 1828)

“Ông Wieland, ở Pháp chúng tôi rất thích các tác phẩm của ông. Ông là tác giả của *Agathon* và *Oberon*. Chúng tôi gọi ông là Voltaire của Đức.”

“Thưa ngài, sự so sánh thật hay nếu có lý do chính đáng...”

“Ông Wieland, hãy cho ta biết tại sao các tác phẩm *Diogenes*, *Agathon*, và *Peregrinus* của ông được viết theo phong cách mơ hồ vốn pha lẫn trữ tình với lịch sử, và lịch sử với trữ tình. Một

người xuất chúng như ông phải giữ mỗi phong cách riêng biệt nhau rõ rệt... Nhưng ta e đã nói quá nhiều về đề tài này, vì ta đang thảo luận với một người thông thạo đề tài này hơn ta rất nhiều.”³¹

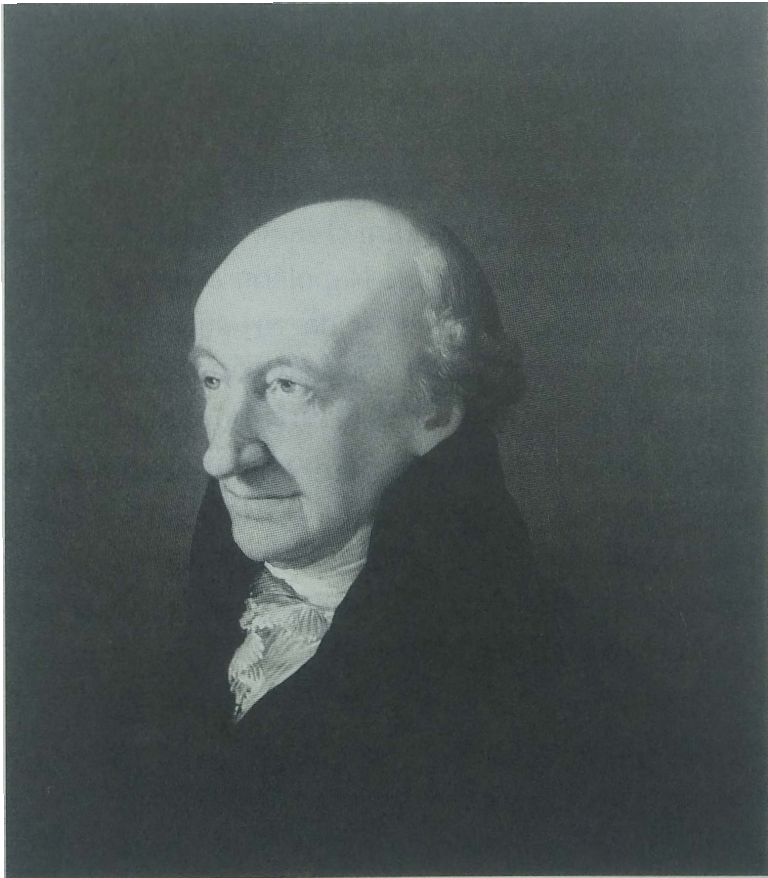
Ngày 5 tháng Mười, Napoléon đi ngựa khoảng 23 km đến Weimar. Sau khi đi săn ở Jena và thưởng thức vở *La mort de César* (Cái chết của Caesar) tại nhà hát Weimar, các vị chủ nhà và quan khách được mời tham dự buổi khiêu vũ nơi cảnh lộng lẫy của môi trường xung quanh và vẻ yêu kiều say đắm của các mỹ nhân chẳng mấy chốc làm họ quên khuấy những bài thơ của Voltaire. Còn Napoléon thì lui vào một góc, cho người vờ Goethe và Wieland đến nói chuyện. Họ đưa các văn nhân khác đến cùng. Napoléon nói, đặc biệt với Wieland, về hai chủ đề yêu thích của mình là lịch sử và Tacitus:

“Một vở bi kịch hay phải được xem như trường học giá trị nhất cho những con người xuất chúng. Nhìn từ góc độ nào đó, nó còn cao hơn cả lịch sử. Cuốn lịch sử tốt nhất cũng tạo ra rất ít tác động. Khi chỉ có một mình, con người ít bị ảnh hưởng; khi tập hợp cùng nhau họ tiếp nhận những ấn tượng mạnh mẽ hơn và lâu bền hơn.”

“Ta bảo đảm với các ông rằng sử gia Tacitus, người các ông luôn trích dẫn, chưa bao giờ dạy ta điều gì cả. Liệu các ông có thể tìm thấy một kẻ phỉ báng nhân loại nào vĩ đại hơn, và đôi khi bất công hơn không? Trong những hành động đơn giản nhất ông ta cũng tìm ra những động cơ tội ác; ông khiến cho các hoàng đế trở thành những kẻ xấu xa hung ác nhất... Những cuốn sử biên niên của ông ta không phải là lịch sử của Đế quốc mà là bản tóm tắt về những hồ sơ nhà tù La Mã. Chúng luôn đề cập những chuyện buộc tội, kết án, và những kẻ cắt đứt tĩnh mạch của mình trong bồn tắm... Thật là một phong cách phức tạp! Thật là tối tăm!... Ta nói đúng không, ông Wieland? Nhưng... chúng ta không đến đây để nói về Tacitus. Hãy nhìn xem Sa hoàng Aleksandr khiêu vũ đẹp biết bao.”³²

Wieland không nao núng. Ông can đảm và lịch sự bên vực Tacitus. Ông nhấn mạnh, “Suetonius và Dio Cassius kể về

tội ác còn nhiều hơn Tacitus nhưng với một văn phong không có chút nghị lực, trong khi không gì mãnh liệt hơn ngòi bút của Tacitus”. Và, cả gan ám chỉ đến Napoléon: “Qua dấu hiệu thiên tài của ông ta, chúng ta có thể tin rằng ông ta chỉ yêu chế độ cộng hòa... Nhưng khi ông ta nói về các hoàng đế vốn đã hòa giải rất tài tình... [hai vấn đề] Đế quốc và tự do, người ta cảm thấy đối với ông ta thuật cai trị là phát minh đẹp đẽ nhất trên đời ... Thưa ngài, nếu nói về Tacitus quả thật rằng, những bạo chúa bị trừng phạt khi ông ta khắc họa con người họ, thì hãy còn thật hơn nữa khi nói rằng những vị vua tốt đã được tưởng thưởng khi ông ta mô tả hình ảnh của họ và trao tặng cho họ niềm vinh quang về sau”.



Hình 22: *Christoph Martin Wieland* (Ferdinand Jagemann, 1805)

Cử tọa đang lắng nghe lấy làm thích thú với lời đối đáp mạnh mẽ này và Napoléon thấy hơi lúng túng. “Ta đang tranh luận với một đối thủ quá mạnh, Ông Wieland à, và ông không bỏ lỡ lợi thế nào của mình cả... Ta không thích nói ta đã bị đánh bại;... Ta khó thừa nhận điều này. Mai ta sẽ trở lại Erfurt và chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận.”³³ Chúng ta không được biết gì về cuộc gặp gỡ sau đó.

Ngày 7 tháng Mười phần lớn các vị khách quay lại Erfurt. Napoléon thúc giục Goethe đến Paris sống; “tại đây ông sẽ có được phạm vi rộng lớn hơn cho óc quan sát của ông,... vô số chất liệu cho những sáng tạo thi ca của ông”³⁴. Ngày 14 tháng Mười Hoàng đế ban cho Goethe và Wieland Huân chương Bắc đẩu Bội tinh (Ordre national de la Légion d’honneur).

Trong khi ấy, các vị Bộ trưởng Ngoại giao của hai nước hàng Liệt cường này đã soạn thảo bản thỏa thuận tái xác nhận những mối liên minh của họ, và cam kết giúp đỡ lẫn nhau trong trường hợp một trong hai nước bị tấn công. Aleksandr sẽ được để tự do xâm chiếm Walachei và Moldova, nhưng không có Thổ Nhĩ Kỳ; Napoléon được tiếp tục thực hiện các chiến dịch ở Tây Ban Nha với sự tán đồng của Sa hoàng. Ngày 12 tháng Mười các văn bản được ký kết. Hai ngày sau, các vị Hoàng đế rời Erfurt; họ cưỡi ngựa đi bên nhau một đoạn; trước khi chia tay họ ôm hôn nhau và hứa sẽ gặp lại (Nhưng họ đã không gặp lại). Napoléon trở về Paris lòng ít lạc quan hơn trước, nhưng quyết tâm dẫn Đại quân của ông sang Tây Ban Nha và đặt người anh Joseph của mình ngồi lại trên ngai vàng không ai chào đón.

IV. Chiến tranh bán đảo: Phần II (29.10.1808 – 16.11.1809)

Đây là chiến dịch tiêu biểu của Napoléon: nhanh chóng, thắng lợi, và phù phiếm. Hoàng đế đã cảm thấy sự chống đối ngày

càng tăng của dân chúng Pháp đối với chuỗi bất tận những cuộc chiến tranh của ông. Họ đã đồng ý với ông là những cuộc chiến tại mặt trận phía đông được gây nên bởi những chính phủ âm mưu tiêu diệt cuộc Cách mạng; nhưng họ cảm thấy đang bị chảy máu, và đặc biệt oán hận sự phung phí xương máu ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Ông hiểu được cảm giác ấy, và lo sợ không còn nắm được đất nước, nhưng (như ông biện luận khi hồi tưởng lại) “không thể nào để Bán đảo [Iberia] biến thành miếng mồi cho những mưu đồ của người Anh, những cuộc vận động ngầm, những hy vọng và đòi hỏi của dòng họ Bourbon”³⁵. Trừ khi Tây Ban Nha được buộc chặt một cách an toàn vào nước Pháp, nó sẽ bị phó mặc cho sự định đoạt của những đạo quân Anh băng qua Bồ Đào Nha hoặc Cadiz đến. Chẳng mấy chốc nước Anh sẽ thu tóm vàng bạc từ các thuộc địa của Bồ Đào Nha hoặc Tây Ban Nha ở châu Mỹ, và đổ vào các khoản tài trợ cho một liên minh mới chống lại nước Pháp. Sẽ còn cần thêm nhiều trận Marengo, Austerlitz, Jena,... Chỉ mỗi sự phong tỏa chặt chẽ vùng biên giới đối với các hàng hóa Anh mới khiến các thương gia ở London đàm phán hòa bình.

Để lại một số pháo đài với quân đồn trú nhằm đề phòng quân Áo hoặc Phổ tấn công bất ngờ, Napoléon ra lệnh cho 150.000 người thuộc Đại quân băng qua dãy Pyrénées và nhập chung với 65.000 quân Joseph đã tập hợp tại Vitoria. Chính ông cũng rời Paris cùng kế hoạch đã được chuẩn bị sẵn cho chiến dịch. Quân Tây Ban Nha đang cố bao vây các binh lính của Joseph; Napoléon gửi các chỉ thị cho anh mình nên tránh giao chiến, và để quân địch tiến lên dần trải mỏng theo vòng bán nguyệt. Khi đến gần Vitoria, Hoàng đế triển khai một phần lực lượng của mình tấn công vào trung tâm quân Tây Ban Nha khiến nó tan vỡ và bỏ chạy. Một sư đoàn quân Pháp khác chiếm lấy Burgos (10 tháng Mười một); những sư đoàn khác, dưới quyền chỉ huy của Ney và Lannes, áp đảo một đội quân Tây Ban Nha dưới quyền của José de Palafox y

Melzi ở Tudela. Nhận thấy các binh sĩ và tướng lĩnh của mình không thể đương đầu với Đại quân của Napoléon, quân Tây Ban Nha lại phân tán về các tỉnh, và ngày 4 tháng Mười hai Hoàng đế tiến vào Madrid. Khi vài binh sĩ của ông bắt đầu cướp phá, ông ra lệnh hành quyết công khai hai người trong bọn họ; việc cướp bóc ngưng hẳn³⁶.

Để lại thành phố dưới quyền một đơn vị đồn trú hùng hậu và tình trạng thiết quân luật, Napoléon hạ trại cách đó gần 5 km ở Chamartín. Từ đây, như một vị thần đang sáng tạo thế giới, ông ban hành (ngày 4 tháng Mười hai) một loạt các sắc lệnh, kể cả một bản hiến pháp cho Tây Ban Nha. Một số điều khoản trong đó cho thấy ông hãy còn là “Đứa con của Cách mạng”:

Kể từ ngày ban hành sắc lệnh này, các quyền phong kiến ở Tây Ban Nha bị thủ tiêu. Tất cả các nghĩa vụ, tất cả các đặc quyền, tất cả các độc quyền... đều bị bãi bỏ. Bất cứ ai tuân thủ theo pháp luật đều được tự do phát triển nghề nghiệp kinh doanh của mình không hạn chế.

Tôn giáo pháp đình bị bãi bỏ, vì nó không phù hợp với quyền lực và chủ quyền của nhân dân. Tài sản của pháp đình sẽ bị tịch thu và sung vào công quỹ của nhà nước Tây Ban Nha, dùng làm vật bảo đảm cho công trái...

Xét rằng các thành viên của nhiều dòng tu khác nhau đã gia tăng tới mức độ thái quá... các cơ sở tôn giáo tại Tây Ban Nha sẽ được giảm còn 1/3 số lượng hiện nay... bằng cách hợp nhất các thành viên của nhiều cơ sở thuộc cùng một dòng tu... Xét thực tế rằng, thể chế gây cản trở nhiều nhất cho sự thịnh vượng trong nước Tây Ban Nha là những ranh giới thuế quan ngăn cách các tỉnh... hàng rào giữa các tỉnh sẽ bị bãi bỏ³⁷.

Chỉ có việc làm chủ tình hình thiết quân luật mới có thể thi hành một bản hiến pháp như vậy đối với sự chống đối tích cực của giới quý tộc ngoan cố, giới tăng tu viện, và một khối dân chúng mà thời gian đã tập cho quen với quyền lãnh đạo

phong kiến và một tín ngưỡng có tác dụng an ủi. Và việc làm chủ như vậy thật mong manh. Wellesley hãy còn chiến thắng ở Bồ Đào Nha, và có thể xâm lăng Tây Ban Nha ngay khi Đại quân bị gọi về đương đầu với nước Áo đang thách thức. Ngoài ra, một đạo quân 20.000 người của Anh do Sir John Moore chỉ huy đã rời Salamanca vào ngày 13 tháng Mười hai và bắt đầu tiến về phía đông bắc nhằm áp đảo sư đoàn của Soult ở gần Burgos. Phản ứng nhanh chóng trước thách thức này, Napoléon dẫn một lực lượng Pháp đáng kể tiến theo hướng bắc qua rừng Sierra de Guadarrama với hy vọng tấn công từ phía sau vào đội hình hàng dọc của Moore. Cuối cùng giờ đây ông sẽ dùng mưu lược và binh lính của mình đối chọi với bọn người Anh cho tới giờ vẫn được biển cả bảo vệ. Lối đi qua đèo Guadarrama vào giữa mùa đông là thách thức đối với quân lính của ông vì nó vất vả, gian khổ hơn nhiều so với chuyển vượt dãy Alpes năm 1800. Họ đau khổ và cầu nhau, gần muốn nổi loạn, nhưng Napoléon sẽ không từ bỏ cuộc săn đuổi. Khi được biết Napoléon đang tiến đến, và do sợ bị mắc kẹt giữa hai đạo quân Pháp, Moore đã chuyển đoàn quân của mình sang hướng tây và hành quân vội vã suốt 400km trên vùng đất gập ghềnh đầy tuyết phủ tiến về La Coruña,ⁱ nơi họ có thể được một hạm đội Anh che chở.

Ngày 2.1.1809, Napoléon gần đuổi kịp họ tại Astorga. Nhưng ở đây ông bị chặn lại bởi những tin đáng ngại từ hai nguồn: Tại Áo, Quốc công Karl Ludwig đang tích cực chuẩn bị cho chiến tranh; tại Paris, Talleyrand và Fouché đang giúp sức cho một kế hoạch thay thế Napoléon bằng Murat. Hoàng đế giao lại việc truy đuổi Moore cho Soult, vội vã quay về Pháp. Soult, thấy chủ soái ra đi, đã chậm bước tiến và khi đến được La Coruña thì phần lớn quân Anh đã lên tàu. Moore đã anh dũng chỉ huy đội quân tập hậu để bảo vệ những giai đoạn cuối của việc lên tàu. Ông bị thương nặng, nhưng không chết cho đến

ⁱ Anh, Corunna.

khi việc lên tàu hoàn tất. “Giá như ta có thời gian đuổi theo bọn Anh”, Napoléon than thở, “thì sẽ không một tên nào của chúng thoát được”³⁸. Chúng không chỉ thoát được; chúng còn quay trở lại.

V. Fouché, Talleyrand, và nước Áo: 1809

Khi về đến Paris (ngày 23 tháng Một), Napoléon phát hiện nhiều âm mưu đang được trù tính giữa bầu không khí bất mãn của công chúng. Những lá thư của binh sĩ ngoài mặt trận đã tiết lộ cho hàng trăm gia đình Pháp biết sự kháng cự của người Tây Ban Nha đang được tái lập và rất kiên quyết, và rằng Wellesley, với lực lượng được tăng viện, sắp đến để loại Joseph khỏi Madrid. Rõ ràng là chiến tranh sẽ tiếp tục, và những chàng trai Pháp sẽ bị gọi nhập ngũ năm này qua năm khác để áp đặt lên người Tây Ban Nha một chính phủ thù địch với Giáo hội hùng mạnh của họ, và xa lạ với niềm kiêu hãnh và huyết thống của họ. Mặc cho những hành động vô về của Napoléon, những người bảo hoàng Pháp đã tiếp tục các âm mưu nhằm lật đổ ông; sáu người âm mưu như vậy đã bị bắt và xử bắn trong năm 1808. Một người khác, Armand de Chateaubriand, đã bị hành quyết vào tháng Hai năm 1809, dù những lời nài xin của em họ ông ta là René, vốn đang là cây bút được tán thưởng nhất nước Pháp. Nhiều người Jacobin cũng âm mưu lật đổ vì những lý do đối nghịch nhau. Ngay ở nội các để chế sự bất bình đối với Napoléon cũng gia tăng: Fontanes kín đáo biểu lộ, còn Decrès công khai: “Hoàng đế điên rồi; ông ta sẽ khiến cho bản thân và tất cả chúng ta tiêu tùng.”³⁹

Fouché, Bộ trưởng Cảnh sát, được Napoléon khen ngợi vì đã phát hiện được các âm mưu ám sát, nhưng càng ngày ông ta càng hoài nghi các chính sách của ông chủ mình, và tương lai của chính ông ta trong trường hợp sụp đổ không sao tránh khỏi. Ông cảm thấy sớm muộn gì các Chính phủ Áo và Phổ – vốn bại trận nhưng vẫn đầy kiêu hãnh – cùng chính

phủ vờ thân Pháp ở Nga sẽ liên kết lại, hợp cùng với vàng của Anh, để cung cấp người cho một nỗ lực khác nhằm chống lại sự thống trị khó chịu của nước Pháp. Ngoài ra, trong những trận đánh sắp tới Napoléon có thể mất mạng; tại sao một phát đạn nào đó lại không thể tìm đến và kết liễu ông như phát đạn đã giết chết một viên tướng đứng cạnh ông cách đây không lâu? Chẳng phải cái chết bất ngờ này, không người kế thừa, sẽ đưa nước Pháp vào cảnh hỗn loạn vốn sẽ khiến nước này ở trong tình thế không chống đỡ được những kẻ thù của mình? Có lẽ Talleyrand có thể bị thuyết phục để chuẩn bị đưa Murat ngồi lên chiếc ngai vàng bị bỏ trống trong trường hợp Napoléon bị bắt hay chết. Ngày 20.12.1808, Fouché và Talleyrand đồng ý rằng Murat là người họ đang nhắm tới, và Murat cũng nhất trí. Eugène de Beauharnais nghe phong thanh được kế hoạch này và nói lại với Mẫu hậu, và người mẹ chuyển ngay tin này cho con trai mình đang ở Tây Ban Nha⁴⁰.

Napoléon có thể sẵn lòng tha thứ cho Fouché hơn là Talleyrand. Lời khuyên của Fouché thường cứu mạng ông, nhưng Talleyrand đã khuyên ông hành quyết Công tước d'Enghien và chiếm đoạt Tây Ban Nha, và có lẽ đã dự phần trách nhiệm làm gia tăng sự lạnh lùng của Aleksandr. Ngày 24.1.1809, khi gặp Talleyrand ở Tham chính Viện, Napoléon đã tuôn ra cơn giận che giấu từ lâu của mình trong những lời mắng mỏ dữ dội công khai: “Ông à, ông đã dám cho rằng mình không biết gì về cái chết của Enghien; ông đã dám cho rằng mình không biết chút gì về cuộc chiến Tây Ban Nha!... Chẳng lẽ ông đã quên chính ông đã khuyên ta bằng giấy trắng mực đen nên hành quyết Enghien? Chẳng lẽ ông đã quên chính ông đã viết thư khuyên ta nên phục hồi chính sách của Louis XIV [tức là đưa gia đình của mình lên ngai vàng Tây Ban Nha]?”. Rồi, khua nắm đấm của mình ra trước mặt Talleyrand, Napoléon la lên: “Hãy biết điều này: nếu một cuộc cách mạng nổ ra, thì không cần biết ông đóng vai trò nào trong đó, ông cũng sẽ là kẻ đầu tiên bị nghiền nát!... Ông là

đồ phân thối mang vớ lụa”. Nói xong, Hoàng đế vội vã rời phòng. Talleyrand, đi khắp khiêng sau ông, nhận xét với các ủy viên của Hội đồng, “Thật đáng thương cho một con người quá vĩ đại lại có cách cư xử tệ hại như vậy!”⁴¹. Qua ngày hôm sau, Napoléon bãi bỏ chức vụ đại thị thần cùng tiền lương của Talleyrand. Chẳng bao lâu sau, như thói quen, ông lấy làm tiếc cho cơn nóng giận của mình, và không phản đối việc Talleyrand tiếp tục có mặt ở triều đình. Đến năm 1812 ông vẫn còn nói, “Ông ta là bộ trưởng tài năng nhất ta từng có”⁴². Talleyrand không để lỡ cơ hội nào nhằm đẩy nhanh sự sụp đổ của Napoléon.

Nước Áo cũng đang làm phần việc của mình. Toàn thể đất nước, từ người giàu đến người nghèo, dường như khát khao nỗ lực giải phóng mình khỏi nền hòa bình khắc nghiệt Napoléon áp đặt lên họ. Chỉ có Hoàng đế Franz I là do dự, phản đối rằng việc dành riêng tiền bạc để lo cho quân đội sẽ làm đất nước phá sản. Talleyrand gửi đến những lời khích lệ: Đại quân đang bị sa lầy ở Tây Ban Nha, công luận Pháp mạnh mẽ chống đối chiến tranh, địa vị của Napoléon đang rất mong manh.⁴³ Metternich, cho đến nay hãy còn do dự, lập luận rằng đã đến lúc Áo nên tấn công. Napoléon cảnh báo nước Áo nếu họ tiếp tục vũ trang, ông sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tuyển mộ một đạo quân bằng bất cứ giá nào. Người Áo tiếp tục vũ trang. Napoléon kêu gọi Aleksandr hãy cảnh báo họ. Sa hoàng gửi họ lời cảnh báo, vốn có thể được hiểu là lời khuyên kêu họ hoãn lại. Napoléon triệu tập hai sư đoàn từ Tây Ban Nha, huy động 100.000 lính nghĩa vụ, ra lệnh và nhận được 100.000 lính từ Liên bang sông Rhein, vốn lo sợ cho sự sống còn của mình nếu Áo thắng Pháp. Đến tháng Tư năm 1809, Napoléon có được 310.000 quân trong tay mình. Một lực lượng riêng gồm 72.000 quân Pháp và 20.000 quân Ý được tổ chức để bảo vệ Phó vương Eugène chống lại một đạo quân Áo được gửi qua Ý dưới quyền của Quốc công Johann. Ngày 9 tháng Tư, Quốc công Karl Ludwig xâm chiếm

Bayern với 200.000 quân. Ngày 12 tháng Tư, Anh ký thoả thuận liên minh mới với Áo, cam kết những khoản viện trợ mới. Ngày 13 tháng Tư, Napoléon rời Paris đi Strassbourg, sau khi nói với các cận thần lo lắng trong cung điện, “Trong hai tháng ta sẽ buộc nước Áo phải giải giới”. Ngày 17 tháng Tư, ông đến được nơi đạo quân chính của mình đang đóng ở Donauwörth trên bờ sông Danubiusⁱ và ban những mệnh lệnh cuối cùng để triển khai quân lực.



Hình 23: Thống chế Lannes (Julie Volpelière, 1834)

ⁱ Anh, Pháp, Danube.

Quân Pháp thắng vài trận nhỏ ở Abensberg và Landshut (19 và 20 tháng Tư). Tại Eckmühl (ngày 22 tháng Tư) Thống chế Davout dẫn đầu một cuộc tấn công mãnh liệt vào cánh trái của Quốc công Karl Ludwig trong khi các sư đoàn của chính Napoléon đột kích vào trung tâm. Sau khi mất 30.000 quân, Karl rút lui vào Bohemia. Napoléon tiến thẳng đến Wien, vào thành phố này ngày 12 tháng Năm sau một trận đánh giành lối vượt qua hữu ngạn sông Danubius đầy khó khăn và anh dũng, ở nơi rộng 1km. Trong lúc ấy Karl tổ chức lại các lực lượng mình và dẫn họ trở lại phía tả ngạn của con sông ở Essling. Napoléon cố vượt qua con sông lần nữa, hy vọng đánh bại vị Quốc công đó trong một trận quyết định. Nhưng sông Danubius vào mùa nước lũ đang dâng, cuốn phăng những chiếc cầu chính; một phần đạo quân Pháp và phần lớn đạn dược phải bị bỏ lại phía sau; và ngày 22 tháng Năm 60.000 quân của Napoléon thấy mình phải chống lại 115.000 quân Áo. Sau khi mất 20.000 quân – kể cả Lannes yêu quý – Hoàng đế ra lệnh cho 40.000 quân còn lại vượt sông Danubius lần nữa bằng mọi cách. Quân Áo mất 23.000 người, nhưng cuộc đổ sức được khắp châu Âu nhìn nhận là một thảm bại đối với Napoléon. Phổ và Nga nhìn diễn biến một cách hăm hở, sẵn sàng, trước bất cứ khích lệ nào thêm nữa, sẽ đâm bổ vào kẻ hãnh tiến hay gây rắc rối đã xống khỏi tay các vị chúa tể phong kiến quá lâu.

Tại Ý số phận của Phó vương Eugène đang đưa theo cán cân của các sự kiện. Căn cứ Milano của ông, mặc dù được ông cai trị một cách nhân từ, đã trở nên bất an do bất mãn ngày càng tăng của dân chúng đối với cách Napoléon đối xử với Giáo hoàng. Eugène dẫn đạo quân của mình đối đầu với Quốc công Johann trong tâm trạng lo lắng rất nhiều. Ông bị đánh bại ở Tagliamento ngày 16 tháng Tư, và tình hình có lẽ còn tệ hơn nữa đối với ông nếu như Johann, khi nghe tin Napoléon chiến thắng ở Eckmühl, đã không quay về trong hy vọng hảo huyền nhằm cứu Wien. Eugène, đánh liều khả năng có thể

mất nước Ý khi tặng viện cho cha nuôi của mình, cũng di chuyển về hướng bắc, và kịp gặp Napoléon đúng lúc để cùng tham gia trận Wagram.

Sau khi bị đẩy lùi ở Essling, Napoléon, được tăng viện quân lính và đạn pháo, cho xây những chiếc cầu mới qua sông Danubius và đảo Lobay vốn là một trại lính và kho vũ khí được phòng thủ kiên cố, nằm trên sông chỉ cách tả ngạn 110m. Thấy bị quân số đối phương áp đảo, Karl Ludwig lui về phía bắc. Napoléon đuổi theo, và tại Wagram 187.000 quân Pháp và đồng minh giao chiến với 136.000 quân Áo và đồng minh trong một trận đánh vào loại đẫm máu nhất lịch sử. Quân Áo chiến đấu dũng cảm, và đôi lúc như nắm được phần thắng, nhưng ưu thế về con người và chiến thuật của Napoléon đã đảo ngược tình hình, và sau hai ngày (ngày 5 và 6 tháng Bảy năm 1809) tranh nhau giết chóc, Kart bị mất 50.000 quân và phải hạ lệnh rút quân. Napoléon mất 34.000 quân, nhưng ông còn 153.000, trong khi Karl chỉ còn 86.000 quân; tỷ lệ giờ đây là hai chọi một. Vị Quốc công chán nản xin hưu chiến, và Napoléon vui lòng chấp nhận.

Ông nghỉ lại ở cung điện Schönbrunn cùng Bà Walewska, và vui sướng hay tin nàng đã mang thai; giờ đây ai có thể nói là do lỗi của ông mà Joséphine không thể sinh cho ông một đứa con? Người chồng già của Marie đủ lịch sự nên tha thứ hết cho lỗi ngoại tình trứ danh của nàng; ông mời nàng về lại điền trang của ông ở Ba Lan, và sửa soạn nhìn nhận đứa bé là con của ông⁴⁴.

Những cuộc hòa đàm kéo dài đưa đến ba tháng, một phần vì Karl Ludwig không thể thuyết phục người anh của mình là Franz I rằng không thể tổ chức kháng cự thêm nữa, và một phần vì Hoàng đế Franz hy vọng Phổ và Nga sẽ sang giúp ông. Napoléon giúp Aleksandr chống lại lời kêu gọi bằng cách chia cho ông một phần xứ Galicia, và hứa không phục hồi vương quốc Ba Lan. Ngày 1 tháng Chín Sa hoàng thông báo cho Áo rằng ông không sẵn sàng cắt đứt quan hệ với

Pháp. Các nhà thương thuyết Áo vẫn từ chối thoả thuận cho đến khi Napoléon đưa ra một tối hậu thư. Ngày 14 tháng Mười họ ký Hiệp ước Schönbrunn, theo những điều kiện do Pháp đưa ra trong cung điện của những kẻ thù xưa cũ thuộc dòng họ Habsburg của họ. Nước Áo phải nhường lại Innviertel và Salzburg cho xứ Bayern mà họ thường xâm lấn. Một phần xứ Galicia thuộc về Nga, một phần thuộc về Đại công quốc Warsawa như hành động hoàn trả một phần lãnh thổ Áo đã chiếm trong cuộc phân chia Ba Lan. Fiume, Istria, Trieste, Venezia, một phần của Croatia, phần lớn Carinthia và Carniola bị Pháp chiếm. Tính tổng cộng nước Áo mất đi 3,5 triệu người đóng thuế, và phải trả khoản bồi thường 85 triệu franc. Napoléon lấy tất cả khoản này như quyền được hưởng, và sáu tháng sau ông còn thu được một chiến lợi phẩm hay hơn nữa bằng cách lấy một Nữ Quốc công Áo làm vợ.

VI. Hôn nhân và chính trị: 1809–1811

Ông rời Wien ngày 15.10.1809 và về đến Fontainebleau ngày 26. Ông giải thích cho bà con thân thuộc và các thành viên hội đồng về quyết định ly dị của ông. Họ hầu như nhất trí tán thành, nhưng phải đợi đến ngày 30 tháng Mười một ông mới thu hết can đảm tiết lộ ý định của mình với Joséphine. Mặc dù những cuộc giải khuây ngoài hôn nhân của mình, mà dường như đối với ông là một đặc quyền hợp pháp của một chiến binh phiêu bạt, ông vẫn còn yêu nàng, và việc cắt đứt quan hệ khiến ông khổ tâm suốt hàng tháng trời.

Ông biết những lỗi lầm của nàng – cung cách lười nhác uể oải, lối trang điểm ung dung thông thả, tính tiêu pha phung phí của nàng cho y phục và trang sức, việc không từ chối được những người bán mĩ và trang phục khi họ đến phô bày với nàng những món hàng. “Cô ta mua tất cả những gì được mang đến, và không quan tâm tới giá cả”⁴⁵. Những món nợ của nàng thường xuyên lên tới mức khiến người

chồng phải nổi cơn quất tháo; ông đuổi những bà bán hàng ra khỏi phòng nàng, trách mắng nàng, và trả nợ cho nàng. Ông cấp cho nàng 600.000 franc mỗi năm để chi dùng cá nhân, cộng thêm 120.000 franc để dùng vào việc từ thiện, vì ông biết nàng là người rất hứng thú với việc bố thí⁴⁶. Ông nuông chiều lòng ham mê kim cương của nàng, có lẽ vì chúng làm nàng thêm quyến rũ dù đã ở tuổi 42. Người nàng toàn là cảm xúc chứ không có trí tuệ, ngoại trừ sự khôn ngoan tạo hóa phú cho người đàn bà để điều khiển đàn ông. “Joséphine”, ông bảo nàng, “em có con tim ưu hạng và cái đầu kém cỏi”⁴⁷. Ông ít khi để nàng nói về chính trị, và khi nàng cứ khăng khăng thì ông chóng quên những quan điểm của nàng. Nhưng ông cảm ơn



Hình 24: *Joséphine trong phòng khách của mình ở Malmaison*
(François Gérard, 1801)

vì hơi ẩm đầy nhục cảm từ những cái ôm của nàng, vì “sự ngọt ngào bất tận của tâm tính nàng”⁴⁸, và vì vẻ khiêm tốn và duyên dáng của nàng trong lúc thực hiện nhiều chức năng của một hoàng hậu. Nàng yêu ông còn hơn cả sùng bái thần tượng, và ông yêu nàng vì thế. Khi Phu nhân de Staël buộc tội ông không thích phụ nữ, ông trả lời đơn giản, “Tôi yêu vợ tôi”⁴⁹. Antoine Arnault lấy làm kinh ngạc trước “việc nàng Créole dịu dàng và lười biếng nhất lại khống chế được người đàn ông bướng bỉnh và bạo ngược nhất. Tính quả quyết của ông từng khiến cho mọi người đàn ông phải run sợ, đã không thể cưỡng lại những giọt nước mắt của một người đàn bà”⁵⁰. Như Napoléon từng nói ở St. Helena, “Ta thường phải nhượng bộ”⁵¹.

Từ lâu nàng biết ông mong mỗi một đứa con nối dõi cùng huyết thống như là người thừa kế hợp pháp và được công nhận của triều đại ông; nàng biết ông lo sợ nếu không có sự chuyển giao quyền hành theo truyền thống như vậy, việc ông bị bắt, bị chết, hoặc đau nặng sẽ dẫn đến cảnh tượng tranh giành của các phe phái và các tướng lĩnh hòng chiếm đoạt cho được quyền tối cao, và rằng trong bối cảnh hỗn loạn phát sinh từ chuyện này, nước Pháp hùng cường, thịnh vượng và trật tự mà ông đã xây dựng có thể tan rã thành một tình trạng khủng bố khác – trắng hoặc đỏ – mà ông từng cứu vãn vào năm 1799.

Khi cuối cùng ông bảo nàng là họ phải chia tay, nàng đã ngắt đi, đủ thành thật để bất tỉnh trong nhiều phút. Napoléon bế nàng về phòng, cho gọi bác sĩ của mình, Jean-Nicolas Corvisart des Marets, và nhờ Hortense giúp an ủi nàng. Suốt một tuần Joséphine không chịu đồng ý; rồi vào ngày 7 tháng Mười hai, Eugène từ Ý về và thuyết phục nàng. Napoléon dỗ dành nàng bằng đủ kiểu ân cần. “Anh sẽ luôn yêu em”, ông bảo nàng, “nhưng chính trị vốn vô tâm; nó chỉ có một cái đầu”⁵². Nàng sẽ có đầy đủ tước hiệu cho tòa lâu đài và đất đai ở Malmaison, tước hiệu Hoàng hậu, và một khoản trợ cấp

hàng năm hậu hĩnh. Ông bảo đảm các con của nàng rằng ông sẽ là người cha thân yêu của chúng cho đến cuối đời.

Ngày 16 tháng Mười hai, sau khi nghe các yêu cầu của Hoàng đế và Hoàng hậu về việc huỷ bỏ cuộc hôn nhân của họ, Thượng viện đã ban bố bản án cho phép ly dị, và ngày 12 tháng Một, đức Tổng Giám mục giáo phận Paris công bố tiêu hôn (annulment) cho hai người. Nhiều giáo dân Công giáo đặt nghi vấn liệu việc tiêu hôn đó có hợp quy tắc giáo hội không; phần lớn dân chúng Pháp không tán đồng việc ly thân này, và nhiều người tiên đoán rằng kể từ lúc này vận may vốn thường theo Napoléon sẽ tìm đến những người khác mà nó ưa thích⁵³.

Sau khi chính trị vượt lên trên tình yêu, Napoléon tiếp tục tìm một người bạn đời không những sẽ hứa hẹn làm mẹ, mà còn mang về cùng với nàng một số quan hệ trên bình diện đế chế có ích cho an ninh của nước Pháp và triều đại ông. Ngày 22 tháng Mười một (tám ngày trước khi yêu cầu Joséphine chấp thuận ly dị), Napoléon chỉ thị cho Caulaincourt, đại sứ của ông tại Sankt-Peterburg, trình lời cầu hôn chính thức lên Aleksandr để hỏi cưới người em gái 16 tuổi Anna Pavlova. Sa hoàng biết mẹ của ông, người từng gọi Napoléon là “tên vô thần ấy”, sẽ không bao giờ chấp thuận cuộc hôn nhân như vậy, nhưng ông trì hoãn trả lời, hy vọng có được một vài nhượng bộ về lãnh thổ ở Ba Lan như một vật trao đổi. Sốt ruột với những vụ thương thảo, và sợ bị từ chối, Napoléon nhẹ nhàng gợi ý với Metternich rằng nước Áo sẽ được lợi với lời cầu hôn dành cho Nữ Quốc công Maria Ludovica. Cambacérès phản đối kế hoạch, tiên đoán rằng nó sẽ chấm dứt mối liên minh với Nga và dẫn đến chiến tranh⁵⁴.

Maria Ludovica, lúc ấy 18 tuổi, không xinh, nhưng mắt xanh, má hồng, tóc màu hạt dẻ, tính tình ôn hòa và sở thích giản dị của nàng rất hợp với những nhu cầu của Napoléon; mọi dấu hiệu đều bảo đảm cho tình trạng trinh tiết hiện tại và khả năng sinh sản tương lai của nàng. Nàng tiếp thu một nền



Hình 25: Marie-Louise, người vợ thứ hai của Napoléon, Hoàng hậu Pháp
(Jean-Baptiste Isabey, 1810)

giáo dục đáng kể, biết nhiều thứ tiếng, có thuần thực môn âm nhạc và hội họa. Từ lúc bé nàng đã được dạy để căm ghét kẻ cầu hôn mình như là người đàn ông xấu xa nhất châu Âu, nhưng cũng biết rằng một nàng công chúa là một món hàng

chính trị, sở thích của nàng về đàn ông phải phụ thuộc vào lợi ích quốc gia. Sau rốt, con quái vật khét tiếng trứ danh này hẳn sẽ là sự thay đổi đầy hứng khởi đối với cuộc sống đều đặn nhàm chán của một cô gái bị canh giữ và đang mong ước một thế giới rộng lớn hơn.

Do đó, ngày 11.3.1810 tại Wien nàng chính thức kết hôn với chàng Napoléon, người lúc ấy vắng mặt và được Thống chế Berthier đại diện. Lập lại đám rước cô dâu Marie Antoinette năm 1770, nàng đi cùng 83 cỗ xe nhiều loại qua 15 ngày đêm long trọng đến Compiègne ngày 27 tháng Ba. Napoléon đã dàn xếp để gặp nàng ở đấy, nhưng – hoặc vì hiếu kỳ hoặc vì lịch sự – ông cưỡi ngựa ra đón nàng ở làng Courcelles gần đấy. Khi nhìn thấy nàng – nhưng hãy để chính ông kể lại câu chuyện:

Tôi nhanh chóng bước ra khỏi xe và hôn Maria Ludovica. Cô bé đã học thuộc lòng bài diễn văn dài và trong tư thế quỳ gối đã lập lại diễn văn đó với tôi... Tôi đã hỏi Metternich và Giám mục Nantes xem liệu tôi có thể cùng Maria Ludovica qua đêm dưới cùng một mái nhà hay không. Họ bác bỏ mọi mối do dự của tôi và bảo đảm rằng giờ đây nàng là Hoàng hậu chứ không phải Nữ Quốc công... Chỉ có cái thư viện nằm ngăn cách giữa tôi và giường ngủ của nàng. Tôi hỏi họ đã bảo nàng những gì khi nàng rời Wien. Nàng trả lời tôi rất ngây thơ rằng cha nàng và Frau Lazansky đã dặn như sau: “Ngay khi ở một mình với Hoàng đế, con phải tuyệt đối làm theo mọi điều ngài bảo. Con phải đồng ý với mọi thứ ngài yêu cầu”. Thật là một đứa trẻ thú vị.

Ông Ségur bảo tôi nên giữ khoảng cách với nàng vì vấn đề nghi thức, nhưng vì chắc chắn là tôi đã kết hôn rồi, mọi việc đều ổn thoả, và tôi bảo ông ta rút xéo đi⁵⁵.

Hai người được kết hợp bằng một đám cưới dân sự ở St.-Cloud vào ngày 1 tháng Tư, và ngày hôm sau là hôn lễ tôn giáo trong đại sảnh điện Louvre. Hầu hết các hồng y từ chối tham dự buổi lễ với lý do Giáo hoàng chưa công bố tiêu hôn giữa ông với Joséphine; Napoléon đẩy họ về các tỉnh. Về mặt

khác, ông sung sướng tràn trề. Ông nhận thấy cô dâu làm ông rất hài lòng cả về mặt nhục cảm lẫn tính hòa đồng: khiêm tốn, vâng lời, rộng lượng và tử tế. Nàng không bao giờ học cách yêu ông, nhưng nàng là một người bầu bạn vui vẻ. Là Hoàng hậu, nàng không bao giờ đạt được lòng yêu mến của dân chúng như Joséphine, nhưng nàng được chấp nhận như biểu tượng chiến thắng của nước Pháp đối với các hoàng gia thù địch ở châu Âu.

Napoléon vẫn không quên Joséphine. Ông viếng thăm nàng rất thường xuyên tại Malmaison khiến Marie bắt đầu nhần nhó, do đó ông thôi không đến nữa. Nhưng rồi ông gửi cho Joséphine những lá thư an ủi, hầu hết đều gọi nàng là “Em yêu”⁵⁶. Nàng trả lời một trong số những thư này từ Navarre, Normandie, ngày 21.4.1810:

Ngàn lời, ngàn lời cảm ơn vì đã không quên em. Con trai em vừa mới mang đến cho em lá thư của anh. Em đọc nó với biết bao tình yêu nồng cháy!... Không có lời nào trong đó không làm em khóc; nhưng những giọt nước mắt ấy rất dịu ngọt...

Em viết cho anh khi đang rời Malmaison, và đã biết bao lần sau đó em muốn viết! Nhưng em cảm nhận được những lý do im lặng của anh, và em sợ mình là kẻ quấy rầy...

Hãy hạnh phúc, hãy hạnh phúc như anh đáng được vậy; em nói điều này với cả tấm lòng. Anh cũng đã cho em phần hạnh phúc của em, và là một phần được cảm nhận rất sâu sắc... Tạm biệt, anh bạn. Và cảm ơn anh trù mến cũng như em sẽ mãi mãi yêu anh⁵⁷.

Nàng tự an ủi bằng quần áo lộng lẫy và lòng hiếu khách. Ông cấp cho nàng ba triệu franc mỗi năm; nàng tiêu bốn triệu; sau khi nàng mất vào năm 1814, một số hóa đơn cho những lần mua hàng của nàng vẫn còn đuổi theo ông đến tận đảo Elba⁵⁸. Ở Malmaison nàng sưu tập một phòng trưng bày nghệ thuật, và chiêu đãi khách khứa không cần biết đến chi phí. Những khách mời trong các buổi tiếp tân của nàng sau đó được

hoan nghênh trong các buổi tiếp tân của Napoléon. Bà Tallien – giờ đây là Công nương de Chimay đầy đà ở tuổi bốn mươi – đến, và cùng nhau nhắc lại những ngày khi họ là những bà hoàng của Hội đồng Chấp chính. Nữ Bá tước Walewska cũng đến, và cùng Joséphine thương tiếc người tình đã mất của họ.

Ông được hưởng hai năm hạnh phúc và tương đối yên bình. Hiệp ước Schönbrunn đã mở rộng vương quốc ông, làm giàu cho Ngân khố ông, và kích thích lòng ham muốn [chinh phục] của ông. Ông đã sáp nhập các lãnh địa của Giáo hoàng (17.5.1809), và phục hồi Joseph ở vị trí ngai vàng tại Madrid. Tháng Một năm 1810, Thụy Điển, một kẻ thù bấy lâu, đã ký hòa ước với Pháp, và gia nhập khối Phong tỏa lục địa. Vào tháng Sáu, sau khi khẩn nài Napoléon và được đồng ý, nước này đã chấp thuận Bernadotte làm người kế thừa đương nhiên cho ngai vàng Thụy Điển. Vào tháng Mười hai Napoléon sáp nhập Hamburg, Bremen, Lubeck, Berg, và Oldenburg vào Đế quốc Pháp. Khát vọng đóng mọi cảng khẩu trên lục địa không cho hàng hóa Anh vào đã khiến cho ông, trong mắt các kẻ thù, trở thành một kẻ chinh phục tham lam vô độ đang ngày càng mắc nợ đối với các vị thần đổ kỵ.

Ở trong nước, mọi chuyện yên ổn và thoải mái. Nước Pháp thịnh vượng và kiêu hãnh. Gợn sóng duy nhất trên dòng nước là việc thải hồi Fouché lần cuối vì tội lạm quyền. Savary kế nhiệm chức Bộ trưởng Cảnh sát, trong khi Fouché lui về ở Aix-en-Provence hòng tìm cách báo thù. Việc đối ngoại không êm xuôi lắm. Hà Lan đang nguyên rủa việc cấm vận hàng hóa Anh. Nước Ý, kiêu hãnh với chế độ Giáo hoàng, đang mất kiên nhẫn với Napoléon. Wellington đang xây dựng một đội quân ở Bồ Đào Nha để xâm lăng Tây Ban Nha. Và bên kia sông Rhein các bang của Đức dưới quyền cai trị của Bonaparte đang than phiền về cảnh áp đặt luật lệ, và chỉ chờ một vài sai lầm ngớ ngẩn nào đó của đế chế để quay lại với những ông chủ thích hợp hơn.

Dù vậy, Maria Ludovica đã có thai, và vị Hoàng đế hạnh phúc đang đếm từng ngày mong chờ đến lúc nàng khai hoa nở nhụy. Khi biến cố trọng đại này đến gần, ông dành cho nó những lễ lạc và nghi thức long trọng vốn theo truyền thống chào mừng việc hạ sinh một hoàng nhi Bourbon. Người ta thông báo rằng nếu là bé gái, Paris sẽ nghe một loạt 21 phát súng; nếu là bé trai loạt súng sẽ bắn tiếp đến phát thứ 101. Việc sinh đẻ cực kỳ đau đớn, vì thai nhi muốn bước vào đời bằng đôi chân trước tiên. Bác sĩ Corvisart nói với Napoléon rằng phải hy sinh mẹ hoặc con; ông được lệnh phải cứu người mẹ bằng mọi giá⁵⁹. Một bác sĩ khác dùng dụng cụ để xoay ngược thai nhi; trong vài phút Marie suýt chết. Cuối cùng thai nhi chịu đưa đầu ra trước; cả hai mẹ con đều sống sót (20.3.1811). 101 phát đại bác gửi thông điệp này cho Paris, vang khắp nước Pháp; và ít có ai ở châu Âu ghen tị với hạnh phúc của Hoàng đế. Toàn thể các nhà cai trị tại châu Âu gửi lời chúc mừng đến người cha yêu mến và đến vị “Vua Roma” lúc này đã được công bố⁶⁰. Giờ đây, lần đầu tiên trong sự nghiệp đời mình, Napoléon có thể cảm thấy khá vững vàng. Ông đã dựng lên một triều đại mà, trong hy vọng của ông, cũng sẽ huy hoàng và độ lượng như bất cứ triều đại nào khác trong lịch sử, và thậm chí có thể biến châu Âu thành một khối.

Chương 4

Con người Napoléon

I. Thân thể

Chúng ta không nên hình dung ông như họa sĩ Gros đã vẽ vào năm 1796 – một tay cầm cò, tay kia cầm gươm đã rút khỏi vỏ, trang phục lộng lẫy với khăn quàng sắc sỡ và huy chương trịnh trọng, mái tóc dài màu hạt dẻ tung bay trong gió, đôi mắt, đôi mi và đôi môi bất động trong vẻ cương quyết; hình ảnh này quá lý tưởng đến độ không thật. Trẻ hơn hai tuổi so với vị anh hùng 27 tuổi của mình, Gros được cho là đã nhìn thấy ông ta cầm cây cò ấy lên cây cầu ở Arcole¹, nhưng bức tranh có lẽ là sản phẩm của sự sùng bái thần tượng mãnh liệt – con người nghệ sĩ sùng bái con người hành động. Tuy vậy, hai năm sau, Guérin vẽ chân dung Napoléon chủ yếu cũng với những nét đặc trưng ấy: tóc xõa xuống trán và hai vai, lông mày nhú lại trên đôi mắt sẫm màu và cả quyết, sống mũi đi thẳng đến mục tiêu như ý chí của ông, đôi môi mím chặt biểu lộ tinh thần cương nghị. Đây cũng chỉ là một khía cạnh của con người này – quân nhân; có nhiều tâm trạng khác có thể làm dịu bớt nét mặt này, như lúc ông đùa nghịch kéo tai người thư ký, hay trong trạng thái mê ly khi được làm cha của cậu bé “Vua Roma”. Vào năm 1802 ông đã bỏ đi những lọn tóc dài², chỉ chừa lại một lọn râu xuống chiếc trán trợt. Sau tuổi 40 ông lên cân, và đôi khi dùng bụng để chống nạnh. Thường khi, nhất là lúc đi bộ, ông đan hai bàn tay ra sau lưng; điều này trở thành rất quen thuộc tới mức hầu như luôn tiết lộ ra ông trong vũ hội hóa trang. Trong suốt đời,

đôi bàn tay của ông đã lôi cuốn sự chú ý bởi vẻ hoàn hảo của làn da và những ngón tay búp măng; thật vậy, ông hoàn toàn hãnh diện về toàn bộ tứ chi của mình. Tuy nhiên, Las Cases, người vốn xem ông như một vị thần, không thể nhin cười với “đôi bàn tay xinh đẹp đến buồn cười” ấy³.

Ông thấp một cách lạ lùng đối với một vị tướng, chỉ cao tầm 1,68m⁴; uy lực hẳn phải đến từ đôi mắt. Hồng y Caprara, người thương thuyết bản Giáo ước (Concordat), đã phải mang “đôi kính màu xanh lục quá khổ” để làm dịu bớt ánh nhìn trừng trừng từ đôi mắt của Napoléon. Tướng Vandamme, sợ bị chúng thôi miên, đã thú nhận, “Con người quái quỷ ấy khiến tôi bị mê hoặc không tự lý giải được tới mức dù không sợ quỷ thần nào, tôi lại sắp run rẩy như một đứa trẻ khi đứng trước mặt ông ta, và ông ta có thể khiến tôi chui qua lỗ kim lao mình vào lửa”⁵. Nước da của Hoàng đế có màu vàng búng, nhưng tươi sáng hẳn lên nhờ những bắp thịt trên khuôn mặt vốn phản ánh nhanh chóng – nếu ông muốn – những lần biến đổi tình cảm hay ý tưởng. Cái đầu của Napoléon trông lớn so với dáng người, nhưng cân đối; vai ông rộng, ngực nở, cho thấy một thể chất mạnh mẽ. Ông ăn mặc đơn giản, để quần áo lỏng lẻo cho các thống chế của ông; chiếc mũ phức tạp của ông, trải ra như chiếc bánh quế bị gấp lại, không có vật trang trí gì khác ngoài chiếc phù hiệu ba màu.¹ Thông thường ông mặc chiếc áo màu xám khoác lên bộ đồng phục đại tá của cận vệ ông. Ông mang nơi cạp quần một hộp thuốc lá để ngửi và thỉnh thoảng dùng tới. Ông thích mặc quần ống túm xuống tới đầu gối và vớ lụa hơn là quần dài. Ông không bao giờ mang đồ trang sức, nhưng giày của ông được lót lụa và buộc bằng những chiếc khoá vàng.

i Một chiếc mũ của Napoléon đã được bán đấu giá ngày 23.4.1969 tại Paris với số tiền 30.840,6 USD⁶ [Durant].

Theo bản tin của hãng NBC ngày 17.11.2014, một chiếc mũ khác đã được mua với giá 1,9 triệu euro (2,4 triệu USD) trong một buổi bán đấu giá của nhà Osenat ở Fontainebleau ngày 16.11.2014.

Trong cách ăn mặc, cũng như trong triết lý chính trị chung quyết của mình, ông thuộc về *Ancien Régime* (Cựu chế).

Ông “chăm chút tỉ mỉ cho bản thân được sạch sẽ gọn gàng”⁷. Ông rất mê tắm nước nóng, đôi khi nấn ná trong nước đến hai tiếng đồng hồ; có lẽ ông tìm được trong đó sự thư giãn cho những căng thẳng thần kinh, đau nhức bắp thịt và một bệnh ngứa ông mắc phải hồi ở Toulon⁸. Ông xúc nước hoa trên cổ và thân mình cũng như trên mặt⁹. Ông “vô cùng chùng mực” trong việc ăn uống; pha loãng rượu vang với nước¹⁰ như những người cổ Hy Lạp; và thường chỉ mất 10 hoặc 15 phút ăn trưa. Trong các chiến dịch hành quân, ông ăn vào những lúc có dịp, và thường vội vã; đôi khi việc này dẫn tới chứng khó tiêu, và vào những lúc quan trọng nhất như ở các trận Borodino và Leipzig¹¹ ông bị táo bón; năm 1797 ông mắc thêm chứng bệnh trĩ mà ông cho là đã chữa khỏi bằng đĩa¹². “Tôi không bao giờ thấy ông bệnh”, Méneval nói, nhưng thêm: “Thỉnh thoảng ông mửa ra mật, nhưng không để lại di chứng nào... Có một thời gian ông sợ mình mắc bệnh nơi bàng quang, vì không khí rét buốt trên núi khiến ông khó tiểu; nhưng mỗi lo sợ này được thấy không có căn cứ”¹³. Tuy nhiên, có nhiều bằng chứng cho thấy vào những năm về sau trong đời, Napoléon bị mắc chứng viêm đường tiểu, thỉnh thoảng làm đau đốn và hay đi tiểu một cách bất tiện¹⁴. Những dây thần kinh quá căng thẳng của ông đôi khi (như ở Mainz năm 1806) suy sụp thành chứng co giật phần nào giống những cơn động kinh; nhưng giờ đây mọi người đồng ý là ông không mắc chứng động kinh¹⁵.

Nhưng không có sự đồng thuận về chiếc dạ dày của Hoàng đế. “Suốt đời ta”, ông bảo Las Cases ngày 16.9.1816, “ta không hề bị nhức đầu hay đau dạ dày”. Méneval làm chứng cho lời nói của ông: “Tôi không bao giờ nghe ông than phiền về việc đau dạ dày”¹⁶. Tuy nhiên, Bourrienne kể lại đã hơn một lần nhìn thấy Napoléon bị những cơn đau bao tử hành hạ, khiến “Tôi phải theo ông đến tận phòng ngủ, và thường phải đỡ ông”.

Tại Warsaw năm 1806, sau những cơn đau bụng dữ dội, ông nghĩ mình sẽ chết vì cùng căn bệnh như cha mình – bệnh ung thư bao tử¹⁷. Các bác sĩ tham gia giải phẫu tử thi của ông năm 1821 xác nhận rằng ông mắc phải một chứng bệnh, có vẻ như ung thư bao tử. Vài sinh viên còn thêm bệnh lậu và bệnh giang mai vào danh sách bị thương của ông, và cho rằng vài tác dụng phụ vẫn cứ theo ông cho đến cuối đời¹⁸.

Ông từ chối chữa bệnh bằng thuốc. Như một tướng lĩnh đã quen với cảnh các binh sĩ bị thương, ông nhìn nhận nhu cầu của việc giải phẫu; nhưng đối với thuốc men, ông nghi ngờ tác dụng phụ của chúng, và khi bị đau, ông ưa nhin ăn, chỉ uống nước lúa mạch, nước chanh, hoặc nước có chứa lá cam, tích cực tập luyện cho vã mồ hôi, và để cơ thể tự chữa. “Cho đến năm 1816”, Las Cases kể, “Hoàng đế nhớ là mình chưa hề uống thuốc”¹⁹; nhưng lúc ấy trí nhớ của Hoàng đế dễ bị ảnh hưởng bởi mong muốn lãng quên. “Bác sĩ à”, ông giải thích cho vị bác sĩ trên chiếc tàu *Northumberland* đang hướng về St. Helena, “cơ thể của chúng ta là một bộ máy hướng đến sự sống; nó được tổ chức cho mục đích ấy – bản chất nó là vậy. Hãy để cho sự sống thoải mái; hãy để cho nó tự chăm sóc; nó sẽ làm tốt hơn là nếu ông khiến nó tê liệt bằng thuốc men”²⁰. Ông không bao giờ chán việc chế giễu Corvisart – vị bác sĩ được ông yêu mến nhất – về sự vô dụng của thuốc men; cuối cùng ông đã thuyết phục bác sĩ đồng ý rằng, nhìn chung, thuốc men lợi bất cập hại²¹. Ông làm cho vị bác sĩ cuối cùng của mình là Francesco Antommarchi thích thú khi hỏi ông ta, vào ngày phán xử cuối cùng, nhóm nào trong số các tướng lĩnh và các bác sĩ sẽ chịu trách nhiệm về số người chết nhiều hơn.

Mặc cho những cơn đau, ông mang trong người nguồn năng lực tiềm tàng không hề cạn cho đến khi Moskva bốc cháy. Được bổ nhiệm phục vụ dưới quyền ông không phải là được ngồi mát ăn bát vàng, mà là một hình phạt chết từ từ; nhiều viên chức kiêu hãnh đã phải kiệt sức bỏ đi sau năm hoặc sáu năm đuổi theo Hoàng đế. Một trong những người

được ông bổ nhiệm đã tự khen mình vì không làm việc ở Paris: ở đây “tôi sẽ chết vì làm việc quá sức trước cuối tháng. Ông ta đã giết Portalis, Crétet, và gần như Treilhard, là người mạnh mẽ dẻo dai; anh ta không còn có thể đi tiểu, những người khác cũng vậy”²². Napoléon công nhận tỉ lệ tử vong cao trong số các phụ tá của mình. “Người may mắn”, ông nói, “là người trốn khỏi mắt tôi trong những nơi xa xôi ở các tỉnh”²³. Khi ông hỏi Louis-Philippe de Ségur người ta sẽ nói gì về ông sau khi ông chết, Ségur trả lời là họ sẽ bày tỏ lòng thương tiếc chung, Napoléon sửa lại: “Không có đâu; họ sẽ bảo ‘Ouf!’ (Thoát rồi!)” với tâm trạng nhẹ nhõm chung và thâm thúy²⁴.

Ông làm mình kiệt sức cũng giống như làm cho người khác; bộ máy quá mạnh đối với thân máy. Ông nhồi nhét một thế kỷ biến cố vào 20 năm vì ông nén một tuần vào trong một ngày. Ông đến văn phòng lúc 7 giờ sáng, và mong đợi thư ký luôn sẵn sàng vào bất cứ giờ nào. “Nào”, ông gọi Bourrienne, “ta làm việc thôi”²⁵. “Anh hãy có mặt ở đây lúc một giờ, hoặc bốn giờ sáng”, ông bảo Méneval, “và ta sẽ cùng làm việc”²⁶. Ông tham dự những cuộc họp của Tham chính Viện ba hay bốn ngày mỗi tuần. “Ta luôn làm việc”, ông nói với ủy viên Hội đồng là Roederer, “ta làm việc khi ăn, ta làm việc ở nhà hát, giữa đêm ta thức dậy và làm việc”.

Chúng ta có thể cho rằng những ngày làm việc liên tục và căng thẳng này sẽ bị trả giá bằng những đêm không ngủ, Bourrienne bảo đảm với chúng ta là Hoàng đế ngủ khá ngon – bảy giờ vào ban đêm, và “một giấc ngắn vào buổi chiều”²⁷. Ông khoe với Las Cases mình có thể ngủ khi nào muốn, “vào bất cứ giờ nào, tại bất cứ đâu”, khi nào ông cần nghỉ ngơi. Ông giải thích rằng ông sắp xếp nhiều công việc khác nhau trong đầu hay trong trí nhớ của mình giống như trong một chiếc tủ nhiều ngăn kéo; “Khi muốn ngưng làm một việc, ta đóng chiếc ngăn chứa đựng nó, và mở ngăn chứa một việc khác... Nếu muốn ngủ ta đóng hết mọi ngăn kéo, và trôi vào giấc ngủ không lâu sau đó”²⁸.

II. Tinh thần

Goethe cho rằng Napoléon có một tinh thần vĩ đại nhất mà thế giới từng sản sinh²⁹. Huân tước Acton cũng tán thành như vậy. Méneval, kính sợ do ở gần một quyền lực và danh tiếng như vậy, gán cho chủ nhân mình “trí tuệ cao nhất từng được ban cho một con người.”³⁰ Taine, đối thủ bền bỉ và lỗi lạc nhất chống lại việc thần tượng hóa Napoléon, lấy làm kinh ngạc về khả năng của Hoàng đế đối với công việc tinh thần căng thẳng và kéo dài; “chưa bao giờ thấy ai có bộ óc có kỷ luật và được kiểm soát như vậy”³¹. Chúng ta hãy đồng ý rằng Napoléon ở trong số những tinh thần mãnh cảm, sắc sảo, nhớ dai, và hợp logic từng thấy nơi một con người mà bản chất chủ yếu là hành động. Ông thích ký tên là “thành viên Pháp quốc Học viện,” và đã có lần bày tỏ với Laplace sự tiếc nuối của ông rằng “sức mạnh của hoàn cảnh đã đưa ông đi quá xa sự nghiệp của một nhà khoa học”³². Vào lúc ấy con người giúp nhân loại tăng sự hiểu biết có lẽ được ông xếp lên trên con người giúp nhân loại tăng quyền lựcⁱ. Tuy nhiên, ông có thể được tha thứ cho việc khinh thường những “nhà không tưởng” của Pháp quốc Học viện, vốn nhằm lẫn ý tưởng với thực tế, giải thích vũ trụ, và đề nghị khuyên ông nên cai trị nước Pháp như thế nào. Tinh thần ông có những khuyết điểm của trí tưởng tượng lãng mạn, nhưng nó cũng có sự kích thích hiện thực từ việc tiếp xúc hàng ngày với máu thịt của cuộc sống. Hoạt động trí óc bền bỉ của ông là một phần và là người tôi tớ của sự chiến đấu bền bỉ ở mức cao nhất của thuật trị nước.

Trước nhất, ông là người nhạy cảm. Ông đau khổ vì sự nhạy bén của các giác quan mình: tai ông nhận bội các âm thanh, mũi ông nhận bội các mùi vị, mắt ông xuyên thấu những bề mặt và vẻ ngoài, và loại bỏ cái ngẫu nhiên để soi thấu cái có ý nghĩa. Ông hiểu kỳ và hỏi hàng ngàn câu hỏi,

i Anatole France từng nói, “Nếu Napoléon khôn ngoan, ông ta đã sống trên gác mái và viết bốn cuốn sách”; tức là ông ta hẳn sẽ là một Spinoza khác³³ [Durant].

đọc hàng trăm cuốn sách, nghiên cứu các bản đồ và lịch sử, đi thăm các nhà máy và nông trại. Las Cases kinh ngạc vì phạm vi quan tâm của ông, tầm hiểu biết của ông về các quốc gia và các thế kỷ. Ông có một trí nhớ được làm cho bền bỉ và mang tính tuyển lọc nhờ cường độ và đặc điểm của những điều ông nhắm tới; ông biết nên quên cái gì và nên nhớ cái gì. Ông là người có kỷ luật: sự thống nhất và tôn ti của các ham muốn áp đặt một mệnh lệnh có tính sáng tỏ và chi phối lên những ý tưởng, hành động, chính sách, và chính quyền của ông. Ông đòi hỏi những người phụ tá phải có những bản báo cáo và lời khuyến nghị được làm nên không phải bằng những lời trù tượng hùng hồn và những lý tưởng tuyệt diệu, mà là những mục tiêu rõ ràng, những thông tin chứa đựng các sự kiện, những biện pháp thực tiễn, và những kết quả tính toán được; ông nghiên cứu, kiểm tra, và phân loại tài liệu này dưới ánh sáng của kinh nghiệm và những mục đích của bản thân, và đề ra những chỉ thị dứt khoát, rõ ràng. Chúng ta không thấy có chính phủ nào khác trong lịch sử hoạt động với sự chuẩn bị chỉnh tề như vậy để mang đến một nền cai trị chỉnh tề đến thế. Với Napoléon trạng thái mê cuồng của tự do phải nhường bước cho lối độc đoán của sự chỉnh tề.

Bằng cách đặt ký ức của mình vào những điều dự kiến, ông trở nên khéo léo trong việc tính toán các kết quả những phản ứng khả dĩ, và tiên đoán những kế hoạch cũng như bước đi của kẻ thù. “Tôi trầm tư rất nhiều”, ông nói. “Nếu tôi dường như xứng đáng với một tình huống nào đó, ấy là vì tôi đã suy nghĩ về vấn đề ấy rất lâu trước khi thực hiện nó... Tôi đã dự đoán những gì có thể xảy ra. Không hồn ma [*djinn*] nào bỗngưng tiết lộ cho tôi điều tôi phải làm hay nói,... ngoại trừ suy nghĩ của chính tôi”³⁴. Do đó ông đã chuẩn bị đến từng chi tiết các chiến dịch Marengo và Austerlitz, và dự kiến trước được không những kết quả mà còn thời gian mà chúng yêu cầu. Ở đỉnh cao thành đạt (năm 1807), ông vẫn có thể giữ cho các kỳ vọng của mình không làm mờ đi tầm nhìn; ông cố

dự đoán những khó khăn, những điều ngẫu nhiên, bất ngờ, và đặt kế hoạch đương đầu với chúng. “Khi tôi lập kế hoạch cho một trận đánh, không ai hèn nhát hơn tôi. Tôi phóng đại cho chính mình tất cả những điều tệ hại có thể xảy ra trong các hoàn cảnh”³⁵. Quy tắc đầu tiên của ông trong những trường hợp khẩn cấp bất ngờ là lập tức giải quyết chúng, vào bất cứ thời điểm nào trong ngày cũng như đêm. Ông thường hay chỉ thị cho Bourrienne: “Đừng đánh thức ta khi anh có tin tốt lành cần thông báo; vì không cần gì phải vội. Nhưng khi có tin xấu, hãy gọi ta dậy tức thì, vì lúc ấy không thể để mất một giây phút nào!”³⁶. Ông công nhận mặc dù đã dự kiến tất cả, ông vẫn còn bị ngạc nhiên bởi một số biến cố bất ngờ, nhưng ông tự hào có được “lòng can đảm lúc hai giờ sáng”, là lúc khả năng suy nghĩ rõ ràng còn hành động thì nhanh chóng và hiệu quả sau khi bị đánh thức bất thành linh³⁷. Ông cố đề phòng những sự ngẫu nhiên, và liên tục bảo mình rằng “từ chiến thắng đến tai họa chỉ cách một bước chân thôi”³⁸.

Tài đánh giá con người của ông cũng sắc sảo như khả năng tính toán các biến cố. Ông không tin vào vẻ bề ngoài cũng như những lời cam kết long trọng. Ông nghĩ, tính cách của một con người không hiện ra trên nét mặt cho đến lúc hần ta về già, và lời nói che đậy cũng nhiều như những gì nó tiết lộ ra. Ông không ngừng nghiên cứu chính mình, và trên cơ sở đó ông cho rằng mọi đàn ông lẫn đàn bà đều được tư lợi dẫn dắt trong các hành động và tư tưởng có ý thức của họ. Dù nhận được biết bao sự tận tụy (từ Desaix, Lannes, Méneval, Las Cases,... và từ những người lính đang lúc hấp hối vẫn kêu lên “*Vive l’Empereur!*” (Hoàng đế vạn tuế!) nhưng ông vẫn không thể hình dung được lòng tận tụy quên mình. Đằng sau mỗi lời nói hay việc làm được cân nhắc kỹ, ông nhìn thấy sức mạnh bền bỉ của cái tôi – tham vọng của con người mạnh mẽ, lòng lo sợ của con người yếu đuối, sự phù phiếm hay mưu mẹo của đàn bà. Ông lần tìm ra được mỗi đam mê chủ đạo hay chỗ bạc nhược mong manh của

mỗi người, và lợi dụng nó để uốn nắn y thuận theo mục đích phục vụ cho đế chế.

Mặc cho mọi sự nhìn xa trông rộng, ông vẫn phạm phải (theo cách chúng ta thấy được sau khi mọi chuyện đã xảy ra) hàng loạt những sai lầm khác nhau, cả trong việc xét người cũng như luận việc. Lẽ ra ông phải biết Joséphine không thể chịu nổi việc giữ mình trinh bạch trong một tháng, và Maria Ludovica không thể buộc nước Áo vào chính sách hòa bình. Ông nghĩ ông đã làm mềm lòng được Alexander ở Tilsit và Erfurt, trong khi Sa hoàng, với lời khuyên nhủ của Talleyrand, đang lừa dối ông một cách lịch sự. Ông đã sai lầm khi làm tăng thêm lòng căm thù địch của nước Anh vào năm 1802 khi liều lĩnh mở rộng quyền lực của mình sang Piemonte, Lombardia và Thụy Sĩ; sai lầm khi đặt các anh em trai lên những ngai vàng quá lớn so với bộ óc của họ; sai lầm khi cho rằng các bang của Đức trong Liên bang sông Rhein sẽ phục tùng quyền bá chủ của nước Pháp khi chúng có cơ hội tách ra; sai lầm khi công bố một tài liệu cho thấy ông đang nghĩ đến việc chinh phục Thổ Nhĩ Kỳ; sai lầm (như sau này ông thú nhận) khi lãng phí Đại quân ở Tây Ban Nha; sai lầm khi xâm lăng nước Nga mệnh mông vô tận, hoặc ở lại đó khi mùa đông đến gần. Ở trên địa vị tối cao so với bao người, ông lại bị lệ thuộc, như ông nói, vào “bản chất của các sự vật”, vào sự bất ngờ của các biến cố, những yếu điểm của bệnh tật, những sự không thích đáng của quyền lực mình. “Tôi đã nghĩ ra nhiều kế hoạch”, ông nói, “nhưng tôi không bao giờ được tự do để thực hiện lấy một cái trong số đó. Đối với tất cả những việc mà tôi cầm lái, và với bàn tay mạnh mẽ, những con sóng dội ngược còn mạnh hơn nhiều. Tôi luôn bị hoàn cảnh điều khiển”³⁹.

Và bởi óc tưởng tượng. Tâm hồn ông là bãi chiến trường giữa óc quan sát sắc sảo soi sáng cho lý trí, và những tưởng tượng sinh động che mờ nó bằng sự lãng mạn, thậm chí bằng sự mê tín; thỉnh thoảng ông phí thời giờ vào những niềm báo và lá số tử vi⁴⁰. Khi đi Ai Cập ông mang theo nhiều

sách khoa học và nhiều sách tình cảm hay tưởng tượng – *La Nouvelle Héloïse* của Rousseau, *Werther* của Goethe, “Ossian” của Macpherson⁴¹; sau này ông thú nhận đã đọc *Werther* đến bảy lần⁴²; và cuối cùng ông kết luận “trí tưởng tượng thống trị thế giới”⁴³. Bị lâm vào thế kẹt ở Ai Cập, ông tự nuôi dưỡng bằng những giấc mơ chiến thắng ở Ấn Độ; cố vật lộn thoát khỏi Syria, ông vẽ ra cho mình cuộc chinh phục thành phố Constantinople với nhóm người ít ỏi của mình, và rồi điều hành trên đường phố Wien như một Süleymanⁱ bất khả chiến bại nữa. Do quyền lực đã đẩy lùi tính thận trọng ra khỏi máu của ông, ông đã quên mất lời cảnh báo của Goethe là *Entsagen*ⁱⁱ – sự công nhận những giới hạn; những thành công ngày một nhiều của ông đã thách thức các vị thần – đã vi phạm phép tính về những giới hạn; và cuối cùng ông thấy mình nóng nảy và bất lực, bị xiềng vào một tảng đá giữa biển khơi.

III. Tính cách

Lòng kiêu hãnh của ông đã bắt đầu với tính tự cho mình là trung tâm vốn là bản chất tự nhiên của mọi sinh vật. Thời thanh niên, nó phồng lên tự vệ trong cuộc chạm trán giữa các cá nhân và các gia đình ở đảo Corsica, và rồi sau đó để chống lại giai cấp và thái độ kiêu ngạo về dòng dõi của các sinh viên ở Brienne. Nó không phải là sự ích kỷ thuần túy trên bất kỳ phương diện nào; nó tạo nên lòng tận tụy và rộng lượng đối với mẹ ông, với Joséphine và các con của nàng; tình yêu đối với “Vua Roma”; và một tình cảm nóng vội đối với các anh em của ông, vốn cũng có những cái tôi để thỏa mãn và duy trì. Nhưng khi thành công của ông tỏa rộng thì quyền hành và trách nhiệm, niềm kiêu hãnh và say mê của ông cũng gia tăng. Ông có xu hướng muốn hưởng gần trọn mọi công trạng

i Túc Süleyman I (1494–1566), vua thứ mười và là người trị vì lâu nhất Đế quốc Ottoman từ năm 1520 cho đến lúc mất.

ii *Entsagen* (tiếng Đức): Từ bỏ.

từ các chiến thắng của các đạo quân mình, nhưng ông khen ngợi, yêu mến, và than khóc cho Desaix và Lannes. Cuối cùng ông đồng hóa đất nước mình với chính mình, và cái tôi của ông phình ra theo các đường biên giới của ông.

Lòng kiêu hãnh, hay ý thức về tài năng của ông, đôi khi hạ thấp xuống thành thói phù phiếm hay sự phô trương các thành quả. “Này, Bourrienne, anh cũng sẽ bắt tử đây.” “Tại sao vậy, thưa Ngài?” “Chẳng phải anh là thư ký của ta sao?” “Vâng xin ngài kể cho tôi tên các thư ký của Alexandre.”ⁱ “Hừm, cũng không tệ, Bourrienne”⁴⁴. Ông viết cho Phó vương Eugène (14.4.1806): “Dân tộc Ý của ta phải biết ta đủ rõ nên không quên rằng trong ngón tay nhỏ bé của ta còn có nhiều thứ hơn tất cả các bộ óc của họ cộng lại”⁴⁵. Mẫu tự N [huy hiệu của Napoléon], được tô điểm lên hàng ngàn chỗ, đôi khi được trang trí thêm chữ J tức Joséphine. Hoàng đế cảm thấy nghệ thuật tự đề cao là chỗ dựa cần thiết cho việc cai trị.

“Quyền lực là tình nhân của ta”, ông tuyên bố với Roederer vào năm 1804, khi Joseph cố tranh thủ để được tuyên bố làm người kế vị, “ta đã làm việc quá vất vả để chinh phục nàng nên không thể cho phép bất kỳ ai giật khỏi tay ta, hay thậm chí thêm muốn nàng... cách đây hai tuần ta còn không mơ đến chuyện đối xử với anh ấy một cách thiếu công bằng. Giờ đây ta sẽ không khoan dung. Ta sẽ cười với anh ấy bằng miệng nhưng anh ấy đã ngủ với tình nhân của ta”⁴⁶. (Ở đây ông bất công với chính mình; ông là người tình hay ghen, nhưng là người dễ tha thứ.) “Ta yêu quyền lực như anh nhạc sĩ yêu chiếc vĩ cầm của mình”⁴⁷. Như thế tham vọng của ông nhảy từ đầu này sang đầu kia: ông mơ cạnh tranh với Charlemagne và thống nhất Tây Âu, kể cả việc dùng vũ lực đối với các lãnh địa của Giáo hoàng; rồi đến việc noi gương Constantinus từ Pháp băng qua Milano để chiếm Kōstanṭīniye,ⁱⁱ xây những Khải hoàn môn kỷ niệm các chiến thắng của mình; rồi ông

i Tức Alexandros, Vua xứ Makedonia thời Hy Lạp cổ đại.

ii *Anh*, Constantinople.

nhận thấy châu Âu quá nhỏ bé, chỉ là một “mô đất do chuột chũi đùn lên”⁴⁸, và dự tính cạnh tranh với Alexandros Đại đế bằng cách chinh phục Ấn Độ. Đây sẽ là công việc nặng nhọc cho chính ông và hàng triệu binh lính, nhưng sẽ được tưởng thưởng bằng vinh quang cho ông và cho họ; và nếu cái chết có mang họ đi trên đường chinh phục thì đó cũng không phải là cái giá quá đắt phải trả. “Chết không là gì cả; nhưng sống trong thất bại và nhục nhã là chết mỗi ngày.”⁴⁹ “Ta chỉ sống cho hậu thế”⁵⁰. Vinh quang trở thành mối đam mê chủ đạo của ông, có sức thôi miên mạnh mẽ tới mức trong một thập niên gần như cả nước Pháp xem đó là ngôi sao dẫn đường.

Ông theo đuổi các mục tiêu của mình với một ý chí không bao giờ bị khuất phục, trừ khi để lấy đà nhảy tới, cho đến khi ông vét kiệt cái cao cả và trở nên đáng thương hại. Tham vọng không một mỗi đem lại sự thống nhất cho ý chí, sự chỉ đạo và chất liệu cho cuộc sống hàng ngày của ông. Ở Brienne ông nói, “ngay cả khi ta không có gì [được giao?] để làm, ta luôn cảm thấy không có thì giờ để đánh mất”⁵¹. Và với Jérôme năm 1805: “Anh như thế này cũng là nhờ ở sức mạnh của ý chí, của tính cách, sự chuyên cần, và lòng dũng cảm”⁵². Tinh thần gan dạ là một phần trong chiến thuật của ông; ông liên tục làm cho kẻ thù kinh ngạc bằng hành động nhanh chóng và quyết định vào những nơi và những lúc bất ngờ. “Mục đích của ta là tiến thẳng đến mục tiêu, không dừng lại vì bất cứ lý do gì”⁵³; ông phải mất một thập kỷ để học được câu cách ngôn cổ rằng trong chính trị, đường thẳng là khoảng cách dài nhất giữa hai điểm.

Đôi khi óc phán đoán và cung cách xử sự của ông bị những xúc cảm mãnh liệt của ông làm lu mờ và gây biến hoại. Cơn thịnh nộ của ông cũng gần như vốc người ông, và nó càng ngăn lại khi quyền lực của ông vươn dài ra. Ông mang sự nóng nảy và những cơn điên dại của Corsica trong máu mình; và mặc dù ông tìm cách kiềm chế cơn giận dữ, những người chung quanh, từ Joséphine đến viên cận vệ Roustam

mạnh mẽ, đều phải canh chừng mọi lời nói và cử chỉ để không phải hứng chịu cơn giận của ông. Ông thiếu kiên nhẫn đối với những gì mâu thuẫn, trễ nãi, bất tài, hay ngu ngốc. Khi mất bình tĩnh ông có thể công khai mắng mỏ một viên đại sứ, chửi thề với một giám mục, đá nhà triết học Volmey vào bụng, hoặc, *faute de mieux* (không có gì hay hơn), đá một khúc củi trên lò sưởi⁵⁴. Thế nhưng cơn giận của ông nguôi đi ngay lúc bùng ra; thường thì nó chỉ giả vờ, như một nước đi trong bàn cờ chính trị; trong hầu hết các trường hợp ông nguôi giận một ngày hay một phút sau đó⁵⁵. Ông ít khi tàn bạo, thường là tử tế, hay khôi hài, dễ dãi⁵⁶, nhưng ý nghĩa khôi hài của ông đã bị gian khổ và trăn mạc làm suy yếu. Ông ít có thì giờ cho việc đùa cợt vào lúc rảnh rỗi, thói ngồi lê đôi mách trong triều, hay sự dí dỏm trong các khách thính. Ông là người vội vàng, với cả bầy kẻ thù chung quanh, và một đế quốc trong tay; và thật khó cho một người hay vội vàng phải tỏ ra văn minh.

Ông tiêu tốn quá nhiều năng lượng để chinh phục một nửa châu Âu nên không còn nhiều sức cho những chuyện ngớ ngẩn như làm tình. Ông ngờ rằng nhiều hình thức ham muốn tình dục được tiếp thu từ môi trường hơn là di truyền: “Mọi thứ đều mang tính ước lệ giữa con người với nhau, thậm chí những cảm giác mà, người ta có thể cho rằng, chỉ có thiên nhiên mới ra lệnh”⁵⁷, Ông đã có thể có một đám thê thiếp hoàn toàn theo truyền thống Bourbon, nhưng ông bằng lòng với nửa tá nhân tình rải rác giữa các chiến dịch. Phụ nữ nghĩ họ bất tử nếu làm vui lòng ông một đêm; thường thì ông giải quyết nhanh gọn vấn đề với sự ngắn gọn cục súc, và nói về những người bạn tình vừa qua của ông với sự thô lỗ hơn là biết ơn⁵⁸. Những vụ ngoại tình của ông gây cho Joséphine những giờ phút lo buồn; ông giải thích với nàng (nếu chúng ta có thể tin tưởng Phu nhân de Rémusat) rằng những trò tiêu khiển ấy cũng là tự nhiên, cần thiết, và theo thói quen, và nên được một người vợ

hiếu biết bỏ qua. Nàng khóc, ông dỗ dành nàng, nàng tha thứ cho ông⁵⁹. Ngoài ra thì ông là một người chồng tốt trong chừng mực những sự quan tâm và những chuyển đi dài ngày của ông cho phép.

Khi Maria Ludovica đến với ông, ông chấp nhận chế độ một vợ một chồng (như cho đến nay chúng ta được biết) một cách lịch sự, giá như chỉ vì việc ngoại tình có thể khiến ông mất nước Áo. Lòng tận tụy của ông đối với nàng được nhân đôi khi ông trông thấy sự đau đớn của nàng lúc sinh cho ông một đứa con. Ông luôn tỏ ra thích trẻ con; Bộ luật của ông dành cho chúng sự bảo vệ đặc biệt⁶⁰; giờ đây hài nhi Vua Roma trở thành thần tượng và người mang lại cho ông những hy vọng; được đào tạo cẩn thận để kế vị và cai trị khôn ngoan một nước Pháp đang ban hành luật lệ cho một châu Âu thống nhất. Như thế cái tôi vĩ đại tự nó phát triển thêm với tình yêu vợ chồng và tình cha con.

Ông đắm mình quá nhiều trong chính trị đến mức ít có thời giờ cho bè bạn. Ngoài ra, tình bạn bè bao hàm tình trạng gần như bình đẳng trong việc cho và nhận, và Napoléon thấy khó thừa nhận sự bình đẳng dưới bất kỳ hình thức nào. Ông có những người giúp việc trung thành và tận tụy, một số hy sinh mạng sống cho vinh quang của ông và của chính họ; thế nhưng không ai nghĩ sẽ gọi ông là một người bạn. Eugène yêu mến ông, nhưng như một người con hơn là người bạn. Bourrienne (không bao giờ hoàn toàn đáng tin) thuật lại rằng năm 1800 ông thường nghe Napoléon nói:

Tình bạn chỉ là cái tên. Ta không yêu ai cả. Ta thậm chí không yêu các anh em ta. Có lẽ yêu Joseph một chút, do thói quen và bởi vì đó là anh ta; và Duroc, ta cũng yêu anh ta... Ta biết rất rõ là mình không có những người bạn thật sự. Chừng nào ta vẫn còn là mình, ta có thể có bao nhiêu người giả vờ là bạn tùy thích. Hãy dành thói đa cảm cho phụ nữ; đó là chuyện của họ. Nhưng đàn ông phải mạnh mẽ trong con tim và trong

mục đích, nếu không họ sẽ không biết làm thế nào với chiến tranh hoặc chính quyền⁶¹.

Những lời này có vẻ khắc kỷ đặc trưng của Napoléon, nhưng không dễ hòa hợp với lòng tận tụy suốt đời của những người như Desaix, Duroc, Lannes, Las Cases, và hàng loạt những người khác. Cũng chính Bourrienne chứng nhận rằng “bên ngoài chiến trường, Bonaparte có tấm lòng tử tế và nhạy cảm”⁶². Và Méneval, người gần gũi Napoléon suốt 13 năm đồng ý:

Tôi đã mong thấy ông cộc cằn và có tính khí thất thường, thay vào đó tôi thấy ông kiên nhẫn, bao dung, dễ làm vui lòng, không đòi hỏi quá quắt, vui vẻ nhiều khi ồn ào và chế giễu, và đôi lúc với vẻ thân thiện quyến rũ... Tôi không còn sợ ông. Tôi vẫn giữ trạng thái tinh thần này nhờ tất cả những gì tôi thấy trong cách ông đối xử vui vẻ và trù mến với Joséphine, thái độ tận tụy siêng năng của các sĩ quan của ông, lòng tốt trong quan hệ với các vị tổng tài và bộ trưởng, và sự thân mật của ông với các binh sĩ⁶³.

Bên ngoài, ông có thể khó khăn khi nghĩ đường lối hành động cần phải như vậy, và nhân hậu khi đường lối hành động cho phép; đường lối hành động phải đi đầu. Ông bỏ tù nhiều người, nhưng cũng có hàng trăm lần tấm lòng nhân hậu của ông được ghi nhận như trong những cuốn sách của Frédéric Massonⁱ. Ông hành động để cải thiện tình trạng trong các nhà tù ở Brussels, nhưng hoàn cảnh các nhà tù Pháp vào năm 1814 không xứng đáng với sự hữu hiệu của triều đại ông. Ông nhìn thấy hàng ngàn người chết trên chiến trường, và tiếp tục tiến hành những trận đánh khác; thế nhưng chúng ta cũng nghe về việc ông thường dừng lại để an ủi hay xoa dịu một người lính bị thương. Véry Constant “thấy ông khóc

i Frédéric Masson (1847–1923): Sử gia Pháp, nổi tiếng với nhiều tác phẩm liên quan đến Napoléon.

trong lúc ăn sáng sau khi trở về từ giường bệnh của Thống chế Lannes”⁶⁴, người bị tử thương ở Essling năm 1809.

Không cần đặt câu hỏi về lòng độ lượng cũng như tính sẵn sàng tha thứ của ông. Ông liên tục và quá mức cần thiết tha thứ cho Bernadotte và Bourrienne. Khi Carnot và Chénier, sau những năm chống lại Napoléon, yêu cầu ông giúp họ giảm nhẹ cảnh nghèo khó, ông đã tức thì gửi trợ giúp. Ở St. Helena ông tính việc tha thứ cho những người đã bỏ rơi ông vào các năm 1813 hay 1815. Chỉ có người Anh bị ông oán hận triền miên vì sự thù địch lâu dài của họ. Ông không thấy gì ngoài tính cách khắc nghiệt vụ lợi nơi Pitt, phần nào bất công với Sir Hudson Lowe, và thấy không thể nào đánh giá cao Wellington⁶⁵. Có sự công bằng đáng kể trong việc ông tự đánh giá mình: “Tôi tự thấy mình là một người tốt từ trong tâm mình”⁶⁶. Người ta bảo không ai là anh hùng đối với người hầu phòng của mình; nhưng Véry Constant, hầu phòng của Napoléon trong suốt 14 năm, trong nhiều cuốn sách đã ghi lại những ký ức của mình về sự “khó thở do lòng sùng bái”⁶⁷.

Những người được nuôi dạy để có cung cách thanh lịch của Cựu chế không thể chịu được tính thẳng thừng lỗ mãng trong cách đi đứng nói năng của Napoléon. Ông làm họ thích thú khi nhận thấy dáng đi vụng về hay lời nói đôi khi thô lỗ của ông. Ông không biết làm sao để cho người khác thoải mái, và dường như không quan tâm đến việc này; ông quá thiết tha cái bản chất đến nỗi thấy cái hình thức thật phiền phức. “Tôi không thích những câu nói lịch sự... Nó là công cụ của kẻ dốt nát muốn nâng mình lên tầm những nhà trí thức... ‘Thị hiếu tốt’ là một thành ngữ cổ điển khác vô nghĩa đối với tôi... Điều được gọi là ‘phong cách’, tốt hoặc xấu, không ảnh hưởng đến tôi. Tôi chỉ quan tâm đến sức mạnh của tư tưởng”⁶⁸. Tuy nhiên, trong thâm tâm, ông ngưỡng mộ phong thái ung dung và sự ân cần hòa nhã của người thượng lưu. Ông mong ước được những nhà quý tộc hay chế giễu ông ở ngoại ô St.-Germain chấp nhận. Theo cách riêng của mình, ông có thể trở nên “quyến rũ khi ông muốn”⁶⁹.

Việc ông đánh giá thấp phụ nữ có thể xuất phát từ sự vô ý tứ vội vàng của ông đối với tính nhạy cảm của họ. Vì vậy ông nhận xét Phu nhân Charpentier, “Trông bà có vẻ ốm trong chiếc váy đỏ ấy!”⁷⁰, và ông biến Phu nhân de Staël thành kẻ thù khi xếp hạng phụ nữ theo khả năng sinh đẻ. Một số phụ nữ trách cứ tính khiếm nhã của ông với sự tế nhị của nữ giới. Khi ông kêu lên với Phu nhân de Chevreuse, “Ồi trời, sao tóc bà đỏ thế!” bà trả lời, “Có lẽ nó đỏ thật, thưa Ngài, nhưng đây là lần đầu tiên có một người đàn ông bảo tôi như vậy”⁷¹. Khi ông bảo một người đẹp nổi tiếng, “Thưa bà, tôi không thích phụ nữ xen vào chuyện chính trị”, bà ta trả đũa, “Thưa Tướng quân, ngài nói đúng; nhưng trong một đất nước nơi họ bị chặt đầu, tất nhiên là họ cũng muốn biết tại sao”⁷². Tuy nhiên Méneval, người hầu như gặp ông hàng ngày, ghi nhận “vẻ quyến rũ không sao cưỡng nổi nơi Napoléon”⁷³.

Ông thích trò chuyện, đôi khi nói huyền thuyên, nhưng hầu như luôn có ích và thực tế. Ông mời các nhà khoa học, nghệ sĩ, diễn viên, văn sĩ đến đàm đạo, và làm họ kinh ngạc vì sự ân cần niềm nở, kiến thức về các lĩnh vực của họ, và sự xác đáng trong các nhận xét của ông. Nhà tiểu họa Isabey, nhà toán học Monge, kiến trúc sư Fontaine, và diễn viên Talma đã để lại những tập hồi ký về những lần gặp gỡ này, tất cả đều xác nhận “vẻ duyên dáng, hòa nhã đáng yêu, và vui vẻ” của những cuộc nói chuyện với Napoléon.⁷⁴ Ông thích nói nhiều hơn viết. Các ý tưởng của ông tiến nhanh hơn lời nói; khi ông cố viết chúng ra ông viết nhanh tới mức không ai kể cả chính ông có thể đọc được những nét chữ nguệch ngoạc⁷⁵. Vì vậy ông đọc cho người khác viết, và như 41.000 bức thư của ông đã được xuất bản, và chắc hẳn còn hàng ngàn bức khác nữa được viết, chúng ta có thể bắt đầu hiểu ra vinh hạnh được làm thư ký cho ông cũng là bản án lao động vất vả như thế nào. Bourrienne, người giữ chức vụ này vào năm 1797, may mắn bị sa thải năm 1802, và do đó sống sót đến năm 1834. Ông được đợi đến gặp Napoléon lúc 7 giờ sáng,

làm việc suốt ngày và trực vào ban đêm. Ông có thể nói và viết nhiều thứ tiếng, và với phương pháp tốc ký riêng, thường có thể viết nhanh như Napoléon nói.

Méneval, người kế nhiệm Bourrienne năm 1802, còn làm việc vất vả hơn nữa vì “tôi không biết bất cứ loại tốc ký nào”. Napoléon mê ông ta, thường pha trò, nhưng mỗi ngày hầu như làm ông này kiệt sức, nên sau đó phải bảo ông ta đi tắm⁷⁶. Ở St. Helena, Hoàng đế nhớ lại: “Ta gần như giết chết tay Méneval đáng thương; sau đó ta buộc phải cho anh ta thôi việc một thời gian, và để phục hồi sức khỏe, bố trí cho anh ta làm việc gần người của Maria Ludovica, nơi chức vụ của anh ta chỉ thuần là ngồi không hưởng lộc”⁷⁷. Năm 1806, Napoléon cho phép anh ta thuê một phụ tá là François Fain, người sẽ phục vụ cho đến cuối cùng, và trong mọi chiến dịch. Dù vậy Méneval cũng đã hầu như kiệt sức khi thoát khỏi vị bạo chúa thân yêu vào năm 1813. Đây là một trong những chuyện tình nở hoa trên sự bất bình đẳng được chấp nhận chứ không phải bị lạm dụng.

IV. Vị tướng

Thể xác và tinh thần, tính cách, và sự nghiệp của ông một phần được hun đúc bởi nền giáo dục quân sự ở Brienne. Tại đây ông học cách giữ cho mình luôn mạnh khỏe trong mọi thời tiết hay địa điểm; suy nghĩ rõ ràng vào bất cứ giờ nào ban ngày cũng như ban đêm; phân biệt sự kiện với ý muốn; vâng lời mà không hỏi lại cũng như được huấn luyện để chỉ huy mà không do dự; nhìn vào địa hình như những khả năng giúp di chuyển công khai hoặc ngụy trang những khối người; tiên liệu những kế hoạch điều động quân của địch và chuẩn bị phản công chúng; mong đợi điều không mong đợi và đáp trả không chút bất ngờ; truyền cảm hứng cho các cá nhân bằng cách nói với tất cả bọn họ cùng một lúc; làm mất cảm giác đau đớn bằng vinh quang, và khiến việc hi sinh vì tổ quốc

trở nên ngọt ngào và cao thượng: toàn thể những điều này hiện ra với Napoléon như là khoa học của các khoa học, vì sự sống của một dân tộc tùy thuộc vào – mà nếu khác đi sẽ có nghĩa là thất bại – sự sẵn sàng và khả năng tự vệ trong cuộc phân xử cuối cùng của chiến tranh. “Nghệ thuật của chiến tranh”, ông tuyên bố, “là một bể học mênh mông bao gồm tất cả những bể học khác”⁷⁸.

Do đó ông trau dồi phần lớn những môn khoa học sẽ đóng góp nhiều nhất vào khoa quốc phòng. Ông đọc lịch sử để học về bản chất con người và cách hành xử của các quốc gia; sau này ông làm các nhà thông thái phải kinh ngạc vì kiến thức về cổ Hy Lạp và cổ La Mã, về châu Âu thời trung và cận đại. Ông “nghiên cứu đi nghiên cứu lại” các chiến dịch của Alexandros, Hannibal, Caesar, Gustavus Adolphus, Turenne, Eugène de Savoie, và Friedrich Đại đế; “các anh hãy noi gương họ”, ông bảo các sĩ quan, “hãy bác bỏ mọi châm ngôn trái với châm ngôn của các bậc vĩ nhân này”⁷⁹.

Từ học viện quân sự ông bước sang trại lính, và từ trại lính ông bước sang việc chỉ huy một trung đoàn. Có lẽ ông có năng khiếu chỉ huy từ người mẹ khắc kỷ, và biết được những bí mật của nó: rằng đa số người ta thích đi theo người lãnh đạo hơn là đứng ra lãnh đạo nếu người lãnh đạo biết lãnh đạo. Ông có can đảm nhận lấy trách nhiệm, liên tục đặt cược sự nghiệp lên phán đoán của mình; và, với một lòng dũng cảm luôn coi thường sự cẩn trọng, ông bước từ cạnh bạc này sang cạnh bạc khác – mỗi lần lại chơi cò người với nhiều con tốt hơn nữa vì những khoản cược cao hơn. Ông đã thua cạnh bạc cuối cùng, nhưng chỉ sau khi đã chứng tỏ là vị tướng lĩnh tài ba nhất trong lịch sử.

Chiến lược quân sự của ông bắt đầu bằng những biện pháp thu phục tâm trí của binh sĩ. Ông quan tâm đến quá trình đào tạo và kinh nghiệm, tính cách, và những hy vọng của từng sĩ quan trực tiếp dưới quyền. Thỉnh thoảng ông hòa mình vào

cùng những người lính bình thường, gọi lại những chiến thắng của họ, hỏi thăm về gia đình, và lắng nghe những lời than phiền của họ. Ông vui vẻ chế giễu Đội Thị vệ của mình, và gọi họ là “*les grogneurs*” (những kẻ càu nhàu) vì họ càu nhàu quá nhiều; nhưng họ chiến đấu đến chết vì ông. Đôi khi ông nói về người bộ binh hèn mọn một cách bất nhẫn, như khi ở St. Helena, ông nhận xét rằng “binh lính được tạo ra để bị giết”⁸⁰; nhưng ông nhận làm con nuôi và chu cấp cho tất cả những đứa con của binh lính Pháp tử trận tại Austerlitz⁸¹. Hơn tất cả thành phần nào khác trong nước Pháp, binh lính của ông yêu ông nhiều tới mức, theo cách đánh giá của Wellington, sự có mặt của ông trên chiến trường đáng giá 40.000 người⁸².

Những bài diễn văn trước đạo quân là một phần quan trọng trong chiến lược của ông. “Trong chiến tranh”, ông nói, “tinh thần và quan điểm quyết định hơn một nửa trận đánh”⁸³. Không vị tướng nào kể từ lúc Caesar ở bên sông Rubicōi đã từng có sức mê hoặc binh sĩ đến như vậy. Bourrienne, người viết một vài trong số những bản tuyên bố nổi tiếng này theo lời Napoléon đọc, kể cho chúng ta rằng nhiều lúc binh lính “không thể hiểu Napoléon nói gì, nhưng không hề chi, họ sẽ vui vẻ đi theo ông với đôi chân đất và cái bụng đói meo”⁸⁴. Trong nhiều bài diễn văn, ông giải thích với họ về kế hoạch hành quân; thường thì họ hiểu, và chịu đựng kiên nhẫn hơn nữa những chuyến đi dài giúp họ đánh bất ngờ hay áp đảo quân thù về số lượng. “Người lính giỏi nhất”, ông nói, “không nhất định phải là người chiến đấu giỏi, mà là người hành quân giỏi”⁸⁵. Trong một bản tuyên bố năm 1799 ông nói với những người đang lắng nghe: “Những đức tính chủ yếu

i Rubicō [*Anh*, Rubicon]: Con sông nhỏ nằm giữa Ý và xứ Galli xưa. Viện Nguyên lão La Mã đã cấm các tướng lĩnh cầm quân không được vượt qua sông này vào đất Ý để tránh đảo chính, nhưng sau đó Caesar vẫn vượt qua; do đó có câu nói “vượt qua sông Rubicon”, tức là thực hiện một quyết định quan trọng và chấp nhận những hậu quả của nó.



Hình 26: Napoléon vượt qua dãy Alps (Jacques-Louis David, 1805)

của người lính là trung thành và kỷ luật. Lòng dũng cảm chỉ đóng vai trò thứ yếu”⁸⁶. Ông thường tỏ ra nhân từ, nhưng không ngần ngại trở nên khắt khe khi kỷ luật bị lâm nguy. Sau những chiến thắng ban đầu ở Ý, ông cố tình để binh sĩ cướp bóc chút đỉnh bù vào việc Hội đồng Chấp chính đã quá keo kiệt trong việc chu cấp lương thực, quần áo và lương bổng cho họ, sau đó ông đã cấm những hành vi như vậy tái diễn, và buộc họ phải sớm nghiêm khắc tuân theo. “Wien, Berlin, Madrid, và những thành phố khác”, Méneval nói, “chứng kiến việc xét xử và hành quyết những binh sĩ thuộc đội Thị vệ cũng như các đạo quân khác, khi những người này phạm tội cướp bóc”⁸⁷.

Napoléon diễn đạt một phần chiến lược của mình bằng một công thức toán học: “Sức mạnh của một đạo quân, như tổng số động lượng trong cơ học, được ước tính bằng khối lượng nhân với vận tốc. Một cuộc hành quân nhanh chóng sẽ nâng cao tinh thần của một đạo quân, và gia tăng sức mạnh chiến thắng của nó”⁸⁸. Không có tài liệu đáng tin cậy nào gán cho ông câu cách ngôn “một đạo quân di chuyển trên chiếc bụng của nó” – nghĩa là trên nguồn cung cấp quân lương của nó⁸⁹. Nói cho đúng hơn, quan điểm của ông là đạo quân chiến thắng bằng những bàn chân của nó. Phương châm của ông là “*Activité, activité, vitesse*”⁹⁰ – hành động và tốc độ. Do đó ông không nghĩ các pháo đài là những đơn vị phòng thủ đáng tin cậy; ông sẽ cười vào chiến lũy Maginotⁱ của năm 1939. “Hiển nhiên là”, quay lại năm 1793, ông đã nói, “bên nào ở phía sau tuyến phòng thủ của mình sẽ luôn bị đánh bại”; và ông lặp lại lời này vào năm 1816⁹¹. Canh chờ lúc kẻ địch chia nhỏ hoặc kéo giãn đội hình; dùng núi và sông để che giấu và bảo vệ việc chuyển quân; chiếm giữ những cao điểm chiến lược từ đó pháo binh có thể nã súng xuống đồng bằng; chọn địa điểm chiến trường nào cho phép điều động bộ binh, pháo binh và kỵ binh; tập trung các lực lượng của mình – thường bằng cách di chuyển nhanh chóng – để dùng số lượng áp đảo đương đầu với phân đội của kẻ thù đang ở quá xa trung tâm để có thể nhận được cứu viện. Đây là những yếu tố của chiến lược Napoléon.

Thử nghiệm sau cùng của vị tướng nằm trong chiến thuật, tức cách bố trí và điều động các lực lượng cho trận đánh và trong lúc nó diễn ra. Napoléon đứng ở vị trí ông có thể quan sát

i Chiến lũy Maginot: Gọi theo tên vị Bộ trưởng Chiến tranh đương thời là André Maginot. Chiến lũy bao gồm các tường thành bê-tông với nhiều ụ chống tăng, lô-cốt đại bác, ổ súng máy và đồn quân sự. Được người Pháp xây dựng bên phần đất mình, chạy dọc theo biên giới các nước Thụy Sĩ, Đức và Luxembourg trong những năm 30 của thế kỷ XX với mục đích bảo vệ lãnh thổ Pháp sau kinh nghiệm của Thế chiến I. Trên thực tế đây là một sai lầm lớn vì quân Đức chỉ mất hai ngày chọc thủng tuyến phòng thủ này.

càng nhiều hoạt động càng tốt và ở vị trí an toàn cho phép. Và bởi vì kế hoạch hành quân và việc nhanh chóng điều chỉnh nó theo diễn tiến các sự kiện tùy thuộc vào sự chú ý và tập trung liên tục của vị tướng, nên tình trạng an toàn của ông là mối quan tâm hàng đầu, thậm chí trong cách đánh giá của binh sĩ ông còn hơn cả trong chính thói quen thường nhật của ông. Như ở Arcole, ông đã không ngần ngại lao mình vào chỗ hiểm nguy; và hơn một lần chúng ta được biết về những người chết ngay bên cạnh ông tại địa điểm ông đứng quan sát. Từ một địa điểm như vậy, qua một toán lính liên lạc cưỡi ngựa, ông gửi đi những chỉ thị cho các sĩ quan chỉ huy bộ binh, pháo binh và kỵ binh; và những người lính truyền tin này vội vã quay lại báo cho ông tin tức diễn biến của các sự kiện tại mọi phân khúc của trận đánh. Ông tin tưởng, trong chiến trận, binh lính có được giá trị chủ yếu thông qua vị trí và tính cơ động của họ. Ở đây cũng vậy, mục đích là tập trung lực lượng với hỏa lực mạnh vào một điểm đặc biệt của kẻ thù, thường là bên mạn sườn với hy vọng sẽ đẩy bộ phận này vào cảnh rối loạn vốn sẽ lan rộng ra. “Trong mọi trận đánh, sẽ đến lúc những binh lính dũng cảm nhất, sau khi thực hiện những nỗ lực vĩ đại nhất, cảm thấy có khuynh hướng muốn bỏ chạy... Hai đạo quân cũng như hai cơ thể gặp nhau và cố gắng làm cho nhau hoảng sợ, một khoảnh khắc hốt hoảng xảy đến, và khoảnh khắc đó phải được chuyển thành lợi thế. Khi một người đã tham gia nhiều trận đánh, anh ta có thể nhận ra khoảnh khắc ấy không chút khó khăn”⁹². Napoléon đặc biệt nhanh nhạy trong việc lợi dụng một sự tiến triển như vậy, hoặc, nếu binh sĩ của ông nao núng, ông sẽ gọi quân tiếp viện đến, hoặc thay đổi tuyến hành quân trong quá trình diễn biến của trận đánh; điều này đã cứu nguy cho ông ở Marengo. Trước năm 1812, từ “rút lui” không có trong ngữ vựng của ông.

Cũng là lẽ tự nhiên khi một người phát triển được những kỹ năng như thế trong thuật cầm quân sẽ đi đến chỗ nhận thấy một cảm giác rộn ràng ma quái trong chiến tranh.

Chúng ta đã nghe ông ca ngợi giới dân sự cao hơn giới quân sự; ở triều đình ông ban cho các chính khách địa vị cao hơn các thống chế; và khi xảy ra xung đột giữa hai giới dân sự và quân nhân ông luôn đứng về phía dân sự⁹³. Nhưng ông không thể che giấu chính mình hoặc người khác việc ông đã trải nghiệm trên chiến trường niềm vui thú mãnh liệt hơn bất cứ niềm vui nào có được từ việc cai trị. “Có một niềm vui trong nguy hiểm”, ông nói, và ông thú nhận với Jomini rằng ông “yêu thích sự kích động của chiến trận”⁹⁴; ông cảm thấy hạnh phúc nhất khi nhìn thấy hàng khối người theo lệnh của ông tiến vào những trận đánh làm thay đổi bản đồ và quyết định lịch sử. Ông xem những chiến dịch của mình là sự đáp trả lại những cuộc tấn công [của ngoại bang], nhưng theo Bourrienne ông thú nhận, “Quyền lực của ta tùy thuộc vào vinh quang của ta, và vinh quang ta tùy thuộc vào các chiến thắng. Quyền lực của ta sẽ sụp đổ một khi ta không còn hỗ trợ nó bằng niềm vinh quang mới và những chiến thắng mới. Việc chinh phục đã tạo ra con người của ta, và chỉ có việc chinh phục mới duy trì được ta”⁹⁵. Chúng ta không thể hoàn toàn tin tưởng con người thù địch Bourrienne về lời thú nhận hệ trọng này; nhưng Las Cases, người mà đối với ông ta Napoléon chỉ đứng sau Thượng đế, đã dẫn lại lời nói của ông ta (12.3.1816), “Ta muốn có được đế quốc của thế giới, và để bảo đảm có được nó, ta cần có quyền lực vô hạn”⁹⁶.

Có phải ông là, như những kẻ thù của ông gọi, “tên đồ tể”? Chúng ta được kể rằng ông đã tuyển mộ 2.613.000 người Pháp cho các đạo quân của mình;⁹⁷ trong số này có một triệu đã chết khi phục vụ ông⁹⁸. Ông có thấy phiền não trước cảnh tàn sát? Ông kể ra điều này trong những lời kêu gọi hòa bình gửi Liệt cường; và chúng ta được biết rằng cảnh tượng các thi thể ở Eylau đã làm ông cảm động rơi nước mắt⁹⁹. Thế nhưng, khi mọi chuyện đã qua, và hồi tưởng lại việc này, ông bảo Las Cases: “Ta đã chỉ huy trong những trận đánh sẽ quyết định số phận của toàn thể đạo quân, và ta không thấy

có cảm xúc gì. Ta đã theo dõi việc thực hiện những cuộc điều động có thể phải trả giá bằng sinh mạng của nhiều người trong số chúng ta, và mắt ta vẫn ráo hoảnh”¹⁰⁰. Có lẽ một vị tướng phải tự an ủi bằng ý nghĩ rằng cái chết yếu của những người thanh niên bị đưa đi xa khỏi xứ sở của họ là những sự dịch chuyển vô nghĩa trong không gian và thời gian; dù sao thì chẳng phải họ sẽ kết thúc trong cảnh tối tăm, kém vinh quang, không có được cảm giác tê tái của chiến trận và sự đền bù của danh vọng?

Thậm chí như vậy, ông cảm thấy, như nhiều học giả (Ranke, Sorel, Vandal,...), rằng ông đáng thương hơn đáng trách; rằng ông đã chiến đấu và giết để tự vệ; rằng các nước Đồng minh đã nguyện sẽ lật đổ ông như là “Đứa con của Cách mạng” và kẻ tiếm vị ngai vàng Bourbon. Không phải ông đã liên tiếp đề nghị hòa bình và bị bác bỏ sao? “Ta chỉ chinh phục để tự vệ. Châu Âu không bao giờ ngừng gây chiến chống nước Pháp, chống những nguyên lý của nó, và chống lại chính ta. Liên minh không bao giờ ngừng hiện diện, hoặc bí mật hoặc công khai”¹⁰¹. Tại lễ đăng quang của mình, ông đã đọc lời thề duy trì những “biên giới tự nhiên” của nước Pháp; nước Pháp sẽ nói sao nếu ông từ bỏ chúng? “Kẻ thường dân không bao giờ ngưng đổ lỗi tất cả những cuộc chiến tranh cho tham vọng của ta. Nhưng có phải ta chọn chúng đâu? Không phải chúng luôn bị quy định bởi bản chất không thể tránh khỏi của các sự việc? bởi sự đấu tranh giữa quá khứ và tương lai?”¹⁰². Sau những năm hồ hởi đầu tiên, ông luôn bị đè nặng bởi cảm giác dù ông có đạt được bao nhiêu chiến thắng đi nữa, một lần thất trận quan trọng cũng sẽ quét sạch chúng và để mặc ông cho kẻ thù định đoạt. Ông có thể cho đi một nửa thế giới để có hòa bình, nhưng phải theo những điều kiện của ông.

Chúng ta có thể kết luận rằng, cho đến hội nghị Tilsit (năm 1807) và cuộc xâm lăng Tây Ban Nha (năm 1808), Napoléon

đã ở thế phòng vệ, và rằng sau đó, trong nỗ lực chinh phục Áo, rồi Tây Ban Nha, rồi Phổ, rồi Nga, và củng cố cuộc Phong tỏa lục địa của mình, ông đã mang lại thêm chiến tranh cho một nước Pháp đã kiệt quệ và một châu Âu đầy oán hận. Mặc dù đã chứng tỏ mình là nhà cai trị siêu đẳng, ông đã bỏ rơi những mối quan tâm đối với đất nước để đi tìm vinh quang và niềm vui ngây ngất của chiến tranh. Ông đã có được nước Pháp như một tướng lĩnh, và như một tướng lĩnh ông đã mất nó. Sở trường của ông đã trở thành định mệnh của ông.

V. Nhà cai trị

Là nhà cai trị dân sự ông không bao giờ quên hẳn rằng mình đã được đào tạo để làm tướng. Những thói quen chỉ huy vẫn còn, làm nản lòng, trừ phi đối với Tham chính Viện, những ai chống đối hoặc tranh luận. “Kể từ ngày đầu tiên bước vào đời sống [công cộng] ta đã quen đưa ra mệnh lệnh; các hoàn cảnh và sức mạnh của tính cách khiến cho ngay khi vừa có được quyền hành ta đã không công nhận bất cứ ông chủ nào và không tuân theo luật lệ nào ngoài những luật lệ do chính ta tạo nên”¹⁰³. Năm 1800, chúng ta đã thấy ông muốn nhấn mạnh hình thức dân sự của triều đại mình – khi các tướng lĩnh âm mưu lật đổ ông; nhưng năm 1816 ông lập luận rằng “xét cho cùng, để cai trị, cần phải là một nhà quân sự; người ta chỉ có thể cai trị trong đôi giày ống và đinh thúc ngựa”¹⁰⁴. Như thế, với con mắt sắc sảo nhìn vào những lý tưởng bí ẩn và mâu thuẫn của dân tộc Pháp, ông tự tuyên bố mình là con người của hòa bình và thiên tài của chiến tranh. Vì thế nền dân chủ tương đối của Tổng tài chế đã tan chảy vào nền quân chủ của đế chế, và cuối cùng vào quyền lực chuyên chế. Bộ cuối cùng trong số những Bộ luật Napoléon – Luật Hình sự (năm 1810) – là sự quay về với kiểu trừng trị nghiêm khắc dã man của những hình phạt thời trung cổ. Tuy vậy, ông đã trở nên hầu



Hình 27: Napoléon trên ngai Hoàng đế
(Jean-Auguste-Dominique Ingres, 1806)

như lỗi lạc trong việc cai trị cũng như trong chiến trận. Ông dự đoán những thành tựu đạt được trong việc cai trị sẽ tỏa sáng hơn những chiến thắng quân sự trong trí nhớ của con người, và những bộ luật của ông là một tượng đài bền vững hơn cả chiến thuật và chiến lược của mình (vốn không

phù hợp với chiến tranh hiện nay). Ông ước mong vừa là một Iustinianus vừa là một Caesar Augustus của thời đại mình.

Trong 3.680 ngày trị vì đế quốc của mình (1804-1814), ông chỉ ở tại Paris có 955¹⁰⁵ ngày, nhưng trong thời gian đó ông đã tái tạo nước Pháp. Khi ở trong cung, và trước năm 1808, mỗi tuần hai lần ông đều đặn chủ tọa Tham chính Viện; và khi ấy, theo Las Cases (ông này cũng là một thành viên trong Hội đồng), “không ai trong chúng tôi trốn đi đâu được”¹⁰⁶. Ông làm việc cật lực; vì hăm hở muốn làm xong mọi chuyện, nhiều khi ông thức dậy bắt đầu ngày làm việc lúc ba giờ sáng. Ông hầu như mong đợi các phụ tá trong chính quyền của mình cũng làm vậy. Họ phải luôn sẵn sàng báo cho ông những thông tin rõ ràng được cập nhật từng giờ về mọi vấn đề trong lĩnh vực quyền hạn của họ; và ông đánh giá họ qua sự chính xác, thứ tự, sự sẵn sàng và đầy đủ của những báo cáo. Ông không coi mình đã kết thúc ngày làm việc trước khi đọc các bản ghi nhớ và tài liệu hầu như đến với ông hàng ngày từ các bộ phận khác nhau trong chính phủ. Ông có lẽ là nhà lãnh đạo nắm được đầy đủ thông tin nhất trong lịch sử.

Đối với các bộ quan trọng, ông chọn những người có khả năng hàng đầu, như Talleyrand, Gaudin, và Fouché, mặc dù tính kiêu hãnh hay gây rắc rối của họ. Với những bộ còn lại, và nói chung là những chức vụ hành chính, ông thích những người hạng hai, vốn sẽ không hỏi những câu hỏi hay đề nghị những biện pháp riêng của họ; ông không có thì giờ hay kiên nhẫn cho những cuộc thảo luận như vậy; ông sẽ đánh liều theo sự phán đoán của mình, chấp nhận trách nhiệm và rủi ro. Ông đòi hỏi các thuộc cấp một lời thề trung thành không chỉ đối với nước Pháp mà còn với chính ông. Phần lớn các trường hợp như vậy họ đều đồng ý, do cảm nhận được sức mê hoặc của nhân cách và sự vĩ đại trong các kế hoạch của ông. “Ta gọi lên sự ganh đua, tưởng thưởng người xuất sắc, và đẩy lùi những ranh giới của vinh quang”¹⁰⁷. Ông trả giá cho phương pháp chọn lựa các phụ tá bằng việc dần dần bị bao

quanh bởi những nô bộc hiếm khi dám đặt câu hỏi về quan điểm của ông, đến mức cuối cùng không còn ai kìm hãm sự vội vàng hay lòng kiêu hãnh của ông ngoại trừ sức mạnh của các kẻ thù ngoại bang. Trường hợp của Caulaincourtⁱ vào năm 1812 là ngoại lệ.

Ông tỏ ra nghiêm khắc với thuộc hạ của mình: nghiêm nghị khi khiển trách và chậm chạp lúc khen ngợi, nhưng sẵn sàng thưởng cho những công trạng đặc biệt. Ông không tin vào việc tự tin để cho họ hoàn toàn thoải mái; sống trong tâm trạng không chắc chắn lắm về nhiệm kỳ của mình sẽ khiến họ siêng năng hơn. Ông không nhất thiết phản đối những mối quan hệ nam nữ bất chính, thậm chí một số yếu tố mờ ám trong quá khứ của họ, vì chúng giúp ông tạo ảnh hưởng đến cách cư xử tốt đẹp của họ¹⁰⁸. Ông sử dụng các phụ tá của mình đến giới hạn của họ, rồi cho họ về hưu với khoản trợ cấp hào phóng, và có thể kèm theo một tước vị quý tộc bất ngờ. Vài người trong bọn họ không sống qua nổi đoạn kết này. Villeneuve, bị thất trận ở Trafalgar, đã chấp nhận tự sát hơn là đối diện với sự quở trách. Napoléon không xúc động lâu vì những lời chống đối sự nghiêm khắc của ông: “Trái tim của chính khách phải nằm trong đầu anh ta”¹⁰⁹; anh ta không được để tình cảm xen vào chính sách của mình; trong sự vận hành của một đế quốc thì cá nhân gần như không có nghĩa lý gì – ngoại trừ đó là một Napoléon. Có lẽ ông đã phóng đại tính vô cảm của mình đối với sức quyến rũ cá nhân khi nói, “Ta chỉ thích những người có ích cho ta, và chỉ khi nào họ còn có ích”¹¹⁰; ông tiếp tục yêu Joséphine rất lâu sau khi nàng đã trở thành chướng ngại vật cho những kế hoạch của ông. Dĩ nhiên, ông cũng nói dối khi cần thiết, như phần lớn chúng ta; và như phần lớn các chính quyền, ông làm giả các bản tin chiến trận để giữ vững tinh thần dân chúng.

i Caulaincourt (1773–1827): Tướng lĩnh, sĩ quan tùy tùng của Napoléon, nhà ngoại giao Pháp. Đại sứ Pháp tại Nga từ năm 1807 đến năm 1811. Ông từng khuyên can Napoléon nên từ bỏ ý định xâm lăng nước Nga.

Ông nghiên cứu Machiavelli với cây bút chì trên tay; một cuốn *Il Principe* (Quân vương) với nhiều ghi chú được tìm thấy trên xe ông ở Waterloo. Những gì giúp cho các mục đích của ông đều được ông xem là tốt. Ông không đợi đến Nietzsche dẫn dắt ông đến chỗ “bên ngoài thiện ác” trong [việc thực thi] “ý chí vươn đến quyền lực”; do đó Nietzsche gọi ông là “*Ens realissimum*”¹¹ ấy, và là sản phẩm tốt đẹp duy nhất của Cách mạng. “Kẻ mạnh thì tốt, kẻ yếu thì xấu”¹¹, Hoàng đế bảo: “Joseph”, ông tỏ vẻ tiếc, “quá tốt nên không thể trở thành một vĩ nhân”; nhưng ông thương ông ấy.

Tương tự với những quan điểm này – được học ở Corsica và trong chiến tranh – là ý kiến hay lặp lại của ông rằng con người chỉ bị kích thích, và có thể bị cai trị, bởi quyền lợi hoặc sự sợ hãi¹². Do đó, theo năm tháng, các cảm xúc này trở thành đòn bẩy của chính quyền ông. Năm 1800, khi phái Tướng Hédouville đi đàn áp cuộc nổi dậy ở Vendée, ông khuyên ông ta, “để làm gương thiết thực nhất, nên đốt rụi hai hoặc ba thị trấn lớn được chọn trong số những cái có quản lý tệ nhất. Kinh nghiệm đã dạy ông [vị Đệ nhất Tổng tài] rằng một hành động nghiêm khắc ngoạn mục là phương cách nhân đạo nhất trong những hoàn cảnh bạn đang đối diện. Chỉ có sự yếu đuối mới vô nhân đạo”¹³. Ông chỉ thị các thuộc cấp trong ngành tư pháp thông qua những bản án nghiêm khắc. “Nghệ thuật của cảnh sát”, ông nói với Fouché, “bao gồm việc trừng phạt hiếm hoi nhưng nghiêm khắc”¹⁴. Ông không chỉ sử dụng lực lượng cảnh sát và thám tử đông đảo dưới quyền của Fouché hay Régnier, mà còn tổ chức thêm một cơ quan cảnh sát mật làm nhiệm vụ giúp đỡ và do thám Fouché và Régnier, và báo cáo cho Hoàng đế mọi tình cảm chống Napoléon ở các sách, báo, rạp hát, hoặc khách thính. “Một quân vương”, ông nói, “nên nghi ngờ mọi thứ”¹⁵. Vào năm 1804, Pháp là một nhà nước cảnh sát. Vào năm 1810, nó có thêm những ngục Bastilles nhỏ, là những nhà tù của nhà nước để “câu lưu” những người

i *Ens realissimum* (Latin): Bản thể đích thực nhất, con người hoàn hảo nhất.

chống đối chính trị theo lệnh của Hoàng đế mà không cần qua những thủ tục thông thường ở tòa án¹¹⁶. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên ghi nhận rằng Hoàng đế cũng có những lúc nhân từ. Ông ký nhiều lệnh ân xá, thậm chí đối với những kẻ đã âm mưu giết hại ông¹¹⁷, và đôi khi còn giảm nhẹ bản án của tòa¹¹⁸. Năm 1812, ông nói với Caulaincourt một cách tự lự:

“Họ nghĩ ta nghiêm khắc, thậm chí không có tình cảm. Như vậy càng tốt – điều này khiến ta không cần phải biện minh cho danh tiếng của mình. Tính cả quyết của ta được xem là nhẫn tâm. Ta sẽ không phiền hà, vì khái niệm này giúp nền trật tự tốt đẹp đang phổ biến... Hãy nhìn này, Caulaincourt, ta là con người. Vài người nói sao cũng được, ta cũng có lòng [lòng trắc ẩn nhân từ], có một con tim – nhưng là con tim của một quốc vương. Ta không xúc động bởi những giọt nước mắt của một bà công tước, nhưng những đau khổ của nhân dân làm ta động lòng”¹¹⁹.

Chắc chắn ông là kẻ chuyên chế, thường sáng suốt, thường độc đoán một cách hấp tấp. Ông thú nhận với Las Cases, “Nhà nước là chính ta”¹²⁰. Đôi khi hành động bạo ngược của ông có thể được tha thứ như một sự kiểm soát các hoạt động kinh tế, sân khấu và xuất bản của một quốc gia trong thời chiến. Napoléon giải thích quyền hành tuyệt đối của ông là cần thiết trong quá trình chuyển tiếp từ tình trạng tự do phóng túng của Cách mạng sau năm 1791 đến cảnh trật tự với mục tiêu tái thiết của chế độ Tổng tài và Đế quốc. Ông nhắc lại rằng Robespierre, cũng như Marat, đã khuyên nên áp dụng đường lối độc tài như là phương sách cần thiết để phục hồi trật tự và ổn định cho một nước Pháp đang trên bờ vực tan rã về cả gia đình lẫn nhà nước. Ông cảm thấy mình đã không hủy diệt nền dân chủ; cái mà ông đã thay thế vào năm 1799 là một chế độ quả đầu trị của những kẻ tham nhũng, tàn nhẫn, và vô liêm sỉ. Ông đã hủy diệt tự do của quần chúng, nhưng cái tự do ấy đang hủy diệt nước Pháp bằng những cuộc bạo động

của giới bình dân và cảnh phóng túng bừa bãi về mặt đạo đức, và chỉ có sự phục hồi và tập trung quyền hành mới có thể hồi phục sức mạnh của nước Pháp với tư cách một quốc gia văn minh và độc lập.

Cho đến năm 1810, Napoléon có thể cảm thấy có thể tha thứ được rằng ông đã chân thành với mục tiêu thứ nhì của Cách mạng, đó là bình đẳng. Ông đã ủng hộ và truyền bá sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật. Ông đã thiết lập không phải là sự bình đẳng không thể thực hiện về khả năng và công trạng, mà là sự bình đẳng về cơ hội cho mọi tài năng, dù sinh ra bất cứ từ nơi đâu, có thể tự phát triển trong một xã hội cung cấp nền giáo dục, cơ hội kinh tế, và tư cách tham gia chính trị cho mọi người. Có lẽ chính sách *carrière ouverte aux talents* (sự nghiệp mở ra cho mọi tài năng) là món quà lâu dài nhất của ông tặng cho nước Pháp. Ông hầu như chấm dứt nạn tham nhũng trong đời sống công¹²¹; chỉ riêng điều này cũng sẽ làm ông bất tử. Ông nêu cho mọi người tấm gương làm việc tận lực phục vụ việc cai trị khi nào không phải ra chiến trường. Ông đã tái tạo nước Pháp.

Tại sao ông thất bại? Vì ông đã ôm đồm quá sức, trí tưởng tượng chỉ phối tham vọng của ông, và tham vọng đó áp chế thể xác, tinh thần, và tính cách ông. Lẽ ra ông phải biết Liệt cường sẽ không bao giờ chấp nhận để nước Pháp cai trị một nửa châu Âu. Ông đã thành công đáng kể khi dẫn dắt miền Rheinland của Đức thoát khỏi chế độ phong kiến để bước vào thế kỷ XIX, nhưng thật là điều quá sức ông, hay bất cứ ai vào thời bấy giờ, khi biến một miền đất từ lâu đã bị phân chia thành những công quốc có truyền thống, phong tục, thổ ngữ, tín điều và chính quyền đổ kỵ nhau để hợp thành một liên bang vững bền. Chỉ cần kể ra các vương quốc khác biệt nhau, từ sông Rhein đến sông Wisła, từ Bruxelles đến Napoli, cũng đủ cảm nhận được vấn đề: các vương quốc hay công quốc như Hà Lan, Hannover, Westfalen, các thành phố thuộc liên minh Hanse, Baden, Bayern, Württemberg, Illyria, Venezia,

Lombardia, các lãnh địa của Giáo hoàng, vương quốc Hai xứ Sicilia (the Two Sicilies) – ông có thể tìm ở nơi đâu những người đủ mạnh mẽ để cai trị các vùng này, thu thuế chúng, và cuối cùng là bắt những đứa con trai của chúng ra trận chống lại những quốc gia còn thân thuộc với chúng hơn là người Pháp? Làm sao ông có thể tạo nên sự thống nhất giữa 44 quận mới tăng thêm này và 86 quận nước Pháp, hay giữa 16 triệu người đầy kiêu hãnh và mạnh mẽ này với 26 triệu người Pháp kiêu hãnh và nông nổi? Có lẽ là điều thật hoành tráng khi thử làm việc này, nhưng chắc chắn là sẽ thất bại. Cuối cùng óc tưởng tượng đã xô ngã lý trí; gã khổng lồ nói nhiều thứ tiếng, đứng chống ngược trên chiếc đầu lung lay, đã sụp đổ trở lại vào cảnh phân tranh, và sức mạnh đã ăn sâu của tính cách dân tộc đã đánh bại ý chí vươn đến quyền lực của nhà độc tài vĩ đại này.

VI. Nhà triết học

Thế nhưng, khi trí tưởng tượng xếp đôi cánh lại, ông có thể lý luận với những nhà bác học tài ba nhất trong các Hàn lâm viện Pháp và Ai Cập. Mặc dù ông không nghĩ ra hệ thống tư tưởng chính thức nào nhằm giam hãm một vũ trụ vốn dường như luôn vượt thoát khỏi mọi công thức, nhưng bộ óc thực tế của ông đã xử lý nhanh chóng “các nhà ý hệ” (ideologue) vốn lầm ý tưởng là thực tế và xây những tòa lâu đài hư ảo vốn không có nền tảng nào trong sinh vật học và lịch sử. Sau khi đã thử thách Laplace và những nhà khoa học khác trong các chức vụ cai trị, ông kết luận, “Anh không thể làm bất cứ thứ gì với một triết gia”¹²². Tuy nhiên, ông khuyến khích khoa học, và làm người ta cảm mến môn lịch sử. “Con trai của ta phải nghiên cứu nhiều, nhiều về lịch sử và suy nghĩ về nó”, ông nói khi ở đảo St. Helena, “vì đó là môn triết học thật sự duy nhất”¹²³. Tôn giáo là một trong những lĩnh vực mà trong đó các nhà không tưởng đã trôi lênh bênh trên một lớp màng khái niệm thay vì dựa vào lịch sử. Napoléon cảm thấy chỉ có

nhà luận lý mới cứ làm phiền hoài với câu hỏi, Thượng đế có hiện hữu không? Triết gia thật sự, được đào tạo theo tinh thần lịch sử, sẽ hỏi, tại sao tôn giáo vốn rất thường xuyên bị bài bác và chế nhạo lại luôn sống sót, và đóng vai trò đáng trọng trong mọi nền văn minh? Tại sao ông Voltaire ưa hoài nghi lại bảo rằng nếu Thượng đế không hiện hữu, thì cần phải tạo ra ngài?ⁱ

Bản thân Napoléon đã đánh mất đức tin tôn giáo từ rất sớm ở tuổi 13. Đôi khi ông mong ước mình vẫn giữ nó; “Tôi tưởng tượng nó hẳn phải đem lại niềm hạnh phúc thật sự và lớn lao”¹²⁴. Mọi người đều biết câu chuyện trên chuyến đi Ai Cập, khi nghe các nhà khoa học nói chuyện một cách bất kính, ông đã thách thức họ, chỉ tay lên các vì sao, “Thưa quý vị, quý vị có thể nói bao lâu tùy thích, nhưng ai đã tạo ra tất cả những cái đó?”¹²⁵. Có thể dẫn lại những lời bênh vực cũng như chống đối của ông về việc này và những đề tài khác, vì ông thay đổi quan điểm và tâm trạng theo thời gian, và chúng ta có xu hướng không để ý đến ngày tháng của chúng; thế nhưng con người thâm trầm nào vào năm 50 tuổi lại không bác bỏ những giáo điều mà anh ta đã tuyên thệ lúc trẻ, và đến năm 80 lại không mỉm cười với những quan điểm “chín chắn” vào tuổi trung niên của mình? Nói chung Napoléon giữ niềm tin vào một trí thông minh ở sau hay trong thế giới vật chất¹²⁶, nhưng ông chối bỏ bất cứ sự hiểu biết nào về đặc điểm hay mục đích của nó. “Mọi vật đều cho thấy sự hiện hữu của một Thượng đế, ông kết luận khi ở St. Helena¹²⁷, nhưng “nói tôi từ đâu tới, tôi là gì, hay tôi sẽ đi về đâu là điều nằm ngoài sự hiểu biết của tôi”¹²⁸. Đôi khi ông nói như người theo thuyết tiến hóa duy vật: “Mọi thứ là vật chất¹²⁹;... con người chỉ là con vật hoàn hảo hơn và lập luận giỏi hơn”¹³⁰. “Linh hồn không bất tử; vì nếu vậy nó đã hiện hữu trước khi chúng ta sinh ra.”¹³¹ “Nếu cần phải có một tôn giáo, tôi sẽ thờ mặt trời,

ⁱ Nguyên văn lời của Voltaire: “Si Dieu n’existait pas, il faudrait l’inventer” (Nếu không có Thượng đế, phải tạo ra ông ta).

vì chính mặt trời làm cho mọi thứ sinh sôi nảy nở; đó là vị thần thật sự của trái đất.”¹³² “Tôi sẽ tin vào tôn giáo nếu nó đã có từ thuở khai thiên lập địa. Nhưng khi đọc Socrate, Platon, Moïse, hay Mahomet, tôi không có đức tin nào nữa. Tất thấy đều được con người phát minh ra”¹³³.

Nhưng sao họ lại phát minh ra nó? Napoléon trả lời, để an ủi kẻ nghèo và ngăn họ giết kẻ giàu. Vì mọi người sinh ra đã không bình đẳng, và càng không bình đẳng với mỗi bước tiến bộ trong kỹ nghệ và cuộc chuyên môn hóa. Một nền văn minh phải khêu gợi được, phát triển được, sử dụng được, và tưởng thưởng cho những tài năng ưu việt, và nó phải thuyết phục được những kẻ ít may mắn yên ổn chấp nhận sự bất bình đẳng về những phần thưởng và tài sản này như là điều tự nhiên và cần thiết. Làm sao làm được việc này? Bằng cách dạy cho con người rằng đó là ý của Chúa trời. “Tôi không thấy trong tôn giáo bí mật của sự hiện thân của Chúa, mà là bí mật của trật tự xã hội. Xã hội không thể hiện hữu nếu không có sự bất bình đẳng về [các phần thưởng và do đó] quyền tư hữu, một sự bất bình đẳng vốn không thể duy trì mà không có tôn giáo... Phải nói được với người nghèo: ‘Đó là ý của Chúa. Phải có người giàu và người nghèo trên thế gian này, nhưng trong kiếp sau, và ở thế giới vĩnh hằng, sẽ có một sự phân phối khác.’”¹³⁴ “Tôn giáo đưa vào tư tưởng thiên đàng một ý niệm về sự bình đẳng giúp người giàu không bị người nghèo tàn sát”¹³⁵.

Nếu mọi chuyện đúng như vậy, thì thời Khai minh đã sai lầm khi tấn công Thiên Chúa giáo, và Cách mạng đã sai lầm khi gây khó dễ cho việc rao giảng đức tin Công giáo. “Tình trạng vô chính phủ về mặt trí tuệ [đạo đức?] mà chúng ta đang gánh chịu là kết quả tình trạng vô chính phủ về mặt đạo đức [trí tuệ?] – việc tiêu diệt đức tin, phủ nhận những nguyên tắc [niềm tin] đã có từ trước”¹³⁶. Có lẽ vì lý do này, cũng như vì mục đích chính trị, Napoléon đã phục hồi Giáo hội Công giáo như là “tổ chức hiến binh [cảnh sát] thần thánh

của dân tộc Pháp.”ⁱ Ông đã không giải thích liên minh mới là sự ràng buộc ông vào Mười điều răn; thỉnh thoảng ông nói luận thuyết về chúng, nhưng ông trả lương cho các linh mục để thuyết giảng về chúng cho một thế hệ đang mệt mỏi vì cảnh hỗn loạn và sẵn sàng quay về với trật tự và kỷ luật. Đa số các bậc cha mẹ và thầy cô vui mừng khi được sự trợ giúp của đức tin tôn giáo trong việc nuôi dạy con trẻ – nhằm đối đầu với tư tưởng vô chính phủ tự nhiên nơi tuổi trẻ bằng một bộ quy tắc đạo đức dựa trên đức tin tôn giáo và lòng hiếu thảo, và được trình ra như là đến từ một vị Thượng đế toàn năng luôn dõi mắt trông theo mọi hành vi, đe dọa những hình phạt đời đời, và đưa những sự ban thưởng vĩnh hằng. Phần lớn giai cấp cai trị lấy làm biết ơn đối với quá trình giáo dục vốn sẽ sản sinh ra một công chúng được dạy cách chấp nhận sự bất bình đẳng của năng lực và tài sản, như là một lẽ tự nhiên và không thể tránh khỏi. Giới quý tộc cũ được tha thứ vì đã tẩy sạch sự giàu sang của họ bằng thái độ cư xử nhã nhặn, lịch thiệp; tầng lớp quý tộc mới được thiết lập; và Cách mạng, trong một thế hệ, đã câm tiếng và giấu đi những khẩu súng của mình.

Trong xã hội đã được tái sinh này, hôn nhân và tình mẫu tử phải được thánh hóa lại, và tài sản, chứ không phải tình yêu lãng mạn, phải được phục hồi trở thành nền tảng và mục đích của chúng. Tình yêu sinh ra từ sự hấp dẫn thể xác của chàng trai và cô gái là điều ngẫu nhiên của các chất hormone và sự gần gũi; xây dựng cuộc hôn nhân lâu bền trên một hoàn cảnh tình cờ và nhất thời như vậy là điều nực cười; đó là *une sottise faite à deux* – “một trò ngốc nghếch mà hai người phạm phải”¹³⁸. Đa phần là do nền văn học lãng mạn xui khiến; có lẽ nó sẽ biến mất nếu con người không biết đọc. “Tôi tin chắc rằng tình yêu [lãng mạn] gây hại nhiều hơn lợi, và sẽ là

i Bản Giáo ước (Concordat) đã được Louis Bignon giải thích như vậy. Ông này là người được Napoléon, qua chúc thư, chỉ định viết lịch sử ngoại giao của mình.¹³⁷ [Durant]

điều may mắn nếu nó bị xua đuổi khỏi tâm trí” như một lý do để kết hợp một người đàn ông và một người đàn bà trong mục đích suốt đời là nuôi con, tạo dựng và chuyển giao tài sản. “Hôn nhân phải bị cấm đối với những cặp quen nhau chưa đầy sáu tháng.”¹³⁹

Napoléon có quan điểm như Muhammad về hôn nhân: chức năng của nó là sinh nhiều con dựa trên hoàn cảnh tự do cho người chồng và sự bảo bọc cho người vợ thủy chung và biết vâng lời. Hôn lễ, mặc dù theo thủ tục dân sự, cũng phải long trọng và đầy đủ nghi thức, để nhấn mạnh đến bốn phận mà hai người sẽ đảm đương¹⁴⁰. Đôi vợ chồng mới cưới nên ngủ cùng nhau; việc này “gây nên ảnh hưởng đặc biệt lên đời sống hôn nhân, bảo đảm vị thế của người vợ và sự lệ thuộc của người chồng, và duy trì tình thân mật và đạo đức”¹⁴¹. Napoléon tuân theo cổ tục này cho đến khi ông nảy sinh ý định ly dị.

Tuy nhiên, ngay cả một người vợ thủy chung cũng không đủ cho một người đàn ông. “Tôi thấy thật là buồn cười khi một người đàn ông không thể có hơn một người vợ hợp pháp. Khi cô ta có thai thì cũng giống như người chồng không hề có vợ.”¹⁴² Đa thê tốt hơn ly dị hoặc ngoại tình. Không nên ly dị sau khi cưới nhau mười năm. Mỗi người vợ chỉ nên được phép ly dị một lần, và không được tái giá trong 5 năm sau đó¹⁴³. Việc ngoại tình về phía người chồng không phải là lý do đủ để ly dị, trừ khi đi kèm với việc người chồng đưa người tình về sống chung một nhà với vợ¹⁴⁴. “Khi người chồng phạm tội không thủy chung với vợ, anh ta nên thú nhận với vợ và tỏ ra hối lỗi; lúc ấy mọi dấu vết phạm tội sẽ được xóa. Người vợ giận dữ, tha thứ, và rồi hòa giải với chồng; nhiều khi thậm chí cô ta còn có lợi qua chuyện ấy. Nhưng điều này không đúng với trường hợp người vợ không thủy chung. Thú nhận và hối tiếc cũng tốt cho cô ta, nhưng ai biết được điều gì khác có thể vẫn còn trong đầu óc hay tử cung của cô ta? Do đó cô ta không nên, và không bao giờ có thể cầu xin

sự thông cảm của chồng”¹⁴⁵. (Nhưng chính ông đã hai lần tha thứ cho Joséphine.)

Ông giữ cho bản thân mình không bị phụ nữ quyến rũ bằng cách bám chặt vào quan điểm của Muhammad về họ. “Chúng ta đối xử với phụ nữ quá tốt, và theo cách này đã làm hỏng mọi chuyện. Chúng ta đã sai lầm khi nâng họ lên ngang tầm với chúng ta. Thật ra các nước Đông phương có đầu óc và ý thức hơn khi tuyên bố vợ là tài sản thật sự của chồng. Trong thực tế, tự nhiên đã tạo ra phụ nữ để làm nô lệ cho chúng ta... Người phụ nữ được trao cho đàn ông để có thể mang thai những đứa con cho anh ta;... do đó cô ta là tài sản của anh ta, cũng giống cây ăn quả là tài sản của người làm vườn”¹⁴⁶.

Tất cả những quan điểm này quá sơ khai (và do đó trái với sinh vật học, nơi giống cái là giống chiếm ưu thế, và giống đực chỉ là kẻ phụ thuộc có chức năng cung cấp thức ăn, đôi khi chính nó cũng bị ăn thịt) khiến chúng ta nên vui vẻ chấp nhận lời trấn an của Las Cases rằng phần lớn chúng chỉ là làm bộ làm tịch cho vui, hay là giấc mơ của một võ tướng muốn có vô số lính nghĩa vụ chui ra từ những chiếc dạ con mẫn đẻ; nhưng nó khá hài hòa với những quan điểm của mọi *condottiere* ở đảo Corsica. Bộ luật Napoléon nhấn mạnh lên quyền hành tuyệt đối của người chồng đối với người vợ cũng như với tài sản của cô ta như một sự cần thiết cho trật tự xã hội. “Anh đã luôn nghĩ rằng”, Napoléon viết cho Joséphine năm 1807, “phụ nữ được tạo ra cho đàn ông, và đàn ông cho đất nước, gia đình, vinh quang, và danh dự”¹⁴⁷. Vào ngày sau cuộc tàn sát lẫn nhau được gọi là trận Friedland (14.6.1807), Napoléon phác họa chương trình xây một trường học ở Écouen “cho các bé gái mất mẹ, còn người thân thì quá nghèo nên không thể nuôi dưỡng chúng một cách đúng đắn”.

Các nữ sinh ở Écouen sẽ được dạy những gì? Các người nên bắt đầu với tôn giáo trong toàn bộ sự nghiêm ngặt...

Điều chúng ta đòi hỏi nơi giáo dục không phải là các bé gái sẽ suy nghĩ, mà là tin tưởng. Sự yếu đuối của những bộ óc phụ nữ, tính bất ổn của các ý tưởng của họ,... nhu cầu nhấn nhé suốt đời của họ... tất cả những điều này chỉ có thể được đáp ứng bởi tôn giáo... Ta muốn ngôi trường sẽ là nơi sản sinh ra không phải là những người phụ nữ quyến rũ mà là những người phụ nữ đức hạnh; họ phải quyến rũ vì có những nguyên tắc cao cả và tấm lòng nhiệt thành, chứ không phải vì thông minh sắc sảo hay vui vẻ... Ngoài ra các bé gái phải được dạy viết, số học, và tiếng Pháp cơ bản;... một ít lịch sử và địa lý;... không dạy chữ Latin... Chúng phải học tất cả các môn nữ công gia chánh... Ngoài trừ hiệu trưởng, nhà trường sẽ không có đàn ông ... Thậm chí việc làm vườn cũng phải do phụ nữ đảm nhận.¹⁴⁸

Triết lý chính trị của Napoléon không thỏa hiệp như thế. Vì mọi người sinh ra không bình đẳng, không thể tránh khỏi việc đa số trí tuệ sẽ nằm trong một thiểu số người, và thiểu số này sẽ cai trị khối đa số bằng họng súng hay lời nói. Do đó những kế hoạch không tưởng về sự bình đẳng là huyền thoại mang tính an ủi của kẻ yếu; kẻ vô chính phủ đòi tự do không cần đến chính quyền hay luật pháp là ảo tưởng của những đầu óc non nớt và độc đoán; và dân chủ là một trò chơi được kẻ mạnh sử dụng hòng che giấu chế độ quả đầu của họ.¹⁴⁹ Trên thực tế, nước Pháp đã phải lựa chọn giữa tầng lớp quý tộc kế thừa và sự cai trị của tầng lớp doanh nhân. Do đó, “giữa các dân tộc và trong những cuộc cách mạng, tầng lớp quý tộc luôn tồn tại. Nếu bạn cố loại bỏ nó bằng cách thủ tiêu giới quý tộc thì nó sẽ ngay lập tức tự thành lập trở lại trong số những gia đình giàu có và nhiều thế lực của Đẳng cấp thứ ba. Tiêu diệt nó ở đó, nó sẽ sống sót và ẩn náu nơi những người lãnh đạo công nhân và dân chúng.”¹⁵⁰ “Chế độ dân chủ, nếu ở mức độ vừa phải, sẽ tự giới hạn trong việc cung cấp cơ hội bình đẳng cho mọi người cạnh tranh và thành đạt”¹⁵¹.

Napoléon khẳng định mình đã làm điều này bằng cách thực hiện chính sách *la carrière ouverte aux talents* (sự nghiệp mở ra cho mọi tài năng) trong mọi lĩnh vực; nhưng ông cho phép nhiều trường hợp có thể chệch hướng khỏi chính sách này.

Ông hơi lập lờ về những cuộc cách mạng. Chúng phóng thích những đam mê mãnh liệt của quần chúng bình dân, bởi vì “những tội ác tập thể không đổ tội cho ai”¹⁵², và “không bao giờ có cách mạng mà không có khủng bố”¹⁵³. “Các cuộc cách mạng là nguyên nhân thực sự của việc tái sinh các phong tục của công chúng”¹⁵⁴, nhưng nói chung (ông kết luận vào năm 1816) “cách mạng là một trong những tai họa khủng khiếp nhất mà nhân loại có thể gặp phải. Nó là ngọn roi trừng phạt cái thế hệ đã tạo ra nó; và tất cả cái lợi nó đem lại không thể bù đắp cho cảnh khốn khổ nó gây ra cho cuộc đời những kẻ tham gia vào nó”¹⁵⁵.

Ông thích chế độ quân chủ hơn mọi hình thức chính quyền khác, thậm chí bảo vệ địa vị làm vua cha truyền con nối (tức là địa vị của chính ông) chống lại sự hoài nghi của Sa hoàng Aleksandr¹⁵⁶. “Có nhiều cơ may có được một vị vua tốt bằng cách thừa kế hơn là bằng cách bầu cử.”¹⁵⁷ Dân chúng được hạnh phúc dưới một chính quyền ổn định như thế hơn là dưới một nền dân chủ tự-do-cho-mọi-người, phận-ai-nấy-lo. “Trong những lúc bình thường và yên ổn, mọi cá nhân đều có phần hạnh phúc của mình: anh thợ sửa giày trong tiệm cũng hài lòng như ông vua trên ngai vàng; anh lính cũng sung sướng không kém vị tướng quân.”¹⁵⁸

Lý tưởng chính trị của ông là một liên bang các quốc gia ở châu Âu, hay lục địa, được điều hành về mặt đối ngoại từ Paris như là “thủ đô của thế giới.” Trong cái “Hiệp hội Âu châu” ấy, mọi quốc gia thành viên sẽ có chung đồng tiền, các đơn vị đo lường, và các luật lệ cơ bản, mà không có hàng rào chính trị đối với các hoạt động du lịch, vận chuyển, và thương mại¹⁵⁹. Khi Napoléon đến được Moskva năm 1812, ông nghĩ chỉ còn một nền hòa bình công bằng với Aleksandr cản trở ông thực

hiện giấc mơ của mình. Ông đã đánh giá thấp lực ly tâm của những khác biệt giữa các dân tộc; nhưng có lẽ ông đã đúng khi tin rằng nếu châu Âu đạt được sự thống nhất, việc này sẽ không phải qua những lời kêu gọi đến lý trí, mà là qua sự áp đặt của một sức mạnh ưu việt liên tục qua một thế hệ. Lúc ấy chiến tranh sẽ tiếp tục, nhưng ít nhất nó sẽ lịch sự.

Khi tiến gần đến kết cục của mình, ông tự hỏi liệu ông có phải là tác nhân tự do và sáng tạo hay là công cụ bất lực của một sức mạnh vũ trụ nào đó. Ông không phải là người theo thuyết định mệnh (fatalist), nếu điều này có nghĩa là người tin rằng thành công hay thất bại, sức khỏe hay bệnh tật, tính cách của cuộc đời và giây phút lâm chung của mình, đều đã được định sẵn bởi một quyền lực giấu mặt nào đó, bất kể ông chọn làm gì¹⁶⁰; cũng không phải là người theo quyết định luận (*determinist*) trong ý nghĩa một người tin vào mọi chuyện xảy ra, gồm cả mọi sự lựa chọn, ý tưởng, hay hành vi của ông, đều được định đoạt bởi sự cấu thành của mọi sức mạnh và lịch sử của quá khứ. Nhưng ông không ngừng nói về “định mệnh” – dòng suối trung tâm của những biến cố, phần nào dễ bị tác động bởi ý chí con người, nhưng về cơ bản không thể cưỡng chống lại, chúng như chực tuôn trào ra từ bản chất cố hữu của các sự vật. Đôi khi ông nói về ý chí của mình – đủ mạnh để ngăn cản hay uốn cong dòng chảy, “Tôi đã luôn có thể áp đặt ý chí của mình lên số phận”¹⁶¹. Quá thất thường đến nỗi không kiên định, nên ông cũng nói, “Tôi lệ thuộc vào các biến cố. Tôi không có ý chí; tôi chờ đợi mọi thứ phát sinh”¹⁶². – lúc chúng phát sinh từ cội nguồn của mình. “Càng vĩ đại – tức là càng lên cao trên nấc thang quyền lực – người ta càng có ít ý chí tự do hơn” – nghĩa là những sức mạnh tác động lên người đó càng nhiều và càng mạnh. “Con người bị lệ thuộc vào các hoàn cảnh và biến cố. Tôi là con người nô lệ nhiều nhất; ông chủ của tôi là bản chất của các sự vật.”¹⁶³ Ông kết hợp những tâm trạng thất thường của mình trong khái niệm kiêu hãnh về bản thân ông như một

công cụ của số phận – tức là, bản chất của các sự vật với tư cách định đoạt dòng chảy và điểm đến cuối cùng của các biến cố. “Số phận thôi thúc tôi đi đến một mục đích mà tôi không biết. Cho đến khi đạt được mục đích ấy tôi không thể bị tổn thương, không thể bị tấn công” – như được sinh ra cùng với dòng suối. “Khi số phận đã đạt được mục đích của nó trong tôi, một con ruồi cũng đủ hủy diệt tôi.”¹⁶⁴ Ông tự cảm thấy mình bị buộc chặt vào một định mệnh huy hoàng nhưng đầy hiểm họa; lòng kiêu hãnh và hoàn cảnh đẩy ông đi tới; “định mệnh phải được hoàn thành”¹⁶⁵.

Như tất cả chúng ta, ông thường nghĩ về cái chết, và có những tâm trạng biền hộ hoặc tính đến chuyện tự tử. Thời còn trẻ, ông cảm thấy tự tử là quyền cuối cùng của mọi người; đến năm 51 tuổi ông thêm: “nếu cái chết của hãn không làm hại đến ai”¹⁶⁶. Ông không tin vào sự bất tử. “Không có sự bất tử ngoại trừ ký ức để lại trong tâm trí người ta... Sống không vinh quang, không để lại dấu vết gì về sự tồn tại của mình, thì cũng như chưa hề sống”¹⁶⁷.

VII. Ông là ai?



Hình 28: Đồng tiền vàng 20 franc mang hình vị Đế nhất Tổng tài, 1803.

Ông có phải là người Pháp? Chỉ do sự ngẫu nhiên của thời đại; nếu không thì ông đã không phải là người Pháp cả về thể xác cũng như tâm hồn và tính cách. Người ông thấp, và về sau thì mập mạp; nét mặt ông nghiêm nghị như người La Mã thay vì tươi sáng như người Pháp; ông thiếu vẻ duyên dáng và vui vẻ, óc khôi hài và trí thông minh dí dỏm, vẻ tao nhã và cách cư xử của một người Pháp có văn hóa; ông có xu hướng thống trị thế giới hơn là hưởng thụ nó. Ông gặp vài khó khăn khi nói tiếng Pháp; ông giữ một chất giọng ngoại quốc cho đến năm 1807¹⁶⁸; ông nói tiếng Ý lưu loát, và dường như thoải mái ở Milano hơn ở Paris. Trong nhiều dịp, ông đã diễn tả sự không ưa thích tính cách Pháp. “Hoàng đế”, Las Cases kể, “nói dài dòng về tính nhẹ dạ, không kiên định và hay thay đổi của chúng ta. ‘Mọi người Pháp’, ông nói, ‘đều quay cuồng, và có xu hướng nguyên rửa... Nước Pháp thích thay đổi quá nhiều đối với bất cứ chính phủ nào kéo dài ở đây’”¹⁶⁹.

Ông thường nói – với sự nhấn mạnh của một người không chắc chắn – về tình yêu của mình đối với nước Pháp. Ông oán giận bị gọi là “anh chàng Corsica”; “tôi muốn là người Pháp hoàn toàn”¹⁷⁰; “tước hiệu cao quý nhất trên đời này là một người Pháp từ thuở lọt lòng”¹⁷¹. Nhưng vào năm 1809, ông tiết lộ cho Roeder biết tình yêu nước Pháp của ông có nghĩa là gì: “Ta chỉ có một đam mê, một người tình, và đó là nước Pháp. Ta ngủ với nàng. Nàng chưa hề giả dối với ta. Nàng ban phát rộng rãi máu và châu báu cho ta. Nếu ta cần 500.000 người đàn ông, nàng cũng cho ta”¹⁷². Ông yêu nó như người chơi vĩ cầm yêu cây đàn của mình, như một nhạc cụ đáp ứng tức thì từng cái vuốt ve và ý muốn của ông. Ông kéo những sợi dây đàn căng tới khi chúng đứt phụt, hầu như toàn bộ cùng một lúc.

Có phải ông là “Người con của Cách mạng”? Các nước trong liên minh nhiều khi gọi ông như vậy; nhưng bằng cách gọi như vậy họ muốn nói rằng ông đã thừa hưởng những tội ác



Hình 29: Tượng Napoléon ở Cherbourg-Octeville

của Cách mạng, và tiếp tục từ chối dòng họ Bourbon. Bản thân ông liên tục nói rằng ông đã đưa Cách mạng đến chỗ kết thúc – không những cảnh rối loạn và bạo lực, mà còn những sự giả vờ dân chủ của nó nữa. Ông là Người con của Cách mạng trong chừng mực ông giữ lại chính sách giải phóng nông dân, tự do kinh doanh, bình đẳng trước pháp luật, cơ hội sự nghiệp mở ra cho người tài, và nguyện vọng bảo vệ các biên giới tự nhiên. Nhưng khi ông tự phong làm Tổng tài suốt đời, rồi làm Hoàng đế, khi ông chấm dứt tự do phát biểu và báo chí, biến Giáo hội Công giáo thành cộng sự của chính quyền, sử dụng những ngục Bastille mới, và ưu đãi giới quý tộc cũ cũng như mới – lúc ấy chắc chắn ông đã thôi không còn là Người con của Cách mạng. Trên nhiều phương diện, ông vẫn còn là như thế ở những lãnh thổ chinh phục được. Ở đây ông chấm dứt chế độ phong kiến, tôn giáo pháp đình, và sự kiểm soát của giới giáo sĩ đối với đời sống; ông đã mang đến đây bộ luật của mình và vài tia sáng của Thời đại Ánh sáng. Nhưng, sau khi ban phát những điều nêu trên, ông cho họ những ông vua.

Mặc dù ngoài ý muốn của ông, gọi ông là “anh chàng Corsica” có đúng không? Ông chỉ có tính chất Corsica trong lòng trung thành với dòng họ, tài chiến đấu bẩm sinh, và lòng say sưa bảo vệ nước Pháp chống lại các kẻ thù; nhưng ông không có tinh thần cừu hận của dân Corsica, và việc ông đọc sách của các triết gia đã đưa ông xa tít khỏi Thiên Chúa giáo thời trung cổ của hòn đảo quê hương ông. Ông là người Corsica trong dòng máu, người Pháp trong giáo dục, và người Ý trong hầu hết mọi thứ khác. Vâng, sau mọi cố gắng trả lời cho họ, chúng ta phải quay về với Stendhal và Taine, và nói rằng Napoléon là một *condottiere* của thời Phục hưng Ý, được duy trì đúng khuôn mẫu bởi sự cô lập, những mối hận thù truyền kiếp, và những cuộc chiến của Corsica. Ông là Cesare Borgiaⁱ với bộ óc lớn gấp đôi, và Machiavelli với một nửa tính thận trọng và ý chí mạnh gấp một trăm lần. Ông là một người Ý bị Voltaire làm cho trở thành hoài nghi, những mưu mẹo sinh tồn của Cách mạng làm cho khôn khéo, và những cuộc tranh luận tay đôi hàng ngày của giới trí thức Pháp làm cho sắc sảo. Tất cả các đặc tính của thời Phục hưng Ý hiện ra trong con người ông: nghệ sĩ và chiến binh, triết gia và kẻ chuyên chế; được hợp nhất trong các bản năng và mục đích, nhanh nhạy và xuyên thấu trong suy nghĩ, thẳng thắn và áp đảo trong hành động, nhưng không thể dừng lại. Trừ khuyết điểm sống còn này ra, ông là bậc thầy của sự phức tạp được kiểm soát và năng lực được phối hợp tốt trong lịch sử. Tocqueville đã nói đúng: Ông vĩ đại như một người có thể vĩ đại mà không có đức hạnh, và khôn ngoan như một người có thể khôn ngoan mà không có lòng khiêm tốn. Tuy nhiên, ông vẫn còn ở trong giới hạn của phép xác suất khi tiên đoán rằng thế giới sẽ không thấy được những người như ông qua nhiều thế kỷ nữa.

i Cesare Borgia (1475/1976 – 1507): Con ruột của Giáo hoàng Alexander VI. Hồng y giáo chủ người Ý, nhà lãnh đạo quân sự và nhà chính trị, Công tước Valentinois. Các chính sách của ông được Niccolò Machiavelli nêu ra như một ví dụ về vị “Quân vương” mới.

Chương 5

Nước Pháp thời Napoléon: 1800–1815

I. Kinh tế

Mặc dù được nuôi dạy để trở thành một người lính, Napoléon có ý thức đúng đắn về những hiện thực kinh tế như là số phận của các gia đình, tầng đất bên dưới của văn hóa, và sức mạnh cũng như sự yếu kém của một quốc gia. Nhìn chung, mặc dù có xu hướng muốn điều hành mọi chuyện, ông đứng về phía tự do kinh doanh, cạnh tranh công khai, và quyền tư hữu. Ông ít quan tâm đến kế hoạch theo xã hội chủ nghĩa của Charles Fourier và những người khác đối với nền sản xuất hàng hóa theo kiểu công xã và sự phân phối sản phẩm công bằng. Ông cảm thấy chắc chắn rằng trong bất cứ xã hội nào cũng vậy, thiếu số tài giỏi hơn sẽ sớm cai trị đa số, và thu phần lớn của cải. Ngoài ra, về lâu dài nguồn cảm hứng của lý tưởng cộng sản không thể thay thế cho những sự tưởng thưởng khác nhau trong việc hòa giải con người với công sức lao động khó nhọc; nói thẳng ra, “chính cái đói làm cho thế giới chuyển động”¹. Hơn nữa, quyền sở hữu công là sự quyền rũ không ngừng đối với thói cầu thả. “Trong khi một người chủ sở hữu riêng lẻ luôn tỉnh táo, và làm cho những kế hoạch của mình mang lại kết quả, thì quyền lợi công tự bản chất vốn đã ngái ngủ và không sản sinh được gì có giá trị kinh tế, vì hoạt động kinh doanh tư là vấn đề bản năng, còn hoạt động kinh doanh công là vấn đề của tinh thần tập thể vốn hiếm hoi”². Do đó ông mở toang mọi cánh cửa, mọi nghề nghiệp cho hết thảy mọi người, bất luận hoàn cảnh xuất thân

hay dòng dõi; và cho đến những năm về sau dưới triều đại ông, nước Pháp đã được hưởng một nền thịnh vượng mang lại hòa bình cho mọi giai cấp; không có cảnh thất nghiệp³, không có nổi loạn chính trị. “Không ai nghĩ đến việc lật đổ một chính phủ ở đó tất cả những người xứng đáng đều được trọng dụng.”⁴

Một nguyên tắc quan trọng của Napoléon: “Vốn liếng được đặt trên một hệ thống nông nghiệp tốt sẽ không bao giờ mất”⁵. Trông nom mọi việc, không xem nhẹ việc gì, ông nhận ra rằng chính sách bảo hộ bằng thuế quan, việc tài trợ đáng tin cậy, và việc bảo dưỡng tốt hệ thống vận chuyển bằng đường bộ và kênh đào sẽ khuyến khích tầng lớp nông dân lao động chăm chỉ, mua sắm đất đai, ngày càng tạo ra nhiều sản vật bằng việc trồng trọt, và cung cấp những thanh niên trai tráng cho các đạo quân của ông. Quá nhiều nông dân Pháp là những người lính canh hay làm thuê, nhưng vào năm 1814 đã có nửa triệu người trong số họ làm chủ mảnh đất đang cày cấy. Một mệnh phụ người Anh sang Pháp du lịch vào năm ấy đã mô tả những người nông dân đang vui hưởng một mức độ sung túc mà giai cấp họ ở bất cứ nơi nào khác tại châu Âu không có được⁶. Những người dân cày này xem Napoléon là sự bảo đảm sống cho những chứng thư sở hữu tài sản của họ, và vẫn trung thành với ông cho đến khi đất đai của họ mòn mỏi đi vì vắng bóng những đứa con đã bị gọi đi tòng quân.

Công nghiệp cũng là một mối quan tâm hàng đầu của Napoléon. Ông chú tâm đến việc viếng thăm các nhà máy, bày tỏ sự quan tâm đến các quy trình và sản phẩm, đến những thợ thủ công cũng như người quản lý. Ông khao khát đem khoa học phục vụ cho công nghiệp. Ông tổ chức các cuộc triển lãm công nghiệp – vào năm 1801 trong điện Louvre, và năm 1806 dưới những tấm lều rộng mênh mông ở điện Les Invalides. Ông tổ chức École des Arts et Métiers (Trường Mỹ thuật và Huấn nghiệp), và tưởng thưởng các nhà phát

minh về khoa học. Những cuộc thí nghiệm về sức đẩy của hơi nước được thực hiện vào năm 1802 bằng một cỗ máy công kênh trên một chiếc sà lan ở con kênh gần Paris; thành công của chúng không có sức thuyết phục, nhưng đã thúc đẩy những nỗ lực tiếp theo. Năm 1803, Robert Fulton đưa ra kế hoạch áp dụng sức hơi nước phục vụ việc đi lại của tàu bè; Napoléon chuyển nó cho Pháp quốc Học viện và sau hai tháng thí nghiệm, kế hoạch này bị bác bỏ vì không thể thực hiện. Công nghiệp Pháp phát triển chậm hơn Anh, vì có ít thị trường, ít vốn, và ít máy móc hơn. Tuy nhiên, năm 1801, Joseph-Marie Jacquard đã triển lãm chiếc máy dệt mới của mình; năm 1806 Chính phủ Pháp mua phát minh này và phân phối nó; công nghiệp dệt của Pháp trở nên cạnh tranh với Anh. Nền công nghiệp tơ lụa ở Lyons vào năm 1800 có 3.500 khung cửi, năm 1808 đã sử dụng đến 10.720 khung⁷; và năm 1810 một ông chủ ngành dệt đã sử dụng 11.000 công nhân trong các nhà máy của mình⁸. Trong khi ấy, các nhà hóa học Pháp tiếp tục đối phó sự ngăn chặn của người Anh không cho nhập đường, bông vải và bột chàem bằng cách sản xuất đường từ củ cải đường, thuốc nhuộm từ cây tùng lam và vải lanh còn tốt hơn cả bông vải⁹; cũng như họ đã sản xuất được rượu mạnh từ củ khoai tây.

Napoléon giúp đỡ các ngành công nghiệp Pháp bằng các biện pháp bảo vệ thuế quan và Phong tỏa lục địa, khắc phục những khó khăn tài chính của chúng bằng những khoản vay ưu đãi, mở ra những thị trường mới cho hàng hóa Pháp trong đế quốc ngày càng mở rộng của ông, và thu hút những người khó kiếm việc vào những công trình công cộng rộng lớn. Một số công trình được dựng lên để tôn vinh Napoléon và các đạo quân của ông, như Cột Vendôme, Đền Madeleine, các Khải hoàn môn Carrousel và Étoile; một số là những công sự hoặc căn cứ quân sự, như pháo đài, đê, và cảng Cherbourg; một số là những tòa nhà được thiết kế đầy nghệ thuật như Thị trường Chứng khoán, Pháp quốc Ngân hàng, Tòa Bưu điện,

Nhà hát Odéon, thậm chí các Chợ Lúa mì hay Rượu vang – những ngôi chợ uy nghi bán ngũ cốc hoặc rượu vang (năm 1811). Một số công trình nhằm trợ giúp nông nghiệp, như tháo nước ra khỏi các vùng đầm lầy; một số trợ giúp cho vận tải và thương mại. Trong số này có việc mở những đường phố mới ở Paris, như các đường Rivoli, Castiglione, de la Paix, và 3,2km *quai* (đường bờ sông), như Quai d’Orsay, chạy dọc sông Seine. Quan trọng hơn, còn có 54.000km đường mới trên toàn nước Pháp và vô số cây cầu, kể cả cầu Austerlitz và cầu Iéna ở Paris; cộng với việc nạo vét lòng các con sông và mở rộng hệ thống các kênh đào đầy ấn tượng của Pháp. Người ta đào những con kênh quan trọng nối liền Paris với Lyons, và Lyons với Strasbourg và Bordeaux. Napoléon sụp đổ trước khi hai hệ thống khác kịp hoàn tất: những con kênh đào nối liền sông Rhein với sông Danubius và sông Rhône, và nối Venezia với Genova¹⁰.

Những người công nhân đào kênh, dựng các cổng vòm của khai hoàn môn, và lao động trong các nhà máy không được phép đình công, hoặc thành lập công đoàn để thương lượng những điều kiện làm việc tốt hơn hoặc lương bổng cao hơn. Tuy nhiên, chính quyền Napoléon nhận ra là lương bổng nên được giữ ngang hàng với giá cả, những người làm bánh và bán thịt và chủ nhà máy bị đặt dưới sự quy định của chính phủ, và rằng – đặc biệt là ở Paris – các nhu yếu phẩm cho cuộc sống phải được cung cấp dồi dào. Cho đến những năm cuối cùng của triều đại Napoléon, lương đã tăng nhanh hơn giá, và giới vô sản, trong khi khiêm tốn chia sẻ sự thịnh vượng và niềm kiêu hãnh chung từ các chiến thắng của Napoléon, đã có tinh thần yêu nước hơn giới tư sản. Họ ít nghe theo những người có khuynh hướng tự do thuộc giới tư sản như Phu nhân de Staël hay Benjamin Constant thuyết giảng về tự do.

Tuy nhiên vẫn có những nguồn và tiếng nói bất mãn. Vì tự do kinh doanh ngày một làm giàu cho những ai thông minh tài giỏi, một số nhận thấy bình đẳng héo mòn dưới bối cảnh

tự do, và một chính phủ chủ trương *laissez-faire*ⁱ cho phép tập trung của cải khiến loại ra ngoài một nửa dân số không được hưởng những thành quả của phát minh và những ân huệ của văn minh. Năm 1808, François-Marie Fourier xuất bản cuốn *Théorie des quatre mouvements et des destinées générales* (Lý thuyết về bốn phong trào và về những số phận chung) – tác phẩm kinh điển đầu tiên về chủ nghĩa xã hội không tưởng. Ông đề nghị rằng những ai bất mãn với việc tổ chức hiện hữu của công nghiệp nên đoàn kết thành những cộng đồng hợp tác (*phalange*), mỗi cộng đồng gồm khoảng 400 gia đình, cùng nhau sống trong một *phalanstère*, hay tòa nhà chung; rằng toàn thể các thành viên nên dành một phần trong các ngày làm việc cho việc canh nông (được tổ chức tập thể), một phần cho công việc gia đình hay cộng đồng, và một phần cho việc giải trí và trau dồi văn hóa; mỗi cá nhân nên làm nhiều việc khác nhau, và đôi khi nên thay đổi nghề nghiệp; mỗi cá nhân nên chia sẻ đồng đều các sản phẩm hay lợi nhuận của đoàn thể; và mỗi đoàn thể nên có trung tâm cộng đồng, trường học, thư viện, khách sạn, và ngân hàng. Kế hoạch này đã tạo cảm hứng cho những con người lý tưởng trên cả hai bán cầu, và Brook Farm, ở gần Boston, chỉ là một trong số nhiều cộng đồng không tưởng vốn chẳng bao lâu sau đã bị chủ nghĩa cá nhân bầm sinh của con người đốn ngã.

Bản thân Napoléon cũng không ưa thích chủ nghĩa tư bản lắm. Ông gọi người Mỹ “những con buôn đơn thuần”, những người “chỉ xem việc kiếm tiền là vinh quang”¹¹. Ông khuyến khích nền thương mại nước Pháp bằng cách nhân lên và duy trì những con đường vận chuyển và thương mại, và bằng cách cung cấp và củng cố cho đồng tiền được vững mạnh, nhưng lại làm nản lòng nó [hoạt động thương mại] bằng một ngàn lẻ một quy định của chính sách Phong tỏa lục địa. Cuối cùng, nhượng bộ trước những lời phản nân, ông

i *Laissez-faire*: Chính sách kinh tế không can thiệp, để mặc tư nhân tự do kinh doanh.

cấp (1810-1811) những giấy phép cho phép xuất khẩu một số hàng hóa vào Anh quốc, và nhập khẩu đường, cà phê, và các sản phẩm nước ngoài khác. Ông bắt trả tiền cho các giấy phép này, và đã có nhiều chuyện liên quan tới hành vi ưu đãi hay hối lộ liên quan đến việc cấp phép¹². Những người buôn bán nhỏ lẻ ở Pháp làm ăn phát đạt hơn các nhà buôn sỉ khi công nghiệp phát triển; các cửa hàng chất đầy hàng hóa như chưa từng thấy ở Pháp nhờ nông nghiệp, công nghiệp và việc vận chuyển bành trướng; và đường phố nhiều người qua lại nở rộ các cửa hiệu đầy màu sắc. Nhưng các thành phố cảng lớn như Marseilles, Bordeaux, Nantes, Le Havre, Antwerp, và Amsterdam lại bị suy tàn, và các thương gia quay sang chống lại Napoléon và chính sách Phong tỏa lục địa của ông.

Thành công lớn nhất của ông với tư cách một nhà cai trị nằm ở lĩnh vực tài chính. Thật lạ lùng, cho đến năm 1812, những cuộc chiến tranh của ông đem về nhiều hơn là chi phí bỏ ra. Ông đặt lên vai các kẻ thù gánh nặng do đã khởi chiến; và khi đánh bại họ ông bắt họ phải trả các chi phí cao và các nghệ phẩm của các bậc Đại sư (*Old Master*) cho bài học này. Một phần các khoản tích góp này ông trực tiếp quản lý như một *domaine extraordinaire* (tài sản đặc biệt). Năm 1811, ông khoe mình có 300 triệu đồng franc vàng cất dưới *caves des Tuileries* (những căn hầm ở Cung điện Tuileries)¹³. Ông dùng quỹ này để làm nhẹ bớt sự khan hiếm tiền của Ngân khố, điều chỉnh những diễn biến nguy hiểm ở thị trường chứng khoán, tài trợ các công trình công cộng hoặc chỉnh trang đô thị, thưởng thưởng những công trạng đáng kể, tuyên dương các nghệ sĩ và văn nhân, cứu giúp những ngành công nghiệp gặp khó khăn, hối lộ một người bạn hay một kẻ thù, và trả lương cho lực lượng cảnh sát mật của ông. Vẫn còn đủ để chuẩn bị cuộc chiến tranh sắp tới, và giữ cho thuế má ở xa dưới mức của thời Louis XVI hay thời Cách mạng¹⁴.

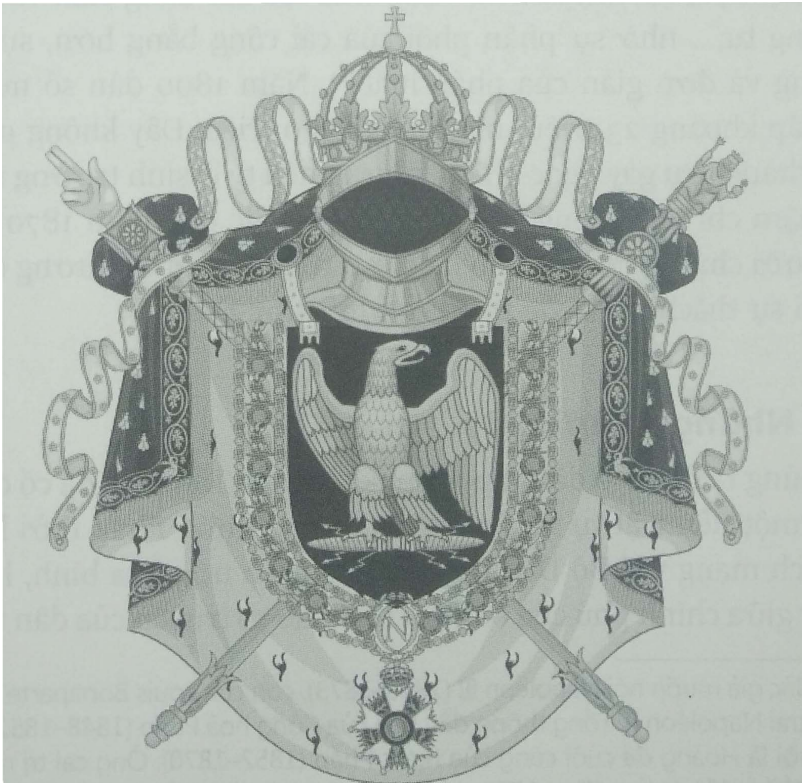
“Trước năm 1789”, Taine bảo, “trên 100 franc lợi tức ròng, người nông dân phải trả 14 cho lãnh chúa, 14 cho giới tăng

lũ, 53 cho nhà nước, và chỉ còn giữ 18 hay 19 franc cho mình; sau năm 1800, với 100 franc kiếm được anh ta không phải trả gì cho lãnh chúa hay giới tu sĩ, anh ta trả một ít cho nhà nước, chỉ 25 cho xã và tỉnh, và giữ lại 70 franc trong túi.”¹⁵ Trước năm 1789, công nhân lao động chân tay phải làm từ 20 đến 39 ngày làm việc để trả các thứ thuế; sau năm 1800, chỉ từ 6 đến 19 ngày. “Qua việc hầu như hoàn toàn miễn thuế cho những người không có tài sản, gánh nặng thuế trực thu hầu như hoàn toàn rơi vào những người có tài sản”¹⁶. Tuy nhiên, có nhiều thứ thuế gián tiếp hay thuế mua hàng “cực kỳ phải chăng” đánh vào mọi người dân một cách bình đẳng, và do đó gây khó khăn cho người nghèo hơn người giàu. Vào giai đoạn cuối của đế chế, các chi phí chiến tranh đã vượt xa những gì nó mang lại; thuế má và giá cả gia tăng, và sự bất mãn của công chúng cũng lan tràn.

Cuộc khủng hoảng tài chính vào năm 1805 khiến Napoléon phải tổ chức lại Pháp quốc Ngân hàng (Banque de France), được thành lập vào năm 1800 dưới sự quản lý của tư nhân. Trong khi ông đang chiến đấu cho sinh mạng chính trị của mình ở Marengo, một nhóm những người đầu cơ do Gabriel-Julien Ouvrard dẫn đầu đã nắm quyền kiểm soát những nguồn tiếp tế cho quân đội. Gặp phải khó khăn, họ đã cầu xin ngân hàng cấp một khoản tín dụng đáng kể. Để huy động số tiền này, ngân hàng, với sự cho phép của Ngân khố, đã phát hành những tờ giấy bạc riêng của mình như một thứ tiền tệ hợp pháp; chúng thất bại không được chấp nhận trong những vụ giao dịch tài chính, và mất đến 90% mệnh giá. Ngân hàng và công ty đối diện cảnh phá sản. Khi quay về Paris, Napoléon cứu giúp ngân hàng bằng một phần trong số những khoản tiền bồi thường từ nước Áo, nhưng ông nhấn mạnh rằng từ nay trở đi ngân hàng sẽ được đặt “dưới sự kiểm soát của nhà nước, nhưng không quá nhiều”. Ngày 22.4.1806, ông đặt nó dưới quyền lãnh đạo của một thống đốc và hai phó thống đốc do chính phủ bổ nhiệm, và 15 thành viên hội đồng quản trị do

các cổ đông chọn ra. Pháp quốc Ngân hàng mới này mở các chi nhánh ở Lyons, Rouen, và Lille, và bắt đầu sự nghiệp hoạt động lâu dài phục vụ cho nền kinh tế Pháp và cho nhà nước. Chính phủ vẫn chỉ giữ một ít các cổ phần của ngân hàng.

Napoléon ít tôn trọng những người cung cấp quân nhu cho quân đội và các bộ của ông. Ông tin chắc rằng mọi nhà thầu đều ghi khống các hóa đơn, và một số bọn họ cung cấp những thứ hàng xấu với giá trên trời. Ông chỉ thị cho thuộc cấp phải kiểm tra tất cả các hóa đơn mang tới cho họ, và đôi khi ông tự làm việc này. “Tất cả các nhà thầu”, ông bảo Bourrienne, “tất cả các đại lý cung cấp thực phẩm, là những tên lưu manh... Chúng có bạc triệu, lẫn lộn trong cảnh xa xỉ láo xược, trong khi các binh sĩ của ta không có bánh lẫn giày. Ta sẽ không để việc đó xảy ra nữa!”¹⁷. Tại Wien vào năm 1809, ông nghe những lời than phiền về việc quần áo và thiết bị



Hình 30: Phù hiệu của Đế chế

bán cho quân đội ông bị lỗi; ông ra lệnh mở cuộc điều tra, kết quả cho thấy các nhà thầu đã kiếm được những món lời bất chính rất lớn trong việc bán các món hàng này. Ông cho mở tòa án quân sự, và phiên tòa đã kết án tử hình những kẻ tham ô. Người ta dùng mọi ảnh hưởng để cứu họ, nhưng Napoléon từ chối khoan hồng, và bản án được thi hành¹⁸.

Nhìn chung, như những nhà phê bình chống đối đã đồng ý¹⁹, 13 năm đầu của triều đại Napoléon đã mang lại cho nước Pháp sự thịnh vượng chưa từng có. Năm 1805, khi Las Cases, một *émigré* dòng dõi quý tộc và được khoan hồng, trở về sau một vòng thăm 60 tỉnh, ông báo cáo rằng: “Chưa bao giờ trong lịch sử nước Pháp lại hùng mạnh hơn, phồn thịnh hơn, được cai trị tốt hơn, và hạnh phúc hơn”²⁰. Năm 1813, Bá tước de Montalivet, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cho rằng sự thịnh vượng kéo dài này là nhờ “việc bãi bỏ chế độ phong kiến, các tước hiệu, sự chiếm hữu vĩnh viễn các bất động sản, và các dòng tu;... nhờ sự phân phối của cải công bằng hơn, sự rõ ràng và đơn giản của pháp luật”²¹. Năm 1800 dân số nước Pháp khoảng 23 triệu; năm 1813 là 30 triệu. Đây không phải là thành tựu gây ngạc nhiên, nhưng nếu tỷ lệ sinh trưởng này (thậm chí khi không điều chỉnh) tiếp tục đến năm 1870 thì người cháu của Napoléon đã có 50 triệu người để đương đầu với sự thách thức của Bismarck từ nước Đức.ⁱ

II. Những người thầy

Chúng ta đã theo dõi Napoléon, khi còn là Tổng tài, đã cố đưa ra một nền trật tự và ổn định mới cho nước Pháp thời hậu Cách mạng với Bộ Dân luật, và bản Giáo ước hòa bình, hợp tác giữa chính phủ của ông với tôn giáo cổ truyền của dân tộc.

i Tác giả muốn nói Napoléon III (1808–1873), con của Louis Bonaparte (em trai Napoléon I), Tổng thống đầu tiên của Cộng hoà Pháp (1848–1852) và rồi là Hoàng đế cuối cùng của nước Pháp (1852–1870). Ông cai trị nước Pháp đến tháng Chín 1870 thì bị bắt và bị truất phế sau khi thua trận chiến chống lại nước Phổ dưới quyền của Thủ tướng Bismarck.

Ông đề nghị thêm vào các lực lượng mang tính quyết định này một lực lượng thứ ba bằng cách tổ chức lại hệ thống giáo dục nước Pháp. “Trong tất cả những công cụ của xã hội, nhà trường có lẽ là cái hiệu quả nhất, vì nó gây nên ba loại ảnh hưởng lên giới trẻ mà nó bảo bọc và hướng dẫn: ảnh hưởng thứ nhất qua người thầy, ảnh hưởng thứ hai qua các bạn học, và cuối cùng qua các luật lệ và quy định”²². Ông tin chắc rằng lý do khiến luật pháp và trật tự thời Cách mạng bị tan vỡ là do giữa những cuộc xung đột sống chết của thời đại, Cách mạng đã bắt lực trong việc thiết lập một hệ thống giáo dục thay thế thỏa đáng hệ thống mà Giáo hội đã duy trì trước đó. Những kế hoạch tráng lệ được soạn thảo, nhưng không đủ tiền hoặc thời gian thực hiện. Giáo dục tiểu học được giao cho các tu sĩ và các bà sơ, hay các giáo viên thế tục được phụ huynh hoặc làng xã trợ cấp chỉ trên mức chết đói; giáo dục trung học chỉ vừa đủ tồn tại trong những trường trung học với việc phân phát các môn khoa học và lịch sử và hiếm khi chú trọng đến việc hình thành tính cách. Napoléon nghĩ về giáo dục công cộng bằng những thuật ngữ chính trị: chức năng của nó là tạo ra những công dân thông minh nhưng ngoan ngoãn. “Trong khi thiết lập một đoàn thể giáo viên, “ông nói, với một sự bộc trực hiếm thấy nơi các chính phủ, “mục đích chính của ta là bảo đảm có được những phương tiện để định hướng các quan điểm chính trị và đạo đức... Chừng nào người ta lớn lên mà không biết mình có tư tưởng cộng hòa hay quân chủ, Công giáo hay vô thần, thì nhà nước sẽ không bao giờ tạo thành một quốc gia; nó sẽ dựa trên những nền tảng mơ hồ, không chắc chắn; nó sẽ có nguy cơ bị rối loạn hoặc bị thay đổi”²³.

Sau khi phục hồi Giáo hội để liên kết với chính quyền, ông cho phép những tổ chức bán tu viện như Frères des Écoles Chrétiennes (Hội Sư huynh các trường Kitô), chăm lo việc giảng dạy ở cấp tiểu học, và các nữ tu sĩ dạy cho các cô gái con nhà khá giả; nhưng ông không cho các tu sĩ dòng

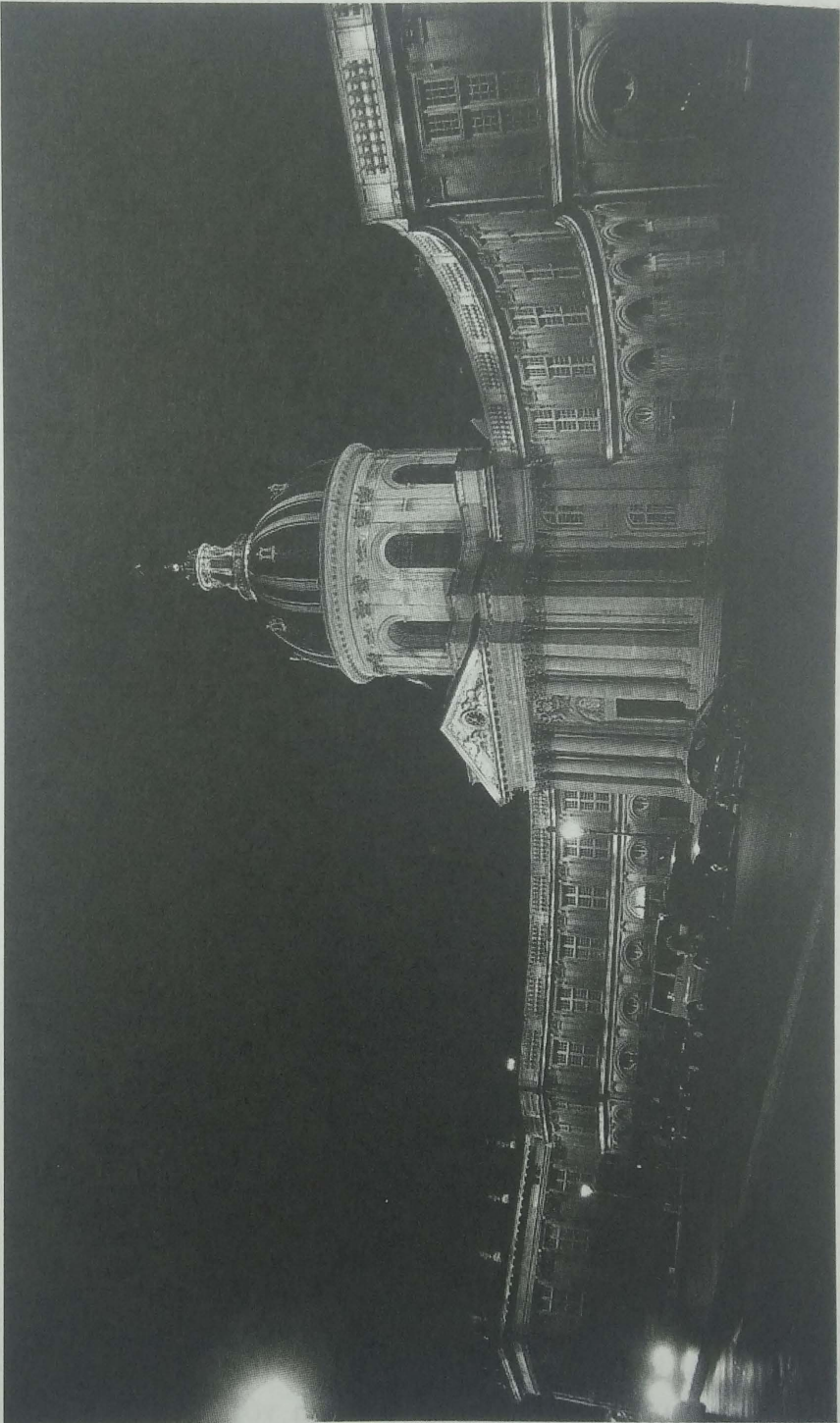
Tên trở lại Pháp. Thế nhưng ông ngưỡng mộ họ vì biết tổ chức chặt chẽ như một phường hội chuyên môn của các giáo viên. “Điều chủ yếu, ông viết (16.2.1805), “là một đoàn thể giáo viên như của các thầy dòng Tên ngày trước.”²⁴ “Khi ở cùng ông”, Bourrienne nhớ lại, “ông thường bảo tôi rằng tất cả các trường học, học viện, và các cơ sở giáo dục công cộng khác phải tuân theo kỷ luật quân sự”²⁵. Trong một bức thư ngắn năm 1805, Napoléon đề nghị rằng “một dòng tu chuyên về giáo dục có thể được thành lập nếu tất cả các quản lý, giám đốc, và giáo sư trong đế quốc được đặt dưới sự quản lý của một hay nhiều người, như các cha trưởng tu viện, cha lãnh đạo hàng tỉnh... của dòng Tên”, và nên có quy định rằng không ai được giữ một chức vụ cao hơn trong tổ chức nếu chưa từng kinh qua những vị trí thấp hơn. Cũng là điều đáng mong muốn nếu như người giáo viên không lập gia đình, hoặc hoãn việc này lại cho đến khi có được vị trí và thu nhập đầy đủ để lo cho gia đình”²⁶.

Một năm sau (10.5.1806), Antoine-François de Fourcroy, Tổng Giám đốc Giáo dục công cộng, đạt được một nghị định lâm thời từ Hội đồng Lập pháp quy định rằng “một cơ quan với tên gọi Trường Đại học Đế quốc (Université Impériale), chuyên phụ trách công việc giảng dạy trên toàn Đế quốc, sẽ được thành lập” (Trường Đại học Paris, được thành lập khoảng năm 1150, đã bị Cách mạng bãi bỏ vào năm 1790). Trường đại học mới này sẽ không chỉ là sự hợp nhất các khoa – thần học, luật, y, và văn chương; nó là nơi duy nhất đào tạo giáo viên cho các trường trung học ở Pháp, và sẽ bao gồm tất cả những người tốt nghiệp đang còn sống và giảng dạy. Các trường “lycée” này sẽ được thành lập tại một hay nhiều thành phố của mỗi tỉnh, với một chương trình giảng dạy kết hợp các ngôn ngữ và văn học cổ điển với các khoa học; chúng sẽ được hội đồng thành phố tài trợ; nhưng tất cả giáo viên của chúng đều phải tốt nghiệp đại học; và không ai được thăng chức trừ khi đã kinh qua những chức vụ cấp dưới²⁷,

và đã vâng lời cấp trên như người lính vâng lời sĩ quan. Để thuyết phục các thanh niên Pháp đi vào công việc hàng ngày mệt mỏi và đơn điệu này, Napoléon cung cấp 6.400 suất học bổng, người nhận phải cam kết theo nghề dạy học và hứa hoãn việc lập gia đình ít nhất đến khi 25 tuổi. Như là phần thưởng cuối cùng, họ sẽ “có được một cách rõ ràng triển vọng thăng tiến lên những chức vụ cao nhất của nhà nước.”²⁸ “Tất cả cái này”, Napoléon bảo Fourcroy, “chỉ là sự khởi đầu; chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ làm nhiều hơn và tốt hơn”²⁹.

Ông đã làm tốt hơn, từ quan điểm của mình, bằng cách phục hồi (năm 1810) một nhánh của Trường Đại học Đế quốc, École Normale (Trường Sư phạm), nơi sinh viên được tuyển chọn sống cùng nhau trong kỷ luật quân sự, được cung cấp một chương trình đào tạo đặc biệt bởi tập thể cán bộ giảng dạy đầy uy tín gồm cả các bậc thầy như Laplace, Lagrange, Berthollet, và Monge. Đến năm 1813, tất cả giáo viên trung học được mong đợi là những người tốt nghiệp Trường Sư phạm; khoa học bắt đầu chiếm ưu thế hơn các môn học cổ điển trong chương trình giảng dạy trung học, và tạo ra giọng điệu trí thức của nước Pháp có giáo dục. École Polytechnique (Trường Bách khoa), thành lập trong thời Cách mạng, được đổi thành một học viện quân sự, nơi các khoa vật lý trở thành những kẻ tội tởm cho chiến tranh. Nhiều trường đại học hàng tỉnh sống sót qua đợt càn quét quân dịch của Hoàng đế; và các trường cao đẳng tư thục được phép hoạt động dưới sự cấp phép và kiểm tra định kỳ của Trường Đại học Đế quốc. Khi tính độc tài giảm bớt, các diễn giả cá nhân được phép sử dụng các hội trường đại học để dạy những khóa học đặc biệt, và sinh viên được phép lựa chọn tham gia các khóa này.

Trên đỉnh Kim Tự Tháp trí thức là Pháp quốc Học viện (Institut national de France). Viện Hàn lâm Pháp, bị bãi bỏ năm 1793, được phục hồi vào năm 1795 như là Ban thứ II của Học viện mới. Napoléon kiêu hãnh với tư cách thành viên Pháp quốc Học viện của mình, nhưng năm 1801, khi ban



Hình 31: Pháp quốc Học viện (Institut de France)

Luân lý và Chính trị của Viện dám bàn về việc nên điều hành chính phủ như thế nào, ông ra lệnh Bá tước Louis-Philippe de Ségur “bảo với Ban Thứ II của Viện rằng ta sẽ không cho phép thảo luận về những đề tài chính trị trong các buổi họp của họ”³⁰. Lúc bấy giờ Pháp quốc Học viện gồm nhiều người chống đối cũ trung thành với Thời đại Ánh sáng và Cách mạng, những người phải cười hay khóc thầm trước sự phục hưng chính thức của Giáo hội Công giáo. Cabanis và Destutt de Tracy đã dùng từ ý hệ (ideology) để chỉ hoạt động nghiên cứu sự hình thành các ý tưởng; Napoléon gọi các nhà tâm lý và triết gia này là các “nhà ý hệ” (ideologue), như là những người quá chìm đắm trong các ý tưởng và miệt mài trong việc suy luận nên không thể nhận thức và hiểu được thực tại của cuộc sống và lịch sử. Các nhà trí thức này, do việc quảng bá các khái niệm của họ qua vô số ấn bản, theo ông là những chướng ngại đối với việc cai trị cho tốt. “Những người viết hay và ăn nói hùng hồn”, ông nói, “không có óc phán đoán vững vàng”³¹. Ông cảnh báo người anh của mình là Joseph lúc ấy (18.7.1807) đang cai trị Napoli: “Anh sống quá nhiều với giới văn nhân”. Về những nhà trí thức đang tranh cãi ồn ào trong các khách thính, “Ta thấy các học giả và những kẻ thông minh sắc sảo cũng giống như những phụ nữ ưa làm đom; nên thường đến thăm và chuyện trò với họ, nhưng đừng bao giờ lấy làm vợ trong số những phụ nữ này, hay chọn bộ trưởng từ những người đàn ông này”³².

Ngày 23.11.1803, ông tổ chức lại Pháp quốc Học viện thành bốn ban (class), bỏ nhóm luân lý và chính trị. Ban I, được ông đánh giá cao nhất, thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Trong số 60 viện sĩ này có Adrien Legendre, Monge, Biot, Berthollet, Gay-Lussac, Laplace, Lamarck, Geoffroy Saint-Hilaire, và Cuvier. Ban II gồm 40 viện sĩ, chuyên về ngôn ngữ và văn học Pháp, thay thế Hàn lâm viện Pháp cũ, và tiếp tục công việc soạn bộ *Dictionnaire* (Từ điển); ban này bao gồm nhà thơ già Delille, nhà soạn kịch nổi tiếng Marie-Joseph de Chénier,

nhà viết sử trẻ Guizot, nhà văn lãng mạn Chateaubriand, các triết gia như Volney, Destutt de Tracy, và Maine de Biran. Ban III, có 40 viện sĩ, chuyên về lịch sử, văn học, nghệ thuật cổ đại và phương Đông; nơi đây Louis Langles theo đuổi các nghiên cứu về Ba Tư và Ấn Độ vốn đã dẫn đến việc thành lập École des Langues Orientales (Trường Ngôn ngữ Đông phương, 1795); và Jean-Baptiste d'Ansse de Villosion đã khám phá ra các nhà chú giải Homēros ở Alexandria, dẫn đến định lý khảo cổ của F.A. Wolf, cho rằng Homēros là nhiều người chứ không phải một. Ban IV – Académie des Beaux-Arts (Viện Hàn lâm Mỹ thuật) – bao gồm 10 họa sĩ, 6 điêu khắc gia, 6 kiến trúc sư, 3 nhà chạm khắc, và 3 nhạc sĩ; nơi đây đã tỏa sáng các tên tuổi như David, Ingres, và Houdon.

Trừ việc không ưa các nhà không tưởng, Napoléon đã nhiệt tình hỗ trợ Pháp quốc Học viện, thiết tha muốn tạo nó thành một thiết chế trang điểm cho triều đại của ông. Mỗi thành viên của Học viện (viện sĩ) hàng năm nhận được của chính phủ mức lương 1.500 franc; mỗi thư ký vĩnh viễn của từng ban nhận được 6.000. Vào tháng Hai và tháng Ba mỗi ban trình lên Hoàng đế bản báo cáo công việc đã thực hiện trong bộ phận của mình. Napoléon lấy làm vui mừng với bức tranh toàn cảnh, vì (theo lời khẳng định của Méneval) “việc duyệt xét tổng quát văn học, khoa học và nghệ thuật... cho thấy rằng trí thông minh của nhân loại còn lâu mới thụt lùi, đã không dừng bước trên con đường kiên định đi đến tiến bộ của mình”³³. Chúng ta có thể đặt câu hỏi về từ “kiên định”, nhưng chắc chắn là việc tái tổ chức các môn khoa học và học thuật dưới triều Napoléon đã đặt các thành viên của nó ở thế dẫn đầu giới trí thức Âu châu suốt nửa thế kỷ.

III. Các chiến binh

Sau giáo dục là lệnh gọi tòng quân. Chiến tranh đã trở nên thường xuyên hơn, nhiều vụ giết chóc hơn, và tốn kém hơn

bởi Cách mạng: cuộc tổng động viên năm 1793 đã tạo nên nguyên tắc rằng chiến tranh không còn là trò thể thao của các ông hoàng sử dụng lính đánh thuê, mà là cuộc đấu tranh giữa các dân tộc bao gồm mọi giai cấp mặc dù nó xảy ra vào thời gian trước khi các chính phủ khác noi gương nước Pháp cho phép người thường dân trở thành sĩ quan, thậm chí thống chế. Rousseau đã đề ra nguyên tắc nghĩa vụ quân sự chung là kết quả tất yếu của việc phổ thông đầu phiếu: người nào đi bầu cũng sẽ phải phục vụ trong quân ngũ. Đối diện với các nền quân chủ ở châu Âu trong cuộc đấu tranh bảo tồn nền cộng hòa của mình, nước Pháp trước thời Louis XVI là sự pha trộn những vùng miền đầy kiêu hãnh mà không có tinh thần quốc gia kết hợp tất cả lại thì năm 1793 đã đoàn kết vì một nỗi lo sợ chung. Một đạo quân lớn triệu tập tất cả mọi đàn ông lại trở nên cần thiết. Lệnh gọi tòng quân bắt đầu. Và khi những khối quân chúng Pháp được truyền cảm hứng mà những đạo quân trước đó hiếm khi có được bắt đầu đánh bại các binh lính nhà nghề của các nền quân chủ phong kiến, thì đến lượt các quốc gia này cũng cưỡng bách việc tòng quân, và chiến tranh trở thành xung đột của những khối người đua tranh tàn sát lẫn nhau. Niềm vinh quang của chủ nghĩa dân tộc thay thế cho lòng kiêu hãnh của các triều đại như là chất tẩm bổ cho chiến tranh.

Năm 1803, đối diện với sự đổ vỡ của Hòa ước Amiens, và dự kiến sẽ có chiến tranh với một liên minh mới, Napoléon ban hành lệnh tòng quân mới: tất cả nam giới từ 20 đến 25 tuổi đều phải đi quân dịch. Nhiều người được miễn: thanh niên mới lấy vợ, sinh viên trường dòng, thanh niên mất vợ hoặc ly dị phải nuôi con, bất cứ ai đã có một người anh em đi lính, và anh cả của ba anh em mồ côi. Ngoài ra, người trong diện gọi tòng quân có thể trả tiền thuê người khác đi thay. Ban đầu Napoléon thấy điều này có vẻ bất công; rồi ông cho phép, chủ yếu vì lý do các sinh viên đại học ở các lớp cao cần được tiếp tục việc học để đáp ứng yêu cầu của các chức vụ cai trị³⁴.

Khẩu hiệu được nhấn mạnh hàng năm rằng *dulce et decorum pro patria mori*ⁱ được người dân Pháp kiên nhẫn chịu đựng trong cơn nguy ngặt vì những chiến thắng của Napoléon; nhưng khi những đợt thất trận bắt đầu (năm 1808), và gây cảnh đau buồn cho hàng ngàn gia đình, thì sự chống đối nổi lên, số người trốn tránh lệnh quân dịch và binh sĩ đào ngũ tăng lên rất nhiều. Năm 1814 Napoléon đã tuyển mộ 2.613.000 người Pháp cho các đạo quân³⁵; khoảng một triệu trong số này đã chết vì bị thương hay bệnh tật³⁶; cộng thêm nửa triệu người nhập ngũ hay bị bắt đi nghĩa vụ từ các quốc gia liên minh hay lệ thuộc nước Pháp. Năm 1809, Napoléon yêu cầu Sa hoàng Aleksandr làm trung gian giữa Pháp và Anh, nói rằng một nền hòa bình chung sẽ cho phép chấm dứt việc cưỡng bách tòng quân; hy vọng ấy đã trôi qua. Do những kẻ thù bị đánh bại dường như trỗi dậy từ các năm mờ để thành lập các liên minh mới và tiến hành những chiến dịch mới, Napoléon giữ lại nhiều binh sĩ sau khi hết thời gian quân dịch 5 năm, và gọi thêm các đợt mới trước thời hạn, năm 1813 ông đã gọi đợt nhập ngũ cho năm 1815³⁷. Cuối cùng lòng kiên nhẫn của các bậc cha mẹ cũng chịu thua, và câu “Đả đảo lệnh cưỡng bách tòng quân” vang lên khắp nơi trên đất Pháp.

Đại quân, tình yêu và niềm kiêu hãnh của Napoléon đã phát triển bằng các cách như vậy. Ông nuôi dưỡng tinh thần của nó bằng cách ban cho mỗi trung đoàn một lá cờ hiệu sắc sỡ riêng mà một người lính trẻ sẽ mang ra trận để dẫn đầu và truyền cảm hứng cho đồng đội; nếu anh ta ngã xuống, một người lính trẻ khác sẽ lao tới, nhặt lấy lá cờ, và tiếp tục mang đi. Thông thường ngọn cờ hiệu là linh hồn rõ rệt của trung đoàn; nó hầu như luôn sống sót để phô diễn những gì còn lại của mình trong các cuộc diễu binh chiến thắng, và cuối cùng được treo như một chiến tích toại tử nhưng linh thiêng trong

i Nguyên văn chữ Latin đầy đủ: “*Dulce et decorum est pro patria mori*”. Đây là một câu thơ trong tập *Carmina* (Tụng ca) của thi hào La Mã Horatius, có nghĩa: “*Thật xứng đáng và ngọt ngào khi chết cho Tổ quốc.*”

nhà thờ của điện Invalides. Hầu hết mọi trung đoàn đều có đồng phục và tên riêng, một thời nổi tiếng từ Brest đến Nice, từ Antwerp đến Bordeaux: Grenadiers, Hussars, Chasseurs, Lancers, Dragoons,... Trên tất cả là 92.000 quân tạo nên Đội Thị vệ, được giữ làm lực lượng dự bị bảo vệ quanh Hoàng đế cho đến khi cần đến. Bất cứ người lính quân dịch nào cũng có thể vươn lên làm thành viên trong Đội Thị vệ, và thậm chí cầm một cây gậy như một trong số 18 vị thống chế Pháp dưới triều Napoléon.

Hậu quả của các cuộc chiến tranh thật vô tận – về sinh học, kinh tế, chính trị, và đạo đức. Con số 1.700.000 người Pháp chết trong các chiến dịch này trước đây³⁸ sau này đã được tính toán giảm xuống còn một triệu người³⁹; mặc dù vậy số người chết trẻ áng chừng này có lẽ đã làm suy yếu nước Pháp trong một thế hệ, cho đến khi những chiếc tử cung bù đắp cho sự mất mát này. Về mặt kinh tế, các cuộc chiến, sự kích thích nhờ các hải cảng bị phong tỏa và các nhu cầu quân sự đã thúc đẩy sự phát triển công nghiệp. Về mặt chính trị, chúng củng cố sự thống nhất các chính quyền ở các vùng và sự trung thành đối với chính phủ trung ương. Về mặt đạo đức, những cuộc xung đột thường xuyên đã khiến châu Âu quen với việc mở rộng của chiến tranh, và với kiểu ứng xử tàn sát nhau chưa từng có kể từ thời những cuộc xâm lăng của các giống rợ. Ngoài các mặt trận, và rồi tại các thủ đô, các nhà cai trị bỏ qua một bên Mười Điều răn. “Chiến tranh biện minh cho mọi thứ”, Napoléon viết cho Tướng Berthier năm 1809⁴⁰; “không có thứ gì được thiết lập mà không có thanh gươm”⁴¹; và “xét cho cùng, một chính quyền phải có khả năng quân sự”⁴²; không có quân đội sẽ không có nhà nước.

Để dân Pháp quen với nền đạo đức quân phiệt này, Napoléon kêu gọi lòng yêu vinh quang của họ. *La gloire* (Niềm vinh quang) trở thành cơn sốt khắp cả nước, tạo nên sự hòa hợp và phục tùng một cách nhiệt thành; do đó đã có thể nói rằng “những cuộc chiến tranh của Cách mạng đã làm

cho toàn nước Pháp trở nên cao cả”⁴³. Suốt mười năm, với sự giúp đỡ của các Đồng minh [chống lại nước Pháp], ông giữ cho dân tộc mình trong trạng thái say đắm như bị thôi miên. Hãy để Alfred de Musset, người có mặt ở đó, miêu tả tâm trạng của nước Pháp năm 1810:

Chính trong không khí của bầu trời không gợn vết, nơi quá nhiều vinh quang đang tỏa sáng, nơi nhiều thanh gươm ánh lên lấp lánh, mà tuổi trẻ của thời đại đã thở. Họ biết rõ mình được dành cho lễ hiến tế khủng khiếp, nhưng họ xem Murat như kẻ bất khả chiến bại, và Hoàng đế đã được trông thấy băng qua một chiếc cầu trong lúc biết bao lần đạn bay vèo vèo, tới nỗi họ tự hỏi phải chăng ông là người bất tử. Và thậm chí nếu người ta phải chết, thì đâu có gì quan trọng? Cái chết tự bản thân nó thật đẹp đẽ, thật cao thượng, thật lầy lùnh, trong màu đỏ tía vương giả mang đầy sẹo của trận mạc! Nó đã mượn màu hy vọng, nó đã thu hoạch biết bao mùa gặt chín muồi, đến nỗi nó trở thành trẻ trung, và không còn tuổi già nữa. Tất cả những chiếc nôi cũng như những ngôi mộ của nước Pháp được vũ trang bằng khiên và mộc; không còn người già nữa; chỉ còn những tử thi hay những vị bán thần⁴⁴.

Trong khi ấy, ở ngoài mặt trận, các binh sĩ của Napoléon cướp bóc và đánh bạc, và uống cho say để quên đi nỗi sợ; các tướng lĩnh cướp bóc tùy theo địa vị mỗi người; Masséna tích lũy hàng triệu, và Soult cũng không kém cạnh bao nhiêu. Joséphine đáng yêu, Joseph tử tế, Lucien can đảm, và ông cậu Hồng y Fesch đã lợi dụng bằng cách đầu tư vào những công ty cung cấp những thứ hàng hóa chất lượng tồi cho binh lính Pháp. Napoléon tô điểm cho những thông báo chiến tranh của mình bằng cách phóng đại và che giấu, bòn rút kho báu của những nước bại trận, chiếm đoạt các tác phẩm nghệ thuật của họ, và suy nghĩ những cách thức phục hưng đạo đức nước Pháp.

IV. Đạo đức và lễ nghi

Bằng cách đập đổ quyền hành chính trị cũng như của cha mẹ, và gạt bỏ niềm tin tôn giáo, Cách mạng đã buông lỏng những bản năng cá nhân của dân tộc Pháp – với mức độ vừa phải nơi tỉnh lẻ, nhưng thảm khốc nơi thủ đô; trung tâm pháp luật thấy mình phải vật lộn giữa cảnh hỗn loạn và tội ác. Napoléon, bản thân ông cũng là người vô pháp luật, kiên quyết phục hồi sự ổn định cho đạo đức và lễ nghi như là những yếu tố sống còn trong việc phục sinh nước Pháp, sự lành mạnh và mãn nguyện của dân tộc, và thành công của triều đại ông. Ông tuyên bố rõ là sẽ canh chừng nghiêm ngặt những quan hệ làm ăn với hoặc trong chính phủ, và sẽ trừng phạt nặng mọi hành vi gian lận nếu phát hiện được. Ông kiên quyết phản đối lối ăn mặc không đứng đắn trong xã hội cũng như trên sân khấu; ông quở trách cậu em Lucien và cô em gái Élisabeth vì đã ăn mặc quá hở hang khi biểu diễn ở các sân khấu tư nhân; và trong một buổi dạ hội, khi chạm trán với Phu nhân de Staël trong chiếc đầm với vùng ngực khoét vừa sâu vừa rộng, ông đã mỉa mai: “Tôi nghĩ bà phải tự tay cho con bú?”⁴⁵. Ông một mực yêu cầu Talleyrand phải cưới cô nhân tình là Phu nhân Tallien, người đã làm điên đảo Hội đồng Chấp chính với đường cong của chiếc eo và đã chuồn mất về tỉnh; Joséphine già từ lối sống ngoại tình, và những kẻ bán trang phục cho nàng, sợ hãi, phải giảm hóa đơn chỉ còn một nửa. Bộ luật mới ban cho người chồng hầu hết quyền hành đối với vợ con giống thời La Mã; gia đình quay lại với chức năng của nó là biến con vật thành công dân bằng mọi giá của tự do cá nhân.

Tâm trạng của thời đại bị u ám ít nhiều như cái giá phải trả cho kỷ luật mới. Sự vui vẻ vô tư lự của nam nữ và các giai cấp dưới thời Cách mạng nhường chỗ cho sự đúng mực của giới tư sản và trạng thái mệt nhọc của giới vô sản. Những hàng rào giai cấp từng phân chia và củng cố dân chúng trong những ngày dưới triều Bourbon nhường chỗ cho cơn sốt

cạnh tranh luôn khuấy động vì chủ trương “sự nghiệp mở ra cho mọi tài năng” đã xây những nấc thang giữa mọi tầng lớp⁴⁶, và cho phép những người trẻ không thuộc hạng con dòng cháu giống leo lên những kim tự tháp quyền lực trơn tuột. Sau khi suy diễn như vậy, Napoléon được biện minh khi cảm thấy dưới triều đại của ông, đạo đức đã quay về với nước Pháp, và lễ nghi lại có được nét nhã nhặn vốn đã làm cho cuộc sống thời tiền Cách mạng của nước Pháp học thức thoải mái và phong nhã.

Ông cảm thấy mặc cho mọi cố gắng làm cho các cơ hội trở nên bình đẳng, một số hình thức phân biệt giai cấp sẽ phát triển không sao tránh khỏi từ sự đa dạng tự nhiên của khả năng và môi trường. Để giữ kết quả này khỏi mang vẻ chỉ là một giai cấp quý tộc nhờ giàu sang, năm 1802 ông đặt ra cơ chế Bắc đẩu Bội tinhⁱ gồm những người, do chính phủ lựa chọn, nổi bật vì sự xuất sắc đặc biệt trong các lĩnh vực như chiến tranh, luật, tôn giáo, khoa học, học thuật, nghệ thuật... Nó sẽ mang tính dân chủ một nửa cũng như cuộc đời: tất cả đàn ông đều đủ tư cách được xét duyệt, nhưng phụ nữ thì không. Khi nhận vinh dự này, mọi thành viên đều tuyên thệ ủng hộ các nguyên tắc tự do và bình đẳng; nhưng chẳng bao lâu sau, họ được xếp hạng tùy theo công lao hoặc ảnh hưởng hoặc thời gian hưởng dụng. Mỗi người được Chính phủ Pháp cấp một khoản lương hàng năm: 5.000 franc cho một “*grand officier*” (đệ nhị đẳng), 2.000 cho một “*commandeur*” (đệ tam đẳng), 1.000 cho một “*officier*” (đệ tứ đẳng), và 250 cho một “*chevalier*”⁴⁷ (đệ ngũ đẳng)ⁱⁱ. Để phân biệt, các thành viên sẽ đeo một dải băng hay chiếc thánh giá. Khi vài thành viên trong Hội đồng mỉm cười vì những “món trang sức loè loẹt rẻ tiền” này,

i Những người được tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh sẽ trở thành thành viên trong Légion d'honneur (Quân đoàn danh dự), và được gọi là các *légionnaire*.

ii Không thấy tác giả đề cập đến hạng cao quý nhất trong năm hạng của huân chương này: Grand-croix de la Légion d'honneur, thường được gọi là Đệ nhất đẳng Bắc đẩu bội tinh.

Napoléon trả lời rằng con người dễ bị dẫn dắt bởi những thứ trang trí hơn là uy quyền hay sức mạnh; “người ta có thể đạt được mọi thứ từ con người bằng cách kêu gọi ý thức danh dự của họ”⁴⁸.

Hoàng đế tiến thêm bước nữa hướng về một giới quý tộc mới bằng cách tạo nên (năm 1807) tầng lớp “Quý tộc Đế chế”, phong tặng tước hiệu cho những người bà con, các thống chế, một số viên chức cai trị của ông, cùng các nhà thông thái ngoại hạng. Như vậy, trong 7 năm tiếp theo, ông đã phong cho 31 công tước, 452 bá tước, 1.500 nam tước, và 1.474 hiệp sĩ. Talleyrand trở thành Quận vương xứ Benevento, Fouché trở thành Công tước d'Otrante (Otranto); Joseph Bonaparte bỗng nhiên trở thành đại Tuyển đế hầu, Louis Bonaparte là đại nguyên soái; Murat, chỉ huy kỵ binh, ngạc nhiên thấy mình là Đại đô đốc; Thống chế Davout được phong Công tước Auerstedt; Lannes là Công tước Montebello; Savary là Công tước Rovigo; Lefebvre là Công tước Dantzig. Laplace và Volney trở thành các bá tước, và các cô em gái của Napoléon nở hoa thành các công chúa. Mỗi tước hiệu đi kèm với bộ đồng phục sắc sỡ riêng biệt, lợi tức hàng năm, đôi khi là một điền trang có giá trị. Ngoài ra – và ở đây Napoléon trắng trợn quay lưng lại với chế độ cộng hòa – phần lớn các tước hiệu này đều được kế thừa. Theo quan điểm của Napoléon, chỉ với tài sản có thể chuyển giao được, những nhà quý tộc mới có thể duy trì địa vị và quyền hành của họ, và do đó phục vụ như rường cột chống đỡ cho nhà cai trị. Bản thân Hoàng đế, để giữ khoảng cách một hoặc hai bước phía trước giới quý tộc mới – vốn đã sớm phô trương các tước hiệu, trang phục, và quyền hành của nó – đã giữ mình bằng các quan thị vệ, giám mã, quan tổng trấn, và hàng trăm kẻ hầu người hạ khác; và Joséphine được vây quanh bởi các thị nữ mà tước hiệu đã có từ triều Bourbon hay trước đó.

Vẫn chưa thỏa mãn, ông quay sang những kẻ còn sống sót thuộc giới quý tộc cũ, và dùng mọi phương cách quynh rũ để

lôi kéo họ về với triều đình của ông. Ông đã gọi nhiều người trong bọn họ quay về Pháp như một cách dùng để chặn đứng những người Jacobin hãy còn chủ trương cách mạng, và với hy vọng tạo nên sự liên tục giữa nước Pháp cũ và mới. Điều này dường như bất khả thi vì giới *émigré* hồi hương lại mang lòng khinh bỉ Napoléon như một kẻ tiếm vị bạo phát, tố cáo các chính sách của ông, châm biếm thái độ, dáng vẻ, lời ăn tiếng nói của ông, và chế giễu giai cấp quý tộc mới. Tuy nhiên, dần dần, do uy tín của ông ngày càng tăng nhờ các chiến thắng, và quyền lực cũng như sự thịnh vượng của nước Pháp đã vươn lên cao hơn cả những gì Louis XIV từng mang lại, thái độ kiêu ngạo này đã bị khuất phục: những chàng trai trẻ, con của những *émigré* vui vẻ chấp nhận các địa vị được bổ nhiệm để phục vụ cho hạng Tân quyền quý (*Upstart*)⁴⁹; các bà lớn cũng đến hầu hạ Joséphine; và cuối cùng một số nhà quý tộc cũ – những Montmorency, Montesquiou, Ségur, Gramont, Noaille, Turenne – đã góp thêm hào quang của họ vào triều đình của Hoàng đế, và được tưởng thưởng bằng việc phục hồi phần nào các điền trang của họ đã bị tịch biên. Sau cuộc hôn nhân với Maria Ludovica, việc hòa giải xem như hoàn tất. Nhưng phần lớn việc này chỉ là giả tạo; những đứa con mới sinh của Cách mạng không ưa thích lễ thói trịch thượng và đặc quyền của những kẻ dòng giống; Quân đội, hãy còn say mê các lý tưởng cách mạng, đã cầu nhàu khi thấy thần tượng của mình cúi chào đáp lễ những kẻ thù cũ, vốn là những kẻ coi thường các vị tướng cao lớn, các nhà thông thái đang bồn chồn lo lắng, và những anh em đầy tham vọng trong gia đình Bonaparte đang tự cho rằng mình sẽ thay thế họ.

Để giữ cái hang sư tử này không đi đến chỗ chiến tranh bằng lời nói hay thanh gươm, Napoléon nhấn mạnh việc cần có một bộ luật về lễ tiết. Ông giao cho vài chuyên gia, căn cứ vào những kiểu mẫu tốt nhất của triều Bourbon, soạn thảo một cẩm nang về lễ tiết được thiết kế sao cho phù hợp với mọi tình huống một cách lịch sự; họ tuân lệnh, và soạn ra

một tập đồ sộ tới tám trăm trang⁵⁰; giới triết gia và lính đặc nhiệm nghiên cứu nó; và triều đình của Hoàng đế trở thành mô hình của những xiêm y lộng lẫy và ngôn từ trống rỗng. Các triều thần chơi bài, nhưng vì Napoléon cấm chơi ăn tiền, các quân bài mất giá. Người ta biểu diễn kịch, trình diễn hòa nhạc, có những buổi lễ hoành tráng và những buổi dạ hội huy hoàng. Khi sự hào hứng so đo xiêm y và trí tuệ nguội dần, các cận thần cùng với Hoàng đế và Hoàng hậu di chuyển đến St.-Cloud, hoặc Rambouillet, hoặc Trianon, hoặc, hạnh phúc nhất, tới Fontainebleau, nơi vẻ trang trọng được buông lỏng, và việc săn mồi làm cho máu sôi lên.

Không ai bị khó chịu bởi các nghi thức vua chúa này cho bằng Napoléon, và ông cố tránh càng nhiều càng tốt. “Lễ tiết”, ông nói, “là nhà ngục của các ông vua”⁵¹. Và ông bảo với Las Cases: “Nhu cầu buộc ta phải tuân theo một mức độ lễ tiết trọng thể, chấp nhận một hình thức long trọng nào đó – nói tóm lại, phải tạo nên lễ tiết. Nếu không như vậy, có khả năng ngày nào ta cũng bị vố vai”⁵². Về phần những buổi lễ lạc, chúng cũng có cơ sở hợp lý của mình. “Một chính quyền mới thành lập phải làm cho người ta lóa mắt và kinh ngạc. Lúc nó không còn lóng lánh nữa thì nó sụp đổ.”⁵³ “Sự phô trương đối với quyền lực cũng như lễ lạc đối với tôn giáo”⁵⁴. Chẳng phải đạo Công giáo kêu gọi mạnh mẽ trí tưởng tượng nhờ vẻ tráng lệ của các buổi lễ, hơn là nhờ sự cao cả của các học thuyết của nó hay sao?”⁵⁵.

Như thói thường trong lịch sử, lễ nghi của triều đình truyền xuống những người có học, đồng thời hẹp dần mức độ của nó. “Chỉ cần mười hoặc mười hai năm”, con người học thức “Jacob một sách” (Paul Lacroix) nói, “để biến cái *grand monde* (xã hội thượng lưu) của Hội đồng Chấp chính thành một giới tao nhã, lịch sự, và được giáo dục tốt”⁵⁶. Điều này đặc biệt đúng với Lyons và Bordeaux, chứ chưa nói đến Paris, vốn là nơi, theo lời Phu nhân de Staël, “quá nhiều người trí thức tụ tập với nhau... và quá nhiều người đã quen việc

sử dụng tài trí ấy để giúp những cuộc nói chuyện thêm thú vị”⁵⁷. Napoléon, theo Las Cases, tỏ ra công bằng với tài khéo xử thế nổi bật của người dân thủ đô Pháp; không ở đâu, ông nói, có thể tìm thấy nhiều tài trí sắc sảo, hay khiếu thẩm mỹ hơn nơi này”⁵⁸. Một trăm quán cà phê tụ tập cả khối dân thích đàn đúm ngồi lại với nhau cùng nhâm nhi, trao đổi tin tức hoặc những lời đối đáp thông minh dí dỏm, trong khi trước mặt họ đang diễn ra cuộc diễn hành miễn cưỡng của cái thế giới đang thay đổi nhanh chóng, mỗi vi sinh vật lại tự đặt mình vào trung tâm cái thế giới chung quanh nó. Các nhà hàng hào hạng biến mất vào thời Khủng bố đã mở lại dưới triều của Hội đồng Chấp chính, và giờ đây bắt đầu ngự trị trên các sở thích và ví tiền của người Pháp. Chính trong thời của chế độ Tổng tài và Đế chế mà Anthelme Brillat-Savarin đã góp nhặt các sự kiện và truyền thuyết làm tăng thêm sự hấp dẫn của cuốn sách kinh điển về nghệ thuật ẩm thực của ông, *La Physiologie du goût* (Sinh lý học của vị giác), vốn chỉ được in một năm (năm 1826) trước khi ông mất.

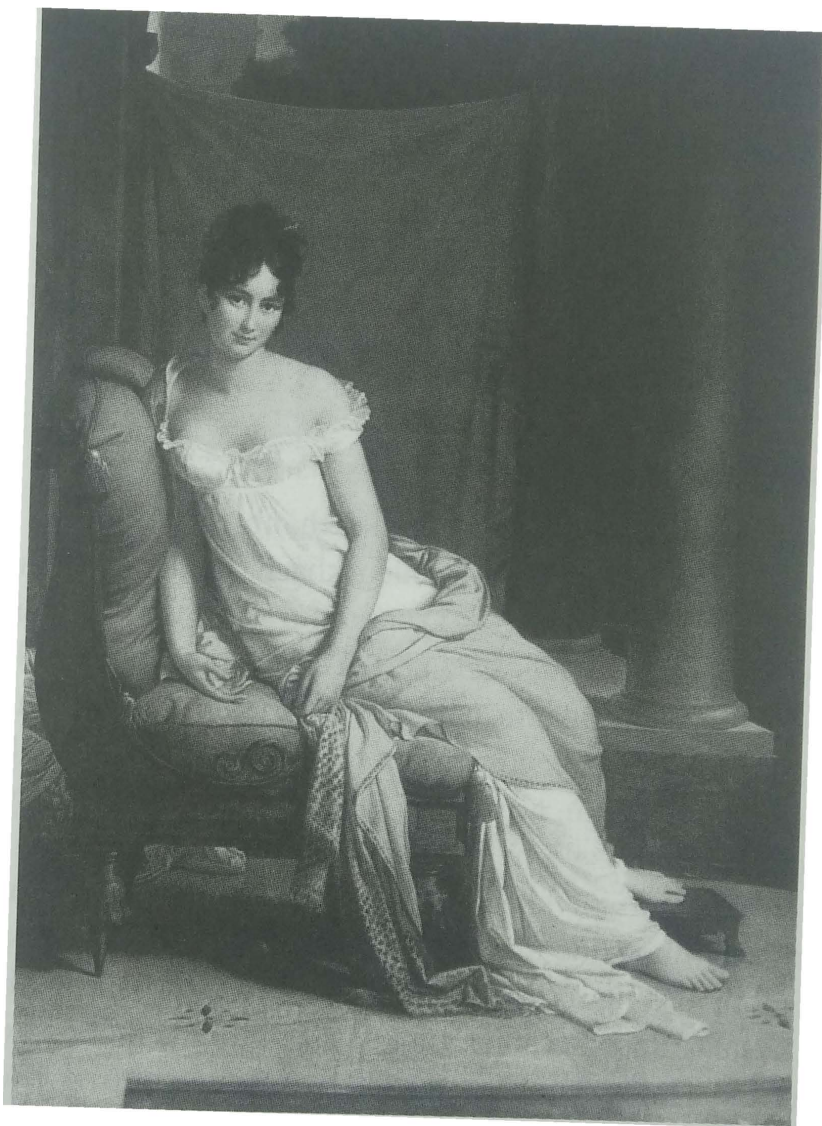
Phong cách nói năng và ăn mặc đang thay đổi. Các từ *Citoyen* (Nam công dân) và *Citoyenne* (Nữ công dân) được thay bằng những từ thời trước Cách mạng *Monsieur* (Ông) và *Madame* (Bà). Những người đàn ông ăn mặc đúng điệu quay về với kiểu quần ống túm ngắn tới đầu gối và những chiếc vớ lụa dài, nhưng quần dài lại chiếm ưu thế khi Đế chế suy tàn. Các bà bỏ rơi phong cách Hy Lạp của thời Chấp chính, quay về với váy và áo lót (*bodice*). Kiểu áo hở vai vẫn phóng khoáng, với đôi vai và những cánh tay trần. Napoléon chống đối thời trang, còn Joséphine ủng hộ; cuối cùng đôi cánh tay và bờ vai xinh đẹp cùng bộ ngực được nâng cao lên của nàng đã thắng⁵⁹. Hoàng đế tán thành những buổi vũ hội hóa trang, vì ông lấy làm vui được thấy đời sống xã hội được tái sinh. Ông không quan tâm đến những khách thánh đang nở rộ ở Paris. Chúng đang trở thành nơi trú ẩn cho các chính trị gia, tác giả, và những người “không tưởng” chỉ trích

chế độ độc tài ngày càng tăng của ông. Các anh em Joseph và Lucien của ông thường xuyên tổ chức những buổi tiếp tân, nơi việc trò chuyện tất yếu thuận lợi cho Hoàng đế và thường thù địch đối với Joséphine. Fouché và Talleyrand có triều đình riêng của mình, nơi việc chỉ trích diễn ra trong vòng lịch sự. Những người *émigré* trở về phê bình gay gắt toàn thể gia đình Bonaparte tại những buổi dạ hội ảm đạm ở ngoại ô St.-Germain; và Phu nhân de Staël duy trì khách thính nổi tiếng của mình như một phần của cuộc chiến kéo dài 15 năm chống lại Napoléon. Phu nhân de Genlis, một *émigrée* trở về Pháp sau bảy năm lưu vong, đã dành trọn khách thính và những tác phẩm của mình vào việc bênh vực Hoàng đế chống lại những người trong dòng họ Bourbon, những người Jacobin, Phu nhân de Staël, và Phu nhân Récamier.

V. Phu nhân Récamier

Khách thính của gia đình Récamier thành công nhờ vào sắc đẹp hấp dẫn của bà và lòng hiếu khách ân cần của người chồng giàu sang. Sinh tại Lyons năm 1777 với tên gọi là Jeanne-Françoise-Julie-Adelaïde Bernard, thường được bạn bè gọi là Julie hay Juliette, nàng được trời phú cho một khuôn mặt và dáng vẻ yêu kiều vẫn còn tồn tại thậm chí khi đã bảy mươi tuổi và bị mù. Nàng khai thác hầu như mọi nét quyến rũ của nữ tính – vẻ tử tế, cảm tình, dịu dàng, sự tinh tế, duyên dáng, xử sự khéo léo... Nàng thêm vào đấy vẻ mềm mỏng đầy nhục dục mà không gây hại gì đến sự trinh bạch của mình như người ta biết. Năm 1793, 16 tuổi, nàng kết hôn với Jacques-Rose Récanier, tuổi đã 42 nhưng là một ông chủ nhà băng. Ông vô cùng vui thích được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nàng, nghe giọng hát của nàng, ngắm đôi bàn tay thanh nhã của nàng tạo nên từng cung bậc rung cảm trên chiếc dương cầm hay đàn hạc (harp), chiều chuộng nàng trong từng sở thích nhỏ nhất, chu cấp cho nàng đóng trọn vai trò

một *salonnière* (nữ chủ nhân khách thính), chịu đựng với lòng khoan dung của người cha những cuộc chinh phục [đàn ông] của nàng, bản thân nàng thì không bị chinh phục, và có vẻ như không nhấn mạnh đến những quyền trong hôn nhân của mình⁶⁰.



Hình 32. Phu nhân *Récamier* (François Gérard, 1805)

Năm 1798, ông mua ngôi nhà ở Paris của Jacques Necker trên đường Mont-Blanc. Trong dịp mua bán này, Juliette, 21 tuổi, đã gặp Phu nhân de Staël, 32 tuổi; đây chỉ là cuộc gặp gỡ tình cờ nhưng đã khởi đầu một tình bạn suốt đời mà ngay cả sự cạnh tranh trong tình yêu cũng không thể chấm dứt. Lấy cảm hứng từ sự thành công của người phụ nữ lớn tuổi hơn trong việc lôi cuốn các chính khách và văn nhân thi sĩ xuất chúng của thời đại về với khách thính của mình, năm 1799, Juliette đã mở cửa căn nhà mới của mình ra đón tiếp theo định kỳ những người đàn ông và đàn bà xuất chúng trong các lĩnh vực chính trị, văn hóa, hoặc đời sống xã hội của Paris. Lucien Bonaparte, Bộ trưởng Nội vụ, đã không mất nhiều thời gian thổ lộ tình yêu bất diệt đối với nàng. Nàng đưa cho chồng xem những bức thư nồng cháy của Lucien, ông khuyên nàng hãy kiên nhẫn với ông ta để ngân hàng Récamier không phải gánh chịu sự thù địch của triều đại đang lên. Napoléon dập tắt ngọn lửa tình của Lucien bằng cách phái ông làm đại sứ tại Tây Ban Nha. Có lẽ chính Napoléon cũng nhìn Juliette như một “món ngự thiện dành cho vua chúa”⁶¹. Nhưng nàng lại có những xu hướng hoàn toàn khác. Mặc những lời cảnh báo của chồng, và chức giám đốc bưu điện bấp bênh của cha nàng trong chính phủ của chế độ tổng tài, nàng chào đón vào khách thính mình những người bảo hoàng như Mathieu de Montmorency, những tướng lĩnh chống Napoléon như Bernadotte và Moreau, và những người khác vốn đang tức giận cách hành xử ngày càng hướng về đế chế của vị Đế nhất Tổng tài.

Giờ đây sắc đẹp của nàng đang ở vào thời kỳ rực rỡ nhất, và các họa sĩ hàng đầu lấy làm vui sướng được nàng ngồi làm mẫu. David vẽ nàng trong tư thế được ưa chuộng nhất của các nữ thần đương thời – ngồi tựa lên chiếc tràng kỷ, trên người khoác hờ hững chiếc áo choàng Hy Lạp hé lộ đôi cánh tay trần và đôi bàn chân. Ông Récamier cảm thấy David đã không nắm bắt được vẻ yêu kiều kín đáo của vợ mình; ông thử với

François Gérard, học trò của David. Gérard thành công quá vẻ vang tới mức David không bao giờ tha thứ cho anh ta⁶².

Năm 1802, Juliette và mẹ sang thăm nước Anh, nơi những người quyền cao chức trọng như Hoàng tử xứ Wales và những người đẹp như Nữ Công tước Devonshire tiếp đón nàng với tất cả vinh dự vì sắc đẹp và tình cảm chống Bonaparte của nàng. Không lâu sau khi nàng trở về Pháp, cha nàng bị bắt vì tội đồng lõa với những cuộc thương lượng bí mật giữa những người bảo hoàng ở Paris và quân nổi loạn Chouans ở Vendée. Ông bị bắt, và đang có nguy cơ bị xử tử, thì cô con gái lơ đãng của ông thuyết phục Bernadotte đến gặp Napoléon và xin giùm cho ông Bernard được thả ra. Napoléon đồng ý, nhưng bãi chức của ông. “Chính phủ”, Juliette nhìn nhận, “hoàn toàn có quyền cách chức ông”⁶³.

Năm 1806, chồng nàng kêu gọi Pháp quốc Ngân hàng cứu ông khỏi phá sản bằng cách cho ông vay một triệu franc. Các vị giám đốc báo cáo lời thỉnh cầu này lên Napoléon, khi ấy vừa mới quay về từ trận Marengo và thấy chính ngân hàng cũng đang gặp khó khăn; ông cấm khoản vay này. Récamier bán căn nhà trên đường Mont-Blanc; Juliette bán các món đồ bằng bạc và trang sức, và, không hề than thở, chấp nhận cuộc sống giản dị hơn. Nhưng nàng gần như bị suy sụp khi, vào ngày 20.1.1807, mẹ nàng mất. Nghe tin này, Phu nhân de Staël mời nàng đến ở tại lâu đài nhà Necker tại Coppet, Thụy Sĩ. Ông Récamier, đang mê mải với việc lo trả nợ, cho phép nàng đi. Ngày 10 tháng Bảy, nàng đến Coppet, và bắt đầu thời kỳ đa tình say đắm nhất trong đời.

Tại đây, hàng loạt những kẻ theo đuổi chăm sóc nàng, kể cả người tình của Phu nhân de Staël là Benjamin Constant. Nàng lấy làm thích thú và khuyến khích sự quan tâm của họ, nhưng từ trước đến sau (chúng ta nghe kể vậy) vẫn giữ vững thành trì của mình. Một số người chỉ trích cáo buộc nàng cư xử tàn nhẫn với trái tim của đàn ông, và Constant

viết một cách cay đắng: “Cô ta đùa cợt với hạnh phúc của tôi, với cuộc đời của tôi; cô ta là đồ đáng nguyên rủa!”⁶⁴. Nhưng Constant cũng đùa cợt với những con tim và những cuộc đời; và Nữ Công tước d’Abrantes nhớ lại Juliette là người hoàn toàn không có vết nhơ:

Người ta không thể mong đợi tìm thấy trong tương lai người phụ nữ như cô ấy – một người phụ nữ mà những nhân vật xuất sắc nhất của thời đại mong được làm bạn; một phụ nữ mà sắc đẹp đã khiến cho tất cả đàn ông khi đã nhìn thấy đều phải phủ phục dưới chân nàng; một phụ nữ mà tình yêu là mục đích của lòng ham muốn của hết thảy mọi người, nhưng đức hạnh của nàng vẫn thuần khiết... Trong những ngày vui vẻ và huy hoàng của mình, cô ấy đã có ưu điểm luôn sẵn sàng hy sinh niềm vui riêng để an ủi... bất cứ người bạn nào đang trong cảnh đau buồn. Đối với thế giới, Phu nhân Récamier là người phụ nữ nổi tiếng; đối với những ai có được điểm phúc quen biết và tán thưởng cô ấy, thì cô ấy là một sinh linh đặc biệt và tài năng, được thiên nhiên tạo thành như một khuôn mẫu hoàn hảo vào một trong những lúc có lòng từ tâm nhất.⁶⁵

Tháng Mười năm 1807, Juliette tiến đến chỗ thân thiết với Thân vương August của nước Phổ, cháu của Friedrich Đại đế, tới mức nàng viết thư cho chồng yêu cầu được giải thoát khỏi cuộc hôn nhân của họ. Récamier nhắc với nàng rằng trong suốt 14 năm qua ông đã chia sẻ cảnh giàu sang với nàng, và đã nuông chiều mọi sở thích của nàng; liệu nàng có sai lầm không khi bỏ ông đi giữa lúc ông đang vật lộn thoát ra khỏi cảnh nợ nần? Nàng quay về với Paris và với chồng, và vị Hoàng thân tự an ủi bằng những bức thư của nàng.

Do Récamier lại trở nên giàu có, và Juliette thừa hưởng gia tài từ mẹ, nàng mở khách thính trở lại, và tiếp tục chống đối Napoléon. Năm 1811, khi Phu nhân de Staël bị Hoàng đế ghét bỏ, và Mathieu de Montmorency vừa mới bị lưu đày vì đã viếng thăm bà, Juliette cả gan thách thức với số phận, và,

bất chấp những lời cảnh báo của Germaineⁱ, khẳng khẳng muốn trải qua một ngày với bà ở Coppet. Napoléon, đang bực bội vì những tin xấu từ Tây Ban Nha và Nga, đã cấm nàng không được đến gần Paris trong bán kính 200km. Sau cuộc thoái vị lần đầu của ông (11.4.1814), nàng trở về, mở lại khách thính, và tiếp đãi Wellington cùng các nhà lãnh đạo khác của liên minh chiến thắng. Khi Napoléon từ Elba trở về và tái chiếm nước Pháp mà không phải đánh một trận nào, nàng sửa soạn rời Paris, nhưng Hortense hứa sẽ bảo vệ nàng, và nàng ở lại, tạm thời chịu khuất phục. Sau cuộc thoái vị lần thứ nhì (22.6.1815), nàng lại tiếp tục chiêu đãi khách khứa. Chateaubriand, người nàng đã gặp vào năm 1801, giờ đây bước vào đời nàng, và ban tặng cho nàng thời thanh xuân thứ nhì trong một cuộc tình lạ lùng và nổi tiếng lịch sử.

VI. Người Do Thái ở Pháp

Việc giải phóng người Do Thái tại châu Âu trước tiên đến từ Pháp, vì nước Pháp dẫn đầu trong việc giải phóng tinh thần, và vì thời Khai minh đã tập cho một tỷ lệ người trưởng thành ngày càng đông quen với việc giải thích lịch sử bằng những từ ngữ thế tục. Việc khảo cứu Kinh Thánh đã đưa ra hình ảnh Chúa Giê-su như một nhà thuyết giáo đáng yêu chống lại người Pərišāⁱⁱ nhưng trung thành với Do Thái giáo; và bản thân các sách Phúc âm cũng cho thấy Ngài được hàng ngàn người Do Thái lắng nghe, và được hàng ngàn người chào đón khi Ngài vào Yerushalayim. Vậy thì làm thế nào mà cả một dân tộc, qua hàng ngàn năm, bị trừng phạt bởi tội lỗi của một giáo sĩ cao cấp, và một ít những kẻ ngẫu nhiên

i Germaine: Tức Anne Louise Germaine Necker, nhũ danh của Phu nhân de Staël.

ii Pərišā (*Anh*, Pharisee): a) Tín đồ của một giáo phái Do Thái cổ, chủ trọng việc giải thích và tuân thủ nghiêm ngặt giới luật của Thánh Moses dưới cả hai hình thức chữ viết và truyền khẩu; b) Người tự cho mình là ngay thẳng và đạo đức, người đạo đức giả.

tự tập lại, đòi Ngài phải chết? Những sự phản đối về kinh tế vẫn còn, và cung cấp chất liệu cho tâm trạng lo lắng tự nhiên trước kiểu nói năng và ăn mặc lạ lùng; nhưng thậm chí tình trạng thù địch ấy cũng đang suy giảm, và Louis XVI đã không gặp phải sự chống đối nào của dân chúng trước việc ông loại bỏ những loại thuế đặc biệt bắt người Do Thái gánh chịu. Mirabeau, trong một bài tiểu luận châm chọc tính logic với sự thông minh sắc sảo, đã cam kết giải phóng hoàn toàn người Do Thái (năm 1787), và Cha Bề trên Grégoire đã nhận một giải thưởng của Hội Khoa học và Nghệ thuật hoàng gia ở Metz năm 1789 với luận văn *La regeneration physique, morale et politique des Juifs* (Sự tái sinh về thể xác, tinh thần và chính trị của người Do Thái). Đây dường như là một hệ quả hợp lý của bản Tuyên ngôn Nhân quyền khi Hội nghị Lập hiến, vào ngày 27.9.1791, đã mở rộng các quyền công dân cho tất cả người Do Thái tại Pháp. Các đạo quân của Cách mạng mang tự do chính trị đến cho những người Do Thái ở Hà Lan năm 1796, Venezia năm 1797, Mainz năm 1798; và chẳng bao lâu Bộ luật Napoléon đã thiết lập quyền tự do này tại bất cứ nơi nào những cuộc chinh phục của Bonaparte vươn tới.

Bản thân Napoléon lại nhìn vấn đề theo thói quen khinh bỉ bọn con buôn của một người lính. Tháng Một năm 1806, khi dừng chân trên đường về từ chiến dịch Austerlitz, ông nhận được lời cầu xin giúp đỡ của các nông dân vùng Alsace muốn thoát khỏi cảnh khốn khó về tiền bạc. Bổng được giải thoát khỏi cảnh nô dịch của chế độ phong kiến, họ thấy mình không có việc làm hoặc đất đai để sinh nhai. Họ đã hỏi vay các chủ ngân hàng địa phương – phần lớn là người Đức gốc Do Thái – những số tiền đáng kể để mua ruộng đất, dụng cụ, và hạt giống để có thể thành những người chủ nông dân. Các tay chủ nhà băng cho họ vay vốn, nhưng với lãi suất lên tới 16% mà đối với người cho vay, lãi suất này dường như được biện minh bởi các rủi ro đi kèm (Ngày nayⁱ, những người

i Tức khoảng thập niên 1970, thời điểm xuất bản cuốn sách này.

đi vay ở Mỹ cũng trả mức lãi suất tương đương). Giờ đây, một số nhà nông không thể trả góp lãi lẫn gốc đúng kỳ hạn. Napoléon được biết nếu ông không can thiệp, nhiều nông dân có nguy cơ mất đất; ông được cảnh báo toàn bộ xứ Alsace theo Thiên Chúa giáo đang chuẩn bị vũ khí cho tình hình này, và một cuộc tấn công vào những người Do Thái sắp diễn ra.

Về đến Paris, ông đưa vấn đề này ra bàn với Tham chính Viện. Một số thành viên khuyên nên có biện pháp cứng rắn; những người khác nhấn mạnh rằng người Do Thái ở Marseilles, Bordeaux, Milano, và Amsterdam vẫn đang sống hòa bình và được tôn trọng trong các cộng đồng của họ, và không nên trừng phạt bằng cách huỷ bỏ các quyền mà họ đang có ở những vùng do nước Pháp kiểm soát. Napoléon chọn phương án thoả hiệp: ông quyết định rằng những món tiền cần đòi của các chủ nợ Do Thái tại một vài tỉnh sẽ chỉ được thu sau một năm nữa⁶⁶. Nhưng đồng thời (30.5.1806) ông mời các nhân sĩ Do Thái trên khắp nước Pháp về họp tại Paris để xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến quan hệ giữa các tín đồ Kitô và Do Thái, và đề nghị biện pháp phân tán người Do Thái rộng rãi hơn nữa trên khắp nước Pháp, cùng với việc cho họ tham gia vào nhiều nghề nghiệp hơn nữa. Các tỉnh trưởng có nhiệm vụ chọn ra các nhân sĩ, nhưng “nhìn chung sự lựa chọn của họ rất may mắn”⁶⁷.

Các giảng sư Do Thái (rabbi) cũng như những người thể tục Do Thái được các cuộc họp của họ kính nể nhất tụ tập tại Paris vào tháng Bảy năm 1806, tổng cộng 111 người, và được giao cho một hội trường tại Tòa thị chính để bàn luận. Napoléon, hoặc các thành viên Tham chính Viện, nêu ra trước cuộc họp một số câu hỏi Hoàng đế muốn biết: Người Do Thái có theo tục đa thê không? Họ có cho phép việc kết hôn giữa người Do Thái với tín đồ Kitô không? Các giảng sư Do Thái có quyền công bố các vụ ly dị một cách độc lập với nhà cầm quyền dân sự không? Người Do Thái có xem việc cho vay nặng lãi là hợp pháp không? Các nhân sĩ soạn ra

những câu trả lời được suy tính để làm vui lòng Napoléon: tục đa thê bị cấm trong các cộng đồng Do Thái, và việc ly dị chỉ được phép khi có sự xác nhận của các tòa án dân sự; hôn nhân với người Kitô được phép; việc cho vay nặng lãi trái với giới luật của Mosheh⁶⁸. Napoléon cử Bá tước Louis Mole đến bày tỏ sự hài lòng của ông; và vị Bá tước, trước đây vốn hay chỉ trích, đã phát biểu trước các nhân sĩ với những lời hùng biện tự phát: “Ai là người không ngạc nhiên trước cảnh tượng của hội đồng gồm toàn những con người sáng suốt, được chọn lựa trong số những hậu duệ của dân tộc cổ xưa nhất? Nếu có một ai thuộc về những thế kỷ trước sống đây, và nhìn thấy cảnh tượng này, người đó chẳng phải sẽ nghĩ mình được hóa kiếp sống lại trong lòng những bức tường của Thánh Địa [tức Yerushalayim]?”⁶⁹. Tuy nhiên, ông ta nói thêm, Hoàng đế muốn có sự thừa nhận và bảo đảm về mặt tôn giáo đối với những nguyên tắc được khẳng định bởi hội nghị mà đa số thành viên là người thế tục này, và đề nghị, vì mục đích này và những điều khác nữa, các nhân sĩ nên triệu tập về Paris một “Đại Công hội” (Great Sanhedrin) – tòa án giáo sĩ tối cao của Israel – vốn, do sự phân tán của người Do Thái sau khi Đền Yerushalayim bị tiêu hủy, đã không nhóm họp kể từ năm 66 TCN. Các nhân sĩ vui sướng hợp tác. Ngày 6 tháng Mười, họ gửi cho toàn thể những hội đạo Do Thái chính ở châu Âu lời mời của Hoàng đế nhằm bầu ra các đại biểu tham dự “Đại Công hội” (*Sanhedrin* xuất phát từ tiếng Hy Lạp *synedrion* – hội nghị của các quan tòa hay đại biểu) nhằm xem xét việc giảm bớt các khó khăn trong quan hệ giữa tín đồ Kitô và tín đồ Do Thái, và tạo điều kiện cho người Do Thái ở Pháp được hưởng các quyền và lợi thế của nền văn minh Pháp. Các nhân sĩ kèm theo lời mời bằng một tuyên bố kiêu hãnh và hân hoan:

Một sự kiện trọng đại sắp xảy ra, sự kiện mà, qua suốt một chuỗi dài các thế kỷ tổ tiên chúng ta, và thậm chí chúng ta trong thời đại này của mình, đã không mong đợi được nhìn

thấy. Ngày 20 tháng Mười đã được ấn định là ngày khai mạc Đại Công hội tại thủ đô của một trong số các quốc gia Kitô hùng mạnh nhất, và dưới sự bảo trợ của vị Hoàng đế bất tử đang trị vì nó. Paris sẽ cho thế giới thấy một cảnh tượng đặc biệt, và biến cố được nhớ mãi này sẽ mở ra thời đại giải thoát và thịnh vượng cho các hậu duệ của Abraham đang phân tán khắp nơi⁷⁰.

Đại Công hội không thể đáp ứng những mong đợi nhiệt thành này. Tám ngày sau khi gửi lời mời, Napoléon xuất quân giao chiến với quân Phổ ở Jena. Suốt mùa thu ấy, ông ở lại Đức hoặc Ba Lan, chia cắt nước Phổ, tạo nên Đại Công quốc Warszawa, chơi trò chính trị hoặc chiến tranh; suốt mùa đông, ông ở lại Ba Lan, tổ chức lại quân đội, đánh nhau với Nga bất phân thắng bại ở Eylau, áp đảo họ ở Friedland, và hòa đàm với Sa hoàng Alexander ở Tilsit (năm 1807). Ông không còn bao nhiêu thời gian cho Đại Công hội.

Đại Công hội nhóm họp ngày 9.2.1807. 45 giáo sĩ và 26 nhân vật thế tục bàn bạc, lắng nghe các diễn văn, và phê chuẩn những lời phúc đáp của các nhân sĩ gửi cho Napoléon. Sau đó họ tiếp tục đưa ra các khuyến cáo cho người Do Thái: chấm dứt hận thù với Kitô hữu, yêu đất nước của họ như của chính mình, chấp nhận tham gia nghĩa vụ quân sự để bảo vệ nó, không được cho vay nặng lãi, và tham gia ngày càng nhiều hơn vào nông nghiệp, thủ công và nghệ thuật. Vào tháng Ba, Hội nghị gửi báo cáo cho Hoàng đế đang ở nơi xa xôi, và kết thúc cuộc họp.

Gần một năm sau, ngày 18.3.1808, Napoléon đưa ra các quyết định sau cùng. Chúng phê chuẩn quyền tự do tôn giáo của người Do Thái, và đầy đủ các quyền chính trị của họ trên toàn nước Pháp ngoại trừ Alsace và Lorraine; tại các nơi này, trong mười năm tới, một số hạn chế được áp dụng đối với các chủ ngân hàng nhằm giảm bớt các vụ phá sản và thù hận vì lý do chủng tộc; những món nợ của phụ nữ, người vị thành niên, và binh sĩ được huỷ bỏ; các tòa án được phép

hủy hay giảm những món nợ còn khất trong việc trả lãi, và ban lệnh hoãn trả nợ; không người Do Thái nào được hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nếu không có giấy phép của tỉnh trưởng; và cấm di cư thêm nữa đến Alsace⁷¹. Năm 1810, Hoàng đế thêm vào một yêu cầu: mọi người Do Thái phải lấy một tên họ (family name) – với hy vọng sẽ tạo thuận lợi cho việc đồng hóa chủng tộc.

Đây là sự giải quyết không hoàn hảo, nhưng có lẽ cũng nên dung thứ cho một nhà lãnh đạo muốn điều khiển mọi chuyện, và do đó thấy mình liên tục bị chìm ngập trong các vấn đề và chi tiết. Những người Do Thái ở Alsace cảm thấy bị xúc phạm một cách bất công bởi các quy định của Hoàng đế; nhưng phần lớn các cộng đồng Do Thái ở Pháp và các nơi khác chấp nhận chúng như một nỗ lực hợp lý nhằm xoa dịu một tình huống đang muốn bùng nổ⁷². Trong khi ấy, trong bản hiến pháp ông phác thảo cho Westfalen, Napoléon tuyên bố, mọi người Do Thái sống trong vương quốc mới thành lập này được hưởng tất cả những quyền công dân hoàn toàn giống như mọi công dân khác⁷³. Ở Pháp, cuộc khủng hoảng qua đi, và người Do Thái hội nhập một cách hiệu quả và sáng tạo vào các lĩnh vực văn học, khoa học, triết học, âm nhạc, và nghệ thuật của nước Pháp.

Chương 6

Napoléon và nghệ thuật

I. Âm nhạc

Có cả một lực địa cần cai quản, Napoléon không thể dành nhiều thì giờ cho âm nhạc. Thật khó hình dung ông ngồi yên và lặng thinh trong suốt một buổi hòa nhạc ở nhà hát Théâtre-Feydeau; tuy nhiên chúng ta nghe nói về những buổi hòa nhạc ở Tuileries, và chúng ta được bảo đảm là ông cũng lấy làm thích thú với những cuộc biểu diễn độc tấu mà Joséphine tổ chức tại nhà của nàng¹. Lúc nào Sébastien Érard và Ignaz Pleyel cũng chơi piano rất tuyệt, và mọi ngôi nhà thuộc *le beau monde* (giới thượng lưu) đều có một cây đàn này. Nhiều nữ chủ nhân tổ chức dạ hội âm nhạc riêng, tại đấy, theo lời anh em nhà Goncourt, các vị khách của nàng đứng cảm ngồi nghe², vì họ thích những cuộc đàm đạo mang tính trí tuệ hơn. Người Đức thỏa thuê với âm nhạc không cần lời nói; còn người Pháp sống bằng lời nói mà không cần âm nhạc.

Napoléon thích nhạc kịch hơn là hòa nhạc; ông ít có khiếu nghe hay hát các ca khúc, nhưng như một phần của cảnh phong hoàng gia, vị quân vương thỉnh thoảng cũng cần tham dự các buổi nhạc kịch, để suy ngẫm và để công chúng nhìn thấy. Ông lấy làm tiếc là “Paris thiếu... một nhà hát xứng tầm với những yêu cầu cao của nó” như là thủ đô của văn minh³; phải chờ đến cháu ông và Charles Garnier để dựng lên (1861–1875) viên ngọc lóng lánh đặt lên đỉnh của đại lộ Avenue de l’Opéra. Tuy vậy, hàng trăm vở nhạc kịch đã được sáng tác và trình diễn dưới triều đại của ông. Vở *La Dame blanche*

(Quý bà áo trắng) của François-Adrien Boieldieu, bậc thầy của thể loại nhạc kịch-hài, đã được trình diễn 1.000 lần trong vòng 40 năm⁴. Bản chất Ý của Napoléon khiến ông chuộng các vở nhạc kịch Ý, với những bản aria du dương và cốt truyện đầy kịch tính. Say mê các tác phẩm của Giovanni Paisiello, ông mời ông này sang điều khiển Nhà hát Paris Opera và Nhạc viện. Paisiello đến (năm 1802), tuổi đã 65; nhưng vở nhạc kịch duy nhất ông sáng tác ở Paris, *Proserpina* (năm 1803) chỉ được đón nhận một cách hững hờ; ông lui về với những sáng tác dành cho lễ Missa và những bài thánh ca ngắn, và năm 1804 quay về Ý phục vụ cho một cử tọa hợp ý hơn ở vương quốc Napoli của Joseph Bonaparte và Joachim Murat.

Napoléon may mắn hơn với Gasparo Spontini, người đến Pháp năm 1803 và được vị Hoàng đế hậu thuẫn do đã đề cập đến các chủ đề lịch sử một cách khôn ngoan như việc ca ngợi vinh quang của nền đế chế mới. Vở nhạc kịch nổi tiếng nhất của ông, *La Vestale* (Trình nữ Đền Vesta), đã gặp khó khăn khi tìm một đoàn nghệ sĩ biểu diễn; Joséphine can thiệp giúp, và vở nhạc kịch được trình diễn. Sự nhấn mạnh đến tính chất “lạ lùng” và “ồn ào” đầy kịch tính cùng với câu chuyện tình của vở nhạc kịch khiến nó trở thành một trong những thành công bền bỉ nhất trong lịch sử nhạc kịch. Khi Napoléon bị lật đổ, Spontini đã sáng tác những bản nhạc nhằm tôn vinh sự phục hưng của dòng họ Bourbon.

Cherubini, người đã thống trị nền nhạc kịch Paris dưới thời Cách mạng nay lại tiếp tục thống trị nó dưới triều Napoléon. Tuy nhiên, Hoàng đế thích những bản aria vui vẻ thư thái hơn loại nhạc hùng tráng của Cherubini, và không tưởng thưởng nhiều gì cho ông. Nhà soạn nhạc nhận lời mời đến Wien (tháng Bảy năm 1805), nhưng Napoléon chiếm thành phố này vào tháng Mười một. Cherubini cảm thấy không vui vẻ lắm khi được gọi đến chỉ huy dàn nhạc trong những buổi dạ hội do Napoléon tổ chức tại Cung điện Schönbrunn. Ông quay về Pháp, và được tiếp đón niềm nở tại lâu đài của

Hoàng thân de Chimay, người đã khiến Bà Tallien trở nên khâm kính từ khi cưới bà. Từ đảo Elba trở về, giữa bao công việc bận bịu, Napoléon cũng dành thời gian để trao tặng Cherubini Huân chương Bắc đẩu bội tinh hạng Hiệp sĩ (Đệ ngũ đẳng), nhưng chỉ dưới triều Louis XVIII con người Ý ử rữ này mới có được sự nhìn nhận xứng đáng và một mức thu nhập thoải mái. Từ năm 1821 đến năm 1841, với tư cách Giám đốc Nhạc viện Paris, ông ảnh hưởng đến cả một thế hệ nhạc sĩ Pháp. Ông mất năm 1842, ở tuổi 82, hầu như bị quên lãng trong chiếc kính vạn hoa lơ đãng của thời gian.

II. Hợp tuyển

Napoléon cạnh tranh sát sao với Louis XIV trong việc bảo trợ nghệ thuật vì như ông này, ông muốn bày tỏ niềm vinh quang và sự vĩ đại của nước Pháp, và hy vọng các nghệ sĩ sẽ giúp ông được nhân loại nhớ đến. Phong vị của ông không thuộc hàng tốt nhất, vì đã được nuôi dưỡng và ràng buộc vào cuộc đời quân nhân, nhưng ông đã làm những gì có thể để cung cấp cho các nghệ sĩ Pháp các nguyên bản lịch sử và sự kích thích cá nhân. Ông đánh cắp các kiệt tác không chỉ như những thứ tài sản có thể đổi chác (như chúng được mua bán ngày nay), và như những chiến tích và tặng vật từ các chiến thắng, mà còn như những mẫu vật cho sinh viên trong các viện bảo tàng của nước Pháp. Do đó, tượng *Venus de' Medici* (Vệ nữ Medici) đã đến từ Vaticano, các vị thánh mềm mại uyển chuyển của Correggio từ Parma, bức tranh *Marriage of Cana* (Hôn lễ của Cana) của Vermeer từ Venezia,ⁱ bức *Kruisafneming* (Hạ Giê-su xuống từ thập giá)ⁱⁱ của Rubens từ Antwerpen, bức *La Asunción de la Virgen* (Sự thăng thiên của Đức Mẹ

i Ở đây, tác giả đã nhầm, bức tranh này là *Le Nozze di Cana* (The Wedding of Cana) của Paolo Veronese.

ii *Anh*, The Descent from the Cross.

Đồng trinh)ⁱ của Murillo từ Madrid,... ; thậm chí những con ngựa bằng đồng của Nhà thờ San Marcoⁱⁱ cũng thực hiện cuộc hành trình gian nan đến Paris. Tính tổng cộng, từ năm 1796 đến năm 1814, Napoléon đã đưa 506 tác phẩm nghệ thuật từ Ý về Pháp; trong số đó 249 tác phẩm đã được trả lại sau khi ông bị lật đổ, 248 tác phẩm vẫn còn ở Pháp, và 9 bị thất lạc⁵. Qua sự cướp bóc như vậy, Paris đã thay thế Roma trở thành thủ đô nghệ thuật của thế giới Tây phương. Do ngày càng có nhiều cuộc chinh phục, các chiến lợi phẩm tràn về các tỉnh; và để tiếp nhận chúng, Napoléon cho xây dựng các bảo tàng viện ở Nancy, Lille, Toulouse, Nantes, Rouen, Lyons, Strasbourg, Bordeaux, Marseilles, Genève, Bruxelles, Montpellier, Grenoble, Amiens,... Để phụ trách tất cả các bộ sưu tập này, và đặc biệt là Louvre, Napoléon đã bổ nhiệm Dominique Denon, người đã theo phục vụ ông trên nhiều miền đất và sẽ không bao giờ quên chính Hoàng đế đã đến kéo ông ra khỏi một cao nguyên bị càn quét bởi hỏa lực của quân thù trong trận chiến ở Eylau.

Napoléon đặt ra những cuộc tranh tài và những giải thưởng lớn cho nhiều bộ môn nghệ thuật. Ông nổi lại Giải thưởng Roma (Prix de Rome), và phục hồi Hàn lâm viện Pháp ở Roma. Ông mời các nghệ sĩ lại ngồi cùng bàn ăn với mình, và đóng vai nhà phê bình nghệ thuật, ngay cả trong các chiến dịch hành quân. Ông đánh giá cao nhất các họa sĩ nào có thể kỷ niệm một cách xuất sắc nhất các chiến công của ông, và các kiến trúc sư nào có thể giúp ông biến Paris thành thành phố xinh đẹp nhất, và triều đại của ông thành đỉnh cao lịch sử của nó. Ông giao cho các điêu khắc gia trang trí 15 đài phun nước mới tại các quảng trường của thành phố.

i *Anh*, The Assumption of the Virgin.

ii Bộ tứ mã bằng đồng có từ thời cổ đại, được đặt trên ban công cổng chính của Vương cung thánh đường San Marco tại Venezia vào khoảng năm 1254, bị Napoléon đưa về Paris năm 1797 nhưng đến năm 1815 được trả lại cho Venezia.

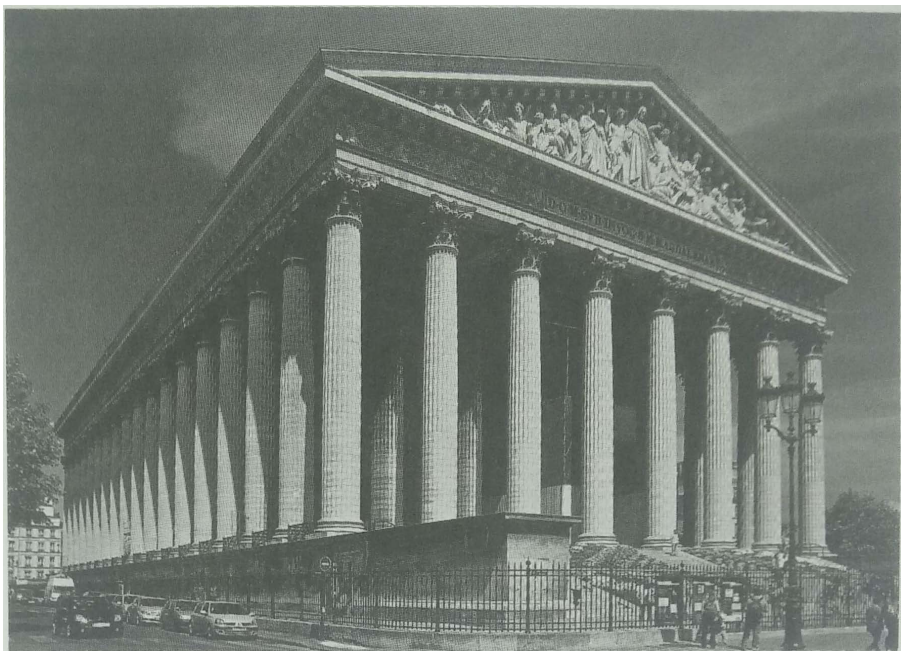


Hình 33: Tượng Venus de' Medici



Hình 34: Bộ tứ mã bằng đồng của Nhà thờ San Marco

Cũng giống như khiếu thẩm mỹ về hội họa của ông mang tính cổ điển, trong kiến trúc ông ngưỡng mộ phong cách đồ sộ của La Mã cổ đại, và nhắm tới sức mạnh và sự uy nghi hơn là vẻ duyên dáng của hình chạm nổi hay sức quyến rũ của chi tiết. Do vậy, ông giao cho Barthélemy Vignon thiết kế Đền Vinh quang để tôn vinh đại quân; ông yêu cầu nhà xây dựng không sử dụng vật liệu nào khác ngoại trừ cẩm thạch, sắt và vàng để xây đền. Công việc tỏ ra quá tốn kém và khó khăn tới mức dù khởi công vào năm 1809 nhưng công trình vẫn còn dang dở khi Napoléon sụp đổ. Những người kế tục ông hoàn thành nó vào năm 1842 như một nhà thờ dành cho Thánh Maria Magdalēnē – Nhà thờ La Madeleine. Nước Pháp chưa bao giờ yêu thích nó; lòng mộ đạo hay tính vui vẻ của Paris không phù hợp với mặt tiền đáng sợ của nó, với những chiếc cột như diễn tả một đạo quân đang tiến tới hơn là một phụ nữ có tội rất ăn năn sám hối về những hành vi phóng đảng và rất hào phóng trong tình yêu của mình. Một công trình đồ sộ



Hình 35: Nhà thờ Madeleine, Paris



Hình 36: Khải hoàn môn Étoile

khác là Palais de la Bourse, hay Thị trường Chứng khoán mà Alexandre-Théodore Brongniart khởi công vào năm 1808 và Étienne de La Barre tiếp tục vào năm 1813; chưa bao giờ có nơi nào khác Thần tài lại được ngụ trong một chốn uy nghi như vậy.

Các kiến trúc sư được mướn mộ của triều đại là Charles Percier và người thường cộng tác với ông, Pierre- François- Léonard Fontaine. Họ cùng nhau miệt mài làm việc để kết nối Điện Louvre với Điện Tuileries, mặc dù tình trạng gập ghềnh trong các đường nét kiến trúc của chúng; do đó họ xây cánh phía bắc (Sân Vương) của điện Louvre (năm 1806). Họ sửa chữa và nâng cấp phần bên ngoài, và kết nối các sân nhà bằng những chiếc cầu thang đồ sộ. Họ thiết kế Khải hoàn môn Carrousel (1806–1808) theo phong cách và tỉ lệ của Khải hoàn môn Settimio Severo ở Roma. Khải hoàn môn Ngôi sao uy nghiêm hơn ở đầu bên kia của đại lộ Champs-Élysées được Jean-François Chalgrin khởi công vào năm 1806, nhưng vừa mới nhô lên khỏi móng thì Napoléon sụp đổ, và chỉ hoàn thành vào năm 1837, ba năm trước khi hài cốt của ông đi qua bên dưới nó trong một đám rước Khải hoàn để đến ngôi mộ của ông tại Điện Les Invalides. Mô phỏng một cách trung thực Khải hoàn môn Costantino ở Roma, nó vượt qua công trình này – và bất cứ Khải hoàn môn La Mã nào khác – về vẻ đẹp, một phần nhờ ở các phù điêu bằng cẩm thạch. Ở bên trái Jean-Pierre Cortot khắc *Le Triomphe de 1810* (Khúc Khải hoàn năm 1810); ở bên phải là tác phẩm *La Marseillaise* (1833–1836) của François Rudé nắm bắt được vẻ mê ly hùng tráng của Cách mạng. Đây là một trong những khoảnh khắc đỉnh cao của nền điêu khắc thế kỷ XIX.

Nghệ thuật khó khăn này, dưới thời Napoléon, đã tựa lên những vòng nguyệt quế nó đã có trước khi ông nổi lên. Houdonⁱ

i Jean-Antoine Houdon (1741–1828): Điêu khắc gia Pháp thuộc trường phái tân cổ điển, nổi tiếng với các tượng chân dung của các triết gia, nhà phát minh và chính trị gia của thời Khai minh.



Hình 37: Quảng trường Vendôme

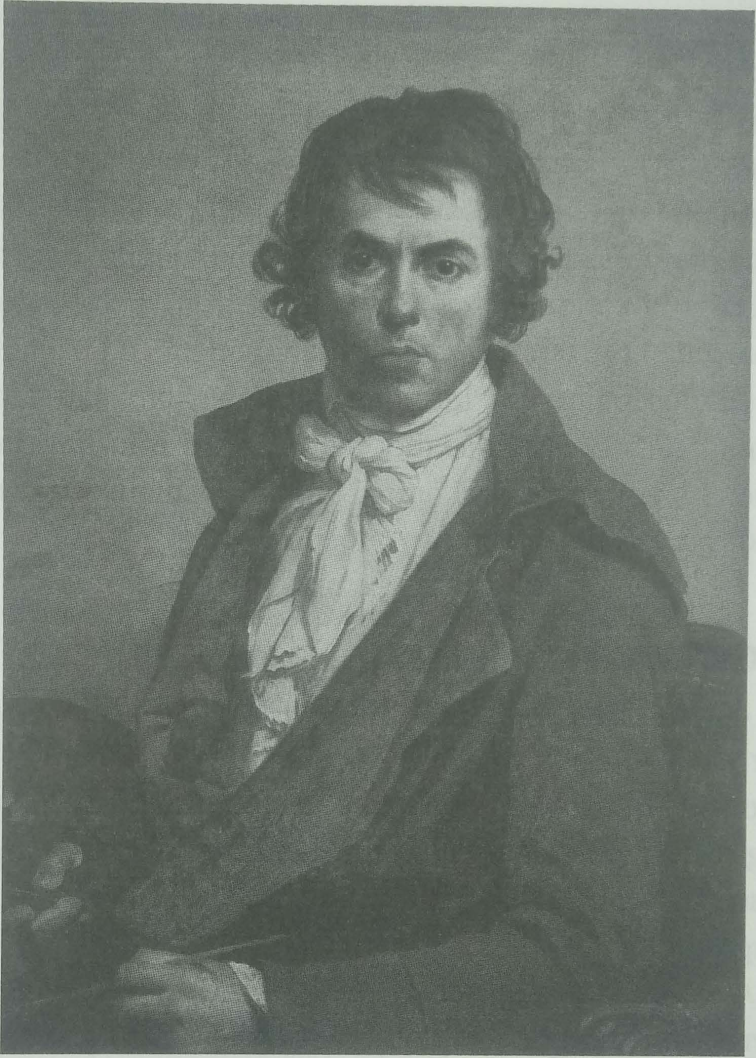
còn sống đến tận năm 1828, tạc cho ông bức tượng bán thân (ngày nay được trưng bày ở Bảo tàng viện Dijon), giúp nhà nghệ sĩ có được một vị trí trong Quân đoàn danh dự (Légion d'honneur). Vẫn còn nhớ đến các hoàng đế La Mã – lần này là các sự tích chiến thắng của Traianus – Napoléon giao cho Jean-Baptiste Le Père và Jacques Gondouin kể lại câu chuyện về chiến dịch Austerlitz trên những phù điêu bằng đồng được gắn từng tấm một theo đường xoắn ốc từ dưới lên trên một cây cột vươn cao trên Quảng trường Vendôme. Kế hoạch được thực hiện, và năm 1808 Antoine Chaudet đặt lên đỉnh cây cột một bức tượng của Napoléon đúc từ những khẩu đại bác của quân địch bị tịch thu đem nấu chảy. Thật ít khi nào lòng kiêu hãnh chiến thắng vươn lên cao đến vậy.

Các nghệ thuật thứ yếu – đồ gỗ mỹ nghệ, trang trí nội thất, thảm, hàng thêu, đồ gốm, sứ, thủy tinh, đồ trang sức, chạm khắc, các bức tượng nhỏ – hầu như mai một trong thời

Cách mạng; chúng đã bắt đầu hồi phục dưới thời Hội đồng Chấp chính; và chúng nở rộ dưới thời Napoléon; Sèvres lại sản xuất các sản phẩm mảnh mai bằng sứ. Đồ đạc trong nhà mang dáng vẻ cứng cáp, vững chắc của “phong cách đế chế”. Những bức tiểu họa Isabey vẽ, với tài năng ngoại hạng trong thể loại này, những nhân vật hàng đầu của thời đại nằm trong số những bức đẹp nhất thuộc loại này trong lịch sử. Joseph Chinard nặn các bức tượng bán thân màu nâu đỏ trông thích mắt của Joséphine và Phu nhân Récamier; bức sau đặc biệt đẹp một cách tinh tế, với một bên ngực để trần như một ví dụ tiêu biểu phù hợp với người phụ nữ kiên quyết giữ mình là một nửa trinh nữ cho đến cuối đời.

III. Giới họa sĩ

Giờ đây hội họa phát triển thịnh vượng, vì đất nước đang phát triển thịnh vượng, và các nhà tài trợ có thể chi tiền. Napoléon chi trả hào phóng, vì ông đang muốn lấy lòng dân bằng cách chiêu theo thị hiếu của quần chúng, và hy vọng kéo dài sự chú ý của họ bằng những lời nịnh hót của văn chương và nghệ thuật. Sự ngưỡng mộ của ông đối với thành Roma của Augustus và thành Paris của Louis XIV khiến ông có xu hướng ưa chuộng những quy tắc cổ điển của nghệ thuật – đường nét, trật tự, tính logic, tỷ lệ, cách bài trí, lý trí, sự tiết chế; nhưng sự sắc sảo trong khả năng thưởng thức, tầm mức của trí tưởng tượng, và sức mạnh của những đam mê của ông đã giúp ông phần nào nhận thức được phong trào lãng mạn vốn đang trỗi dậy để giải phóng chủ nghĩa cá nhân, cảm xúc, tính độc đáo, óc tưởng tượng, sự huyền bí, và nét đặc trưng khỏi sự ràng buộc của truyền thống, sự phù hợp, và tính quy luật. Do đó ông bổ dụng nghệ sĩ theo trường phái cổ điển là David làm họa sĩ cung đình, nhưng vẫn giữ một góc ưu ái cho sự đa cảm của Gérard, những cảnh điền viên của Prud'hon, và những màu sắc bùng nổ của Gros.



Hình 38: Jacques-Louis David, chân dung tự họa

Jacques-Louis David mang lòng cảm mến tự nhiên đối với một người bảo trợ vốn tự gọi mình là tổng tài, người trong một thời gian đã tỏ ra khoan dung đối với một chế độ hộ dân quan (tribunate) của các nhà hùng biện được nhân dân yêu mến, và cải trang các sắc lệnh của mình thành những *senatus consulta*.ⁱ Ông đến thăm con người chiến thắng của đảo Corsica không bao lâu sau ngày 18 Brumaire. Napoléon

ⁱ *Senatus consulta* (Latin): Sắc lệnh của Viện Nguyên lão thời La Mã cổ đại, dưới hình thức lời khuyên cho một vị quan tòa.

chinh phục ông tức thì khi gọi ông là Apellēsⁱ của nước Pháp, nhưng nhẹ nhàng trách ông đã phung phí quá nhiều tài năng cho lịch sử cổ đại; liệu không có sự kiện nào đáng ghi nhớ trong lịch sử cận đại, thậm chí hiện đại sao? “Tuy nhiên,” vị Đệ nhất Tổng tài nói thêm, “hãy làm điều gì anh thích; cây cọ của anh sẽ khiến cho bất cứ đề tài nào anh chọn trở nên nổi tiếng. Đối với mỗi bức tranh lịch sử mà anh chọn vẽ, anh sẽ nhận được 100.000 franc”⁶. Điều này thật có sức thuyết phục. David chính thức nhận giao kèo bằng bức tranh *Bonaparte franchissant le Grand-Saint-Bernard* (năm 1801; Bonaparte vượt qua rặng Alps), mô tả một chiến binh đẹp đẽ vắt một chân quyền rũ, cưỡi trên con ngựa lộng lẫy trong dáng điệu đang vượt qua một sườn dốc trên núi lởm chởm đá – một trong những bức họa xuất sắc nhất thời đại.

David đã biểu quyết chấp thuận án tử hình đối với Louis XVI; hẳn ông đã nhả mặt khi Napoléon tự phong làm Hoàng đế và phục hồi tất cả những sự phô trương rực rỡ và quyền lực của chế độ quân chủ. Nhưng ông đã đến xem lễ đăng quang của vị chúa tể mới; sức quyền rũ mê hoặc của cảnh tượng ấy đã chiến thắng quan điểm chính trị của ông; và sau ba năm trung thành tận tụy xen lẫn những lúc gián đoạn, ông kỷ niệm biến cố này bằng một kiệt tác hội họa của thời đại. Gần 100 nhân vật được minh họa trong bức *Le Sacre de Napoléon* (năm 1807; Lễ đăng quang của Napoléon), kể cả Mẫu hậu Letizia dù không có mặt ở đây. Phần lớn đều được khắc họa một cách trung thực, ngoại trừ đức Hồng y Caprara, người than phiền David đã để lộ cái đầu hói của ông mà không có đầu tóc giả thường ngày. Mọi người khác đều vui thích. Napoléon, sau khi xem xét bức tranh trong nửa giờ đồng hồ, đã ngả mũ chào nhà họa sĩ và nói, “*C’est bien, très bien. David, je vous salue*”⁷. (Đẹp lắm, rất đẹp. David, xin chào ông.)

i Apellēs (thế kỷ IV tCn): họa sĩ Hy Lạp, chuyên vẽ các đề tài thần thoại, được các sử gia về nghệ thuật xem như họa sĩ vĩ đại nhất thời thượng cổ, mặc dù ngày nay không tác phẩm nào của ông còn tồn tại.

David không chỉ là họa sĩ cung đình chính thức; ông còn là nhà lãnh đạo vô song của nghệ thuật Pháp trong thời đại của ông. Mọi nhân vật quan trọng đều đến ngồi tại xưởng vẽ của ông để được vẽ chân dung – Napoléon, Pius VII, Murat, kể cả Hồng y Caprara đầu đội tóc giả⁸. Các học trò của ông – đặc biệt là Gérard, Gros, Isabey, Ingres – đã truyền bá ảnh hưởng của ông, dù họ không đi đúng phong cách của ông. Chậm nhất là vào năm 1814, các du khách người Anh khi đến thăm Louvre đã lấy làm ngạc nhiên khi thấy các họa sĩ trẻ sao chép không phải các bậc thầy thời Phục hưng, mà là những bức tranh của David⁹. Một năm sau, ông bị trục xuất bởi triều đình Bourbon mới phục hồi. Ông đến Bruxelles, phát đạt với việc vẽ chân dung. Ông mất sau khi đã sống 77 năm cuộc đời thật trọn vẹn.

Trong số các học trò của ông, chúng ta sẽ nói sau về Ingres (1770–1867; chúng ta cũng cúi chào khi kể qua Gérard và Guérin vì những tác phẩm chân dung rực rỡ của họ; và sẽ dừng lại lâu hơn với Antoine-Jean Gros vì con đường ông đi qua các phong cách khác nhau rất thú vị. Chúng ta đã được xem ông ở Milano đang vẽ, hoặc đang tưởng tượng ra, bức *Bonaparte au Pont d'Arcole* (Napoléon trên cây cầu ở Arcole). Ở đây, ngay từ rất sớm, người kế thừa một David cổ điển đang thử sức với phong cách lãng mạn. Napoléon tưởng thưởng lòng sùng bái thần tượng của Gros bằng cách giao cho chàng một nhiệm vụ quân sự giúp chàng họa sĩ trẻ nhìn thấy chiến trận từ rất gần. Cũng như Goya ít năm sau đó, chàng nhìn thấy sự đau khổ nhiều hơn là cảnh đánh nhau. Trong bức *Bonaparte visitant les pestiférés de Jaffa* (năm 1804; Bonaparte tới thăm những nạn nhân bệnh dịch ở Jaffa), chàng vẽ cảnh Napoléon chạm vào những chỗ lở loét của một nạn nhân, nhưng đồng thời cũng cho thấy nỗi kinh hãi và tuyệt vọng của đàn ông, đàn bà, và trẻ con bị vùi dập bởi số phận ghê gớm và không phân biệt. Trong bức *Bataille d'Eylau* (năm 1808; Trận đánh ở Eylau), ông mô tả không phải trận đánh mà là bãi



Hình 39: Cupid và Psyche (François Gérard, 1798)

chiến trường đầy ấn tượng với những người hấp hối hoặc đã chết. Ông cảm nhận nhiệt tình sống động trong những màu sắc của Rubens, và đổ tràn vào các bức tranh của mình một sinh khí thật sự giúp nâng cao tinh thần lãng mạn của nước Pháp thời hậu Napoléon. Rồi, cảm thấy đã phản bội người thầy giờ bị lưu đày của mình, ông cố nắm bắt lại vẻ bình thản của phong cách cổ điển trong tác phẩm của ông ta. Ông thất bại, và – lạc lõng và bị lãng quên trong một thời đại đang

điên cuồng với Hugo, Berlioz, Gericault và Delacroix – ông đã chết vì một nỗi buồn làm khô cạn sinh lực và tình yêu cuộc sống trong ông. Ngày 25.6.1835, ở tuổi 64, ông rời nhà, đi bộ đến Meudon, và trầm mình trong một nhánh sông Seine.

Pierre-Paul Prud'hon (1758–1823) thúc đẩy làn sóng lãng mạn bằng sự yêu thích vẻ đẹp lý tưởng hơn hiện thực, nữ thần hơn nam thần, và yêu thích Correggio hơn Raffaello. Ông công nhận với David về tính ưu việt của đường nét, nhưng cảm thấy không có màu sắc thì đường nét xem như chết. Ông có nhiều nữ tính, ngoại trừ việc yêu phụ nữ; vẻ dịu dàng pha lẫn trầm tư và tính nhạy cảm đa tình của ông có thể tha thứ cho mọi lỗi lầm đến từ một hình thể duyên dáng. Là con út trong một gia đình 13 người con, ông phải vất vả chịu đựng cảnh nghèo khó ở Cluny và chỉ phát triển một cách ngấp ngừng. Tuy nhiên, các tu sĩ địa phương đã nhìn thấy ông vẽ, và thuyết phục một vị giám mục tài trợ cho Pierre theo học về nghệ thuật ở Dijon. Tại đây, ông học hành tấn tới, nhưng, vào năm 20 tuổi, ông cưới một nữ thần mà chẳng bao lâu biến thành một mụ đàn bà đánh đá chua ngoa. Ông giành được một học bổng, đến Roma mà không có vợ đi cùng, tìm hiểu Raphael, rồi Leonardo, và cuối cùng khuất phục trước Correggio.

Năm 1789, ông quay lại với vợ, chuyển đến Paris, và chẳng bao lâu sau thấy mình bị mắc kẹt trong cảnh hỗn loạn của cuộc Cách mạng vốn không có thời giờ hay khiêu thăm mỹ đối với các vị thần Cupidō và Psychē của ông; ông tiếp tục vẽ họ một cách bướng bỉnh – với sự tinh tế đầy yêu thương khiến ông dường như đang dùng cây cọ ve vuốt da thịt họ. Ông kiếm ăn bằng cách vẽ những mẫu hóa đơn, những bức tiểu họa, và hình minh họa quảng cáo. Sau mười năm lao dịch như vậy, ông được Hội đồng Chấp chính đặt vẽ một bức tranh – *La sagesse et la vérité augmentent vers le bas à la terre* (Minh triết và chân lý giáng trần) – và được Tướng Bonaparte chú ý đến. Sau đó vị Đế nhất Tổng tài tập trung vào David, và chỉ có thể dành những sự chiếu cố nhất thời cho

Prud'hon. Tuy nhiên, Josephine đã ngời cho ông vẽ một bức chân dung ngày nay được treo tại Louvre. Trong khi ấy, khổ sở với cảnh một vợ một chồng, ông và vợ đồng ý chia tay.



Hình 40: Công lý và báo thù đuổi theo tội ác (Pierre-Paul Prud'hon, 1808)

Mãi đến năm 1808, ở tuổi 50, ông mới có tiếng tăm. Vào năm ấy ông thể hiện những giấc mơ khoái lạc của mình trong bức *Le viol de Psiquis* (Vụ cưỡng hiếp Psychē), và rồi quân bình nó với bức *La Justice et la Vengeance Poursuivant le Crime* (Công lý và báo thù đuổi theo tội ác). Lấy làm ấn tượng, Napoléon trao tặng ông Huân chương Bắc đẩu bội tinh và một căn hộ ở Sorbonne. Nhà họa sĩ luôn khao khát tình yêu tìm thấy trong căn hộ kế bên một họa sĩ khác, Constance Mayer, người trở thành tình nhân, quản gia, và niềm an ủi lúc tuổi già của ông. Năm 1821, Constance, có vẻ bị quẫn trí vì những bản khoản day dứt về tôn giáo đã tự tử. Prud'hon bị choáng váng vì cú sốc. Ông mất năm 1823, hầu như không được để ý đến

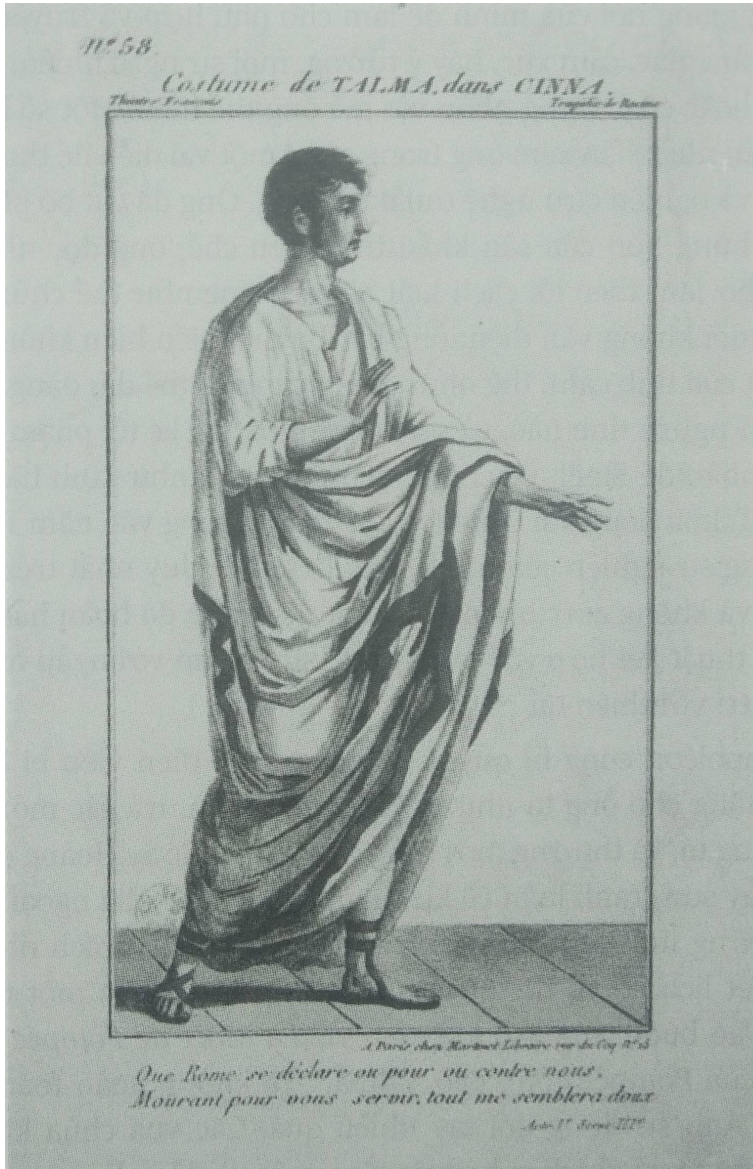
trong cơn phẫn khích của phong trào Lãng mạn mà ông đã đẩy mạnh bằng cách đi ngược từ David về Watteau, và phục hồi sự tôn thờ của người Pháp đối với cái đẹp và vẻ duyên dáng.

IV. Sân khấu

Napoléon rất quen thuộc với sân khấu kịch cổ điển Pháp, và các tác phẩm kịch nghệ Hy Lạp cổ đại cũng không xa lạ lắm với ông. Corneille là tác giả được ông yêu thích nhất, vì ở tác giả này, khác xa so với trong Racine, ông tìm thấy điều được ông cảm nhận như một sự hiểu biết đúng đắn về đức tính anh hùng và lòng cao thượng. “Một bi kịch hay”, ông nói khi ở St. Helena, “theo sát chúng ta hàng ngày. Loại bi kịch cao hơn là trường học của các vĩ nhân: bốn phần của các ông vua là khuyến khích và truyền bá thị hiếu đối với nó... Giá như Corneille sống vào thời của ta, ta đã phong vương cho ông ta”¹⁰. Hoàng đế không quan tâm đến hài kịch; ông không cần chọc cười. Talleyrand thương hại cho ông de Rémusat bởi vì, với tư cách Giám đốc phụ trách các hoạt động giải trí ở triều đình của Hoàng đế, ông được mong đợi sẽ sắp xếp vài trò vui cho “*cet homme inamusable*” (con người không thể làm vui này)¹¹. Nhưng con người không thể làm vui này đã hậu hĩnh tài trợ cho đoàn kịch Comédie-Française và các “ngôi sao” của nó; ông hoan nghênh Talma ngồi vào cùng bàn ăn, và cô George lên cùng giường với mình.

Năm 1807, Napoléon hạn chế số lượng các nhà hát ở Paris xuống còn chín, và xây dựng lại Nhà hát Théâtre-Français – nơi đoàn kịch Comédie-Française biểu diễn từ bấy cho đến nay – thành nơi hầu như độc quyền trình diễn kịch cổ điển. Ngày 15.10.1812, giữa cảnh hoang tàn của thủ đô Moskva bị cháy rụi, ông vẫn dành thời gian phác thảo cho Nhà hát Théâtre-Français một bộ luật công phu bao gồm các quy định mà cho đến ngày nay hãy còn hiệu lực.¹² Được khuyến khích như vậy, Đoàn kịch Comédie-Française đã đưa lên sân khấu, trong thời Đế chế, những tác phẩm trứ danh nhất của kịch cổ

điển trong lịch sử nước Pháp. Để bổ sung các hoạt động này, Nhà hát Théâtre de l'Odéon, được xây dựng năm 1779 và bị thiêu huỷ năm 1799, được Chalgrin xây lại vào năm 1808 với những đường nét cổ điển. Một nhà hát cung đình được dựng lên ở Tuileries, và những buổi trình diễn sân khấu tư nhân thuộc hàng kiệt xuất được tổ chức ở nhà của giới thượng lưu.

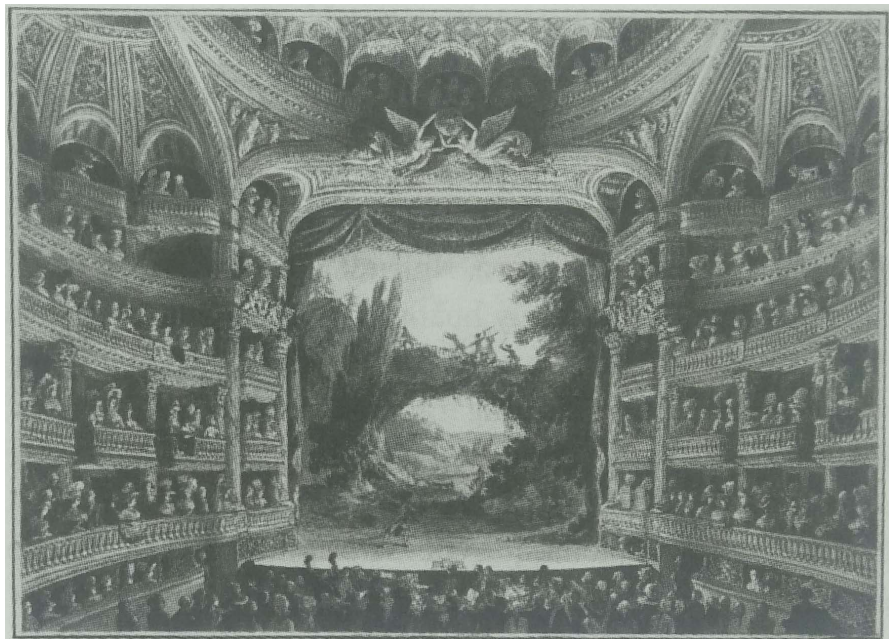


Hình 41: Diễn viên Talma trong vai Cinna trong một bi kịch của Racine

Talma, sau khi đóng vai trò của mình trong thời Cách mạng, đã đạt đến đỉnh cao sự nghiệp dưới triều Napoléon. Cá tính của ông quá kiêu hãnh, cách biệt, và mãnh liệt khiến ông thấy khó lọt xác cho những vai diễn không giống con người mình. Ông nắm vững nghệ thuật tinh tế này bằng việc học cách kiểm soát và phối hợp mọi cử động của tay chân, mọi bắp thịt và nét đặc trưng trên khuôn mặt, và mọi biến thái trong giọng nói của mình để làm cho phù hợp và truyền đạt mọi cảm giác, cảm xúc, hay ý tưởng, mọi sự ngạc nhiên, nghi ngờ, hoặc cố ý, trong nhân vật mà ông thể hiện. Một số khán giả đến nhiều lần xem ông trong cùng một vai diễn để thưởng thức và nghiên cứu nghệ thuật của ông. Ông đã vất bỏ phong cách hùng hồn của sân khấu thời Cựu chế; ông đọc những câu thơ làm theo lối cách luật alexandrine như thể chúng là văn xuôi không vần điệu; ông bác bỏ mọi biểu hiện không tự nhiên của tình cảm, thế nhưng ông cũng có thể dịu dàng như bất cứ người tình nào, và sôi nổi như bất cứ kẻ tội phạm nào. Phu nhân de Staël, xúc động đến mức hầu như kinh hãi khi xem Talma đóng vai Othello¹³, đã viết cho ông vào năm 1807: “Trong sự nghiệp của mình, ông là người duy nhất trên thế giới, và không ai trước ông đã đạt đến mức độ hoàn hảo khi nghệ thuật kết hợp với cảm hứng, suy ngẫm với ngẫu hứng, và lý trí với thiên tài”¹⁴.

Napoléon cũng bị quyến rũ bởi người diễn viên bi kịch. Ông tặng cho ông ta những khoản tiền lớn, trả các món nợ của ông ta, và thường mời ông ta ăn sáng; lúc ấy Hoàng đế có thể say sưa tranh luận về kịch nghệ khiến các nhà ngoại giao và tướng lĩnh phải chờ đợi trong khi ông giải thích những chi tiết lịch sử có thể quyết định cách trình diễn một nhân vật. Vào buổi sáng sau khi xem vở *La Mort de Pompée* (Cái chết của Pompée) ông bảo Talma, “Ta không hoàn toàn hài lòng. Anh sử dụng đôi tay nhiều quá. Các vua chúa không hào phóng cử chỉ đâu; họ biết rằng một cử động là một mệnh lệnh, và một cái nhìn là một án tử; vì vậy họ rất tiết kiệm

cử động và cái nhìn”. Talma, chúng ta được bảo đảm, đã tận dụng lời khuyên này¹⁵. Bất luận thế nào, cho đến cuối đời, ông vẫn là người thống lĩnh sân khấu Pháp.



Hình 42: Bên trong Nhà hát Comédie-Française

Nó cũng có các nữ hoàng, như Napoléon nhận xét. Cô Duchesnois là người có khuôn mặt bình thường nhưng đáng người hoàn hảo. Do đó, như Dumas cha kể lại, “cô ta rất mê diễn vai Alzire vì với vai diễn này cô nàng có thể phô bày hình thể mình gần như trần truồng”. Nhưng cũng vì “Cô có giọng nói chứa đựng vẻ dịu dàng sâu sắc, nỗi buồn phiền du dương, khiến cho đến tận ngày nay đa số những người đã xem cô trong vở *Maria Stuart* thích cô hơn cô Rachel”¹⁶. Thế mạnh của cô là bi kịch, trong đó cô gần như cạnh tranh với Talma; chính cô là người thường được chọn đóng vai phản diện với ông ta. Cô George là một người đẹp mảnh khảnh, nên Đoàn kịch Comédie do dự khi mời đóng những vai đòi hỏi khắt khe như Clytemnestra trong vở *Iphigénie* của Racine. Giọng nói và đáng người của cô đã quyến rũ vị Đệ nhất Tổng tài, và

như một chúa tể phong kiến với *droit de seigneur* (quyền của lãnh chúa), thỉnh thoảng ông yêu cầu cô trình diễn. Mặc dù mối quan hệ này chấm dứt sau một năm, cô cũng như Talma vẫn trung thành với ông qua mọi vinh quang cũng như thất bại của ông; do vậy khi Napoléon sụp đổ, cô bị mất địa vị của mình tại nhà hát Théâtre-Français; nhưng sau đó cô trở lại để dự phần vào tình trạng phấn khích của sân khấu lãng mạn.

Napoléon đã tin tưởng, phần nào có lý, rằng trong triều đại của mình Comédie-Française đã nâng sân khấu Pháp lên một trình độ ưu tú chưa từng có. Nhiều lần, để phô trương chất lượng đoàn kịch và vẻ huy hoàng của mình, ông đã ra lệnh cho đoàn kịch đến Mainz, Compiègne, hoặc Fontainebleau, với chi phí do nhà nước trang trải, và biểu diễn cho triều đình, hay, như ở Erfurt và Dresden, biểu diễn “*devant un parterre de rois*” – “trước khán giả gồm toàn những ông hoàng”¹⁸. Ngay cả vị Grand Monarque (Đại vương) cũng đã không tỏa sáng trong niềm vinh quang của kịch trường đến như vậy.

Chương 7

Văn chương với Napoléon

I. Nhà kiểm duyệt

Napoléon quan tâm đến sân khấu hơn văn chương. Ông ghi chú cẩn thận các chương trình biểu diễn của Nhà hát Théâtre-Français, bày tỏ nhận xét về chúng, và chịu trách nhiệm phần lớn trong việc loại Voltaire và phục hồi Corneille và Racine. Sở thích văn chương của ông không đáng kể lắm. Ông hăm hở đọc văn chương, và mang theo nhiều cuốn tiểu thuyết trong các chiến dịch, phần lớn là truyện tình lãng mạn. Những lần nói chuyện tại bàn ăn của ông ở St. Helena, ông có nêu một số nhận xét đúng đắn về văn chương cho thấy kiến thức của ông về Homer, Virgil, Corneille, Racine, La Fontaine, Phu nhân de Sévigné, Voltaire, Richardson, và Rousseau; nhưng ông không chịu được Shakespeare. “Không thể nào đọc được đến cuối một vở kịch của ông ta; thật tội nghiệp. Chẳng có vở nào trong số đó đến gần được Corneille hoặc Racine!”¹ (Các bản dịch Shakespeare sang tiếng Pháp đều là những bản dịch không thỏa đáng một cách đáng tiếc.)

Như đa số những người phải bận rộn với công việc, ông không nể nang các văn sĩ trong các vấn đề kinh tế hoặc cai trị. Ông xem họ như những kẻ ăn nói hoa mỹ, ít có ý thức đúng đắn về hiện thực, hay về bản chất và những giới hạn của con người. Ông chắc chắn mình biết rõ hơn họ về những gì dân tộc Pháp đang cần và nên có: sự hiệu quả và liêm chính của chính quyền, thuế má dễ chịu, tự do kinh doanh, cung cấp

lương thực đều đặn, bảo đảm việc làm lương cao trong công nghiệp, quyền sở hữu của nông dân, và vị thế kiêu hãnh của nước Pháp trong cuộc diễu hành của các quốc gia. Nếu dân chúng có được những điều này, họ sẽ không đòi cho được quyền định đoạt các chính sách, hoặc chiếm lấy các chức vụ, bằng việc đếm lỗ mũi sau khi đã tranh cãi bằng lời nói. Trong công cuộc theo đuổi bền bỉ các mục tiêu này và quyền lực hoặc vinh quang của chính mình, ông sẽ không khoan dung cho sự can thiệp của các chúa tể của diễn đàn hoặc của ngòi bút. Nếu hạng người này có thể bị bịt miệng bằng các giải thưởng, các khoản tiền trợ cấp, hoặc lợi lộc chính trị, những loại thuốc an thần này sẽ được cung cấp; ngược lại những kẻ quấy rầy sự yên ổn của Tổng tài chế hoặc Đế quốc sẽ bị ngăn cấm xuất bản, hoặc cấm cư trú ở Paris hoặc ở Pháp. “Tự do báo chí vô giới hạn”, Napoléon viết năm 1802, “sẽ sớm dẫn tới việc tái lập tình trạng vô chính phủ trong một đất nước mà mọi yếu tố của tình trạng như vậy đang sẵn có”².

Để canh chừng công luận, Napoléon – noi theo các tiền lệ thời Hội đồng Chấp chính – ra lệnh cho các giám đốc sở bưu điện mở thư từ cá nhân, ghi chú những đoạn thù nghịch, dán lại các phong bì, và gửi bản sao các đoạn trích đến cho chính ông hoặc cho “Phòng Mật vụ” tại Bưu điện Trung tâm ở Paris³. Ông chỉ thị cho viên thủ thư của mình soạn và mang đến, “hàng ngày từ năm đến sáu giờ” các bản tóm tắt về tài liệu chính trị trong các báo chí hiện thời; “đệ trình cho ta, mỗi 10 ngày, bản phân tích các tập sách mỏng hay các cuốn sách được xuất bản trong vòng 10 ngày trước đó”; báo cáo nội dung và xu hướng chính trị của mỗi vở kịch được trình diễn trong vòng 48 giờ kể từ buổi diễn đầu tiên; và “mỗi ngày thứ nhất và thứ sáu [của tuần lễ mười ngày] từ 5 đến 6 giờ đệ trình cho ta báo cáo về các bích chương, biểu ngữ, hay quảng cáo đáng lưu ý; ông ta cũng sẽ báo cáo bất cứ điều gì biết được, và đã được làm hoặc nói, trong các trường trung học, các buổi họp hành về văn chương, các bài thuyết giáo... đáng chú ý từ quan điểm chính trị và đạo đức”⁴.

Ngày 17.1.1800 – lại tiếp tục thói quen của Hội đồng Chấp chính – Napoléon đóng cửa 60 trong số 73 tờ báo xuất bản ở Pháp lúc bấy giờ. Đến cuối năm chỉ còn chín tờ tồn tại, không tờ nào có quan điểm phê bình cấp tiến. Ông nói, “Ba tờ báo thù địch còn nguy hiểm hơn 1.000 chiếc lưỡi lê”⁵. Tờ *Le Moniteur universel* thường xuyên bảo vệ các chính sách của Napoléon; đôi khi ông viết những bài báo – kể cả những bài điểm sách – cho tờ này mà không ký tên, nhưng để lộ xuất xứ của chúng qua phong cách đầy uy quyền. Một người dí dỏm đặt tên lại cho tờ báo là *Le Menteur* [Kẻ nói láo] *Universel*⁶.

Ta muốn ông viết cho các tổng biên tập của các tờ *Le Journal des débats*, *Le Publiciste*, và *La Gazette de France* vì ta nghĩ đây là những tờ báo được đón đọc rộng rãi nhất – để tuyên bố cho họ biết rằng... thời Cách mạng đã qua rồi, và chỉ có một đảng phái ở Pháp; rằng ta sẽ không bao giờ khoan dung cho những tờ báo nào nói hoặc làm điều gì chống lại các quyền lợi của ta; rằng [dù cho] họ có thể xuất bản một ít bài báo ngắn với chỉ một chút nội dung độc hại trong đó, nhưng một sáng đẹp trời sẽ có người chặn họng họ lại⁷.

Ngày 5.4.1800, việc kiểm duyệt vươn đến lĩnh vực kịch nghệ. Chính phủ lập luận rằng, các ý kiến phát biểu với tư cách cá nhân và riêng tư có thể không gây hại, nhưng cũng các ý kiến ấy nếu được đặt vào miệng một nhân vật lịch sử nổi tiếng, và được tuyên bố từ sân khấu với sức mạnh và tài hùng biện của một diễn viên được quần chúng yêu thích sẽ có một ảnh hưởng bùng nổ, được nhân bội lên bởi âm vang tương tác của các cảm xúc và bởi sự vô trách nhiệm của các cá nhân trong đám khán giả kịch trường⁸. Cơ quan kiểm duyệt cấm trình diễn nơi công cộng bất cứ sự chỉ trích nào đối với chế độ quân chủ, và bất cứ sự ngợi khen nào đối với chế độ dân chủ. Với *La Mort de César*ⁱ (Cái chết của Caesar) bị loại khỏi

i *La Mort de César*: Bi kịch gồm ba hồi của Voltaire, ra mắt lần đầu năm 1736.

kịch mục vì công chúng hoan hô những bài diễn văn của Brutus chống chế độ độc tài⁹.

Cuối cùng nhà nước kiểm soát toàn bộ hoạt động ấn loát. “Điều rất quan trọng là chỉ những ai được chính phủ tin tưởng mới được phép in. Một người ngỏ lời với công chúng bằng ấn phẩm cũng giống như người phát biểu công khai trong một hội nghị”;¹⁰ anh ta có thể phát tán vật liệu dễ cháy, và nên được canh chừng như một kẻ có khả năng đốt nhà. Do đó mọi chủ nhà in phải trình lên cơ quan kiểm duyệt mọi bản thảo đã được chấp thuận trước hoặc trong khi in, và để được cấp giấy phép cho in của nhà nước, ông ta phải đồng ý xóa bỏ những nội dung đáng chê trách, hoặc chấp nhận những sự thay thế mà chính phủ đề nghị. Ngay cả sau khi viên chức kiểm duyệt đã đồng ý, và tác phẩm đã được in, vị bộ trưởng cảnh sát vẫn được phép tịch thu, hoặc thậm chí tiêu huỷ ấn phẩm, bất chấp những thiệt hại gây ra cho tác giả hay nhà xuất bản¹¹.

Chính trong nhà ngục tinh thần này mà văn chương phải đấu tranh để tồn tại dưới triều của Napoléon. Nỗ lực đấu tranh anh hùng nhất là do một người đàn bà thực hiện.

II. Phu nhân de Staël: 1799–1817

1. Nữ thần báo ứng của Napoléon

Hội đồng Bảo an (Comité de salut public) đã trục xuất bà khỏi nước Pháp; Hội đồng Chấp chính đã giảm nhẹ hình phạt bằng cách chỉ cấm bà ở lại Paris; vào ngày sau khi cơ quan này sụp đổ bà đã vội vàng quay lại thủ đô (12.11.1799), và kiếm một căn hộ ở khu ngoại ô Saint-Germain sang trọng. Chính quyền mới của vị Tổng tài – tức Napoléon – không chống lại việc bà quay về. Không lâu sau đó bà mở một khách thính mới, phần vì “trò chuyện ở Paris... đối với tôi luôn là niềm vui thích hấp dẫn nhất”¹², phần vì bà đã quyết định đóng vai trò điều khiển trong các sự kiện. Bà không chấp nhận rằng vai trò như thế không thích hợp với một phụ nữ; dường như

đối với bà người phụ nữ (như bà) vừa có tiền tài lẫn đầu óc là điều thích hợp; và đặc biệt là thích hợp đối với người thừa kế của Jacques Necker, được bà xem như một anh hùng không được đánh giá đúng của Cách mạng. Một cách ngẫu nhiên chính phủ hãy còn nợ ông 20 triệu franc mà ông đã cho vay hồi năm 1789; bà hành động quả quyết một phần là nhằm lấy lại số tiền ấy cho cha bà và cũng là cho tài sản thừa kế của bà. Lý tưởng của bà (cũng như của cha bà) là một chế độ quân chủ lập hiến cho phép tự do báo chí, thờ phụng, và phát biểu, và bảo vệ tài sản của người giàu chống lại sự ghen tị của người nghèo. Theo chiều hướng này, bà cảm thấy mình trung thành với Cách mạng như Quốc hội của những năm 1789–1791 đã khẳng định. Bà khinh miệt những kẻ giết vua, và chào đón các nhà quý tộc lánh giềng ở khu ngoại ô đến với khách thính của mình, những người ngày ngày cầu nguyện cho dòng họ Bourbon được phục hưng. Tuy nhiên, bà tập trung những buổi tiếp đón Benjamin Constant, người hết lòng ủng hộ chế độ cộng hòa, và với tư cách là thành viên của Ủy hội Pháp chế, chống lại mọi bước đi của Napoléon từ địa vị Tổng tài lên Hoàng đế. Bà cũng hoan nghênh các anh em của vị Đế nhất Tổng tài vì chính họ cũng cảm thấy không thoải mái với quyền lực ngày càng tăng của ông.

Thực vậy, phần lớn đàn ông có địa vị trong giới chính trị và trí thức của Paris năm 1800 tìm đến những buổi dạ hội của bà vì hăm hở muốn biết những chuyện ngồi lê đôi mách về chính trị mới nhất, hoặc nghe nữ chủ nhân chỉ trích thậm tệ trong những cuộc nói chuyện như Paris chưa hề nghe thấy kể từ thời Phu nhân du Deffand.ⁱ Phu nhân de Tesséⁱⁱ tuyên bố:

i Phu nhân du Deffand (Marie de Vichy-Chamrond, Nữ Hầu tước du Deffand, 1697–1780): Nhà thư văn (*épistolier*), và là chủ nhân một khách thính nổi tiếng ở Paris trước thời Cách mạng.

ii Phu nhân de Tessé (Adrienne Catherine de Noailles, Nữ Bá tước de Tessé, 1741–1813): Chủ nhân một khách thính nổi tiếng ở Paris thời Napoléon, thường giao thiệp thư từ với Thomas Jefferson, vị Phó Tổng thống thứ hai, rồi Tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ.



Hình 43: Phu nhân de Staël (François Gérard, 1810)

“Nếu là nữ hoàng, tôi sẽ ra lệnh cho Phu nhân de Staël nói chuyện với tôi suốt ngày”¹³. Chính Germaine [Phu nhân de Staël] cũng từng viết “mọi tầng lớp ở Pháp đều cảm thấy có nhu cầu trò chuyện; ở đây lời nói không chỉ là phương tiện giao tiếp như ở những nơi khác;... nó là một nhạc cụ mà người ta rất thích chơi”¹⁴.

Bà không chống đối Napoléon ngay tức thời; thật vậy, nếu chúng ta có thể tin Bourrienne, bà đã viết cho ông vài lá thư

tâng bốc vào thời kỳ đầu của chế độ Tổng tài, thậm chí đề nghị xin phục vụ dưới quyền ông¹⁵. Nhưng thái độ cương quyết làm ngơ đối với những lời đề nghị kết thân của bà, chính sách kiểm duyệt ngày càng mở rộng, sự khinh miệt những người trí thức trong các vấn đề chính trị, và quan niệm về phụ nữ như những người truyền giống và những đồ chơi quyền rũ không đáng tin cậy để trao đổi ý nghĩ, đã xúc phạm và khiến bà đáp trả lại theo cách tương tự. Khi ông gọi những người khách của bà là những kẻ không tưởng (*ideologue*), bà gọi ông là kẻ sợ ý tưởng (*ideophobe*); và khi cơn giận bốc lên, bà mô tả ông như một “Robespierre trên lưng ngựa”¹⁶, hay như một kẻ *bourgeois gentilhomme* (trưởng giả học làm sang) trên ngai vàng¹⁷.

Ngày 7.5.1800, bà chuyển nhà đến Coppet để nghỉ hè cùng một đoàn tùy tùng nhỏ gồm những kẻ hâm mộ bà. Ngày hôm trước Napoléon đã rời Paris để vượt qua dãy Alpes và đối đầu với quân Áo ở Marengo. Sau này Germaine thú nhận: “Tôi không thể cưỡng nổi ý nghĩ muốn cho Bonaparte thất trận, vì đó dường như là cách duy nhất chặn đứng bước tiến đến chỗ chuyên chế của ông ta”¹⁸. Mùa thu năm ấy, cảm thấy buồn chán với Coppet và đỉnh Mont Blanc, bà quay về thủ đô, vì bà sống nhờ việc chuyện trò, và “việc trò chuyện của người Pháp không có ở đâu trừ Paris”¹⁹. Chẳng bao lâu, bà tập hợp được một nhóm thiên tài trong khách thính của mình, và đề tài chủ đạo của họ là sự độc tài của Napoléon. “Bà ta mang theo mình một bao đầy những mũi tên”, ông phàn nàn. “Họ làm ra vẻ cho rằng bà ta không nói gì đến chính trị hay đến ta; nhưng thế thì tại sao lại xảy ra chuyện tất cả những người đến gặp bà ta rồi cũng bết thích ta hơn?”²⁰ “Căn nhà của bà ta”, ông nói lúc ở St. Helena, “đã trở thành cái ổ chống đối lại ta. Thiên hạ lại đó để được tấn phong làm hiệp sĩ trong cuộc thập tự chinh của bà ta”²¹. Thế nhưng ông nhìn nhận: “Người phụ nữ ấy dạy cho người ta suy nghĩ, những kẻ chưa bao giờ quen với việc suy nghĩ hoặc đã quên phải suy nghĩ như thế nào”²².

Ông cảm thấy là một người đang tìm cách kéo nước Pháp ra khỏi cảnh hỗn loạn bằng việc mang lại cho nó một nền cai trị hiệu quả, và trong khi đó còn dẫn dắt các đạo quân của đất nước đi đến chiến thắng các liên minh thù địch, ông có quyền mong đợi, và nếu cần thiết, bắt phải tuân theo một sự đoàn kết tinh thần nào đó trong công chúng, một sự phối hợp nào đó của tinh thần dân tộc với ý chí quốc gia để bảo vệ nền cộng hòa non trẻ của nước Pháp và các biên giới “tự nhiên” của nó; nhưng người phụ nữ này đã tập hợp và đoàn kết cả những người bảo hoàng và những người Jacobin để chống lại ông, và an ủi các kẻ thù của ông. Ở đây, cha của Germaine đồng ý với Napoléon; ông khiển trách bà đã kiên trì tấn công nhà độc tài trẻ; ông bảo bà, một vài hình thức độc tài nào đó tỏ ra cần thiết trong thời kỳ khủng hoảng hoặc chiến tranh²³. Bà đáp lại rằng tự do quan trọng hơn chiến thắng. Bà khuyến khích việc Bernadotte chống lại Napoléon; bà viết một số bài diễn văn mà Constant đọc trước Ủy hội Pháp chế chống lại việc Napoléon xâm lấn các quyền của cơ quan lập pháp. Bà và Bonaparte là những con người ích kỷ ngày càng bành trướng và dễ bị kích động, và nước Pháp không đủ rộng để chứa cả hai người và cho họ được tự do.

Mùa xuân năm 1801, Napoléon viết cho anh mình là Joseph: “Quý ông de Staël đang ở trong cảnh khốn khó tuyệt vọng nhất, mà vợ ông lại đang tổ chức tiệc tùng và khiêu vũ”²⁴. Sau khi nghe Joseph kể lại lời trách móc này, Germaine đến căn phòng của quý ông ở Quảng trường Concorde và thấy ông ta đang bị chứng bại liệt giai đoạn cuối. Bà quan tâm chăm sóc ông ta, và vào tháng Năm năm 1802, bà mang ông theo khi rời Paris đi Thụy Sĩ. Ông mất trên đường đi, và được chôn ở nghĩa trang Coppet. Ngày càng dễ bị kích động, năm ấy Phu nhân de Staël bắt đầu dùng thuốc phiện.

2. Tác giả

Bà là nữ tác giả lớn nhất châu Âu trong thời mình, và là tác giả lớn nhất nước Pháp, ngoại trừ Chateaubriand. Trước

năm 1800, bà đã viết 15 cuốn sách, giờ đã bị lãng quên. Đến năm ấy, bà tung ra tác phẩm quan trọng, *De la Littérature* (Về văn chương); sau đó bà viết hai cuốn tiểu thuyết – *Delphine* (năm 1803) và *Corinne* (năm 1807) – giúp bà nổi tiếng khắp châu Âu. Trong những năm 1810–1813, bà đã chiến đấu cho cuộc chiến đòi mình để xuất bản kiệt tác, *De l'Allemagne* (Về nước Đức). Lúc qua đời, bà để lại một tác phẩm quan trọng khác, *Considérations sur la révolution française* (Nghĩ về cuộc Cách mạng Pháp), và *Les Dix Années d'exil* (Mười năm lưu đày). Tất cả các tác phẩm được nêu ra ở đây đều được viết rất cẩn thận và có giá trị thực sự, có cuốn dày tới 800 trang. Phu nhân de Staël làm việc chăm chỉ, năng yêu, và mê viết. Bà đã chiến đấu đến cùng chống lại con người hùng mạnh nhất thời đại, và chiến thắng một cách buồn bã khi ông sụp đổ.

De la Littérature considérée dans ses rapports avec les institutions sociales (Về văn chương, xét trong những mối quan hệ của nó với các thể chế xã hội) đảm trách một chủ đề rộng lớn và quả cảm: “Tôi đề nghị xem xét ảnh hưởng của tôn giáo, đạo đức và pháp luật đối với văn chương, và ảnh hưởng của văn chương đối với tôn giáo, đạo đức và pháp luật.”ⁱ Tác phẩm vẫn còn thở ra tinh thần của thế kỷ XVIII – tự do tư tưởng, cá nhân chống lại nhà nước, tiến bộ của trí thức và đạo đức; ở đây không có huyền thoại siêu nhiên, mà là lòng tin vào việc truyền bá giáo dục, khoa học, và trí tuệ. Điều kiện tiên quyết đầu tiên của tiến bộ là giải phóng tinh thần khỏi sự kiểm soát về chính trị. Với những tinh thần được giải phóng như vậy, văn chương sẽ thể hiện, lan truyền, và chuyển tải di sản ngày một lớn của giống nòi. Chúng ta đừng nên mong chờ nghệ thuật và thi ca cũng tiến bộ như khoa học và triết học, vì chúng tùy thuộc phần lớn vào trí tưởng tượng, vốn cũng sắc sảo và phong phú vào những thời đại xa xưa cũng như sau này.

i Chúng tôi đã không đọc cuốn sách này kể từ năm 1915. Phần lớn các phân tích sau đây mượn từ cuốn tiểu sử xuất sắc của Herold, *Mistress to an Age*, tr. 105-13 [Durant].

Trong sự phát triển của một nền văn minh, nghệ thuật và thi ca đi trước khoa học và triết học; do đó thời của Periklēs đi trước thời của Aristotelēs, thời Trung đại đi trước Galileo, nghệ thuật của Louis XIV đi trước thời Khai minh. Tiến bộ của tinh thần không có tính liên tục; có những đợt đi giật lùi do những xáo lộn trong tự nhiên hoặc những thăng trầm của chính trị. Nhưng ngay cả trong thời Trung đại, khoa học và phương pháp khoa học vẫn tiến bộ, tạo điều kiện cho sự xuất hiện của Copernicus, Galileo, Bacon, và Descartes. Trong mỗi thời đại, triết lý tiêu biểu cho sự tích lũy và bản chất của di sản trí tuệ. Có lẽ (bà ngầm nghĩ) trong một kỷ nguyên tương lai nào đó, triết lý sẽ chín chắn và toàn diện để “hiện ra với chúng ta như những gì tôn giáo Kitô đã hiện ra trong quá khứ²⁵. Bà định nghĩa *les lumières philosophiques* (sự khai minh triết lý) là “sự đánh giá đúng đắn các sự vật theo lý trí”²⁶, và chỉ khi đối diện với cái chết, niềm tin của bà về sinh mệnh của lý trí mới dao động. “Chiến thắng của ánh sáng [*les lumières*] luôn hứa hẹn tốt đẹp cho sự vĩ đại và cải tiến của nhân loại”²⁷.

Nhưng, bà viết tiếp (vì đã đọc cả Rousseau cũng như Voltaire), sự phát triển của trí năng cũng không đủ; kiến thức chỉ là một yếu tố trong quá trình nhận thức. Yếu tố kia là cảm xúc. Cần có sự nhạy cảm của tâm hồn cũng như các giác quan. Không có nó, tâm hồn sẽ chỉ là một *tabula mortua*, một kẻ tiếp nhận vô hồn các cảm giác của cơ thể; cùng với nó linh hồn bước vào cuộc sống của những sinh linh khác, chia sẻ điều kỳ diệu cũng như sự đau khổ của họ, cảm nhận linh hồn trong xác thịt, Thượng đế ở sau thế giới vật chất. Từ quan điểm này, nền văn chương lãng mạn của miền bắc đầy sương mù – Đức, Scandinavia, Anh – cũng quan trọng như nền văn chương cổ điển của miền nam rực nắng – Hy Lạp và Ý; những bài thơ của “Ossian” cũng quan trọng như những thiên anh hùng ca của Homēros, và *Werther* là cuốn sách vĩ đại nhất trong thời đại của nó.

Napoléon (vào thời trẻ) có lẽ đã đồng ý với những nhận định này, nhưng ông ắt hẳn khó chịu với quan điểm của tác giả đối với mối quan hệ giữa văn chương và chính quyền. Các nền dân chủ (theo bà) có xu hướng bắt các nhà văn nghệ sĩ phải phục tùng những sở thích của quần chúng; các nhà quý tộc hướng họ viết cho giới thượng lưu trí thức, trong lúc khuyến khích việc suy nghĩ chín chắn và sử dụng hình thức một cách tiết độ²⁸; chế độ chuyên chế khuyến khích nghệ thuật và khoa học, do đó tự áp đặt lên nó vẻ huy hoàng và quyền lực, nhưng làm nản lòng triết học và sử ký, vì những khoa này dẫn đến một quan điểm rộng rãi và sâu sắc nguy hiểm cho nền độc tài. Chế độ dân chủ kích thích văn chương và làm chậm sự phát triển nghệ thuật, chế độ quý tộc áp đặt khiêu thẩm mỹ nhưng cau mày trước lòng nhiệt thành và tính độc đáo; chính phủ độc tài đàn áp tự do, sự cách tân, và tư tưởng. Nếu nước Pháp có được một chính phủ lập hiến – dung hòa giữa trật tự và tự do – nó có thể kết hợp những sự kích thích của chế độ dân chủ với các hạn chế về mặt pháp lý của một nền cai trị thượng tôn pháp luật.

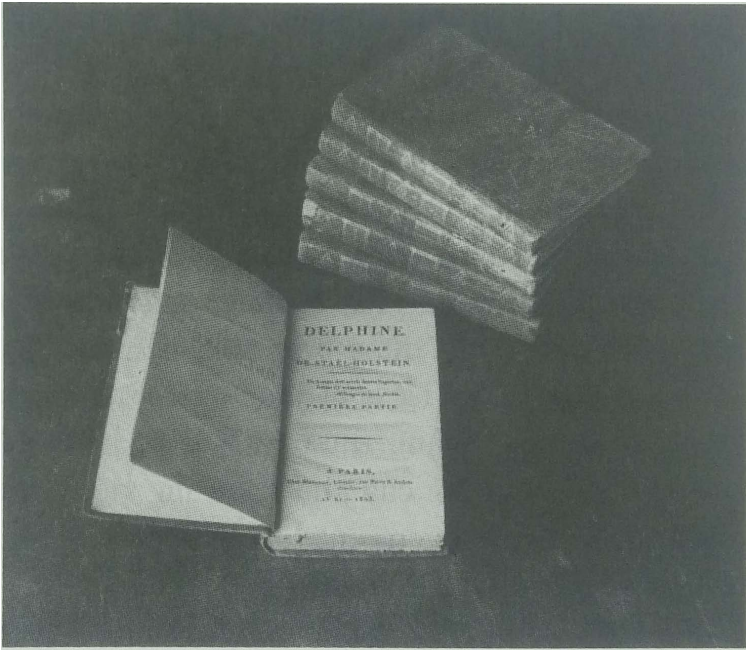
Nhìn chung, đây là một cuốn sách đáng kể của một người đàn bà 34 tuổi và có nhiều triệu franc. Dĩ nhiên, có những sai lầm trong 600 trang sách này, vì khi tinh thần cố nắm bắt lấy cái vượt quá tầm tay, nó rất dễ bị ngã dù cho nó có thể rung lắc làm rơi xuống đất vài loại quả khó tìm nào đó. Quý bà hơi mơ hồ về lịch sử và văn học; bà nghĩ người Ireland là người Đức, và cho rằng Dante là thi sĩ thứ yếu; nhưng bà biện luận một cách can đảm cho một chính phủ tự do và một Thiên Chúa giáo hợp tình hợp lý; và bà tiết lộ cả trăm *aperçu* (cái nhìn tổng thể) trong tác phẩm. Bà tiên đoán sự phát triển của ngành thống kê sẽ giúp chính phủ thông minh hơn, và việc giáo dục chính trị phải giúp chuẩn bị cho các ứng viên của các chức vụ công. Bà nhận xét một cách tiên tri rằng “tiến bộ khoa học khiến cho tiến bộ đạo đức trở nên cần thiết; vì nếu quyền lực của con người gia tăng, những sự

kiểm soát vốn kiểm chế không cho nó lợi dụng quyền lực này cũng phải được củng cố.”²⁹ “Hiếm có một ý tưởng nào của thế kỷ XVIII mà cuốn sách không chuyển tải, cũng như hiếm có một ý tưởng nào của thế kỷ XX mà nó không chứa đựng mầm mống”³⁰.

Trong cuốn sách này bà đã viết ra lời than vãn cả đời mình – rằng “toàn bộ trật tự xã hội... đã dần trệch chống lại một người đàn bà muốn được nổi tiếng như một người đàn ông” trong các lĩnh vực nghệ thuật và tư tưởng³¹. Giờ đây bà phải tạo ra một ngoại lệ; vì, như bà sẽ viết 21 năm sau, “vào mùa xuân năm 1800, tôi đã xuất bản một tác phẩm bàn về văn chương, và sự thành công của nó đã phục hồi sự mến chuộng của xã hội đối với tôi; phòng khách của tôi lại bắt đầu đông nghẹt”³². Những kẻ nản lòng vốn đã né tránh khách thính của bà sau tiếng kèn chống lại chế độ độc tài của Constant đã quay lại, hối lỗi và xu nịnh; và viên hạ sĩ nhỏ bé (le petit caporal) ở Cung điện Tuileries phải công nhận mình có một kẻ thù cũng đầy dũng khí như mình.

Tháng Tám năm 1802, Jacques Necker gửi cho Tổng tài Lebrun cuốn *Les Dernières Vues de politique et de finance* – những quan điểm mới nhất của ông về chính trị và tài chính. Cuốn sách biện hộ cho nền độc tài của Napoléon, nhưng xem đây là một cái xấu cần thiết, được cho là tạm thời. Cuốn sách cảnh báo việc liên tục tập trung quyền hành vào tay của giới quân sự, diễn tả sự tiếc rẻ rằng nền tài chính của chính phủ mới lệ thuộc quá nhiều vào những khoản tiền bồi thường chiến tranh, và đề nghị một bản hiến pháp tự do hơn, trong đó Napoléon sẽ là “người bảo vệ”. Lebrun đưa cuốn sách cho Napoléon xem. Ông này, đã tiến được một nửa trên con đường đế chế, lấy làm phật ý với khái niệm cho rằng mình nên giảm bớt quyền hành. Cho rằng Phu nhân de Staël đã dẫn dắt ngòi bút của cha mình, ông ra lệnh trục xuất bà khỏi Paris – tức là thực tế đóng cửa cái khách thính chuyên gây phiền phức của bà. Ông quên rằng bà có khả năng viết cũng

như nói. Bà qua mùa đông năm 1802–1803 ở Genève, nhưng đến tháng Mười hai lại trở thành đề tài câu chuyện ở Paris khi xuất bản một cuốn tiểu thuyết, *Delphine*. Ngày nay không ai đọc nó, nhưng vào thời bấy giờ bất cứ ai có ý thức về văn chương hoặc chính trị đều đọc cuốn sách này, vì nó là một phần của cuộc đấu tranh kiên cường giữa một người đàn bà và thời đại của mình.



Hình 44: Bộ tiểu thuyết 6 tập *Delphine* của Phu nhân de Staël (Paris, 1803)

Delphine là cô gái đoan trang vừa mong mỗi vừa sợ phải khuất phục; nói khác đi cô ta là Phu nhân de Staël. Léonce (= Narbonne) là một nhà quý tộc đẹp trai yêu Delphine nhưng không muốn đi quá xa vì có tiếng đồn về những chuyện “lãng nhăng” của nàng; chàng không thể liều địa vị xã hội của mình để cưới nàng. Chàng cưới Matilde de Vernon, có mẹ là một người đàn bà quyền rũ đầy mưu mô và biết che đậy những điều dối trá bằng trí thông minh của mình. Paris xem người đàn bà này chính là Talleyrand mặc dù mặc váy, và Talleyrand

trả thù bằng cách nhận xét về nữ tác giả có nhiều nam tính này rằng bà đã hóa trang cả ông và chính bà thành phụ nữ. Bị từ chối, Delphine lui vào sống trong một tu viện, nơi đây vị nữ tu viện trưởng hối thúc nàng nguyện sống độc thân suốt đời. Khi Léonce biết nàng vô tội, chàng nghĩ đến việc ly dị người vợ lãnh đạm và quyến rũ Delphine, nhưng chàng do dự sợ huỷ hoại sự nghiệp của mình khi vi phạm điều luật của Thiên Chúa giáo về việc giữ chế độ một vợ một chồng. Matilde chết, nàng là nạn nhân của sự vụ lợi bi thảm. Léonce thuyết phục Delphine cùng mình trốn đi và chiều theo lòng ham muốn mãnh liệt của mình; sau đó chàng bỏ trốn nàng, gia nhập cùng giới *émigré*, bị bắt và bị xử tử. Delphine, yêu sự độc ác của chàng, vội đến gấp để cứu chàng, nhưng nàng chỉ đến kịp lúc trông thấy chàng bị bắn; trước cảnh đó, nàng ngã lăn ra chết. Cốt truyện vô lý và lãng mạn một cách tiêu biểu này được nữ tác giả dùng như một diễn đàn để thảo luận về sự hợp pháp của việc ly dị, lòng tin tưởng mù quáng của Thiên Chúa giáo (nàng thừa hưởng đạo Tin Lành), những quyền về tinh thần của phụ nữ trong việc chống lại tiêu chuẩn nước đôi, và giá trị của lương tâm cá nhân trong việc chống lại luật lệ danh dự của một giai cấp. Các lý lẽ của bà được giới trí thức Paris hoan nghênh nhưng không làm Napoléon hài lòng, vì ông đang quay sang giáo hội Công giáo như bài thuốc chữa khỏi cảnh rối loạn về mặt tinh thần và đạo đức của nước Pháp. Ngày 13.10.1803, ông ban hành lệnh cấm Phu nhân de Staël không được đến gần Paris trong vòng 200km.

Bà nghĩ đây đúng là dịp sang thăm nước Đức. Bà đã học đủ tiếng Đức để có thể đọc được nó, mặc dù không nói được. Tại sao giờ không nếm thử âm nhạc của thành Wien, trí tuệ của thành Weimar, và xã hội vua chúa của Berlin? Ngày 8 tháng Mười một, cùng với con trai là Auguste, con gái là Albertine, hai người hầu, và Constant, người giờ đây là một *cavaliere*

*servente*ⁱ lý tưởng của mình, bà vượt qua sông Rhein ở Metz vào nước Đức.

3. Du khách

Ở Frankfurt, ấn tượng đầu tiên của bà là một sự thù địch; tất cả đàn ông dường như đều mập, sống để ăn, và ăn để hút; bà thấy khó thở khi gần họ. Họ lấy làm ngạc nhiên về người phụ nữ kiêu hãnh, không biết tán thưởng tính cách *Gemütlichkeit*ⁱⁱ từ những chiếc tẩu của họ. Mẹ của Goethe viết cho ông: “Bà ta dè bẹp mẹ như cái cối xay bằng đá. Mẹ luôn tránh bà ta bất cứ khi nào có thể, từ chối tham dự mọi lời mời đến những nơi bà ta có mặt, và thở phào thoải mái khi bà ta rời đi”³³.

Cùng đoàn tùy tùng của mình, Germaine vội vã đi đến Weimar, nơi bà cảm thấy thi ca làm cho bầu không khí trở nên thuần khiết. Thánh phố được thống trị bởi các văn sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ, và triết gia; triều đình được cai quản một cách anh minh và khoan dung bởi Công tước Karl August, vợ ông là Nữ Công tước Louise, và mẹ ông là Quý phụⁱⁱⁱ Nữ Công tước Anna Amalia. Những người này có học thức cao, cư xử sáng suốt, và hầu hết đều nói tiếng Pháp. Ngoài ra, nhiều người trong số họ đã đọc *Delphine*, nhiều người hơn nữa đã nghe nói về cuộc chiến của bà chống lại Napoléon; và tất cả đều nhận thấy bà có tiền và biết tiêu tiền. Họ chiêu đãi bà những bữa ăn tối, những buổi tiệc có diễn kịch, khiêu vũ, và vũ hội. Họ mời Schiller đến đọc những màn trong vở

i *Cavaliere servente* (tiếng Ý): Người tình công khai của một phụ nữ có chồng, thường tháp tùng và chiều chuộng nàng ở những nơi công cộng ở nước Ý, Pháp vào thế kỷ XVIII.

ii *Gemütlichkeit* (tiếng Đức): Ấm áp, gần gũi và thân thiện.

iii Quý phụ (Anh ngữ: Dowager): Tên gọi chỉ những quả phụ có địa vị cao trong xã hội, được thừa hưởng chức vị từ người chồng đã khuất.

Wilhelm Tell;ⁱ họ nghe bà đọc những đoạn dài trong kịch của Racine. Goethe, lúc ấy đang ở Jena, cố lánh mặt bằng cách viện cớ bị cảm lạnh; tuy nhiên Công tước đã thúc giục ông đến Weimar; ông đến, và trò chuyện với bà không được thoải mái. Ông lo lắng khi nghe bà báo trước ý định sẽ in một bài tường thuật liên quan đến những nhận xét của ông³⁴. Bà lấy làm phật ý khi thấy ông không còn là chàng Werther, sau khi đã thay đổi từ một người tình thành một giáo chủ. Ông cố làm cho bà bối rối bằng những lời mâu thuẫn; “tính chất trái ngược bướng bỉnh của tôi thường đẩy bà ta đến chỗ tuyệt vọng, nhưng đó chính là lúc bà cho thấy sự lạnh lợi về tinh thần và lời nói một cách xuất sắc nhất”³⁵. “May cho tôi”, bà kể lại, “Goethe và Wieland nói tiếng Pháp cực kỳ lưu loát; còn Schiller phải vật lộn với nó”³⁶. Bà viết về Schiller đầy cảm tình, về Goethe với lòng kính trọng; ông ta và Napoléon là những người duy nhất bà gặp đã khiến bà nhận ra những giới hạn của mình. Schiller thấy mặt trước sự nhanh nhạy trong tư tưởng và lời nói của bà, nhưng cuối cùng ông cảm thấy rất ấn tượng. “Satan,” ông viết cho một người bạn, “đã đưa tôi đến gặp người nữ triết gia Pháp, người sôi nổi nhất, sẵn sàng tranh cãi nhất, có vốn từ vựng phong phú nhất, trong số những người hiện nay. Nhưng bà ta cũng là người phụ nữ có văn hoá nhất, trí thức [lạnh lợi về mặt trí tuệ] nhất; và nếu bà ta không thực sự thú vị, tôi sẽ không bị bà làm bối rối”³⁷. Weimar thở phào nhẹ nhõm khi, sau ba tháng lưu lại đây, bà rời đi Berlin.

Sau cảnh tươi sáng ở Weimar, bà thấy sương mù của Berlin gây chán nản. Các lãnh đạo của phong trào Lãng mạn ở Đức vắng mặt hoặc đã chết; các triết gia bị giam hãm trong những đại học xa xôi – Hegel ở Jena, Schelling ở Würzburg; Germaine phải tự hài lòng với Quốc vương, Vương hậu, và August Wilhelm von Schlegel, người mà kiến thức rộng rãi về

ⁱ *Wilhelm Tell*: Một anh hùng dân tộc của Thụy Sĩ; truyền thuyết về ông được ghi lại vào cuối thế kỷ XV.

các ngôn ngữ và các nền văn hóa làm bà rất thích thú. Bà mời ông cùng về Coppet để làm gia sư cho con bà là Auguste; ông đồng ý, và đắm yêu bà vào thời điểm có thể nói là tệ hại nhất.

Từ Berlin, bà nhận được tin cha bà đang lâm trọng bệnh. Bà vội quay về Coppet; nhưng trước khi về đến nơi thì ông đã mất (9.4.1804). Đây là cú đòn làm bà đau buồn hơn bất cứ cú nào trong cuộc song đấu của bà với Napoléon. Cha bà là chỗ dựa chính về tinh thần cũng như vật chất của bà; dưới mắt bà ông luôn luôn đúng, và luôn luôn tốt; và tất cả những người tình của bà không thể thay thế được vị trí của ông. Bà tìm cách khuây khoả bằng việc viết một câu chuyện tỏ lòng tôn sùng – “Tính cách và đời tư của ông Necker”ⁱ – và bắt đầu cho kiệt tác của bà, *De l'Allemagne* (Về nước Đức). Bà kế thừa phần lớn gia tài của cha, và giờ đây có mức thu nhập 120.000 franc mỗi năm.

Vào tháng Mười hai, bà đi tìm ánh nắng ở nước Ý. Bà đem theo ba đứa con – Auguste, Albertine, và Albert – và Schlegel giờ đây cũng là gia sư của bà nữa, vì bà thấy mình thiếu kiến thức về nghệ thuật Ý. Tại Milano, họ kết giao với một người còn hơn cả cuốn cẩm nang du lịch Baedeker – Jean-Charles-Léonard de Sismondi, người đang bắt đầu viết tác phẩm uyên bác *Histoire des républiques italiennes* (Lịch sử các nước Cộng hòa ở Ý). Ông ta cũng yêu Germaine vì trí tuệ hoặc vì thu nhập của bà cho đến khi, giống như Schlegel, khám phá ra bà không bao giờ xem trọng mối quan hệ với một người bình dân. Họ cùng nhau băng qua các xứ Parma, Modena, Bologna, và Ancona để đến Roma. Joseph Bonaparte, vẫn luôn say mê bà, đã đưa cho bà những lá thư giới thiệu đến xã hội thượng lưu nhất ở đấy. Bà được giới quý tộc đối đãi trọng vọng, nhưng thấy các ông hoàng, bà chúa không thú vị bằng các vị hồng y lịch sự. Đây là những người hiếu sự

i Nhan đề Anh ngữ (theo tác giả): Monsieur Necker's Character and Private Life.

đời, biết đến những cuốn sách, sự giàu có và mối thâm thù của bà với Napoléon, và không lấy làm phiền về đức tin Tin Lành của bà. Bà được Accademia dell' Arcadia (Hàn lâm viện Arcadia) đón tiếp bằng một cảnh tượng tung hô, âm nhạc và những bài thơ ứng khẩu. Bà sử dụng trải nghiệm này để viết phần dẫn nhập cho tác phẩm *Corinne*.

Tháng Sáu năm 1805, bà quay về Coppet, chẳng bao lâu lại được vây quanh bởi những người tình, người bạn, các học giả, nhà ngoại giao (Quận công Esterházy của Wien, Claude Hochet thuộc Tham chính Viện của Napoléon), thậm chí có cả một vị nguyên thủ – Tuyển đế hầu xứ Bayern. Khách thỉnh ở Coppet giờ đây còn nổi tiếng hơn cái ở Paris. “Tôi mới từ Coppet về”, Charles-Victor de Bonstetten viết, “và tôi cảm thấy hoàn toàn sững sờ... và kiệt sức bởi những cảnh truy lạc về mặt trí thức. Ở Coppet, người ta dùng nhiều lời dí dỏm trong chỉ một ngày hơn cả ở nhiều nước trong một năm”³⁸. Những người tụ tập đủ đông và đủ tài năng nên có thể diễn đầy đủ các vở kịch. Bản thân Germaine đóng vai chính trong các vở *Andromaque* và *Phèdre*,ⁱ và vài vị khách nghĩ rằng tài diễn của bà chỉ kém các nữ hoàng sân khấu Paris. Trong những dịp khác, người ta biểu diễn độc tấu âm nhạc hoặc ngâm thơ. Mỗi ngày ba lần bàn ăn được dọn ra, đôi khi cho 30 thực khách; 15 người hầu luôn bận túi bụi; và trong các khu vườn những cặp tình nhân có thể đi dạo thong thả, và những mối quan hệ mới có thể được tạo ra.

Những người tình của Germaine đã nản chí theo thời gian – Montmorency, Constant, Schlegel, Sismondi – giờ cũng nguội lạnh nhiều, bị vắt kiệt sức bởi sự đòi hỏi phải tận tụy vâng lời của bà, còn bà thì đang hâm nóng lại với Prosper de Barante. Chàng 23 tuổi, còn bà 39 tuổi, nhưng nhịp độ của bà làm chàng phải sớm mệt mỏi, và chàng đã tìm nơi trú ẩn trong sự xa cách và sự lưỡng lự mà bà sẽ châm biếm ở nhân

i Hai vở bi kịch của Racine.

vật Oswald trong cuốn *Corinne*. Cuốn sách một thời nổi tiếng ấy đã gần hoàn tất, và đang cần một nhà in ở Pháp, mà họ lại cần một giấy phép từ cảnh sát của Napoléon. Cha của Prosper, tỉnh trưởng Leman, trấn an Fouché rằng trong những năm qua bà đã rất “kín đáo và thận trọng”. Bà nhận được giấy phép có thể ở lại Auxerre cách Paris 200km vào mùa hè năm 1806; và vào mùa thu, bà được phép dọn đến Rouen ở qua mùa đông. Nhiều bạn bè đến thăm bà tại các thành phố này, và vài người trong bọn họ bày tỏ hy vọng Napoléon cuối cùng rồi sẽ thất bại trong chiến dịch gian khổ khiến ông và đạo quân của mình phải trải qua mùa đông ở miền bắc băng giá³⁹. Cảnh sát mật của Napoléon mở thư từ của Germaine, và báo cho ông về những tình cảm này. Ngày 31 tháng Mười hai, ông giận dữ viết cho Fouché: “Đừng cho con chó cái de Staël đến gần Paris. Ta biết nó đang ở không xa thủ đô”⁴⁰. (Bà đã bí mật lên về Paris một cách chóng vánh trong khoảng thời gian mùa xuân năm 1807.) Giữa bao sự chuẩn bị cho trận đánh ở Friedland, Napoléon viết cho Fouché ngày 19 tháng Tư:

Giữa một ngàn lẻ một chuyện liên quan đến mẹ de Staël mà ta nắm được, đây là bức thư đọc lên ông sẽ thấy chúng ta có ở đây một con mẹ Pháp hay đến cỡ nào... Thật khó nén giận trước cảnh tượng của mọi kiểu biến hóa mà con diêm này, và là thứ diêm xấu xí nữa chứ, đang trải qua. Ta sẽ không nói với ông về những âm mưu mà con mẹ làm duyên làm dáng buồn cười này đã vạch ra phòng khi ta chẳng may bị giết chết, vì ngài bộ trưởng cảnh sát hẳn phải được thông báo về chuyện này.

Và ngày 11 tháng Năm, ông lại viết cho Fouché:

Con mẹ điên de Staël đã viết cho ta một bức thư dài sáu trang, bằng kiểu chữ ngoằn ngoèo khó đọc... Mẹ bảo ta rằng mình đã mua một diên trang trong thung lũng Montmorency và rút ra kết luận là mẹ có đủ tư cách cư ngụ ở Paris. Ta lặp lại với ông rằng để cho con mẹ đàn bà đó hy vọng như vậy chính là tra tấn mẹ một cách vô cớ. Nếu ta cho ông thấy những bằng

chứng chi tiết mọi việc mụ ta đã làm trong hai tháng ở nơi nhà quê của mình, ông sẽ lấy làm kinh ngạc. Nói thật, mặc dù cách Paris 2400km, ta còn biết chuyện gì xảy ra nhiều hơn ông bộ trưởng cảnh sát của mình⁴¹.

Do đó, ngày 25.4.1807, Germaine miễn cưỡng quay về Coppet. Constant, kẻ trung thành mặc dù có những lúc không chung thủy,ⁱ đi theo bà một đoạn, nhưng rẽ ra ở Dole để ở lại với người cha đang bị bệnh. Đến Coppet, bà cử Schlegel đi báo với Constant rằng bà sẽ tự tử nếu ông không sớm đến với bà. Benjamin [Constant] biết lời đe dọa cổ điển này là khúc hát của một mỹ nhân ngư, chứ không phải của con thiên nga, nhưng vẫn đến, và lặng thinh chịu đựng những lời trách móc. Đã từ lâu ông không còn yêu bà, nhưng “làm sao nói ra sự thực với một người mà câu trả lời duy nhất là hít lấy những ngụm nha phiến?”. Ngày 10 tháng Bảy, Juliette Récamier đến trong một chuyến thăm dài ngày; Germaine say mê nàng, và quyết định sống.

Cảnh sát cho phép in cuốn *Corinne*, và việc xuất bản cuốn sách vào mùa xuân năm 1807 đã mang lại cho tác giả sự đắc thắng giúp an ủi bà trước thắng lợi của Napoléon ở Friedland vào ngày 14 tháng Sáu. Những bài điểm sách do chính phủ bảo trợ đều mang giọng thù địch, nhưng hàng ngàn độc giả mê mẩn, và đã tuyên bố như thế. Ngày nay chúng ta không bị lôi cuốn bởi hình thức của cuốn sách – một chuyện tình mê ly gây ngất xen lẫn những tiểu luận nhằm chán và cố lỗi về phong cảnh, tính cách, tôn giáo, phong tục, văn chương, và nghệ thuật nước Ý; và không ai cảm thấy rợn rùng bởi “vẻ mặt nam nhi” của nhân vật (anh ta hóa ra là kẻ ảo lả nhu nhược), hay “cảm hứng thần thánh” hiện lên trong đôi mắt của nữ nhân vật⁴². Nhưng vào năm 1807, nước Ý chưa phải là miền đất được nói đến nhiều trong lịch sử và nghệ thuật, và quen

i “Constant, kẻ trung thành mặc dù có những lúc không chung thủy”; ở đây tác giả chơi chữ, nguyên văn: “Constant, constant despite inconstancies”.

thuộc hơn đối với chúng ta như thời nay; tiểu thuyết tình cảm nở rộ; tình yêu lãng mạn đang đấu tranh để được giải phóng khỏi quyền hành của cha mẹ, các ràng buộc về kinh tế, và những điều cấm kỵ về đạo đức; các quyền phụ nữ đang bắt đầu tìm được tiếng nói cho mình. *Corinne* đã có được tất cả những điều thu hút này, được thể hiện trong một người đẹp có tài ứng tác, ngâm thơ, ứng khẩu hoặc gảy cây đàn lia say đắm. *Corinne*, vào những năm tháng đẹp nhất đời, chính là Germaine với “chiếc khăn san Ấn Độ quấn quanh những lọn tóc đen bóng loáng;... đôi cánh tay đẹp cực kỳ,... dáng người rất khoẻ khoắn”; ngoài ra, cuộc nói chuyện của nàng “kết hợp tất cả những gì tự nhiên, lôi cuốn, đúng đắn, cao cả, mạnh mẽ, và ngọt ngào”⁴³. Thật lạ lùng, trong cảnh tù hãm ở St. Helena, vị Hoàng đế vốn không hề đa cảm đã cầm cuốn sách lên và chỉ đặt nó xuống sau khi đã đọc một mạch đến hết.⁴⁴

4. Am hiểu nước Đức

Bên cạnh việc lật đổ Napoléon và quản lý một đám hỗn tạp gồm toàn những thiên tài và kẻ sành ăn, bà giờ đây đảm nhận thêm một công việc tế nhị là giảng giải về nước Đức cho nước Pháp. Ngay cả khi đứa con mới chào đời *Corinne* còn đang tranh đấu chống lại nền báo chí nô dịch để giành lấy sự sống, bà đã ấp ủ trong tận đáy lòng của mình một tác phẩm can đảm và đồ sộ viết về miền đất bên kia sông Rhein. Để chuẩn bị một cách chu đáo cho việc này, bà đã thực hiện một chuyến du hành nữa đến miền Trung Âu.

Ngày 30.11.1807, bà rời Coppet cùng với Albert, Albertine, Schlegel, và người hầu phòng Eugène (Joseph Uginet). Tại Wien, bà thưởng thức âm nhạc của Haydn, Gluck, và Mozart, nhưng không đề cập gì đến Beethoven. Trong năm tuần ở Áo, bà đã dành ba tuần viết những bức thư say đắm cho một sĩ quan Áo là Moritz O'Donnell; đề nghị tặng chàng tiền bạc và một cuộc hôn nhân, đánh mất chàng, và viết cho Constant

những lá thư với lòng yêu thương vô hạn – “Người yêu của em, cuộc sống của em, mọi thứ em có là của anh nếu anh muốn và như anh muốn”⁴⁵; chàng bằng lòng với việc mượn nàng ít tiền. Ở Teplitz và Pirna, bà bàn bạc với Friedrich von Gentz, một nhà báo tích cực chống Bonaparte. Biết được việc này, Napoléon kết luận là bà đang tìm cách phá vỡ hòa ước mà ông vừa mới ký ở Tilsit hồi tháng Bảy. Tại Weimar, bà không gặp được Schiller (đã chết vào năm 1805) hay Goethe. Bà qua Gotha và Frankfurt, rồi bỗng dưng đau yếu và chán nản, bà vội quay về Coppet.

Có lẽ việc gần kề cái chết này đã góp phần khiến bà quay sang chủ nghĩa thần bí; Schlegel góp phần vào đó; nhưng một ảnh hưởng mạnh hơn nhiều đã đến từ nhà khổ hạnh Julie von Krlidener và kịch tác gia phóng đảng Zacharias Werner, cả hai lưu lại Coppet vào năm 1808. Vào tháng Mười năm ấy, các vị khách và ngôn ngữ sử dụng chủ yếu là người Đức và tiếng Đức, và các *lumières* (ánh sáng) của thời Khai minh đã nhường chỗ cho một tôn giáo mang tính thần bí. “Không gì có thực trên đời này”, Germaine viết cho O'Donnell, “ngoại trừ tôn giáo và sức mạnh của tình yêu; mọi thứ còn lại thậm chí còn phù du hơn chính cuộc sống”⁴⁶.

Chính trong tâm trạng này mà bà viết *De l'Allemagne* (Về nước Đức). Vào năm 1810, cuốn sách gần xong, và bà mong đi Paris để lo việc ấn hành. Bà viết cho Napoléon một cách khiêm tốn, nói rằng “tám năm [lưu đày và] cảnh khốn khổ đã thay đổi mọi tính cách, và số phận đã dạy cho người ta biết cam chịu”. Bà đề nghị đi Hoa Kỳ, xin giấy thông hành, và xin phép được lưu tạm lại Paris một thời gian. Giấy thông hành được cấp, nhưng giấy phép cư trú bị từ chối⁴⁷. Tuy nhiên, vào tháng Tư năm 1810, bà cùng gia đình và Schlegel chuyển đến Chaumont (gần Blois), từ đó bà trông nom việc in bộ bản thảo gồm ba tập ở Tours. Vào tháng Tám, bà chuyển đến làng Fossé gần đó.

Các bản in thử của hai tập đầu được chủ nhà in Nicolle trình lên các viên chức kiểm duyệt ở Paris. Họ đồng ý cho xuất bản, sau khi xóa bỏ một số câu không quan trọng. Nicolle in năm ngàn bản, và gửi bản in trước cho các nhân vật có ảnh hưởng. Ngày 3 tháng Sáu, Bộ trưởng Cảnh sát Fouché vốn có cảm tình với bà bị bãi chức, và được thay thế bởi con người cứng rắn René Savary, Công tước de Rovigo. Ngày 25 tháng Chín, Juliette Récamier mang các bản in thử của Tập III đến nộp cho cơ quan kiểm duyệt, và mang đến Hoàng hậu Hortense một bộ đầy đủ các bản in thử để nhờ chuyển cùng với một lá thư của tác giả cho Hoàng đế. Savary, có vẻ với sự tán đồng của Napoléon, quyết định rằng cuốn sách quá bất lợi cho nước Pháp và nhà cai trị của nó nên không thể được phép phân phối. Ông ra lệnh cho nhà in ngưng việc xuất bản, và, ngày 3 tháng Mười, gửi cho Phu nhân de Staël một thông báo lạnh lùng rằng bà nên lập tức thực hiện ý định đã từng tuyên bố về việc đi Mỹ của mình. Ngày 11 tháng Mười, một đội hiến binh vào nhà máy in, đập nát các khuôn chữ in, và mang đi tất cả các bản in có thể tịch thu được; sau đó những cuốn sách này bị nghiền thành bột giấy. Những hiến binh khác đòi đưa bản thảo; Germaine đưa cho họ bản gốc, nhưng con trai của bà là Auguste đã bí mật giấu kín và giữ được một bản sao. Nữ tác giả đền bù thiệt hại cho nhà in, và bỏ chạy về lại Coppet.

De l'Allemagne, được xuất bản năm 1813, là nỗ lực nghiêm chỉnh nhằm nghiên cứu, với sự khúc chiết và cảm tình, mọi khía cạnh của nền văn minh Đức vào thời Napoléon. Việc một người phụ nữ với quá nhiều mối bận tâm và nhân tình vẫn tìm được thì giờ rỗi rảnh, nghị lực, và khả năng cho một công trình như vậy thật là một trong những điều kỳ diệu của thời đại đầy khốc động ấy. Qua chủ nghĩa quốc tế của Thụy Sĩ trong hoàn cảnh xuất thân của bà, qua cuộc hôn nhân của bà với một Nam tước xứ Holstein, qua di sản Tin Lành của bà và qua lòng căm thù của bà đối với Napoléon, bà đã được chuẩn bị để đem lại cho nước Đức hình ảnh của một kẻ vô tội, dùng

những đức tính của nó để phê bình gián tiếp Napoléon và chủ nghĩa chuyên chế, và giới thiệu nó với nước Pháp như một nền văn hóa phong phú về tình cảm, sự tế nhị, và tôn giáo, và do đó rất thích hợp để điều chỉnh chủ nghĩa duy trí, yếm thế, và hoài nghi lúc ấy đang thịnh hành trong giới học thức Pháp.

Điều lạ lùng là bà không quan tâm đến Wien, mặc dù thành phố này cũng có những niềm vui nỗi buồn giống như bà – vui với rượu vang và những cuộc chuyện trò, và buồn vì cái chết của tình yêu và những chiến thắng dập dờn của Napoléon. Thành phố theo Công giáo và nằm ở miền nam với âm nhạc, nghệ thuật, và một đức tin hầu như giống trẻ con; bà theo đạo Tin lành và ở miền bắc, nặng trĩu với thức ăn và tính đa cảm, và loạng choạng trong triết học. Ở đây không có Kant nhưng có Mozart, không có những cuộc tranh luận sôi nổi, sự sắc sảo của tài trí hóm hỉnh, nhưng có những lạc thú đơn giản của bạn bè và tình nhân, cha mẹ và con cái, của những buổi đi dạo trong công viên Prater hoặc ngắm nhìn dòng Danubius lững lờ trôi qua.

Thậm chí những người Đức cũng làm bà bối rối; “những chiếc bếp lò, bia, và mùi khói thuốc lá vây quanh những người bình dân với bầu không khí nồng nặc và nóng ran mà họ không bao giờ có ý muốn thoát ra”⁴⁸. Bà phàn nàn về vẻ giản dị buồn tẻ của y phục người Đức, về việc đàn ông toàn ở trong nhà, việc người dân sẵn lòng phục tùng uy quyền. “Sự phân biệt giai cấp... ở Đức rõ rệt hơn bất cứ nơi nào khác;... mọi người giữ chặt lấy tầng lớp, địa vị của mình... cứ như đó là nhiệm vụ đã được thiết lập sẵn cho họ”⁴⁹. Bà thấy nhớ sự kích thích lẫn nhau giữa các nhà quý tộc, nhà văn, họa sĩ, tướng lĩnh, các chính trị gia trong xã hội Pháp; do đó “các nhà quý tộc [ở Đức] ít có ý tưởng, các văn nhân ít có óc thực tế trong công việc”⁵⁰; giai cấp thống trị vẫn còn mang tính phong kiến, giai cấp trí thức đánh mất chính mình trong những giấc mơ hão huyền. Ở đây bà trích dẫn câu nói dí dỏm của Jean Paul Richter: “Đế quốc trên biển cả thuộc về

người Anh, trên đất liền thuộc về người Pháp, và trong không khí thuộc về người Đức”⁵¹.

Bà nói thêm một cách thích đáng: “Việc mở rộng hiểu biết trong thời hiện đại làm suy yếu tính cách [của con người] một khi nó không được củng cố bởi thói quen trong công việc và sự rèn luyện ý chí”⁵².

Bà ngưỡng mộ các trường đại học Đức như là những trường tốt nhất thời bấy giờ. Nhưng bà phàn nàn ngôn ngữ Đức vì tập trung quá nhiều phụ âm, và bức bối vì độ dài và cấu trúc câu tiếng Đức, vốn đặt động từ chính ở cuối câu, làm cho việc ngắt câu bị khó khăn⁵³; bà cảm thấy những chỗ ngắt câu chính là sinh khí của cuộc đàm thoại. Bà tìm thấy ở Đức quá ít những cuộc tranh luận sinh động nhưng lịch sự theo kiểu Paris; bà nghĩ đây là do việc thiếu một thủ đô khiến không thể tập trung những bộ óc tài trí lại với nhau⁵⁴, và một phần do thói quen của người Đức thường bảo phụ nữ rời khỏi bàn ăn khi những người đàn ông bắt đầu hút thuốc và nói chuyện. “Tại Berlin, đàn ông hiếm khi trò chuyện ngoại trừ giữa hai người với nhau; tình hình quân sự khiến họ có vẻ thô lỗ, điều ngăn họ quan tâm đến việc giao tiếp với phụ nữ”⁵⁵. Tuy nhiên, ở Weimar, các mệnh phụ là những người có văn hóa và đa tình, các quân nhân chú ý tới cung cách ứng xử của mình, và vị Công tước nhận ra rằng các nhà thơ của ông đang cho ông một vị thế trong lịch sử. “Các văn nhân Đức tạo nên một nhóm người xuất chúng nhất trên nhiều phương diện mà giới học thức có thể cho chúng ta”⁵⁶.

Người dẫn đường của chúng ta gặp ít nhiều rắc rối khi tán thưởng những sắc thái của thi ca, thậm chí của văn xuôi Đức. Bà đã quen với vẻ trong sáng của tiếng Pháp và thấy trong chiều sâu ngôn ngữ Đức một sự tối nghĩa uyên bác. Nhưng bà đứng về phía người Đức trong cuộc nổi dậy của phong trào Lãng mạn chống lại những mẫu mực và sự câu thúc của trường phái cổ điển. Bà định nghĩa phong cách cổ điển là phong cách dựa trên những tác phẩm kinh điển của

cổ Hy Lạp và La Mã; trái lại, văn học lãng mạn nổi lên từ nền thần học Thiên Chúa giáo và tình cảm, vươn những sợi rễ của nó đến tận thơ ca của những người hát rong, những truyền thuyết về anh hùng hiệp sĩ, những huyền thoại và khúc hát của phương bắc đầu thời trung cổ. Có lẽ về cơ bản việc phân chia nằm ở sự lệ thuộc cổ điển của cái tôi đối với hiện thực, và sự lệ thuộc lãng mạn của hiện thực đối với cái tôi.

Vì lẽ này, Phu nhân de Staël đón mừng triết học Đức mặc dù chúng khó hiểu, vì cũng như chính bà, nó nhấn mạnh đến cái tôi; nó nhìn thấy trong ý thức một phép lạ còn vĩ đại hơn mọi cuộc cách mạng khoa học. Bà bác bỏ tâm lý học của Locke và Condillac, vốn hạ mọi tri thức xuống hàng những cảm giác, và như thế làm cho mọi ý tưởng trở thành những tác động của các vật bên ngoài; bà cảm thấy việc này chắc chắn dẫn đến chủ nghĩa duy vật và vô thần. Trong một trong những chương dài nhất của cuốn sách của mình, bà đã cố bằng những lời phủ nhận nhẹ nhàng, trình bày yếu tính của các cuốn *Kritik* (Phê phán) của Kant: chúng phục hồi tinh thần như một tác nhân tham gia chủ động vào ý niệm về hiện thực; tự do ý chí như một yếu tố chủ động trong việc quyết định các hành động; và ý thức đạo đức như một thành phần cơ bản của đạo đức. Bằng các định lý này, bà cảm thấy, “bằng bàn tay kiên định Kant đã tách rời những địa hạt khác nhau của tâm hồn và của các giác quan”⁵⁷, và do đó đã thiết lập nên cơ sở triết lý của Thiên Chúa giáo như một bộ luật đạo đức hữu hiệu.

Mặc dù đã giày xéo lên Điều răn Thứ sáu,ⁱ bà vẫn tin chắc không nền văn minh nào có thể tồn tại mà không có đạo đức, và không có bộ luật đạo đức nào mà không cần đến niềm tin tôn giáo. Bà lập luận rằng việc tranh luận về tôn giáo là việc làm bội bạc; “lý trí không đem lại hạnh phúc thay cho cái nó lấy đi”⁵⁸. Tôn giáo là niềm an ủi của sự sâu khổ,

i Điều răn Thứ sáu: Theo Kinh Thánh, đây là một trong mười Điều răn Đức Chúa Trời ban cho dân tộc Israel thông qua Mosheh. Điều răn thứ sáu là: Chớ làm sự dâm dục.

là của cải của người nghèo, là tương lai của kẻ hấp hối⁵⁹; về điểm này, Hoàng đế và vị nữ Nam tước đồng ý với nhau. Do đó bà thích đạo Tin Lành tích cực của nước Đức hơn là đạo Công giáo hay làm màu của giới thượng lưu Pháp. Bà cảm thấy rộn ràng khi nghe những bài thánh ca mạnh mẽ vang lên từ các cổ họng người Đức ở các đội hợp xướng, trong nhà và ngoài đường phố, và cau mày trước cách người Pháp theo dõi thị trường chứng khoán và để cho người nghèo trông nom Chúa trời⁶⁰. Bà bênh vực các đạo hữu của Giáo hội Morava.ⁱ Chương cuối cùng trong cuốn sách là lời biện hộ cho “lòng nhiệt thành” thần bí – là ý thức nội tại về một Chúa trời hiện diện khắp mọi nơi.

Nhìn chung, xét đến các giới hạn do tính khí và thời đại đặt ra, *De l'Allemagne* là một trong những cuốn sách xuất sắc của thời đại, bước nhảy vọt táo bạo từ *Corinne* đến Kant; và Napoléon lẽ ra đã khôn ngoan tước hết vũ khí của nó bằng cách giả vờ khen ngợi nó – như thật tuyệt vời đối với một phụ nữ vốn không có cảm tình với những vấn đề của chính quyền. Bà đã kịch liệt chỉ trích chính sách kiểm duyệt, và việc cấm xuất bản cuốn sách ở Pháp chỉ làm cho bà tăng thêm sức mạnh và sự nổi tiếng. Trong nhiều trang sách, bà đã khen ngợi nước Đức và gây bất lợi cho nước Pháp, nhưng bà cũng thường khen ngợi nước Pháp khiến cho nước Đức bị mất uy tín, và có hàng trăm đoạn bà đã thổ lộ tình yêu đối với xứ sở vốn là quê hương mà giờ đây bà đã bị cấm lui tới. Bà đã nhẹ nhàng xử lý những chủ đề khó hiểu, nhưng bà nhắm tới việc tạo nên sự quan tâm cho một lớp độc giả rộng lớn ở Pháp, và do đó khuyến khích sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia. Bà đòi hỏi một sự phong phú hóa lẫn nhau giữa các nền văn , vốn lẽ ra đã giúp cho Napoléon đoàn kết Liên bang sông Rhein với nước Pháp. Bà viết một cách thông minh, đôi khi

i Giáo hội Morava: Giáo phái Tin Lành lâu đời nhất, bắt nguồn từ việc những người lưu vong rời bỏ Morava đến Sachsen vào năm 1722 để tránh bị ngược đãi tôn giáo ở quê nhà.

dí dỏm⁶¹, tô điểm cho các trang sách của mình bằng những nhận thức và ý tưởng soi sáng. Sau cùng, bà tiết lộ nước Đức cho nước Pháp, cũng như không lâu sau đó Coleridge và Carlyle tiết lộ nó cho nước Anh. “Cuốn sách này,” Goethe nói, “phải được xem như một công cụ mạnh mẽ đã phá thủng một mảng lớn trên bức vụn lý tưởng thành của các thành kiến cổ lỗ chia tách hai quốc gia; tới mức ở bên kia sông Rhein, và sau đó là bên kia Eo biển, chúng ta [những người Đức] được hiểu biết nhiều hơn – một sự kiện giúp chúng ta có được ảnh hưởng lớn lên toàn thể Tây Âu”⁶². Bà là một “người Âu châu tốt”.

5. Chiến thắng không trọn vẹn

Chỉ có tác giả khác mới hiểu được đối với Germaine de Staël đây là ý nghĩa của chuyện tác phẩm đỉnh cao về cuộc đời và tư tưởng của bà phải bị giấu nhem trong những chỗ bí mật ở Coppet, bề ngoài cũng chết như một đứa trẻ chết cứng lúc sinh ra. Bà phát hiện nhà mình bị vây quanh bởi các nhân viên mật vụ của Hoàng đế, một số người hầu bị mua chuộc để báo cáo về những hoạt động của bà, và bất cứ người bạn nào dám đến thăm bà đều bị để chế ghi nhận để trả thù. Các nhân sĩ mà mạng sống và tài sản từng được bà cứu thoát trong thời Cách mạng giờ đây cũng thận trọng không dám đến gần bà⁶³.

Bà có được hai niềm an ủi. Năm 1811, bà gặp Albert-Jean Rocca, lúc ấy gần 23 tuổi, một thiếu úy bị thương ngoài mặt trận, phải đi khắp khiếm suốt đời, và mắc bệnh ho lao. Anh ta say mê Germaine dững cảm, khi ấy đã 45 tuổi, nhan sắc không còn hấp dẫn, tinh thần không hoàn hảo, nhưng trí tuệ xuất chúng và không phải không quyến rũ về mặt tiền bạc.

“John” vây lấy bà, và cho bà một đứa con. Germaine đón mừng tình yêu mới như một cách thách thức và trì hoãn tuổi già. Còn niềm an ủi thứ hai là hy vọng nếu có thể đến Thụy

Điển hay Anh quốc, bà có thể tìm được một nhà xuất bản cho kiệt tác đang được cất giấu của mình. Nhưng bà không thể đến Thụy Điển bằng cách đi qua một nước dưới quyền của Napoléon. Bà quyết định bí mật mang theo bản thảo của mình qua nước Áo, rồi ngược lên nước Nga đến Sankt-Peterburg, và từ đó đến Stockholm, nơi ông hoàng Bernadotte sẽ giúp bà. Thật không dễ đối với bà khi phải rời căn nhà bà đã làm cho nổi tiếng, ngôi mộ của người mẹ mà giờ đây bà đã có thể tha thứ, và ngôi mộ của người cha mà dường như đối với bà vẫn còn là một hiền nhân về chính trị và một vị thánh về tài chính. Ngày 7.4.1811, bà hạ sinh cậu con trai của Rocca, đứa bé được gửi cho một người vú nuôi để giữ cho an toàn. Ngày 23.5.1812, thoát khỏi mọi kẻ do thám, và dẫn theo hoặc được tháp tùng bởi con gái Albertine, hai cậu con trai, người tình cũ Schlegel và người tình mới Rocca, bà lên đường đi Wien, hy vọng có thể xin được giấy thông hành ở đây để đi Nga, và rồi tìm đường đến với Sankt-Peterburg và với vị Sa hoàng đẹp trai, hào hiệp và phóng khoáng. Ngày 22 tháng Sáu, Napoléon dẫn 500.000 quân vượt sông Memel tiến vào nước Nga, hy vọng tìm thấy ở đây một Sa hoàng bị đánh bại và ăn năn.

Germaine kể lại câu chuyện về chuyến đi của bà trong cuốn *Les Dix Années d'exil* (Mười năm lưu đày). Ngày nay nhìn lại sự kết hợp lạ lùng giữa các ý chí và các sự kiện, người ta lấy làm ngạc nhiên trước lòng can đảm đã đưa người phụ nữ bị quấy rối này vượt qua cả ngàn chướng ngại và một dân tộc được xem là đã man để đến được Żytomyrⁱ, vùng đất Ba Lan thuộc Nga, chỉ tám ngày trước các binh lính của Napoléon⁶⁴. Bà hối hả đi Kyiv và từ đó đến Moskva, nơi thách thức cả số phận, bà đã nấn ná lại thăm điện Kreml,ⁱⁱ nghe nhạc nhà thờ, đến thăm những người đứng đầu trong các lĩnh vực khoa học và văn chương. Rồi, một tháng trước khi Napoléon đến,

i Anh, Zhytomyr.

ii Anh, Kremlin.

bà rời Moskva qua Novgorod để đến Sankt-Peterburg. Khắp nơi, tại các thành phố trên đường đi, bà được chào đón như một đồng minh trứ danh trong cuộc chiến chống lại kẻ xâm lược. Bà dâng bốc Sa hoàng như là niềm hy vọng của chủ nghĩa tự do ở châu Âu. Họ cùng trù tính việc đưa Bernadotte lên làm vua nước Pháp.

Vào tháng Chín, bà đến Stockholm, giúp đưa Bernadotte vào liên minh chống Napoléon⁶⁵. Sau khi lưu lại đây tám tháng, bà vượt biển sang Anh. London hoan hô bà như vị đệ nhất phu nhân của châu Âu. Byron và các nhân sĩ khác đến thăm bà để tỏ lòng kính trọng, và bà không gặp khó khăn trong việc dàn xếp với ông chủ nhà xuất bản của Byron, John Murray, để đưa các tập sách được chờ đợi từ lâu của bà ra chào đời (tháng Mười năm 1813). Bà lưu lại London trong khi các Đồng minh đánh bại Napoléon ở Leipzig, tiến vào Paris, và đưa Louis XVIII lên ngai vàng. Rồi ngày 2.5.1814, bà vội vã băng qua biển Manche, phục hồi khách thính của mình ở Paris sau mười năm lưu đày, và đón tiếp hàng chục kẻ quyền cao chức trọng đến từ hàng chục nơi – Aleksandr, Wellington, Bernadotte, Canning, Talleyrand, và Lafayette. Constant cũng đến với bà, và Phu nhân Récamier lại tỏa sáng. Germaine thúc giục Aleksandr nhớ lại những lời tuyên bố tự do của ông. Aleksandr và Talleyrand thuyết phục Louis XVIII “ban” cho các thần dân, mà ông ta vừa mới giành lại, một bản hiến pháp với lưỡng viện quốc hội dựa trên mô hình của nước Anh; cuối cùng Montesquieu cũng đạt được nguyện vọng. Nhưng bà không thích chữ “ban”; bà muốn nhà vua nhìn nhận chủ quyền của nhân dân. Tháng Bảy năm 1814, bà về lại Coppet, đắc thắng và kiêu hãnh, nhưng cảm thấy cái chết gần kề.

Những cuộc phiêu lưu, tranh đấu, thậm chí những chiến thắng, đã khiến cho sinh lực dồi dào đáng kinh ngạc của bà gần như cạn kiệt. Tuy nhiên, bà vẫn tận tụy chăm sóc cho chàng

Rocca đang hấp hối, sắp xếp cuộc hôn nhân của con gái với Công tước de Broglie, và bắt tay vào viết khúc hát tuyệt vời của con thiên nga, tập sách 600 trang *Considérations sur les principaux événements de la Révolution française* (Suy nghĩ về những biến cố quan trọng của cuộc Cách mạng Pháp). Phần thứ nhất là lời biện hộ cho Necker trong toàn bộ các chính sách của ông; phần thứ hai chỉ trích gay gắt chế độ chuyên chế của Napoléon. Sau khi nắm được chính quyền, mỗi hành động của ông đối với bà dường như là một bước tiến đến nền thống trị bạo ngược; và những cuộc chiến tranh của ông là chỗ dựa và sự biện minh cho chế độ độc tài. Trước Stendhal, và trước xa Taine, bà xem Napoléon giống như “những nhà độc tài Ý vào thế kỷ XIV và XV”⁶⁶. Ông đã đọc và chấp nhận những nguyên tắc của Machiavelli về chính quyền, nhưng không cảm thấy một tình yêu có thể sánh được với đất nước mình. Nước Pháp thật sự không phải là tổ quốc; nó chỉ là bàn đạp của ông. Tôn giáo đối với ông không phải là sự chấp nhận khiêm tốn một đấng tối cao mà là công cụ cho ông chinh phục quyền lực. Đàn ông và đàn bà không phải là những linh hồn, mà là những lợi khí⁶⁷. Ông không khát máu, nhưng luôn vô cảm trước cảnh tàn sát của chiến thắng. Ông có sự dã man của một *condottiere* (tướng lĩnh đánh thuê người Ý) chứ không bao giờ có được cung cách của một quý ông. Và con người trọc phú đội vương miện này tự cho mình là quan tòa và nhà kiểm duyệt đối với mọi lời nói và ý nghĩ, đối với báo chí vốn là nơi trú ẩn sau cùng của tự do, và đối với các khách thỉnh vốn là những thành trì của tinh thần tự do của nước Pháp. Ông không phải là đứa con của Cách mạng; nhưng nếu có, thì cũng là đứa con giết cha⁶⁸.

Khi bà biết được một âm mưu giết vị Hoàng đế đã bị truất phế, bà vội thông báo cho anh của ông là Joseph, và đề nghị đến Elba để bảo vệ cho kẻ thù ngà ngựa; Napoléon gửi đến bà lời cảm kích. Khi ông từ Elba trở về, và lấy lại nước

Pháp mà không phải đánh một trận nào, bà không thể không ngưỡng mộ lòng can đảm của ông: “Tôi sẽ không đả mình vào những bài diễn thuyết hùng hồn chống lại Napoléon. Ông đã làm những việc đương nhiên để giành lại ngai vàng của mình, và bước đường hành quân của ông từ Cannes đến Paris là một trong những quan niệm vĩ đại nhất về lòng quả cảm có thể dẫn ra trong lịch sử”⁶⁹.

Cuối cùng sau trận Waterloo bà rút lui khỏi vũ đài chính trị. Bà không thích thú việc các binh sĩ ngoại quốc chiếm đóng nước Pháp, cũng như giới quý tộc cũ đổ xô chiếm lại đất đai, của cải và quyền hành. Tuy nhiên, bà vui mừng nhận từ Louis XVIII 20 triệu franc mà Necker hoặc những người thừa kế của ông đã cho Ngân khố Pháp vay. Ngày 10.10.1816, bà bí mật kết hôn với Rocca. Ngày 16 tháng Mười, mặc dù cả hai đang bị bệnh, họ đi Paris, và Germaine mở cửa lại khách thính của mình. Đó là cuộc khải hoàn cuối cùng của bà. Những tên tuổi trứ danh nhất của Paris đều đến; Wellington từ Anh, Blucher và Wilhelm von Humboldt từ Phổ, Canova từ Ý; tại đây Chateaubriand đã bắt đầu câu chuyện tình thơ mộng với Phu nhân Récamier. Nhưng sức khoẻ của Germaine suy sụp nhanh chóng, và mỗi ngày bà lại càng vỡ mộng với việc chế độ Trung hưngⁱ phát triển khi những người bảo hoàng ra sức loại bỏ khỏi đời sống chính trị Pháp mọi vết tích của cuộc Cách mạng. Đây không phải là giấc mơ mà bà đã mơ. Tác phẩm *Considérations* của bà đã định nghĩa chế độ chuyên chế là sự kết hợp cả quyền hành pháp và lập pháp trong một người; và cuốn sách nhấn mạnh đến một quốc hội được bầu cử đầy đủ bởi một dân tộc có chủ quyền.

Bà không sống để thấy cuốn sách được xuất bản. Thể xác của bà, bị suy yếu vì những đam mê, bị đầu độc vì ma túy, chỉ ngủ được nhờ những liều thuốc phiện ngày càng tăng, đã suy kiệt trong cố gắng hỗ trợ cho tinh thần của bà. Ngày

i Chế độ Bourbon Trung hưng, bắt đầu từ sau khi Napoléon sụp đổ năm 1814 đến Cách mạng tháng Bảy năm 1830.

21.2.1817, khi đang bước lên cầu thang tại buổi tiếp tân được tổ chức bởi một trong các bộ trưởng của Louis XVIII, bà lão đảo té ngã, bị liệt vì đột quỵ ở não. Trong ba tháng, bà nằm ngửa, bất động nhưng có thể nói, và cảm nhận được nhiều cơn đau. Theo lời thúc giục của bà, con gái bà đã thay thế vai trò chủ nhân của khách thỉnh. “Tôi đã luôn như vậy, mãnh liệt và u sầu,” bà nói với Chateaubriand, “tôi đã yêu Chúa, cha tôi, và tự do”⁷⁰. Bà mất ngày 14.7.1817, ngày kỷ niệm chiếm ngục Bastille. Bà chưa đến 51 tuổi. Bốn năm sau, kẻ thù vĩ đại nhất của bà chết, chưa đến 52 tuổi.

Chúng ta có thể đồng ý với Macaulay rằng bà là “người phụ nữ vĩ đại nhất của thời đại mình”⁷¹, và là tên tuổi vĩ đại nhất trong văn chương Pháp [trong thời kỳ] giữa Rousseau và Chateaubriand. Tác phẩm của bà xếp hạng cao về mục đích và tầm vóc hơn là về nghệ thuật văn chương, và tư tưởng của bà có tính chất lan tỏa hơn là sâu sắc. Bà có cùng phẩm chất giống như kẻ thù chọn lựa của mình: cá tính mạnh mẽ, lòng can đảm chống lại nghịch cảnh, tinh thần độc đoán, lòng kiêu hãnh về quyền vực, và sự bất khoan dung đối với những ai bất đồng quan điểm; nhưng bà thiếu tinh thần thực tế của ông, và trí tưởng tượng, như thấy trong các tiểu thuyết của bà, có vẻ trẻ con một cách lãng mạn nếu đem so với tầm vóc giấc mơ chính trị của ông. Hãy để ông tóm tắt bà từ viễn cảnh của sự cô đơn trên hải đảo: “Căn nhà của Phu nhân de Staël trở thành sào huyệt chống đối ta. Nhiều kẻ được vũ trang như hiệp sĩ đã đến với bà ta trong cuộc chiến của bà... Thế nhưng, xét cho cùng, sự thật duy nhất có thể nói là bà ta là một phụ nữ với tài năng rất lớn, rất lỗi lạc, và với cá tính rất mạnh mẽ. Bà ta sẽ tiếp tục tồn tại”⁷².

III. Benjamin Constant: 1767–1816

Có hai Constant trong cuộc đời bão tố của Napoléon: Véry Constant, người hầu phòng của ông, người đã viết nhiều

tập hồi ký nhằm phản bác một câu ngạn ngữ xưa;ⁱ và Benjamin Constant de Rebecque, người sinh ra ở Thụy Sĩ, theo học tại hàng chục thành phố, và cuối cùng bị tấn công từ phía ở Pháp, sống cuộc đời bừa bãi với những món nợ không trả, những người tình bị bỏ rơi, những cú nhào lộn trong chính trị khiến cho dường như không ích gì phải lãng phí thì giờ với ông ta ở đây, nếu như ông ta đã không đến gần lịch sử trong nhiều cuộc xung đột, được những người đàn bà nổi tiếng yêu điên cuồng, và có thể miêu tả những lỗi lầm của mình một cách hùng biện, tinh tế, và vô tư khiến có thể giúp chúng ta hiểu được lỗi lầm của chính mình.

Ông ghi lại theo lối biên niên cuộc đời của mình trong 20 năm đầu trong một cuốn *Cahier rouge* (Sổ tay màu đỏ), 20 năm tiếp theo trong một cuốn truyện, *Adolphe*; và những năm 1804–1816 trong một tập *Journal intime* (Nhật ký riêng tư) đi khắp từ Paris đến Coppet, đến Weimar, đến London với những đoạn hấp dẫn về lịch sử, văn học, tâm lý, và triết học. Chỉ có cuốn *Adolphe* được xuất bản lúc ông còn sống (London, 1816), tập *Nhật ký* vẫn còn là bản thảo đến năm 1887, còn cuốn *Sổ tay* thì đến tận năm 1907. Những tập sách rải rác này, cùng với hàng ngàn mối quan hệ đương thời, tạo nên Constant ngày hôm nay.

Ông xuất thân từ một gia đình quý tộc mà dòng dõi có thể lần ngược lên đến 800 năm. Chúng ta không cần phải lần xa hơn cha ông, người quá bận rộn với những tội lỗi của chính mình nên không còn mấy thì giờ để chăm sóc đứa con. Nam tước Arnold-Juste Constant de Rebecque là sĩ quan trong một trung đoàn Thụy Sĩ phục vụ cho Quốc hội Hà Lan. Ông đẹp trai, có học thức, là bạn của Voltaire. Đầu năm 1767, ông cưới Henriette de Chandieu, thuộc dòng dõi theo đạo Tin Lành Pháp. Cô 25 tuổi, còn ông 40 tuổi. Ngày 25 tháng Mười, ở

i Âm chỉ câu: "Không ai là anh hùng đối với người hầu phòng của mình." (No man is a hero to his valet), vì trong các tập hồi ký Constant đã ngợi ca Napoléon hết lời.

Lausanne, cô hạ sinh Benjamin, một tuần sau thì mất. Đây là người đầu tiên trong số những phụ nữ phải chịu đau khổ vì tính thất thường của ông. Người cha giao cậu bé cho nhiều gia sư khác nhau mà không quan tâm đến việc lựa chọn. Một vị áp dụng phương pháp đánh đập và vuốt ve nhằm biến cậu thành thần đồng tiếng Hy Lạp. Khi những vụ đánh đập làm nguy hại đến sức khỏe của Benjamin, cậu được chuyển sang cho vị gia sư thứ hai; vị này đưa cậu vào một nhà thổ ở Bruxelles. Vị gia sư thứ ba giúp cậu có kiến thức sâu rộng về âm nhạc, và, về những thứ còn lại, cậu phải tự học bằng việc đọc sách. Benjamin đọc tám hoặc mười giờ mỗi ngày, thường xuyên làm tổn thương mắt và đức tin của mình⁷³. Chàng học một năm tại Đại học Erlangen; rồi được chuyển sang Edinburgh, nơi chàng cảm nhận được những làn sóng xôn xao của thời Khai minh Scotland; nhưng cũng ở đây chàng tập tành đánh bạc, là trò chỉ đứng sau tình dục trong việc làm rối loạn cuộc đời chàng. Sau những cuộc phiêu lưu ở Paris và Brussels chàng định cư ở Thụy Sĩ, và bắt đầu viết một cuốn lịch sử tôn giáo, với mục đích chứng minh cho quan điểm của chàng về sự ưu việt của đa thần giáo so với Thiên Chúa giáo.

Chàng trải qua hết người phụ nữ này đến người phụ nữ khác, từ sông bạc này đến sông bạc khác, đến khi cuối cùng cha chàng sắp xếp (năm 1785) để chàng sống ở Paris với gia đình của Jean-Baptiste Suard, nhà phê bình văn học có kiến thức uyên bác và tấm lòng tử tế.

Tôi được cả gia đình ông hoàn toàn đón nhận. Đầu óc tôi, vào thời bấy giờ hoàn toàn thiếu vững chắc và chính xác, đã tỏ ra dí dỏm thú vị. Kiến thức của tôi rất rời rạc nhưng cũng hơn phần lớn các văn nhân của thế hệ đang lên, và sự độc đáo của cá tính tôi, tất cả dường như mới mẻ và thú vị... Khi nhớ lại những gì mình đã nói vào thời gian ấy, và sự khinh thị quả quyết mà tôi bày tỏ với mọi người, tôi thật bối rối không biết làm thế nào mình đã có thể được tha thứ⁷⁴.

Năm 1787, chàng gặp “người phụ nữ đầu tiên thông minh nhất mà tôi từng biết cho đến lúc ấy”. “Zélide” – tức Isabella van Tuyll – là *pièce de résistance* (vũ vật) khó tính trong những ngày ở Hà Lan của Boswell.ⁱ Nàng đã từ chối chàng và những người khác để lấy gia sư của em nàng, và giờ đây đang sống trong cảnh bất mãn cam chịu ở thị trấn Colombier gần hồ Neuchâtel. Khi Constant bắt chợt gặp nàng, nàng đang ở Paris viết cho xong cuốn tiểu thuyết *Carlisle* của mình trên báo. Nàng 47 tuổi, nhưng đối với anh chàng 19 tuổi chuyên tán gái vẫn có vẻ quyến rũ của một phụ nữ hã còn hấp dẫn về mặt thể xác và lỗi lạc về mặt trí tuệ, và chán chường tới một mức độ khiến cho sự nguy biến kiêu hãnh của chàng dường như trẻ con non nớt. “Tôi vẫn còn nhớ với cảm xúc dâng tràn những đêm ngày chúng tôi cùng bên nhau, uống trà, và nói chuyện hăng say không dứt về mọi đề tài”. Khi nàng quay về Colombier, chàng cũng chọn một chỗ ở vùng Lausanne gần đấy. Chồng nàng lầm tưởng sự chênh lệch về tuổi tác của họ sẽ giữ cho hai người ở mức tình bạn. Nàng bắt đầu dạy Benjamin một cách nhiệt tình về những mưu mẹo của đàn bà và sự dối trá của đàn ông. “Chúng tôi đầu độc lẫn nhau bằng những lời giễu cợt và sự khinh bỉ của mình đối với nhân loại”⁷⁵.

Cha chàng làm gián đoạn trò giải khuây trí thức nửa vờ này bằng cách gửi chàng đi Braunschweig để phục vụ như một viên chức triều đình của vị công tước là người sắp dẫn đầu một đạo quân chống lại Cách mạng Pháp. Giữa những buổi lễ lạc, chàng sa vào chiếc bẫy êm ái của nữ Nam tước Wilhelmina von Cramm, cưới nàng (8.5.1789), nhận thấy việc làm chồng còn tệ nhạt hơn làm kẻ tán gái, kết luận rằng Minna yêu “mèo, chó, chim, bạn bè, và người tình” hơn là người bạn đời hợp pháp của nàng, nên kiên đòi ly dị. Cảm thấy lòng không vương bận, chàng đâm ra say mê Charlotte

i James Boswell (1740–1795): Nhà văn Scotland, tác giả cuốn tiểu sử về cuộc đời của Samuel Johnson.

von Hardenberg, vợ của Nam tước von Marenholz. Nàng từ chối an ủi Benjamin bằng cảnh ngoại tình, nhưng đề nghị cưới chàng ngay sau khi nàng có thể ly dị chồng. Kinh hoảng với ý nghĩ về một cuộc hôn nhân nữa, Constant chạy trốn về Lausanne (năm 1793) và Colombier, tại đây Zélide lại tiếp tục dạy dỗ chàng. Giờ đây chàng 26 tuổi, và nàng cảm thấy chàng nên hy sinh niềm vui trước sự đa dạng [các cô gái] để ngơi nghỉ trong cảnh hợp nhất. Nàng bảo chàng, “Nếu tôi biết một người nào trẻ trung và khoẻ mạnh và cũng yêu anh nhiều như tôi yêu anh, và không ngốc hơn tôi, tôi sẽ độ lượng nói, ‘Hãy đến với cô ta!’”⁷⁶. Trước sự ngạc nhiên và giận dữ của nàng, chẳng bao lâu sau chàng tìm thấy một người trẻ trung và mạnh khoẻ.

Ngày 28.9.1794, trên đoạn đường từ Nyon đến Coppet, Benjamin đã gặp Germaine de Staël, 28 tuổi, nhảy bổ vào xe nàng, và bắt đầu một vở hài kịch kéo dài 15 năm với những lời thề nguyện, nước mắt, và những vụ cãi vã. Chàng chưa bao giờ biết một người phụ nữ với trí tuệ quá phong phú, ý chí quá mạnh mẽ, và những đam mê và tình cảm còn mạnh mẽ hơn nữa. Để đối lại những sức mạnh này, chàng chỉ có sự yếu đuối, vì đã đánh mất tính cách qua suốt thời trai trẻ dễ dãi và tan vỡ, và đã giảm sinh lực qua những cuộc vận động sinh lý thiếu phẩm giá hoặc sự trưởng thành. Ở đây cũng vậy, chiến thắng dễ dàng của chàng là sự thất bại, vì mặc dù nàng chấp nhận chàng là người tình, và khiến chàng tin tưởng mình là cha của Albertine, nàng đã thuyết phục chàng ký với nàng, vào một ngày không được biết, một lời thề trung thành, vốn được hỗ trợ bởi những món nợ chàng mượn của nàng, đã giữ chàng trong cảnh nô lệ về mặt tâm lý ngay cả sau khi cả hai đã đưa những người bạn tình khác của mình lên giường.

Chúng tôi nguyện sẽ hiến dâng cuộc đời của mình cho nhau, chúng tôi tuyên bố rằng chúng tôi tự xem mình vĩnh viễn ràng buộc nhau; rằng chúng tôi sẽ mãi mãi chia sẻ, và trong mọi

hoàn cảnh, một số phận chung; rằng chúng tôi sẽ không bao giờ có mối ràng buộc nào khác; và rằng chúng tôi sẽ làm hết sức để củng cố những mối quan hệ giờ đây đang hợp nhất chúng tôi.

Tôi tuyên bố rằng tôi tham dự vào sự cam kết này với tấm lòng thành, rằng tôi biết trên đời này không gì xứng đáng với tình yêu như Phu nhân de Staël, rằng tôi đã là người đàn ông hạnh phúc nhất trong bốn tháng trải qua với nàng, và tôi xem niềm hạnh phúc lớn nhất đời mình là có thể làm cho nàng hạnh phúc trong tuổi trẻ, là đi dần đến tuổi già một cách bình yên bên cạnh nàng, là về bên kia thế giới với con người hiểu được tôi, và nếu không có sự hiện hữu của nàng thì cuộc sống trên cõi trần này không có nghĩa đối với tôi.

BENJAMIN CONSTANT⁷⁷

Năm 1795, chàng theo nàng đến Paris, pha lẫn những hoạt động chính trị của mình với của nàng, ủng hộ Hội đồng Chấp chính, chấp nhận cuộc đảo chính của Napoléon như một sự cần thiết đối với tình trạng của nước Pháp, và làm người phát ngôn cho nàng và cho chính mình khi được Napoléon bổ nhiệm làm thành viên của Ủy hội Pháp chế. Nhưng ngay khi vị Đệ nhất Tổng tài tỏ dấu hiệu ham muốn quyền lực tuyệt đối, cặp tình nhân cùng nhau chống lại ông ta; nàng trong khách thính của mình, còn chàng trong bài phát biểu đầu tiên của mình (5.1.1800) [tại Ủy hội Pháp chế], yêu cầu đòi Ủy hội Pháp chế được quyền thảo luận mà không bị kềm chế. Chàng nổi tiếng là diễn giả có sức thuyết phục, nhưng bị đánh dấu để thay thế ngay khi đến lúc thanh lọc Ủy hội theo nhiệm kỳ (1802). Tuy nhiên, khi cặp tình nhân thực hiện cuộc chiến, Napoléon đã trục xuất họ khỏi Paris.

Constant đi với nàng đến Coppet, mặc dù những quan hệ của họ có vẻ đã nguội lạnh thành sự lãnh cảm. “Mình cần đàn bà”, chàng tự bảo, “còn Germaine thì không ham nhục dục”⁷⁸. Chàng cầu hôn nhưng bị nàng từ chối, nói rằng điều này sẽ khiến nàng phải hy sinh địa vị của mình và triển vọng hôn

nhân của con gái. Tháng Chín năm 1802, nàng yêu Camille Jordan, và mời chàng tháp tùng nàng đi Ý với mọi chi phí do nàng trang trải, nguyện sẽ “quên hết mọi thứ với anh, người em yêu một cách sâu đậm”⁷⁹. Jordan từ chối. Vào tháng Tư năm 1803, Constant rời Coppet về điền trang chàng đã mua gần Mafliers, cách Paris khoảng 50km. Vào mùa thu, Germaine, có nguy cơ phải hứng chịu cơn giận của Napoléon, nên đã cùng gia đình chuyển đến căn nhà ở miền quê tại Mafliers. Khi Napoléon nghe được chuyện này, ông yêu cầu nàng phải tuân theo lệnh trục xuất cách Paris 200km. Nàng thích đi thăm nước Đức hơn. Constant, giận vì sự khắc nghiệt của vị Tổng tài và cảm động vì nỗi đau buồn của Germaine, quyết định đi theo nàng.

Chàng giúp nàng và các con của nàng vượt qua những nổi vất vả của chuyến đi, vui mừng khi họ đến được Weimar, và ở lại đây để viết tác phẩm về lịch sử tôn giáo của mình. Ngày 22.1.1804, chàng bắt đầu ghi một cuốn *Journal intime* (Nhật ký riêng tư) với lời mở đầu sôi nổi: “Tôi vừa mới đến Weimar, tôi tính ở lại đây một thời gian, vì ở đây tôi sẽ tìm thấy những thư viện, những cuộc đàm đạo hợp sở thích, và, trên hết, sự bình yên cho công việc của mình”⁸⁰. Một số đoạn sau đó cho thấy sự phát triển tinh thần của chàng:

23 tháng Một: Tôi làm việc ít và rất tệ, nhưng bù lại đã gặp Goethe! Tế nhị, kiêu hãnh, nhạy cảm về mặt thể xác tới mức đau đớn; một trí tuệ phi thường, vẻ mặt cao quý, đáng người hơi suy yếu... Sau bữa ăn, tôi tán gẫu với Wieland – một tâm hồn Pháp, lạnh lùng như triết gia, nông nổi như thi sĩ... Herder thì như một chiếc giường ấm áp và êm ái, trên đó ta có những giấc mơ dễ chịu...

27 tháng Một: Johannes von Muller [sử gia Thụy Sĩ] đã giải thích cho tôi kế hoạch của ông về một bộ lịch sử thế giới... Một câu hỏi đáng quan tâm nảy sinh [với ông ta]: có sự sáng tạo ra thế giới hay không? Theo cách chúng ta trả lời câu hỏi này

như thế nào, dòng lịch sử của nhân loại sẽ hiện ra hoàn toàn đối lập nhau: nếu có sáng tạo, là sự sa đọa; nếu không có sáng tạo, là sự cải thiện...

12 tháng Hai: Đã đọc tác phẩm Faust của Goethe (Phần I). Đây là sự nhạo báng nhân loại và mọi nhà khoa học. Người Đức nhìn thấy ở đây sự sâu sắc chưa từng có, nhưng đối với tôi, tôi thích Candide hơn...

26 tháng Hai: Đến thăm Goethe...

27 tháng Hai: Buổi tối cùng Schille...

28 tháng Hai: Ăn tối với Schiller và Goethe. Tôi không biết có ai trên đời có tính tình vui vẻ, tinh tế, sức mạnh, và trình độ trí tuệ như Goethe.

29 tháng Hai: Ngày mai tôi sẽ đi Leipzig, và tôi không rời Weimar mà không khỏi buồn. Tôi đã trải qua ở đây ba tháng rất thú vị: tôi đã học hỏi, sống yên ổn, đau khổ ít; tôi không đòi hỏi gì hơn...

3 tháng Ba: Thăm Bảo tàng viện ở Leipzig... Thư viện chứa 80.000 cuốn sách... Tại sao tôi không ở lại đây và làm việc nhỉ?

10 tháng Ba: Mua sáu louis [khoảng 150\$] sách tiếng Đức⁸¹.

Chàng chia tay Phu nhân de Staël ở Leipzig và xuống Lausanne thăm họ hàng. Chàng đến vừa kịp lúc biết tin cha của Germaine vừa mất - “Ông Necker tốt bụng, rất cao thượng, rất tình cảm, rất thanh khiết. Ông ta thương tôi. Giờ đây ai sẽ dìu dắt người con gái của ông?”⁸². Chàng vội quay về Đức, hy vọng báo tin cho nàng nhẹ nhàng thôi; chàng biết sự mất mát này sẽ khiến nàng chao đảo. Chàng cùng nàng trở về Coppet, và ở lại với nàng cho đến khi nàng có thể ngẩng đầu lên lại.

Nàng cần chàng nhất trong những ngày chàng mong mỏi chia tay nàng để được tự do theo đuổi sự nghiệp chính trị và cá nhân riêng mà không bị bó buộc với sự quan tâm của nàng. Chàng cảm thấy đã huỷ hoại các triển vọng chính trị

của mình khi trở thành người phò tá của nàng trong cuộc chiến chống Napoléon. Tháng Tư năm 1806, nhật ký của chàng phân tích cơn suy nhược ý chí của mình: “Tôi luôn muốn chia tay với Phu nhân de Staël, nhưng mỗi lần cảm thấy như vậy, thì sáng hôm sau tôi lại ở trong một tâm trạng trái ngược. Trong khi ấy tính cách mạnh mẽ và những hành động khinh suất của nàng khiến tôi bị day dứt và luôn ở trong tình trạng nguy hiểm. Chúng tôi phải chia tay... ; đó là cơ hội duy nhất của tôi để có cuộc sống yên bình.”⁸³ “Một tháng sau, nhật ký của chàng ghi: Vào buổi tối xảy ra cảnh tượng dễ sợ – kinh khủng, vô nghĩa, những lời cãi nhau tồi tệ. Cô ta bị điên hay mình hóa rồ? Chuyện này làm sao chấm dứt?”⁸⁴.

Như rất nhiều tác giả không thể định đoạt được cuộc đời mình, chàng tìm nơi trú ẩn trong việc kể lại câu chuyện từ bên phía mình trong cuốn tiểu thuyết được nguy trang cẩn thận nhưng mang tính tự thú rành rành. Nổi xung vì lòng căm giận đối với sự thống trị và những lời trách móc của Germaine, giận dữ với những do dự bởi ý chí yếu mềm của chính mình, trong 15 ngày (tháng Một năm 1807) và 100 trang giấy chàng đã viết nên cuốn tiểu thuyết tâm lý đầu tiên của thế kỷ XIX, sâu sắc và tinh tế hơn phần lớn những cuốn cùng loại, và tàn nhẫn đối với cả đàn bà lẫn đàn ông.

Adolphe lần theo tuổi trẻ không mục đích của tác giả hư cấu, nền giáo dục chấp vá, những mối tình chớp nhoáng và hời hợt, thú ham đọc sách của chàng – vốn đã thay thế đức tin bằng sự yếm thế, day dứt với sự vô nghĩa của cuộc đời mình. Chàng đưa cuộc phiêu lưu của những mối tình vô trách nhiệm của mình lên đến tai họa đỉnh điểm trong câu chuyện của Ellénore, một phụ nữ quý tộc đã hy sinh nhà cửa, danh dự, và tương lai để làm tình nhân của Bá tước P. Adolphe ghi lại cách thức mà ở đó xã hội – trong khi xây dựng trật tự và sự ổn định của nó trên luật pháp và phong tục bằng cách kiềm chế những ham muốn phi xã hội – bằng thói buôn chuyện và sự vô lễ đã trừng phạt người đàn bà (đàn ông thì

ít hơn) vì phạm những nguyên tắc bảo vệ này. Lòng thương hại của chàng đối với nàng Ellénore bị tắt cháy, sự ngưỡng mộ đối với thái độ can đảm của nàng, dễ dàng biến thành tình yêu, hay có lẽ là lòng ham muốn thầm kín một cuộc chinh phục nữa để duy trì lòng kiêu hãnh của chàng. Ngay khi sự nồng nhiệt của chàng nguội xuống tới mức có thể kiểm soát được, nàng chịu thua chàng, rời bỏ vị bá tước và tiền bạc của ông, kiếm một căn hộ khiêm tốn, và cố sống bằng những cuộc viếng thăm và sự tài trợ của Adolphe. Chàng giảm bớt mỗi lưu tâm đối với ngôi thành đã quy hàng khi lòng tận tụy của nàng gia tăng. Chàng cố cắt đứt với nàng; nàng trách móc chàng; cuối cùng họ cãi vã và chia tay. Nàng rời xa chàng, và tàn tạ trong cảnh nghèo khó và thiếu ý chí sống. Chàng quay lại với nàng chỉ để có được nàng chết trong tay mình.

Constant đã tìm cách giấu mọi manh mối có thể tiết lộ các nhân vật hư cấu của chàng là những cư dân ở Coppet; ông đã tạo ra nữ nhân vật của mình là người Ba Lan và có tính phức tạp, và đã bắt nàng chết trong tuyệt vọng. Tuy nhiên, tất cả những ai trở nên quen thuộc với cuốn sách và tác giả của nó đều nhận ra ông trong vai Adolphe, và Phu nhân de Staël trong vai Ellénore. Constant đã kiểm chế trong chín năm trước khi xuất bản cuốn sách, nhưng (thói kiêu căng làm mờ mắt tính thận trọng) ông đã đọc từng phần – đôi khi tất cả – tập bản thảo cho bạn bè nghe, và cuối cùng cho Germaine nghe, nàng ngắt xỉu khi đến đoạn kết.

Constant đã nhận được ít nhiều sức mạnh thoáng qua nhờ sự trở lại của Charlotte von Hardenberg trong đời ông. Nàng đã ly dị người chồng đầu, và đang mỗi một với người chồng thứ hai, Tử tước du Tertre. Giờ đây nàng nối lại mối quan hệ từng bị gián đoạn với Constant. Họ cưới nhau ngày 5.6.1808, nhưng khi Benjamin, để xoa dịu Phu nhân de Staël, quay về với cảnh phục tòng ở Coppet thì Charlotte quay về Đức. Không chờ đến lúc Bà tìm thấy người tình mới nơi John Rocca (năm 1811) mà Constant mới cảm thấy tự do. Ông đã

cùng Charlotte đến sống gần Göttingen, và, với sự giúp đỡ của thư viện trường đại học, tái tục công việc nặng nhọc của mình về lịch sử tôn giáo. Hai năm sau đó có lẽ là quãng thời gian hạnh phúc nhất trong đời ông.

Nhưng hạnh phúc không hợp với ông. Khi (tháng Một năm 1813) ông nghe trực tiếp từ Bá tước de Narbonne câu chuyện về tai họa của Napoléon ở Nga, và cảm thấy Napoléon sắp sụp đổ, tính hiếu động cũ của ông trở lại. “Chẳng lẽ ta phải luôn làm khán giả?”. Ông tự hỏi mình trong nhật ký. Khi các Đồng minh chiến thắng đẩy lùi Napoléon về sông Rhein, Constant đi Hanover, gặp Bernadotte ở đấy, và được ông này thuyết phục viết một tập sách mỏng, *Esprit de Conquête* (Tinh thần chinh phục), quy sự sụp đổ của nước Pháp cho chế độ chuyên chế của Napoléon. Được xuất bản ở Hannover vào tháng Một năm 1814, lúc cao điểm khi quân Đồng minh tiến vào Pháp, tập sách khiến ông trở thành *persona grata*ⁱ của các nhà lãnh đạo Đồng minh, và ông đi theo các đạo quân của họ tiến vào Paris (tháng Tư năm 1814) với hy vọng phục hồi được con người mình.

Ông đến thăm khách thính vừa hồi sinh của Phu nhân de Staël, và nhận ra bà không còn quan tâm gì đến mình. Vì Charlotte vẫn còn ở Đức, ông tuyên bố trong nhật ký (31.8.1814) rằng mình vẫn say mê Phu nhân Récamier, người mà chiến thuật ra vẻ gái trinh run rẩy nhưng không thể lay chuyển đã bị ông chế giễu từ lâu. Ông tâm sự với Công tước de Broglie rằng ông đã cố bán linh hồn cho quỷ để đổi lấy thân xác của Juliette Récamier⁸⁵. Do là người nhiệt tình ủng hộ dòng họ Bourbon, nàng lo sợ cho sự an toàn của mình khi biết tin Napoléon đã trốn thoát khỏi Elba và đổ bộ vào Cannes. Nàng gợi ý Constant cho công bố trong tờ *Journal de Paris* (6.3.1815) lời kêu gọi nhân dân Pháp đứng lên chống lại “kẻ tiếm vị”. “Napoléon hứa hẹn hòa bình, nhưng ngay cả cái tên của ông ta cũng là một dấu hiệu báo chiến tranh. Ông ta

i *Persona grata* (Latin): Người được chấp thuận, hoan nghênh (như một nhà ngoại giao của một nước được chính phủ nước khác hoan nghênh).

hứa hẹn chiến thắng, nhưng ba lần – ở Ai Cập, Tây Ban Nha, và Nga – ông ta đã rời bỏ các đạo quân của mình như kẻ hèn nhất”⁸⁶. Nàng Récamier đã nhóm lên trong con người dễ cháy Constant ngọn lửa mà dường như sẽ đốt cháy mọi cây cầu sau lưng ông. Ngày 19 tháng Ba, ông tuyên bố trong tờ *Journal des débats* rằng ông sẵn sàng chết cho vị Vua vừa được phục hồi. Đêm hôm ấy, Louis XVIII chạy trốn đến Ghent; ngày hôm sau, Napoléon tiến vào Paris; Constant lẩn trốn trong Đại sứ quán Hoa Kỳ. Napoléon ban hành lệnh ân xá chung; Constant ló ra từ nơi ẩn náu. Ngày 30 tháng Ba, Joseph Bonaparte trấn an ông rằng Hoàng đế đang ở trong tâm trạng dễ tha thứ. Ngày 14 tháng Tư, Hoàng đế tiếp ông và yêu cầu ông phác thảo một bản hiến pháp tự do. Napoléon xem xét bản thảo rất kỹ, và rồi tuyên bố nó là bản hiến chương mới của Chính phủ Pháp. Constant ngây ngất vì vinh quang.

Ngày 20 tháng Sáu, khi ông đang đọc *Adolphe* cho Hoàng hậu Hortense nghe, Công tước de Rovigo bước vào cho bà biết là Napoléon đã bại trận ở Waterloo hai ngày trước. Ngày 8 tháng Bảy, Louis quay lại Cung điện Tuileries; Constant gửi cho ông lời xin lỗi khúm núm. Nhà Vua, xét thấy ông ta chỉ là một gã thiếu niên bướng bỉnh vô trách nhiệm có tài viết tiếng Pháp tuyệt vời, đã ban hành lệnh tha làm mọi người ngạc nhiên. Ông viết cho Phu nhân Récamier tha thứ cho bà việc đã “huỷ hoại sự nghiệp tôi, tương lai tôi, danh tiếng tôi, và hạnh phúc tôi”⁸⁷. Vào tháng Mười, ông rời đi Bruxelles, chấp nối lại với nàng Charlotte nhẵn nại. Đầu năm 1816, họ sang Anh, xuất bản cuốn *Adolphe*. Đến Tháng Chín ông cùng vợ quay lại Paris, lao vào chính trị, và bắt đầu một sự nghiệp mới.

IV. Chateaubriand: 1768–1815

1. Tuổi trẻ

Đối với những người Pháp đương thời, François-René de Chateaubriand là nhà văn vĩ đại nhất thời đại bấy giờ –

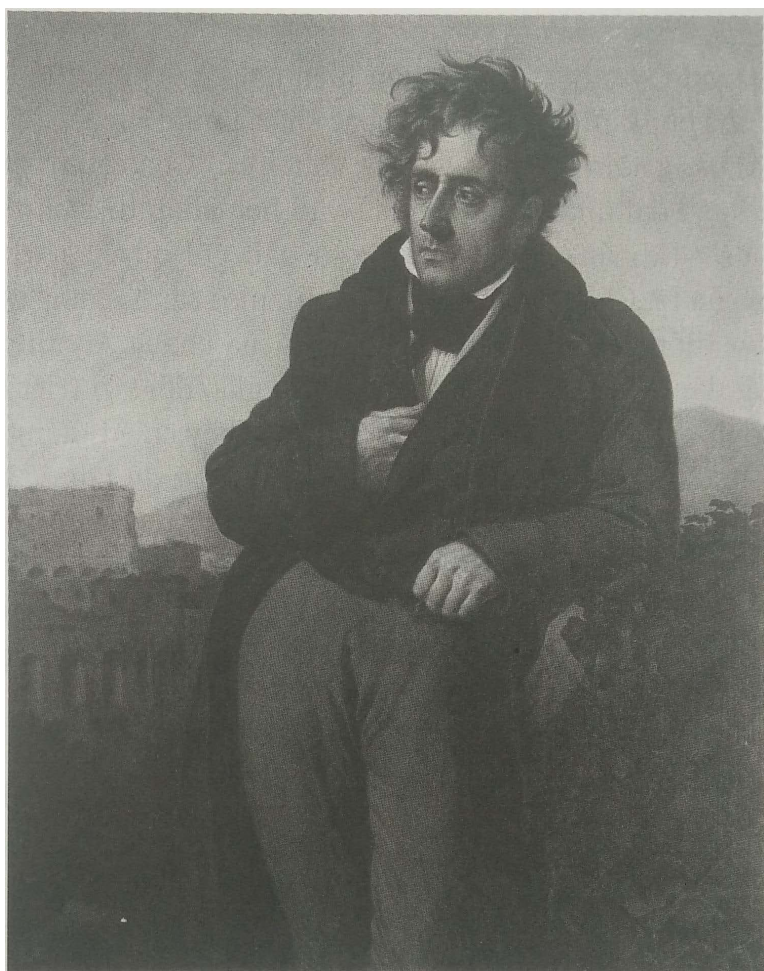
*“le plus illustre de nos écrivains modernes”*ⁱ (người nổi tiếng nhất trong số những văn nhân hiện đại của chúng ta)⁸⁸; và một nhà phê bình văn học uyên bác khác, Émile Faguet, đã viết vào khoảng năm 1887 (quên mất Voltaire): “Chateaubriand là thời kỳ vĩ đại nhất trong lịch sử văn học Pháp từ sau nhóm Pléiade”ⁱⁱ (khoảng năm 1550)⁸⁹; sự gần gũi quyến rũ quan niệm của ta. Chắc chắn chỉ có Voltaire mới sánh ngang được với sự thống trị văn đàn nước Pháp của chàng. Uy thế của chàng đánh dấu sự đắc thắng của tôn giáo đối với triết học, cũng giống như uy thế của Voltaire cho thấy chiến thắng của triết học đối với tôn giáo; và chàng đã sống đủ lâu để thấy tinh thần vô tín ngưỡng tái sinh. Như thế một tâm trạng, sau khi được duy trì một cách nồng nhiệt, sống lâu hơn sự chào đón dành cho nó, đã sinh ra điều trái ngược, và được hồi sinh, qua bao thế hệ, nhờ sự vô tiết độ của nhân loại bị ngăn chặn.

“Cuộc đời và vở kịch của tôi”, chàng viết, “được chia làm ba màn. Từ thuở nhỏ đến năm 1800 tôi là một chiến binh và một lữ khách; từ năm 1800 đến năm 1814, dưới thời Tổng tài và Đế chế, đời tôi được hiến dâng cho văn chương; từ thời Trùng hưng đến nay [năm 1833] đời tôi dành cho chính trị”⁹⁰. Còn có một màn thứ tư lắng đọng nữa (1834–1848), trong đó nhân vật chính của ba màn trước sẽ chỉ còn là ký ức sống động nhưng mỏng manh, được những người phụ nữ thân ái duy trì, nhưng tàn tạ dần trong sương mù của thời gian.

“Tên tôi đầu tiên là Brien,... rồi Briand... Vào khoảng đầu thế kỷ XI, dòng họ Brien đặt tên mình cho một tòa lâu đài

i Lời của Sainte-Beuve nói vào năm 1849.

ii Pléiade: Nhóm bảy nhà thơ Pháp ở thế kỷ XVI, đứng đầu là Pierre de Ronsard, chủ trương nâng tiếng Pháp lên ngang tầm với các ngôn ngữ thời cổ như một phương tiện sáng tác văn học; làm giàu tiếng Pháp qua việc vay mượn, tạo ra từ mới, và dùng lại những từ đã biến mất; đồng thời làm phong phú văn hóa Pháp bằng cách tái khám phá các nền văn hóa, nghệ thuật, và tri thức thời cổ.



Hình 45: Chateaubriand (Anne-Louis Girodet-Tiroson, sau năm 1808)

quan trọng ở Bretagne, và lâu đài này trở thành cơ ngơi thuộc lãnh địa của nam tước Chateaubriand”⁹¹. Khi gia tộc kiêu hãnh này đã mất đi hầu hết mọi thứ ngoại trừ tòa lâu đài và niềm kiêu hãnh, người cha sang Mỹ, và tạo dựng một gia tài khiêm tốn. Trở về nước, ông cưới nàng Apolline de Bedée, người sinh cho ông quá nhiều con cái đến nỗi ông phải lui vào trạng thái hướng nội ảm đạm. Tâm trạng này đã truyền lại cho người con cuối cùng và duy nhất còn được nhớ đến. Người mẹ xoa dịu những nỗi khổ nhọc và bệnh tật của mình bằng lòng mộ đạo hăng say. Bốn trong số các con của bà chết

trước khi René ra đời, ngày 4.9.1768 ở St. Malo, bên bờ eo biển. Sau này chàng nhận xét rằng “sau khi chính mình được sinh ra, tôi không biết nỗi bất hạnh nào lớn hơn việc sinh ra một con người”⁹². Chị của chàng là Lucile, luôn đau yếu, pha lẫn nỗi *mal-de-vie* (sầu đời) của nàng với của chàng trong một cảnh thân mật nồng nhiệt tới mức làm cho họ lãnh đạm với hôn nhân. Sương mù dâng lên từ biển Manche, và những đợt sóng vỗ vào hòn đảo và ngôi nhà của họ làm tinh thần họ thêm âm đạm, nhưng làm cho ký ức họ trở nên thân thương.

Khi cậu lên chín, gia đình dọn đến một điền trang ở Combourg, vốn mang tước hiệu *comte* (bá tước), và khiến René trở thành một *vicomte* (tử tước). Giờ đây cậu bé được gửi đến trường học ở vùng Dol gần đấy, và được các linh mục dạy dỗ. Theo lời thúc giục của người mẹ, các vị này tìm cách hướng cậu vào con đường giáo sĩ. Họ giúp cậu có được nền tảng tốt về các môn học cổ điển. Chẳng bao lâu sau cậu tự dịch Homéros và Xenophôn. “Trong năm thứ ba của tôi ở Dol... sự ngẫu nhiên đã đặt vào tay tôi một tác phẩm của Horace nguyên vẹn không bị cắt xén. Tôi hiểu thấu được... những nét quyến rũ của một bản chất bí ẩn vốn nằm trong giới tính mà tôi chỉ thấy nơi mẹ và các chị gái... Nỗi khiếp hãi đối với những bóng tối địa ngục tác động đến tôi cả về tinh thần lẫn thể xác. Trong tâm trí ngây thơ của mình, tôi tiếp tục chiến đấu chống lại những cơn bão của một cảm xúc mạnh mẽ sớm đến trong đời và những nỗi kinh hãi của sự mê tín”⁹³. Sức mạnh nhục dục của cậu, do không có bất cứ tiếp xúc nào với phái nữ mà ta được biết, đã phát triển trong cậu hình ảnh của một người phụ nữ được lý tưởng hóa, mà cậu đã trở nên tận tụy một cách thần bí với một cường độ có lẽ đã làm chệch hướng phát triển bình thường của cậu.

Khi thời điểm của lễ ban thánh thể lần đầu đến gần, cậu sợ phải thú nhận những dao động bí mật của mình cho vị giáo sĩ nghe xưng tội. Lúc cậu tìm được can đảm để làm việc này, và vị linh mục tử tế an ủi và xá tội cho cậu, cậu cảm thấy

“niềm vui của các thiên thần.” “Ngày hôm sau... tôi được chấp nhận vào buổi lễ trác việt và cảm động mà tôi đã nỗ lực mô tả một cách vô ích trong *Le Génie du christianisme* (Ưu tính của Thiên Chúa giáo)... Sự hiện diện thật sự của Đấng Cứu thế trong bánh và rượu được ban phước trên bàn thờ cũng hiển nhiên đối với tôi như sự hiện diện của mẹ tôi bên cạnh tôi... Tôi cảm thấy như có ngọn lửa được đốt lên trong người mình. Tôi run lên vì tôn kính”⁹⁴. Ba tháng sau, cậu rời Collège de Dol (Trường Trung học Dol). “Ký ức về những người thầy vô danh sẽ luôn là những ký ức thân thương với tôi”⁹⁵.

Cơn phấn khích lắng xuống khi việc đọc sách của cậu làm nảy sinh những câu hỏi về đức tin. Cậu thú nhận với cha mẹ mình không có thiên hướng theo con đường giáo sĩ. Năm 17 tuổi, người ta gửi chàng đến Trường Trung học Rennes để chuẩn bị sẵn sàng được bổ nhiệm vào lực lượng hải quân phòng thủ ở Brest. Năm 1788, lúc 20 tuổi, chàng đến đây trình diện để được kiểm tra; nhưng những viễn cảnh của đời sống và kỷ luật trong hải quân Pháp làm chàng hoảng sợ tới mức quay về với cha mẹ ở Combourg, và, có lẽ để làm dịu bớt những lời trách móc của họ, chàng đồng ý vào Trường Trung học Dinan và chuẩn bị cho nghề giáo sĩ. “Sự thật là tôi chỉ muốn trì hoãn, vì tôi không biết mình muốn gì”⁹⁶. Cuối cùng chàng gia nhập Quân đội làm sĩ quan. Chàng được giới thiệu với Louis XVI, đi săn với ông, và nhìn thấy cảnh chiếm ngục Bastille. Chàng có cảm tình với Cách mạng cho đến khi, vào năm 1790, nó bãi bỏ tất cả các tầng lớp, tước vị và các quyền phong kiến. Khi trung đoàn của chàng biểu quyết tham gia Đạo quân Cách mạng, chàng từ nhiệm, và nhờ khoản tiền khiếm tốn do cha chàng mất để lại – tháng Tư năm 1791, chàng lên đường sang Hoa Kỳ. Chàng tuyên bố sẽ cố tìm ra một con đường băng qua vùng Bắc cực Mỹ châu. “Tôi là kẻ có tư tưởng tự do nhiệt thành thời bấy giờ”⁹⁷.

Chàng đến Baltimore ngày 11.7.1791, đi xe đến Philadelphia, ăn tối với Tổng thống Washington, làm ông thích thú với

những kế hoạch vĩ đại của chàng, tìm đường đến Albany, thuê một người dẫn đường, mua hai con ngựa, và kiêu hãnh đi về hướng tây. Chàng kinh ngạc trước quang cảnh rộng lớn, pha lẫn những núi non, hồ nước và những dòng sông dưới ánh nắng mùa hè. Chàng thích thú say sưa trong những khoảng không gian thoáng đãng cùng vẻ đẹp tự nhiên của chúng, như nơi trú ẩn thoát khỏi chốn văn minh và những phiền toái của nó. Chàng ghi lại các kinh nghiệm của mình trong cuốn nhật ký mà về sau chàng tra chuốt lại và xuất bản dưới nhan đề *Voyage en Amérique* (Cuộc du hành ở Mỹ châu), và đã cho thấy vẻ đẹp ngát hương của văn phong chàng:

Liberté primitive, je te retrouve enfin! Je passe comme cet oiseau qui vole devant moi, qui se dirige au hasard, et n'est embarrassé qu'au choix des ombrages. Me voilà tel que le Tout-Puissant m'a créé, souverain de la nature, porte triomphant sur les eaux, tandis que les habitants des fleuves accompagnent ma course, que les peuples de l'air me chantent leurs hymnes, que les bêtes de la terre me saluent, que les forêts courbent leurs cimes sur mon passage. Est-ce sur le front de l'homme de la société ou sur le mien qu'est gravé le sceau immortel de notre origine? Courez vous enfermer dans vos cités, allez vous soumettre à vos petites lois, gagnez votre pain à la sueur de votre front, ou dévorez le pain du pauvre; égorgez-vous pour un mot, pour un maître; doutez de l'existence de Dieu, ou adorez-le sous des formes superstitieuses; moi, j'irai errant dans mes solitudes; pas un seul battement de mon coeur ne sera comprimé; pas un seul de mes pensées ne sera enchaînée; je serai libre comme la nature; je ne reconnaitrai de souverain que celui qui alluma la flamme des soleils, et qui, d'un seul coup de sa main, fit rouler tous les mondes.⁹⁸

(“Tự do nguyên thủy, cuối cùng ta đã tìm lại được người! Ta đi qua như con chim đang bay trước mặt mình, ngẫu nhiên không định hướng, và chỉ bối rối khi phải chọn lựa những bóng cây. Chính ta đây như Đấng Toàn năng đã tạo ra, chúa tể của tự nhiên, đắc thắng vượt qua bao mặt nước, trong khi cư dân

trong các dòng sông đi theo ta, bọn ở trên trời hát ngợi ca ta, những con vật dưới đất đón chào ta, và những khu rừng uốn cong ngọn cây lại khi ta đi qua. Dấu ấn bất tử của nguồn gốc chúng ta đã được khắc lên vàng trán của những con người văn minh hay của ta? Vậy thì hãy chạy đi tự giam hãm vào trong các thành phố của các người, hãy đi phục tùng các luật lệ bé mọn của các người, hãy đổ mồ hôi trán ra mà kiếm lấy miếng bánh, hoặc nghiêng ngầu lấy miếng bánh của kẻ nghèo; hãy giết nhau vì một lời nói, vì một ông chủ; hãy nghi ngờ sự hiện hữu của Thượng đế, hoặc tôn thờ Người dưới những hình thức mê tín; về phần ta, ta sẽ lang thang trong cảnh cô đơn; không nhịp đập nào của trái tim ta sẽ bị kiểm soát, không một tư tưởng nào của ta sẽ bị đàn áp; ta sẽ tự do như tự nhiên, ta sẽ không nhìn nhận bất cứ ai là chúa tể ngoại trừ người đã đốt lên ngọn lửa của các mặt trời và người, chỉ với một cái phẩy tay, khiến mọi thế giới nổi lên làm cách mạng.”)

Đây là tất cả đồ tùy thân của phong trào Lãng mạn: tự do, thiên nhiên, tình bạn với mọi sinh vật; lòng khinh bỉ đối với thành thị và cuộc đấu tranh của người chống lại người để giành lấy bánh mì hay quyền lực; thái độ chối bỏ chủ nghĩa vô thần và óc mê tín; sự tôn thờ Thượng đế trong tự nhiên; chủ trương thoát khỏi mọi luật lệ ngoại trừ quy luật của Thượng đế;... Đối với văn chương, chẳng có gì hệ trọng đối với việc Chateaubriand đã đánh mất đức tin tôn giáo, hoặc nhiều đoạn miêu tả của ông là tưởng tượng hơn là có thật, hay hàng trăm điểm không chính xác, cường điệu, hoặc những điều không thể xảy ra trong *Voyage* của ông mà các nhà phê bình Pháp hay Mỹ sẽ sớm khám phá ra⁹⁹; đây là thứ văn xuôi khiến cho lồng ngực của tất cả người nữ – và nhiều người nam – phải thổn thức; văn xuôi Pháp đã không mang nhiều màu sắc, hay thiên nhiên đã không lộng lẫy, hay văn minh đã không phi lý như vậy kể từ Rousseau hay Bernardin de Saint-Pierre. Tất cả những gì phong trào Lãng mạn giờ đây chờ đợi là sự giới thiệu có sức thuyết phục về người thổ dân Da đỏ như là vị chúa tể

của Vườn Địa đàng và sự khôn ngoan, và bức tranh toàn cảnh về tôn giáo như là người mẹ của đạo đức, nghệ thuật, và sự cứu rỗi. Chateaubriand sẽ sớm cung cấp điều này trong *Atala* và *René*, và điều kia trong *Le Génie du christianisme*.

Thi sĩ - nhà thám hiểm cưỡi ngựa qua bang New York, được những người Da đỏ thuộc bộ lạc Onondaga tiếp đãi niềm nở, ngủ ngoài trời trên Đất Mẹ gần Niagara, và nghe tiếng ầm ầm bị bóp nghẹt của ngọn thác. Ngày hôm sau, bị thôi miên đứng sững bên con sông đang cuồn cuộn trôi về hạ lưu, “tôi bất giác muốn gieo mình vào lòng nó”¹⁰⁰. Hăm hở muốn nhìn thấy ngọn thác từ bên dưới, chàng trèo xuống một dốc đá, bị trượt chân, gãy một cánh tay, và được những người Da đỏ đưa lên chỗ an toàn. Khi trấn tĩnh lại, chàng từ bỏ giấc mơ mở lối đi theo hướng tây bắc, quay xuống phương nam, và đến Ohio. Tại đây, câu chuyện kể của chàng trở nên đáng ngờ. Chàng kể với chúng ta là đã xuôi dòng sông Ohio để đến sông Mississippi, theo sông này ra vịnh Mexico, rồi, vượt qua một ngàn dặm và một trăm dãy núi, đến Florida. Các nhà phê bình, khi so sánh các khoảng cách, sự vận chuyển, và thời gian, đã nhận định rằng câu chuyện của chàng không đáng tin, và đã mô tả hệ động thực vật hoàn toàn không giống như những quan cảnh và thảo mộc của các miền này vào 100 năm sau¹⁰¹; tuy nhiên, một thế kỷ có thể đã thay đổi ngoạn mục đời sống hoang dã, và thậm chí, qua việc canh tác và khai mỏ, tình trạng của cả trái đất.

Sau khi lưu lại một thời gian với những người Da đỏ thuộc sắc tộc Seminole, Chateaubriand đi về hướng tây bắc đến Chillicothe, ở vùng ngày nay là Illinois. Tại đây chàng đọc trong một nhật báo Anh tin tức về việc Louis XVI chạy trốn đến Varennes (22.6.1791). Chàng lo lắng cho sinh mạng của nhà vua đang bị giam giữ. “Tôi tự bảo, ‘hãy trở về Pháp,’ và đột ngột chấm dứt cuộc du hành của mình”¹⁰². Ngày 2.1.1792, chàng về đến Pháp sau khi vắng bóng chín tháng. Chàng hãy còn mới 23 tuổi.

2. Sự phát triển

Chàng đã chi tiêu gần hết gia tài, và hãy còn mơ hồ và bấp bênh trong một đất nước thù địch với các tử tước và đang tiến gần đến chiến tranh và những cuộc tàn sát tháng Chín. Các chị của chàng khuyên nên lấy vợ vì tiền, và tìm được cho chàng một cô dâu với của hồi môn khiêm tốn, Céleste Buisson de La Vigne, 17 tuổi. Họ cưới nhau ngày 21.2.1792. Nàng Céleste khiêm nhường vẫn trung thành với chàng qua bao thăng trầm và những người tình của chàng, và qua một thập kỷ chàng xung đột với Napoléon, là người mà nàng ngưỡng mộ; và sau nhiều năm chàng đã học cách yêu nàng. Họ đến sống tại Paris, gần các cô chị của chàng là Lucile và Julie. Một phần tài sản của vợ chàng được đầu tư vào các chứng khoán của nhà thờ đã bị mất trong việc chính phủ cách mạng tịch thu tài sản giáo hội; một phần khác bị René nường vào sòng bạc.

Ngày 20 tháng Tư, Quốc hội lập pháp tuyên chiến với nước Áo. Giới *émigré* của Pháp thành lập một trung đoàn, tham gia cùng quân Áo để lật đổ Cách mạng. Chateaubriand, mặc dù không hoàn toàn chắc chắn thích chuyện này, cảm thấy buộc phải tham gia cùng các nhà quý tộc của đẳng cấp mình. Để vợ và các chị gái lại trong một Paris mà chẳng bao lâu nữa sẽ cầm tù và rồi tàn sát hàng trăm người thuộc giới quý tộc, chàng lao về Coblenz, đăng ký vào đạo quân của các *émigré*, và tham gia cuộc bao vây thất bại ở thành Thionville (1.9.1792). Chàng bị thương ở bắp đùi, và được cho giải ngũ một cách vinh dự. Không thể quay về với vợ qua một nước Pháp đang được lệnh tổng động viên, chàng tìm đường đến Ostend, phần lớn là đi bộ, rồi qua đảo Jersey, được một người chú chăm sóc lấy lại sức, và vào tháng Năm năm 1793 vượt qua nước Anh.

Tại đây, chàng biết được thế nào là cảnh nghèo khó, và cam chịu một cách dửng dưng, mặc dù “khí chất ốm yếu của tôi, và những ý niệm lãng mạn về tự do mà tôi ấp ủ trong lòng”¹⁰³.

Chàng từ chối khoản trợ cấp Chính phủ Anh tặng cho các nhà quý tộc *émigré*; kiếm ăn bằng cách dạy tiếng Pháp tại tư gia và trong một trường nội trú. Chàng đắm ra say mê cô học trò Charlotte Ives; cô đáp lại tình cảm của chàng; cha mẹ Charlotte đề nghị chàng cưới; chàng phải thú nhận mình đã có vợ. Trong khi ấy mẹ, vợ và các chị chàng đang bị giam ở Pháp; anh của chàng cùng với vợ và người ông nội anh hùng của cô ta là Malesherbes bị đưa lên máy chém (22.4.1794). Vợ và các chị của chàng chỉ được thả vào cuối thời kỳ Khủng bố, khi Robespierre sụp đổ.

Lucile thường nhận thấy chàng có tài về chữ nghĩa nên đã thúc giục chàng viết văn. Trong những năm ở Anh này chàng bắt đầu một thiên anh hùng ca bằng văn xuôi, *Les Natchez*ⁱ (Những thổ dân Natchez), chàng trút vào 2.383 trang giấy của tập sách này những giấc mơ lãng mạn và sự lý tưởng hóa người thổ dân châu Mỹ của mình. Khao khát muốn nổi tiếng như một triết gia, năm 1797 chàng xuất bản ở London một *Essai historique, politique, et moral sur les révolutions anciennes et modernes* (Tiểu luận lịch sử, chính trị và đạo đức về các cuộc cách mạng trong thời cổ và hiện đại). Đây là thành tựu xuất sắc của một thanh niên 29 tuổi. Các cuộc cách mạng, Chateaubriand biện luận, là sự bộc phát mang tính chu kỳ luôn đi theo cùng một đường cong từ nổi loạn qua hỗn loạn đến độc tài. Do đó người Hy Lạp truất phế những ông vua của họ, thiết lập các nền cộng hòa, và rồi phục tùng Alexandros; người La Mã lật đổ vua của họ, dựng lên nền cộng hòa, và rồi quy phục trước các Caesar¹⁰⁴; ở đây, hai năm trước ngày 18 Brumaire, Chateaubriand đã báo trước [sự xuất hiện của] Napoléon: Lịch sử là một vòng tròn, hay một sự lặp lại được

i Natchez: Một bộ tộc thổ dân ở Bắc Mỹ, trước đây sinh sống ở vùng hạ lưu sông Mississippi gần thành phố Natchez ngày nay. Sau những cuộc chiến với nước Pháp vào đầu thế kỷ XVIII, bộ tộc Natchez bị đánh bại và bị phân tán; một số bị bán cho các xứ thuộc vùng Tây Ấn (West Indies) làm nô lệ, số khác tị nạn nơi các bộ lạc khác.

phóng lớn ra của cùng chiếc vòng tròn, với những vật tô điểm rườm rà khiến cho cái cũ trông như mới; cũng cái thiện đó và cũng cái ác đó tồn tại trong con người mặc cho những sự đảo lộn phi thường như thế. Lòng tin của thời Khai minh vào “tính có thể hoàn thiện không giới hạn của nhân loại” là một ảo tưởng trẻ con. Tuy nhiên (một kết luận làm phần lớn người đọc sửng sốt) thời Khai minh đã thành công trong việc ngấm ngấm làm suy yếu Thiên Chúa giáo; không có khả năng xảy ra việc tôn giáo của thời trẻ chúng ta lại phục hồi từ cái thế kỷ hòa bình về chính trị nhưng chiến tranh về tri thức. Vậy tôn giáo nào sẽ thay thế Thiên Chúa giáo? Có lẽ không có tôn giáo nào (con người hoài nghi trẻ tuổi kết luận). Rối loạn về chính trị và tri thức sẽ làm suy yếu văn minh Âu châu, và đưa nó về lại tình trạng dã man nơi phát xuất; các dân tộc hiện nay còn dã man sẽ vươn đến văn minh, trải qua những thời đại huy hoàng và cách mạng kế tiếp nhau, và đến lượt họ sẽ lại chìm sâu trong cảnh man rợ¹⁰⁵.

Cuốn sách khiến Chateaubriand nổi tiếng trong giới *émigré*, nhưng làm sửng sốt những ai cảm thấy giới quý tộc và tôn giáo phải đứng sát cánh bên nhau hoặc chết vì chia rẽ. Những lời phê bình này ghi dấu lên Chateaubriand, khiến cho những tác phẩm về sau phần lớn là lời biện giải cho cuốn sách này; nhưng giờ đây chàng lấy làm cảm động sâu sắc bởi lá thư đề ngày 1.7. 1798 do chị của chàng là Julie gửi từ Pháp sang:

Em ạ, chúng ta vừa mới mất người mẹ tốt nhất trên đời... Nếu em biết được những lỗi lầm của mình đã khiến cho người mẹ đáng kính của chúng ta phải đổ bao nhiêu là nước mắt, và chúng dường như đáng trách biết chừng nào đối với tất cả những ai thề tin theo không những lòng mộ đạo mà còn lý trí nữa – nếu em biết được lời thề này nó sẽ giúp em mở mắt ra, khiến em từ bỏ chuyện viết lách; và nếu Trời cao, cảm động vì những lời cầu nguyện của chúng ta, cho phép chúng ta được đoàn tụ, em sẽ tìm thấy ở giữa chúng ta mọi hạnh phúc mà chúng ta có thể hưởng trên đời.¹⁰⁶

Khi Chateaubriand nhận được lá thư này, nó kèm theo một lá thư khác báo tin chính người chị Julie này cũng đã mất. Trong lời tựa cuốn *Le Génie du christianisme*, chàng quy cho hai lá thư này là nguyên do của sự thay đổi hoàn toàn được trình bày trong cuốn sách sau đó: “Hai tiếng nói vọng từ đáy mồ, cái chết dùng để giải thích cho cái chết này, là một cú đấm người đối với tôi; tôi trở thành tín đồ Kitô... Tôi khóc, và tôi tin.”

Một sự thay đổi quá đột ngột và đầy kịch tính như vậy khiến người ta hoài nghi, nhưng nó có thể thành thật theo một nghĩa ít phạm tục hơn. Có lẽ đối với Chateaubriand, người xem triết gia không bao giờ khác gì so với thi sĩ, cái được gán cho một khoảnh khắc, như một cách nói, chính là cái quá trình theo đó chàng đã trải qua từ chỗ không tin tưởng đến chỗ nhìn thấy Thiên Chúa giáo đầu tiên là đẹp đẽ, rồi tốt về mặt đạo đức, rồi cuối cùng, dù có những khuyết điểm, nhưng vẫn xứng đáng nhận được tình cảm riêng tư và sự ủng hộ của công chúng. Chàng bị xúc động, trong những năm cuối cùng của cái thế kỷ đang hấp hối, bởi những lá thư của bạn chàng là Louis de Fontanes, mô tả sự phân rã về mặt tinh thần lúc ấy đang xói mòn nước Pháp, và nguyện vọng của dân chúng ngày càng muốn quay về với những ngôi nhà thờ và những vị linh mục của họ. Chẳng bao lâu nữa, theo nhận định của Fontanes, lòng khao khát này sẽ buộc người ta phục hồi sự tôn thờ Thiên Chúa giáo.

Chateaubriand quyết định làm người phát ngôn cho phong trào này. Chàng sẽ viết lời bảo vệ cho Thiên Chúa giáo không phải với thuật ngữ của khoa học và triết học mà là của đạo đức và nghệ thuật. Có hề chi nếu những câu chuyện hấp dẫn được kể cho chúng ta nghe lúc còn nhỏ là truyền thuyết chứ không phải là lịch sử; chúng làm cho ta ngập tràn xúc động và thích thú và truyền cảm hứng cho ta, và bằng cách nào đó đã hòa giải chúng ta với những Điều răn của người Do Thái mà trật tự xã hội của chúng ta, và qua đó nền văn minh Kitô,

đã được dựng lên. Liệu không phải là tội ác lớn nhất hay sao khi lấy mất của dân chúng những niềm tin vốn đã giúp họ kềm chế những sự thôi thúc phi xã hội và chịu đựng cảnh bất công, xấu xa, đau khổ, và sự bất hạnh của cái chết? Do đó trong tập *Mémoires* (Hồi ký) cuối cùng Chateaubriand đã thể hiện cả sự hoài nghi lẫn đức tin của mình: “Tinh thần tôi có khuynh hướng không tin tưởng vào thứ gì cả, thậm chí vào chính tôi, coi thường mọi thứ – cái lớn lao, những cảnh khổ, các dân tộc, và các ông vua; tuy nhiên nó bị thống trị bởi một bản năng của lý trí buộc phải phục tùng mọi cái đẹp hiển nhiên: tôn giáo, công lý, lòng nhân đạo, sự bình đẳng, tự do, và vinh quang”¹⁰⁷.

Đầu năm 1800, Fontanes mời Chateaubriand trở về Pháp. Fontanes là *persona grata* của vị Đế nhất Tổng tài, và sẽ quan tâm không để chàng thanh niên *émigré* bị hại. Napoléon cũng đã nghĩ đến việc phục hồi Thiên Chúa giáo; một cuốn sách hay về những đức hạnh của Thiên Chúa giáo có thể giúp ông đương đầu với những lời chế giễu không tránh khỏi của người Jacobin.

Ngày 16.5.1800, Chateaubriand gặp lại vợ và Lucile ở Paris. Fontanes giới thiệu chàng với một nhóm văn nghệ tụ họp tại nhà của vị Nữ Công tước ảo lả nhưng xinh đẹp Pauline de Beaumont, con gái Bá tước Armand-Marc de Montmorin, người từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao dưới triều Louis XVI, và rồi bị đưa lên máy chém. Không lâu sau nàng trở thành người tình của Chateaubriand. Chính trong ngôi dã thự của nàng, và dưới sự hồi thúc của nàng mà chàng đã hoàn thành cuốn *Le Génie*. Chàng không nghĩ thời cơ đã chín muồi để xuất bản toàn bộ một cuốn sách rất trái ngược với chủ nghĩa hoài nghi đang chiếm ưu thế trong giới trí thức, nhưng năm 1801, chàng cống hiến cho Paris một trích đoạn dài 100 trang trong cuốn này như một khúc đồng quê khiêm tốn về đức hạnh Thiên Chúa giáo và chuyện tình lãng mạn. Việc này khiến chàng lập tức trở thành đề tài của những câu chuyện

trong giới văn học Pháp, thần tượng của phụ nữ, và đưa con được yêu thích nhất của Giáo hội đang phục sinh.

Chàng đặt tên nó là *Atala, ou Les Amours de deux Sauvages dans le Desert* (Atala, hay Những mối tình của hai con người hoang dã trong sa mạc). Bối cảnh đầu tiên là tại Louisiana, nơi cư ngụ của các thổ dân Da đỏ thuộc bộ tộc Natchez; người kể chuyện là Chactas, vị tù trưởng già mù mắt. Ông kể lại hồi trẻ đã bị một bộ lạc thù địch bắt như thế nào, và bị kết án thiêu chết, nhưng được một cô gái Da đỏ tên Atala cứu thoát. Họ cùng nhau chạy trốn qua những đầm lầy và rừng rậm, vượt qua những dãy núi và dòng sông; họ yêu nhau do cảnh gần gũi và những nguy hiểm đã cùng nhau san sẻ. Chàng tìm cách ăn nằm với nàng, nhưng nàng từ chối, do đã nguyện với mẹ nàng lúc bà hấp hối là sẽ giữ trong trắng suốt đời. Họ gặp một nhà truyền giáo già, ông ta ủng hộ lòng hiếu thảo của nàng bằng cách nhạo báng tình yêu như cơn say, và hôn nhân như nghiệp chướng còn tệ hơn cái chết¹⁰⁸. Bị giằng xé (như lịch sử) giữa tôn giáo và tình dục, Atala giải quyết thể tiến thoái lưỡng nan của mình bằng cách uống thuốc độc. Chactas đau buồn, nhưng nhà truyền giáo giải thích rằng cái chết là sự giải thoát thiêng liêng khỏi cảnh thế tục:

“Mặc dù đã sống qua bao nhiêu năm tháng... tôi chưa bao giờ gặp một người nào không bị đánh lừa bởi những giấc mơ hạnh phúc, không có trái tim nào không che giấu một vết thương. Một tâm hồn bề ngoài bình thản nhất cũng giống như những cái giếng tự nhiên trong các thảo nguyên ở Florida: bề mặt của chúng trông thật êm đềm và tinh khiết, nhưng khi nhìn xuống dưới đáy... bạn nhận ra một con cá sấu khổng lồ, con vật được cái giếng nuôi sống bằng nước của nó”¹⁰⁹.

Đoạn Chateaubriand mô tả đám tang của Atala – vị linh mục và kẻ ngoại giáo cùng nối tay nhau lấp đất lên thi hài nàng – đã trở thành một đoạn văn nổi tiếng trong văn chương lãng mạn; nó cũng truyền cảm hứng cho một trong các bức tranh



Hình 46: *Đám tang Atala* (Girodet, 1808)

vĩ đại dưới thời Napoléon – *Les Funérailles d'Atala* (Đám tang Atala), tác phẩm đã giúp Girodet-Trioson khiến cho một nửa kinh thành Paris phải rơi nước mắt vào năm 1808. Nhưng truyền thống cổ điển tại nước Pháp vào năm 1801 đã quá mạnh nên không thể khiến mọi nhà phê bình đều hoan nghênh câu chuyện. Nhiều người trong bọn họ mỉm cười với những đoạn văn hoa mỹ, và thủ pháp xưa cũ sử dụng tình yêu, tôn giáo và cái chết để làm xúc động những con tim đã tan vỡ hay còn non trẻ, và việc bắt thiên nhiên phục vụ, trong những trạng thái khác nhau, như một phần đệm bắt buộc đối với những niềm vui hay nỗi thống khổ của con người. Nhưng những người khác ngợi khen – và vô số độc giả thích thú – những từ ngữ đơn giản và thứ âm nhạc tĩnh lặng của giọng văn; những âm thanh, hình dáng, và màu sắc của hệ động thực vật; những rặng núi, khu rừng và con suối vốn tạo nên hậu cảnh của câu chuyện. Nước Pháp đang ở trong tâm trạng sẵn sàng lắng nghe tiếng nói thuận lợi cho tôn giáo và sự trong trắng. Napoléon đang lập kế hoạch hòa giải với

Giáo hội. Đây dường như là thời điểm thuận lợi để xuất bản *Le Génie du christianisme*.

3. *Le Génie du christianisme* (*The Genius of Christianity* = Ưu tính của Thiên Chúa giáo)

Cuốn sách xuất hiện trong năm quyển vào ngày 14.4. 1802, cùng trong tuần lễ bản Giáo ước (Concordat) được ban hành. “Theo tất cả những gì tôi biết”, Jules Lemaître viết năm 1865, “*Le Génie du christianisme* là thành công vĩ đại nhất trong lịch sử văn chương Pháp”¹¹⁰. Fontanes chào mừng cuốn sách bằng một bài trên tờ *Moniteur* với những lời ngợi khen thân thiện tốt bậc. Lần xuất bản thứ nhì là vào năm 1803, được đề tặng cho Napoléon. Kể từ lúc ấy tác giả cảm thấy Bonaparte là con người duy nhất của thời đại mà mình cần vượt qua.

Chữ *génie* trong tựa đề không hoàn toàn có nghĩa là thiên tư (genius), mặc dù nó cũng có nghĩa ấy. Nó có nghĩa là tính cách đặc biệt, tinh thần sáng tạo cố hữu, của cái tôn giáo đã sản sinh và nuôi dưỡng nền văn minh châu Âu thời hậu cổ điển. Chateaubriand đề nghị xóa bỏ thời Khai minh của thế kỷ XVIII bằng cách cho thấy, trong Thiên Chúa giáo, sự dịu dàng thấu hiểu đối với những nhu cầu và nỗi đau buồn của con người, nguồn cảm hứng phong phú cho nghệ thuật, và những sự chống đỡ mạnh mẽ cho tính cách đạo đức và trật tự xã hội, rằng mọi câu hỏi như sự đáng tin của các giáo điều và truyền thống của Giáo hội trở nên hầu như không quan trọng. Câu hỏi thật sự phải là: Có phải Thiên Chúa giáo là nguồn hậu thuẫn vô hạn, không thể tách rời, và tuyệt đối cần thiết đối với nền văn minh Tây phương?

Người có tinh thần hợp luận lý hơn Chateaubriand có thể đã bắt đầu với một bức tranh về sự sa đọa của đạo đức, xã hội và chính trị của một nước Pháp Cách mạng khiến nó đã tự tách lìa khỏi Kitô Công giáo. Nhưng Chateaubriand là con người của cảm xúc và tình cảm, và có lẽ chàng đã đúng khi

cho rằng phần lớn nước Pháp, đàn ông cũng như đàn bà, giống chàng hơn là giống Voltaire và những *philosophe* (triết gia) khác vốn đã lao động miệt mài để “nghiên nát thứ bại hoại”ⁱ của một tôn giáo độc đoán. Chàng tự gọi mình là kẻ *anti-philosophe* (phản triết gia); chàng đưa phản ứng chống lại chủ nghĩa duy lý đi xa hơn Rousseau, và chàng trách Phu nhân de Staël vì đã bảo vệ thời Khai minh. Do đó chàng khởi đầu với lời kêu gọi quay về với cảm xúc, và để cho lý trí đứng vào hàng ngũ sau khi cảm xúc đã dẫn đường.

Mở đầu chàng tuyến bố đức tin của mình vào sự huyền bí cốt yếu của học thuyết Công giáo, Tam vị nhất thể: Chúa trời như người Cha sáng tạo, Chúa trời như người Con cứu chuộc, Chúa trời như Thánh thần soi sáng và thánh hóa. Ở đây chúng ta không cần lo lắng về sự khả tín; điều quan trọng là không có đức tin vào một Chúa trời sáng suốt, đời sống trở thành một cuộc đấu tranh tàn nhẫn, tội lỗi và thất bại trở nên không thể tha thứ, hôn nhân trở thành sự kết hợp mong manh và bấp bênh, tuổi già là sự phân huỷ ảm đạm, cái chết là sự đau đớn ghê gớm nhưng không thể tránh khỏi. Các phép bí tích của Giáo hội – rửa tội, xưng tội, Lễ ban Thánh thể, thêm sức (confirmation), hôn phối, xức dầu thánh, truyền chức thánh – đã thay đổi các chương sách trong sự phát triển đau đớn và sự suy tàn nhục nhã của chúng ta thành những giai đoạn thăng tiến của sự phát triển tinh thần, mỗi phép lại được làm sâu sắc thêm bởi sự dịu dàng của tu sĩ và nghi lễ long trọng, và củng cố cho cá nhân vô cùng nhỏ bé bằng tư cách thành viên của một cộng đồng hùng mạnh và tin tưởng của các tín đồ trong lòng Chúa Giê-su đáng mến và cứu chuộc, một Đức Mẹ vô nhiễm làm trung gian hòa giải, và một Chúa Trời thông tuệ, toàn năng, cảnh giác, có thiên tính trường

i “Nghiên nát thứ bại hoại” (*écrasez l'infâme*): Lời Voltaire ký ở cuối những bức thư gửi cho bạn là Damiaville (1723–1768), viết tắt là *Ecr. L'inf.* vào lúc xảy ra vụ án Jean Calas. *L'infâme* ở đây được Voltaire dùng để chỉ thái độ bất khoan dung của Giáo hội Công giáo thời bấy giờ.

phạt, tha thứ, và ban thưởng. Với đức tin ấy, con người được cứu chuộc khỏi lời nguyền độc ác nhất – trở nên vô nghĩa trong một thế giới vô nghĩa.

Chateaubriand tiếp tục nêu lên sự tương phản giữa các đức hạnh được các triết gia ngoại giáo khuyến khích với những điều Thiên Chúa giáo rao giảng: một bên là sự chịu đựng ngoan cường, sự điều độ, và thận trọng – tất cả hướng đến sự thăng tiến của cá nhân; bên kia là niềm tin, hy vọng, và lòng nhân đức – một tín ngưỡng giúp đời sống trở nên cao thượng, củng cố mối quan hệ trong xã hội, và biến cái chết thành sự phục sinh. Chàng so sánh quan điểm lịch sử của triết gia như cuộc đấu tranh và thất bại của các cá nhân và đoàn thể với quan điểm Thiên Chúa giáo về lịch sử như là sự cố gắng của con người nhằm vượt qua tội nguyên thủy để đến với bản chất của mình và đạt được một *caritas*ⁱ rộng mở. Tin tưởng rằng các khoảng trời kia biểu thị vinh quang của Thượng đế tốt hơn là nói rằng chúng là những sự tích tụ ngẫu nhiên của đá và bụi, kiên trì nhưng vô nghĩa, đẹp đẽ nhưng câm nín. Và làm thế nào chúng ta có thể thưởng ngoạn vẻ đáng yêu của phần lớn chim chóc và nhiều con thú mà không cảm thấy có một bậc thần thánh nào đó đang ẩn náu trong sự phát triển sôi nổi và đáng vẻ đẹp mê hồn của chúng?

Về đạo đức, vấn đề dường như quá hiển nhiên đối với Chateaubriand: Bộ luật đạo đức của chúng ta phải được Thượng đế thừa nhận, hay nó sẽ thất bại vì đi ngược bản chất của con người. Không có bộ luật nào tự nhận là xuất xứ từ con người lại có đủ thẩm quyền để kiểm soát các bản năng phi xã hội của con người; mối lo sợ Thượng đế là khởi đầu của văn minh, và tình yêu Thượng đế là mục đích của đạo đức. Ngoài ra, lòng lo sợ và yêu thương ấy phải được truyền lại, từ thế hệ này đến thế hệ khác, bởi các bậc cha mẹ, các nhà giáo dục, và các tu sĩ. Cha mẹ mà không có Thượng đế để

i *Caritas* (Latin): Lòng nhân đức.

truyền lại, tu sĩ mà không có hậu thuẫn của tín ngưỡng tôn giáo và bộ áo thầy tu, sẽ nhìn thấy óc sáng tạo bất tận của lòng ích kỷ, đam mê, và tham lam mạnh hơn những lời nói tầm thường của họ. Sau cùng, “không có đạo đức nếu không có kiếp sau”¹¹¹; phải có một kiếp sống khác để bù lại những gánh nặng của đức hạnh trên đời này.

Nền văn minh châu Âu (Chateaubriand lập luận) hầu như hoàn toàn nhờ vào Giáo hội Công giáo trong việc hậu thuẫn cho gia đình và trường học, rao giảng những đức hạnh Kitô, ngăn ngừa và tẩy sạch những mưu đồ và sự mê tín của dân chúng, trong những quá trình hòa giải của buồng xưng tội, và trong việc truyền cảm hứng và khuyến khích đối với văn chương và nghệ thuật. Thời Trung cổ đã khôn ngoan bỏ rơi việc theo đuổi sự thật mà không được hướng dẫn để tìm đến sự sáng tạo ra cái đẹp, và, với những thánh đường Gothic, họ đã sản sinh ra một nền kiến trúc vượt qua cả đền Parthenonas. Nền văn chương ngoại giáo có nhiều tác phẩm ưu tú đối với trí tuệ, nhiều cạm bẫy đối với luân lý. Kinh Thánh vĩ đại hơn Homēros, các nhà tiên tri truyền nhiều cảm hứng hơn các triết gia; và tác phẩm hư cấu nào có thể so sánh, về lòng nhân hậu và ảnh hưởng, với cuộc đời và những lời giảng của đấng Kitô?

Hẳn nhiên là một cuốn sách như cuốn *Génie* chỉ có thể hấp dẫn đối với những ai, sau khi trải qua những sự thái quá của Cách mạng hoặc thử thách của cuộc sống, sẵn sàng tin tưởng một cách đầy xúc động. Do đó triết gia Joubert, bạn của Chateaubriand, nói ông tìm thấy trong Công giáo một nơi trú ẩn khỏi thế giới cách mạng quá kinh hãi không thể chịu đựng được¹¹². Những độc giả như thế có lẽ đã mỉm cười trước mục đích luận ấu trĩ vốn dạy rằng “tiếng chim hót cốt để dành cho lỗ tai của chúng ta... Mặc dù sự hung ác của chúng ta [đối với chúng] chúng không thể không làm chúng ta vui thích, cứ như chúng buộc phải thi hành những chỉ thị của Thượng đế”¹¹³. Nhưng các độc giả này bị lôi cuốn bởi giọng văn thanh nhã và

du dương khiến họ bỏ qua việc sử dụng Ba nữ thần yêu kiềuⁱ để giải thích Tam vị Nhất thể, hay mối lo sợ như của Malthusⁱⁱ về nạn nhân mãn để bảo vệ chính sách độc thân của giáo sĩ. Nếu những lý lẽ có lúc yếu ớt thì sự quyến rũ lại mạnh mẽ; thậm chí thiên nhiên cũng lấy làm vui lòng nếu, sau một trận động đất, lũ lụt hay cuồng phong nào đó, đã nghe thấy Chateaubriand đọc lời kinh cầu nguyện cho vẻ đáng yêu của mình.

Chàng có thật sự tin tưởng không? Từ năm 1801 cho đến cuối đời, chúng ta được biếtⁱⁱⁱ, chàng đã lơ là “bốn phận đối với Lễ Phục sinh” trong việc xưng tội và dự Lễ ban Thánh thể – yêu cầu tối thiểu của Giáo hội đối với những con chiên của mình. Sismondi kể lại một cuộc nói chuyện với chàng vào năm 1813:

Chateaubriand quan sát sự suy tàn chung của các tôn giáo ở châu Âu cũng như châu Á, và so sánh các triệu chứng tan rã này với các dấu hiệu của học thuyết đa thần trong thời của Julienⁱⁱⁱ... Từ đây ông kết luận rằng các quốc gia châu Âu sẽ biến mất cùng các tôn giáo của họ. Tôi sửng sò khi thấy ông ta có tinh thần tự do đến vậy... Chateaubriand nói về tôn giáo;... ông tin nó [tôn giáo] cần thiết để duy trì nhà nước; ông nghĩ ông và những người khác bị buộc phải tin^{iv}.

Chúng ta không lấy làm ngạc nhiên là, khi mang theo bên mình gánh nặng của mối hoài nghi âm thầm trong suốt 60 năm, ông không bao giờ phục hồi khỏi thái độ bi quan lúc còn

i “Ba nữ thần yêu kiều” (Anh ngữ: Three Graces; Hy Lạp: Χάριτες/Charites, nguyên thể: Χάρις/Charis): Danh sách thường thấy là các nữ thần Aglaia, Euphrosynē, và Thalia.

ii Thomas Robert Malthus (1766–1834): Kinh tế gia người Anh, người đưa ra lý thuyết về dân số trong tác phẩm *An Essay on the Principle of Population* (1798; Luận về nguyên lý dân số).

iii Julien (Latin: Flavius Claudius Iulianus Augustus; 331/332–363): Hoàng đế La Mã từ năm 361 đến năm 363, nổi tiếng là một học giả và nhà lãnh đạo quân sự. Là kẻ thù dai dẳng của Kitô giáo, năm 361 ông công khai tuyên bố cải đạo và do đó có biệt danh là “Kẻ bội giáo”.

trẻ mà ông mô tả trong *René*. Về già ông bảo: “Lẽ ra tôi đừng nên sinh ra.”¹¹⁶

4. *René*

Le Génie du christianisme là một biểu thị quan trọng của phong trào Lãng mạn trong lĩnh vực tôn giáo: nó cho thấy sự quay lại của đức tin và hy vọng, nếu không phải là lòng nhân đức; nó đề cao thi ca và nghệ thuật thời Trung cổ, và kích thích sự hồi sinh của kiến trúc Gothic ở Pháp. Trong năm tập sách của mình nó đầu tiên không chỉ bao gồm *Atala* mà, đến năm 1805, còn có cả *René*. Bài tụng ca chủ nghĩa bi quan dài 40 trang này phản ánh sự chán nản của những người *émigré*, và cơn mê đắm thời trẻ của Chateaubriand đối với những người chị của mình. Nó trở thành suối nguồn và chuẩn mực của cả ngàn tiếng than vãn du dương trong cơn tuyệt vọng.

René là một chàng quý tộc trẻ người Pháp đã chạy trốn khỏi nước Pháp và gia nhập vào bộ lạc Da đỏ Natchez với hy vọng quên đi một chuyện tình loạn luân. Chactas, cha nuôi của chàng, sau khi đã kể cho chàng nghe câu chuyện của *Atala*, thuyết phục chàng hãy kể câu chuyện của chính mình. “Nhút nhát và ngượng nghịu trước cha mình, tôi chỉ cảm thấy thoải mái và hài lòng với người chị Amélie.” Khi nhận ra tình yêu của mình đối với chị đi gần đến chỗ loạn luân, chàng tìm sự giải thoát bằng cách sống buông thả trong đám đông Paris – “nơi hoang dã bao la của đàn ông”; hay ngồi hàng giờ trong một ngôi nhà thờ vắng vẻ, cầu xin Chúa giải thoát chàng khỏi tội lỗi của mối tình của mình hay khỏi cơn ác mộng của cuộc đời. Chàng đi tìm cảnh cô đơn giữa những núi non và cánh đồng, nhưng không nơi nào chàng có thể xua đuổi khỏi ý nghĩ của mình hình bóng dịu dàng và yêu kiều của Amélie. Bị day dứt bởi ý nghĩ quay về gặp chị và thổ lộ tình yêu, chàng quyết định tự tử trong tâm trạng xấu hổ. Amélie đoán được quyết định này khi biết chàng đang lập di chúc.

Nàng vội đến Paris, tìm thấy chàng, ôm hôn điên cuồng, và “hôn lấy hôn để vàng trán của tôi”. Sau đó là ba tháng trong cảnh tình bạn và trong niềm hạnh phúc được kèm chế. Rồi, kiệt sức vì ăn năn, nàng bỏ trốn vào một tu viện, để lại cho chàng lời an ủi cùng toàn bộ tài sản của mình. Chàng đi tìm nàng và xin phép được nói chuyện; nàng từ chối gặp. Khi nàng sắp phát nguyện, chàng tìm cách vào nhà nguyện, quỳ bên cạnh nàng, nghe nàng, đang phủ phục trước bàn thờ, cầu xin, “Chúa lòng lành, xin cho con không bao giờ đứng dậy từ đây biến tối tăm này, và xin ban ân phước cho người em của con vốn chưa bao giờ chia sẻ niềm đam mê tội lỗi của con”. Họ không bao giờ gặp lại nhau. Chàng lại nghĩ đến chuyện tự tử, nhưng quyết định mang lấy nỗi đau lớn hơn của cuộc sống. “Tôi tìm thấy” (và đoạn văn này đã trở thành một *locus classicus*ⁱ của nỗi đau buồn lãng mạn) “một thứ thoả mãn trong nỗi đau khổ của mình. Tôi khám phá, với một mối xúc động vui mừng bí mật, rằng, không như niềm lạc thú, nỗi buồn phiền không phải là một cảm xúc tự nó tan biến dần... Nỗi sầu bắt đầu ngự trị tràn ngập mọi khoảnh khắc của tôi; tim tôi hoàn toàn chìm trong nỗi buồn và niềm đau”¹¹⁷. Phát ốm vì văn minh, chàng quyết định ẩn mình ở Mỹ và sống cuộc đời giả dối của một bộ lạc thổ dân da đỏ. Một nhà truyền giáo trách chàng vì cái tâm tính tự đặt mình làm trung tâm, khuyên chàng trở về Pháp và tẩy rửa chính mình bằng những hoạt động phục vụ nhân loại. Tuy nhiên, “René chết sau đó, cùng với Chactas... trong cuộc tàn sát của người Pháp và các thổ dân Da đỏ Natchez ở Louisiana”.

Đây là một câu chuyện được kể rất tài tình, ngoại trừ chuyện các sự kiện khó xảy ra trong thực tế và tình cảm được cường điệu quá mức. Nhưng tình cảm đã bị bỏ đói cả thập kỷ; nỗi u sầu đã trở nên nguy hiểm và quá sâu thẳm để có

i *Locus classicus* (Latin): Đoạn văn trích từ một tác phẩm kinh điển hoặc có thẩm quyền, thường được trích dẫn để minh họa hoặc giải thích một đề tài hoặc một từ.

thể rơi lệ; giờ đây, khi Cách mạng đã chấm dứt và an ninh đã được phục hồi, tình cảm được tự do, những dòng nước mắt có thể chảy. Nỗi sầu của René, khi vọng lại từ Werther xuyên qua một thế hệ, đã trở thành một tư thế của René de Chateaubriand, đã được phản ánh trong tác phẩm *Obermann* của Sémancour vào năm 1804, và được tiếp tục với trường thi *Childe Harold's Pilgrimage* (năm 1813; Cuộc hành hương của Childe Harold); Chateaubriand trách Byron không chịu thừa nhận món nợ đối với mình¹¹⁸. Tập sách nhỏ đã đầu đọc cả một thế hệ bằng cái *mal de siècle* – “căn bệnh của thời đại” mang tính đặc thù; nó trở thành gương mẫu cho cả ngàn, có lẽ cả trăm ngàn, câu chuyện u sầu (*roman*); nhân vật chính của nó được gọi là “người kể chuyện”, một *romancier*; có lẽ phong trào Lãng mạn (Romantic) có được tên gọi bắt nguồn từ đó. Giờ đây cuốn sách sẽ thống trị nền văn chương và nghệ thuật Pháp trong suốt nửa thế kỷ.

5. Chateaubriand và Napoléon

Le Génie du christianisme, Napoléon nói, “là một tác phẩm vàng thau lẫn lộn, nhưng phần vàng nhiều hơn... Mọi điều vĩ đại và mang tính cách dân tộc đều phải cảm tạ thiên tài của Chateaubriand”¹¹⁹. Về phần mình ông chào mừng cuốn sách như một sự hòa hợp (*concordant*) đáng hoan nghênh với bản Giáo ước (*Concordat*).ⁱ Ông sắp xếp một buổi gặp mặt với tác giả, công nhận chàng như một tài sản đáng giá, và bổ nhiệm chàng (năm 1803) làm Bí thư thứ nhất của Đại sứ quán Pháp ở Roma. Tác giả ghi lại buổi gặp gỡ với vẻ khiêm tốn và kiêu hãnh: “Ông ta không lấy làm quan trọng việc tôi không có chút kinh nghiệm về công việc, hay việc tôi hoàn toàn xa lạ với thực tế của nghề ngoại giao; ông ta tin rằng có một số trí tuệ có khả năng hiểu biết, và không cần phải học việc”¹²⁰. Chẳng bao lâu sau người tình của chàng cũng theo

i Tác giả chơi chữ: Cuốn sách là một sự *concordant* với bản *Concordat*.

sang Roma; tuy nhiên, nàng đã chết ở Roma (ngày 5 tháng Mười một), với Chateaubriand ở bên cạnh, và sau khi khuyên chàng hãy quay về với vợ.

Chẳng bao lâu sau chàng trở thành *persona grata* của Giáo hoàng, và là kẻ *ingrata*ⁱ của vị đại sứ, Hồng y Fesch, là cậu của Napoléon, người than phiền rằng nhà văn sĩ xuất chúng đang muốn nắm quyền đại sứ. Vị Hồng y không phải là người cho phép chuyện này; ông yêu cầu được rảnh nợ khỏi người trợ lý; Napoléon triệu hồi và bổ dụng vị Tử tước làm Đại biện lâm thời tại Valais, một nước cộng hòa nhỏ thuộc Thụy Sĩ. Chateaubriand đi Paris để xem xét; nhưng khi nghe tin hành quyết Công tước d'Enghien chàng gửi thư cho Napoléon xin từ chối phục vụ trong ngành ngoại giao.

Bằng cách dám rời bỏ Bonaparte, tôi đã đặt mình ngang hàng với ông ta, và ông ta quay sang chống lại tôi với tất cả sức mạnh của sự phản bội, cũng như tôi quay sang chống lại ông ta với tất cả sức mạnh của lòng trung thành... Đôi khi tôi bị lôi kéo về phía ông ta bởi lòng ngưỡng mộ ông ta gọi lên nơi tôi, và bởi ý tưởng rằng tôi đang chứng kiến một sự thay đổi xã hội chứ không chỉ là một sự thay đổi triều đại; nhưng bản chất của mỗi người chúng tôi, vốn có ác cảm với nhau về nhiều phương diện, luôn chiếm ưu thế; và nếu như ông ta lấy làm vui khi ra lệnh bắn tôi, thì tôi cũng không cảm thấy ân hận gì nhiều khi giết ông ta¹²¹.

Chàng không gặp mỗi nguy hại trực tiếp nào. Chàng xao lãng chính trị do bệnh tình của vợ (mà chàng vẫn yêu giữa bao mối quan hệ với những người đàn bà khác) và cái chết của chị Lucile của chàng (năm 1804). Trong khi ấy chàng có một người tình mới là Delphine de Custine. Năm 1806 chàng tìm cách thay thế cô này bằng Natalie de Noailles, nhưng Natalie cho biết chỉ đáp lại tình yêu của chàng với điều kiện

i *Ingrata* (tiếng Ý): Kẻ vô ơn, bạc nghĩa.

chàng thực hiện một chuyến du hành đến vùng đất thánh ở Palestine¹²². Để vợ lại Venezia, chàng đi tiếp đến Kerkyra, Athēna, Smyrna, Kōstantīnīye, và Yerushalayim; chàng đi về qua ngã Eskendria, Carthage, và Tây Ban Nha, và về đến Paris vào tháng Sáu năm 1807. Qua chuyến đi vất vả này chàng đã chứng tỏ lòng can đảm và sức chịu đựng của mình, và trên đường đi đã kiên trì thu thập tài liệu và bối cảnh cho hai cuốn sách sẽ củng cố thêm tên tuổi của chàng: *Les Martyrs de Dioclétien* (năm 1809; Những kẻ tuần đạo của Dioclétien), và *Itinéraire de Paris à Jérusalem* (năm 1811; Hành trình từ Paris đến Jérusalem). Trong lúc chuẩn bị các cuốn sách này, chàng tiếp tục mối hận thù với Napoléon (lúc ấy đang thương thuyết hòa bình ở Tilsit) bằng một bài viết trên tờ *Mercure de France* ngày 4.7.1807. Bài báo bề ngoài nói về Nerō và Tacitus, nhưng cũng dễ dàng áp dụng cho Napoléon và Chateaubriand.

Khi, trong nỗi im lặng của tình trạng khổ não, không dấu hiệu nào có thể nghe được ngoại trừ âm thanh những xiềng xích của kẻ nô lệ và tiếng nói của tên chỉ điểm, khi tất cả đều run rẩy trước tên bạo chúa, và việc nhận được ân sủng của hắn ta cũng nguy hiểm như việc khiến hắn ta bực mình, vị sử gia xuất hiện, được dân tộc giao phó cho việc báo thù. Néron thành công một cách vô ích, vì Tacite được hình thành trong lòng Đế quốc rồi; ông lớn lên mà không ai hay biết bên đồng tro tàn của Germanicus, và một Đấng Thiên hựu công minh đã trao vinh quang của kẻ làm bá chủ thế giới vào tay của một đứa bé sống trong cảnh tăm tối. Nếu vai trò của sử gia vinh quang, thì nó cũng thường đi kèm với cảnh nguy hiểm; nhưng có những bàn thờ như bàn thờ danh dự, mặc dù vắng vẻ, nhưng cũng đòi hỏi những sự hy sinh thêm nữa.

... Bất cứ nơi nào có một cơ hội cho số phận thì không có gì là anh hùng khi thử thách; những hành động hào hiệp là những hành động mà kết quả có thể đoán trước được là nỗi bất hạnh và cái chết. Xét cho cùng, những nỗi bất hạnh nào có nghĩa gì

nếu tên tuổi của chúng ta, khi được hậu thế nhắc đến, hai ngàn năm sau khi chúng ta đã sống, cũng khiến cho dù chỉ một con tim quảng đại đập lên rộn ràng?¹²³

Trên đường từ Tilsit về, Napoléon ra lệnh cho chàng Tacitus mới rời khỏi Paris. Tờ *Mercure* được cảnh báo từ nay không được đăng bài nào của chàng; Chateaubriand trở thành người bảo vệ nhiệt tình cho tự do báo chí. Chàng lui về một cơ ngơi đã mua ở trong Vallée du Loup (Thung lũng chó sói) tại Chatenay, và dành trọn công sức để chuẩn bị cho việc xuất bản cuốn *Les Martyrs*. Chàng xóa bỏ trong bản thảo những đoạn có thể bị cho là xúc phạm Napoléon. Vào năm ấy (năm 1809) anh của chàng là Armand bị bắt vì tội chuyển thư từ của những ông hoàng *émigré* Bourbon cho các đặc vụ của họ ở trong nước Pháp. René viết thư gửi Napoléon xin ân xá cho Armand; Napoléon thấy bức thư quá kiêu ngạo, và quăng nó vào lò sưởi. Armand bị xét xử và bị tuyên bố là có tội, và bị bắn ngày 31 tháng Ba. René đến sau lúc hành hình một lát. Chàng không bao giờ quên được cảnh tượng: Armand nằm chết, khuôn mặt và sọ bị vỡ vì những đầu đạn, “một con chó của tên đồ tể liếm lấy máu và óc của anh ấy”¹²⁴. Đó là ngày thứ sáu tuần thánh, năm 1809.

Chateaubriand vui chôn nỗi buồn trong thung lũng cô đơn của mình và trong việc chuẩn bị cho cuốn *Mémoires d'outre-tombe* (Hồi ký từ đáy mồ). Chàng bắt đầu tập hồi ký này vào năm 1811; chàng làm việc không liên tục, như một thứ thuốc an thần đối với việc du hành, những mối quan hệ, và chính trị. Chàng viết trang cuối của tập hồi ký năm 1841, và cấm xuất bản nó cho đến khi chàng mất; do đó chàng gọi nó là Hồi ký từ đáy mồ. Tác phẩm can đảm trong tư tưởng, trẻ con trong tình cảm, và sáng chói trong lời văn. Chẳng hạn, đây là cuộc diễu hành của những người được Napoléon bổ nhiệm đang hấp tấp tuyên thệ vĩnh viễn trung thành với Louis XVIII sau khi Napoléon sụp đổ: “Tất xấu bước vào, tựa lên cánh tay

của tội ác [*le vice appuie sur le bras du crime*] – Monsieur de Talleyrand bước vào, được Monsieur Fouché nâng đỡ”¹²⁵. Trong những trang giấy nhàn nhã này là những đoạn văn mô tả thiên nhiên có thể sánh với những đoạn trong *Atala* và *René*; và những đoạn đầy màu sắc như cảnh đốt cháy Moscow¹²⁶. Đây rấy những trang tình cảm:

Trái đất là một người mẹ quyến rũ; chúng ta sinh ra từ dạ con của người; vào lúc ta còn thơ ấu người ôm chúng ta trong bầu ngực căng đầy sữa và mật; lúc ta trẻ và trưởng thành người rộng rãi ban cho ta những dòng nước mát, những mùa gặt và cây trái của người;... khi chúng ta chết, người lại dang tay đón nhận chúng ta vào lòng, và phủ một tấm khăn đầy cỏ và hoa lên thi hài chúng ta đồng thời bí mật biến chúng ta thành dưỡng chất của chính người, để được tái sinh trong một hình dạng mới mẻ và duyên dáng¹²⁷.

Và thỉnh thoảng loé lên một tia chớp triết lý, thường là ảm đạm: “Lịch sử chỉ là sự lặp lại của cùng những sự kiện ứng nghiệm với những con người và thời đại khác nhau”¹²⁸. Tập hồi ký *Mémoires d'outre-tombe* này là cuốn sách sống lâu nhất của Chateaubriand.

Ông vẫn sống yên ổn trong cảnh điền viên cho đến năm 1814, khi thắng lợi của các đạo quân Đồng minh đưa ông ra miền biên giới nước Pháp. Liệu cuộc tiến quân của họ có làm nhân dân Pháp anh dũng nổi dậy chống lại như năm 1792? Vào ngày kỷ niệm lần thứ năm cuộc hành quyết Armand, Chateaubriand công bố một tập sách mỏng với lời lẽ mạnh mẽ, *De Buonaparte et des Bourbons* (Về Buonaparte và dòng họ Bourbon), được phân phối trên khắp nước Pháp trong khi Napoléon thoái lui, lo cứu lấy mạng sống. Tác giả bảo đảm với dân tộc mình rằng “chính Thượng đế công khai dẫn đầu các đạo quân [Đồng minh], và chủ tọa Hội đồng các vị Vua”¹²⁹. Ông duyệt xét lại những tội của Napoléon – việc hành hình Enghien và Cadoudal, việc “tra tấn và ám sát Pichegru”,

việc giam cầm Giáo hoàng...; những việc này đã “cho thấy trong Buonaparte” (đánh vần theo kiểu Ý) “một bản chất xa lạ với nước Pháp”¹³⁰; những tội ác của ông ta không được đổ cho nhân dân Pháp. Nhiều nhà cai trị đã bãi bỏ tự do báo chí và phát biểu, nhưng Napoléon đã đi xa hơn, và đã ra lệnh cho báo chí ngợi ca mình mà không cần đếm xỉa đến sự thật. Những sự ngợi ca ông ta như một nhà cai trị thì không xứng đáng; ông ta đã chỉ giảm nhẹ chế độ phong kiến xuống thành một khoa học, biến việc thu thuế thành việc tịch thu, và lệnh tòng quân thành hành động tàn sát. Chỉ riêng trong chiến dịch nước Nga cũng đã có 243.610 người chết sau khi trải qua biết bao gian khổ, trong khi lãnh đạo của họ, được che chắn kỹ lưỡng và ăn uống thỏa thuê, đã bỏ đạo quân của mình để chạy trốn về Paris¹³¹. Phải so sánh mới thấy Louis XVI cao thượng và nhân đạo biết bao! Cũng như Napoléon từng hỏi Hội đồng Chấp chính vào năm 1799, “Các người đã làm gì với nước Pháp mà ta đã để lại cho các người trong vẻ huy hoàng chói lọi khi ta ra đi?”, giờ đây toàn thể nhân loại sẽ:

Buộc tội ông, kêu gọi báo thù nhân danh tôn giáo, đạo đức, tự do. Có nơi nào mà ông không gieo rắc cảnh tan hoang? Có xó xỉnh nào trên đời này mà một gia đình vô danh tăm tối có thể tìm đến để trốn thoát những hành động tàn phá của ông? Tây Ban Nha, Ý, Áo, Đức, Nga đòi mạng những đứa con ông đã tàn sát, những túp lều, chòi gỗ, lâu đài, đền miếu mà ông đã thiêu huỷ... Tiếng nói của thế giới cáo buộc ông là tên tội phạm lớn nhất từng xuất hiện trên trái đất,... ông là kẻ đang ở trung tâm của nền văn minh, trong một thời đại khai minh, lại muốn thống trị thế giới bằng thanh gươm của Attila và những cách ngôn của Néron. Giờ đây hãy giao nộp cây gậy sắt của ông, hãy bước xuống từ đồng đồ nát mà ông đã dùng để dựng lên ngai vàng! Chúng tôi đuổi ông cũng như ông đã đuổi Hội đồng Chấp chính. Hãy đi đi, nếu có thể, đi làm chứng nhân cho niềm vui mà sự sụp đổ của ông mang lại cho nước Pháp, và trong khi nhỏ những giọt nước mắt thịnh nộ, hãy suy ngẫm cảnh quan hạnh phúc của dân chúng, như sự trừng phạt duy nhất đối với ông.

Giờ đây làm sao thay thế ông ta? Bằng vị Vua vốn đã được phong thánh từ lúc chào đời, một nhà quý tộc từ trong tính cách – Louis XVIII, “một ông hoàng nổi tiếng vì sự sáng suốt, thoát được mọi định kiến, cự tuyệt chuyện báo thù”. Ông ta đến, mang trong tay mình lời cam kết tha thứ cho mọi kẻ thù. “Thật ngọt ngào biết bao khi, sau biết bao xáo động và bất hạnh, được nghỉ ngơi dưới uy quyền phụ tử của vị chúa tể hợp pháp của chúng ta!... Hỡi những người dân Pháp, những người bạn, những người đồng hành trong nỗi bất hạnh, chúng ta hãy quên đi những tranh cãi, hận thù, lầm lỗi, để cứu lấy Tổ quốc; chúng ta hãy ôm chặt nhau trên cảnh hoang tàn của đất nước thân yêu, và kêu gọi sự cứu giúp của người thừa kế Henri IV và Louis XIV... *Vive le roi* (đức vua vạn tuế)!”¹³². Liệu có gì đáng ngạc nhiên khi về sau Louis XVIII bảo rằng 50 trang giấy này đối với ông đáng giá 100.000 người lính?¹³³.

Chúng ta hãy tạm chia tay với Chateaubriand ở đây. Ông ấy chưa xong đâu; ông hãy còn sống 34 năm nữa. Ông sẽ đóng một vai trò tích cực trong nền chính trị thời Trung hưng, sẽ còn thu gom thêm nhiều người tình nữa, và kết cuộc ở trong vòng tay của Phu nhân Récamier, vốn từ một mỹ nhân chuyển dần sang người có lòng từ tâm. Càng lúc ông càng dành nhiều thì giờ cho tập hồi ký; và giờ đây khi kẻ thù của ông đã bị giam hãm trên một hòn đảo xa xôi, bản thân nó cũng bị biển cả vây quanh, ông có thể viết về ông ta – như đã làm trong 456 trang giấy – với một tâm trạng hòa nhã hơn nhờ thời gian và chiến thắng. Ông sống đến năm 1848, sau khi đã chứng kiến ba cuộc Cách mạng Phápⁱ.

i Ba cuộc Cách mạng Pháp: Gồm Cách mạng năm 1789 hay Đại Cách mạng hay Cách mạng Pháp, lật đổ chế độ phong kiến cùng Vua Louis XVI và dựng lên nền Đế nhất Cộng hòa; Cách mạng năm 1830 hay Cách mạng tháng Bảy lật đổ Vua Charles X và đưa Công tước Orléans, thuộc nhánh thứ của dòng họ Bourbon, lên ngôi vua tức Louis-Philippe I; và Cách mạng năm 1848 hay Cách mạng tháng Hai, lật đổ Vua Louis-Philippe I và lập nên nền Đế nhị Cộng hòa.

Chương 8

Khoa học và triết học thời Napoléon

I. Toán học và vật lý

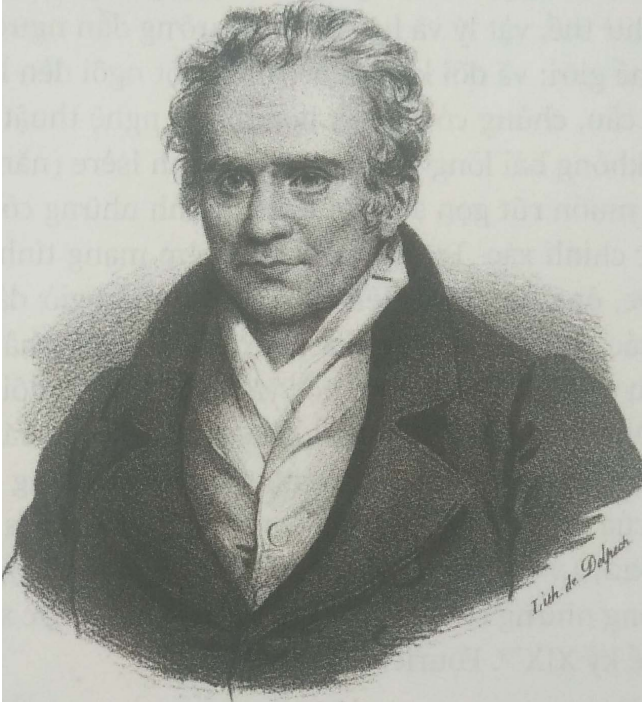
Về khoa học, thời của Napoléon là một trong những thời đại phát triển nhất trong lịch sử. Chính ông là nhà cai trị đầu tiên của thời hiện đại có được một nền giáo dục khoa học; và có lẽ ngay cả [người học trò] Alexandros của Aristotelēs cũng không có được một nền tảng hoàn bị như vậy. Các tu sĩ dòng Thánh Francesco xứ Assisi, thầy dạy của ông ở học viện quân sự Brienne, biết rằng khoa học có ích hơn thần học trong việc chiến thắng những cuộc chiến; họ truyền cho chàng thanh niên Corsica tất cả các môn toán học, vật lý, hóa học, địa chất, và địa lý mà họ biết. Khi lên nắm quyền, ông phục hồi thông lệ của Louis XVI trong việc ban những phần thưởng hậu hĩ cho các thành tựu văn hóa, và ông cho thấy quá trình đào tạo của mình khi tặng phần lớn các giải thưởng cho các nhà khoa học. Cũng noi theo tiền lệ, ông trao tặng các giải thưởng cho người nước ngoài; do đó, năm 1801, ông và Pháp quốc Học viện mời Alessandro Volta đến Paris và chứng minh các lý thuyết về dòng điện. Volta đến. Napoléon tham gia ba trong số các buổi thuyết trình của ông ta, và đề nghị ban thưởng một huy chương vàng cho nhà vật lý người Ý¹. Năm 1808, giải thưởng cho các khám phá về hóa-điện được trao cho Humphry Davy; ông này đến Paris để nhận giải thưởng, mặc dù đang có chiến tranh giữa Pháp và Anh². Một cách định kỳ, Napoléon mời các nhà khoa học thuộc Pháp quốc Học viện họp với ông và báo cáo về công việc đã hoặc đang trong quá

trình thực hiện trong từng lĩnh vực riêng của họ. Tại một buổi họp như vậy, vào ngày 26.2.1808 Cuvier đã phát biểu với tư cách thư ký của Viện, với hầu như cùng vẻ hùng biện của một Buffonⁱ, và Napoléon có thể cảm thấy thời hoàng kim của văn xuôi Pháp đã được hồi phục.

Người Pháp xuất sắc về khoa học thuần túy, và điều này khiến họ là những người trí thức nhất và hoài nghi nhất trong các dân tộc. Người Anh khuyến khích khoa học ứng dụng, và phát triển công nghiệp, thương mại, và sự giàu có, nên họ trở thành những người giữ vai trò chủ đạo của lịch sử thế giới trong thế kỷ XIX. Trong thập niên đầu của thế kỷ ấy, Lagrange, Legendre, Laplace, và Monge dẫn đầu về toán học. Monge phát triển một tình bạn với Napoléon kéo dài cho tới lúc qua đời. Ông tiếc cho sự sa đọa của vị tổng tài khi trở thành hoàng đế, nhưng cam chịu điều này với vẻ khoan dung, và thậm chí bằng lòng làm Bá tước de Peluse; có lẽ đây là bí mật giữa hai người khi Pelusium là một phế tích cổ ở Ai Cập. Ông xót xa khi Napoléon bị đày ra đảo Elba, và công khai vui mừng với chuyến trở về ngoạn mục của con người bị lưu đày. Dòng họ Bourbon được phục hồi đã ra lệnh cho Pháp quốc Học viện trục xuất Monge; và Viện đã vâng lời. Khi Monge mất (năm 1818), các sinh viên của ông tại Trường Bách khoa (mà ông đã có công thành lập) muốn dự đám tang, nhưng bị cấm. Ngày hôm sau đám tang, tất cả bọn họ cùng nhau diễu hành đến nghĩa trang, và đặt vòng hoa lên mộ ông.

Lazare Carnot chịu ảnh hưởng của Monge khi theo học tại Học viện Quân sự ở Mézières. Sau khi phục vụ với tư cách “người tổ chức thắng lợi” tại Hội đồng Bảo an, và thoát mạng

i Bá tước Georges Louis Leclerc de Buffon (1707–1788): Nhà vạn vật học người Pháp. Công trình đồ sộ của ông, *Histoire Naturelle* (36 tập, 1749–1788), cung cấp nội dung bao quát mang tính bách khoa về sinh vật học của các loài có xương sống, địa chất, và khoáng vật học, và nổi tiếng với văn phong thanh nhã.



Hình 47: Chân dung Nhà toán học Gaspard Monge (François Delpech)

khởi *coup d'état* (cuộc đảo chính) của phe cấp tiến ngày 4.9.1797, ông tìm được sự an toàn và sáng suốt trong toán học. Năm 1803, ông xuất bản cuốn *Réflexions sur la métaphysique du calcul infinitesimal* (Những suy niệm về nội dung siêu hình của phép tính vi phân); và hai tiểu luận sau đó đã đặt nền móng cho bộ môn hình học tổng hợp. Năm 1806, François Mollien tạo nên một cuộc cách mạng khi giới thiệu phương pháp kế toán kép cho Pháp quốc Ngân hàng. Năm 1812 Jean-Victor Poncelet, một học trò của Monge, tham gia Đại quân đi xâm lược nước Nga, bị bắt, và trang trí cảnh tù tội của mình bằng cách lập thành công thức, ở tuổi 24, những định lý cơ bản của môn hình học xạ ảnh (projective geometry).

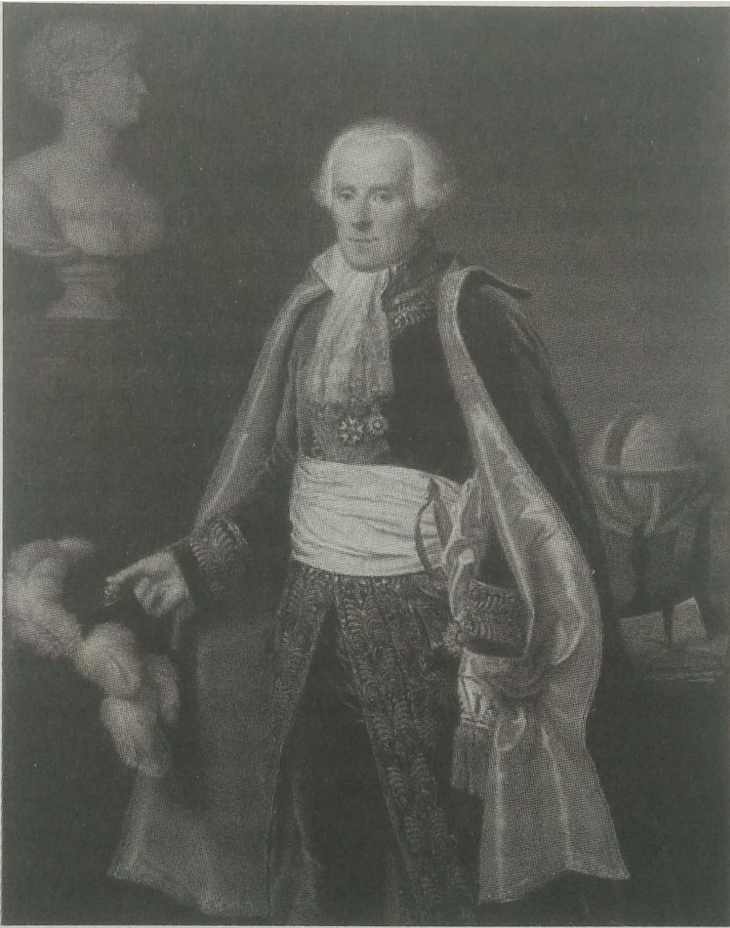
Toán học vừa là mẹ đẻ vừa là hình mẫu của các khoa học: nó bắt đầu bằng cách tính toán, và khát khao những

phương trình. Qua những sự trình bày mang tính định lượng như thế, vật lý và hóa học đã hướng dẫn người kỹ sư tái tạo thế giới; và đôi khi, như trong một ngôi đền hay trên một cây cầu, chúng có thể nở hoa thành nghệ thuật. Joseph Fourier không hài lòng với việc cai trị tỉnh Isère (năm 1801); ông còn muốn rút gọn sự dẫn nhiệt thành những công thức toán học chính xác. Trong các thí nghiệm mang tính lịch sử ở Genève, ông đã phát triển và sử dụng điều giờ đây được gọi là “các chuỗi Fourier” của phương trình vi phân – vẫn còn quan trọng đối với toán học và là điều bí ẩn đối với các sử gia. Ông thông báo các khám phá của mình vào năm 1807, nhưng sau đó mới trình bày chính thức các phương pháp và kết quả của mình trong cuốn *Théorie analytique de la chaleur* (năm 1822; Lý thuyết giải tích về nhiệt năng), được cho là “một trong những cuốn sách quan trọng nhất được xuất bản trong thế kỷ XIX”³. Fourier viết:

Các tác động của nhiệt tùy thuộc vào những quy luật thường hằng vốn không thể nào được khám phá nếu không có sự trợ giúp của phép toán giải tích. Mục đích của lý thuyết mà chúng tôi sắp trình bày là chứng minh những quy luật này; nó rút gọn mọi nghiên cứu vật lý về sự lan truyền của nhiệt xuống còn là những vấn đề của phép tính tích phân trong đó các yếu tố được thí nghiệm mang đến... Những suy xét này đưa ra một ví dụ lạ lùng về những mối quan hệ hiện hữu giữa khoa học trừu tượng của các con số và các nguyên nhân có sẵn trong tự nhiên⁴.

Ngoạn mục hơn nữa là những thí nghiệm mà Joseph-Louis Gay-Lussac đã thực hiện để đo các tác động của độ cao đối với từ tính của trái đất và sự lan truyền của các loại khí. Ngày 16.9.1804, ông ta thả một trái bóng lên độ cao 7.014m. Các phát hiện của ông, được báo cáo lên Hàn lâm Viện trong khoảng các năm 1805–1809, đã xếp ông vào hàng ngũ những nhà sáng lập môn khí tượng học; và các nghiên cứu sau đó của ông về kali, clo, và xyanogen đã tiếp nối công việc của

Lavoisier và Berthollet đưa hóa học lý thuyết vào phục vụ công nghiệp và cuộc sống hàng ngày.



Hình 48: *Pierre-Simon Laplace* (Jean-Baptiste Paulin Guérin, 1838)

Khuôn mặt gây ấn tượng nhất trong các khoa học vật lý dưới triều Napoléon là Pierre-Simon Laplace. Không phải ông ta không biết mình là người đẹp trai nhất Thượng viện, nơi ông được bổ nhiệm sau khi thất bại trong việc tranh chức Bộ trưởng Nội vụ. Năm 1796, ông đã trình bày dưới hình thức bình thường nhưng văn phong lỗi lạc cuốn *Exposition du système du monde* (Trình bày hệ thống của thế giới) lý thuyết cơ học của ông về vũ trụ, và, trong một ghi chú bất chợt, giả

thuyết tinh vân của ông về nguồn gốc vũ trụ. Một cách ung dung hơn, trong năm tập của tác phẩm *Traité de mécanique céleste* (Luận về cơ học thiên thể) (1799-1825), ông tập trung những phát triển của toán học và vật lý vào công việc khiến cho thái dương hệ – và, theo hàm ý, tất cả các thiên thể khác – tuân theo những quy luật về chuyển động và nguyên lý của trọng lực.

Newton đã nhìn nhận có một số điều dường như trái quy luật trong chuyển động của các hành tinh đã thách thức mọi cố gắng của ông muốn giải thích chúng. Ví dụ, quỹ đạo của Sao Thổ đang liên tục mở rộng, dù rất chậm chạp, khiến cho, nếu không được kiểm soát, trong vài tỉ năm nữa nó sẽ bị lạc mất trong khoảng không vô tận của không gian; và các quỹ đạo của Sao Mộc và Mặt Trăng đang dần dần co lại khiến cho, theo thời gian, sẽ có lúc hành tinh vĩ đại kia sẽ bị Mặt Trời nuốt chửng, và Mặt Trăng khiêm tốn nọ sẽ bị hút vào Trái Đất một cách thảm khốc. Newton đã kết luận là chính Thượng đế phải thỉnh thoảng can thiệp sửa chữa những điều vô lý như vậy; nhưng nhiều nhà thiên văn đã bác bỏ giả thuyết tuyệt vọng này vì trái nghịch với thiên nhiên và các nguyên lý của khoa học. Laplace đề nghị chứng tỏ rằng, những sự bất thường này là do những ảnh hưởng vốn tự điều chỉnh theo định kỳ, và chỉ cần chút kiên nhẫn – trong trường hợp của Sao Mộc là 929 năm – sẽ thấy mọi thứ tự động trở về với trật tự. Ông kết luận, không có lý do gì các hệ mặt trời và tinh tú lại không tiếp tục vận hành theo những quy luật của Newton và Laplace cho đến tận cùng của thời gian.

Đây là một quan niệm huy hoàng và âm đạm – rằng thế giới là một bộ máy, phải chịu số phận bi đát mãi mãi vạch lên nền trời những biểu đồ giống nhau. Quan niệm này có những ảnh hưởng to lớn lên việc đẩy mạnh một quan điểm cơ giới đối với tinh thần cũng như vật chất, và cùng chia sẻ với ngài Darwin tử tế trong việc xói mòn nền thần học Thiên Chúa giáo. Thượng đế, như Laplace từng nói với

Napoléon, xét cho cùng không cần thiết. Napoléon nghĩ giả thuyết này có vẻ gì đó mù mờ, và chính Laplace đôi khi cũng nghi ngờ Laplace. Giữa đường theo đuổi công trình tinh vân của mình, ông dừng lại để viết một *Théorie analytique des probabilités* (Lý thuyết giải tích về các phép tính xác suất) (1812–1820) và một *Essai philosophique sur les probabilités* (năm 1814; Luận văn triết học về những phép tính xác suất). Lúc gần cuối đời, ông nhắc nhở các đồng nghiệp khoa học của mình: “Điều chúng ta biết rất ít; điều chúng ta không biết thì vô tận”⁵.

II. Y học



Hình 49: Jean-Nicolas Corvisart (François Gérard, 1806)

Các bác sĩ có lẽ cũng đã nói như vậy, với sự nồng nhiệt tán đồng của Napoléon. Ông không bao giờ từ bỏ hy vọng thuyết phục các bác sĩ của mình rằng, những thứ thuốc men của họ có hại nhiều hơn lợi, và vào Ngày Phán xử Cuối cùng, họ phải chịu trách nhiệm về nhiều người chết hơn là các tướng lĩnh. Bác sĩ Corvisart vốn rất yêu quý ông đã kiên nhẫn lắng nghe lời nói đùa này; còn bác sĩ Antommarchi trả thù cho đáng với những lời chế giễu của Napoléon bằng cách thụt ruột cho ông – lúc ấy đang nguy kịch – hết lượt này đến lượt khác. Bảo rằng Napoléon hoan nghênh các bác sĩ tận tâm và có năng lực là điều hiển nhiên, qua việc ông để lại bằng di chúc 100.000 franc cho Dominique Larrey (1766 – 1842), vị bác sĩ quân y “đạo đức”, người đã đồng hành đạo quân Pháp đến Ai Cập, Nga, và trận Waterloo, giới thiệu chiếc “xe cứu thương bay” để cấp cứu các binh sĩ bị thương, thực hiện 200 thủ thuật cắt tay chân trong một ngày ở Borodino, và để lại bốn tập *Mémoires de chirurgie militaire et campagnes* (Hồi ký phẫu thuật quân sự và các chiến dịch) (1812–1817)^{5a}.

Hoàng đế đã không lầm khi chọn Jean-Nicolas Corvisart làm bác sĩ riêng cho mình. Vị giáo sư về y khoa thực hành ở Collège de France là người cẩn thận trong việc chẩn đoán cũng giống như hoài nghi trong việc chữa trị. Ông là bác sĩ Pháp đầu tiên áp dụng phương pháp gõ ngực (chest tapping) để giúp chẩn đoán các bệnh tim hoặc phổi. Ông đã đọc được phương pháp này trong tập *Inventum novum ex Percussione*ⁱ (năm 1760) của Leopold Auenbrugger ở Wien; ông dịch tập chuyên khảo 95 trang này, thêm kinh nghiệm riêng của mình, và mở rộng thành một cuốn sách giáo khoa

i *Inventum novum ex Percussione* (Latin): Tên đầy đủ của cuốn sách là *Inventum Novum ex Percussione Thoracis Humani Interni Pectoris Morbos Detegendi*, một khám phá mới cho phép y sĩ dò tìm các căn bệnh ẩn trong ngực bằng cách gõ vào lồng ngực bệnh nhân. Tác phẩm được xem như đánh dấu sự bắt đầu của một kỷ nguyên trong lịch sử y khoa hiện đại.

dày 440 trang⁶. Cuốn *Essai sur les maladies et les lésions organiques du coeur et des gros vaisseaux* (năm 1806; Luận văn về các bệnh và các thương tổn của trái tim và các mạch máu quan trọng) đưa ông thành một trong những người sáng lập môn giải phẫu bệnh lý. Năm sau, ông gia nhập gia đình của Hoàng đế với tư cách là bác sĩ nội trú của họ. Ông chủ khó tính của ông từng tuyên bố không tin vào y học, nhưng hoàn toàn tin Corvisart⁷. Khi Napoléon bị đày đi St. Helena, Corvisart lui về quê ở ẩn, và ông mất một cách trung thành trong cùng năm với ông chủ của mình (năm 1821).

Học trò của ông là René-Théophile Laennec đẩy xa hơn nữa các thí nghiệm về thính chẩn (auscultation – theo nghĩa đen là nghe [bệnh]), bước đầu gồm hai ống hình trụ, mỗi ống một đầu đặt vào cơ thể bệnh nhân, đầu kia gắn vào lỗ tai của bác sĩ, nhờ đó “nghe được lồng ngực” (stethos) bằng các lỗ tai của mình; do đó các âm thanh tạo ra bởi các cơ quan trong người – như khi thở, ho, và tiêu hóa – có thể được nghe mà không bị các tạp âm pha lẫn. Với sự trợ giúp của dụng cụ này, Laennec tiếp tục các cuộc nghiên cứu và các kết quả được ông tóm lược trong cuốn *Traité de l'auscultation médiate* (năm 1819; Chuyên luận về thuật nghe bệnh bằng ống nghe); lần xuất bản thứ nhì của cuốn sách (năm 1826) được mô tả như là “chuyên luận quan trọng nhất về các cơ quan ở ngực từng được viết”⁸. Mô tả của chuyên luận này về bệnh viêm phổi vẫn còn mang tính uy quyền kinh điển cho đến tận thế kỷ XX⁹.

Thành tựu nổi bật của y học Pháp trong thời kỳ này là làm cho việc điều trị cho người tâm thần mang tính nhân đạo. Khi vào năm 1792, Philippe Pinel được bổ nhiệm làm giám đốc y khoa của dưỡng trí viện nổi tiếng mà Richelieu đã dựng nên ở vùng ngoại ô Bicêtre, ông bị choáng người khi thấy các quyền của con người mà Cách mạng đã tuyên bố một cách rất tự tin đã không vươn tới được những con người loạn trí bị giam cầm ở đây hoặc ở một cơ sở tương tự, Bệnh

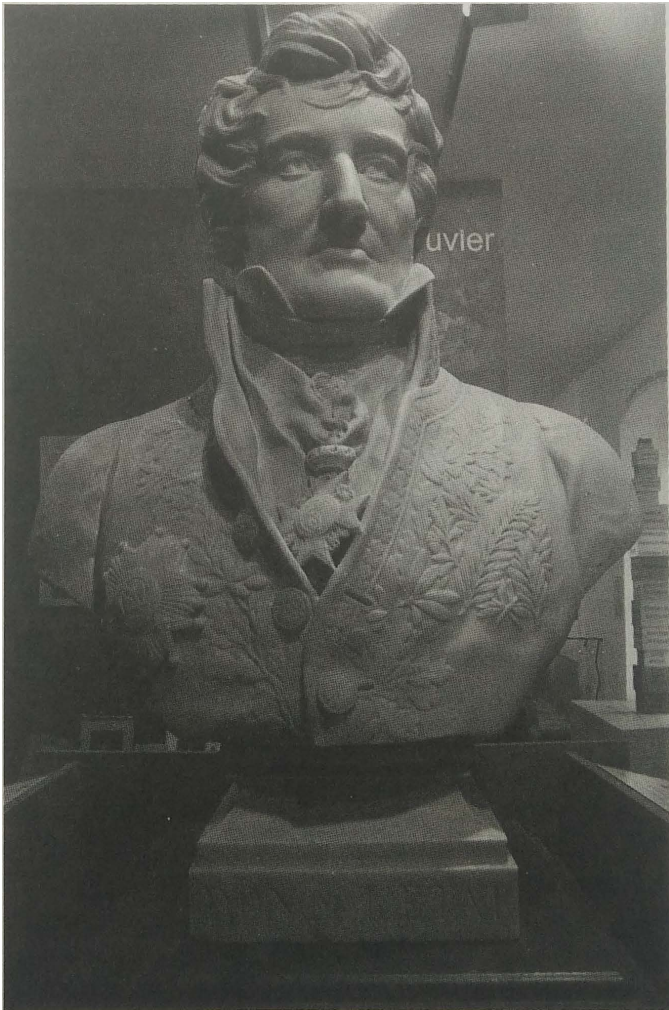
viện Salpêtrière. Nhiều bệnh nhân bị xiềng lại để không làm người khác hoặc chính họ bị thương; rất nhiều người bị kềm chế không cho gây náo loạn bằng cách bị trích máu thường xuyên hoặc bị tiêm những thứ thuốc làm cho dần dần. Bất cứ ai mới đến – không nhất định bị loạn trí, mà có thể chỉ là một mối phiền phức cho những người thân hoặc cho chính phủ – sẽ liền bị quăng vào giữa cảnh hỗn loạn ồn ào và để cho hư hoại, qua sự lây nhiễm, về mặt tinh thần lẫn thể xác. Kết quả là một đám hỗn loạn những kẻ tâm thần vớ các cảnh làm trò hề, những cái nhìn chăm chăm dần dần, hoặc những lời kêu gọi tuyệt vọng đôi khi được phô bày ra cho công chúng xem để đổi lấy một khoản tiền vào cổng khiếm tốn. Pinel đích thân đến Hội nghị Quốc ước xin được quyền thử áp dụng một chế độ điều trị nhẹ nhàng hơn. Ông tháo bỏ những sợi dây xích, giảm việc trích máu và dùng thuốc xuống mức tối thiểu, cho bệnh nhân được hít thở không khí trong lành làm họ khỏe khoắn hơn, và ra lệnh những người canh giữ phải đối xử với người bệnh tâm thần không phải như những tội phạm bí mật bị Chúa nguyên rửa mà như những người bệnh thường khi dễ bảo bằng sự chăm sóc kiên nhẫn. Ông trình bày rõ ràng chính xác các quan điểm và chế độ điều trị của mình trong tác phẩm có giá trị lâu bền có tựa *Traité médico-philosophique sur l'alienation mentale* (năm 1801; Chuyên luận triết - y học về việc cung cấp thức ăn tinh thần). Nhan đề là một dấu hiệu nữa cho thấy Pinel đã đạt được, hoặc nhắm tới, lý tưởng của Hippokratēs về người thầy thuốc là sự kết hợp giữa kiến thức của nhà khoa học với sự hiểu biết đầy thông cảm của nhà triết học. “Một thầy thuốc yêu minh triết”, Hippokratēs từng nói,ⁱ “sẽ ngang hàng với Chúa”¹⁰.

i Ở đây nên hiểu là theo lời của những môn đồ theo Hippokratēs (chứ không phải của chính Hippokratēs), vốn nằm trong một bộ văn liệu có tên là văn liệu Hippokratēs (*Corpus Hippocraticum*). Nguyên văn câu này: *iētros gar philosophos isotheos* (ἰητροὺς γὰρ φιλόσοφος ἰσόθεος = For a physician who is a lover of wisdom is the equal of a god).

III. Sinh vật học

1. Cuvier (1769–1832)

Cuvier vĩ đại đã đạt tới đỉnh cao trong lĩnh vực của mình mặc dù ông là tín đồ Tin Lành trong một xứ Công giáo. Như rất nhiều nhà khoa học khác trong nước Pháp của Napoléon, ông được nâng lên địa vị chính trị cao, thậm chí là thành viên của Tham chính Viện (năm 1814); ông giữ địa vị này dưới thời dòng họ Bourbon được phục hồi, và được cử làm Chủ tịch Hội đồng, và một đại thần nước Pháp (“peer of France”, hay



Hình 50: Tượng Cuvier ở Bảo tàng viện Montbéliard

“pair de France”) vào năm 1830. Khi mất (năm 1832), ông được tôn vinh khắp châu Âu như là người đã thành lập nên khoa cổ sinh vật học và khoa giải phẫu học so sánh, và đã chuẩn bị cho khoa sinh vật học vốn sẽ biến đổi tinh thần của châu Âu.

Cha ông là sĩ quan trong một trung đoàn Thụy Sĩ, được thưởng Huân chương Công trạng (Order of Merit) và khi 50 tuổi, ông cưới một người vợ trẻ. Bà trông nom sự phát triển thể xác và tinh thần của cậu con trai Georges-Léopold-Christien với một kỷ luật đầy tình yêu thương; bà kiểm tra bài vở của cậu, và bắt cậu đọc cho nghe những tác phẩm kinh điển trong văn học và lịch sử; Cuvier học trở thành nhà hùng biện về các động vật nhuỷễn thể và những con giun. Cậu may mắn được nhận vào Học viện mà Carl Eugen, Công tước Württemberg, đã thành lập ở Stuttgart, nơi 80 bậc thầy giảng dạy cho 400 sinh viên được tuyển chọn. Tại đây, cậu say mê các tác phẩm của Linnéⁱ trong một thời gian, nhưng lâu nhất là bộ *Histoire naturelle* (Lịch sử tự nhiên) của Buffon.

Sau khi tốt nghiệp với vòng tay ôm đầy phần thưởng nhưng không đủ điều kiện tài chính để học lên nữa, chàng đành nhận làm gia sư trong một gia đình sống gần Fécamp ở biển Manche. Một số vật hóa thạch được đào lên ở địa phương gợi lên sự quan tâm của chàng đối với các tầng địa chất như những bản in thật sự bằng thạch bản của đời sống cây cỏ và động vật thời tiền sử, và một số loài sò hến thu thập từ biển cả đã làm chàng rất đỗi ngạc nhiên vì sự đa dạng của các cơ quan bên trong và hình dạng bên ngoài của chúng khiến chàng đề xuất một phương pháp phân loại mới cho các sinh vật tùy theo đặc điểm cấu trúc và các biến thể của chúng. Từ những bước đầu này, chàng đã phát triển – bằng bộ óc hiếu kỳ và hoạt động chăm chỉ không biết mệt mỏi – một sự

i Carl von Linné (1707–1778): Nhà thực vật học và động vật học người Thụy Điển, người thành lập nên hệ thống phân loại hiện đại để đặt tên cho cây cối và thú vật.

hiểu biết chưa từng có và có lẽ chưa bao giờ có kể từ ấy, về hóa thạch và các dạng sống.

Tin tức về kiến thức và sự chuyên cần của chàng bay đến Paris, giúp chàng đạt được sự tiến cử thuận lợi từ những đối thủ tương lai như Geoffroy Saint-Hilaire và Lamarck, và mang lại cho chàng, vào năm 27 tuổi (năm 1796), ghế Giáo sư về giải phẫu học so sánh tại *Muséum National d'Histoire Naturelle* (Bảo tàng viện Quốc gia về Lịch sử Tự nhiên). Năm 31 tuổi, chàng xuất bản một trong những tác phẩm kinh điển của nền khoa học Pháp, *Leçons d'anatomie comparée* (Những bài học về giải phẫu so sánh); năm 33 tuổi là giáo sư hàng đầu tại *Jardin des Plantes* (Vườn Thực vật); năm 34 tuổi, ông được phong làm “thư ký vĩnh viễn” (giám đốc điều hành) tại khoa vật lý và khoa học tự nhiên thuộc Viện Hàn lâm. Trong thời gian này (năm 1802), ông cũng đi lại rất nhiều với tư cách là Ủy viên của Pháp quốc Học viện trong công tác tái tổ chức hệ thống giáo dục trung học.

Mặc dù phải đảm đương các trách nhiệm giảng dạy và điều hành, ông vẫn quyết tâm cùng vài người cộng sự theo đuổi những cuộc khảo cứu nhằm nghiên cứu và phân loại các loài động thực vật hay được lưu giữ trong các lớp địa tầng, sống trên mặt đất hay dưới biển. Cuốn *Histoire naturelle des poissons* (Lịch sử tự nhiên các loài cá) (1828–1831) của ông mô tả 5.000 loài cá. Cuốn *Recherches sur les ossements fossiles des quadrupèdes* (1812–1825; Khảo cứu xương hóa thạch của các loài bốn chân) hầu như đã tạo ra ngành cổ sinh vật học về các loài động vật có vú. Trong tác phẩm này, Cuvier mô tả loài voi có len – được ông gọi tên là *mammoth* – mà hài cốt đã được tìm thấy (năm 1802) vùi chôn trong một khối băng vĩnh cửu ở Sibir,ⁱ và được bảo tồn tốt đến mức những con chó ăn lấy thịt đang tan mềm ra của nó¹¹. Trong một trong các tập sách này Cuvier giải thích nguyên lý của ông về “sự tương quan giữa

i Anh, Siberia.

các bộ phận”, qua đó ông nghĩ sẽ dựng lại được một loài đã bị tuyệt chủng từ việc nghiên cứu một khúc xương còn sót lại của nó:

Mọi cá thể được tổ chức tạo nên toàn bộ một hệ thống của riêng nó, tất cả các bộ phận của hệ thống này tương ứng nhau một cách tự nhiên, và góp phần vào việc sinh ra một mục đích xác định nào đó, do sự phản ứng hỗ tương hay do phối hợp nhau để hướng về cùng một mục đích. Do đó không có bộ phận riêng rẽ nào có thể thay đổi hình dạng của mình mà không tạo nên một thay đổi tương ứng trong các bộ phận khác của cùng con vật; và do đó mỗi cái trong các bộ phận này, khi bị tách riêng ra, biểu lộ tất cả những bộ phận khác mà nó đã liên quan tới. Như thế... nếu nội tạng của một con vật được tổ chức để chỉ thích nghi với việc tiêu hóa thịt sống, thì tất yếu là các xương hàm của nó phải được dựng nên thích hợp để ngấu nghiến con mồi; bộ răng cũng thế, để xé và nhai thịt; toàn bộ hệ thống các chi, hoặc các cơ quan thuộc chức năng di chuyển, cũng thế, để đuổi theo và bắt kịp con mồi; và các cơ quan thuộc giác quan cũng thế, để phát hiện ra con mồi từ xa... Trong cùng cách thức như thế một móng vuốt, một khúc xương bả vai, một cục lõi (ở đầu khúc xương), một khúc xương chân hay tay hoặc bất cứ khúc xương nào khác được xem xét riêng rẽ, cũng cho phép chúng ta khám phá ra hình dạng của những chiếc răng liên quan. Như thế, có thể nói rằng khi bắt đầu những cuộc nghiên cứu của chúng ta bằng việc khảo sát cẩn thận chính một khúc xương bất kỳ nào đó thì người có hiểu biết đầy đủ về những quy luật của cấu trúc hữu cơ có thể tái dựng toàn bộ con vật, như đã từng hiện hữu, mà khúc xương này thuộc về¹².

Năm 1817, trong một công trình đồ sộ khác, *Le Règne animal distribué d'après son organization* (Giới động vật phân bố theo cách tổ chức), Cuvier tổng kết sự phân loại của mình về động vật thành các loài có xương sống, thân mềm, có đốt, và đối xứng xuyên tâm, và đề nghị giải thích các địa tầng nổi

tiếp nhau của các hóa thạch là do sự tuyệt chủng đột ngột của hàng trăm loài gây ra bởi những cơn biến động tàn khốc của trái đất. Về nguồn gốc của các loài, ông chấp nhận quan điểm chính thống lúc bấy giờ rằng mỗi loài đã được Thượng đế đặc biệt tạo ra; rằng những sự biến đổi của nó đã được sinh ra bởi sự chỉ đạo thần thánh của mỗi sinh vật trong việc thích nghi với môi trường; và rằng những sự biến đổi này không bao giờ sinh ra một loài mới. Về những vấn đề này và những điểm khác nữa, hai năm trước khi mất, Cuvier đã tham gia vào cuộc tranh luận nổi tiếng mà dường như đối với Goethe là sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử châu Âu vào năm 1830. Đối thủ còn sống của ông trong cuộc tranh cãi này là Étienne Geoffroy Saint-Hilaire, người đã xây dựng các luận cứ của mình về tính hay thay đổi và nguồn gốc tự nhiên và sự tiến hóa của các loài quanh tác phẩm của một nhà sinh vật học còn vĩ đại hơn, người đã mất một năm trước đó.

2. Lamarck (1744–1829)

Thật dễ yêu mến Lamarck, vì lúc trẻ ông đã chiến đấu chống lại cảnh nghèo khó, lúc trưởng thành thì chống lại người được khắp thiên hạ hoan nghênh là Cuvier, và lúc về già thì chống lại cảnh mù lòa và nghèo khó; ngoài ra, ông để lại cho hậu thế một ý thuyết về nguyên nhân và cách thức của sự tiến hóa, dễ chịu đối với một tính khí dễ thương hơn là sự chọn lọc tự nhiên tàn nhẫn do con người tử tế Darwin đề xuất.

Như phần lớn người Pháp, ông mang theo mình cái tên dài dằng dặc: Jean-Baptiste-Pierre-Antoine de Monet, Hiệp sĩ de Lamarck. Ông là con thứ 11 của một người cha quân nhân, ông này đã tìm những vị trí trong quân đội cho tất cả con trai của mình, trừ đứa con út. Cha ông gửi ông vào một trường dòng Tên ở Amiens, với lời dạy phải lo chuẩn bị bản thân để theo con đường làm linh mục. Nhưng Jean-Baptiste ganh tị với những thứ khí giới và những con chiến mã của

các ông anh; chàng bỏ trường học, lấy tiền trợ cấp đi mua một con ngựa già, và phi nhanh vào cuộc chiến ở Đức. Chàng chiến đấu dũng cảm, nhưng sự nghiệp anh hùng của chàng bị chấm dứt bởi một vết thương nhức nhối nơi cổ khi tham gia các trò thi đấu trong doanh trại. Sau đó, chàng làm nhân viên ngân hàng, học y khoa, gặp Rousseau, chệch hướng qua ngành thực vật học, theo đuổi việc nghiên cứu cây cỏ trong chín năm, và năm 1778 xuất bản tập *Flore française* (Thực vật chí Pháp). Rồi, lúc gần cạn kiệt các nguồn kinh tế, nhận làm gia sư cho các con trai của Buffon, chỉ để có cơ hội gặp vị hiền triết già ấy. Khi Buffon mất (năm 1788), Lamarck giữ chức vụ khiêm tốn của một người giữ phòng mẫu cây tại Jardin du Roi (Vườn của Nhà vua) – Vườn Thực vật hoàng gia ở Paris. Chẳng bao lâu sau tên gọi “của Nhà vua” không còn hợp thời, và theo gợi ý của Lamarck khu vườn được đổi tên thành Jardin des Plantes (Vườn Thực vật). Vì khu vườn cũng có một bộ sưu tập thú, Lamarck đặt tên cho việc nghiên cứu mọi hình thức có sự sống là *biologie* (sinh vật học).

Khi sự quan tâm của ông lan từ cây cối sang thú vật, Lamarck, để các động vật có xương sống lại cho Cuvier, đảm nhận việc nghiên cứu các động vật cấp thấp không có xương sống như lĩnh vực của mình, qua đó ông đặt ra từ *invertébrés* (các động vật không xương sống). Vào năm 1809, ông đã đạt được một số ý tưởng độc đáo được ông trình bày chi tiết trong *Système des animaux sans vertèbres* (Hệ thống các động vật không xương sống) và trong *Philosophie zoologique* (Triết lý về động vật học). Mặc dù thị lực ngày một kém, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu và viết sách, với sự giúp đỡ của người con gái đầu lòng và Pierre-André Latreille. Trong khoảng thời gian 1815-1822, ông cho phát hành những sự phân loại và kết luận cuối cùng của mình trong bộ sách đồ sộ *Histoire naturelle des animaux sans vertèbres* (Lịch sử tự nhiên các động vật không xương sống). Sau đó, ông bị mù hoàn toàn, và hầu như nghèo

túng. Cuộc đời của ông là bằng chứng cho lòng can đảm của mình, và tuổi già của ông là một điều hổ thẹn cho chính phủ.



Hình 51: Tượng Lamarck của Léon Fagel tại Vườn Thực vật Paris

“Triết học”, hay sự tổng hợp có lý luận của ông, về động vật học bắt đầu bằng suy tưởng về tính vô tận và đa dạng khởi nguồn một cách bí ẩn trong những hình thái của sự sống. Mỗi cá thể khác biệt với tất cả những cá thể khác, và trong bất cứ loài nào, chúng ta cũng có thể tìm thấy một mức

độ khác biệt rất nhỏ bé khiến tạo nên những khó khăn, có lẽ là không chính đáng, khi tách rời một loài ra khỏi những kẻ láng giềng phần lớn tương tự và giống nhau về hình dáng và quá trình vận động. Các loài, Lamarck kết luận (và vô tình phục hồi “ý niệm luận” của Abélard), là một khái niệm, một ý tưởng trừu tượng; trong thực tế chỉ có những sinh vật hay sự vật riêng biệt; và các lớp, loại, hay loài mà chúng ta tập hợp chúng lại chỉ là những công cụ của trí tuệ (mặc dù vô giá) để suy nghĩ về những vật thể tương tự song lại độc đáo một cách không thể sửa đổi được.

Các nhóm hay loài thực vật hoặc động vật khác nhau đã xuất hiện như thế nào? Lamarck trả lời bằng hai “quy luật”:

Quy luật thứ nhất: Trong mỗi động vật vốn chưa vượt quá giới hạn phát triển, việc sử dụng cơ quan nào thường xuyên và liên tục hơn sẽ dần dà được củng cố, phát triển và mở rộng, và cho nó một sức mạnh tỷ lệ thuận với thời gian sử dụng đó; trong khi việc ít sử dụng một cơ quan sẽ làm nó suy yếu thấy rõ, khiến nó sa sút, dần dần giảm thiểu các khả năng, và kết thúc bằng việc nó biến mất.

Quy luật thứ hai: Mọi thứ mà tự nhiên đã khiến cho các cá thể đạt được hoặc đánh mất do ảnh hưởng của các hoàn cảnh mà giống loài của nó phải chịu trong thời gian dài, và do đó bởi ảnh hưởng của việc thường xuyên sử dụng hoặc ít sử dụng cơ quan đó, thay đều được bảo toàn bằng sự di truyền và bằng việc truyền lại cho các cá thể mới vốn là hậu duệ của nó, miễn là những sự thay đổi có được như thế thuộc về cả hai giới tính, hay thuộc về những cá thể vốn là nguồn gốc sinh ra những cá thể mới này³.

Quy luật thứ nhất là hiển nhiên: cánh tay của người thợ rèn phát triển lớn hơn và mạnh hơn do được sử dụng [nhiều hơn]; chiếc cổ của con hươu cao cổ được kéo dài ra bởi những cố gắng nhằm với tới những tầm cao hơn của các lá cây mà nó ăn; con chuột chũi bị mù bởi vì đời sống dưới đất của nó khiến cho đôi mắt trở nên vô dụng. Trong các tác phẩm

về sau, Lamarck chia quy luật thứ nhất của ông thành hai yếu tố bổ sung: điều kiện về môi trường hay sự thách thức, và nhu cầu hoặc ham muốn của sinh vật kích thích sự cố gắng nhằm hướng tới sự đáp ứng mang tính thích nghi. Ở đây, Lamarck cố gắng trả lời câu hỏi khó khăn là: Những sự biến dạng phát sinh như thế nào? Cuivier đã trả lời: Thông qua hành vi trực tiếp của Thượng đế. Darwin sẽ trả lời: Thông qua “những sự biến đổi ngẫu nhiên” mà nguyên nhân không biết được. Lamarck trả lời: Những sự biến dạng phát sinh thông qua nhu cầu, ham muốn, và cố gắng kiên trì của sinh vật để đáp ứng với điều kiện của môi trường. Lời giải thích này phù hợp với sự khẳng định của các nhà tâm lý học hiện đại vốn nhấn mạnh đến hành vi tạo thành của ý chí.

Nhưng quy luật thứ hai của Lamarck gặp phải hàng ngàn lời phản bác. Một số người nghĩ đến việc bác bỏ nó bằng cách nhấn mạnh đến việc thiếu hệ quả di truyền đối với tục cắt bao quy đầu của người Do Thái và tục bó bàn chân của người Trung Hoa; dĩ nhiên những lý lẽ này đã không xét đến việc các thủ thuật ấy chỉ gây tổn thương bên ngoài cơ thể, chứ không bao gồm một nhu cầu nội tại và sự cố gắng. Một số ý kiến phản đối khác cũng thất bại trong việc cho phép có một thời gian dài phải thừa nhận là cần thiết để một điều kiện về môi trường có thể sinh ra một thay đổi trong “nòi giống”. Với những điều kiện này, Charles Darwin và Herbert Spencer chấp nhận, như một yếu tố trong tiến hóa, việc kế thừa khả dĩ của “những tính cách tập thành” – nghĩa là của những thói quen hoặc những thay đổi nơi các cơ quan được phát triển sau khi ra đời. Marx và Engels thừa nhận tính có thể di truyền như thế, và tin tưởng vào một môi trường tốt hơn để tạo ra một con người bẩm sinh tốt hơn; và Liên bang Xô-viết trong một thời gian dài đã sử dụng hệ thống của Lamarck như một phần của tín ngưỡng được xác định rõ của họ. Vào khoảng năm 1885, August Weismann đã giáng một đòn vào lý thuyết này khi cho rằng “chất nguyên sinh mầm”

(germ plasm, các tế bào mang những đặc tính di truyền) miễn nhiễm đối với các thay đổi trong cơ thể đang bao bọc nó, hay chất nguyên sinh tế bào thân (somaplast), và do đó không thể bị tác động bởi các thể nghiệm sau khi sinh; nhưng luận cứ này bị mất giá trị khi các nhiễm sắc thể (vốn mang theo đặc tính di truyền) được tìm thấy trong các thể tế bàoⁱ cũng như trong các tế bào mầm. Các thí nghiệm đã đưa ra kết quả nói chung không thuận lợi đối với quan điểm của Lamarck¹⁴, nhưng gần đây một số bằng chứng đã được tạo ra từ việc lưu truyền theo lý thuyết của Lamarck trong loài trùng đế giày (*paramecium*) và các động vật nguyên sinh khác¹⁵. Có lẽ các bằng chứng thuận lợi khác sẽ được tìm thấy nếu các cuộc thí nghiệm có thể được tiếp tục trên một chuỗi các thế hệ dài hơn. Các phòng thí nghiệm của chúng ta phải chịu cảnh thiếu thời gian; tự nhiên thì không.

IV. Tinh thần là gì?

Việc Lamarck nhấn mạnh lên lòng ham muốn và nỗ lực tiếp sau đó như những nhân tố trong phản ứng hữu cơ hòa hợp với việc các nhà tâm lý học trong Pháp quốc Học viện rút lại quan điểm xem tinh thần như một cơ chế hoàn toàn không quen với việc phản ứng trước các cảm giác ngoại tại lẫn nội tại. Những tay thám hiểm nội tại này dùng từ “triết lý” (philosophy) để tóm tắt những phát hiện của chúng; triết lý chưa hoàn toàn tách rời khỏi khoa học; và, thật vậy, triết lý có thể đã được đặt tên một cách đúng đắn là sự tổng hợp của khoa học nếu tinh thần và ý thức có thể được khoa học áp dụng thành công những phương pháp như lập giả thuyết cụ thể, quan sát cẩn thận, thí nghiệm có kiểm soát, và lập thành công thức toán học những kết quả có thể kiểm chứng. Thời đó chưa đến, và các nhà tâm lý học đầu thế kỷ XIX tự cho

i Thể tế bào (*soma*): Toàn bộ các tế bào và mô trong cơ thể, ngoại trừ tế bào mầm.

mình là những triết gia, như những người suy luận một cách ngập ngừng về những vấn đề hazy còn ở xa tầm với và các công cụ khoa học.

Mặc dù Napoléon chống đối, các “nhà ý hệ” (ideologue) tiếp tục thống trị suốt một thập niên môn tâm lý học và triết học như được giảng dạy trong Pháp quốc Học viện. *Bête noire* (kẻ đặc biệt đáng ghét) của ông ở đó là Antoine Destutt de Tracy, con người gây rối mang ngọn đuốc thuyết duy cảm của Condillac trong suốt những năm tháng thời Đế quốc. Được cử làm đại biểu tại Hội nghị Quốc dân đại biểu năm 1789, ông hoạt động cho bản Hiến pháp năm 1791 có khuynh hướng tự do, nhưng đến năm 1793, ghê tởm vì hành vi tàn bạo của đám đông hỗn tạp và chủ nghĩa khủng bố của “Siêu Ủy ban”, ông giảm bớt hoạt động chính trị để dành thời gian cho triết học. Tại vùng ngoại ô Auteuil, ông gia nhập vào nhóm những người luôn lượn lờ quanh người đẹp vượt thời gian là Bà Hevétius, và tại đây ông chịu ảnh hưởng tư tưởng cấp tiến của Condorcet và Cabanis. Ông trở thành một hội viên của Pháp quốc Học viện, nổi bật trong Ban Thứ hai, chuyên về triết học và tâm lý học.

Năm 1801, ông bắt đầu xuất bản tác phẩm *Éléments d'idéologie* (Những yếu tố của ý hệ), và công việc này hoàn thành vào năm 1815. Ông định nghĩa công trình của mình như là việc nghiên cứu các ý tưởng dựa trên thuyết duy cảm của Condillac – học thuyết cho rằng mọi ý tưởng đều xuất phát từ cảm giác. Điều này theo ông có lẽ không đúng đối với những ý tưởng tổng quát hay trừu tượng như đạo đức, tôn giáo, vẻ đẹp, hoặc con người; nhưng khi bàn về các ý tưởng này chúng ta nên “xem xét các ý tưởng cơ bản từ đó chúng được trừu tượng hóa, và quay về với những nhận thức đơn giản, với những cảm giác từ đó chúng bắt nguồn”¹⁶. Một sự nghiên cứu khách quan như vậy, Destutt nghĩ, có thể thay thế cho môn siêu hình học, và chấm dứt sự thống trị của Kant. Nếu chúng ta không thể đạt đến một kết luận dứt khoát bằng phương

pháp này “chúng ta phải chờ đợi, treo lại phán đoán, và từ bỏ cố gắng giải thích điều chúng ta không thực sự hiểu”¹⁷. Chủ nghĩa bất khả tri cứng rắn này làm phật lòng Napoléon, con người theo thuyết bất khả tri vốn đang dần xếp một bản Giáo ước với Giáo hội. Không nao núng, Destutt xếp loại ý hệ (tâm lý học) như một phần của động vật học. Ông định nghĩa ý thức như là sự nhận biết các cảm giác; phán đoán như là một cảm giác về những mối quan hệ; ý chí như là một cảm giác ham muốn. Về việc các nhà duy tâm biện luận rằng các cảm giác không chứng tỏ một cách rõ ràng sự hiện hữu của thế giới bên ngoài, Destutt nhìn nhận việc này liên quan tới các hình ảnh, âm thanh, mùi và vị; nhưng ông nhấn mạnh chúng ta có thể kết luận một cách chắc chắn rằng, có một thế giới bên ngoài từ những cảm giác của chúng ta qua xúc giác, sự đề kháng, và vận động. Như Tiến sĩ Johnson đã nói, chúng ta có thể giải quyết vấn đề bằng cách đá vào một tảng đá.

Năm 1803, Napoléon chấm dứt Ban Thứ nhì của Pháp quốc Học viện, và Destutt de Tracy thấy mình không có được một bức đứng hay một nhà in. Không thể xin phép để in cuốn *Commentaire sur L'Esprit des Lois de Montesquieu* (Nhận xét tác phẩm tinh thần pháp luật của Montesquieu), ông gửi bản thảo cho Thomas Jefferson, Tổng thống Hoa Kỳ: Jefferson cho dịch và in tác phẩm (năm 1811) mà không tiết lộ danh tính tác giả¹⁸. Destutt sống đến năm 82 tuổi, và kỷ niệm tuổi già của mình bằng cách phát hành cuốn luận văn *De l'Amour* (Về Tình yêu).

i Nguyên thủy, Học viện này có ba ban: Ban Thứ nhất (Première Classe) về toán và vật lý (Classe des Sciences Mathématiques et Physiques), Ban Thứ nhì (Deuxième Classe) về khoa học đạo đức và chính trị (Classe des Sciences Morales et Politique), và Ban Thứ ba (Troisième Classe) về văn chương và mỹ thuật (Classe de Littérature et Beaux-Arts). Năm 1803, Học viện được tái tổ chức lại thành bốn ban, lần lượt thành: toán và vật lý (Sciences Mathématiques et Physiques), ngữ văn Pháp, lịch sử và văn chương cổ đại (Histoire et la Littérature Ancienne), và mỹ thuật (Beaux-Arts). Chính sự tái tổ chức này đã khiến Ban Thứ nhì nguyên thủy bị chấm dứt.

Maine de Biran (Marie-François-Pierre Gonthier de Biran) đã bắt đầu sự nghiệp triết học của mình bằng việc trình bày học thuyết duy cảm với một sự tối tăm khiến bảo đảm cho danh tiếng của ông.ⁱ Ông bắt đầu như một quân nhân và kết cuộc thành một nhà thần bí. Năm 1784, ông gia nhập Đội Thị vệ của Louis XVI, và giúp bảo vệ Nhà vua chống lại “đạo quân đàn bà kỳ quái”²⁰ bao vây Nhà vua và Hoàng hậu tại Versailles ngày 5 – 6.10.1789. Kinh hãi Cách mạng, ông quay về điền trang của mình gần Bergerac. Ông được bầu vào Hội đồng Lập pháp năm 1809, chống lại Napoléon năm 1813, và trở thành thủ quỹ của Viện Dân biểu dưới triều Louis XVIII. Các trứ tác của ông chỉ là những nhận xét ngẫu nhiên từ sự nghiệp chính trị, nhưng chúng đã nâng ông lên vai trò lãnh đạo được nhìn nhận trong số các triết gia Pháp thời bấy giờ.

Năm 1802, ông đột ngột nổi tiếng khi giành được giải nhất cuộc thi do Pháp quốc Học viện bảo trợ. Bài tiểu luận của ông, *L'influence de l'habitude sur les facultés de penser* (Ảnh hưởng của thói quen đối với những khả năng suy nghĩ), dường như noi theo những quan điểm duy cảm của Condillac, thậm chí chủ trương tâm lý học mang màu sắc sinh lý của Destutt de Tracy. “Bản chất của sự hiểu biết”, ông viết, “không gì khác hơn là tổng thể các thói quen chính yếu của cơ quan trung ương, vốn phải được xem như là giác quan chung của tri giác”²¹. và ông nghĩ ta phải “giả định rằng trong thực tế mỗi cảm giác đại diện cho một vận động liên quan của một sợi thần kinh trong não bộ”²². Nhưng sau đó, ông lại bỏ đi cái quan niệm cho rằng tinh thần chỉ là toàn bộ những cảm giác của cơ thể; dường như đối với ông trong những cố gắng của sự chú tâm hoặc ý chí, tinh thần là một nhân tố phát sinh và tích cực, không thể giản lược thành sự kết hợp của các cảm giác.

i “Văn phong tồi tệ của ông,” Taine bảo, “đã khiến ông trở thành một tác giả lớn... nếu ông ta không tỏ ra tăm tối, chúng ta sẽ không nghĩ là ông ta sâu sắc”¹⁹ [Durant].

Sự tách rời khỏi các nhà không tưởng càng sâu rộng hơn vào năm 1805 với tập *Mémoire sur la décomposition de la pensée* (Ký ức về sự tan rã của tư tưởng), một tác phẩm phụ họa với chương trình phục hồi tôn giáo của Napoléon. Nỗ lực của ý chí, Maine de Biran biện luận, cho thấy linh hồn con người không phải là sự phục hồi thụ động các cảm giác; nó là một sức mạnh tích cực và cố ý vốn chính là yếu tính của bản ngã; ý chí và bản ngã là một. (Schopenhauer sẽ nhấn mạnh đến thuyết ý chí này vào năm 1819, và học thuyết này sẽ tiếp tục trong triết học Pháp và sẽ khoác lấy hình dạng sáng chói với Bergson). Ý chí cố gắng này được cộng thêm vào các nhân tố khác nhằm xác định hành động, và ban cho chúng “ý chí tự do” mà không có nó con người sẽ là một người máy lồ bịch. Sức mạnh nội tại ấy là một hiện thực tinh thần, chứ không phải là một khối kết hợp của các cảm giác và ký ức. Không có gì thuộc về vật chất hoặc không gian trong ấy. Thực vậy (Maine de Biran tiếp tục), có lẽ mọi sức mạnh đều phi vật chất, và chỉ có thể được nhận biết bằng phép loại suy với cái tôi có chủ ý. Từ quan điểm này, Leibniz đã đúng khi mô tả thế giới như một phức hợp và một bãi chiến trường của những đơn tử, mà mỗi cái trong đó là một trung tâm của sức mạnh, ý chí, và cá tính.

Có lẽ việc Maine de Biran cùng lúc sống cả hai cuộc đời chính trị và triết lý, cộng thêm với việc tích cực tham gia vào những buổi họp hàng tuần ở Pháp quốc Học viện cùng Cuvier, Royer-Collard, Ampère, Guizot, và Victor Cousin, đã tỏ ra quá sức. Sức khỏe ông suy sụp; cuộc đời ngắn ngủi 58 năm của ông đang gần đến hồi kết; ông chuyển từ việc nghiên cứu căng thẳng tinh thần sang niềm tin tôn giáo tĩnh tại, và cuối cùng vào một chủ nghĩa thần bí nâng ông ra khỏi thế giới đau khổ này. Con người, ông bảo, nên tiến hóa từ giai đoạn cảm giác thú vật sang giai đoạn ý chí tự do và có ý thức của con người, để đi đến sự chú tâm hoàn toàn vào ý thức và tình yêu của Thượng đế.

V. Trường hợp ủng hộ chủ nghĩa bảo thủ

Các triết gia của thế kỷ XVIII đã làm suy yếu Chính phủ Pháp bằng cách phá hỏng sự tín nhiệm và địa vị tinh thần của Giáo hội, và bằng việc kêu gọi một “chủ nghĩa chuyên chế sáng suốt” để giảm bớt những tai hại của tình trạng dốt nát, bất lực, tham nhũng, áp bức, nghèo khó, và chiến tranh. Các triết gia Pháp vào đầu thế kỷ XIX đã trả lời cho “những con người mơ mộng” này bằng cách bảo vệ sự cần thiết của tôn giáo, sự khôn ngoan của truyền thống, uy quyền của gia đình, những ưu điểm của chế độ quân chủ hợp pháp, và nhu cầu thường xuyên của việc duy trì những con đề chính trị, đạo đức, và kinh tế chống lại biến cả ngày một phình ra của tình trạng dốt nát, tội phạm, bạo lực, thói dã man, và khả năng sinh sản trong dân chúng.

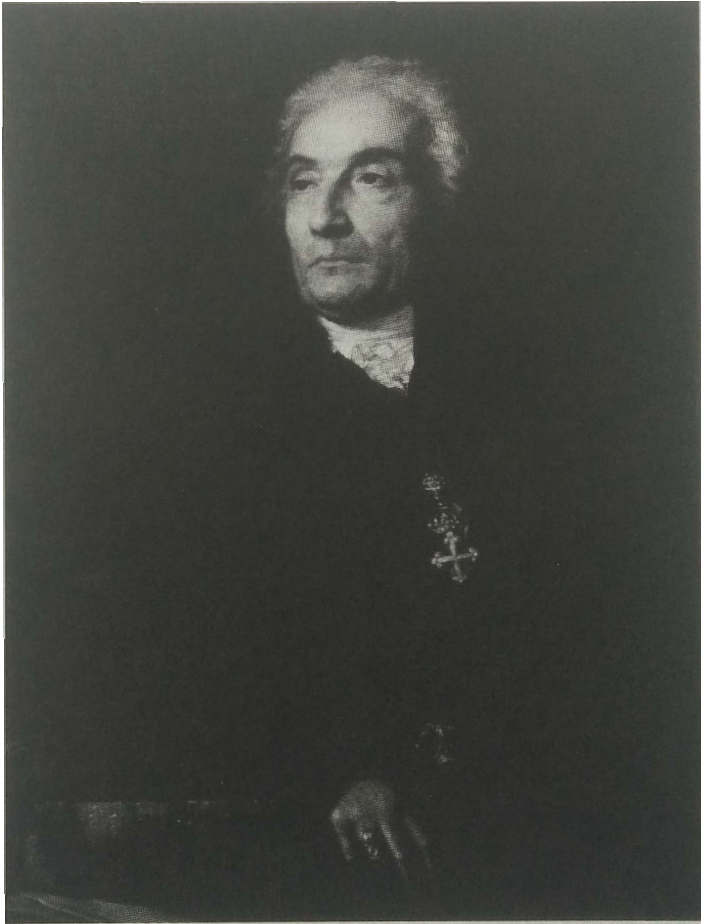
Trong thời kỳ này, có hai người đã giận dữ thảo ra một cách chi tiết bản cáo trạng đối với lời kêu gọi chuyển từ đức tin sang lý trí của thế kỷ XVIII, và từ truyền thống sang thời Khai minh. Tử tước Louis-Gabriel-Ambroise de Bonald được sinh ra (năm 1754) trong cảnh sung túc của giai cấp mình, và được dạy dỗ trong không khí sùng đạo ngoan ngoãn và vững chắc. Cảm thấy kinh ngạc và bị đe dọa bởi Cách mạng, ông di tản sang Đức, gia nhập đạo quân chống Cách mạng của Thân vương de Condé một thời gian, không bằng lòng với cảnh rối loạn chết người của nó, và lui về Heidelberg để tiến hành cuộc chiến bằng ngòi bút kỷ luật của mình. Trong tác phẩm *Théorie du pouvoir politique et religieux* (năm 1796; Lý thuyết về quyền lực chính trị và tôn giáo), ông bảo vệ chế độ quân chủ tuyệt đối, quý tộc kế thừa, quyền gia trưởng trong gia đình, và quyền tối cao về đạo đức và tôn giáo của các Giáo hoàng đối với tất cả các vì vua trong thế giới Thiên Chúa giáo. Hội đồng Chấp chính buộc tội cuốn sách, nhưng cho phép ông quay về Pháp (năm 1797). Sau một thời gian thận trọng ngưng nghĩ, ông tiếp tục cuộc công kích bằng triết lý với tập *Essai analytique sur les lois naturelles de l'ordre social* (năm 1800; Tiểu luận phân tích về các quy luật tự nhiên của trật tự

xã hội). Napoléon hoan nghênh chủ trương bảo vệ tôn giáo của tập sách như là điều không thể thiếu đối với chính quyền. Ông tặng cho Bonald một ghế trong Tham chính Viện; Bonald từ chối, rồi chấp nhận (năm 1806), bảo rằng Napoléon đã được Chúa bổ nhiệm để phục hồi đức tin chân chính²³.

Đến thời Trung hưng ông giữ hàng loạt các chức vụ công, và phát hành hàng loạt những lời công bố bảo thủ, nhiệt thành nhưng nhằm chán. Ông chống đối việc ly dị và “những quyền của phụ nữ” coi đó là những thứ phá vỡ gia đình và trật tự xã hội, cáo buộc tự do báo chí là mối đe dọa cho sự ổn định của chính phủ, bảo vệ chế độ kiểm duyệt và tội tử hình, và đề nghị trừng phạt bằng tội tử hình đối với việc gây ô uế cho những chiếc bình thánh sử dụng trong các nghi lễ Công giáo²⁴. Một số người bảo thủ mỉm cười trước lòng nhiệt thành với đức tin chính thống của ông; nhưng ông lấy làm an ủi qua việc trao đổi thư từ với Joseph de Maistre, người từ Sankt-Peterburg đã gởi cho ông những lời trấn an thể hiện sự ủng hộ hoàn toàn, và sau đó xuất bản những tập sách hẳn đã làm Bonald vui mừng đến phát điên với tính chất hoàn toàn bảo thủ và sự sáng chói trong văn phong của chúng.

Maistre sinh năm 1753 tại Chambery, nơi 20 năm trước Phu nhân de Warens đã dạy cho Rousseau nghệ thuật yêu đương. Là thủ đô của Công quốc Savoie, thành phố nằm dưới quyền của Vua Sardegna; tuy nhiên, người dân Savoie sử dụng tiếng Pháp như tiếng mẹ đẻ của mình, và Joseph học cách viết nó với hầu như cùng một sự cảm hứng và sức mạnh của Voltaire. Cha ông là Chủ tịch Thượng viện Savoie, và bản thân ông là một thành viên của cơ quan này vào năm 1787. Họ có nhiều lý do hơn là chuyện triết lý để bảo vệ cái *status quo* (nguyên trạng). Về chính trị Joseph là đứa con của cha mình, trong khi về mặt cảm xúc ông giống mẹ, là người đã truyền cho ông lòng trung thành nồng nhiệt đối với Giáo hội Công giáo. “Không có gì” sau này ông viết, “có thể thay thế cho sự giáo dục của một người mẹ”²⁵. Ông theo học với các

nữ tu sĩ và các linh mục và rồi trong một trường dòng Tên ở Torino. Cảm tình của ông đối với họ cũng không bao giờ phai nhạt; và sau một hồi ve vãn Hội Tam điểm, ông hoàn toàn chấp nhận quan điểm của dòng Tên rằng nhà nước nên phục tùng Giáo hội, và Giáo hội phục tùng Giáo hoàng.



Hình 52: Joseph de Maistre (Karl Vogel von Vogelstein, 1810)

Tháng Chín năm 1792, một đạo quân Cách mạng Pháp tiến vào Savoie, và đến tháng 11 thì công quốc này bị sáp nhập vào nước Pháp. Cơn khích động gây ra bởi sự đảo lộn mọi giá trị, giai cấp, quyền lực, và tín ngưỡng khiến cho Maistre dấy lòng căm thù làm u ám tâm trạng, viết nên những

cuốn sách, và hâm nóng văn phong của ông. Ông cùng vợ chạy trốn về Lausanne, và làm người đưa tin chính thức của Carlo Emanuele IV, Vua xứ Sardegna. Ông tìm thấy đôi chút an ủi qua việc thường xuyên viếng thăm khách thánh của Phu nhân de Staël tại thị trấn Coppet gần bên; nhưng những nhà trí thức ông gặp ở đây, như Benjamin Constant, đối với ông dường như bị nhiễm phải chủ nghĩa hoài nghi đáng kinh tởm của nước Pháp vào thế kỷ XVIII. Ngay cả những người *émigré* đang tùm tùm ở Lausanne cũng nghiện Voltaire; Maistre kinh ngạc thấy họ không biết rằng thái độ chống Công giáo của các triết gia đã bào mòn toàn bộ cơ cấu của đời sống nước Pháp bằng cách làm suy yếu sự ủng hộ của tôn giáo đối với quy luật đạo đức, gia đình, và nhà nước. Quá già để cầm vũ khí chống lại Cách mạng, ông quyết định chống lại những kẻ vô thần và những người cách mạng bằng ngòi bút của mình. Ông pha lẫn sự chỉ trích chua cay vào trong mực viết, và lưu lại dấu ấn của mình lên thế kỷ. Chỉ có Edmund Burke, vào lứa tuổi ấy, mới vượt qua được ông trong việc giải bày quan điểm bảo thủ về cuộc đời.

Do đó năm 1796, qua một tờ báo ở Neuchâtel, ông phát hành cuốn *Considérations sur la France* (Những suy nghĩ về nước Pháp). Ông nhìn nhận chính quyền của Louis XVI đã không kiên quyết và bất lực, và Giáo hội Pháp cần đổi mới về tinh thần²⁶; nhưng thay đổi hình dạng, chính sách, và các phương pháp của nhà nước quá nhanh chóng và triệt để là để lộ sự dốt nát của một thiếu niên đối với những nền tảng sâu xa của chính quyền. Ông tin không một xã hội có tổ chức nào có thể tồn tại lâu dài mà thiếu những cội rễ trong truyền thống và thời gian, hay sự ủng hộ trong tôn giáo và đạo đức. Cách mạng Pháp đã làm tiêu tan những sự ủng hộ này bằng cách chặt đầu nhà vua và truất quyền sở hữu của Giáo hội. “Chưa bao giờ một tội ác lớn như vậy lại có nhiều kẻ đồng lõa đến thế... Mỗi giọt máu của Louis XVI sẽ bắt nước Pháp phải trả giá hàng dòng sông máu; có lẽ bốn triệu người Pháp sẽ

trả giá bằng sinh mạng của mình cho tội ác vĩ đại mang tầm vóc dân tộc trong cuộc nổi dậy chống tôn giáo và chống xã hội được tôn vinh bởi tội giết vua.”²⁷ Chẳng bao lâu nữa, ông dự đoán (vào năm 1796), “bốn hoặc năm người sẽ tặng cho nước Pháp một ông vua”²⁸.

Năm 1797, Quốc vương Carlo Emanuele triệu hồi Maistre để phục vụ cho ông ở Torino, nhưng không lâu sau đó Napoléon chiếm Torino, và nhà triết học lánh nạn sang Venezia. Năm 1802, ông được bổ nhiệm làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Sardegna tại triều đình của Sa hoàng Aleksandr I. Dự kiến sứ mạng của mình chỉ ngắn ngủi, ông để gia đình ở lại, nhưng nhiệm vụ đối với Quốc vương đã giữ ông lại Sankt-Peterburg đến tận năm 1817. Ông chịu đựng cảnh lưu đày một cách sốt ruột, và vùi đầu vào những trang bản thảo.

Tác phẩm quan trọng nhất của ông, *Essai sur le principe générateur des constitutions politiques* (năm 1810; Luận văn về nguyên lý phát sinh của các thể chế chính trị) trình bày việc các thể chế như vậy đã bắt nguồn từ sự xung đột trong con người, giữa những thôi thúc của cái tốt và cái xấu (mang tính xã hội hoặc phi xã hội) và nhu cầu đối với một uy quyền được tổ chức và tồn tại lâu dài nhằm duy trì trật tự công cộng và sự tồn tại của tập thể qua việc ủng hộ sự hợp tác, theo nghĩa chống lại các xu hướng cá nhân chủ nghĩa. Mỗi con người tự bản chất đều khát khao quyền lực và của cải, và, cho đến khi được thuần hóa, đều có nguy cơ là một kẻ chuyên chế, tội phạm, hoặc kẻ hãm hiếp. Vài vị thánh kèm chế được lòng ham muốn trần tục, và một ít triết gia có thể đạt được điều này bằng lý trí; nhưng trong phần lớn chúng ta đức hạnh tự nó không thể làm chủ được các bản năng cơ bản; và để cho mọi người được cho là trưởng thành phán xét mọi vấn đề bằng lý trí của chính mình (vốn yếu đuối do thiếu kinh nghiệm, và là nô lệ của dục vọng) là hy sinh trật tự cho tự do. Nhưng tự do không kỷ cương như thế trở thành sự phóng túng bừa bãi, và tình trạng rối loạn của xã hội đe dọa

sức mạnh của tập thể trong việc đoàn kết chống lại sự tấn công từ bên ngoài hay sự phân rã từ bên trong.

Do đó, theo quan điểm của Maistre, thời Khai minh đầy nhiệt huyết là một sai lầm khổng lồ. Ông so sánh nó với một chàng thanh niên 18 tuổi, đã bày đặt hoặc chấp nhận làm theo những kế hoạch nhằm xây dựng lại giáo dục, gia đình, tôn giáo, xã hội, và chính quyền một cách triệt để. Voltaire là ví dụ tiêu biểu của sự toàn trí ngây ngô như thế; ông ta “nói về mọi chuyện cho cả một thời đại mà không một lần nhìn thấu xuống dưới cái bề mặt”; ông ta “quá liên tục bận rộn dạy cho thế giới” đến nỗi “hầu như không có thời gian để suy nghĩ”²⁹. Nếu ông ta đã nghiên cứu lịch sử một cách khiêm tốn như một cá nhân nhất thời đi tìm những bài học kinh nghiệm của nòi giống, hẳn ông ta đã biết rằng thời gian phi cá nhân là một vị thầy giỏi hơn tư tưởng cá nhân; rằng sự kiểm tra đúng đắn nhất một ý tưởng chính là những tác động thực tế của nó lên đời sống và lên lịch sử nhân loại; rằng những thiết chế bắt rễ trong truyền thống hàng thế kỷ không nên bị bãi bỏ mà không cân nhắc thận trọng những mặt lợi và hại; và rằng chiến dịch nhằm *écrasez l'infâme*ⁱ – tiêu diệt quyền uy tinh thần của cái Giáo hội đã đưa kẻ thiếu niên vào kỷ luật và tổ chức nên trật tự xã hội ở Tây Âu – sẽ làm sụp đổ luân lý, gia đình, xã hội, và nhà nước. Cuộc Cách mạng giết người là hệ quả tất yếu của thời “Khai minh” mù quáng. “Triết học về cơ bản là một sức mạnh huỷ diệt”; nó đặt tất cả lòng tin vào lý trí, vốn mang tính riêng lẻ, và vào trí năng, vốn mang tính cá nhân chủ nghĩa; và sự giải phóng cá nhân khỏi truyền thống và uy quyền của chính trị và tôn giáo khiến nhà nước và cả chính nền văn minh lâm vào cảnh nguy hiểm. “Do đó thế hệ hiện tại đang chứng kiến một trong những cuộc xung đột bi thảm nhất mà nhân loại từng thấy: cuộc chiến chí tử giữa Thiên Chúa giáo và sự tôn thờ triết học.”³⁰

i *Écrasez l'infâme* (nghiền nát thứ bại hoại): Lời Voltaire, xem cước chú ở đoạn thứ ba trong phần IV. 3 thuộc Chương 7.

Vì đời sống cá nhân quá ngắn ngủi không thích hợp với việc kiểm tra tính khôn ngoan của truyền thống, hẳn phải được dạy để chấp nhận nó như người hướng đạo của mình cho đến khi hẳn đủ già để bắt đầu hiểu được nó; dĩ nhiên, hẳn sẽ không bao giờ có thể hiểu được nó hoàn toàn. Hẳn nên có thái độ hoài nghi đối với mọi thay đổi được đề nghị trong bản hiến pháp hay bộ luật đạo đức. Hẳn nên tôn kính uy quyền đã được thiết lập như là phán quyết sau cùng của truyền thống và kinh nghiệm của giống nòi, và do đó như là tiếng nói của Thượng đế³¹.

Chế độ quân chủ – kế thừa và tuyệt đối – là hình thức chính quyền tốt nhất, vì nó là hiện thân của truyền thống lâu năm và rộng khắp nhất, mang lại trật tự, sự liên tục, ổn định, và sức mạnh; trong khi chế độ dân chủ, với sự thay đổi thường xuyên các nhà lãnh đạo và các ý tưởng, theo định kỳ bị lệ thuộc vào những ý thích bất chợt và sự dốt nát của quần chúng, dẫn đến sự bất mãn, rối loạn, việc thí nghiệm khinh suất, và một kết thúc sớm. Thuật cai trị bao gồm cả việc xoa dịu các đám đông; hành động tự tử của chính phủ nằm ở chỗ vâng theo họ.

Một cách ung dung (1802–1816), trong tác phẩm nổi tiếng nhất của mình, *Les Soirées de Saint-Petersbourg* (năm 1821; Những buổi tối ở Saint-Petersbourg) Maistre diễn giải một số khía cạnh thứ yếu của triết học ông. Ông nghĩ khoa học đã chứng tỏ có Chúa trời, vì nó cho thấy trong tự nhiên có một trật tự nguy nga bao hàm một trí thông minh hài hòa³². Chúng ta không nên để cho niềm tin của mình bị lung lay vì những thành công tình cờ của cái ác hoặc những thất bại của cái thiện. Chúa trời cho phép cái thiện lẫn cái ác sa xuống một cách lãnh đạm, như nắng và mưa, lên đầu tên tội phạm và ông thánh, vì ngài không sẵn lòng đình chỉ các quy luật của tự nhiên³³; tuy nhiên, trong một số trường hợp, ngài có thể lấy làm cảm động bởi lời cầu nguyện xin thay đổi phạm vi ảnh hưởng của một quy luật³⁴. Ngoài ra, phần lớn các tai họa là

hình phạt đối với các sai lầm hay tội lỗi; có lẽ mọi căn bệnh, mọi cơn đau, là một sự trừng phạt đối với một sự ô uế nào đó trong chính chúng ta, hoặc trong tổ tiên chúng ta, hoặc trong cộng đồng của chúng ta.

Nếu quả đúng vậy, chúng ta nên bệnh vực hình phạt thể xác, án tử hình đối với một số tội, và thậm chí những biện pháp tra tấn của Tôn giáo Pháp đình. Chúng ta nên kính trọng người đao phủ công thay vì biến anh ta thành kẻ bị ruồng bỏ; công việc của anh ta cũng vậy, đó là công việc của Thượng đế, và có tầm quan trọng sống còn đối với trật tự xã hội³⁵. Sự dai dẳng của cái ác đòi hỏi cần có sự kiên trì của hình phạt; thả lỏng điều này, và tội ác sẽ tăng lên. Ngoài ra, “không có hình phạt nào mà không thanh tẩy, không có sự hỗn loạn nào mà Tình yêu Vĩnh cửu không xoay lưng chống lại nguyên lý của cái ác”³⁶.

“Chiến tranh là thần thánh, vì nó là quy luật của thế giới” – được Chúa trời cho phép trong suốt toàn thể lịch sử³⁷. Dã thú tuân theo quy luật này. “Theo chu kỳ, một thiên thần huỷ diệt đến và mang đi hàng ngàn con vật.”³⁸ “Nhân loại có thể được xem như một thân cây mà một bàn tay vô hình liên tục xén tỉa, thường là vì lợi ích của nó... Phần lớn những vụ đổ máu thường liên quan đến một dân số đông đúc.”³⁹ “Từ con sâu cho đến thậm chí con người có một quy luật vĩ đại, hoàn hảo về sự huỷ diệt tàn bạo các sinh mạng. Toàn thể trái đất, trong lúc uống máu, chỉ là một bàn thờ mênh mông, nơi mọi sinh vật phải bị hiến tế, thời gian không có kết thúc, không có giới hạn, không ngưng nghỉ, thậm chí cho đến lúc huỷ diệt tất cả mọi thứ, thậm chí cho đến cái chết của cái chết”⁴⁰.

Nếu chúng ta phản đối rằng một thế giới như vậy khó mà khiến chúng ta tôn thờ người sáng tạo ra nó, Maistre trả lời rằng dù sao chúng ta cũng phải tôn thờ, vì mọi quốc gia và mọi thế hệ đã tôn thờ, và một truyền thống lâu bền và phổ biến như vậy hẳn phải chứa đựng một sự thật nằm ngoài khả năng của lý trí con người để có thể hiểu được hoặc

bác bỏ. Rốt cuộc, triết học, nếu nó yêu thích sự minh triết, sẽ đầu hàng tôn giáo, và lý trí sẽ đầu hàng đức tin.

Năm 1817, sau khi được phục hồi lên ngai vàng ở Torino, Nhà vua xứ Sardegna đã triệu hồi Maistre từ Nga về; và năm 1818 bổ nhiệm ông làm thẩm phán và thành viên Tham chính Viện. Trong hai năm ấy, vị triết gia ủ ê viết tác phẩm cuối cùng của mình, *Du Pape* (Về Giáo hoàng) (năm 1821), và được xuất bản không lâu sau khi ông mất. Cuốn sách là sự đáp trả không khoan nhượng cho câu hỏi đã được nêu lên do sự đề cao của ông đối với vị quân vương, nhằm bảo vệ xã hội chống lại chủ nghĩa cá nhân của công dân: Điều gì xảy ra nếu vị quân vương, như Caesar hay Napoléon, cũng là người theo chủ nghĩa cá nhân và tự cho mình là trung tâm như bất cứ công dân nào khác, và còn yêu quyền lực nhiều hơn nữa?

Maistre trả lời quả quyết rằng, tất cả các nhà cai trị phải chấp nhận phục tùng một quyền năng cổ xưa hơn, vĩ đại hơn, và khôn ngoan hơn họ: họ phải chịu phục tùng, trong mọi vấn đề tôn giáo hoặc đạo đức, sự phán quyết của vị giáo chủ vốn kế thừa quyền lực mà Con của Đức Chúa trời đã trao cho Tông đồ Petrosⁱ. Vào thời gian ấy (năm 1821), khi các quốc gia Âu châu đang đấu tranh để bình phục khỏi sự tàn bạo của Cách mạng và chính sách chuyên chế của Napoléon, các nhà lãnh đạo của họ phải nhớ lại theo cách nào mà Giáo hội Công giáo đã cứu vãn được các tàn tích của nền văn minh La Mã bằng cách kèm chế và thuần hóa những kẻ man rợ đông đảo; theo cách nào mà Giáo hội đã thiết lập, thông qua các giám mục của mình, một hệ thống trật tự xã hội và giáo dục có kỷ luật vốn dần dần - qua các thời kỳ Tăm tối và Trung cổ - đã sản sinh ra một nền văn minh dựa trên sự thoả thuận của các vị vua trong việc nhìn nhận uy quyền tối cao về mặt tinh thần của Giáo hoàng. “Các quốc gia đã không bao giờ được khai hoá trừ khi nhờ tôn giáo,” vì chỉ có mối lo sợ một đấng

i *Anh, Peter; Việt, Phêrô.*

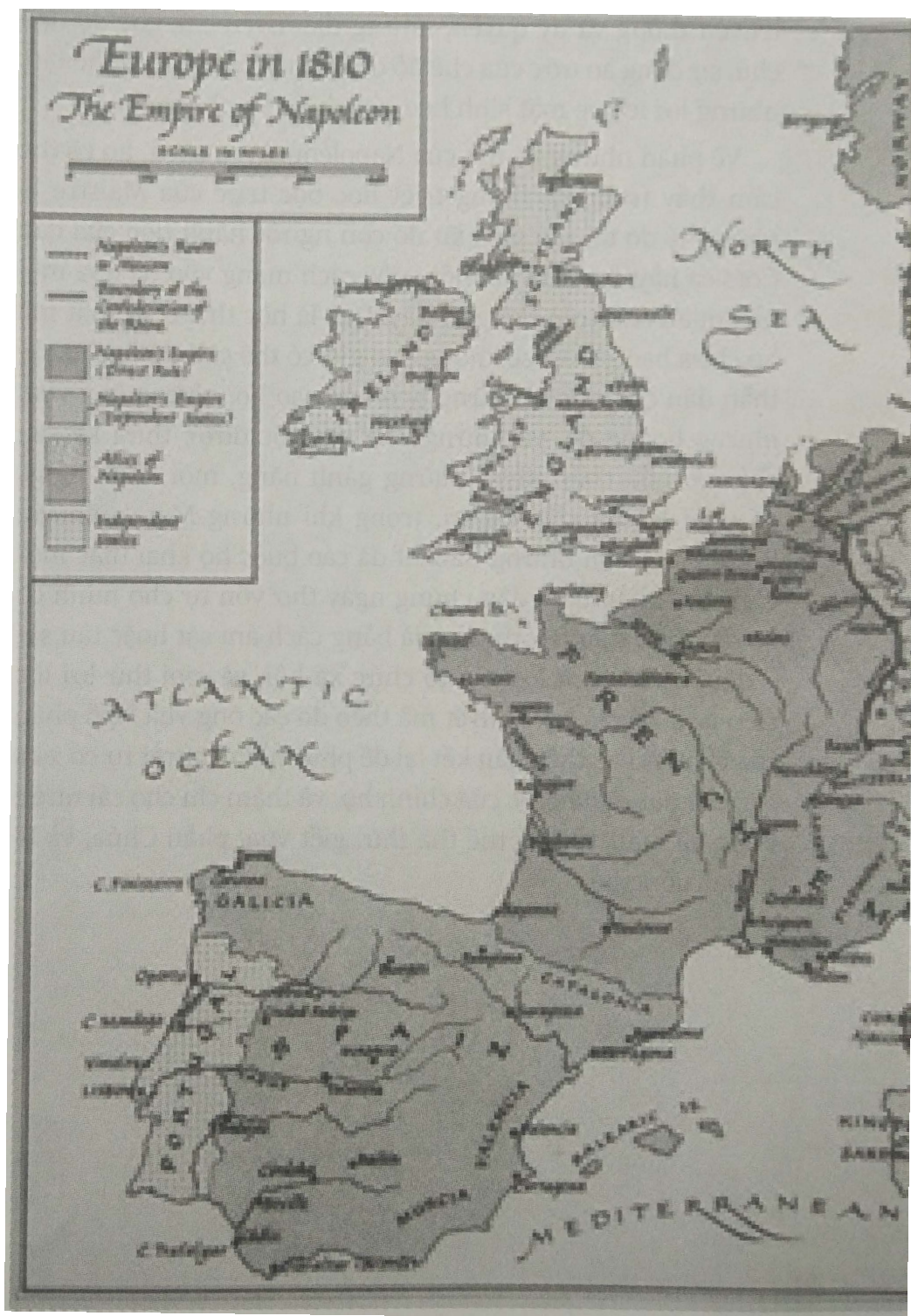
Thượng đế toàn năng và nhìn thấy tất cả mới có thể kiểm soát được chủ nghĩa cá nhân của dục vọng con người. Tôn giáo đi cùng với sự khai sinh ra mọi nền văn minh, và sự thiếu vắng tôn giáo báo trước cái chết của chúng⁴¹. Do đó các vị vua của châu Âu phải chấp nhận trở lại Giáo hoàng như là vị chúa tể của họ trong mọi vấn đề liên quan đến đạo đức hoặc tinh thần. Họ nên lấy giáo dục ra khỏi tay của các nhà khoa học và trao trả nó lại cho các tu sĩ, vì uy thế của khoa học sẽ khiến cho dân chúng trở nên thô lỗ và hung bạo⁴², trong khi sự phục hồi tôn giáo sẽ mang lại hòa bình cho quốc gia lẫn tâm hồn.

Nhưng điều gì xảy ra nếu Giáo hoàng cũng vị kỷ, và tìm cách biến mọi vấn đề thành mối lợi trần thế của chế độ Giáo hoàng? Maistre đã có sẵn câu trả lời: vì Giáo hoàng được Chúa trời hướng dẫn, ngài không thể sai lầm khi, đối với những vấn đề đức tin hay đạo đức, ngài phát biểu với tư cách nhà lãnh đạo chính thức của Giáo hội do Chúa Giê-su lập nên. Vì vậy, nửa thế kỷ trước, khi chính Giáo hội tuyên bố mình là một phần không thể tách rời của đức tin Công giáo, Maistre đã tuyên bố về tính không thể sai lầm của Giáo hoàng. Bản thân Giáo hoàng cũng hơi ngạc nhiên, và điện Vatican thấy nên kiềm hãm những người chủ trương toàn quyền nơi Giáo hoàng (ultramontanism) vốn đang đưa ra những lời khẳng quyết gây khó cho uy quyền chính trị của chế độ Giáo hoàng.

Trừ điểm cuối cùng này ra, và một số lời cường điệu khác vốn có thể cười xòa bỏ qua, thì những con người bảo thủ của châu Âu hoan nghênh việc Maistre cương quyết bảo vệ các quan điểm của họ, và những lời ngợi khen đến với ông từ Chateaubriand, Bonald, Lamennais, và Lamartine. Ngay cả Napoléon cũng đồng ý với ông về một số điểm – lòng nhân từ của Louis XVI, sự đốn mạt của những kẻ thí quân, những điều thái quá của Cách mạng, sự yếu đuối của lý trí, tính tự phụ của các triết gia, tính tất yếu của tôn giáo, giá trị của

truyền thống và uy quyền, những điểm yếu của chế độ dân chủ, sự đáng ao ước của chế độ quân chủ tuyệt đối và thế tập, những lợi ích về mặt sinh học của chiến tranh, v.v...

Về phần những kẻ thù của Napoléon đang trị vì, họ có thể cảm thấy trong hệ thống triết học bộc trực của Maistre là những lý do tại sao phải lật đổ con người hãnh tiến của đảo Corsica này, kẻ thừa kế một cuộc cách mạng vốn đe dọa mọi nền quân chủ trên thế giới này. Đây là học thuyết bí mật mà họ chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có thể giải thích cho các thần dân của mình: những lý do tại sao họ, những ông vua, những hoàng đế, và những nhà quý tộc được thừa kế của châu Âu, đã chấp nhận những gánh nặng, mối hiểm nguy, và nghi lễ của việc cai trị, trong khi những Marat, những Robespierre, và những Babeuf đã cáo buộc họ khai thác một cách tàn nhẫn đám dân chúng ngây thơ vốn tự cho mình có quyền thần thánh – thực ra là bằng cách ám sát hoặc tàn sát – đối với mọi ích lợi của tổ chức xã hội, và mọi thứ lợi lộc trên đời. Đây là học thuyết mà theo đó các ông vua hợp pháp của châu Âu có thể đoàn kết lại để phục hồi nền trật tự cổ xưa cho đất đai và dân tộc của chính họ, và thậm chí cho cái nước Pháp dã man, không thể tha thứ, giết vua, phản Chúa, và bị Chúa ruồng bỏ.



Hình 53: Bản đồ châu Âu năm 1810 - Đế quốc Napoleon



Chú thích

Chương 1

1. Bourrienne, *Memoirs*, I, 290.
2. Madelin, *The Consulate and the Empire*, I, 46.
3. *Ibid.*, 37.
4. Fournier, *Napoleon*, 180.
5. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 3.
6. Thiers, L. A., *History of the Consulate and the Empire*, I, 55.
7. *Ibid.*, 57
8. Las Cases, II, 330.
9. Taine, *Modern Regime*, I, 17.
10. *EB*, XIII, 717b.
11. Napoleon, *Letters*, 80.
12. Lefebvre, *Napoleon*, I, B4.
13. *Ibid.*; Taine, *Modern Regime*, I, 151; Madelin, *Consulate and Empire*, I, 56.
14. Lefebvre, *Napoleon*, I, 86.
15. Bourrienne, I, 289n.
16. Talleyrand, *Memoirs*, Giới thiệu của Công tước de Broglie, xxi.
17. *Ibid.*, xxii.
18. viii-ix.
19. Talleyrand, *Memoirs*, I, 17-71.
20. Madelin, *Talleyrand*, 48, 83.
21. Rémusat, *Memoirs*, 85.
22. *Ibid.*, 106.
23. Madelin, *Talleyrand*, 23.
24. Thiers, I, 61; Herold, chủ biên, *The Mind of Napoleon*, 72.
25. Canton, Gustave, *Napoleon antimilitariste*, 34.
26. Lefebvre, *Napoleon*, I, 89.
27. *Ibid.*, 88; Taine, V, 141n.
28. Lefebvre, I, 74.
29. Bourrienne, I, 370.
30. *Ibid.*, 372.
31. Jacques Bainville in Geyl, Peter, *Napoleon: For and Against*, 345.
32. *Ibid.*, 344.
33. Bourrienne, I, 413.
34. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 93.
35. Napoleon, *Letters*, 84.
36. Thiers, I, 295.
37. Bourrienne, I, 419.
38. *Ibid.*, II, 2.
39. 3.
40. Thiers, I, 236.
41. *Ibid.*, 247.
42. 248
43. Napoleon, *Letters*, 87.
44. Lefebvre, *Napoleon*, I, 100.
45. Bourrienne, II, 22
46. *Ibid.*, I, 414.
47. Napoleon, *Letters*, 90.
48. Thiers, I, 322.

49. Bourrienne, I, 345; Méneval, *Memoirs*, I, 69; Thiers, I, 332.
50. Bourrienne, I, 351n.
51. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 108.
52. Morris, Gouverneur, *Diary*, 92.
53. Madelin, I, 113.
54. Las Cases, IV, 103.
55. *Ibid.*
56. Madelin, I, 150.
57. *EB*, VII, 12c.
58. Rose, J. H., *Personality of Napoleon*, 169.
59. In Geyl, 330.
60. Guerard, A. L., *French Civilization in the 19th Century*, 67.
61. Cardinal Consalvi trong Lefebvre, Napoleon, I, 19.
62. Taine, *French Revolution*, III, 474.
63. Las Cases, II, 253.
64. Bourrienne, II, 236.
65. *CMH*, IX, 186.
66. Stael, Mme.de, *Considérations sur les principaux événements de la Révolution française*, 376; Canton, 44; Herold, *The Mind of Napoleon*, 107.
67. Canton, 30-34.
68. Méneval, I, 188.
69. Canton, 37.
70. *Ibid.*, I, 3.
71. Bourrienne, II, 299.
72. Thiers, II, 302.
73. Bourrienne, II, 151.
74. Cụm này đã được áp dụng cho Friedrich II xứ Sicilia; xem Durant, *The Age of Faith*, 714.
75. Morris, *Diary*, 115-16.
76. *Ibid.*, 117; Lefebvre, *Napoleon*, I, 176.
77. Bourrienne, II, 226; Lefebvre, I, 169.
78. Fouché, Joseph, *Memoirs*, I, 256-57.
79. Lefebvre, I, 180; Madelin, *Consulate and Empire*, I, 192; Kircheisen, *Memoirs of Napoleon*, I, 107.
80. *CMH*, IX, 29.
81. Lefebvre, I, 180-81.
82. Las Cases, IV, 186; Madelin, I, 193.
83. Rémusat, 39; Madelin, I, 193.
84. Kircheisen, 108.
85. Mistler, I, 120.
86. Lefebvre, I, 180-81; Méneval, I, 234.
87. Caulaincourt, Armand de, *With Napoleon in Russia*, 314.
88. *Ibid.*, 317.
89. Lefebvre, I, 182; Madelin, I, 208.
90. Méneval, I, 249.
91. Madelin, *Talleyrand*, III.
92. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 218.
93. Bourrienne, II, 280.
94. Madelin, I, 210.
95. Las Cases, II, 67.
96. Rémusat, 137, 167.

97. Bourrienne, II, 264.
98. Las Cases, IV, 192.
99. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 227.
100. Rémusat, 108.
101. Mossiker, 271.
102. Madelin, I, 97.
103. Méneval, I, 278.
104. Madelin, I, 212.

Chương 2

1. Rose, *Personality of Napoleon*, 191.
2. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 240.
3. Las Cases, II, 133.
4. *EB*, XIII, 89C.
5. Masson, Frederic, *Napoleon and His Coronation*, 229.
6. Pinoteau, Hervé, chủ biên, *Le Sacre de S. M. l'empeteur Napoléon*, tr.xii.
7. Las Cases. III, 130; Madelin. *Consulate and Empire*, 244.
8. Masson. *Coronation*, 236.
9. Stael, Mme. de. *Ten Years' Exile*, 151.
10. Rémusat, *Memoirs*, 249; *Napoleon, Letters*, 112.
11. Rémusat, 251.
12. Lefebvre, *Napoleon*, I, 203; Madelin, I, 251 f.
13. *Ibid.*, 235.
14. Rémusat, 293.
15. Bourrienne, III, 3.
16. *Ibid.*
17. Thiers, IV, 64.
18. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 269.
19. Wilson, P. W., *William Pitt*, 335.
20. Bourrienne, III. 52n.
21. Rémusat, 324.
22. Bourrienne, III, 47; Madelin, I, 300.
23. *Ibid.*, 297.
24. Méneval, I, 405.
25. Rémusat, 442.
26. Lefebvre, *Napoleon*, I, 2SS.
27. Madelin, I, 31B.
28. *Ibid.*, 316.
29. Rémusat, 453.
30. Mossiker. *Napoleon and Josephine*, 296.
31. *CMH*, IX. 279.
32. Robinson, *Readings*, 489.
33. Georg Brandes trong Clark. B. H., *Great Short Biographies of the World*, 1080.
34. Rémusat, 459.
35. Méneval, II, 449.
36. *Ibid.*, 463.
37. Vandal, *Napoléon et Alexandre ler*, I, 65.
38. Bertaut, *Napoleon in His Own Words*, 8, 9.
39. Rémusat. 534.

Chương 3

1. Morris, Gouverneur, *Diary*, 98-99.
2. Las Cases, II, 192.
3. Mistler, Jean, chủ biên, *Napoléon et l'Empire*, I, 145.
4. *Ibid.*; Stacton, David, *The Bonapartes*, 13.
5. Las Cases, II, 190; Mistler,

- I,145.
6. Stacton, 16.
7. Las Cases, III, 321.
8. Rémusat, 323n.
9. Goodrich, F. B., *The Court of Napoleon*, 290–293.
10. Bourrienne, II, 110.
11. Napoleon, *Letters*, 190.
12. *Ibid.*, 123.
13. Stendhal, *La Chartreuse de Parme*, 450.
14. Napoleon, *Letters*, 107.
15. Goodrich, 207.
16. Rose, *Personality of Napoleon*, 32.
17. Trong Goodrich, 271; Caulaincourt, *With Napoleon in Russia*, 14.
18. Talleyrand, *Memoirs*, I, 261.
19. Caulaincourt, 23.
20. Lefebvre, *Napoleon*, 11, 19.
21. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 410.
22. *Ibid.*, 411.
23. Talleyrand, *Memoirs*, I, 310–13.
24. *Ibid.*, 316.
25. 328; Madelin, *Consulate and Empire*, I, 416.
26. Talleyrand. I, 337.
27. Madelin, *Talleyrand*, 78, 134.
28. Brandes, G., *Goethe*, II, 264.
29. Talleyrand, I, 318.
30. Lewes, George, *Life of Goethe*, II, 312.
31. Talleyrand, I, 326.
32. *Ibid.*, 331.
33. 333.
34. Lewes, II, 313.
35. Las Cases, II, 134.
36. Meneval. II, 553.
37. Rose, *Personality*, 495.
38. Madelin, I. 425.
39. Lefebvre, *Napoleon*, II, 57.
40. *Ibid.*
41. Méneval. II. 563; Madelin, I,436; Mistler, I, 150.
42. Herold, chủ biên, *The Mind of Napoleon*, 175.
43. Lefebvre, II, 52.
44. Mossiker, *Napoleon and Josephine*, 328.
45. Rémusat, 376.
46. *Ibid.*, 375.
47. Herold, *The Mind of Napoleon*, 22.
48. Bourrienne, II, 117; Méneval, II, 423.
49. Herold, 16.
50. Mossiker, *Napoleon and Josephine*, 151.
51. Las Cases. II, May 19, 1816.
52. Madelin, II, 15.
53. *Ibid.*, 17.
54. Taine, *The Modern Regime*, I, 79n.
55. Kircheisen, *Memoirs of Napoleon I*, 149.
56. Méneval, II, 615.
57. Napoleon. *Letters to Josephine*, 222.
58. Las Cases, II, 185.
59. *Ibid.*, 21.
60. *Ibid.*, III, 275.

Chương 4

1. EB, X, 941d.

2. Rémusat, 47.
3. Las Cases. III, 258.
4. Mistler. I, 137.
5. Ross. E. A., *Social Control*, 276.
6. Auction Magazine, November 1971, p.35
7. Bourrienne, I, 311.
8. Méneval, I, 108.
9. Cronin, Vincent, *Napoléon Bonaparte*, 182.
10. Méneval, I, 416.
11. Ed.'s note to Bourrienne, 1, 312.
12. Masson, F., *Napoléon at Home*, I, 90.
13. Méneval, I, 411.
14. MacLaurin, C., *Post Mortem*, 220; Howarth, David, *Waterloo*, 52 ff.
15. Las Cases, II, 252; MacLaurin, 222; Friedrich Kircheisen in *New York Times*, 26.2. 1931.
16. Méneval, I, 412.
17. Taine, *Modern Regime*, I, 44.
18. Rosebury, Theodor, *Microbes and Morals*, 158.
19. Las Cases, III, 146; I, 236.
20. *Ibid.*, III, 391.
21. I, 392.
22. Taine, *Modern Regime*, I, 68.
23. *Ibid.*, 69.
24. *Ibid.*
25. Bourrienne, I, 294.
26. Méneval, I, 346, 415.
27. Bourrienne, I, 309.
28. Las Cases, III, 346.
29. Herold, chủ biên, *The Mind of Napoleon*, xvii.
30. Méneval, I, 353.
31. Taine, *Modern Regime*, I, 18 ff.
32. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 30.
33. Source lost.
34. Taine, I, 19; Madelin, I, 30.
35. Bourrienne, I, 315; Méneval, I, 356; Taine, I, 54.
36. Bourrienne, I, 310.
37. Las Cases, I, 251.
38. Napoleon, *Letters*, 68 (7.10. 1797),
39. Sorel, Albert, *Europe and the French Revolution*, VI, 205, trong Geyl, 251.
40. Fouché, *Memoirs*, II, 52.
41. Brandes, *Main Currents*, I, 29.
42. Lewes, *Life of Goethe*, II, 312.
43. Las Cases, I, 311 .
44. Bourrienne, II, 102.
45. Taine, *Modern Regime*, I, 60.
46. Herold, ed., *The Mind of Napoleon*, 156.
47. *Ibid.*, No.XXXVI.
48. Taine, I, 35.
49. Napoleon, *Letters*, III (12.12. 1804).
50. Lefebvre, *Napoleon*, I, 66.
51. Rémusat, 95.
52. Herold, 43.
53. Breed, Lewis, *The Opinions and Reflections of Napoleon*, 114.

54. Fouché, *Memoirs*, II,18; Rémusat, 370.
55. Las Cases, I, 379; Lefebvre, I, 64.
56. Caulaincourt, 71.
57. Las Cases, III, 318.
58. Rose, *Personality of Napoleon*, 29.
59. Rémusat, 60.
60. Masson, *Napoleon at Home*, I, 163.
61. Bourrienne, I, 317.
62. *Ibid.*, 328.
63. Méneval, I, 128.
64. Taine, *Modern Regime*, II, 45.
65. Las Cases, IV, 154-61.
66. Lefebvre, *Napoleon*, I, 64.
67. Constant, Véry, *Memoirs*, I, 6 & xii.
68. Rémusat, 102.
69. Caulaincourt, 27.
70. Goodrich, *Court of Napoleon*, 375.
71. *Ibid.*, 371.
72. Stael, Mme. de, *Considérations*, 334.
73. Méneval, I, 221.
74. Masson, *Napoleon at Home*, 168.
75. Méneval, I, 350; Las Cases, III, 345.
76. Méneval, I, 353.
77. Las Cases, III, 330.
78. In Rose, *Personality*, 119.
79. Bertaut, *Napoleon in His Own Words*, 125-126.
80. Herold, ed., *Mind of Napoleon*, 211.
81. Las Cases, II, 244.
82. Rose, 86.
83. *Ibid.*, 200.
84. Bourrienne, III, 95.
85. Bertaut, 126.
86. Herold, 211.
87. Méneval, II, 534.
88. Rose, *Personality*, 119.
89. Herold, 217.
90. Rose, 110.
91. Herold, 217; Las Cases, II, 26.
92. Emerson, *Representative Men*, 254.
93. Canton, *Napoleon antimilitariste*, 146.
94. Bertaut, 122; Rose, *Personality*, 347; Guerard, *French Civilization in the 19th Century*, 61.
95. Bourrienne, I, 314.
96. Las Cases, II, 12.
97. *CMH*, IX, 114.
98. Lefebvre, *Napoleon*, I, 227.
99. Canton, 214.
100. Herold, 206.
101. Quoted in Gooch, G. P., *History and Historians in the 19th Century*, ấn bản thứ nhì., 259.
102. Herold, 276-77.
103. Las Cases, IV, 37.
104. *Ibid.*, II, 384.
105. Rémusat, 451.
106. Las Cases, I, 181.
107. Bourguignon, I, *Introduction*, p.ii.
108. Rémusat, 71,319; Taine, *Modern Regime*, I, 70; Las Cases, IV, 163.

109. Herold, ed., *Mind of Napoleon*, 162.
110. *Ibid.*, 9.
111. 162.
112. Bourrienne, I, 237.
113. Herold, 172.
114. *Ibid.*, 171.
115. Bourguignon, I, 38.
116. Herold, 92.
117. Bourrienne, I, 380.
118. Taine, *Modern Regime*, I, 134a, 480.
119. Herold, 162.
120. Las Cases, III, 256.
121. Bourrienne, I, 325 (chú thích), 293, 367a, 327a; Taine, I, 193.
122. Bertaut, 79.
123. Herold, 255.
124. *Ibid.*, 30-31.
125. Bourrienne, I, 327.
126. Herold, 30; Bertaut, 107-108.
127. Las Cases, II, 253.
128. Taine, II, 3-4.
129. Herold, 32.
130. Bertaut, II.
131. Kircheisen, *Memoirs of Napoleon I*, 166.
132. Herold, 33.
133. Kircheisen, 160.
134. Aulard in Geyl, 323; Herold, 105.
135. Bertaut, 112-113; Taine, II, 5.
136. Bertaut, 114.
137. Taine, II, 6.
138. Bertaut, 32.
139. Herold, 20.
140. Bertaut, 2S.
141. Herold, 21.
142. Kircheisen, 154.
143. Bertaut, 32-33.
144. Herold, 23.
145. Kircheisen, 153.
146. *Ibid.*, 152.
147. Mossiker, *Napoleon and Joséphine*, 301.
148. Napoleon, *Letters*, 180.
149. Bertaut, 5.
150. *Ibid.*, 146.
151. Herold, 73.
152. Bertaut, I.
153. *Ibid.*, 46.
154. 54.
155. Las Cases, III, 241.
156. *Ibid.*, I, 400.
157. Bertaut, 65.
158. Las Cases, III, 242.
159. *Ibid.*, IV, 104; Bourrienne, II, 218.
160. Herold, 40-41.
161. Mossiker, 34.
162. *Ibid.*, 20.
163. Levy, M., *Private Life of Napoleon*, I, 274.
164. Bertaut, 9.
165. Herold, 40.
166. *Ibid.*, 36.
167. 40.
168. Rémusat, 535.
169. Bertaut, 142.
170. Herold, 179.
171. Las Cases, II, 325.
172. Taine, *Modern Regime*, I, 59.

Chương 5

1. Las Cases, II, 3S9.
2. Letter to Lucien Bonaparte,

- Dec. 25, 1799, trong *Letters*, 82.
3. Las Cases, III, 23.
4. Letter to Roederer, trong Taine, *Modern Regime*, I, 265.
5. Breed, *The Opinions and Reflections of Napoleon*, 121.
6. Lacroix, *Directoire, Consulat et Empire*, 10.
7. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 291.
8. Mistler, ed., *Napoleon et l'Empire*, I, 196.
9. Lacroix, 540.
10. Las Cases, III, 94, 340; Remusat, 345-346; Madelin, I, 294-297.
11. Herold, ed., *Mind of Napoleon*, 190.
12. *CMH*, IX, 375-376.
13. Guillemin, Henri, *Napoleon tel quel*, 120-121.
14. Guérard, *French Civilization*, 77.
15. Taine, *Modern Regime*, I, 213.
16. *Ibid.*, 216-217.
17. Bourrienne, III, 32.
18. Méneval, II, 595.
19. Taine, *Modern Regime*, I, 226.
20. Las Cases, II, 36.
21. *Ibid.*, IV, 61.
22. Taine, II, 138.
23. *Ibid.*, 140-41.
24. *CMH*, IX, 127.
25. Bourrienne, II, 359.
26. Napoleon, *Letters*, 115.
27. *CMH*, IX, 127.
28. Rose, *Personality of Napoleon*, 177; Taine, II, 153.
29. Thiers, *History of the Consulate and the Empire*, II, 275.
30. Taine, I, 67.
31. *Ibid.*, 262.
32. Sainte-Beuve, *Monday Chats*, 207.
33. Méneval, I, 499.
34. Taine, I, 233.
35. *CMH*, IX, 114.
36. Lefebvre, Napoleon, I, 227.
37. *CMH*, IX, 115.
38. Taine, I, 90; Guérard, *French Civilization*, 64.
39. Lefebvre, 1, 227.
40. Herold, ed., *Mind of Napoleon*, 208.
41. Bertaut, *Napoleon in His Own Words*, 5.
42. *Ibid.*, 57.
43. *Ibid.*
44. Musset, *Confessions of a Child of the Century*, 3.
45. Bourrienne, II, 131.
46. Taine's phrases. Cf. *The Modern Regime*, I, 150.
47. Thiers, II, 166-78.
48. Taine, I, 171; Herold, 111.
49. Fouché, *Memoirs*, I, 196.
50. Goodrich, *Court of Napoleon*, 157; Las Cases, III, 397.
51. Bertaut, 61.
52. Las Cases, II, 315.

53. Herold, ed., *Mind of Napoleon*, 142.
54. Bertaut, 48.
55. Ibid., III.
56. Lacroix, 45.
57. Stael, Mme. de, *Ten Years' Exile*, 7.
58. Las Cases, II, 198.
59. Mossiker, *Napoleon and Josephine*, 272; Rémusat, 227.
60. Ibid., 7; Herold, *Mistress to an Age*, 287.
61. Rémusat, 53; Herold, *Mistress*, 290.
62. Bức chân dung Phu nhân Récamier của David đang ở Louvre; bức của Gerard đang ở Musée de la Ville.
63. Rémusat, 33-37.
64. Herold, *Mistress*, 288.
65. Junot, Mme., *Memoirs*, II, 60.
66. Graetz, H., *History of the Jews*, V, 482.
67. Ibid.
68. 491; CMH, IX, 205.
69. Graetz, V, 492.
70. Ibid., 494.
71. Lefebvre, *Napoleon*, II, 186; CMH, IX, 205.
72. Lefebvre, 187.
73. Graetz, V, 500.
3. Las Cases, III, 97.
4. Grout, D. J., *Short History of Opera*, 316.
5. Viện bảo tàng Dijon.
6. Goodrich, *Court of Napoleon*, 299.
7. Muther, R., *History of Modern Painting*, I, 111.
8. Bertaut, *Napoleon in His Own Words*, 55.
9. Stranahan, C. H., *History of French Painting*, 129.
10. Las Cases, I, 368.
11. Mantzius, K., *History of Theatrical Art*, VI, 164.
12. Ibid., 163.
13. Goodrich, 118.
14. In Lacroix, 188.
15. Goodrich, 390.
16. Dumas père, Alexandre, *Mes Mémoires*, IV, 27, trong Mantzius, VI, 178.
17. Rémusat, 58-62.
18. Lacroix, 189.

Chương 7

Chương 6

1. Masson, F., *Napoleon at Home*, II, 74.
2. Lacroix, *Directoire, Consulat et Empire*, 494.
1. Herold, chủ biên, *Mind of Napoleon*, 156.
2. Mistler, chủ biên, *Napoléon et l'Empire*, I, 231.
3. Méneval, I, 185.
4. Herold, 121.
5. Time Magazine, Oct. 19, 1970, tr. 43.
6. Mistler, I, 231.
7. Herold, *Mind of Napoleon*, 131.
8. Goodrich, *Court of*

- Napoleon*, 149.
9. *Ibid.*, 250.
 10. Taine, *Modern Regime*, II, 200.
 11. *Ibid.*
 12. Stael, Mme. de, *Ten Years' Exile*, 19.
 13. SainteBeuve, *Portraits of Celebrated Women*, 224.
 14. Stael, Mme. de, *Germany*, I, 77.
 15. Bourrienne, II, 364-66.
 16. Stael, Mme. de, *Corinne*, Introduction, xvi.
 17. Brandes, G., *Main Currents in 19th Century Literature*, I, 94.
 18. Stael, Mme. de, *Ten Years' Exile*, 25.
 19. *Ibid.*, 74.
 20. Stevens, Abel, *Mme. de Staël*, II, 263.
 21. Las Cases, IV, 7.
 22. Taine, *Modern Regime*, I, 29n.
 23. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 150.
 24. Herold, *Mistress to an Age*, 186.
 25. In Brandes, *Main Currents*, I, 94.
 26. Stael, Mme. de, *Considérations*, 97.
 27. *Ibid.*, I.
 28. Stael, Mme. de, *De la Littérature*, II.
 29. In Herold, *Mistress*, 210.
 30. *Ibid.*, 211.
 31. 233.
 32. Stael, Mme. de, *Ten Years' Exile*, 8.
 33. In Herold, 259.
 34. Source illegible.
 35. Herold, 263.
 36. Stael, Mme. de, *Ten Years' Exile*, 105.
 37. Stevens, Abel, *Mme. de Staël*, I, 31.
 38. Herold, 293.
 39. Madelin, I, 36S.
 40. Herold, 342.
 41. *Ibid.*, 343.
 42. *Corinne*, 37-38.
 43. *Ibid.*, 18-20.
 44. Herold, 344.
 45. *Ibid.*, 363.
 46. 369.
 47. Brockway & Winer, *Second Treasury of the World's Great Letters*, 315.
 48. Stael, Mme. de, *Germany*, I, 38.
 49. *Ibid.*, 34, 84.
 50. 34.
 51. 31.
 52. 42.
 53. 90-93.
 54. *De la Littérature*, 21.
 55. *Germany*, I, 114.
 56. *Ibid.*, II, 84.
 57. II, 187.
 58. 297.
 59. *Corinne*, 125.
 60. *Germany*, I, 36.
 61. E.g., *Germany*, II, 188; cf. Stevens, II, 26.
 62. Stevens, 218.
 63. *Ten Years' Exile*, 246n.

64. *Ibid.*, 304.
65. Source lost.
66. Stael, Mme. de, *Considérations*, 432.
67. *Ibid.*
68. 430.
69. Stevens, II, 313.
70. Sainte-Beuve, *Portraits of Celebrated Women*, 204.
71. Stevens, I, 4.
72. Bertaut, *Napoleon in His Own Words*, 77-78; *Las Cases*, IV, 7.
73. Constant, B., *The Red Notebook*, 112.
74. *Ibid.*, 113.
75. 133.
76. Herold, *Mistress*, 151.
77. Nicholson, H., *Benjamin Constant*, 140.
78. Herold, 240, 246.
79. *Ibid.*, 248.
80. Constant, B., *Journal intime*, 155.
81. *Ibid.*, 155-65.
82. 172.
83. 242.
84. *Ibid.*
85. Herold, 463.
86. In Nicholson, 255.
87. *Ibid.*, 273.
88. Sainte-Beuve, *Chateaubriand et son groupe littéraire*, I, 13.
89. Faguet, Émile, *Dix-septième Siècle: Études et portraits littéraires*, 70.
90. Chateaubriand, *Memoirs*, Baldick biên tập, preface, xx.
91. *Ibid.*, 5.
92. 39.
93. 39.
94. 46-47.
95. 47.
96. 56.
97. 122.
98. In Sainte-Beuve, *Chateaubriand*, I, 128.
99. *Ibid.*, 203 ff.
100. *Memoirs*, Baldick biên tập, 150.
101. Lanson, *Histoire de la littérature française*, 887n.
102. *Memoirs*, 157.
103. *Ibid.*, 191.
104. Sainte-Beuve, *Chateaubriand*, I, 149.
105. In Faguet, *Dix-septième Siècle: Études littéraires*, 14.
106. Sainte-Beuve, I, 175.
107. In Faguet, 14.
108. Chateaubriand, *Atala and René*, 72 ff.
109. *Ibid.*, 87.
110. Lemaitre, Jules, *Chateaubriand*, 146.
111. Chateaubriand, *The Genius of Christianity*, 190.
112. Lemaitre, 138.
113. *The Genius of Christianity*, 148.
114. Lemaitre, 150.
115. *Ibid.*, 326-27.
116. 321.
117. *Atala and René*, 135.
118. Brandes, *Main Currents*, 1, 29.
119. Bertaut, 76.

120. *Memoirs*, 208.
121. *Ibid.*, 216.
122. *Ibid.*, preface, xiv.
123. 218.
124. 231.
125. *Mémoires d'outre-tombe*, quyển bản về Napoléon, 391.
126. *Memoirs*, Baldick biên tập, 244.
127. *Ibid.*, 153.
128. In Sainte-Beuve, *Chateaubriand*, I, 149n.
129. *Mémoires*, appendix, 457.
130. *Ibid.*, 463.
131. 48.
132. 497-509.
133. *Memoirs*, Baldick biên tập, 161.

Chương 8

1. *NCMH*, IX, 124.
2. Bernal, *Science in History*, 381.
3. *EB*, IX, 667a.
4. *NCMH*, IX, 133.
5. Berry, *Short History of Astronomy*, 307. Được nhắc lại từ *The Age of Voltaire*, 549.
- 5a. Bertrand, *Napoleon at St. Helena*, 168; Castiglione, *History of Medicine*, 714; thư của bác sĩ Elmer Belt.
6. Sigerist, H. E., *The Great Doctors*, 140, 274.
7. *Ibid.*, 176.
8. Garrison, F., *History of Medicine*, 412.

9. Castiglione, Arturo, *History of Medicine*, 701.
10. Hippocrates, Works, VI, "Decorum."
11. Williams, H. S., *History of Science*, III, 78 ff.
12. *Ibid.*, IV, 104-6.
13. Locy, W. A., *Biology and Its Makers*, 382.
14. *EB*, XIII, 614-617.
15. *Ibid.*
16. Destutt de Tracy in Boas, George, *French Philosophers of the Romantic Period*, 25.
17. *Ibid.*
18. Taine, *Modern Regime*, II.
19. Taine, *Les Philosophes classiques du XIXe siècle en France*, 55.
20. John Knox's phrase. See *The Age of Reason Begins*, 115.
21. Maine de Biran, *The Influence of Habit on the Faculty of Thinking*, 115.
22. *Ibid.*, 122.
23. Madelin, *Consulate and Empire*, I, 365.
24. Phillips, C. S., *The Church in France*, I, 192-93.
25. Maistre, *Soirées de Saint-Pétersbourg*, I, 149.
26. Maistre, *Works*, 57.
27. *Ibid.*, 51.
28. 86.
29. 196.
30. 74.
31. *Soirées*, I, 10.

- 32. *Ibid.*, II, 222.
- 33. I, 24.
- 34. 182.
- 35. 31.
- 36. II, 64.
- 37. II, 254.
- 38. *Ibid.*
- 39. *Works*, 62.
- 40. *Soirées*, II, 24.
- 41. *Works*, 163, 177.
- 42. *Ibid.*, 166.

Phụ lục

Niên biểu Napoléon

1769

15 tháng Tám: Napolione di Buonaparte chào đời tại Ajaccio, Corsica

1779

15 tháng Năm: Napoléon (giờ đây đánh vần theo tiếng Pháp) theo học tại Học viện Quân sự Brienne, Pháp.

1784

17 tháng Mười: Theo học tại Học viện Quân sự Hoàng gia ở Paris, Pháp.

1785

21 tháng Mười: Tốt nghiệp Học viện Quân sự Hoàng gia với cấp bậc Thiếu úy Pháo binh.
3 tháng Mười một: Đồn trú tại Valence.

1789 – 1799, Cách mạng Pháp.

1793

22 tháng Mười hai: Với chiến công lừng lẫy giải vây cho Toulon, Napoléon được thăng Thiếu tướng.

1794

9 – 20 tháng Tám: Bị bỏ tù vì tình nghi ủng hộ Robespierre.

1795

5 tháng Mười: Dập tắt cuộc nổi dậy của phe bảo hoàng theo yêu cầu của Barras, được vinh thăng Trung tướng kiêm Tư lệnh Đạo quân Nội địa.

15 tháng Mười: Lần đầu tiên gặp Joséphine Beauharnais tại nhà Barras.

2 tháng Mười một: Hội đồng Chấp chính được thành lập.

1796

2 tháng Ba: Napoléon được cử làm Tư lệnh đạo quân Pháp tại Ý.

9 tháng Ba: Napoléon kết hôn với Joséphine.

11 tháng Ba: Chiến dịch nước Ý bắt đầu.

10 tháng Năm: Napoléon chiến thắng trận Lodi.

17 tháng Mười một: Napoléon chiến thắng trận Arcole.

1797

14 tháng Một: Napoléon chiến thắng trận Rivoli.

17 tháng Mười: Ký hòa ước Campo-Formio với Áo.

5 tháng Mười hai: Napoléon trở về Paris như một người hùng.

1798

- 19 tháng Năm: Napoléon lên đường, bắt đầu Chiến dịch Ai Cập.
- 23 tháng Bảy: Napoléon tiến vào Cairo.
- 31 tháng Bảy – 1 háng Tám: Hạm đội Anh dưới sự chỉ huy của Đô đốc Nelson đánh tan hạm đội Pháp tại Trận sông Nile, cắt đứt đường tiếp tế của quân đội Pháp tại Ai Cập.

1799

- 23 tháng Tám: Napoléon bàn giao đạo quân Ai Cập lại cho Tướng Kléber và quay về Paris.
- 9 – 10 tháng Mười một: Napoléon nắm quyền trong vụ đảo chính ngày 18 Brumaire, lật đổ Hội đồng Chấp chính.
- 12 tháng Mười hai: Napoléon được bầu làm Đệ nhất Tổng tài.

1800

- 14 tháng Sáu: Trận Marengo.
- 24 tháng Mười hai: Napoléon thoát khỏi một cuộc mưu sát.

1801

- 9 tháng Hai: Hiệp ước Lunéville ký với nước Áo.
- 16 tháng Bảy: Ký kết Bản Giáo ước.

1802

- 25 tháng Ba: Ký Hòa ước

Amiens với Anh.

- 1 tháng Năm: Napoléon xây dựng lại hệ thống giáo dục Pháp.
- 19 tháng Năm: Napoléon thành lập cơ chế Bắc đẩu Bội tinh.
- 4 tháng Tám: “Hiến pháp năm thứ X” được công bố, và Napoléon được bầu làm Tổng tài trọn đời.

1803

- 3 tháng Năm: Napoléon bán lãnh thổ Louisiana cho Hoa Kỳ.
- 16 tháng Năm: Nước Anh tuyên chiến với Pháp.

1804

- 21 tháng Ba: Ban hành Bộ Dân luật (còn gọi là Bộ luật Napoléon).
- 18 tháng Năm: Thượng viện công bố Napoléon là Hoàng đế của nước Pháp.
- 2 tháng Mười hai: Napoléon được Giáo hoàng Pius VII tấn phong Hoàng đế tại Nhà thờ Notre-Dame ở Paris.

1805

- 17 tháng Năm: Napoléon được phong làm Vua nước Ý tại Nhà thờ Milano.
- Tháng Tư đến tháng Mười hai: Anh, Napoli, Nga và Áo thành lập Đệ tam Liên minh chống lại nước Pháp.
- 21 tháng Mười: Trận thủy chiến

Trafalgar, Đô đốc Nelson của Anh tử trận, nhưng hải quân Pháp bị tan tác.

2 tháng Mười hai: Napoléon đánh bại hai hoàng đế Áo và Nga tại trận Austerlitz. Đế tam Liên minh tan rã.

1806

30 tháng Ba: Napoléon bổ nhiệm anh là Joseph Bonaparte làm vua xứ Napoli và các thành viên trong gia đình vào một số chức vị khác.

12 tháng Bảy: Lập Liên bang sông Rhein với Napoléon là “Người bảo hộ”. Đế quốc La Mã Thần thánh bị bãi bỏ.

Tháng Mười: Anh, Phổ, Nga thành lập Đế tứ Liên minh chống Pháp, nhưng bị Napoléon đánh bại ở Jena và Auerstadt.

27 tháng Mười: Napoléon tiến vào Berlin.

21 tháng Mười một: Chính sách Phong tỏa lục địa bắt đầu, cấm tàu và hàng hoá Anh vào các cảng trên lục địa.

1807

8 tháng Hai: Trận Eylau.

14 tháng Sáu: Nga bị đánh bại ở trận Friedland.

25 tháng Sáu: Hiệp ước Tilsit ký kết giữa Nga và Pháp.

22 tháng Bảy: Đại công quốc Warszawa được thành lập.

16 tháng Tám: Em của Napoléon là Jérôme trở thành Vua Westfalen.

30 tháng Mười một: Quân Pháp chiếm Bồ Đào Nha và tiến vào Lisbon ngày 1 tháng 12.

1808

20 tháng Hai: Cuộc chiếm đóng Tây Ban Nha bắt đầu dưới sự chỉ huy của Murat.

2 tháng Năm: Cuộc nổi dậy Dos de Mayo (ngày 2 tháng 5) của dân Tây Ban Nha chống lại Pháp.

7 tháng Bảy: Joseph được phong làm Vua Tây Ban Nha (Murat thay thế ông làm Vua ở Napoli).

1809

Tháng Tư đến tháng Mười: Napoléon đánh bại quân Áo ngày 5 tháng Bảy ở Wagram và tiến vào Wien.

14 tháng Mười: Hiệp ước Schönbrunn được ký kết.

15 tháng Mười hai: Napoléon ly dị Joséphine để có thể tái hôn và sinh người nối dõi.

1810

11 tháng Ba: Napoléon cưới Nữ Quốc công Maria Ludovica của nước Áo qua người được uỷ nhiệm là Thống chế Berthier ở Wien.

1 tháng Tư: Napoléon chính thức cưới Maria Ludovica

tại Paris.

1811

20 tháng Ba: Con trai của Napoléon và Maria Ludovica ra đời.

1812

Tháng Sáu: Bắt đầu Chiến dịch Nga.

10 tháng Tám: Joseph (Vua Tây Ban Nha) bỏ chạy khỏi Madrid khi quân Anh tiến gần thủ đô.

18 tháng Tám: Napoléon tiến vào Smolensk.

1 tháng Chín: Moskva di tản.

7 tháng Chín: Napoléon chiến thắng vất vả trong trận Borodino.

14 tháng Chín: Napoléon tiến vào Moskva, chỉ thấy một thành phố bị cư dân bỏ trống và đốt cháy.

19 tháng Mười: Bắt đầu cuộc Đại triệt thoái với thiệt hại nặng nề.

Tháng Mười hai: Đại quân bị đánh đuổi khỏi nước Nga.

1813

Tháng Ba đến tháng Mười một: Liên minh mới được thành lập với Anh, Áo, Phổ và Nga chống lại Pháp: Wellington chiếm Madrid (12 tháng Tám), nước Đức thuộc Napoléon sụp đổ và Pháp mất quyền kiểm soát

Hà Lan.

1814

Tháng Một đến tháng Ba: Quân Đồng minh tiến vào Pháp.

30 – 31 tháng Ba: Paris sụp đổ.

4 tháng Tư: Napoléon thoái vị, dòng họ Bourbon được phục hồi trên ngai vàng nước Pháp với Louis XVIII.

4 tháng Năm: Napoléon bị đày ra đảo Elba ngoài khơi nước Ý, nơi ông được phong làm nhà cai trị và vẫn giữ tước hiệu Hoàng đế.

29 tháng Năm: Hoàng hậu Joséphine mất tại Lâu đài Malmaison.

1815

20 tháng Hai: Napoléon trốn khỏi Elba, đổ bộ lên miền nam nước Pháp và được các đạo quân cũ ủng hộ, cùng nhau tiến về Paris.

20 tháng Ba: Napoléon vào Paris, bắt đầu giai đoạn Một Trăm Ngày.

18 tháng Sáu: Wellington và Blücher đánh bại Napoléon tại trận Waterloo.

22 tháng Sáu: Napoléon thoái vị lần thứ hai.

28 tháng Sáu: Louis XVIII được phục hồi.

15 tháng Bảy: Napoléon đầu hàng người Anh.

16 tháng Mười: Napoléon bị đày đến St. Helena, một hòn đảo căn cứ ở nam Đại Tây

Dương.

1821

5 tháng Năm: Napoléon mất và
được chôn tại St. Helena.

1832

22 tháng Bảy: Vua Roma, con
traì Napoléon, mất ở Wien
năm 21 tuổi.

1840

hài cốt Hoàng đế được mang
về Pháp và quàng tại Điện
Les Invalides ngày 15 tháng
Mười hai.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

26 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.39719073 - Fax: 024.39719071

Website: <http://nxbkhh.vass.gov.vn>

Email: nxbkhh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội

57 Sương Nguyệt Anh - Phường Bến Thành - Quận I - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38394948 - Fax: 028.38394948

WILL VÀ ARIEL DURANT

**LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI
PHẦN XI: VĂN MINH THỜI ĐẠI NAPOLÉON**

TẬP 2: TRIỀU ĐẠI NAPOLÉON

Biên dịch: **BÙI XUÂN LINH**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. LÊ HỮU THÀNH

Biên tập nội dung: **NGUYỄN THỊ THANH TRÀ**

Trình bày: **NHU DIỆU**

Bìa: **HỮU BẮC - TÚ MINH**

Đơn vị liên kết:

VIỆN GIÁO DỤC IRED

Số 4 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: www.IRED.edu.vn | Email: contact@IRED.edu.vn

Điện thoại: (028) 3930 0188

In 1000 cuốn, khổ 14 x 22 cm, tại **XÍ NGHIỆP IN FAHASA**

774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4558-2019/CXBIPH/3-250/KHXXH

Số QĐXB: 200/QĐ - NXB KHXX ngày 27/11/2019

ISBN: 978-604-956-828-2

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.